

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Việt dịch: Hòa thượng THÍCH TRÍ TÍNH

KINH
ĐẠI BẢO TÍCH

TẬP VIII

(TRỌN BỘ 9 TẬP)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL. 2548 - DL. 2004

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

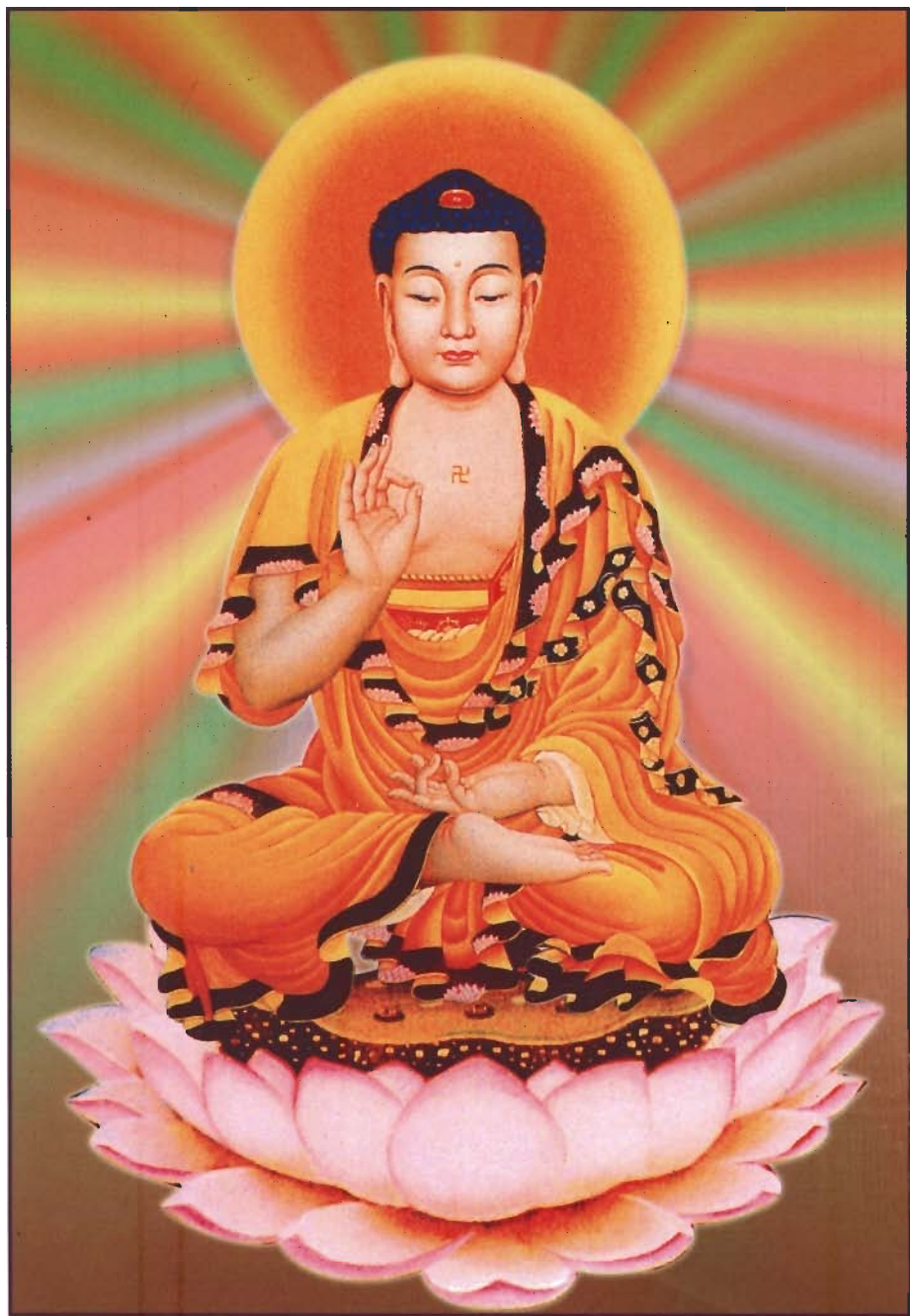


Viết dịch: Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

KINH
ĐẠI BẢO TÍCH

TẬP VIII
(TRỌN BỘ 9 TẬP)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL. 2548 - DL. 2004



NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



VẠN ĐỨC TỰ, HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH

NGHI THỨC TRÌ TỤNG

BÀI TÁN LƯ HƯƠNG

Lư hương vừa ngún chiêm đàn,
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa,
Lòng con kính ngưỡng thiết tha,
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng minh.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)

CHƠN NGÔN TỊNH PHÁP GIỚI :

Án lam. (7 lần)

CHƠN NGÔN TỊNH KHẨU NGHIỆP :

Tu rị tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị ta bà ha. (3 lần)

CHƠN NGÔN TỊNH BA NGHIỆP :

Án ta phạ, bà phạ thuật đà ta phạ, đạt mạ ta phạ
bà phạ thuật độ hám. (3 lần)

CHƠN NGÔN PHỔ CÚNG DƯỜNG :

Án nga nga năng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng.
(3 lần)

BÀI VĂN PHÁT NGUYỆN

Nam mô thập phương thường trụ Tam Bảo.

(3 lần)

Lạy đấng Tam Giới Tôn,
Quy mạng mười phương Phật,
Nay con phát nguyện lớn,
Trì tụng Đại Bảo Tích,
Trên đền bốn ơn nặng,
Dưới cứu khổ tam đồ,
Nếu có ai thấy nghe,
Đều phát Bồ Đề tâm,
Khi mãn báo thân này,
Sanh qua cõi Cực Lạc.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần)

BÀI KỆ KHAI KINH

**Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu
Nay con nghe thấy chuyên trì tụng
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.**

**Nam Mô Đại Bảo Tích Hội Thượng Phật Bồ Tát
Ma Ha Tát. (3 lần)**



LII

PHÁP HỘI BỬU NỮ

THỨ NĂM MƯƠI HAI

(Hán bộ từ quyển 130 đến quyển 131)

Hán dịch : Tam Tạng Đàm Vô Sấm.

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn vẫn ở giữa hai cõi Dục giới và Sắc giới trong Đại Bửu Phòng Đình ngồi trên tòa thất bửu sư tử cùng đại chúng vây quanh thuyết pháp.

Trong pháp hội có một đồng nữ tên là Bửu Nữ từ chỗ ngồi đứng dậy, tay mặt cầm râu bạch chơn châu mà xưng lời rằng : “Nếu tôi chơn thiệt có thể ở trong vô lượng thế giới thọ trì kinh điển Đại Tập này và đọc tụng biên chép rộng diễn nói lưu bố nghĩa kinh ấy, thì nguyện cho râu chơn châu này dính trên đánh Phạt và chu Bồ Tát”.

Xưng lời xong, Bửu Nữ liền ném râu chơn châu. Do Phật thần lực và lời thành thiệt của đồng nữ ấy, râu chơn châu liền ở tại đánh

đức Phật và cũng ở khắp trên đầu chu Bồ Tát.

Chu Bồ Tát đều riêng tự ở trong râu chơn châu trên đầu mình thấy lúc vị lai Bửu Nữ thành Phật thế giới ấy và Bồ đề thọ cùng các chúng sanh được điều phục, cả đến nguyện lực thưở trước của mình đều thấy rõ ràng.

Chu Bồ Tát thấy rồi đều có lòng cho là rất lạ kỳ đặc biệt mà bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Bửu Nữ này sao lại có vô lượng đại công đức như vậy, bao nhiêu thế nguyện của tôi trong vô lượng a tăng kỳ kiếp thưở trước, nay trong một niệm đều thấy rõ ràng cả”.

Đức Phật phán dạy : “Lành thay lành thay, này thiện nam tử ! Thiệt như lời các ông đã nói. Bửu Nữ này đã ở nơi chín vạn sáu ức na do tha chu Phật quá khứ gieo trồng căn lành phát nguyện lành lớn, sanh ra ở chỗ nào đều thường được chơn thiệt. Vì vậy mà đồng nữ này phạm khi tu niệm phát lời không hề hư luống. Nếu đồng nữ ấy muốn đầy bửu hoa trong cõi Đại Thiên thế giới này mà phát lời ra thì liền có y như vậy. Nếu đồng nữ ấy nói muốn có diệu hương đầy khắp cõi Đại Thiên thế giới

này thì liền có diệu hương đầy khắp. Nếu đồng nữ Bửu Nữ ấy muốn thị hiện các loại hình sắc, những là hình sắc Chuyển Luân Vương, hình sắc Tứ Thiên Vương, hình sắc Thiên Đế Thích, hình sắc Phạm Thiên Vương, hoặc hình sắc Sa Môn, hình sắc Bà La Môn, hình sắc Tỳ Kheo, hình sắc Tỳ Kheo Ni, hình sắc Ưu Bà Tắc, hình sắc Ưu Bà Di, thì liền được y như lời phát ra. Hoặc lúc phong tai khởi lên chuyển làm hỏa tai, lúc hỏa tai khởi chuyển lên làm thủy tai, lúc thủy tai khởi lên chuyển làm phong tai, lời đồng nữ Bửu Nữ ấy phát ra thì liền chuyển y như vậy. Nếu có Ma Vương đem các binh chúng cầm dao gậy cung tên mâu sóc qua thuấn, đồng nữ ấy muốn tất cả binh khí đều chuyển thành bửu hoa thì liền chuyển y như lời. Nếu có xứ nào không có nước uống dùng, đồng nữ Bửu Nữ ấy vì các chúng sanh mà phát nguyện lớn, thì tất cả thành ấp tụ lạc xứ ấy liền có đủ nước uống dùng cho tất cả nhơn dân y như lời được phát ra. Nếu đồng nữ Bửu Nữ ấy muốn tất cả hình sắc trong cõi Đại Thiên thế giới này đều chuyển thành hình sắc Như Lai, thì y như lời phát ra đều thành diệu sắc Phật. Nếu Bửu Nữ ấy nói muốn toàn thể đại chúng đây đều an trụ giữa hư không

thì đại chúng liền ở hư không. Nếu Bửu Nữ ấy muốn nơi đây từ hư không nghe lời nói của mười phương chư Phật thì liền được nghe y như lời phát ra.

Nầy chư thiện nam tử ! Đồng nữ Bửu Nữ ấy thành tựu vô lượng vô biên đại công đức như vậy”.

Đồng nữ Bửu Nữ liền ở trước Phật nói kệ khen :

Nay tôi thành tựu khối đại bửu
Nên hay ca ngợi đáng Vô Thượng
Xa lìa tất cả các phiền não
Đầy đủ đại bửu trợ Bồ đề
Nhu Lai đầy đủ vô thượng bửu
Sáng lớn hay chiếu vô biên cõi
Vô thượng bửu tràng Phật Thế Tôn
Nay tôi dâng bửu để cúng dường
Xa cừ mã não thanh lưu ly
Kim cương chơn châu nhật nguyệt bửu
Dâng các bửu ấy cúng dường Phật
Vì khiến chúng sanh thành Bồ đề
Ánh sáng thân Phật hơn các bửu
Chúng sanh thích thấy không mỏi nhàm

**Ở tại một phương thấy mười phương
Khiến chúng thấy Phật ở trước mình
Hoặc thấy Như Lai đi hay đứng
Hoặc thấy nằm ngồi hoặc thuyết pháp
Hoặc thấy nín lặng không nói năng
Hoặc thấy nhập định tu trí huệ
Phật mỗi lỗ lông phóng ánh sáng
Hay chiếu mười phương các thế giới
Phật quang thanh tịnh tối vô thượng
Như sen thanh tịnh và thu nguyệt.**

**Nói kệ tán thán xong, Bửu Nữ bạch rằng :
“Bạch đức Thế Tôn ! Nay tôi ở nơi kinh này
muốn hỏi ít nghĩa xin đức Thế Tôn hứa cho”.**

**Đức Phật phán bảo : “Lành thay, lành thay,
này Bửu Nữ ! Tùy ý người hỏi, nếu có lưới
nghĩ Phật sẽ trừ diệt cho”.**

**Bửu Nữ bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn !
Thế nào là thiết ngữ, thế nào là thiết, thế nào
là pháp ngữ, thế nào là pháp, thế nào là nghĩa
ngữ, thế nào là nghĩa, thế nào là tỳ ni ngữ,
thế nào là tỳ ni nghĩa ?”.**

Đức Phật phán dạy : “Lành thay, lành thay ! Chí tâm lắng nghe, Phật sẽ vì ngươi mà phân biệt giải nói.

Nầy Bửu Nữ ! Đại Bồ Tát có ba thứ thiệt, đó là chẳng phỉnh dối Phật, chẳng phỉnh dối chính mình và chẳng phỉnh dối chúng sanh.

Thế nào là chẳng phỉnh dối chư Phật, chính mình và chúng sanh ?

Nầy Bửu Nữ ! Nếu có Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề rồi mà ham Thanh Văn và Bích Chi Phật thừa thì gọi là phỉnh dối chư Phật, chính mình và chúng sanh.

Nầy Bửu Nữ ! Nếu Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề rồi, hoặc tại địa ngục chịu khổ não lớn, hoặc gặp kẻ ma nghiệp tà kiến ở chung, hoặc sanh xứ ác nhiều ác phiền não, thân bị đao guơm đâm chém chặt đốt, trong những thời gian thọ khổ đau như vậy vẫn chẳng rời lìa tâm Bồ đề chẳng thôi chẳng dứt chẳng sợ chẳng ăn năn khiến tâm Bồ đề còn thêm lớn rộng hơn, vì các chúng sanh mà chịu khổ não lớn, thấy người bị khổ, tâm Bồ đề càng thêm rộng lớn siêng năng tu tập tinh tiến, muốn được Bồ đề chẳng bị tà ngữ làm mê lầm, tất cả tà phong không làm lay động được tâm Bồ

đề. Đây gọi là Bồ Tát chẳng phỉnh dối chu Phật, chính mình và chúng sanh vậy.

Nầy Bửu Nữ ! Nếu Bồ Tát chẳng phỉnh dối chu Phật, chính mình và chúng sanh thì gọi là thiệt trong chơn thiệt.

Nầy Bửu Nữ ! Chẳng phỉnh dối chu Phật còn có bốn sự, đó là tâm ấy vững chắc, an trụ chỗ chí xú, đầy đủ thể lực và siêng tu tinh tiến.

Chẳng phỉnh dối chính mình cũng có bốn sự, đó là tâm thanh tịnh, chí tâm, chẳng phỉnh dối và chẳng vạy vò.

Chẳng phỉnh dối chúng sanh cũng có bốn sự, đó là trang nghiêm, tu tâm từ, tu tâm bi và nhiếp thủ.

Nầy Bửu Nữ ! Đây gọi là thiệt thứ nhứt của Bồ Tát.

Thiệt của Bồ Tát là lúc ban sơ phát nguyện chẳng bỏ rời chúng sanh.

Thiệt của Bồ Tát lại còn là chẳng nhiều lời, lời nói giữ gìn, lời nói chẳng thô ác, lời nói thường chơn thiệt. Hoặc lúc ở một mình hay ở trong đại chúng hay ở bên vua chúa, lời phát ra đều thành thiệt, chẳng vì tài vật

mà cố ý nói dối, chẳng vì tự tại mà cố ý vọng ngữ. Dầu có thất bửu đầy cả cõi Đại Thiên thể giới còn không vì có này mà cố ý vọng ngữ huống là vì các việc nhỏ mà cố ý vọng ngữ.

Nầy Bửu Nữ ! Thiết ấy có ba mươi hai điều thanh tịnh, đó là lời hổ, lời then, lời công đức, lời dịu dàng, lời chẳng hu luống, lời không có chê trách, lời chẳng tham trước, lời chẳng e sợ, lời đóng kín các ác đạo, lời mở rộng các thiện đạo, lời thánh hành, lời huệ hành, lời nội thanh tịnh, lời ngoại thanh tịnh, lời thích lãnh thọ, lời thích lắng nghe, lời chẳng nhám rít, lời vi diệu, lời phân biệt, lời giọng hay, lời thuần thiện, lời chẳng phỉnh gạt, lời chẳng chấp, lời hoan hỷ, lời tự khuyến dụ, lời khuyến dụ người khác, lời chẳng lỗi, lời an ổn, lời phước điền, lời nhu Phật, lời thiết vây quanh và lời miêng thanh tịnh.

Nầy Bửu Nữ ! Thiết của Bồ Tát là phạm có nói năng thì khẩu với ý tương xứng. Sao gọi là khẩu với ý tương xứng ?

Tu tập bố thí nên được Bồ đề chẳng phải do xan tham mà có thể được, đây gọi là khẩu

ý tương xứng, mà lời có thể ban cho tất cả, đây gọi là thiệt.

Tu tập tịnh giới nên được Bồ đề chẳng phải do hủy giới mà có thể được, đây gọi là khẩu với ý tương xứng, mà lời nói đúng như tịnh giới nên gọi là thiệt.

Tu tập nhẫn nhục nên được Bồ đề, chẳng phải do sân hận mà có thể được, đây gọi là ý với khẩu tương xứng, mà lời nói đầy đủ hạnh tu nhẫn nên gọi là thiệt.

Siêng tu tinh tiến thì được Bồ đề, chẳng phải do lười biếng mà có thể được, đây gọi là khẩu ý tương xứng, mà lời nói tu tinh tiến nên gọi là thiệt.

Tu tập thiên định thì được Bồ đề, chẳng phải tâm tán loạn mà có thể được, đây gọi là khẩu ý tương xứng, mà nói tu tập định tâm nên gọi là thiệt.

Tu tập trí huệ chúng được Bồ đề, chẳng phải do ngu si mà được, đây gọi là ý khẩu tương xứng, mà lời nói tu trí huệ nên gọi là thiệt.

Như sáu độ, về ba mươi bảy pháp trợ Bồ đề và bốn tâm vô lượng cũng như vậy.

Nầy Bửu Nữ ! Luận về chơn thiệt ấy, đó là thánh hành. Thánh hành ấy đó là khổ hành, vô thường hành, là biết khổ, là tập, chúng diệt và tu tập đạo đế.

Biết thân ngũ ấm không có xuất sanh, đây gọi là biết khổ đế. Nhơn của ngũ ấm đó là tham ái thì rốt ráo xa lìa, chẳng tham chẳng trước, chẳng khen chẳng cầu, chẳng khú chẳng lai, đây gọi là lìa tập đế.

Dứt diệt tất cả tướng, nhưng lúc diệt không có một pháp bị diệt, pháp bất bình đẳng thì làm pháp bình đẳng, đây gọi là chúng diệt đế.

Quán xa ma tha tỳ bà xá na tướng ấy bình đẳng, không có giác không có quán không có bình đẳng không hệ phược không lấy được, không có làm không có biến đổi, đây gọi là tu đạo đế.

Chơn thiệt biết rõ bốn đế như vậy lại còn có thể phân biệt nói rộng nghĩa tứ đế ấy, đây gọi là thiệt của đại Bồ Tát”.

Lúc đức Phật nói pháp chơn thiệt ấy trong pháp hội có mười ngàn Bồ Tát được chơn thiệt nhãn.

Đức Thế Tôn phán tiếp : “Lại nữa, nầy Bửu Nữ ! Về pháp ngũ ấy, đó là lúc diễn thuyết

thì y theo chánh pháp để nói, quán nơi pháp, niệm nơi pháp, phụng hành nơi pháp, hành pháp chí xú, cầu pháp, muốn pháp, thích pháp, tu pháp, tròng pháp, gây pháp, trang nghiêm pháp khí, pháp đăng, pháp minh, pháp niệm, pháp ý, pháp hữu, pháp sở, pháp trang nghiêm anh lạc, pháp sàng, pháp nghi, pháp hộ, pháp tài, pháp vô cùng tận, pháp quảng đại vô biên, pháp sự, pháp thân, pháp khẩu, pháp ý. Đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ những pháp như vậy, đây gọi là pháp ngữ.

Pháp ngữ ấy đó là chơn thiệt ngữ, giữ gìn pháp ngữ, dạy người cúng dường các bậc cha mẹ sư trưởng kỳ cựu có đức, tán thán Bồ đề và trợ đạo Bồ đề khiến người chẳng bỏ tâm Bồ đề. Chí tâm nhiếp niệm chẳng quên Bồ đề, chẳng rời trang nghiêm tu tập pháp Bồ đề, thường gần Hiền Thánh các bậc thiện tri thức. Tu tập tín tâm chuyên niệm nghe chánh pháp, mộ cầu chánh pháp siêng tu tinh tiến, chẳng tham trước pháp, biết ơn báo ơn, thích tịch tĩnh, chẳng để dứt Thánh chủng. Giáo hóa hạnh đầu đà, siêng thật hành thập thiện, tán thán công đức bố thí và tất cả pháp lành. Nguyện hướng đến Bồ đề, chí tâm thọ trì giới luật thanh tịnh, tu tập nhẫn nhục, trừ bỏ giải

đãi, tu tập thiên định và trí huệ, tu tập phương tiện cùng từ bi hỉ xả, tu tập tứ chơn đế xu hướng chơn đế, tu tứ vô ngại trí được đại thần thông, tùy thuận pháp thí, tu tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất Bồ đề phần và bát chánh đạo phần. Tu hai pháp định và huệ được trí giải thoát, giải nói đúng như pháp về Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa. Tán thán tất cả những phước đức. Thường quán thập nhị nhơn duyên thậm thâm, rành rẽ không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô nguyện giải thoát môn, vô sở úy, nói ngũ ấm như ảo như hóa, nói thập bát giới như tướng hư không, nói tánh các nhập đồng với tánh không. Thường nói thất thánh tài, lục niệm, lục kính, giải nói đầy đủ lục Ba la mật, nói lục thường hành, tu lục thần thông, đầy đủ ngũ nhãn, nói đệ nhứt nghĩa để lưu bố thế gian thành tựu nghiệp ngũ ngôn, tất cả chúng sanh tâm họ bình đẳng, tán thán Phật ngữ.

Nầy Bửu Nữ ! Nếu có Bồ Tát thành tựu đầy đủ pháp ngữ như vậy thì miệng trọn chẳng nói ngã ngữ, chúng sanh ngữ, thọ mạng ngữ, sĩ phu ngữ, đoạn ngữ, thường ngữ, hữu kiến ngữ, vô kiến ngữ, lương biên ngữ, trung ngữ,

tự ngữ, diệt ngữ, tịnh ngữ, thiên ngữ, bất giác tri ngữ. Thường nói lời chẳng điên đảo, lời chẳng tăng lòng nghi, lời chẳng nghịch chánh pháp, lời quán pháp giới, lời phá kiêu mạn. Bồ Tát thuyết pháp an trụ đúng pháp nói đúng chánh pháp, là thiết ngữ, pháp ngữ, bất đoạn ngữ, bất chiết ngữ. Bồ Tát thuyết pháp tất cả thế gian không ai có thể cùng tranh luận, người thấy đều e sợ. Bực pháp ngữ Bồ Tát có thể diễn thuyết không vô tướng vô nguyên, chẳng trụ trước tam giới và với các hữu chẳng còn thọ sanh theo nghiệp, bốn tánh thanh tịnh an trụ tịch tĩnh chẳng cầu xin nơi người. Đây gọi là pháp ngữ.

Nầy Bửu Nữ ! Luận về pháp ấy, pháp thì chẳng thể được, không có văn tự ngôn thuyết cũng không có từ ngữ, không sắc không thấy cũng không có chỗ hướng đến, không lời dạy cũng không người được dạy, không có tâm ý thức, không có trần cấu, không sáng không tối, chẳng hệ thuộc mình cũng chẳng hệ thuộc người, không có cao hạ, chẳng xen tạp tất cả cảnh giới nhơn duyên, thanh tịnh tịch tĩnh, không có dẫn đầu, khó biết khó hay, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tư duy, người có trí huệ thanh tịnh mới có thể biết được pháp.

Pháp ấy không có thọ không có người thọ dứt hẳn các thọ, siêu quá tam thế, bất diệt không có tướng diệt, bất sanh không có tướng sanh, không có dư đầy thiếu kém, không có tăng giảm, vô sanh vô diệt, không có sẽ có đã có, chẳng phải tu, chẳng phải thấy, chẳng phải ma thấy, chẳng phải chơn thiết thấy, chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng tướng, chẳng phải nhứt tướng mà cũng nhứt tướng, chẳng phải ốc trạch xa lìa ốc trạch, chẳng phải gần xa rời lìa, chẳng phải phục giải, chẳng phải hữu lậu vô lậu cũng chẳng phải tương tự, chẳng phải khổ lạc, chẳng phải đầy đủ chẳng đầy đủ, chẳng phải danh sắc, chẳng phải dính mắc chẳng phải thoát rời, chẳng phải phá chẳng phải hoàn, dầu chẳng phải kim cương tướng chẳng hu hoại, mà chơn thiết như kim cương, chẳng phải cận viễn, không có sắc không có nhơn cũng chẳng phải ngoan hư, chẳng phải thử bĩ nội ngoại tự tha, chẳng phải kiến văn, chẳng phải nhớ quên, chẳng phải thức chẳng phải tri, chẳng phải cảnh giới của thức, chẳng phải cảnh giới của tri. Đây gọi là pháp. Nếu hay nói rộng các pháp như vậy thì gọi là thuyết pháp.

Lại nữa, nầy Bửu Nữ ! Pháp ngữ Bồ Tát chẳng cùng với thế gian tranh cạnh, chẳng khinh chẳng mạn. Đối với người chưa học, không có lòng khinh cười chẳng sanh tâm cao ngạo, chẳng tự khen chê người, chẳng vì tài lợi ăn uống mà vì người thuyết pháp, chẳng trở ngại việc lành của người làm cho họ sanh lòng nghi hoặc, thấy người phạm tội trọn không rao nói, với pháp của kẻ khác chẳng sanh lòng khinh tiện, không trở ngại pháp được tu hành của người, phạm pháp được diễn thuyết trọn không rời lìa không vô tướng vô nguyên, chẳng phân biệt tất cả pháp giới, bất động pháp giới, bất động thiết tánh. Chẳng y chỉ nơi ngữ nơi thức nơi nhơn nơi bất liễu nghĩa. Dầu chẳng y chỉ mà cũng chẳng chê bai. Với chúng mình chúng người chẳng sanh phân biệt cũng chẳng chê bai thập nhị nhơn duyên. Chẳng phải ở thế gian mà thanh tịnh nơi thế gian, chẳng phải pháp mà thanh tịnh nơi pháp, không tham, không xan, không hủy giới, chẳng bỏ kẻ phá giới, không sân hận, không giải đãi, chẳng mất đạo tâm, không quên Bồ đề, vì muốn trang nghiêm trí huệ vô thượng mà chẳng nghĩ, chẳng thôi, chẳng thối chuyển. Nơi pháp của người không sanh lòng đố kỵ. Chẳng vì chấp

trước nơi chẳng phải mười hai bộ kinh mà
phỉ báng khế kinh v.v... mười hai bộ. Ở nơi
chánh pháp trọn chẳng thấy phi pháp. Chẳng
nhon nơi khinh mạn mà tăng trưởng khinh
mạn. Chẳng bác nhon quả và nghiệp quả báo.
Ở trong chánh pháp tâm không có thối chuyển.
Biết ơn nhớ ơn chẳng quên báo đáp. Trọn chẳng
ôm ấp lòng sân hận, chẳng chấp ngã kiến,
chẳng ganh người được lợi. Ở trong oán thân
không có hai ý tưởng. Bị người chê hại trọn
chẳng báo trả. Chẳng làm lương thiệt cho kia
đây đây loạn. Chẳng có lòng siểm khúc hiển
dị để mê hoặc người. Chẳng vì người khác mừng
mà thọ giới Bồ Tát, giới Tỳ Kheo, giới Tỳ Kheo
Ni, giới Thúc Xoa Ma Na, giới Sa Di, giới Sa
Di Ni, giới Ưu Bà Tắc, giới Ưu Bà Di. Thường
ở chỗ rảnh rang tịch tĩnh mà tư duy chánh
niệm. Tâm siêng học đọc mười hai bộ kinh.
Chẳng vì hơn người mà thủ hộ các loại giới
luật như vậy. Chẳng vì được cúng dường mà
hiện tướng tri túc. Chẳng vì để hiển bày người
khác chẳng tri túc mà tự tu tri túc. Chẳng
nói Bồ đề Vô thượng của chư Phật là việc làm
của người khác. Chẳng tạo ác nghiệp tà ác
sanh sống. Chẳng bỏ thất thánh tài. Chẳng
tham ăn uống. Chẳng để dứt mất thánh chủng.

Chẳng chê bai người, chẳng tự khen người. Ở trong Phật pháp chẳng có ý nghĩ là có số có lượng. Thường tán thán Đại thừa không có lòng nhàm đủ. Đây gọi là pháp ngữ”.

Đức Thế Tôn lại bảo đồng nữ Bửu Nữ : “Luận về Bồ Tát nghĩa ấy, thế nào gọi là nghĩa ? Đó là tín tâm lúc tu tập trang nghiêm không có hư cuống, vì muốn trang nghiêm tất cả thiện căn mà chí tâm chuyên niệm tu hành các pháp lành, phá lưới nghi của tất cả chúng sanh, chẳng cầu quả báo, ban cho chúng sanh sự an ổn khoái lạc, hộ trì cấm giới, chẳng mất tâm nhẫn nhục, siêng tu tinh tiến tăng trưởng pháp lành, tu định tịch tĩnh nhiếp các tán loạn, đủ trí vô thượng phá tối vô minh. Tu tập từ tâm bình đẳng các chúng sanh, tu tập bi tâm tùy theo chỗ làm của chúng sanh đích thân đến xây dựng, tu tập hỷ tâm ban cho chúng sanh pháp hỷ, tu tập xả tâm chẳng thấy khổ vui. Xả bỏ tài pháp rồi không hề hối tiếc, lời nói dịu dàng phá tâm ác người, làm lợi ích cho người đủ pháp thậm thâm, tu hành đồng sự để khuyên người phát tâm Đại thừa, đây là dùng bốn nhiếp pháp để điều phục chúng sanh. Thấy tất cả hành pháp đều vô thường khổ không vô ngã dứt sạch các phiền não. Y

chỉ nơi nghĩa chẳng y chỉ nơi ngữ, y chỉ nơi trí chẳng y chỉ nơi thức, y chỉ kinh liễu nghĩa xa bỏ bất liễu nghĩa, y chỉ nơi pháp chẳng y chỉ nơi người. Nói nghĩa vô ngại không có cùng tận mà ở pháp giới không có phân biệt, nói từ vô ngại chúng được giải thoát, nói lạc thuyết vô ngại đúng như pháp mà nói. Trang nghiêm bố thí chẳng biết nhàm đủ, trang nghiêm tịnh giới thành tựu nguyện lành, trang nghiêm đa văn đúng như pháp mà làm, trang nghiêm công đức đầy đủ tướng hảo, trang nghiêm trí huệ biết rõ căn tánh thượng trung hạ và các tướng sai biệt của các chúng sanh, trang nghiêm chánh định vì tâm thanh tịnh, trang nghiêm nơi trí được ba thứ huệ. Tu Tứ niệm xứ vì tâm chẳng tán loạn, tu Tứ chánh cần vì được thiện căn, tu Tứ như ý vì qua lại mười phương, tu tập Ngũ căn biện nói phân biệt các tụ cú, tu tập Ngũ lực để phá các phiền não, tu Thất giác chi vì biết các pháp, tu tập Bát chánh đạo chẳng bị ác tà lay động, tu tập thần thông vì chẳng thối thất.

Đại Bồ Tát hiểu nghĩa như vậy thì gọi là nghĩa. Nếu đại Bồ Tát hay diễn nói các nghĩa ấy, thì gọi là thuyết nghĩa.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Luận về nghĩa ấy, đó là tu tập không tam muội phá các pháp có, tu tập vô tướng tam muội phá các pháp tướng, tu tập vô nguyện tam muội chẳng cầu tam giới. Nếu có thể diễn nói ba pháp môn rộng không không có như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Tất cả hành chẳng thể tu hành được, Bồ Tát diễn nói pháp chẳng thể tu hành được nầy thì gọi là thuyết nghĩa.

Dứt tất cả sanh khởi, đây gọi là nghĩa, Bồ Tát diễn nói các pháp vô sanh nầy thì gọi là thuyết nghĩa.

Các hữu không có xuất, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Tứ chơn đế, đây gọi là nghĩa, diễn nói như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Không có ngã không có ngã sở, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Tự cú chẳng nói được, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Nghĩa chơn thiệt, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Tất cả pháp Bồ đề chẳng thể đếm kể, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Người đa văn an trụ đúng như pháp, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Tất cả các thừa, Đại thừa là hơn hết, đây gọi là nghĩa, diễn nói như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Vô phân biệt, đây gọi là nghĩa, không có chúng sanh không có thọ mạng, nhứt vị bất động, bất tận nhứt sự, bất sanh bất xuất, bất lai bất khứ, bất diệt bất nhị, chẳng thể xem thấy, không có tạo tác, vô vi vô tác, tâm chẳng siểm khúc, tam thế bình đẳng, ba phần không sai biệt, chẳng được chẳng mất, chẳng nóng chẳng lạnh, chẳng tịnh chẳng uế, chẳng đi chẳng đứng, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng phải đạo dạy đạo, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, cũng chẳng phải trung đạo, chẳng tham chẳng sân, chẳng nhìn nơi pháp và phi pháp, chẳng phải tất cả văn tự âm thanh từ ngữ, không có tâm ý thức, nơi tham sân si chẳng sanh phân biệt, tất cả các pháp tác tướng có tướng đều là không, vô tướng

và vô nguyên ba môn này tức rỗng không, chơn thiệt nhập pháp giới, đẳng cùng bất đẳng đều bình đẳng, hơn nơi trí huệ mà được giải thoát.

Nếu Bồ Tát có đủ các nghĩa như vậy thì gọi là nghĩa, diễn nói như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Lại này Bửu Nữ ! Thế nào là Bồ Tát diễn nói tỳ ni ?

Này Bửu Nữ ! Đức Phật nói tỳ ni phạm có hai thứ, đó là phạm tỳ ni và phiền não tỳ ni.

Thế nào là phạm và thế nào là tỳ ni ?

Phạm rồi liền biết mà chẳng tư duy tốt, hơn vì vô minh điên đảo hư vọng khi cưỡng phiền não chấp ngã chấp chúng sanh, tâm có lưới nghi chẳng được giải thoát, điệu cử nghi hối kiêu mạn phóng dật quả văn, hơn các phiền não kết sử như vậy đây gọi là phạm.

Nếu phá được tâm nghi được giải thoát do được giải thoát rồi thấy chỗ có phạm tức là chẳng phải chỗ cũng chẳng phải chẳng chỗ, chẳng phải thân khẩu ý, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng thể xem thấy, chẳng phải thân làm cũng chẳng phải khẩu ý làm, nếu là ba nghiệp làm tức là pháp diệt, nếu đã là pháp diệt thì ai

làm ai phạm, như phạm tất cả các pháp cũng như vậy, các pháp vô căn vô trụ vô xứ. Nếu có thể phá hoại lưới nghi như vậy thì gọi là thanh tịnh là chẳng nhiệt não, theo lời dạy của thầy mà làm thì gọi là có lòng tin gọi là định gọi là tỳ ni.

Thế nào là phiền não và thế nào là tỳ ni ?

Mười hai hữu chi là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh và lão tử gọi là phiền não, tánh của nó có thể điều phục được các phiền não thì gọi là tỳ ni. Tại sao, vì không vô tướng vô nguyện có thể điều phục các pháp, nếu pháp đã là rỗng không không có tánh tướng chẳng thể nguyện cầu thì làm thế nào mà có được tham sân si v.v... Vì vô tác hay điều phục tất cả pháp, nếu tất cả pháp đã là vô tác thì làm sao có được các phiền não. Vì tất cả pháp thì như duyên sanh, nếu đã từ như duyên sanh thì làm sao thấy được, thấy mười hai hữu chi như vậy thì cũng biết phiền não và tướng phiền não. Nếu là không trí hay quán Bồ đề thì dùng không này mà không nơi phiền não. Nếu hay quán sát bình đẳng như vậy thì gọi là tỳ ni.

Nếu hay diễn thuyết các nghĩa như vậy thì gọi là Bồ Tát hay thuyết tỳ ni.

Nếu tỳ ni này hay biết được ngã thì tức là biết rõ phiền não tỳ ni.

Thế nào là biết ngã tỳ ni ? Đó là quán vô ngã, quán ngã tánh, biết rõ ngã, sạch hết ngã, thiệt biết ngã, phân biệt ngã không, ngã tu, biết ngã bất động bất thuyết bất trước bất sanh bất diệt.

Nếu có thể biết được ngã như vậy thì tức là biết rõ phiền não tỳ ni.

Nếu thiệt không có ngã mà có ý tưởng là ngã, thì nơi không có phiền não cũng có ý tưởng phiền não. Nếu ngã bốn lai không có thì phiền não cũng vậy.

Nếu có quán trí thì có thể quán sát biết rõ như vậy, đây gọi là biết rõ ngã phiền não tỳ ni.

Về phiền não ấy, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, nếu có thể chẳng làm chẳng nhớ chẳng cầu thì gọi là biết rõ phiền não tỳ ni.

Tỳ ni ấy cũng chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, như tâm chẳng phải sắc chẳng phải nội ngoại trung gian, phiền não cũng vậy chẳng

phải sắc chẳng phải nội ngoại trung gian, tại sao, vì không có giác tri vậy, vì không có tranh cạnh vậy, vì không có thanh tịnh vậy, vì không có tạo tác vậy.

Nếu có thể biết rõ các phiền não chẳng sanh chẳng diệt như vậy thì gọi là biết rõ phiền não tỳ ni.

Nếu Bồ Tát được những biết rõ phiền não tỳ ni như vậy và cũng vì các chúng sanh mà diễn nói thì gọi là diễn thuyết tỳ ni”.

Lúc đức Phật nói pháp trên, trong pháp hội có mười ngàn Bồ Tát được vô sanh nhẫn.

Bấy giờ Bửu Nữ lòng rất vui mừng bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đức Như Lai nói pháp nghĩa chơn thiệt và tỳ ni chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Bồ Tát có thể diễn thuyết như vậy thì tức là có thể thiệt biết thiệt thấy”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi đồng nữ Bửu Nữ : “Nay đồng nữ đã có đủ các pháp như vậy mà có thể diễn thuyết chẳng ?”.

Bửu Nữ nói : “Thưa Ngài Xá Lợi Phất ! Thiệt ấy gọi là vô tham, vô tham tức là nghĩa, nghĩa như vậy tức là bất khả thuyết, bất khả thuyết ấy tức là tỳ ni.

Thưa Đại Đức ! Nếu đã như vậy thì thế nào có thể nói được !

Lại nữa, thưa Đại Đức Xá Lợi Phất ! Thiệt ấy tức là diệt, diệt ấy tức là pháp, pháp ấy tức là tịnh, tịnh ấy tức là nghĩa, nghĩa ấy tức là tỳ ni. Các pháp như vậy không có văn tự, nếu đã không có văn tự thì thế nào nói được.

Thưa Đại Đức ! Thiệt ấy tức là như, như ấy tức là pháp, pháp tức là vô nhị, vô nhị tức là nghĩa, luận về vô nhị cũng chẳng thể điều, nếu chẳng thể điều sao gọi là điều, các pháp như vậy đều vô sở hữu, nếu là vô sở hữu thì thế nào nói được”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi : “Nay đồng nữ thành tựu Bửu nào mà do đó đặt tên là Bửu Nữ ?”.

Đồng nữ Bửu Nữ đáp : “Thưa Đại Đức ! Có ba mươi hai Bồ Tát bửu tâm, trong tâm như vậy đều không có tâm Thanh Văn không có tâm Duyên Giác.

Những gì là ba mươi hai Bồ Tát bửu tâm ?

Một là phát tâm vì độ tất cả chúng sanh.

Hai là phát tâm vì khiến Phật chủng chẳng dứt

Ba là phát tâm vì thọ trì Phật pháp chẳng diệt tận

Bốn là phát tâm vì thủ hộ Tăng.

Năm là phát tâm vì ban cho các chúng sanh vui thánh pháp.

Sáu là phát tâm vì các chúng sanh mà tu tập đại từ làm cho chúng sanh rời lìa các khổ phiền não.

Bảy là phát tâm tu tập đại bi xả bỏ vật trong vật ngoài.

Tám là phát tâm hộ trì cấm giới vì điều kẻ phá giới.

Chín là phát tâm tu tập nhẫn nhục vì phá hoại chẳng nhẫn kiêu mạn ác tâm điên tâm túy tâm cuồng tâm phóng dật tự tứ tâm.

Mười là phát tâm tinh tiến vì phá những giải đãi tâm e sợ ngần ngại và để điều phục các chúng sanh giải đãi.

Mười một là phát tâm tu tập chánh định vì phá loạn tâm cuồng tâm vọng niệm khiến cho chúng sanh được tứ thiền bát giải thoát điều phục các chúng sanh cõi Dục.

Mười hai là phát tâm tu trí vì phá tất cả si tối thành tựu chơn thiết trí kiến nhập vào pháp giới.

Mười ba là phát tâm vì biết tất cả chúng sanh bình đẳng vô nhị đều đồng nhứt vị.

Mười bốn là phát tâm vì được vô tham vô sân các cảnh lợi suy hủy dự tâm không dao động an trụ pháp lành khổ vui chẳng động, vì được những sự như vậy để hộ trì chúng sanh.

Mười lăm là phát tâm vì được không bố úy muốn liễu thậm thâm thập nhị nhơn duyên xa lìa tất cả kiến chấp.

Mười sáu là phát tâm vì muốn trang nghiêm trí huệ và các công đức không có nhàm đủ.

Mười bảy là phát tâm vì muốn chẳng rời thấy Phật để thường được nghe pháp.

Mười tám là phát tâm vì muốn đúng như chỗ được nghe mà thuyết pháp.

Mười chín là phát tâm vì được khối pháp rộng lớn tâm không tham lẫn.

Hai mươi là phát tâm vì muốn tán thán tịnh giới như chỗ nghe mà an trụ để giáo hóa khuyên nhắc người phá hủy tịnh giới.

Hai mươi mốt là phát tâm vì phá bảy thứ kiêu mạn của chúng sanh.

Hai mươi hai là phát tâm vì biết căn thượng trung hạ của các chúng sanh.

Hai mươi ba là phát tâm vì phá các ma ác nghiệp.

Hai mươi bốn là phát tâm vì ban cho chúng sanh sự an lạc.

Hai mươi lăm là phát tâm vì phá bao nhiêu sự khổ của các chúng sanh lòng chẳng sanh hối tiếc.

Hai mươi sáu là phát tâm vì muốn thành tựu tất cả Phật pháp.

Hai mươi bảy là phát tâm vì biết các pháp hữu vi tất cả vô thường khổ vô ngã biết rồi không rời lòng chẳng nhàm hối.

Hai mươi tám là phát tâm vì thích tu tập tất cả pháp trợ Bồ đề.

Hai mươi chín là phát tâm vì thấy không vô tướng vô nguyện vì chúng sanh mà không thủ chúng.

Ba mươi là phát tâm dầu sợ các hữu mà cũng thủ hộ các hữu.

Ba mươi mốt là phát tâm vì dầu thấy tội lỗi sanh tử mà chẳng nhàm hối.

Ba mươi hai là phát tâm vì mặc dầu gần Bồ đề, thọ vô thượng lạc mà vì chúng sanh bỏ diệu lạc ấy để thọ khổ bần cùng.

Thưa Đại Đức ! Ba mươi hai bửu phát tâm ấy đều không có tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, vì vậy mà Bồ Tát có tên là Bửu Tự”.

Đức Thế Tôn tán thán Bửu Nữ : “Thiện tai, thiện tai ! Nay người chơn thiết nói đại Bồ Tát phát Bồ đề tâm, mà Bồ đề tâm có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nói bằng ba mươi hai sự. Tại sao, vì chẳng phải Thanh Văn bửu có thể được Phật bửu, chẳng phải Duyên Giác bửu có thể được Pháp bửu, do Bồ Tát bửu có thể được Phật bửu, được Phật bửu rồi thì được Thanh Văn bửu, được Bích Chi Phật bửu. Vì vậy mà Bồ Tát có tên là Bửu Tự”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chỗ nói của Bửu Nữ chẳng thể nghĩ bàn. Tôi xem xét lời nói ấy thì đồng nữ này tợ như được tứ vô ngại trí”.

Đức Phật phán dạy : “Này Xá Lợi Phất ! Nay ông mới cho là đồng nữ ấy chưa được tứ

vô ngại trí sao. Từ lâu đồng nữ ấy đã được đầy đủ bốn trí vô ngại.

Nầy Xá Lợi Phất ! Chỗ thuyết pháp của Bửu Nữ, tự chẳng thể tận, văn cú nghĩa vị đều chẳng thể tận”.

Tôn giả Xá Lợi Phất nói với Bửu Nữ : “Nầy nhơn giả ! Nay xin nói rộng về tứ vô ngại trí”.

Bửu Nữ nói : “Thưa Đại Đức ! Tứ vô ngại trí ở nơi tất cả pháp đều thành trí cả.

Thưa Đại Đức ! Bồ đề tâm gọi là vô ngại cú, tại sao, vì Bồ đề tâm nhiếp tất cả nghĩa, đây gọi là nghĩa vô ngại trí. Tất cả các pháp giới nhập vào Bồ đề tâm đây gọi là pháp vô ngại trí. Thiết không có văn tự mà diễn thuyết văn tự đây gọi là từ vô ngại trí. Pháp chẳng thể nói mà diễn nói không đoan tuyệt đây gọi là lạc thuyết vô ngại trí. Nghĩa chẳng thể nói đây gọi là nghĩa vô ngại. Tất cả các pháp đều là tướng như huyễn ảo gọi là pháp vô ngại. Nghiệp hành vô ngôn thuyết gọi là từ vô ngại. Với lục nhập không có chương ngại là lạc thuyết vô ngại. Liễu đạt nơi nghĩa gọi là nghĩa vô ngại. Thích nơi tịch tĩnh gọi là pháp vô ngại. Tự chẳng hiệp với pháp và pháp chẳng hiệp với nghĩa là từ vô ngại. Thuyết tức là

thanh gọi là lạc thuyết vô ngại. Như Lai chánh giác tức là nghĩa Bồ đề gọi là nghĩa vô ngại. Nghĩa Bồ đề ấy hay sanh các pháp là pháp vô ngại. Pháp có thể làm câu là từ vô ngại. Thuyết rồi được nghĩa gọi là lạc thuyết vô ngại. Pháp nghĩa ấy gọi là nghĩa vô ngại. Giải thoát ấy gọi là pháp vô ngại. Diễn thuyết pháp tướng chẳng phải có pháp tánh gọi là từ vô ngại. Phân biệt pháp giới và chẳng phải pháp giới gọi là lạc thuyết vô ngại. Tăng tức là vô vi gọi là nghĩa vô ngại. Chu Tăng nhứt vị gọi là pháp vô ngại. Vì hòa hiệp Tăng gọi là từ vô ngại. Thuyết công đức của chu Tăng gọi là lạc thuyết vô ngại.

Thưa Đại Đức ! Bốn vô ngại ấy khắp cả tất cả pháp”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Đồng nữ nầy từ khi phát tâm đến nay được bao lâu rồi ? Ở bên đức Phật nào mà gieo trồng thiện căn ?”.

Đức Phật phán dạy : “Nầy Xá Lợi Phất ! Về thuở quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp có Phật xuất thế hiệu là Phân Biệt Kiến Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, thế giới ấy tên là Đại Tịnh như cung Trời Đâu Suất

Đà, cùng với chúng Bồ Tát Tăng bảy vạn sáu ngàn tất cả đều thanh tịnh phạm hạnh được môn đà la ni bất thối chuyển. Lúc ấy có Chuyển Luân Thánh Vương tên là Tịnh Đức Bảo cai trị tại một ngàn thế giới, hậu cung có tám vạn bốn ngàn thể nữ, có đủ một ngàn vương tử, sức lực đồng với lực sĩ Liên Hoa. Lúc ấy trong ba vạn sáu ngàn năm, Thánh Vương cúng dường Phật và Bồ Tát Tăng các thứ phòng xá, ngọc cù, y phục, uống ăn, thuốc men”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chẳng rõ đức Phật Phân Biệt Kiến ấy thọ mạng bao nhiêu tuổi ?”.

Đức Phật phán dạy : “Này Xá Lợi Phất ! Đức Phật Phân Biệt Kiến ấy thọ đủ mười trung kiếp.

Lúc ấy Chuyển Luân Thánh Vương cùng với hậu cung quyến thuộc thể nữ và nhơn dân chín vạn hai ngàn ức na do tha người mang theo vô lượng vô biên các thứ cúng dường đến chỗ đức Phật Phân Biệt Kiến đem tám ngàn ức trân bửu thượng diệu rải lên đức Phật, đầu mặt lay chun đức Phật rồi quỳ dài chấp tay cung kính bạch rằng :

Bạch đức Thế Tôn ! Nay chỗ chúng tôi sắp đặt các thứ cúng dường như vậy, chẳng biết còn có sự cúng dường nào hơn đây chăng ?

Đức Phật Phân Biệt Kiến nói : Này Đại Vương Tịnh Đức Báo ! Còn có sự cúng dường khác công đức hơn sự cúng dường này trăm ngàn vạn lần.

Thánh Vương bạch đức Phật Phân Biệt Kiến : Bạch đức Thế Tôn ! Đó là sự cúng dường gì, xin đức Thế Tôn nói cho, chúng tôi rất muốn được nghe.

Đức Phật Phân Biệt Kiến Như Lai nói kệ rằng :

Như hằng hà sa số thế giới
Trong ấy đầy báu đem cúng thí
Dầu được vô lượng phước như vậy
Chẳng bằng vì thương mà phát tâm
Chư Phật số như hằng hà sa
Dâng diệu hoa hương để cúng dường
Phước đức này so còn chẳng bằng
Phát tâm Bồ đề bảy bất thối
Phát Bồ đề tâm tức cúng dường
Giới nhẫn tịnh tiến thiên trí huệ
Nếu vì lòng thương mà phát tâm

**Phước ấy vô lượng chẳng cùng tận
Sắc đẹp lực tài dòng họ lớn
Người này mới phát được Bồ đề
Chúa ngàn thế giới đến Phạm Thiên
Được đại tự tại mới phát được
Nếu thích mừng phát Bồ đề tâm
Nhu vậy mới dứt được ác đạo
Hay vì nhơn thiên mở chánh đạo
Hay bít ác đạo và bát nạn
Các căn đầy đủ chẳng mù điếc
Đều do chí tâm phát Bồ đề
Hay thấy mười phương các Thế Tôn
Hay phát trên trời vị cam lộ
Nếu chí tâm phát đại Bồ đề
Người này phá được nghi kiêu mạn
Vô lượng trí huệ được tự tại
Hay vì chúng sanh thuyết pháp giới
Chúng sanh thấy đó như cha mẹ
Tưởng như thầy bạn và lương y
Hay trị lành bệnh các phiền não
Dạy bảo khiến đến Bồ đề đạo.**

**Thánh Vương Tịnh Đức Bảo nghe đức Phật
Phân Biệt Kiến nói phát Bồ đề tâm được công**

đức như vậy, lòng Vương rất vui mừng hớn
hở vô lượng, cùng các quyến thuộc thể nữ và
nhon dân đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng
Chánh giác, liền ở trước đức Phật mà nói kệ
rằng :

Nay tôi thương xót các chúng sanh
Nên phát Bồ đề tâm như vậy
Nếu muốn có được đại tự tại
Chẳng nên thối chuyển Bồ đề tâm
Sanh tử vô lượng sanh khổ não
Mà không lợi ích cho tự tha
Thà phát tâm này mà chịu khổ
Chẳng vì an vui mà chẳng phát
Nếu có ai phát tâm Bồ đề
Liền được phước trời người Thánh
vương

Cũng được vui tịch tĩnh vô lậu
Và được vui Vô thượng Bồ đề
Huệ nhãn tam muội tối vô thượng
Đủ tứ vô lượng và lục độ
Ba thứ tịnh huệ sáu thần thông
Bốn vô ngại trí đại tự tại
Vô thượng thập lực bốn vô úy

Và tam niệm xứ đại từ bi
Thành tựu thập bát bất cộng pháp
Tất cả đều do phát Bồ đề
Hay chấn động mười phương thế giới
Cũng biết tâm chúng sanh mười phương
Hay độ vô lượng các chúng sanh
Đều do phát tâm Bồ đề này.

Lúc nói kệ trên đây, có bốn vạn trời người và vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Thánh Vương Tịnh Đức Bảo còn trong vạn ức năm cúng dường đức Phật Phân Biệt Kiến. Sau thời gian cúng dường đức Phật ấy rồi, Thánh Vương nhàm thế tục mà xuất gia. Đã xuất gia rồi tư duy bốn câu đó là thiệt cú, pháp cú, nghĩa cú và điều cú. Trong một ức năm thường tư duy nghĩa của bốn câu ấy.

Nầy Xá Lợi Phất ! Ông có biết Thánh Vương Tịnh Đức Bảo thuở ấy là ai chẳng, chính là thân đồng nữ Bửu Nữ nầy vậy”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Do nghiệp duyên gì mà thọ thân đồng nữ nầy ?”.

Đức Phật phán dạy : “Nầy Xá Lợi Phất ! Tất cả chư Bồ Tát chẳng do nơi nữ nghiệp mà

thọ thân nữ, chỉ là dùng sức thần thông mà thị hiện thân người nữ thôi, đó là vì điều phục các chúng sanh vậy.

Nầy Xá Lợi Phất ! Nay ông cho rằng Bồ Tát Bửu Nữ thiệt là thân nữ ư ? Chớ có quan niệm như vậy. Tại sao, vì thọ thân nữ ấy là do sức trí huệ và sức thần thông.

Nầy Xá Lợi Phất ! Bửu Nữ ấy từ lâu trong vô lượng kiếp đã lìa thân nam thân nữ. Thân ấy chẳng phải quá khứ cũng chẳng phải vị lai hiện tại. Thân ấy tức là phương tiện thân. Thân phương tiện ấy giáo hóa chín vạn hai ngàn người nữ ở thế giới này phát tâm Vô thượng Bồ đề, vì vậy mà thị hiện thân phương tiện ấy”.

Bửu Nữ nói với Tôn giả Xá Lợi Phất : “Nay Đại Đức có thể dùng thân nữ nhỏ để thuyết chánh pháp chăng ?”.

Tôn giả Xá Lợi Phất nói : “Tôi ở nơi nam thân còn sanh lòng nhàm lìa hối hận hướng là thân nữ”.

Bửu Nữ nói : “Đại Đức Xá Lợi Phất ! Nay Đại Đức ở nơi nam thân sanh lòng nhàm hối ư ?”.

Tôn giả Xá Lợi Phất nói : “Đúng như vậy đúng như vậy ! ”.

Bửu Nữ nói : “Thưa Đại Đức Xá Lợi Phất ! Vì có ấy nên chư Bồ Tát hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Tại sao, vì chỗ mà hàng Thanh Văn các Ngài nhàm hối ấy chính là chỗ ưa thích của chư Bồ Tát chẳng có nhàm hối. Hàng Thanh Văn chẳng cầu các cõi mà nơi ấy chư Bồ Tát thọ lạc. Hàng Thanh Văn ở nơi các công đức sanh lòng tri túc còn người Bồ Tát thì không có nhàm đủ. Hàng Thanh Văn nhàm lìa phiền não còn người Bồ Tát thì ở trong phiền não mà không e sợ”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Bửu Nữ : “Do sức lực gì mà hàng Bồ Tát lòng không nhàm lìa e sợ ?”.

Bửu Nữ đáp : “Thưa Đại Đức ! Đại Bồ Tát có tám sức lực, do đây nên ở trong đó không có nhàm lìa e sợ.

Một là từ lực, vì tâm vô ngại vậy.

Hai là bi lực, vì điều phục vậy.

Ba là thiết lực, vì chẳng dối chư Phật chính mình và các chúng sanh vậy.

Bốn là huệ lực, vì lìa phiền não vậy.

Năm là phương tiện lực, vì tâm chẳng hối vậy.

Sáu là công đức lực, vì vô sở úy vậy.

Bảy là trí lực, vì phá vô minh vậy.

Tám là tinh tiến lực, vì phá phóng dật vậy.

Thưa Đại Đức ! Đại Bồ Tát có đủ tám lực này nên tâm Bồ Tát chẳng nhàm sợ”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi : “Nầy đồng nữ ! Nay nhơn giả có đủ tám lực này chăng ?”.

Bửu Nữ đáp : “Thưa Đại Đức ! Nói là có đủ ấy tức là điên đảo. Điên đảo ấy tức là hai tướng. Hai tướng ấy tức là hữu vi. Hữu vi ấy tức là vô sở hữu. Vô sở hữu ấy tức là bình đẳng.

Thưa Đại Đức ! Nếu là bình đẳng thì thế nào là hữu lực vô lực, thế nào có thể nói số nhứt nhị.

Thưa Đại Đức ! Tất cả pháp đều như hư không. Hư không ấy chẳng thể nói là nội là ngoại là trung gian, chẳng thể nói là sáng là tối. Như hư không tất cả pháp cũng đều như vậy. Nếu tất cả pháp đồng như hư không thì thế nào có thể nói là có lực vô lực là số nhứt nhị.

Thưa Đại Đức ! Đại Bồ Tát cũng có lực cũng không lực. Thế nào là có lực và thế nào là không có lực ?

Thưa Đại Đức ! Đại Bồ Tát không phiền não lực mà có trí huệ lực, không xan lẫn lực mà có huệ thí lực, không phá giới lực mà có trì giới lực, không sân hận lực mà có nhẫn nhục lực, không giải đãi lực mà có tinh tiến lực, không loạn ý lực mà có thiền định lực, không vô minh lực mà có trí huệ lực. Vì vậy mà Bồ Tát lìa ác pháp tu tập thiện pháp, do đây Bồ Tát không ác pháp lực mà có thiện pháp lực”.

Đức Thế Tôn khen rằng : “Lành thay, lành thay ! Nếu có thiện nam thiện nữ nói được như vậy tức là thiệt thuyết”.

Lúc đồng nữ Bửu Nữ nói pháp ấy, trong pháp hội có năm trăm Bồ Tát thành tựu vô sanh nhẫn.

Bửu Nữ lại bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Như trong kệ kinh nói, đức Như Lai có thập thân lực, là tức thập lực là Thế Tôn hay ly thập lực mà có Thế Tôn ?

Nếu tức thập lực là Thế Tôn, thì có số lượng là nhị pháp, nếu là nhị pháp tức là vô thường.

Còn nếu ly thập lục mà có Thế Tôn thì sao đức Phật nói tất cả các pháp bình đẳng.

Bạch đức Thế Tôn ! Nếu trong một lục mà có đủ thập lục thì sao đức Phật chẳng nói bá lục. Nếu chẳng nói bá thì nên biết rằng một lục chẳng phải thập chẳng phải bá”.

Đức Thế Tôn khen rằng : “Lành thay, lành thay ! Như Lai Thế Tôn chẳng phải nhứt chẳng phải nhị. Nếu chẳng phải nhứt nhị thì sao lại nói thập nói bá.

Đại Bồ Tát xa lìa nhứt nhị chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như Lai Thế Tôn chẳng phải tức thập lục chẳng phải ly thập lục, có thể nói được mười sự ấy nên gọi đức Như Lai có đủ thập lục. Như Lai nói thập lục ấy, mà trong một lục có đủ vô lượng lục. Vì lưu bố thế gian mà nói thập lục”.

Bửu Nữ bạch rằng : “Lành thay đức Thế Tôn ! Xin nói rộng thập lục ấy”.

Đức Phật phán dạy : “Này Bửu Nữ ! Nên chí tâm lắng nghe kỹ, Phật sẽ phân biệt giải thuyết.

Nầy Bửu Nữ ! Lúc Bồ Tát tu hành đạo Bồ đề mà còn cầu Thanh Văn thừa còn tạo ác nghiệp thì không bao giờ có. Do tâm vững chắc ấy lúc được Bồ đề thành tựu lực ban đầu. Thành tựu lực ấy rồi đức Như Lai ở trong đại chúng làm sư tử hống chuyển chánh pháp luân mà tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn đều chẳng thể chuyển được.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc Bồ Tát tu hành đạo Bồ đề biết rõ các nghiệp tức là một nghiệp, do sức nầy nên biết rõ tất cả các nghiệp quá khứ vị lai và hiện tại nghiệp nhơn duyên xú cùng nghiệp nhơn duyên phi xú. Đây là lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu nghiệp thứ hai.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát biết rõ căn của các chúng sanh rồi vì họ mà thuyết pháp, do đó là được Bồ đề thành tựu lực thứ ba.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát quán rõ chúng sanh giới rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp, do đó lúc được Bồ đề thành tựu lực thứ tư.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát quán chúng sanh căn thượng trung hạ, quán rồi liền hiểu mà vì họ thuyết

pháp. Do hiểu biết ấy mà lúc được Bồ đề thành tựu lực thứ năm.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát quán chí xứ đạo, những là hữu vi đạo, vô vi đạo, Thanh Văn đạo, Duyên Giác đạo, Bồ Tát đạo. Do quán đạo chí xứ nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu lực thứ sáu.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát cung kính tôn trọng tu tập các thiện định vì điều phục chúng sanh mà thuyết pháp yếu. Do tu tập thiện định như vậy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu lực thứ bảy.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát đối với các thiện căn quá khứ vị lai và hiện tại chẳng hề phỉ báng nên thành tựu niệm tâm chẳng phóng dật, vì chẳng phóng dật, nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu lực thứ tám.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc Bồ Tát tu hành đạo Bồ đề thấy người chưa học chẳng sanh lòng khinh khi, còn với chỗ mình đã học chẳng có lòng kiêu mạn, có thể ban cho chúng sanh trí huệ quang minh. Do ban cho quang minh, nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu lực thứ chín.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát dạy chúng sanh xa lìa các pháp hữu lậu chẳng cho nó tăng trưởng, dạy chúng sanh tán thán giải thoát tu tập đạo vô lậu, và Bồ Tát cũng vì chúng sanh mà nói đạo vô lậu. Do tu tập đạo vô lậu như vậy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu lực thứ mười.

Nầy Bửu Nữ ! Bồ Tát tu tập mười lực như vậy do đó có thể, lúc thành Bồ đề đủ có Như Lai thập lực vậy”.

Bửu Nữ lại bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát tu hành những pháp gì mà được tứ vô sở úy và mười tám pháp bất cộng ?”.

Đức Phật phán dạy : “Nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát ở nơi diệu pháp đã được chẳng hề tham lẫn, chẳng nghĩ rằng nếu ta dạy người có thể người sẽ hơn ta. Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh tâm thường bình đẳng, Bồ Tát có thể xả bỏ của trong của ngoài mà thí cho tất cả. Bồ Tát quán sát pháp giới không có các loại tướng dạng. Do nhơn duyên ấy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu vô sở úy thứ nhất.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, với tất cả pháp chương ngại đạo Bồ

Tát đều biết rõ, vì đã biết rõ nên chẳng làm chẳng theo những pháp chương đạo ấy, và cũng chẳng ca ngợi cùng đem dạy người. Bồ Tát biết rõ là pháp chương đạo rồi liền xa lìa nó. Do nhơn duyên như vậy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu vô sở úy thứ hai.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát thường tu đạo thanh tịnh thường nói pháp thanh tịnh, tu trị trang nghiêm vì được pháp thanh tịnh vậy. Trang nghiêm như vậy cũng tự tu trị mà cũng đem dạy bảo chúng sanh. Do nhơn duyên ấy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu vô sở úy thứ ba.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát trọn chẳng có lòng kiêu mạn, trọn chẳng nói là ta biết ta thấy, che giấu các công đức mà hiển bày các tội lỗi. Do nhơn duyên này nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu vô sở úy thứ tư.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, đối với chúng sanh thất đạo Bồ Tát chỉ dạy họ chánh đạo. Bồ Tát trừ bỏ những gai độc những ngói đá trên các đường sá. Đường nước hiểm tuyệt, Bồ Tát làm cầu đò ban thí. Chỗ tối tăm, Bồ Tát sắp đặt đèn sáng. Thấy

người phạm tội Bồ Tát có thể khiến họ điều phục, có thể trừ các nghi hối của chúng sanh. Với người chẳng phải tội phạm, chẳng cưỡng ép phải nói phạm tội. Bồ Tát trừ lòng nghi chánh pháp của chúng sanh, ban cho họ ánh sáng chánh pháp, khuyên thỉnh thuyết pháp. Thấy người thuyết pháp, Bồ Tát liền khen thiện tai và cung kính tôn trọng không có lòng khinh khi mà còn muốn được hiểu biết. Với tất cả chúng sanh mà lời nói thanh âm chẳng tốt, Bồ Tát không có lòng khi dễ. Do nhơn duyên như vậy, nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu pháp bất cộng thứ nhứt.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát thường thiết ngữ, pháp ngữ, nghĩa ngữ, thời ngữ, điều phục ngữ, thường nói lời chẳng sai, lời xa lìa các ác, lời thánh nhơn. Nếu được nghe chánh pháp rồi Bồ Tát chuyển nói lại người khác vì để lợi mình mà cũng lợi cho người. Lúc nói chẳng hề khinh khi chẳng sanh sự cãi cọ. Tự mình tin Phật Pháp Tăng cũng khiến chúng sanh tin Phật Pháp Tăng. Bồ Tát quán các pháp giới chẳng thể tuyên nói. Do nhơn duyên như vậy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề, biết rõ tất cả ngữ ngôn, được vô lượng môn tổng trì phương tiện. Vì

vậy mà nơi thân có đủ tất cả tướng hảo, tất cả lỗ lông trên thân đều phát xuất âm thanh vi diệu Như Lai. Đây gọi là pháp bất cộng thứ hai.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát thường tu lục niệm và cũng dạy cho chúng sanh tu lục niệm. Do nhơn duyên này mà lúc Bồ Tát được Bồ đề chẳng thất niệm tâm mà cũng được pháp chúng tổng trì phương tiện. Giả sử có vô lượng chúng sanh trong vô lượng kiếp tu duy thâm nghĩa đồng thời đến hỏi Phật, đức Như Lai chẳng cần sức tu duy mà có thể trong một thời gian đều theo chỗ hỏi mà đáp tất cả. Đây gọi là pháp bất cộng thứ ba.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát thường thủ hộ tâm chúng sanh, chẳng làm nhơn loạn tâm, nhơn các khổ não cho chúng sanh, lúc thấy các chúng sanh làm những thiện pháp thì chẳng trở ngại chẳng làm rối loạn, biết rõ các pháp đều như tướng huyễn ảo, nơi các chúng sanh tâm Bồ Tát luôn bình đẳng, biết các pháp giới đồng nhứt vị. Do nhơn duyên như vậy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề tâm thường định được vô biên văn tổng

trì phương tiện, được tổng trì này rồi thì tâm thường tại định mà làm Phật sự. Đây gọi là pháp bất cộng thứ tu.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát tưởng chẳng điên đảo, tâm chẳng điên đảo, vì chẳng điên đảo nên ở trong vô ngã chẳng có tướng là ngã, cũng chẳng có tướng là nhơn, là chúng sanh, là thọ mạng, là sĩ phu, là nam, là nữ, là kiêu mạn, là phiền não, là thường, là đoạn, là hữu, là vô, là thiện, là ác, là cấu, là tịnh, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là sanh tử, là Niết bàn. Vì có điên đảo tưởng nên tất cả chúng sanh có những tướng như vậy. Nếu không có điên đảo thì không có những tướng ấy mà hành nơi trung đạo. Do nhơn duyên như vậy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu nhứt tướng không có nhị tướng. Vì tu chánh định như vậy nên được vô tận khí tổng trì phương tiện, do sức tổng trì ấy mà tâm thường tu tập vô tướng tam muội, thương mến chúng sanh tu tập đại bi thuyết pháp chẳng thôi nghỉ. Đây là pháp bất cộng thứ năm.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát tu tập xả tâm, bỏ những khổ

lạc chẳng khổ chẳng lạc, chẳng mừng chẳng sầu, chẳng ái chẳng sân, vì vậy mà với các cảnh lợi suy hủy dự tâm không có hai, thường quán vô thường khổ vô ngã v.v... cũng giáo hóa chúng sanh tu tập pháp xả ấy. Do nhơn duyên nầy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề gọi là đại xả. Được đại xả nầy rồi liền được đại hải ấn tổng trì phương tiện. Do sức tổng trì nầy nên dầu được các hàng Thiên, Nhơn, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Càn Thát Bà, Ma Hầu La Già, Thích Thiên, Phạm Thiên cung kính cúng dường chẳng lấy đó làm mừng, dầu có hàng tà kiến ác nhơn khinh mạn mắng nhục chẳng lấy đó làm buồn, tâm thường bình đẳng như địa thủy hỏa phong chẳng thượng chẳng hạ chẳng động chẳng trược tu đại từ bi. Đây là pháp bất cộng thứ sáu.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát chí tâm cầu pháp Bồ đề thậm thâm các thứ thiện căn vô thượng mà chẳng cầu Thanh Văn thừa, tu tập đại bi, các tâm như vậy không hề thoái chuyển. Do nhơn duyên như vậy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành Như Lai dục bất tăng bất giảm chúng được kim cương tràng tổng trì phương tiện được tự tại tri. Thế nào nói là tri ? Đó là biết nói

sự gì, biết lúc nào nói, biết chỗ nào nói, biết vì hàng chúng sanh nào mà nói. Đây là pháp bất cộng thứ bảy.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát thường siêng tu tinh tiến, với các pháp lành tâm chẳng biết chán đủ, cung kính cúng dường các bậc Hòa Thượng thiện hữu tri thức và cũng thường gần kề thích được nghe chánh pháp rồi theo chỗ được nghe mà thọ trì. Bồ Tát tinh tiến như vậy vì điều phục chúng sanh, vì muốn cúng dường vô lượng chư Phật, vì muốn vô lượng vô biên chúng sanh được vô thượng đạo, cũng làm cho họ được tinh tiến như vậy nhập vào pháp môn. Do nhơn duyên như vậy mà được văn Phật pháp tổng trì phương tiện. Vì vậy mà lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu Như Lai tinh tiến không giảm, do vì tinh tiến mà đầy đủ thân thông. Đây là pháp bất cộng thứ tám.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát có đủ niệm tâm tu tập tứ niệm xứ quán nội thân ngoại thân là vô thường khổ vô ngã, với thọ với tâm và với pháp cũng tu tập quán niệm như vậy. Bồ Tát tu tập không tam muội, vô tướng tam muội, vô nguyện tam

muội, vì Như Lai thân mà quán thân niệm xứ chẳng chúng giải thoát. Do nhơn duyên như vậy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu Như Lai niệm tâm không giảm, được tri tâm thông biết rõ nơi các chúng sanh những căn, những giới, những giải, những nghiệp, những phiền não, những hành, những tập khí, những tâm xứ, những thiện căn, những ác căn, những quả báo sanh diệt các hữu các cõi, cũng biết rõ chư Phật thế giới, đại chúng các thừa, các hạnh Bồ Tát được thọ ký, cũng biết rõ cha mẹ, thân tộc, Sư trưởng, Hòa thượng, tất cả như vậy đều biết rõ cả mà chẳng mất niệm tâm. Đây là pháp bất cộng thứ chín.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát thường tu trí huệ, những là lợi huệ, tột huệ, vô biên huệ, thậm thâm huệ, giải huệ, tịnh huệ, bất động huệ, vô ngại huệ, vô thắng huệ, huệ biết rõ Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, huệ vô thượng, huệ bất tri túc. Bồ Tát tu tập đầy đủ những huệ như vậy cầu huệ cầu pháp thọ trì pháp diễn thuyết pháp ưa thích chánh pháp. Vì thích chánh pháp nên với các vật trong thân ngoài thân Bồ Tát không hề tham trước, đối với Sư trưởng, Hòa thượng Bồ Tát hay chịu được các sự khổ nhọc, đem

các vật cần dùng dâng hiến, vì nghĩa một chữ một câu mà có thể đem trân bửu mười phương thế giới để dâng cúng Pháp sư. Vì nhơn duyên cầu một bài kệ, Bồ Tát có thể xả thân mạng. Dầu trong vô lượng hàng hà sa kiếp tu hành bố thí chẳng bằng một lần nghe pháp Bồ đề lòng rất vui mừng. Bồ Tát ở nơi chánh pháp thích nghe thích nói. Bồ Tát này thường được chư Phật chư Thiên hộ niệm. Do sức hộ niệm nên trong thế gian có bao nhiêu kinh điển sách luận đều có thể thông đạt cả. Do nhơn duyên như vậy nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu Như Lai trí huệ vô tăng vô giảm. Các trí ấy gọi là vô ngại trí. Trí này biết rõ tất cả chúng sanh tâm, biết rõ những thiện bất thiện và vô ký, biết rõ hữu lậu vô lậu thế gian xuất thế gian, biết rõ pháp cấu uế pháp thanh tịnh sanh tử Niết bàn, biết rõ tất cả pháp môn, tất cả Bồ đề sự, tất cả Bồ đề đạo, biết rõ tất cả thế giới, tất cả kiếp, tất cả vi trần, tất cả những sự quá khứ vị lai hiện tại như vậy, đều biết rõ thông đạt vô ngại thuyết pháp vô tận. Do nhơn duyên như vậy nên đức Như Lai có thể trong một pháp diễn nói vô lượng pháp. Đây là pháp bất cộng thứ mười.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát chẳng thích ở nhà cầu thọ ngũ dục mà thường thích ở nơi rảnh rang vắng lặng tu pháp xuất gia, thích tu nghĩa thậm thâm và ba môn giải thoát. Do sức tu ấy mà được pháp môn vô ngại, vô ngại trí quá cảnh giới ma trang nghiêm đầy đủ xa lìa phiền não và các ác kiến, diễn nói nghĩa thậm thâm phá lòng nghi của chúng sanh, trừ bỏ tất cả ác giác quán phá Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Vì các chúng sanh tham trước mà diễn thuyết chánh pháp cho họ lìa tham, vì chúng sanh nhiều sân hận mà diễn thuyết từ tâm cho họ lìa sân hận, vì kẻ ngu si diễn nói thập nhị nhân duyên cho họ lìa vô minh. Vì kẻ xan tham mà nói Bố thí Ba la mật, vì kẻ phá giới mà nói Giới Ba la mật, vì kẻ giận thù mà nói Nhẫn Ba la mật, vì kẻ giải đãi mà nói Tinh tiến Ba la mật, vì kẻ loạn tâm mà nói Thiên Ba la mật, vì kẻ vô trí mà nói Bát Nhã Ba la mật, vì phạm phu mà nói Tứ chon đế, vì người điên đảo kiến mà nói vô thường, vô tịnh, vô lạc, vô ngã, vì người bị kiết phược mà nói ba mươi bảy pháp trợ Bồ đề. Bồ Tát có đủ những pháp như vậy, do nhơn duyên ấy mà lúc được Bồ đề thành tựu Như Lai giải thoát vô tăng

vô giảm. Giải thoát như vậy không gì lay động được, rốt ráo thanh tịnh rốt ráo giải thoát, có thể biết rõ thấy rõ Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, và Vô thượng Phật thừa, cũng được thanh tịnh tổng trì phương tiện. Do sức tổng trì này mà có thể diễn nói giải thoát được đại tự tại. Đây là pháp bất cộng thứ mười một.

Còn nữa, này Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát cung kính trí huệ được thể lực trí huệ được quang minh trí, được trí biết rõ quyền thuộc, biết rõ tâm vô tham, tâm vô sân, tâm vô si, tâm vô ái, tâm vô cấu, tâm vô tranh, tâm vô thực, tâm vô thượng, tâm vô ngại, tâm vô ký, tâm thiện, tâm bất thiện, tâm ác, tâm tịnh, tâm bất tịnh, cũng được trí biết rõ tâm đại tâm tiểu, tâm hẹp tâm rộng, tâm biết khắp tâm chẳng biết khắp, tâm tham tâm xả, tâm trì giới tâm phá giới, tâm nhẫn, tâm chẳng nhẫn, tâm giải đãi tâm tinh tiến, tâm định tâm loạn, tâm si tâm huệ, tâm phàm tâm thánh, tâm chánh định tự, tâm tà định tự, tâm bất định tự, tâm Thanh Văn, tâm Duyên Giác, tâm Bồ Tát, tâm khổ đế, tâm tập đế, tâm diệt đế, tâm đạo đế. Dầu biết rõ như vậy mà không thủ chứng, vì điều phục chúng sanh mà thường thuyết pháp, đó là tứ đế, thập nhị nhơn duyên

xa lìa đoạn kiến ngã kiến, nói nhơn duyên quả từ duyên mà sanh chẳng phải do nơi ngã chúng sanh thọ mạng sĩ phu. Biết rõ vô minh làm nhơn duyên cho hành, hành làm nhơn duyên cho thức, thức làm nhơn duyên cho danh sắc, danh sắc làm nhơn duyên cho lục nhập, lục nhập làm nhơn duyên cho xúc, xúc làm nhơn duyên cho thọ, thọ làm nhơn duyên cho ái, ái làm nhơn duyên cho thủ, thủ làm nhơn duyên cho hữu, hữu làm nhơn duyên cho sanh, sanh làm nhơn duyên cho lão tử ưu bi khổ não. Vì vô minh diệt nên hành diệt, vì hành diệt nên thức diệt, vì thức diệt nên danh sắc diệt, vì danh sắc diệt nên lục nhập diệt, vì lục nhập diệt nên xúc diệt, vì xúc diệt nên thọ diệt, vì thọ diệt nên ái diệt, vì ái diệt nên thủ diệt, vì thủ diệt nên hữu diệt, vì hữu diệt nên sanh diệt, vì sanh diệt nên khối lão tử ưu bi khổ não diệt. Quán biết rõ như vậy rồi lại suy nghĩ rằng các pháp như vậy thiệt chẳng phải ngã làm ra cũng chẳng phải chúng sanh thọ mạng hay sĩ phu làm ra, nó chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Nếu đã không có ai làm ra thì pháp ấy gọi là rỗng không. Nếu nó đã rỗng không thì tức là không có ngã chúng sanh thọ mạng sĩ phu, không có thường không

có đoạn, nếu là không có thường và đoạn thì tức là không có sanh không có diệt, nếu là không có sanh diệt thì không bị nhiếp thuộc tam thế, nếu chẳng nhiếp thuộc tam thế thì gọi là không có, nếu là không có thì chẳng thể tính đếm, nếu không có tính đếm thì tức là đệ nhứt nghĩa, đệ nhứt nghĩa ấy tức là Như Lai ngữ, Như Lai ngữ ấy thì không có đấu tranh, không đấu tranh ấy gọi là pháp Sa Môn, pháp Sa Môn ấy tức là hư không. Nếu có thể biết rõ các pháp như vậy thì gọi là biết rõ như thiệt. Nếu quán sát tư duy những ác nhơn duyên thì sanh khởi vô minh nhĩn đến sanh khởi khối khổ não lớn. Nếu ác tư duy diệt thì vô minh diệt nhĩn đến khối đại khổ não diệt. Quán như vậy rồi chẳng sanh thường kiến chẳng sanh đoạn kiến, biết tất cả pháp theo duyên mà sanh theo duyên mà diệt, biết tất cả pháp không có ngã chúng sanh thọ mạng sĩ phu, chẳng thấy có kia đây và trung gian, tại sao, vì nếu không bên này bên kia thì đâu có chính giữa, Bồ Tát thuyết pháp như vậy. Do nhơn duyên này nên lúc Bồ Tát được Bồ đề thành tựu Như Lai giải thoát trí không tăng không giảm, cũng được vô biên tổng trì phương tiện. Do sức tổng trì này y nơi pháp giới quán

hư không giới mà diễn nói thị xứ phi xứ nhần đến lậu tận, lục, vô sở úy, đại từ đại bi, tuyên nói tạng pháp thậm thâm bí mật, cũng đem pháp này giáo hóa các chúng sanh, không cùng chung với hàng nhị thừa, thân khẩu ý nghiệp có đủ thần thông. Đây gọi là pháp bất cộng thứ mười hai.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, tất cả thân nghiệp của Bồ Tát đều tùy trí huệ hành, chẳng khi chúng sanh mà làm phòng ngại, không xan không tham không có lòng làm tổn hại, phạm hạnh thanh tịnh siêng tu tinh tiến, tập hợp pháp trợ đạo chẳng tiếc thân mạng, vì các chúng sanh mà phát khởi đại từ bi. Do nhơn duyên như vậy nên lúc được Bồ đề gọi là Như Lai tất cả thân nghiệp tùy trí huệ hành, được nhứt thiết quang tổng trì phương tiện, do sức tổng trì này mà có thể làm các loại thân phương tiện, đó là thân Trời, thân Rồng, thân Dạ Xoa, thân Càn Thát Bà, thân A Tu La, thân Ca Lô La, thân Khẩn Na La, thân Ma Hầu La Già, thân Phạm Vương, thân Thiên Đế Thích, thân Tứ Thiên Vương, thân Sát Đế Lợi, thân Bà La Môn, thân Tỳ Xá, thân Thủ Đà, thân Tỳ Kheo, thân Tỳ Kheo Ni, thân Ưu Bà Tắc, thân Ưu Bà Di, thị hiện các

loại thân như vậy rồi vì các loài chúng sanh mà tùy ý thuyết pháp, thuyết pháp giáo hóa rồi liền ẩn mất làm cho các chúng sanh chẳng biết được ở đâu, hoặc thân ẩn mất rồi mà pháp được diễn nói vẫn còn, tất cả chúng sanh sáu căn chiêm ngưỡng không biết chán đủ, vì không còn thấy được thân nên thường nhớ tưởng. Đây là pháp bất cộng thứ mười ba.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát khẩu nghiệp tất cả đều tùy trí huệ hành, chẳng khi chúng sanh, chẳng vọng ngôn lương thiện ác khẩu vô nghĩa ngữ, thường nói lời an ổn, lời chánh pháp, lời giới luật, lời dịu mát, lời Phật, lời có ý nghĩa, lời thích nghe, lời vui nghe. Do nhơn duyên như vậy nên lúc được Bồ đề gọi là Như Lai tất cả khẩu nghiệp tùy trí huệ hành, được tam phần tổng trì phương tiện, do sức tổng trì nầy mà hiểu rõ ngũ ngôn của tất cả chúng sanh, diễn nói những nghiệp của tất cả chúng sanh, lời đức Phật phán ra đều là chơn thiết ngữ, là thập nhị nhơn duyên, lời giải thoát, lời chẳng tham, lời tịch tĩnh, lời nhơn duyên. Đây là pháp bất cộng thứ mười bốn.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát ý nghiệp tất cả đều tùy trí huệ hành, chẳng khi chúng sanh, chẳng ganh chẳng hại, chẳng khởi tà kiến mà tu tập chánh kiến, khởi đại từ bi với các chúng sanh tâm Bồ Tát thường bình đẳng, trọn chẳng quên mất tâm Bồ đề, đầy đủ trí huệ, trừ bỏ kiêu mạn. Do nhơn duyên như vậy nên lúc được Bồ đề gọi là Như Lai tất cả ý nghiệp tùy trí huệ hành, được vô cấu tổng trì phương tiện. Do sức tổng trì ấy mà Như Lai an trụ trong nhứt tâm có thể biết rõ tất cả tâm của các chúng sanh, quán tâm chúng sanh đều bình đẳng như tướng huyễn hóa bốn tánh thanh tịnh, quán thân chúng sanh đều bình đẳng như trăng trong nước, thấy thân của các chúng sanh ở trong thân mình và thân mình cũng ở trong thân các chúng sanh dường như bóng tượng hiện trong gương, có thể làm cho thân các chúng sanh đều làm thân Phật, cũng làm cho thân mình làm thân chúng sanh, tất cả không gì làm chuyển động được. Đây là pháp bất cộng thứ mười lăm.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát tin quá khứ chư Phật trí huệ thân khẩu ý nghiệp thuần thiện không hề nghi

hoặc. Lúc được nghe Phật sự chẳng thể nghĩ bàn thì chẳng kinh chẳng sợ. Bồ Tát cũng tin quá khứ chu Phật thế giới các chúng sanh đã được điều phục, tin thân Phật đi qua lại mười phương tất cả thế giới vô ngại, chu Phật hay hiểu rõ ngôn ngữ của tất cả chúng sanh tùy theo mỗi loài mà thuyết pháp cho họ, với tất cả tam thế trí huệ Phật vô ngại, biết rõ quá khứ tất cả thế giới tất cả các thừa, thần thông biết rõ tất cả nghiệp quả chúng sanh, trí biết rõ tâm tất cả chúng sanh, đối với tất cả sự như vậy tâm Bồ Tát vững tin không nghi, Bồ Tát cũng giáo hóa chúng sanh khiến được lòng tin đồng như lòng tin của mình. Do nhơn duyên như vậy nên lúc được Bồ đề gọi là Như Lai trí huệ vô ngại biết rõ quá khứ thế, nhơn vì từ trước tu tập dũng kiện tam muội nên nay được kiện hành tổng trì phương tiện. Do sức tổng trì này mà có thể biết rõ quá khứ chu Phật Thế Tôn thọ mạng chủng tánh, cũng biết rõ quá khứ Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật tất cả chúng sanh nghiệp quả thần thông, cũng biết rõ bao nhiêu kiếp quá khứ hoặc có Phật xuất thế hoặc không Phật xuất thế và danh hiệu của chu Phật, quá khứ các thế giới hoặc tịnh hoặc uế, hoặc rộng, hoặc hẹp, hoặc thô,

hoặc tế, hoặc thuận, hoặc ngược cho đến biết rõ vi trần v.v..., tất cả đều biết rõ ràng như xem trái cây trong bàn tay. Đây là pháp bát cộng thứ mười sáu.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát tin vị lai thế chu Phật trí huệ thân khẩu ý nghiệp thuần thiện không có nghi hoặc. Lúc nghe Phật sự bất khả tư nghị không kinh không sợ. Bồ Tát tin vị lai Phật thế giới chúng sanh đều sẽ điều phục, tin vị lai chu Phật qua lại vô ngại mười phương thế giới, hay hiểu rõ ngữ ngôn của tất cả chúng sanh tùy theo mỗi loài mà thuyết pháp, với tất cả tam thế trí huệ vô ngại, biết rõ vị lai tất cả pháp giới tất cả các thừa, biết rõ tất cả chúng sanh nghiệp quả thân thông, trí biết rõ tâm chúng sanh. Với tất cả sự như vậy, Bồ Tát vững tin không hề nghi, cũng giáo hóa tất cả chúng sanh khiến họ có đồng tín tâm như mình. Do nhơn duyên như vậy nên lúc được Bồ đề gọi là Như Lai trí huệ biết rõ vị lai thế vô ngại. Nhơn vì thuở trước tu tập bị tâm tam muội nên nay được sư tử hống tổng trì phương tiện. Do sức phương tiện nầy có thể biết rõ vị lai thế chu Phật Thế Tôn thọ mạng chúng tánh, cũng biết rõ vị lai Bồ Tát, Thanh Văn,

Bích Chi Phật, tất cả chúng sanh nghiệp quả thân thông, cũng biết rõ vị lai bao nhiêu kiếp có Phật xuất thế không Phật xuất thế và danh hiệu của chư Phật vị lai ấy. Biết rõ vị lai các thế giới hoặc tịnh hoặc uế, hoặc rộng hoặc hẹp, hoặc thô hoặc tế, hoặc thuận hoặc ngược, cho đến vi trần v.v... tất cả đều biết rõ như xem trái cây trong bàn tay. Đây là pháp bất cộng thứ mười bảy.

Còn nữa, nầy Bửu Nữ ! Lúc tu hành đạo Bồ đề, Bồ Tát tin hiện tại thế chư Phật trí huệ thân ngũ ý nghiệp thuần thiện không hề nghi hoặc, lúc nghe Phật sự bất khả tư nghị không kinh không sợ, tin hiện tại mười phương chư Phật thế giới chúng sanh đều được điều phục, tin chư Như Lai đi qua lại mười phương thế giới vô ngại, hiểu rõ ngũ ngôn của tất cả chúng sanh tùy theo mỗi loài mà thuyết pháp giáo hóa, với tất cả tam thế trí huệ thông đạt vô ngại, biết rõ hiện tại tất cả pháp giới tất cả các thừa biết rõ các chúng sanh nghiệp quả thân thông, trí biết rõ tâm chúng sanh. Với tất cả sự như vậy tin chắc không nghi, cũng giáo hóa chúng sanh đồng tin như mình. Do nhơn duyên như vậy nên lúc được Bồ đề gọi là Như Lai biết rõ hiện tại thế trí huệ vô

ngại. Do thuở trước tu tập tịnh tam muội nên được kim cương tổng trì phương tiện. Do sức tổng trì này biết rõ hiện tại mười phương chư Phật Thế Tôn thọ mạng chủng tánh, cũng biết hiện tại tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác và tất cả chúng sanh nghiệp quả thần thông, cũng biết hiện tại tất cả kiếp có Phật xuất thế hay không Phật xuất thế và danh hiệu, thế giới tịnh hay uế, rộng hay hẹp, thô hay tế, thuận hay ngược, cho đến vi trần v.v... đều biết rõ tất cả như xem trái cây trong bàn tay. Đây là pháp bất cộng thứ mười tám của đức Phật Thế Tôn.

Nầy Bửu Nữ ! Như Lai còn có pháp bất cộng nữa, đó là vô kiến đánh, tại sao, vì là vô biên thân vậy. Không có ai hơn được nên gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì tất cả sự đầy đủ vậy. Ai thấy đều trừ khổ não nên gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì thân Phật như được thọ vậy. Ở trong đại chúng vô úy khiếp nên gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì Phật cứu cánh đủ bốn vô sở úy vậy. Biết rõ tâm chúng sanh nên gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì tùy ý thuyết pháp vậy. Đồ chúng tịch tĩnh gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì thuận theo lời Phật dạy vậy. Phật phát ngôn thanh tịnh gọi là pháp

bất cộng, tại sao, vì chẳng bao giờ nói lời vô nghĩa vậy. Phật tuyên nói người nghe đều hoan hỉ gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì rời lìa ý tưởng oan thân vậy. Tiếng Phật thuyết pháp vừa đủ chúng nghe gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì nếu thừa dư thì vô ích vậy. Mỗi mỗi chúng sanh đều riêng thấy đức Phật ở ngay trước mình lúc nhìn ngắm mắt chưa bao giờ nháy gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì thân Phật bất khả tư nghị vậy. Người nghe Phật thuyết pháp chắc chắn sanh mầm lành gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì Phật đã thành tựu vô lượng công đức vậy. Ai thấy Phật đều không nhàm gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì giác ngộ tất cả pháp vậy. Cát mình đoái lại nhìn như tượng vương ngó gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì oai nghi thanh tịnh vậy. Đại sư tử hống gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì đầy đủ các lực vậy. Oai nghi thuần thiện gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì tất cả thân nghiệp tùy trí hành vậy. Khẩu nghiệp thuần thiện gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì tất cả khẩu nghiệp tùy trí hành vậy. Tất cả nhãn mục gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì tất cả ý nghiệp tùy trí hành vậy. Thanh âm của Phật tất cả chúng sanh đều thích nghe gọi là pháp bất cộng, tại

sao, vì ngũ ngôn vi diệu vậy. Thọ hưởng thượng cúng dường gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì là vô thượng phước điền vậy. Vô tận công đức gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì chẳng cầu quả báo vậy. Không gì có thể phá hoại được gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì mỗi lông đốt trong toàn thân đều có sức lực na la diên vậy. Nói sự chẳng lường hu gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì biết rõ tất cả căn tánh vậy. Làm bậc Thầy của tất cả gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì thông đạt tất cả pháp vậy. Thọ mạng vô tận gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì được pháp thân vậy. Có ai gần kề đều được đại lợi ích gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì đã thành tựu tất cả pháp lành vậy. Tất cả trí huệ của Phật có không gì làm loạn trước được gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì biết rõ tam thế trí tánh thanh tịnh vậy. Ai làm thân Phật chảy máu thì mắc tội ngũ nghịch gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì đã thành tựu tất cả thiện căn vậy. Tất cả tập khí phiền não hết sạch gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì biết rõ như của tất cả phiền não vậy. Biết rõ tất cả hành gọi là pháp bất cộng, tại sao, vì giác ngộ tất cả pháp vậy.

Nầy Bửu Nữ ! Đây gọi là những pháp bất cộng của Như Lai”.

Bửu Nữ lại bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đức Phật có ba mươi hai tướng, đây là do nghiệp nhơn gì mà thành tựu ?”.

Đức Phật phán dạy : “Như Lai thành tựu vô lượng công đức nên có ba mươi hai tướng. Đức Phật sẽ ở trong vô lượng sự ấy mà nói lược.

Đức Như Lai, lúc tu hành đạo Bồ đề, do chí tâm hộ trì tịnh giới nên được tướng lòng bàn chun bằng phẳng, do làm các thứ nghiệp huệ thí nên được tướng thiên bức luân, do chẳng khi dối tất cả chúng sanh nên được tướng bấp chun gót mắt cá tròn đầy, do thủ hộ chánh pháp nên được tướng ngón thon dài, do chẳng phá chúng của người nên được tướng màn lưới mỏng, do dâng thí y phục đẹp quý nên được tướng chun tay dịu mềm, do dâng thí món ăn uống sạch ngon nên được tướng bảy chỗ trên thân đầy, do mừng nghe Phật pháp nên được tướng vẽ lộ vương, do che giấu lỗi của người khác nên được tướng mã vương âm tàng, do tu pháp lành nên được tướng phần thân trên như sư tử vương, do thường

đem pháp lành giáo hóa chúng sanh nên được tướng chỗ xương lổm đều đầy bằng, do cứu hộ kẻ tai nạn kinh sợ nên được tướng cánh bắp tay cùi chỏ đều sưng tròn, do thấy sự việc của người thì giúp đỡ nên được tướng tay chạm đầu gối, do thường tu mười nghiệp lành nên được tướng thân thanh tịnh, do bố thí thuốc tốt cho người bệnh nên được tướng món ăn món uống vào đến cổ họng đều biến thành thượng vị, do thường phát nguyện tu hành thiện pháp nên được tướng má như sư tử vương, do với tất cả chúng sanh tâm luôn bình đẳng nên được tướng đủ bốn mươi cái răng, do hòa hiệp tranh tụng nên được tướng răng khít kín, do dâng thí các thú trần bửu nên được tướng răng đều bằng, do thân khẩu ý thanh tịnh nên được tướng răng nanh trắng bóng, do giữ gìn bốn lỗi nơi lời nói nên được tướng lưỡi rộng dài, do thành tựu vô lượng công đức nên được tướng vị ngon nhút trong thượng vị, do thường nói lời dịu dàng nên được tướng phạm âm, do tu tập từ tâm nên được tướng trông mắt biếc, do chí tâm cầu Vô thượng Bồ đề nên được tướng lông nheo như ngưu vương, do tán thán những công đức của người khác nên được tướng bạch hào, do cung kính các bậc cha mẹ

Sư trưởng Hòa thượng nên được tướng nhục kế, do thích nói pháp thậm thâm nên được tướng thân nhu nhuyễn, do dâng thí những thứ trái giường ghế nên được tướng kim quang, do xa lìa hội họp nói chuyện thế gian nên được tướng mỗi mỗi lỗ lông đều có một lông mọc, do thích nhận lời dạy của các bậc Sư trưởng thiện hữu nên lông trên thân đều hướng lên trên, do chẳng đem việc xấu ác vu cho người nên được tướng tóc màu vàng ròng, do thường khuyên chúng sanh tu tam muội nên được tướng thân viên mãn như thân cây ni câu đà, do đời đời làm tượng hình Phật nên được tướng sức lực na la diên.

Nầy Bửu Nữ ! Đại Bồ Tát vì thành tựu vô lượng công đức như vậy nên được ba mươi hai tướng ấy”.

Bửu Nữ lại bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát thiết là bất khả tư nghị. Lành thay đức Thế Tôn nói rất tốt về Phật pháp”.

Đức Phật phán dạy : “Nầy Bửu Nữ ! Đúng như lời người nói. Tất cả chúng sanh nghe những nghĩa này thì được vô lượng công đức, nghe rồi mà tin thì cũng được vô lượng công đức”.

Lúc đức Phật nói pháp này, mười phương vô lượng vô biên thế giới chấn động sáu cách, vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ đề, năm ngàn Bồ Tát được vô sanh nhẫn, trên hư không chu Thiên mưa các thứ hoa trời cùng trỗi các loại kỹ nhạc trời để cúng dường đức Phật. Những chúng sanh nào đã ở chỗ vô lượng vô biên chu Phật vun trồng căn lành mới được nghe thập lục tứ vô sở úy thập bát bất cộng pháp và tam thập nhị tướng của Như Lai. Người ấy nghe rồi có thể sanh lòng tin sâu, tin rồi có thể ở giữa đại chúng làm sư tử hống mà diễn nói pháp này. Tại sao vậy, vì những hạng người hạ liệt thì chẳng được nghe, dầu được nghe họ cũng vị tất sanh lòng tin, bậc thượng nhơn trì giới trí huệ đầy đủ mới có thể được nghe, nghe rồi kính tin, tin rồi không lâu sẽ được Vô thượng Bồ đề.

Bửu Nữ bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Phật Như Lai bất khả tư nghị, Pháp và Tăng cũng bất khả tư nghị, nghe và tin kinh này cũng bất khả tư nghị, nếu có người kính tin kinh này, thì người ấy quyết định được Vô thượng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào là Bồ Tát tu hành pháp hạnh ?”.

Đức Phật phán dạy : “Nầy Bửu Nữ ! Đại Bồ Tát chẳng bỏ hàng thân thuộc bạn bè, biết ơn báo ơn, thương xót tất cả, nếu có ai quy y thì trọn không vứt bỏ, chí tâm nhớ nghĩ đạo Bồ đề, tu hạnh nhẫn nhục, hay xả thí vật khó xả thí, nhiếp lấy chúng sanh, từ tâm hộ trì tịnh giới, tư duy nghĩa ý pháp lành, hộ trì chánh pháp, thích chánh pháp, nhớ chánh pháp, thọ trì chánh pháp, thích tịch tĩnh ở riêng chỗ rảnh rang vắng vẻ, với đạo Bồ đề lòng không thối không hối, khéo thủ hộ chúng sanh thanh tịnh thân khẩu ý, vì tứ vô lượng tâm mà phát đại nguyện, thường khuyên bảo chúng sanh hướng về đạo Bồ đề, lúc giảng thuyết luận bàn thì trước tán thán Đại thừa, chẳng có trước hứa hẹn người mà sau sanh lòng hối, thanh tịnh phẩm hạnh tri túc thiếu dục chẳng xan chẳng đố chẳng dứt thánh chủng, tâm không hề tranh cãi, biết rõ hơn quả, có đủ tín văn giới thí tàm quý và trí huệ, gần kề thiện hữu, thuận theo lời dạy của bậc Sư trưởng, tâm không kiêu mạn, cung kính lễ lạy các bậc trưởng lão có đức, rời lìa tham sân si ngã và ngã sở, thường niệm Phật Pháp

Tăng thí giới và chu Thiên, lúc được cung kính cúng dường tâm không cao ngạo, thường siêng tu hành sáu Ba la mật, ba môn giải thoát và các thiện phương tiện, chẳng thấy các tướng ngã thường chúng sanh thọ mạng sĩ phu, thường tu Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi và bát chánh đạo, đây gọi là Bồ Tát tu hành pháp hạnh.

Lại Bồ Tát pháp hành là không có nhãn không có sắc không có sắc tướng hành, không có nhĩ không có thanh không có thanh tướng hành, không có tỷ không có hương không có hương tướng hành, không có thiệt không có vị không có vị tướng hành, không có thân không có xúc không có xúc tướng hành, không có ý không có pháp không có pháp tướng hành. Lại nữa, chẳng phải sắc hành chẳng phải sắc chẳng phải chẳng sắc hành, chẳng phải sắc khổ hành, chẳng phải sắc ngã hành chẳng phải chẳng sắc ngã hành, chẳng phải sắc không hành chẳng phải chẳng sắc không hành, chẳng phải sắc vô tướng hành, chẳng phải sắc vô nguyên hành, chẳng phải sắc vô tác hành, chẳng phải sắc tánh hành, chẳng phải sắc thiệt

hành, chẳng phải sắc tịch tĩnh hành, chẳng phải sắc sanh hành, chẳng phải sắc xuất hành, chẳng phải sắc nhơn duyên hành, chẳng phải sắc tụ hành, đây gọi là pháp hành. Như với sắc, với thọ với tưởng với hành và với thức cũng như vậy.

Nầy Bửu Nữ ! Nếu không có Ngũ ấm, Lục nhập, Thập bát giới hành như vậy thì gọi là pháp hành.

Không có Dục giới hành, không có Sắc giới hành, không có Vô Sắc giới hành, không có an trụ không có giải thoát thì gọi là pháp hành.

Không có khứ không có lai, không có trụ xứ, không có tâm ý thức, không có kiến văn không có tri thức, không có thân khẩu ý nghiệp, chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp, chẳng phải nhứt chẳng phải nhị, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải cấu tịnh, chẳng phải tụ tán, chẳng phải ngã chúng sanh thọ mạng sĩ phu, chẳng phải đoạn thường, chẳng phải ngã ngã sở, chẳng phải thi chung, đây gọi là pháp hành, gọi là ngã pháp, gọi là trụ xứ, gọi là pháp tánh, gọi là pháp xứ, gọi là không xứ phi xứ, gọi là cứu cánh xứ, chẳng động chẳng trụ không có tướng dạng hình mạo,

không xuất không diệt không có tu hành, không thủ không xả, không lãnh thọ không xả thí. Nếu có thể thấy biết các pháp như vậy thì gọi là chơn tri, là thiết tri, là pháp tri.

Nầy Bửu Nữ ! Nếu thấy Bồ Tát học được như vậy, vì các chúng sanh mà đi trong sanh tử, với Niết bàn không có động chuyển, đây gọi là Bồ Tát chơn thiết pháp hành”.

Lúc đức Thế Tôn nói pháp này, trong pháp hội có tám ngàn Bồ Tát được pháp nhẫn.

Bấy giờ Bửu Nữ đồng nữ lại dâng các thứ trân bửu vật quý đẹp cúng dường đức Phật mà bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát hành các pháp hạnh như vậy tức là tu hành tất cả Phật hạnh, liền được thọ ký ngôi Bồ đề thọ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Bửu Nữ : “Có phải như giả đã biết Bồ Tát bất thối ấn chăng ?”.

Đồng nữ Bửu Nữ nói kệ đáp rằng :

**Các chúng sanh giới và pháp giới
Nếu bình đẳng xem không có khác
Chẳng sanh phân biệt số nhứt nhị**

Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Quá khứ vị lai và hiện tại
Mười phương thế giới các Thế Tôn
Thấy đều bình đẳng quán pháp giới
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Thấy hữu vi giới đều vô thường
Hữu lậu vô lậu cũng như vậy
Biết tất cả pháp bốn tánh tịnh
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Thấy các sanh tử không số lượng
Chẳng thể đếm kể biết số ấy
Nếu trong một niệm mà biết được
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Tất cả thế gian các pháp giới
Và cùng xuất thế các thánh pháp
Nếu hay bình đẳng rõ chơn thiệt
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Nếu biết rõ được các pháp giới
Và cùng Ba Tuần các ma giới
Thông đạt hai giới vô sai biệt
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Tham dục sân khuể cùng ngu si
Tất cả phiền não của chúng sanh

Biết từ điền đảo nhơn duyên sanh
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Pháp sanh tử cùng với Niết bàn
Vô thượng chánh đạo và Bồ đề
Quan sát pháp ấy vô sai biệt
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Thấy biết ngũ ấm thập bát giới
Và lục nhập đồng tánh Bồ đề
Các pháp như vậy không hai tánh
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Địa thủy hỏa phong và sở tạo
Thấy nó dường như hư không giới
Như vậy thì được chơn thiết ấn
Cũng như mười phương chư Phật ấn
Như nhãn giới Bồ đề cũng vậy
Hai pháp bình đẳng vô sai biệt
Tự mình thọ trì cũng dạy người
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Biết tất cả tâm của chúng sanh
Hay làm nhơn duyên tất cả tâm
Nhơn duyên như vậy không chuống
ngại
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn

**Hay khắp quán sát các chúng sanh
Căn của họ thượng trung hoặc hạ
Hay quán sanh tử tận bỉ ngạn
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Bao nhiêu chữ nghĩa câu vô tận
Trong vô lượng kiếp thường diễn thuyết
Không thể phá hoại chương ngại được
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Biên tế hư không có thể cùng
Gió mạnh thế gian có thể buộc
Những tâm bất thối của Bồ Tát
Tất cả thế gian chẳng chuyển được
Thành tựu vô lượng đà la ni
Ở trong các pháp chẳng thất niệm
Thứ đệ diễn thuyết các pháp nghĩa
Nhu từ miệng Phật không có khác
Mười phương thế giới Phật Thế Tôn
Vì độ chúng sanh thuyết vô lượng
Đều hay thọ trì hiểu thâm nghĩa
Đây gọi Bồ Tát bất thối ấn
Những pháp được nghe vô lượng kiếp
Nhu hiện tại nghe mà diễn thuyết
Vô lượng đời học đà la ni**

Chúng được vô tận ẩn như vậy
Thành tựu đầy đủ tổng trì ấy
Cũng đủ vô thượng chơn trí huệ
Nếu được Bồ Tát bất thối ẩn
Thì hay tuyên nói pháp như vậy
Nếu quán tất cả pháp rỗng không
Cũng chẳng thân cận chẳng viễn ly
Nếu thành tựu được bất thối tâm
Thì biết người này có không ẩn
Tất cả các pháp như hư không
Tánh nó bốn lai không sanh diệt
Nếu biết rõ được pháp giới ấy
Đây gọi Bồ Tát bất thối ẩn
Các pháp đều từ nhơn duyên có
Rời các nhơn duyên không pháp giới
Nếu biết rõ được nhơn duyên sanh
Phải biết là có bất thối ẩn
Bao nhiêu oai nghi những sắc thanh
Trong một niệm đều hay thị hiện
Vì muốn giáo hóa các chúng sanh
Đây là Bồ Tát bất thối ẩn
Tâm bố thí rộng như hư không
Trong vô lượng kiếp chẳng cùng tận

**Thành tựu vô lượng các công đức
Đây là Bồ Tát bất thối ấn
Tu tập tịnh giới vì Phật giới
Chúng được Phật giới như hư không
Thành tựu như vậy vô thượng giới
Đây là Bồ Tát bất thối ấn
Tất cả chúng sanh có cấm giới
Và hữu học giới vô học giới
Dầu có như vậy vô lượng giới
Chẳng bằng bất thối một phần nhỏ
Nếu được tối thượng vô sanh nhẫn
Thành tựu vô lượng cũng vô biên
Nếu được như vậy vô sanh nhẫn
Nhu quá khứ Phật đã chúng được
Vì chúng sanh phát thiện trang nghiêm
Trong vô lượng đời chẳng thôi nghỉ
Siêng thường tu tập hạnh tinh tiến
Đây là Bồ Tát bất thối ấn
Thường thích tu tập các thiện định
Cũng vì chúng sanh tuyên nói pháp
Dầu lại thị hiện các oai nghi
Mà nội tâm ấy không rời định
Đây đủ vô thượng chánh tri kiến**

**Xa lìa phiền não các tập khí
Nếu có thành tựu bất thối tâm
Thì hay gần kề cảnh giới Phật
Đây đủ ba thứ đại thần thông
Cũng đủ Như Lai thiện phương tiện
Nếu có thành tựu bất thối tâm
Người ấy sắp được chánh giác ẩn
Tất cả chúng sanh chẳng biết được
Tâm hành cảnh giới của người ấy
Tu vô lượng hạnh vì chúng sanh
Đây là Bồ Tát bất thối ẩn
Kỳ thiết chưa được vô thượng đạo
Mà hay thị hiện thân Như Lai
Giáng sanh thành Phật chuyển pháp
luân
Cũng lại thị hiện đại Niết bàn
Chưa bỏ Bồ Tát bất thối ẩn
Cũng hay chúng được ẩn như vậy

Cũng như hư không không có biên
Phật ẩn đã được cũng như vậy”.**

Lúc Bửu Nữ đồng nữ nói kệ ấy, Đại Thiên thế giới chấn động sáu cách, trong pháp hội có năm ngàn Bồ Tát được bất thối ấn.

Đức Thế Tôn khen rằng : “Lành thay, lành thay ! Bửu Nữ nói Bồ Tát bất thối ấn rất hay”.

Tôn giả Tu Bồ Đề bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Bửu Nữ quyết định đã được bất thối chuyển ấn, nếu chưa chứng được thì làm sao có thể tuyên nói như vậy được”.

Đức Phật phán dạy : “Đúng như vậy, này Tu Bồ Đề như lời người nói, Bửu Nữ ấy từ lâu đã được bất thối ấn, trí nhãn thành tựu đã cùng tận bờ đáy Đại thừa thậm thâm”.

Bửu Nữ lại bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Có sao gọi là Đại thừa ?”.

Đức Phật phán dạy : “Này Bửu Nữ ! Gọi là Đại thừa ấy, vì thừa ấy rộng lớn, vì với tất cả các chúng sanh không có quái ngại, vì là căn bản của thiện căn Nhứt thiết trí, vì không có các phiền não kiết sử vô minh, vì quang minh ấy không chỗ nơi nào mà không chiếu khắp, vì vòng khắp các bên của nó đều có nhân mục, vì bốn tánh nó thường thanh tịnh không hề có ô nhiễm, vì dứt sạch các phiền não tất cả tập khí, vì có đủ các điều như vậy

nên gọi là Đại thừa. Lại vì hộ trì cấm giới nên gọi là thanh tịnh, vì tu tập chánh định nên gọi là an trụ, vì tu tập trí huệ nên gọi là vô lậu, vì tu giải thoát nên gọi là không trói buộc, vì chỉ bày tất cả các pháp bình đẳng vô nhị nên gọi là giải thoát, vì trí nhiếp thập lực nên gọi là vô năng động, vì đủ bốn vô sở úy nên gọi là không kinh sợ, vì nhiếp lấy mười tám pháp bất cộng nên gọi là vô ngại, vì tu tập đại từ nên gọi là bình đẳng, vì phá hoại tất cả ma chướng nên gọi là tối thắng, vì dẹp phiền não ma nên gọi là tịch tĩnh, vì phá hoại ngũ ấm ma nên gọi là bất khả số, vì phá hoại tử ma nên gọi là thường trụ, vì đầy đủ Đàn Ba la mật nên gọi là phú túc, vì đầy đủ Thi la Ba la mật nên gọi là vô nhiệt, vì đầy đủ Sằn đề Ba la mật nên gọi là vô oán, vì đầy đủ Tinh tiến Ba la mật nên gọi là vô động, vì đầy đủ Thiên Ba la mật nên gọi là vô lậu vô chuyển, vì đầy đủ Bát Nhã Ba la mật nên gọi là thắng tất cả thế gian và xuất thế gian, vì đầy đủ Phương tiện Ba la mật nên gọi là nhiếp lấy tất cả các thừa, vì đoạn dứt tất cả các hữu nên gọi là vô hữu, vì có hơn nơi bát chánh đạo nên gọi là đặt đủ cánh định huệ, vì đi qua lại vô ngại điều phục các căn nên gọi là

đại thân thông, vì tu tứ niệm xứ và tứ chánh cần nên thấy được tất cả chu Phật thế giới và xa lìa ác pháp gần kề thiện pháp, vì tu thất giác phần nên xa lìa tất cả phiền não kiết sử, vô vi, vô lậu, vô thắng, vô thượng, vô kiến đảnh, vô năng tri, vô chướng ngại, nên cũng không có kiến văn không có chỗ nhập xuất, là đại chúng đại đường, là nhứt vị, là bất tác, không có số lượng bình đẳng không có hai, được danh hiệu lớn, mười phương vô ngại, được tất cả nhơn thiên cung kính, thành tựu vô lượng vô biên công đức, dứt hẳn tất cả xan lẫn phá giới tổn hại giải đãi loạn tâm vô minh, hay làm cho tất cả chúng sanh được đa văn được an lạc, dứt tất cả khổ khiến làm thiện nghiệp, được Phật trí, vô ngại trí, vô thượng trí, bình đẳng trí, Nhứt thiết trí. Đây gọi là Đại thừa vậy”.

Lúc đức Phật nói pháp ấy rồi có một vạn hai ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đã phát tâm rồi lại đồng nói rằng : “Nếu có chúng sanh có thể phát tâm Đại thừa như vậy thì được vô lượng thiện pháp lợi ích”.

Bửu Nữ đồng nữ lại bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Do có chướng ngại gì mà làm cho chúng sanh chẳng mau được Đại thừa ?”.

Đức Phật phán dạy : “Có ba mươi hai sự có thể làm nhơn duyên chướng ngại : một là thích Thanh Văn thừa, hai là thích Duyên Giác thừa, ba là thích thân Thiên Đế Thích, bốn là thích thân Phạm Thiên, năm là thích được vui thế gian mà thọ cấm giới, sáu là thích tu một điều thiện, bảy là thường có lòng ganh ghét, tám là có nhiều của cải mà tham lẫn, chín là chẳng thích khuyên bảo người tu pháp lành, mười là có tâm kiêu mạn, mười một là chẳng cầu tâm Bồ đề, mười hai là sợ tâm Bồ đề, mười ba là ở trong một pháp sanh lòng tham trước, mười bốn là tu duy chẳng lành, mười lăm là chẳng có thể gần kề Sư trưởng Hòa thượng thiện tri thức, mười sáu là phỉ báng các bộ phái khác, mười bảy là chẳng thể thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý, mười tám là chẳng thể hộ trì pháp vô thượng, mười chín là được chút ít pháp vị lẫn tiếc chẳng nói dạy người, hai mươi là hiểu được chút ít pháp nghĩa sanh đại mạn, hai mươi mốt là xa lìa tứ nhiếp pháp, hai mươi hai là chẳng thể cung kính bạn đồng thầy đồng học, hai mươi ba là chẳng thích

nhớ niệm sáu pháp Ba la mật, hai mươi bốn là xa lìa tam tụ, hai mươi lăm là chẳng phát đại nguyện, hai mươi sáu là ít thiện căn, hai mươi bảy là điên đảo hiểu nghĩa, hai mươi tám là chẳng tán thán Tam bảo, hai mươi chín là phỉ báng các sự Bồ đề Đại thừa, ba mươi là tự chẳng hiểu nghĩa mà chê người nói pháp, ba mươi một là chẳng hiểu biết rõ những sự ma, ba mươi hai là thích sanh tử. Đây là ba mươi hai sự chuống ngại Đại thừa chẳng cho chúng sanh mau được Đại thừa.

Nầy Bửu Nữ ! Những sự chuống ngại như vậy có đến vô lượng, nay Phật vì người mà nói lược thôi.

Nầy Bửu Nữ ! Đại thừa có vô lượng công đức nên sự chuống ngại cũng có vô lượng. Cũng như Niết bàn công đức vô lượng, sự chuống ngại Niết bàn cũng là vô lượng. Lỗi sanh tử có vô lượng vô biên chính đó là sự chuống ngại Đại thừa vậy.

Nầy Bửu Nữ ! Nếu người có thể xa lìa vô lượng ác pháp ấy nên biết người ấy liền được Đại thừa.

Nầy Bửu Nữ ! Nếu Bồ Tát có thể được tâm thanh tịnh nên biết người ấy liền được Đại thừa”.

Bửu Nữ đồng nữ bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng sanh thế nào mau được thành tựu vô thượng Đại thừa ?”.

Đức Phật phán dạy : “Nầy Bửu Nữ ! Có ba mươi hai sự chúng sanh tu tập thì có thể mau được Đại thừa vô thượng.

Một là chúng sanh chẳng thính mà tự qua hiển giúp, hai là thấy người được phước đức không sanh lòng ganh ghét, ba là chí tâm tu tập vô lượng thiện căn, bốn là kinh doanh sự nghiệp cho người chẳng sanh sầu não, năm là tâm không trược loạn thân khẩu ý thanh tịnh, sáu là chẳng vì lợi dưỡng mà cải đổi oai nghi, bảy là an trụ đúng như thuyết, tám là với các chúng sanh tâm luôn thanh tịnh, chín là trọn chẳng buông bỏ tâm Bồ đề, mười là thanh tịnh trang nghiêm Đàn Ba la mật, mười một là thanh tịnh Thi la Ba la mật vì thương xót kẻ hủy cấm giới vậy, mười hai là thanh tịnh Nhẫn Ba la mật vì chẳng tiếc thân mạng vậy, mười ba là thanh tịnh Tinh tiến Ba la mật vì được thập lục tứ vô sở úy vậy, mười

bốn là thanh tịnh Thiên Ba la mật vì xa lìa phiền não vậy, mười lăm là thanh tịnh Bát Nhã Ba la mật vì trừ tập khí phiền não vậy, mười sáu là tu dưỡng kiện định vì phá các ma nghiệp vậy, mười bảy là chí tâm độ thoát các chúng sanh, mười tám là tu tứ nhiếp pháp, mười chín là tâm thường bình đẳng, hai mươi là chẳng bỏ tất cả chúng sanh, hai mươi mốt là biết ơn báo ơn, hai mươi hai là hộ trì chánh pháp, hai mươi ba là tu tập pháp trợ đạo chẳng thôi nghỉ, hai mươi bốn là với các pháp lành tâm không nhàm đủ, hai mươi lăm là phá kiêu mạn, hai mươi sáu là cúng dường Tam bảo, hai mươi bảy là nơi tất cả pháp không sanh lòng phỉ báng, hai mươi tám là giỏi hiểu mười hai thâm nhơn duyên, hai mươi chín là có đủ thất thánh tài, ba mươi là nơi tất cả pháp được tự tại, ba mươi mốt là tu sáu thần thông, ba mươi hai là tu tập định tuệ. Đây gọi là ba mươi hai sự mà chúng sanh tu tập thì mau được Bồ đề vậy”.

Lúc đức Phật nói pháp này có bảy vạn hai ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, một vạn hai ngàn Bồ Tát được Vô sanh Pháp nhẫn. Chư Thiên dùng hương hoa kỹ nhạc cúng dường đức Phật,

tôn trọng tán thán mà nói lời rằng : “Nếu có ai được nghe các kinh như vậy thì nên biết người ấy quyết định được Vô thượng Bồ đề”.

Lúc ấy, Phạm Thiên, Đạo Lợi Thiên, Tứ Thiên Vương Thiên đồng bạch đức Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Hôm nay đức Như Lai diễn nói vô hạn lượng nghĩa như vậy, nghĩa liễu nghĩa như vậy, nghĩa phá phiền não như vậy có thể dẹp các nghiệp ma phá các tà kiến có thể hộ trì tất cả chánh pháp vô thượng. Chúng tôi cũng có thể thọ trì đọc tụng thơ tả giải thuyết. Nếu đệ tử Phật mà có ai hay thọ trì đọc tụng thơ tả vì người diễn nói rộng thì chúng tôi sẽ vệ hộ người ấy. Nếu có ác quỷ muốn làm hại người ấy chúng tôi sẽ ngăn trở không cho làm hại được”.

Đức Phật khen chu Thiên rằng : “Lành thay lành thay, nầy chư thiện nam tử ! Lúc ấy nếu các người có thể hộ trì đệ tử của Phật thì tức là hộ trì Phật chánh pháp, hộ trì như vậy thì chánh pháp được còn lâu”.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A Nan rằng : “Nầy A Nan ! Ông nên thọ trì ủng hộ diễn thuyết kinh điển như vậy. Nếu có Bồ Tát trong vô lượng kiếp thích tu tập huệ thí, lại có Bồ

Tát thọ trì kinh này đọc tụng thơ tả rộng nói cho người tu đại từ bi gồm đem nghĩa kinh này khuyên người tu học thì người này được phước nhiều hơn người kia và có thể mau được Đại thừa”.

Tôn giả A Nan bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Kinh này tên là gì và phụng trì thế nào ?”.

Đức Phật phán dạy : “Này A Nan ! Kinh này tên là Chơn thiệt pháp nghĩa tỳ ni phương tiện thành tựu phát tâm vô lượng bửu tụ vô lượng đà la ni thập lực tứ vô sở úy bất cộng pháp tụ Bồ Tát Ma ha tát bất thối chuyển ấn quảng thuyết Đại thừa, cũng gọi là Bửu Nữ sở vấn. Ông nên phụng trì như vậy”.

Tôn giả A Nan tất cả đại chúng Nhơn Thiên nghe đức Phật nói kinh này rồi đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

PHÁP HỘI BỬU NỮ - THỨ NĂM MƯƠI HAI

HẾT

LIII
PHÁP HỘI
BẤT THUẦN BỒ TÁT

THỨ NĂM MƯỜI BA

(Hán bộ quyển 132)

Hán dịch : Bác Lương, Tam Tạng Đàm Vô Sấm.

Viết dịch : Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn ở giữa hai cõi Dục giới và Sắc giới, trong Đại Bửu Phương Đình cùng chư đại chúng vây quanh thuyết pháp.

Lúc ấy trong đại chúng có ánh sáng kim sắc, ánh sáng ấy sáng sạch chiếu khắp Đại Thiên thế giới làm khuất tất cả ánh sáng của mặt nhật mặt nguyệt và chư Thiên. Ánh sáng ấy chiếu xong liền tắt.

Tất cả đại chúng chăm nhìn đức Như Lai không nháy mắt, trong thời gian này lặng lẽ không có tiếng động, cũng không có tiếng dặng hắng tiếng hơi thở ra vào.

Tôn giả Tu Bồ Đề bạch đức Phật rằng :
“Bạch đức Thế Tôn ! Nay có nhơn duyên gì

mà xuất hiện ánh sáng kim sắc ấy, tất cả đại chúng nhìn đức Như Lai không chớp mắt”.

Đức Phật phán dạy : “Nầy Tu Bồ Đề ! Quá vô lượng thế giới phương Đông có vị Bồ Tát tên là Bất Thuần cùng một vạn vị Bồ Tát đồng đến đây vì muốn nghe đức Như Lai nói kinh vi diệu Đại thừa này. Đây là ánh sáng của các vị ấy”.

Đức Phật nói chưa dứt lời, Bất Thuần Bồ Tát cùng chúng Bồ Tát đã đến chỗ Phật trong đại bửu phòng đình, tay cầm các thứ hương hoa kỹ nhạc dâng cúng đức Phật, đầu mặt lay chun Phật rồi cung kính đi nhiễu Phật mà ngồi lại một phía.

Tôn giả Tu Bồ Đề bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Bất Thuần Bồ Tát từ thế giới nào đến đây, cách đây bao xa, đức Phật nơi ấy danh hiệu là gì ?”.

Đức Phật phán dạy : “Nầy Tu Bồ Đề ! Phương Đông cách đây bảy vạn hai ngàn hằng hà sa số thế giới, có quốc độ tên là Bất Thuần, đức Phật cõi ấy hiệu là Phổ Hiền Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều

Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn. Bồ Tát Bất Thuần từ đó đến đây”.

Bất Thuần đại Bồ Tát quỳ dài chấp tay nói kệ khen Phật :

Như Lai Thế Tôn khối trân bửu
Đầy đủ tất cả Ba la mật
Vô Thượng Pháp Sư trời trong trời
Vì chúng sanh nên tôi đành lễ
Tịch tĩnh giới định chẳng động được
Vô thượng trí huệ điều các căn
Vì các chúng sanh nói Đại thừa
Nên tôi quy y đấng Pháp Vương
Thích ban nhơn thiên những an ổn
Chúng sanh mừng thấy như trăng tròn
Đầy đủ lực thế phá chúng ma
Nay tôi quy y đấng Y Vương
Thành tựu thiện căn thí cam lộ
Hay độ chúng sanh biển sanh tử
Nay tôi quy y đấng Vô Thượng
Đầy đủ tướng tốt ba mươi hai
Thế Tôn trang nghiêm đại chúng này
Dường núi Tu Di hiển bốn mặt
Danh hiệu vô ngại khắp mười phương

Đấng Thiên Nhơn Sư tôi kính lễ
 Như Lai trí huệ như hư không
 Thông đạt tam thế không chướng ngại
 Theo căn chúng sanh mà thuyết pháp
 Nay tôi kính lễ Tự Tại Vương
 Quá vô lượng kiếp siêng tinh tiến
 Vượt hơn đồng nghiệp chư Bồ Tát
 Phật pháp chúng được như Phật trước
 Nay tôi kính lễ Biến Chánh Giác
 Mười phương chư Phật đều tán thán
 Tinh tiến thù thắng vô biên lượng
 Vô lượng chúng sanh được nghe rồi
 Thảy đều đồng phát tâm Bồ đề
 Ở trong chánh pháp không nhàm đủ
 Cũng đem khuyên dạy các chúng sanh
 Hay nói pháp tánh thường thanh tịnh
 Nay tôi đánh lễ đấng Pháp Vương.

Nói kệ tán thán Phật rồi, Bất Thuần đại
 Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng
 tôi ở trong kinh Đại thừa này có ít điều muốn
 hỏi, mong đức Như Lai thương xót cho phép”.

Đức Phật nói : “Lành thay lành thay, này
 thiện nam tử ! Tùy ý ông hỏi, Phật sẽ phân

biệt tuyên nói cho để trừ bỏ lòng nghi của các ông”.

Bất Thuần đại Bồ Tát đã được đức Phật hứa cho hỏi trong lòng rất vui mừng bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát tu hành tam muội gì mau được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được đại niệm tâm, được đại trí đại ý, tầm quý dũng kiện tu thí giáo giới mặc giáp nhẫn nhục dụng tràng tinh tiến, du hí thần thông trang nghiêm từ bi, rất thích pháp hỉ, bước lên núi xả, hay nói hay đáp xô dẹp ma oán phá các tà kiến, chẳng xa rời chu Phật Bồ Tát thiện hữu, thường được hóa thân chẳng mất niệm tâm, tin sâu Đại thừa, thích ban thí chúng sanh trí sáng vô thượng, chẳng bị thế pháp làm nhiễm ô đồng như bốn đại chủng, như đất làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, như nước hay rửa sạch tất cả nhơ bẩn, như lửa nấu chín căn lành chúng sanh, như gió ở nơi giới văn huệ thí tín tầm quý chẳng hề chuống ngại, tu tập từ bi như hư không, huệ nhãn vô lượng như Thiên Đế Thích, tâm được tự tại như Tự Tại Thiên, chánh pháp độ đời như Chuyển Luân Thánh Vương, khối đại phước đức như núi Tu Di, không chán pháp lành nhóm các trân bửu như biển lớn, tư duy

thâm nghĩa mười hai nhơn duyên không hề kinh sợ như sư tử vương, đủ của thiện pháp như thương chủ, tất cả bệnh nhơn đều y chỉ như đại y vương, hay làm ánh sáng như đèn lớn, phá tối như mặt nhật, mát mẻ như mặt nguyệt, phiền não chẳng ô nhiễm như hoa sen, đầy đủ tất cả diệu pháp của chư Phật như trăng tròn”.

Đức Phật phán dạy : “Lành thay, lành thay, nầy thiện nam tử ! Ông có thể đem nghĩa nầy mà hỏi nơi Như Lai, chí tâm lắng nghe Phật sẽ vì ông mà phân biệt giải thuyết.

Nầy thiện nam tử ! Có tam muội tên là nhứt thiết pháp tự tại. Bồ Tát tu tập tam muội nầy thì có thể được tất cả sự như vậy, cũng được vô lượng vô biên phước đức mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lúc thành Phật trong thế giới có đầy đủ tất cả.

Nầy thiện nam tử ! Nhứt thiết pháp tự tại tam muội ấy, đó là tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin tứ chơn đế, thập nhị nhơn duyên, nội ngoại nhơn quả nghiệp và quả báo, tin ấm nhập giới không vô tướng vô nguyên xuất sanh diệt mất, tin nơi mở khai và bít tắc, xem tất cả pháp như huyễn, như hóa, như dương diệm, như

bóng, như vang, như trăng trong nước, như lông rùa sừng thỏ, như hoa đốm, như con trai thạch nữ, như mặc bóng y phục, như mơ cõi bạch tượng, hoặc có hoặc không hoặc cũng có không hoặc chẳng có không, chẳng phải thường đoạn, chẳng phải sanh diệt, chẳng phải nội ngoại, chẳng phải thấy biết. Tin như vậy thì có thể tin đại sự của Phật của Bồ Tát mà chẳng tự khinh. Sự nghiệp của Bồ Tát dầu là rộng lớn tôi cũng có thể biết, tâm được tự tại có thể bố thí lớn, hộ trì cấm giới chẳng ngại việc ngoài, vì thương chúng sanh mà thường tu nhẫn nhục, vì chẳng thối chuyển mà tu tinh tiến, vì làm cho các chúng sanh lìa phiền não mà tu trí huệ, vì phá phân biệt tướng nên tu tam muội, được âm thanh vi diệu tất cả đều thích nghe, tu tập niệm Phật xem chu Phật Như Lai bình đẳng không hai, tu tập niệm Pháp xem tất cả pháp đồng một tánh tướng, tu tập niệm Tăng xem tất cả Tăng không có thối chuyển, tu tập niệm xả bỏ các phiền não, tu tập niệm giới thường nhớ Phật giới, tu tập niệm thiên nhớ thân hậu biên thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý, giới định trí huệ chẳng theo người khác, thanh tịnh bố thí rồi có thể được đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, bố thí các

thứ vật cần dùng có thể thành tựu đầy đủ tám mươi tùy hảo, vì muốn trang nghiêm trí huệ xuất thế nên tu đủ Tứ niệm xứ, vì muốn xa lìa tất cả phiền não nên tu đủ Tứ chánh cần, vì muốn tâm mình được đại tự tại nên tu đủ Tứ như ý, vì muốn phá các ma oán nên tu tập Tín căn, vì chẳng điên đảo nơi tất cả pháp nên tu tập Tinh tiến căn, vì làm cho nhớ biết các tội lỗi nên tu tập Niệm căn, vì làm cho các chúng sanh tâm thanh tịnh nên tu tập Định căn, vì muốn tột đỉnh tất cả pháp nên tu tập Huệ căn, vì không bị phá hoại nên tu tập Ngũ lực, vì chơn thiết biết tất cả các pháp nên tu tập Thất giác chi, vì chơn thiết biết là đạo là phi đạo nên tu tập Bát chánh đạo, vì thích nơi tịch tĩnh thiểu dục tri túc nên xa lìa ác hữu, dầu đã thông đạt tất cả sự nghiệp mà trọn chẳng ở trong đó sanh ý tưởng là độc sư, với các phiền não, tâm không tham trước trong thân ngoài thân chẳng giận thù chúng sanh chẳng nghĩ các kiến chấp, chẳng thấy có ngã ngã sở, thường tu tập lòng muốn cứu độ các chúng sanh, với các bậc Sư trưởng, Hòa thượng, cha mẹ, thiện hữu lòng thường nhớ ơn nghĩ việc báo đáp ơn ngày trước, thấy người phá giới chẳng có lòng chê trách, rút

bỏ gánh nặng vì quán ngũ ấm vậy, chẳng đua
chẳng tranh hộ pháp trì giới nhiếp thủ người
trì giới và người hộ pháp, nghe pháp nhớ pháp
cúng dường pháp, ở trong chánh pháp không
có lòng nghi, phạm lúc diễn thuyết chẳng vì
ăn uống, lúc diễn nói thì chí tâm, chẳng khinh
cũng chẳng tự cao, vì cho mầm thiện mọc nên
pháp được nghe chẳng quên mất, trông coi
người bịnh cung cấp đồ cần dùng, cúng dường
Pháp sư chẳng nói chỗ dở cũng chẳng để ý
đến dòng họ thân thế giữ giới hay phá giới,
thường thích nghe pháp chí tâm chẳng quên
chẳng thất thời tiết, thường thỉnh Pháp sư
thuyết pháp giáo hóa, nếu có lúc giảng nói
chẳng sanh lòng kiêu mạn, nghe pháp rồi hiểu
nghĩa cũng chẳng tự cao, chẳng xem lỗi lầm
của người khác, những pháp được nghe là vì
tri túc, vì chẳng dứt giống Tam bửu, vì được
trí túc mạng vô ngại, vì được chon thiết thấy
pháp tánh, vì phát tâm Vô thượng Bồ đề, vì
hộ trì chon thiết pháp của Như Lai, vì được
dòng họ tốt, vì thấy Phật pháp, và Tỳ Kheo
Tăng, vì được tâm kiên cố bất thoái, vì hành
thánh hạnh, vì nhập thánh số, vì được đại tài
bửu vô tận, vì được đại công đức vô biên, vì
được phạm âm thanh tịnh, vì được Phật công

đức, vì được đầy đủ Bồ tát, vì muốn thọ trì đọc tụng thơ tả Bồ Tát pháp tạng và lý hành, vì muốn thọ trì những pháp như vậy để rộng tuyên thuyết.

Nầy thiện nam tử ! Đại Bồ Tát được nhứt thiết pháp tự tại tam muội thì nơi tất cả sự không thể cùng tận”.

Muốn tuyên lại nghĩa ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng :

Tâm Bồ Tát tin Phật Pháp Tăng
Cũng kính tin rõ bốn chơn đế
Nếu được trí huệ không quái ngại
Đây gọi chư pháp tự tại định
Biết được khổ đế nhứt chơn đế
Cũng xa lìa được tập chơn đế
Chúng được đệ tam diệt chơn đế
Tu tập vô thượng thánh đạo đế
Thành tựu đầy đủ đại niệm tâm
Chơn thiệt xem ấm như hư không
Oai nghi nơi thân rất tịch tĩnh
Đây gọi chư pháp tự tại định
Hay xem lục nhập tánh tướng không
Cũng hay điều nhu nơi các căn

**Hay phá lưới nghi của chúng sanh
Đây gọi chư pháp tự tại định
Hay tu không vô tướng vô nguyên
Phá hoại tất cả các kiêu mạn
Các hạnh được làm không đen tối
Đây gọi chư pháp tự tại định
Xa lìa đoạn kiến và ngã kiến
Thân khẩu ý nghiệp đều tịch tĩnh
Tâm chẳng trụ trước pháp hữu vô
Đây gọi chư pháp tự tại định
Thuyết pháp chánh nghĩa không điên
đảo**

**Điều phục tất cả tâm chúng sanh
Đã nói pháp rồi không kiêu mạn
Đây gọi chư pháp tự tại định
Tu tập tất cả các thiện căn
Chẳng bị phiền não làm ô nhiễm
Tâm không nhiệt não cũng không trước
Đây gọi chư pháp tự tại định
Chẳng vì người mừng cầu Bồ đề
Cũng chẳng hư dối tu thiện pháp
Mười phương chư Phật xem tâm ấy
Đây gọi chư pháp tự tại định**

Thường thích bố thí hộ trì giới
Vì thương xót nên nhẫn các ác
Tinh tiến tu định và trí huệ
Đây gọi chu pháp tự tại định
Vì các chúng sanh tu từ tâm
Cũng không tưởng phân biệt thân thù
Thích ban chúng sanh vui vô thượng
Đây gọi chu pháp tự tại định
Điều phục chúng sanh hướng Bồ đề
Tu xả ly dục được an lạc
Thường thích tu tập ngũ thần thông
Đây gọi chu pháp tự tại định
Chánh pháp được nói chúng thích nghe
Nghĩa ấy khó hết như biển lớn
Chon thiệt biết rõ nơi pháp tánh
Đây gọi chu pháp tự tại định
Quán sát thân Phật như các pháp
Phật tánh pháp tánh vô sai biệt
Hộ pháp định tâm không thối chuyển
Đây gọi chu pháp tự tại định
Thân khẩu ý nghiệp được tịch tĩnh
Đây đủ giới định tâm vô vi
Lìa tất cả phiền não tập khí

**Đây gọi chu pháp tự tại định
Tu chúng vô thượng chon giải thoát
Cũng hay chúng được thiết tri kiến
Tu tập định huệ vô hữu biên
Đây gọi chu pháp tự tại định
Những vật bất tịnh không đem thí
Chẳng thọ tất cả bất tịnh giới
Ba mươi hai tướng thành đầy đủ
Đây gọi chu pháp tự tại định
Tu hành tất cả những bố thí
Vì vậy được tám mươi hình hảo
Ở trong Phật pháp được tự tại
Đây gọi chu pháp tự tại định
Tu tập đầy đủ tứ niệm xứ
Chánh cần hay phá các phiền não
Vì điều chúng sanh tu như ý
Đây gọi chu pháp tự tại định
Vì nhập Phật pháp tu tín căn
Vì phá ma chúng tu ngũ lực
Vì biết các pháp tu thất giác
Đây gọi chu pháp tự tại định
Tu bát chánh đạo phá đường tà
Ban cho chúng sanh vui vô thượng**

Tâm không kiêu mạn tướng làm thầy
 Đây gọi chu pháp tự tại định
 Nếu tu tập được tự tại định
 Thì hay xa lìa các phiền não
 Gần kề chư Phật chúng Bồ Tát
 Thích tu thiếu dục và tri túc
 Vì ở số thánh hơn vô thượng
 Vì độ chúng sanh tu đại bi
 Chẳng vì lợi danh diễn thuyết pháp
 Đây gọi chu pháp tự tại định
 Vì pháp chẳng tiếc thân mạng mình
 Hộ trì chánh pháp chẳng tiếc của
 Thường thích tu hành tài pháp thí
 Đây gọi chu pháp tự tại định
 Thường khuyên chúng sanh siêng nghe
 pháp
 Như họ chưa hiểu thì chẳng khinh
 Chẳng vì hơn người mà trì giới
 Đây gọi chu pháp tự tại định
 Trong vô lượng đời được nghe pháp
 Chí tâm thọ trì nói cho người
 Pháp sư vô thượng danh hiệu lớn
 Chẳng xem thời tiết giới chẳng giới

Diễn thuyết chẳng nghĩ cũng chẳng thôi
Chẳng thất thời tiết tùy ý nói
Các pháp được nói tướng như huyễn
Đây gọi chu pháp tự tại định
Lời nói chơn thiết thích lắng nghe
Nghe rồi như lời mà an trụ
Tâm không tham trước không ganh ghét
Đây gọi chu pháp tự tại định
Người hỏi không giận không khinh mạn
Thường tu từ bi không hai tướng
Hay tự trừ sạch các lỗi lầm
Đây gọi chu pháp tự tại định
Đầy đủ vô thượng thất thánh tài
Thành tựu thọ mạng vô thượng mạn
Đầy đủ Thập lực Tứ vô úy
Đây gọi chu pháp tự tại định
Thường thích nghe pháp thiện tư duy
Thiện tư duy rồi trụ như pháp
Trụ như pháp rồi vì chúng nói
Đây gọi chu pháp tự tại định
Chẳng quên Bồ đề thượng chủng tánh
Cúng dường Tam bảo được hóa thân
Khuyên dạy đại chúng được Bồ đề

Đây gọi chu pháp tự tại định
Nhãn mục thanh tịnh thấy chu Phật
Được phạm âm thanh vô hữu biên
Phạm âm vang khắp mười phương cõi
Đây gọi chu pháp tự tại định
Của báu ban cho không cùng tận
Trí huệ diễn thuyết cũng vô cùng
Cúng dường cha mẹ và sư trưởng
Đây gọi chu pháp tự tại định
Thành tựu đầy đủ trí tức mạng
Chẳng mất tâm Vô thượng Bồ đề
Sáu Ba la mật không chán đủ
Đây gọi chu pháp tự tại định
Vì muốn lợi ích các chúng sanh
Thọ Bồ Tát tạng và lý hành
Thích vì chúng sanh rộng phân biệt
Đây gọi chu pháp tự tại định
Xa lìa tất cả ác tu duy
Mười phương thế giới thấy rõ ràng
Một tâm biết được vô lượng tâm
Đây gọi chu pháp tự tại định
Một tâm biết rõ việc tam thế
Tu tập vô lượng các thần thông

**Được tối hậu thân trí vô ngại
Đây gọi chu pháp tự tại định
Thương xót chúng sanh tu đại bi
Quán sát các căn tùy ý nói
Tất cả Phật pháp được tự tại
Đây gọi chu pháp tự tại định
Nếu có được nghe sự như vậy
Chí tâm thọ trì tin thuận theo
Thì hay chúng được đạo vô thượng
Cũng như chu Phật các đời trước.**

Bất Thuận đại Bồ Tát lại bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát thành tựu pháp gì thì được nhứt thiết chu pháp tự tại tam muội như vậy ?”.

Đức Phật phán dạy : “Nầy thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đầy đủ một pháp thì có thể được tam muội ấy đó là chẳng trụ trước tất cả các pháp. Còn có một pháp đó là chẳng trụ trước cấm giới, tại sao, vì chẳng trụ trước cấm giới thì chẳng trụ trước tất cả thiện pháp, vì đầy đủ cấm giới thì có thể thành tựu tất cả Phật Pháp được lợi ích lớn vô thượng đại đạo, vì vậy mà Phật nói giới là căn bản tất cả pháp lành, giới tên là đèn sáng lớn. Nếu trụ trước nơi cấm

giới thì người này ở nơi Bồ đề bị chướng ngại, chẳng phải đạo Bồ đề. Nếu ở nơi các pháp mà có trụ trước thì cách đạo Bồ đề rất xa. Nếu không tham trước thì gần kề đạo Bồ đề. Còn có hai pháp mà Bồ Tát đầy đủ thì có thể được tam muội ấy. Một là vì Bồ đề phương tiện mà tu tập xa ma tha, hai là vì thiện pháp phương tiện mà tu tập tỳ bà xá na. Còn có ba pháp mà Bồ Tát đầy đủ thì có thể được nhứt thiết chư pháp tự tại tam muội ấy. Một là chẳng bỏ chúng sanh mà tu không tam muội, hai là chẳng bỏ các pháp mà tu vô tướng tam muội, ba là cầu các hữu mà tu vô nguyện tam muội”.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng :

**Điều phục chúng sanh tu không định
 Vì hộ pháp tu vô tướng định
 Chẳng bỏ các hữu tu vô nguyện
 Người này thì được tự tại định.**

Còn nữa, này thiện nam tử ! Có bốn pháp mà Bồ Tát đầy đủ thì được tam muội ấy. Một là đầy đủ Tứ đế phương tiện, hai là đầy đủ Tứ vô lượng tâm, ba là đầy đủ Tứ vô ngại trí và bốn là đầy đủ Tứ nhiếp pháp. Còn có năm pháp mà Bồ Tát đầy đủ thì có thể được tam

muội ấy. Một là đầy đủ Ngũ thần thông, hai là đầy đủ Ngũ căn, ba là đầy đủ Ngũ lực, bốn là đầy đủ chơn trí quán sát Ngũ ấm và năm là đầy đủ Ngũ nhãn. Còn có sáu pháp mà Bồ Tát có đủ thì được tam muội này : Một là đầy đủ sáu Ba la mật, hai là đầy đủ Lục niệm, ba là đầy đủ trí huệ quán Lục nhập, bốn là đầy đủ viễn ly Lục đạo, năm là đầy đủ Lục thông và sáu là đầy đủ Sáu pháp hòa kính. Còn có bảy pháp mà Bồ Tát có đủ thì được tam muội này : Một là vô tham xa lìa phiền não, hai là với tất cả chúng sanh không giận thù, ba là ở trong các pháp không có tâm ngu si, bốn là có trí vô ngại không có năm cái chướng, năm là quán mười hai nhơn duyên không nghi, sáu là thành tựu trí huệ vô thượng và bảy là thành tựu vô thượng tam muội. Còn có tám pháp mà Bồ Tát đầy đủ thì được tam muội này : Một là tu tập Bát chánh đạo phân, hai là lìa Bát tà đạo, ba là viễn ly Bát nạn, bốn là đầy đủ Bát đại nhơn giác, năm là đầy đủ Bát giải thoát, sáu là đầy đủ Bát thắng xứ, bảy là chuyên niệm Bồ đề và tám là dứt Tập khí phiền não. Còn có chín pháp mà Bồ Tát có đủ thì được tam muội này : Một là chẳng thất niệm tâm, hai là hiểu nghĩa thậm thâm, ba là phá hoại

ma nghiệp, bốn là đủ Phật tam muội, năm là tịnh thân khẩu ý, sáu là đầy đủ phương tiện, bảy là oai nghi thuần thiện, tám là siêng tu tinh tiến đủ sáu Ba la mật và chín là viễn ly Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo. Còn có mười pháp mà Bồ Tát có đủ thì được tam muội này : Một là đầy đủ Phật trí, hai là đầy đủ pháp giới vô phân biệt trí, ba là ở nơi tánh chơn thiết không động chuyển, bốn là đầy đủ tam thể bình đẳng trí huệ, năm là đầy đủ chúng sanh tâm bình đẳng trí, sáu là đầy đủ trí biết các căn thượng trung hạ, bảy là đầy đủ bốn trí vô ngại, tám là đầy đủ ba môn giải thoát, chín là đầy đủ trí các pháp đồng như vị và mười là đầy đủ trí các pháp vô sanh diệt.

Lúc đức Phật nói pháp này, trong pháp hội có ba vạn hai ngàn đại Bồ Tát được nhưt thiết chu pháp tự tại tam muội.

Tôn giả Tu Bồ Đề hỏi Bất Thuần đại Bồ Tát rằng : “Nay trong đại chúng có ba vạn hai ngàn vị Bồ Tát được tam muội ấy, vậy nay Đại Sĩ có được tam muội ấy chăng ?”.

Bất Thuần đại Bồ Tát đáp : “Thưa Đại Đức Tu Bồ Đề ! Nhẫn đến không có một pháp được gọi là tam muội thì làm sao tôi lại được. Phàm

nói là được đó là điên đảo, mà điên đảo là ngã ngã sở. Bồ Tát nếu có ngã ngã sở thì không thể được tam muội này”.

Tôn giả Tu Bồ Đề lại hỏi : “Đại Bồ Tát trụ chỗ nào thì được tam muội này ?”.

Bất Thuần đại Bồ Tát nói : “Nhu pháp được trụ của Tu Bồ Đề mà được giải thoát ấy thì tôi trụ như vậy mà được tam muội này”.

Tôn giả Tu Bồ Đề nói : “Tôi thiết chẳng trụ trong tất cả pháp mà được giải thoát”.

Bất Thuần đại Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức Tu Bồ Đề ! Cũng vậy, đại Bồ Tát chẳng trụ các pháp mà được tam muội này”.

Tôn giả Tu Bồ Đề nói : “Thưa Đại Sĩ ! Có lẽ đại Bồ Tát chẳng trụ nơi không vô tướng vô nguyện mà được tam muội này ư ?”.

Bất Thuần đại Bồ Tát hỏi : “Không vô tướng vô nguyện có thể trụ được chăng ?”.

Tôn giả Tu Bồ Đề nói : “Không thể trụ được”. Bất Thuần Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Vì vậy nên chỗ sở trụ không vô tướng vô nguyện là được tam muội này”.

Tôn giả Tu Bồ Đề hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Tam muội này trụ tại chỗ nào ?”.

Bất Thuần đại Bồ Tát nói : “Nhu tất cả pháp chơn thiết tánh trụ, người trụ tam muội này cũng trụ như vậy. Tất cả các pháp chơn thiết tánh đó gọi là thánh giải thoát, thánh giải thoát đó gọi là vô sở trụ. Trụ vô sở trụ trụ trong tất cả pháp. Tất cả các pháp chẳng trụ phiền não chẳng trụ giải thoát. Thưa Đại Đức ! Người được giải thoát là có đủ phiền não hay là không có phiền não ?”.

Tôn giả Tu Bồ Đề nói : “Thưa Đại Sĩ ! Tôi cũng chẳng có chẳng phải chẳng có”.

Bất Thuần đại Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Nếu Đại Đức chẳng có chẳng phải chẳng có ấy thì Ngài được gì mà gọi là giải thoát ?”.

Tôn giả Tu Bồ Đề nói : “Thưa Đại Sĩ ! Nếu giả sử pháp giới mà có hệ phược thì tôi được giải thoát, nhưng pháp giới tánh không có tướng hệ phược không có tướng giải thoát, chẳng phải tướng, chẳng phải tướng như, chẳng phải các thứ tướng, chẳng phải một tướng chẳng phải nhiều tướng, như tướng pháp giới, giải thoát cũng vậy”.

Lúc Tôn giả Tu Bồ Đề nói pháp ấy, trong đại chúng có tám ngàn Tỳ Kheo được quả A La Hán.

Tôn giả Tu Bồ Đề lại nói với Bất Thuần đại Bồ Tát : “Thưa Đại Sĩ ! Như lời đức Phật đã nói : nếu có thể đầy đủ các pháp như vậy thì được nhứt thiết pháp tự tại tam muội ấy, nay Đại Sĩ có đầy đủ tam muội này chăng ?”.

Bất Thuần đại Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức Tu Bồ Đề ! Tất cả các pháp không có căn trụ, nếu pháp không có căn thì là không có trụ, mà vô trụ thì gọi là vô tác, nếu đã là vô tác thì làm sao trụ được”.

Tôn giả Tu Bồ Đề nói : “Nếu vô trụ như vậy, tại sao đức Như Lai thường nói rằng trụ pháp như vậy thì được Vô sanh nhẫn ?”.

Bất Thuần đại Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Vô sở trụ ấy cũng gọi là trụ, vì vậy mà đức Như Lai cũng nói rằng trụ tham mà được giải thoát, mà trí huệ tánh chẳng thể hoại tham trụ nơi giải thoát. Nếu Bồ Tát biết được trụ chẳng trụ như vậy thì gọi là Vô sanh trí huệ, trụ trong Vô sanh trí huệ ấy rồi thì có thể được Vô sanh pháp nhẫn.

Còn nữa, thưa Đại Đức ! Nếu Bồ Tát chẳng rời phàm phu mà biết được thánh pháp, dùng tâm phàm phu quán sát thánh pháp, dùng thánh pháp tánh quán sát nơi nhẫn, dùng nhẫn

tánh quán sát nơi nhãn, lại dùng nhãn như vậy quán sát tất cả pháp, biết tất cả như vậy thì gọi là Vô sanh pháp nhãn.

Còn nữa, thưa Đại Đức ! Nếu Bồ Tát quán sát hai thứ giới là chúng sanh giới và pháp giới, dùng pháp giới tánh quán sát chúng sanh tánh, dùng chúng sanh tánh quán pháp giới tánh. Nếu rời pháp giới thì không có chúng sanh giới, pháp giới và chúng sanh giới vô sanh vô diệt. Nếu có thể thông đạt biết như vậy thì gọi là Vô sanh trí, Vô sanh trí là Vô sanh nhãn.

Còn nữa, thưa Đại Đức ! Đại Bồ Tát biết từ mười hai nhơn duyên sanh các pháp, từ sáu cảnh giới làm sáu nhơn duyên cho thiện hoặc bất thiện, thiện và bất thiện ấy là không sanh diệt, tại sao, vì tánh cảnh giới chẳng sanh các pháp được. Như sáu cảnh sáu nhập cũng vậy, chẳng sanh được các pháp, tại sao, vì là tánh vô sanh vậy. Nếu sáu nhập ấy mà hay sanh được các pháp thì lẽ ra thường sanh mà chẳng cần duyên ngoài. Nếu sáu cảnh giới tánh nó hay sanh được các pháp thì lẽ ra thường sanh chẳng cần duyên trong. Còn nếu là chung sanh thì có hai tướng, pháp hai tướng thì tánh

của nó không chơn thiết. Bồ Tát Không đạt biết rõ như vậy thì gọi là Vô sanh nhẫn. Nếu có chơn trí huệ như vậy thì gọi là Bồ Tát được Vô sanh nhẫn.

Còn nữa, thưa Đại Đức ! Nếu Bồ Tát thành tựu đầy đủ hai thứ trang nghiêm công đức trí huệ quán hai sự này bình đẳng không hai, dầu biết như vậy mà không nói là tôi biết, cũng ở nơi sự biết ấy không tham trước, đây gọi là Vô sanh nhẫn.

Còn nữa, thưa Đại Đức ! Đại Bồ Tát thân ý tịch tĩnh quán pháp tịch tĩnh, pháp tịch tĩnh rồi quán Bồ đề tịch tĩnh, Bồ đề tịch tĩnh rồi quán nhẫn tịch tĩnh, cũng chẳng theo kia chẳng trụ trước nội ngoại, đây gọi là Bồ Tát Vô sanh pháp nhẫn”.

Lúc Bất Thuần đại Bồ Tát nói pháp ấy, trong chúng của Bất Thuần đại Bồ Tát có năm trăm Bồ Tát được Vô sanh pháp nhẫn.

Đức Phật phán khen : “Lành thay lành thay, này Bất Thuần ! Như lời người diễn nói về vô sanh pháp nhẫn tức là chơn thiết như chư Phật thuở trước đã nói.

Lại nầy thiện nam tử ! Bồ Tát nếu được tâm tự tại thì được nhứt thiết chư pháp tự tại tam muội. Thế nào gọi là tâm tự tại ?

Nầy thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát xa lìa tham ái được thân Thiên Đế Thích hoặc được thân Chuyển Luân Vương, dầu vì vô lượng chúng sanh nói sự vui ngũ dục, nhưng nội tâm thiệt chẳng tham trước thế dục, đây gọi là Bồ Tát tâm được tự tại.

Lại nầy thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát tu tập tam muội Tứ vô lượng tâm, lúc cầu sanh các hữu chẳng dùng tâm các hữu mà dùng tâm trí huệ. Dầu sanh Dục giới mà chẳng nhon nơi dục tâm, tâm ấy chẳng hề xa lìa Tam bửu thường tu tập trang nghiêm sáu Ba la mật, dùng Tứ nhiếp pháp nhiếp lấy chúng sanh, vì điều phục chúng sanh mà tu tập Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đây gọi là Bồ Tát tâm được tự tại.

Lại nầy thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát tu tập không vô tướng vô nguyện, tự mình chẳng chúng không vô tướng vô nguyện mà vì chúng sanh diễn nói ba môn giải thoát ấy, vì điều phục hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật mà nhập vô sanh chánh định các môn tam muội rồi vì

họ thuyết pháp, họ được nghe pháp rồi liền được giải thoát, mà mình thì không chứng đó, cũng làm cho chúng sanh chẳng bỏ bồ đề, đây gọi là Bồ Tát tâm được tự tại.

Lại này thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát vì điều phục hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật mà nhập khối vô sanh diệt chánh định, cũng được diệt tận định, còn có thể thông đạt tất cả tam muội xuất nhập hành tướng, đều được thông đạt tự tại như vậy mà chẳng chứng nơi diệt tận định, tại sao, vì chưa đầy đủ Phật pháp vậy, đây gọi là Bồ Tát tâm được tự tại.

Lại này thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát dùng trí bình đẳng quán sát pháp giới, các thứ thế gian, các loại chúng sanh, các thứ thuyết pháp, các thứ phương tiện, đây gọi là Bồ Tát tâm được tự tại.

Lại này thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát sanh trời trường thọ chưa hết tuổi thọ trời mà thân cũng sanh trong loài đoản mạng vì để điều phục các chúng sanh, đây gọi là Bồ Tát tâm được tự tại.

Lại này thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát đồng với hạnh Thanh Văn và Bích Chi Phật mà tâm hộ niệm đạo Bồ đề cũng tu hạnh vi diệu Bồ

đề, vì hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật mà tùy ý thuyết pháp nhưng chẳng chứng, đây gọi là Bồ Tát tâm được tự tại.

Lại này thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát khéo hiểu tám vạn bốn ngàn pháp môn, cũng thông đạt phiền não hành xứ, vì đoạn dứt phiền não cho các chúng sanh nên ở trong ấy thuyết pháp mà chẳng bị các phiền não làm nhiễm ô, đây gọi là Bồ Tát được tâm tự tại.

Lại này thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát đầy đủ thần thông, nếu có các chúng sanh đui điếc què thọt, đại Bồ Tát tự biến thân đồng như họ mà thuyết pháp cho họ, đây gọi là Bồ Tát được tâm tự tại.

Lại này thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát đầy đủ trí huệ thông đạt ngoại điển khéo hiểu tà luận, mà nội tâm chẳng bị tà kiến, chỉ vì muốn điều phục chúng sanh mà học tập đạo ấy, đây gọi là Bồ Tát tâm được tự tại.

Này thiện nam tử ! Bồ Tát đầy đủ các sự như vậy thì gọi là tâm tự tại, cũng gọi là được nhứt thiết chư pháp tự tại tam muội”.

Tôn giả Tu Bồ Đề bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Bất Thuần đại Bồ Tát được tam muội ấy đã bao lâu ?”.

Đức Phật phán dạy : “Nầy Tu Bồ Đề ! Quá khú vô lượng a tăng kỳ kiếp, bây giờ có Phật hiệu Tụ Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn, thế giới ấy tên Tịnh, kiếp ấy cũng tên là Tịnh. Quốc độ ấy bằng phẳng thât bửu trang nghiêm như Trời Đâu Suất, món ăn vật uống đều sung túc, các chúng sanh cõi ấy không có tham dục sân hận ngu si, phần đông có trí huệ hiểu được lời Phật dạy, tất cả đều có chí nguyện Đại thừa vô thượng. Pháp hội của Phật Tụ Tại Vương có tám vạn bốn ngàn Bồ Tát, ba vạn hai ngàn Thanh Văn. Lúc ấy thế gian có Chuyển Luân Thánh Vương tên Quảng Trì hiệu là Pháp Vương có đủ thât bửu là luân bửu, tượng bửu, mã bửu, nữ bửu, châu bửu, binh bửu và chủ tạng bửu, đủ ngàn Vương Tử, trị tứ thiên hạ chỉ dùng chánh pháp không dùng đao gậy, thương mển chúng sanh dạy họ thập thiện nghiệp, tất cả chúng sanh ấy cũng thích thọ trì. Bảy giờ ngàn Vương Tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thánh Vương Quảng Trì cúng dường đức Như Lai Tụ Tại Vương cùng chúng Bồ Tát chúng Thanh Văn

tất cả đại chúng những món ăn uống thuốc men giường ghế y phục, những vật cần dùng mãn một vạn năm rồi, nhà vua phát tâm Vô thượng Bồ đề vì vô thượng đạo mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Đức Phật Tự Tại Vương thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Vua có một Vương Tử tên là Pháp Ngũ do tín tâm mà xuất gia trong Phật pháp ấy siêng tu tinh tiến thanh tịnh trì giới vì được Vô thượng Bồ đề đạo. Pháp Ngũ Tỳ Kheo trong thời gian hai vạn năm không ngủ dầu chỉ là khoảng khảy ngón tay, chẳng sanh tâm tham tâm sân tâm si, cũng không có những giác quán bất thiện, chẳng nhớ tưởng đến cha mẹ, thân tộc, quyến thuộc, ăn uống, y phục, phòng nhà, ngọa cụ, vật cần dùng, cũng chẳng hay biết tướng ngày tướng đêm. Trong hai vạn năm thường tu niệm Phật. Do siêng tu tinh tiến mà Pháp Ngũ Tỳ Kheo được Tứ thiên, Tứ vô lượng tâm, Tứ vô sắc định. Quá hai vạn năm, Pháp Ngũ Tỳ Kheo đến chỗ Phật đầu mặt đánh lễ hữu nhiễu ba vòng đứng qua một phía bạch Phật rằng : Bạch đức Thế Tôn ! Tôi phát tâm Vô thượng Bồ đề vì ban cho tất cả chúng sanh sự an vui, vì muốn điều phục tất cả chúng sanh. Mong đức Thế Tôn thương xót chỉ bảo cho tôi làm thế

nào được có thể giáo hóa chúng sanh tuyên nói chánh pháp. Đức Tự Tại Vương Phật nói : Nầy Pháp Ngũ ! Có tám môn đà la ni, nếu thành tựu thì được vô ngại ngữ có thể thuyết pháp cho chúng sanh. Những gì là tám ? Một là niệm Phật vì biết pháp thân vậy, hai là niệm Pháp vì biết tịnh pháp vậy, ba là niệm Tăng vì biết vô ngại vậy, bốn là chơn thiết tu duy vì phá ác giác quán vậy, năm là biết chữ vì bất khả thuyết vậy, sáu là tu xa ma tha vì biết các pháp đồng nhút vị vậy, bảy là tu tỳ bà xá na vì biết các pháp bốn tánh thanh tịnh vậy và tám là tu phương tiện trí vì được nhần vậy. Nầy Tỳ Kheo ! Có đủ tám môn đà la ni ấy thì kham có thể tuyên nói chánh pháp giáo hóa chúng sanh. Nầy Tỳ Kheo ! Còn có tám tinh tiến mà Bồ Tát có đủ thì có thể tuyên nói chánh pháp giáo hóa chúng sanh. Một là cầu pháp siêng tu tinh tiến, hai là trì pháp siêng tu tinh tiến, ba là quán pháp siêng tu tinh tiến, bốn là thuyết pháp siêng tu tinh tiến, năm là hộ pháp siêng tu tinh tiến, sáu là cúng dường Pháp sư siêng tu tinh tiến, bảy là thủ hộ người thọ pháp siêng tu tinh tiến và tám là như pháp mà trụ siêng tu tinh tiến. Nầy Tỳ Kheo ! Còn có tám pháp Bồ Tát có đủ

thì có khả năng giáo hóa chúng sanh : Một là tu từ vì bình đẳng quán chúng sanh vậy, hai là tu bi vì điều phục chúng sanh vậy, ba là quán pháp vì được pháp vô thượng vậy, bốn là quán trí vì phá kiêu mạn vậy, năm là hộ các chúng sanh vì ban an lạc vậy, sáu là thiện tư duy vì phá các phiền não vậy, bảy là tu pháp trợ đạo vì trang nghiêm Bồ đề vậy và tám là hộ pháp vì đầy đủ lực độ vậy. Này Tỳ Kheo Pháp Ngũ ! Đại Bồ Tát nếu có thể đầy đủ những pháp như vậy thì có thể giáo hóa tất cả chúng sanh.

Tỳ Kheo Pháp Ngũ nghe pháp ấy rồi trong thời gian một vạn năm nhiếp tâm tư duy siêng tu tinh tiến vì để được những pháp ấy. Do tinh tiến nên được vô tận khí đà la ni giỏi hiểu ngũ ngôn của tất cả chúng sanh rồi theo ngũ ngôn của mỗi loài mà thuyết pháp. Được đà la ni ấy rồi lại được vô tận biện tài. Được các pháp như vậy rồi Tỳ Kheo Pháp Ngũ du hành khắp các nước các thành ấp tụ lạc giáo hóa vô lượng chúng sanh an trụ tam thừa đạo, vì cha mẹ tôn tộc quyến thuộc thuyết pháp đều làm cho tất cả được tùy thuận pháp nhẫn. Tỳ Kheo Pháp Ngũ lại đến chỗ đức Tỳ Tại Vương Phật đầu mặt đánh lễ đi nhiễu ba vòng

đúng qua một phía mà bạch rằng : Bạch đức Thế Tôn ! Như trước kia đức Phật đã dạy bảo tôi do đó đã chứng được Phật thân lục đã được Thánh trí huệ. Bạch đức Thế Tôn ! Còn có tam muội gì mà Bồ Tát tu tập rồi được bất thối chuyển tăng trưởng thiện pháp chẳng ? Đức Tự Tại Vương Phật nói : Này Tỳ Kheo, có tam muội tên là nhứt thiết pháp tự tại, Bồ Tát tu tập rồi thì tâm chẳng thối chuyển cũng được tăng trưởng thiện pháp. Tỳ Kheo Pháp Ngũ nghe tên tam muội nhứt thiết pháp tự tại ấy liền bạch đức Tự Tại Vương Phật rằng : Bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát hành thế nào tu thế nào học thế nào để có thể được tam muội ấy ? Đức Phật nói : Này Tỳ Kheo ! Có tám pháp tám trang nghiêm và tám phát tâm, Bồ Tát có đủ thì được tam muội ấy.

Những gì là tám pháp ? Đó là tịnh tâm, chí tâm, thí tâm, ly phiền não tâm, quán lục giới, tu nhẫn, siêng tinh tiến và tu chánh định thân tâm tịch tĩnh.

Những gì là tám trang nghiêm ? Đó là xả, giới, công đức, trí, xa ma tha, tỳ bát xá na, phá Bồ đề tâm và trang nghiêm tất cả Phật pháp.

Những gì là tám phát tâm ? Đó là phát tâm không có chúng sanh thọ mạng sẽ phun hấn đến cũng không có chu Phật. Phát tâm tất cả các pháp vô thường khổ vô ngã. Phát tâm tất cả các pháp không vô tướng vô nguyên. Phát tâm pháp vị lai không có trụ xứ. Phát tâm hiện tại các pháp không có trụ xứ. Phát tâm tất cả các pháp không có nghiệp nhơn quả báo. Phát tâm tất cả các pháp không có tác giả không có thọ giả. Phát tâm tất cả các pháp không có hệ thuộc. Bồ Tát có đủ tám pháp tám trang nghiêm và tám phát tâm như vậy thì có thể được nhứt thiết pháp tự tại tam muội.

Nghe rồi, Tỳ Kheo Pháp Ngũ tinh tiến tu tập chẳng lâu liền được nhứt thiết pháp tự tại tam muội ấy. Được tam muội rồi Tỳ Kheo ấy phóng quang minh chiếu khắp Đại Thiên thế giới. Tỳ Kheo Pháp Ngũ lại đến chỗ đức Phật đánh lễ hữu nhiễu ba vòng thẳng lên hư không cao một cây đa la ngồi kiết già mãn một ngàn năm chẳng động chẳng lay dùng pháp hỉ làm món ăn, được trí lạc thuyết vô ngại làm cho ba vạn sáu ngàn ức chúng sanh được tâm bất thối chuyển, vô lượng chúng sanh an trụ tam thừa. Quá một ngàn năm, Tỳ Kheo

Pháp Ngũ rời chỗ ngồi bạch đức Phật Tụ Tại Vương rằng : Bạch đức Thế Tôn ! Đức Như Lai do siêng năng tinh tiến mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chớ chẳng phải là do giải đãi. Đức Tụ Tại Vương Phật bảo Tỳ Kheo Pháp Ngũ rằng : Nầy thiện nam tử ! Người đã ở trong vô biên vô lượng đời thành tựu vô lượng vô biên công đức nên mau được thần thông như vậy. Nầy thiện nam tử ! Thuở trước ông đã ở chỗ bảy vạn sáu ngàn ức chư Phật trồng các căn lành tịnh tu phạm hạnh, do thiện căn quá khứ ấy mà được thiện quả hôm nay vậy”.

Đức Phật bảo Tôn giả Tu Bồ Đề : “Nầy Tu Bồ Đề ! Ông có biết thuở xa xưa nơi đức Phật Tụ Tại Vương ở Tịnh thế giới trong Tịnh kiếp, Tỳ Kheo Pháp Ngũ được nhưt thiết pháp tụ tại tam muội là người nào chăng ? Chính là đại Bồ Tát Bát Thuần đây vậy. Đại Bồ Tát này đã được vô lượng vô biên công đức”.

Lúc đức Thế Tôn vì Tôn giả Tu Bồ Đề nói nhưn duyên thuở trước của đại Bồ Tát Bát Thuần, có ba vạn hai ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Trên hư không, chư Thiên Long Bát Bộ mưa những hoa hương để

cúng dường Bất Thuần đại Bồ Tát mà đồng thanh nói rằng : “Chúng tôi hôm nay thấy đại Bồ Tát Bất Thuần này được lợi ích rất lớn”.

Bấy giờ Tôn giả Tu Bồ Đề nói với Bất Thuần đại Bồ Tát : “Đại Sĩ từ lâu đã tu phạm hạnh thanh tịnh”.

Bất Thuần đại Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức Tu Bồ Đề ! Luận về phạm hạnh chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại. Nếu chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại tức là vô tác, nếu là vô tác thì gọi là hạnh. Hạnh như vậy gọi là vô sanh, gọi là vô tranh, không có ngôn thuyết và oai nghi. Thưa Đại Đức ! Vì chẳng phải nhân hành nên gọi là phạm hạnh, vì chẳng phải nhĩ tỷ thiệt thân và ý hành nên gọi là phạm hạnh. Vì chẳng phải sắc hành nên gọi là phạm hạnh, vì chẳng phải thanh, hương, vị, xúc và pháp hành nên gọi là phạm hạnh. Cũng vì chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành và thức hành nên gọi là phạm hạnh. Phạm hạnh ấy chẳng phải tướng, chẳng phải duyên, chẳng phải kiến, chẳng phải văn, chẳng phải tri, chẳng phải giác.

Thưa Đại Đức ! Các pháp như vậy không có đi đến không có đứng dừng, không có kéo níu,

không có số lượng, không có trên dưới, đây gọi là phạm hạnh vậy”.

Tôn giả Tu Bồ Đề nói : Thưa Đại Sĩ ! Phạm hạnh ấy gọi là bát chánh đạo”.

Bất Thuần đại Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Thế nào phạm hạnh gọi là bát chánh đạo ?

Thưa Đại Đức ! Nếu lấy chánh kiến làm phạm hạnh ấy, chẳng thấy các pháp gọi là chánh kiến, bình đẳng thấy các pháp gọi là chánh kiến, thấy chẳng thấy mới gọi là chánh kiến. Nếu chẳng thấy thì thế nào được gọi là chánh kiến ư ! Nếu không có chánh kiến thì thế nào được gọi là phạm hạnh ư !

Không có tư duy gọi là chánh tư duy, luận về người có tư duy thì gọi là điên đảo. Nếu điên đảo thì thế nào được nói là chánh tư duy ư ! Nếu không có chánh tư duy thì thế nào được gọi là phạm hạnh ư !

Tất cả âm thanh thấy đều bình đẳng. Hoặc thiện hoặc ác hoặc một hoặc hai hoặc quá khứ hoặc vị lai hoặc hiện tại hoặc tất cả chữ hoặc tất cả tiếng đều gọi là như hưởng vang, nếu là hưởng vang ấy thì thế nào được nói là chánh ngữ ư ! Tất cả âm thanh bình đẳng ấy, tất cả hành pháp đều vô thường khổ vô ngã

là Niết bàn tịch tĩnh, nếu có thể bình đẳng quán tất cả các pháp như tướng Niết bàn và người diễn thuyết ấy cũng như vậy thì gọi là chánh ngữ.

Không có thân không có thân nghiệp, không có khẩu không có khẩu nghiệp, không có ý không có ý nghiệp, tại sao, vì không có nghiệp xú vậy. Nếu có nghiệp xú thì là có ngã và ngã sở. Nếu không có ngã ngã sở thì không có nghiệp quả. Quán như vậy thì gọi là chánh nghiệp.

Nếu vì sống còn mà làm tà mạng, xa lìa tà mạng thì gọi là chánh mạng. Nếu quán tất cả không ngã ngã sở không có chúng sanh thọ mạng sĩ phu. Như kia đã không có thì thế nào được gọi là chánh mạng ư ! Nơi nhãn thức sắc chẳng sanh nhiễm trước, nhãn thức tánh rỗng không, vì nhãn thức tánh không nên nhãn và sắc cũng rỗng không. Nếu nhãn sắc và thức rỗng không đến ý pháp và thức cũng rỗng không như vậy. Quán như đây thì gọi là chánh mạng.

Không có điên đảo đoạn dứt các tình tiến gọi là chánh tình tiến : không có pháp tình tiến, không có người tình tiến, không có đầy

đủ thành tựu tinh tiến, không có tinh tiến làm lợi ích ấy. Nếu có thể quán sát các pháp như vậy thì gọi là chánh tinh tiến.

Nếu có thể khắp niệm tất cả pháp bình đẳng như hư không, tất cả các pháp ẩm nhập giới cũng như vậy. Nếu có thể quán các pháp như vậy thì gọi là chánh niệm.

Quán tất cả pháp đều bình đẳng không có ngã không có ngã sở, nếu có thể bình đẳng quán tất cả các pháp như vậy thì gọi là chánh định.

Thưa Đại đức ! Nếu có thể quán tất cả pháp tánh bình đẳng như vậy thì gọi là bát chánh đạo, gọi là phạm hạnh. Chẳng phải lấy số mà gọi là bát chánh đạo, chẳng phải bát chánh đạo mà gọi là phạm hạnh, chẳng phải vì đạo thể tục mà gọi là phạm hạnh, chẳng phải vì chấp tâm mà gọi là phạm hạnh, chẳng phải vì hai tướng mà gọi là phạm hạnh, nếu thấy các pháp không có trụ xứ mới gọi là phạm hạnh vậy”.

Lúc Bát Thuần đại Bồ Tát vì đại chúng mà nói phạm hạnh như vậy, có năm trăm Tỳ Kheo là các phiến não được quả A La Hán.

Tôn giả Tu Bồ Đề nói : “Lành thay, lành thay! Đại Sĩ rất giỏi nói pháp ấy như bực A La Hán lìa các phiền não nói không có khác.

Bất Thuần đại Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức Tu Bồ Đề ! Nay tôi cũng là bực lìa phiền não, cũng là A La Hán, tôi cũng xa lìa các pháp Thanh Văn Duyên Giác phiền não. Tôi như pháp trụ nên gọi là A La Hán”.

Tôn giả Tu Bồ Đề bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Bất Thuần đại Bồ Tát này lại thuyết vô ngại chẳng thể nghĩ bàn biện tài lợi trí tùy chỗ hỏi mà đáp”.

Đức Phật phán dạy : “Này Tu Bồ Đề ! Bất Thuần Bồ Tát được nhứt thiết pháp tự tại tam muội, vì vậy nên có thể tùy chỗ hỏi mà đáp. Nếu Bồ Tát được tam muội ấy thì tất cả thế gian Trời, Người, Ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn không ai có thể lường ngại được lạc thuyết vô ngại của Bồ Tát ấy”.

Thiên Đế Thích bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có người trong vô lượng đời đầy đủ công đức mới thấy được Bất Thuần đại Bồ Tát và nghe thuyết pháp. Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thọ trì kinh này đọc tụng

thơ tả giải nói cho người, và người nghe pháp đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên biết các hạng người này sẽ như Bất Thuần đại Bồ Tát làm sư tử hống. Bạch đức Thế Tôn ! Đế Thích tôi sẽ ủng hộ các người ấy”.

Đức Phật phán dạy : “Lành thay, lành thay, Kiều Thi Ca ! Nay ông có thể chí tâm hộ trì chánh pháp như vậy”.

Phạm Vương bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Tôi sẽ thích tu xả định tam muội rời bỏ vui thiên định để đến hộ trì Phật pháp và người thuyết pháp cho họ lìa bệnh khổ. Tùy quốc độ nào mà có chỗ thuyết pháp tôi sẽ thọ sanh nơi ấy chí tâm nghe pháp và thọ trì. Nếu có quốc độ nào nghe thọ kinh này và cúng dường tam bảo, tôi cũng trừ diệt ác tướng nơi ấy, cho quốc độ ấy thanh tịnh an vui chánh pháp được lưu truyền giáo hóa rộng rãi”.

Đức Phật phán khen : “Lành thay, lành thay, Phạm Vương chon thiết hộ pháp. Nếu có người có thể hộ pháp như vậy phải biết người ấy trọn chẳng xa lìa Tam bảo”.

Tứ Thiên Vương bạch Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi cũng có thể thủ hộ người thọ

trì đọc tụng thơ tả giải thuyết pháp thâm thâm này”.

Đức Phật phán dạy : “Lành thay, lành thay, nầy các thiện nam tử ! Nếu người biết rõ chánh pháp thì người ấy mới có thể ủng hộ pháp này. Các ông ở chỗ Phật được nghe pháp rồi liền được pháp nhãn dứt các ác đạo, nếu lại chí tâm hộ trì chánh pháp thì chẳng lâu sẽ dứt tất cả các hữu”.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Tôn giả A Nan : “Nầy A Nan ! Ông nên thọ trì kinh điển như vậy vì bốn bộ chúng mà nói rộng nghĩa ấy”.

Tôn giả A Nan bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Tôi có thể thọ trì kinh điển như vậy đúng như lời Phật dạy rộng vì tứ chúng mà tuyên nói phân biệt giải thích”.

Đức Phật nói kinh này rồi, Trời Rồng Bát Bộ tất cả đại chúng nghe lời đức Phật dạy đều rất vui mừng đồng thanh khen rằng : Lành thay, lành thay !

PHÁP HỘI BÁT THUẦN BỐ TÁT - THỨ NĂM MƯƠI BA

HẾT

LIV

PHÁP HỘI

HẢI HUỆ BỒ TÁT

THỨ NĂM MUOI BỐN

(Hán bộ từ quyển 133 đến quyển 136)

Hán dịch : Tam Tạng Đàm Vô Sấm.

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn ở giữa hai cõi Dục giới và Sắc giới trong đại bửu phòng đình cùng các hàng đại chúng vây quanh thuyết pháp.

Bấy giờ nước tràn đầy cả Đại Thiên thể giới như đại hải, cũng như lúc kiếp tận mà thủy tai khởi lên : Dầu nước tràn đầy cả Đại Thiên thể giới như vậy, song các thể giới Thiên cung, quốc độ, thành ấp, tụ lạc, nhà cửa, rừng vườn đến Trời Sắc Giới không hề bị hư hại, tất cả đều như cũ, nhưng đại chúng đều thấy nước đầy tràn khắp mọi nơi. Trong nước mọc ra vô lượng hoa phân đà lợi thanh lưu ly làm cọng, chon kim làm cánh, công đức bửu làm gương, đế thích bửu làm tua, vòng quanh còn

có vô lượng hoa ngang rộng mười dặm tại trong đại bửu phòng đình cao một cây đa la.

Pháp hội đại chúng mỗi người đều riêng thấy tự mình ở trên hoa báu ấy. Hoa ấy lại phát ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới. Tất cả đại chúng đều vui mừng nghĩ rằng hôm nay chắc chắn chúng ta sẽ được nghe pháp thù thắng vi diệu.

Di Lặc Bồ Tát liền từ chỗ ngồi dậy lễ chun đúc Phật hữu nhiễu ba vòng, quỳ dài trên hoa sen báu cung kính chấp tay bạch rằng : “Bạch đúc Thế Tôn ! Có duyên có gì mà nước tràn đầy cả Đại Thiên thế giới như đại hải lại cũng như lúc kiếp tận thủy tai nổi lên, trong nước lại mọc vô lượng hoa sen trắng phát ánh sáng lớn chiếu khắp cả mười phương vô lượng thế giới ?”.

Đúc Phật phán dạy : “Này Di Lặc ! Ở Hạ phương quá Đại Thiên thế giới vi trần số quốc độ có một thế giới tên là Bửu Trang Nghiêm, đúc Phật tại thế giới ấy hiệu là Hải Trí Thần Thông Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật Thế Tôn, nơi ấy có đại Bồ Tát hiệu

là Hải Huệ cùng vô số Bồ Tát muốn đến đại bửu phòng đình này để nghe kinh pháp nên hiện ra thoại ứng như vậy”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thế giới Bửu Trang Nghiêm ở Hạ phương cách đây quá xa, đại Bồ Tát Hải Huệ ở tại đó mà có nghe được lời đức Thế Tôn nói pháp tại đây chăng ?”.

Đức Phật nói : “Này Xá Lợi Phất ! Như nay người ở trước ta nghe tiếng ta nói thế nào thì Hải Huệ ở thế giới kia cũng nghe tiếng ta nói như vậy. Như nay người cùng đại chúng trong pháp hội này thấy ta thế nào thì Hải Huệ ở thế giới kia thấy ta cũng như vậy”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát có thần thông chẳng thể nghĩ bàn, ở cách xa vô lượng thế giới mà có nhãn thông nhĩ thông vô ngại vô chướng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn ! Có ai được nghe sự bất tư nghị này mà sẽ chẳng phát tâm Vô thượng Bồ đề, chỉ trừ kẻ hạ liệt bất tiểu thôi”.

Bấy giờ Hải Huệ đại Bồ Tát đầy đủ sức vô lượng thần thông trong khoảng một niệm ở thế giới kia ẩn mất bỗng nhiên hiện ra trong

đại bửu phòng đình này rồi liền nhập tam muội làm cho tất cả đại chúng đều với thấy thế giới Bửu Trang Nghiêm bao nhiêu như dân trời người cùng tất cả cảnh vật đều rõ ràng, cũng thấy đức Phật Hải Trí Thần Thông cùng các đại chúng vây quanh thuyết pháp.

Dùng thần thông lực cho đại chúng thấy những sự ấy rồi, Hải Huệ đại Bồ Tát từ tam muội an tường dậy rời chỗ ngồi đến đánh lễ chun đức Phật hữu nhiều ba vòng, dâng các thứ hoa hương kỹ nhạc ở thế giới mình cúng dường đức Phật mà bạch rằng : “Hạ phương Bửu Trang Nghiêm thế giới Hải Trí Thần Thông Như Lai gởi lời hỏi thăm đức Thế Tôn cùng tất cả đại chúng vô lượng an ổn”.

Bạch xong, đại Bồ Tát Hải Huệ ngồi qua một phía trên bửu liên hoa.

Phạm Thiên Vương hiệu là Tu Bi nghĩ rằng nay có sao có nước tràn đầy Đại Thiên thế giới mà chẳng phải là thủy tai. Ta nên đến hỏi đức Phật. Phạm Thiên Vương Tu Bi liền cùng sáu vạn tám ngàn Phạm Thiên đồng đến Đại Bửu Phòng Đình đánh lễ hữu nhiều đức Phật ba vòng rồi quỳ dài chấp tay bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Có như duyên gì mà cả

Đại Thiên thế giới có đầy những hoa sen bảy báu trang nghiêm, chư Bồ Tát chúng vô lượng đều thứ đệ ngồi trên hoa báu, lại còn có nước tràn đầy khắp mọi nơi”.

Đức Phật bảo Phạm Thiên Vương : “Nầy thiện nam tử ! Đây là thần thông lực của đại Bồ Tát Hải Huệ”.

Phạm Thiên Vương Tu Bi bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nay đức Phật nói kinh điển Đại Tập này còn chưa xong ư ?”.

Đức Phật phán bảo Phạm Thiên Vương : “Nầy thiện nam tử ! Lạc thuyết vô ngại của Như Lai không có cùng tận.

Nầy Phạm Vương ! Đức Phật cùng vô lượng chư đại Bồ Tát đại chúng quán sát pháp giới giảng luận pháp giới pháp lạc vi diệu cũng chẳng cùng tận”.

Phạm Thiên Vương bạch rằng : “Đức Thế Tôn nói đại Bồ Tát Hải Huệ ấy là ai vậy ?”.

Đức Phật nói : “Nầy Phạm Thiên Vương ! Nay ông chẳng thấy vị đại Bồ Tát đương ngồi trên hoa sen báu lớn mười do tuần được chư Bồ Tát vây quanh cung kính tán thán đó ư ! Thân đại Bồ Tát ấy đoan nghiêm chiếu sáng, chỉ trừ Như Lai không còn ai sánh bằng”.

Phạm Thiên Vương Tu Bi được thấy Hải Huệ đại Bồ Tát sanh lòng cung kính liền đánh lễ và nói rằng : “Nếu có ai được thấy bực Chánh Sĩ nầy thì được lợi ích lớn, nay tôi được gặp cũng có lợi ích lớn như vậy.

Bạch đức Thế Tôn ! Nay chánh pháp nầy sẽ còn được bao lâu ?”.

Đức Phật nói : “Nầy thiện nam tử ! Chánh pháp nầy như tuổi thọ của Như Lai. Sau khi Phật nhập Niết bàn, chư đại Bồ Tát nầy cũng hộ trì pháp ấy, tại sao, vì kinh điển nầy là ấn của chư Phật quá khứ vị lai hiện tại”.

Bấy giờ Hải Huệ đại Bồ Tát vọt thân lên hư không cao bảy cây đa la thị hiện thân mình cùng thần lực trí huệ vì muốn cho đại chúng sanh tín tâm cùng trang nghiêm kinh nầy mà tuyên nói kệ rằng :

**Hạ phương thế giới Bửu Trang Nghiêm
Hải Trí Thần Thông Phật Thế Tôn
Thường vì chúng sanh diễn diệu pháp
Tôi nghe thọ trì dạy lại người
Nay tôi đến trong đại chúng nầy
Cung kính cúng dường Thích Ca Phật
Quyến thuộc cùng đến chư Bồ Tát**

Vì phá lòng nghi trong pháp này
Nay tôi kính lễ đấng Vô Thượng
Trần thiết cúng dường đúng như pháp
Vì muốn trang nghiêm đại Bồ đề
Giáo hóa chúng sanh đạo vô thượng
Nếu quán sắc pháp không có tướng
Cũng đoạn ly được ba thú thọ
Nếu không tướng mạo và chủng tánh
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Nếu chẳng tham trước ngã ngã sở
Cũng lại tu tập nơi trung đạo
Quán tất cả pháp như hư không
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Nếu chẳng tham trước các cảnh giới
Cũng hay tịch tĩnh nơi lục nhập
Với các pháp giới chẳng trụ trước
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Nếu thấy Như Lai chọn pháp giới
Dụng được vô thượng đại pháp tràng
Thấy tất cả pháp tướng như huyễn
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Nếu thấy không người thí người thọ
Không làm không thọ cũng như vậy

Nếu không chánh kiến và tà kiến
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Chẳng quyết định ở trong Bồ đề
Cũng chẳng quyết định ở sanh tử
Xa lìa tất cả các phiền não
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Nếu người chí tâm tu thiện pháp
Tịnh thân khẩu ý cả ba nghiệp
Cũng điều phục được tất cả căn
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Nếu nhả các pháp không có ngã
Chẳng thành Bồ đề bỏ chúng sanh
Vì đại Bồ đề trì tịnh giới
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Nếu quán các pháp như dương diệm
Chúng sanh bình đẳng như hư không
Tịnh tâm chẳng khởi những tâm tưởng
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Vì các chúng sanh thọ khổ lớn
Vì đại Bồ đề tu nhả nhục
Quán các pháp như trăng trong nước
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Quán không chúng sanh như thọ mạng

Cũng vì chúng sanh tu Bồ đề
Quán pháp niệm niệm tướng diệt tận
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Thọ khổ địa ngục tâm chẳng thối
Càng thêm tinh tiến tu đại đạo
Nghe các pháp không lòng chẳng sợ
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Tất cả cảnh giới không quái ngại
Cũng như động thủ giữa hư không
Cũng quán tam thế tướng bình đẳng
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Nếu ma chẳng biết được tâm người
Người này đã được đại thần thông
Nếu thuyết pháp tự nghĩa vô tận
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Nếu hay nghe khắp chư Phật âm
Nghe rồi thọ trì rộng tuyên thuyết
Chẳng thấy Tam bửu tướng sai biệt
Người này hay lễ Vô Thượng Tôn
Nhu Lai đủ sáu Ba la mật
Không khứ không lai như hư không
Biết rõ tất cả chúng sanh giới
Vì vậy tôi lễ Vô Thượng Tôn

Nhu Lai thành tựu công đức lớn
Trọn chẳng sanh lòng tợ ngã mạn
Tôi nay kính lễ Phật sắc tượng
Thân Phật thế gian chẳng làm được
Phật quang hơn tất cả các quang
Phật âm thù diệu cũng tối thượng
Phật đánh không ai nhìn thấy được
Vì vậy tôi lễ Vô Thượng Tôn
Nhu Lai biết rõ chúng sanh giải
Tùy giải vì họ diễn nói pháp
Phật biết pháp trị các phiền não
Vì vậy tôi lễ Vô Thượng Tôn.

Nói kệ tán thán đức Phật rồi, Hải Huệ đại Bồ Tát từ hư không xuống bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nay tôi ở đây có ít pháp muốn hỏi mong đức Thế Tôn hứa cho”.

Đức Phật nói : “Lành thay ! Lành thay !
Này Hải Huệ, tùy ý ông hỏi, Phật sẽ vì ông mà phân biệt giải nói”.

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Trước đây tôi có nghe tịnh ấn tam muội, Bồ Tát an trụ tam muội này thì được Vô thượng Bồ đề. Mong đức Thế Tôn nói về

tam muội ấy cho khắp các Bồ Tát đều được nghe, nghe xong đều sẽ trang nghiêm tu hành vì Vô thượng Bồ đề vậy”.

Đức Phật nói : “Nầy thiện nam tử chí tâm lắng nghe nay Phật sẽ nói cho. Nầy thiện nam tử ! Như bửu châu thanh tịnh được thọ khéo trau dồi nên giá trị vô lượng mọi người để quý trọng.

Nầy thiện nam tử ! Bồ Tát sơ phát Bồ đề tâm rồi tu pháp lành đa văn tu duy quán sát pháp giới thanh tịnh sơ tâm, sơ tâm đã thanh tịnh thì được chu Phật chu Bồ Tát kính niệm thì được tịnh ấn tam muội.

Nầy thiện nam tử ! Tịnh bửu châu đã nói ở trên đó rời là chín thứ bửu, đó là chất vàng, chất bạc, chất lưu ly, chất pha lê, chất mã não, chất xa cừ, chất liên hoa, chất san hô và chất công đức bửu.

Rời là chín chất bửu ấy gọi là tịnh bửu châu giá trị vô lượng, là bửu vật thọ dụng của Chuyển Luân Thánh Vương. Ánh sáng của tịnh bửu châu các ánh sáng khác không sánh kịp.

Nầy thiện nam tử ! Cũng vậy, Bồ Tát phát tâm đại Bồ đề rời là chín thứ chủng tánh được tịnh ấn tam muội, đó là tánh phàm phu,

tánh tín hành, tánh pháp hành, tánh nhẫn, tánh Tu Đà Hoàn, tánh Tư Đà Hàm, tánh A Na Hàm, tánh A La Hán và tánh Bích Chi Phật. Bồ Tát rời lìa chín chủng tánh ấy nhập vào chủng tánh Phật được tịnh ấn tam muội ban bố quang minh cho tất cả chúng sanh hơn các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Nầy thiện nam tử ! Tịnh bửu châu ấy chịu được sự mài xỏ dũa ép vì vậy mà bửu châu ấy có tên gọi không vết trầy.

Nầy thiện nam tử ! Cũng vậy, tịnh ấn tam muội tu tập tam tụ tịnh giới, đủ mười thiện pháp, tu hành từ bi thương xót chúng sanh, thấy sự nghiệp người tự qua giùm giúp cho được thành tựu, nhớ thương tất cả tu tập xả ý tịnh. Thường nhớ chúng sanh tu tứ nhiếp pháp nhiếp thủ tất cả chúng sanh, chuyên tu lục chánh niệm điều phục sáu căn, thiếu dục tri túc, chẳng dứt thánh chủng, ngăn các tranh tụng, phá các kiêu mạn, cung kính cúng dường các bậc Sư trưởng Hòa thượng kỳ cựu tôn túc, chẳng khinh khi người khác, cầu chánh pháp hộ chánh pháp xa lìa ác pháp, nơi Phật Pháp Tăng lòng tin vững chắc, tâm thường duyên niệm tất cả pháp lành, chẳng tự khen chê người

mà thường ca ngợi đức tốt của người, biết ơn báo ơn, thanh tịnh oai nghi, đủ hạnh nhẫn nhục, cầu xa ma tha tu tập đà la ni. Tâm luôn bình đẳng như địa thủy hỏa phong hư không. Thường thích xuất gia tu tập tịch tĩnh, trì giới tinh tiến thân cận thiện hữu. Thanh tịnh sáu căn, nhân nhĩ tử thiết thân tâm vô ngại. Quán sát bất tịnh để phá tham ái, tu tập từ tâm để phá giận oán, tu quán thập nhị nhơn duyên để phá vô minh, xa lìa tất cả pháp chướng ngại thí pháp không lẫn tiếc, thành tựu lục Ba la mật chẳng cầu Nhị thừa. Trong ngoài thanh tịnh quán sát tội lỗi sanh tử. Nơi đạo Bồ đề tâm chẳng hề hối thối. Thường giáo hóa chúng sanh cho họ an trụ trong đại thừa.

Nầy thiện nam tử ! Bồ Tát đầy đủ những pháp như vậy thanh tịnh ý bất tịnh mà phát tâm Vô thượng Bồ đề, đây gọi là tịnh bửu châu tịnh ấn tam muội vậy”.

Muốn tuyên lại nghĩa ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng :

Nếu có tu tập đại từ tâm
Đầy đủ thành tựu thập thiện pháp
Người nầy chắc thấy Phật Di Lặc

Nên Bồ đề tâm khó nghĩ bàn
Tu tập đại bi vì chúng sanh
Cũng thường giáo hóa pháp Đại thừa
Vì trừ phiền não tu xả tâm
Nên Bồ đề tâm khó nghĩ bàn
Đầy đủ tu tập niệm trí huệ
Và hay điều phục tự tâm mình
Hay tu tri túc và thiếu dục
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Xa lìa tất cả các ác pháp
Tâm ấy dịu dàng với chúng sanh
Tăng trưởng tất cả các thiện pháp
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Cung kính cúng dường Hòa thượng Sư
Kế nối thêm lớn chủng tánh Thánh
Xa lìa tất cả các kiêu mạn
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Tâm ấy chất trực chẳng khi dối
Thường thích tịch tĩnh hóa chúng sanh
Trừ bỏ kiêu mạn chẳng khinh người
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Hay nghe hay nói trì chánh pháp
Dạy các chúng sanh lìa phiền não

Chí tâm chuyên niệm Vô thượng thừa
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Cúng dường Tam bảo tin tú để
Xa lìa các ác tu pháp lành
Chẳng giận chẳng hờn các chúng sanh
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Khách phiền não khởi sanh hổ thẹn
Liên hướng mười phương Phật sám hối
Tu tập thiện pháp điều các căn
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Tịnh thân khẩu ý biết nghiệp quả
Biết ơn nhớ ơn hay báo đáp
Tin thập nhị duyên tịnh oai nghi
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Có xa ma tha tu trí huệ
Trì đủ tịnh giới thích Bồ đề
Thọ đại khổ não tâm chẳng động
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Tâm ấy bình đẳng như tứ đại
Xem các chúng sanh đồng hư không
Thường thích xuất gia tu Bồ đề
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Ua tịch tĩnh thanh tịnh thân tâm

**Tu hành pháp hạnh quán tứ đế
Thiệt ngũ pháp ngũ chon nghĩa ngũ
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Theo pháp được nói mà an trụ
Siêng tu tinh tiến phá ma giới
Nơi pháp được tu không giải đãi
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Gần kề thiện hữu Phật Bồ Tát
Hay độ chúng sanh khỏi sanh tử
Hay tịnh tất cả sáu trần cảnh
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Hay lìa chuồng ngại trừ ngũ cái
Sáu căn thanh tịnh không kiêu mạn
Đối trị tham dục sân và si
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Thường thiện tu duy đủ lục niệm
Tu trợ Bồ đề được thần thông
Chẳng sợ sanh tử thích Niết bàn
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Phàm thuyết chánh pháp chẳng vì lợi
Ở trong các pháp không tâm hối
Tu hành thiện pháp chẳng cầu báo
Nên Bồ đề tâm là tối thắng**

**Chẳng dùng thừa khác nhĩp chúng
sinh**

Thuyết pháp người ưa tin thọ trì
Tâm ấy vô lượng cũng vô biên
Nên tâm Bồ đề là tối thắng
Trong ngoài thanh tịnh không tội lỗi
Chẳng sợ sanh tử tu Bồ đề
Lúc tu Bồ đề tâm chẳng hối
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Biết chúng sanh giới tịnh quốc độ
Trang nghiêm Bồ đề chẳng vì mình
Với chúng sanh mê dạy chánh đạo
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Biết rõ pháp giới chơn thiết tánh
Trí vô phân biệt chẳng nói được
Hay phá chúng sanh lòng kinh sợ
Nên Bồ đề tâm là tối thắng
Nếu đầy đủ được pháp như vậy
Thì hay phát tịnh Bồ đề tâm
Chẳng bị thế gian làm ô nhiễm
Phiền não nghiệp ma cũng như vậy
Nếu người hay phát tâm Bồ đề
Thì đã hơn hẳn các thừa khác

**Hay tịnh tất cả chúng sanh tâm
Cũng hay diễn thuyết đạo vô thượng.**

Nầy Hải Huệ thiện nam tử ! Thế nào gọi là tâm Bồ đề ép mà chẳng hư hoại ?

Nầy thiện nam tử ! Ép ấy là nói đại bi, duyên nơi tất cả chúng sanh nổi dòng Tam bửu chẳng cho đoạn tuyệt. Vì Phật pháp mà trang nghiêm thiện căn ba mươi hai tướng đại nhơn tám mươi hình đẹp và nghiêm tịnh thế giới. Vì thủ hộ chánh pháp mà chẳng tiếc thân mạng.

Nầy thiện nam tử ! Nếu có bị các chúng sanh ác đánh đập mắng nhiếc nhiều hại đều nên nhịn chịu, cũng chẳng ghét bỏ tất cả chúng sanh, trong lòng chẳng hối chẳng sầu chẳng giận cũng chẳng báo hại, chỉ nên yên lặng nhẫn nhịn càng thêm tinh tiến điều phục chúng sanh. Phải suy nghĩ như vậy : là người ở trong Đại thừa phải trái khác thế tục, tại sao, vì tất cả chúng sanh trong thế gian thì thuận theo dòng sanh tử, còn pháp Đại thừa thì ngược dòng sanh tử, tất cả chúng sanh trong thế gian thì mỗi mỗi tranh tụng, còn pháp Đại thừa thì phá sự tranh đấu kiện tụng, thế gian thì sân hận hại thù, còn pháp Đại

thừa thì diệt lòng thù giận, thế gian thì hư dối, còn pháp Đại thừa thì chất trực chơn thiết. Giả sử mười phương thế giới có các chúng sanh cầm dao gây rượt đuổi Bồ Tát mà bảo rằng ai phát tâm Bồ đề thì ta sẽ chặt bằm thân thể nát như nhừ hột mè, dầu gặp sự ác hại như vậy mà Bồ Tát vẫn chẳng thối chuyển tâm Bồ đề, cũng chẳng rời bỏ tất cả hạnh lành từ bi, hỉ, xả, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ. Tại sao vậy, vì Bồ Tát suy nghĩ rằng ta từ quá khứ trong vô lượng vô biên kiếp thọ nhiều đời rất khổ trong các địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, Nhơn Thiên, các thân trong lục đạo ấy làm những việc ác chẳng lợi ích mình mà cũng chẳng lợi ích cho người, làm ác thọ khổ rất lớn ở lục đạo trong vô lượng vô biên đời như vậy mà còn chịu được, huống là nhẫn chịu sự khổ để tăng trưởng pháp lành lợi ích mình lợi ích cho người, nên nay ta quyết định chẳng rời bỏ tâm Bồ đề dầu phải bị ác hại trong vô lượng vô biên đời. Bồ Tát lại nghĩ rằng lúc người thật hành pháp lành thì phần nhiều có ác pháp đến làm trở ngại nếu ta không nhẫn chịu thì làm sao thật hành các pháp lành được. Người ban ta sự ác hại ta cho người lợi lành. Người ban ta dao gây chém đập ta cho

người vô thượng nhẫn nhục. Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ được như vậy thì phải biết chẳng lâu sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ Tát suy nghĩ như vậy thì có thể nhẫn chịu được ba sự ép nơi thân khẩu và ý.

Thế nào là ép thân ? Bồ Tát lúc thân thể bị chém đập thì y theo pháp mà thuận với người ác ấy để thành tựu đầy đủ sáu Ba la mật. Thế nào là Bồ Tát bị đập chém mà được đầy đủ sáu Ba la mật ? Nếu lúc Bồ Tát bị chém đập chẳng tiếc thân mạng đó là đầy đủ Đàn na Ba la mật, với người ác ấy tu tập từ tâm chẳng giận thù đó là đầy đủ Thi la Ba la mật, chẳng đem sự tổn hại độc ác để đáp trả lại người ác ấy đó là sán đề Ba la mật, vì các chúng sanh mà siêng tu tinh tiến trọn chẳng rời bỏ tâm Bồ đề đó là đầy đủ Tỳ lê gia Ba la mật, lúc bị hại như vậy mà tâm không loạn động chẳng mất chánh niệm tâm ý thanh tịnh đó là Thiền na Ba la mật, quán thân vô thường khổ vô ngã như cỏ cây ngói đá đó là đầy đủ Bát Nhã Ba la mật, vì đầy đủ sáu Ba la mật rồi ép mà chẳng hư hoại Bồ đề tâm, đây gọi là ép thân.

Thế nào là ép miệng ? Nhịn chịu tất cả lời ác mắng nhục hoặc thiệt hoặc chẳng thiệt, chỉ tự trách mình phiền não kiết sử chẳng hề oán ghét người, vì các chúng sanh mà tu tập từ bi. Lúc đại Bồ Tát tu tập nhịn chịu lời mắng nhục như vậy thì đầy đủ sáu Ba la mật. Lúc ấy đại Bồ Tát nghĩ rằng người này vì xan tham mà gần kẻ ác hữu nên có ác tâm ấy, ta vì phá tâm xan tham tu tập bố thí gần kẻ thiện hữu nên nay ta có thể bỏ tâm giận hờn thù ghét đó là đầy đủ Đàn na Ba la mật. Lúc ấy đại Bồ Tát nghĩ rằng người này không tin nghiệp quả phá giới mắng chửi ta, còn ta tin nghiệp quả thọ trì tịnh giới tu vững tâm Bồ đề hộ trì chánh pháp tùy thuận chúng sanh đó là đầy đủ Thi la Ba la mật. Lúc ấy đại Bồ Tát nghĩ rằng người này giải đãi chẳng tu tập pháp lành nên có ác tâm mắng nhiếc ta, còn ta siêng tu tinh tiến các pháp lành bỏ rời tâm sân nơi pháp lành ta chẳng hề nhàm đủ nay ta nên lập phương tiện cho người này trước ngồi dưới cội Bồ đề rồi sau ta mới thành quả Bồ đề đó là đầy đủ Tinh tiến Ba la mật. Lúc ấy đại Bồ Tát nghĩ rằng người này thất niệm cuồng loạn phóng dật bị phiền não ô nhiễm nên sanh ác tâm mắng nhiếc ta, nay ta phá hoại tất cả

phiền não vì các ác chúng sanh nầy mà vững phát tâm Bồ đề, nếu các chúng sanh đều thanh tịnh cả thì còn có nhơn duyên gì mà ta phát tâm Bồ đề, vì vậy nên chuyên tâm duyên niệm Bồ đề tâm chẳng loạn động đó là đầy đủ Thiên Ba la mật. Lúc ấy đại Bồ Tát lại nghĩ rằng người nầy chấp ngã ngã sở chúng sanh thọ mạng sĩ phu, còn ta thì y dựa pháp giới trong pháp giới ai mắng ai chịu cũng chẳng thấy có một pháp nào là mắng là kẻ mắng đó là đầy đủ Bát Nhã Ba la mật. Lúc bị người mắng nhiếc nhục mạ mà có thể chí tâm thọ trì tu hành năm Ba la mật như vậy thì đồng thời đầy đủ Nhẫn nhục Ba la mật. Đây gọi là ép khẩu.

Thế nào là ép ý ? Bồ Tát phát Bồ đề tâm chẳng sợ chúng ma mà thối tâm chẳng sợ tất cả chúng tà kiến dị kiến mà thối tâm chẳng sợ những sự đau khổ nơi địa ngục súc sanh naga quỷ mà thối tâm, nếu thấy có hình tượng Phật đến bảo rằng người chẳng có khả năng phát tâm Bồ đề đạo Bồ đề rất khó tu khó được chẳng bằng người sớm tu pháp Thanh Văn thừa mau chứng Niết bàn hưởng an lạc lớn, nghe lời trên đây Bồ Tát liền nghĩ rằng đạo Bồ đề hoặc khó hay dễ ta vẫn vững tâm

chẳng thối ta quyết tự có khả năng sẽ đến ngôi tòa kim cương dưới cội Bồ đề, trước kia ta vì tất cả chúng sanh mà phát tâm nguyện sẽ đem pháp Đại thừa vô thượng ban cho họ nay sao ta lại khi dối họ mà thối tâm ta phải tùy thuận tâm chư Phật chịu đựng những sự ép tâm ép ý như vậy giữ vững tâm đại Bồ đề càng thêm tinh tiến tu tập đạo vô thượng để khỏi khi phụ chư Phật như thiên đại chúng và với chính mình, đây gọi là ép tâm ý”.

Muốn tuyên lại nghĩa này đức Thế Tôn nói kệ rằng :

Hướng đến Bồ đề tâm chẳng hoại
Đại từ đại bi cũng chẳng hư
Cũng chẳng đoạn tuyệt dòng Tam bảo
Vô lượng trang nghiêm vì Bồ đề
Vì được thập lực tứ vô úy
Ba mươi hai tướng tám mươi tốt
Trong vô lượng đời bố thí của
Cũng chịu các thứ khổ não lớn
Vì được Tam bảo các công đức
Nên trì chánh pháp vì chúng nói
Vì độ chúng sanh khỏi sanh tử
Do đó chịu được các sự khổ

Mười phương thế giới ác chúng sanh
Cầm nắm dao gậy chém đập tôi
Trộn chẳng động tâm vững Bồ đề
Vì thương tất cả chúng sanh vậy
Trong vô lượng đời chịu khổ não
Mà chẳng lợi mình chẳng lợi người
Nay tôi nhẫn khổ được lợi ích
Cũng được vô lượng Phật công đức
Vì công đức Phật mà nát thân
Như hạt mè nhỏ lòng chẳng hối
Cũng chẳng thối tâm đại Bồ đề
Chịu nhiều đau khổ vì Phật pháp
Đi đứng ngồi nằm nhớ Bồ đề
Nội tâm tịch tĩnh lìa phiền não
Không hề sanh lòng giận ghét người
Chỉ nên xét trách mình không trộn
Trong ba ác đạo chịu nhiều khổ
Vì các chúng sanh cầu Phật đạo
Chẳng cầu hơn thiên với Nhị thừa
Đành cam chịu khổ vì chúng sanh
Ở trong loài người chịu khổ não
Chẳng bằng phần ngàn của địa ngục
Dầu chịu khổ lớn ba ác đạo

Cũng chẳng thối thất tâm Bồ đề
Quán thân vô thường và vô ngã
Tánh thân tứ đại như rắn độc
Chí tâm buông bỏ thân độc này
Hay được trí huệ đạo vô thượng
Lưu chuyển lục đạo chịu nhiều khổ
Do chẳng quán xét thân chơn thiệt
Bồ Tát hay quán thân chơn thiệt
Do đây lìa hẳn các khổ não
Lúc làm điều ác ít trở ngại
Còn tu pháp lành nhiều chương nạn
Chư Phật Thế Tôn chứng biết tôi
Nên tôi vui lòng chịu đựng khổ
Tôi nay nhận được khổ hại ấy
Thân khẩu và ý khổ vô lượng
Do duyên có này tâm Bồ đề
Bị ép đè vẫn chẳng lay động
Xả thân có đủ Ba la mật
Với thân chẳng tham là Đàn na
Với người ác hại có tâm từ
Đây là có đủ trì giới độ
Chém thân nhận chịu không hề giận
Có đủ Nhẫn nhục Ba la mật

Lúc thân bị khổ tâm không động
 Đây là đầy đủ Tỳ lê gia
 Vững tâm Bồ đề vui tịch tĩnh
 Thiên Ba la mật do đây đủ
 Quán thân vô ngã vô ngã sở
 Bát Nhã do đây được đầy đủ
 Nếu ta làm được trang nghiêm này
 Chẳng lâu chắc được Vô thượng đạo
 Nếu ta chẳng dứt ác khẩu nghiệp
 Làm sao phá hoại các phiền não.
 Nếu ta điều phục thân khẩu ý
 Thì hay nhận được các khổ não
 Hay phá tất cả các chúng ma
 Với các tà ác ta chẳng động
 Nếu muốn đủ sáu Ba la mật
 Phật vô sở úy và thập lực
 Có được vô thượng vô giá bửu
 Nên học điều phục thân khẩu ý.

Này thiện nam tử Hải Huệ ! Thế nào gọi là xỏ tâm Bồ đề ?

Bồ Tát đã phát tâm Bồ đề rồi thì trọn chẳng
 sanh lòng tương tự ngã mạn, chẳng trụ trước
 Bồ đề tâm, chẳng tham Bồ đề tâm, chẳng ái

Bồ đề tâm chẳng quán Bồ đề tâm. Được như vậy thì làm cho tâm tịch tĩnh quán thâm pháp giới quán pháp chu Phật. Thâm pháp giới ấy là thập nhị nhơn duyên xa lìa nhị biên, tất cả các pháp tánh nó tự không có ngã, quán nơi ngã tánh tất cả pháp tánh rỗng không không có chủ an trụ nơi không tam muội, vô tướng tam muội, vô nguyện tam muội. Biết các hành pháp không bị tạo tác, quán sắc ấm như bọt nước, thọ ấm như bong bóng nước, tưởng ấm như dương diệm, hành ấm như thân cây chuối, thức ấm như ảo huyễn. Quán thập bát giới không có tạo tác không có động diêu. Quán lục nhập như điếc như đui tâm không có tạm dừng ở. Kiết sử kiêu mạn không có chỗ phát sanh. Tất cả các pháp không có hai không có phân biệt là nhứt vị, nhứt thừa, nhứt đạo, nhứt nguyện. Quán tất cả âm thanh không có tướng âm thanh, tất cả âm thanh đều có thú đệ chẳng hiệp nhau. Tất cả các pháp chẳng thể tuyên nói được. Biết rõ tướng khổ quả, tập nhơn không có ngã sở, nơi diệt đế chẳng tăng giảm, biết đạo đế rốt ráo không có chướng ngại. Quán thân niệm xứ, biết khứ lai thọ, niệm tâm sanh diệt, biết rõ pháp giới. Quán pháp giới chẳng phải giới nên tu tứ chánh cần, vì muốn tự tại

nên tu tứ như ý, là các phiền não gọi là tín căn, ưa thích tịch tĩnh gọi là tinh tiến căn, vì chẳng phải có niệm nên gọi là niệm căn, vì chẳng phải tư duy nên gọi là định căn, xa lìa tất cả gọi là huệ căn. Vì chẳng tùy theo người nên gọi là tín lực, vì không có chướng ngại nên gọi là tinh tiến lực, vì chẳng thối chuyển nên gọi là niệm lực, tâm được tự tại gọi là định lực, chẳng quán thiện ác gọi là huệ lực. Vì chẳng phóng dật nên gọi là niệm giác phần, vì nhập vào các pháp nên gọi là trạch pháp giác phần, vì như pháp tu hành nên gọi là tinh tiến giác phần, vì xa lìa ác nên gọi là hỷ giác phần, thân tâm tịch tĩnh gọi là trừ giác phần, biết thiệt tam muội gọi là định giác phần, chẳng thấy có hai gọi là xả giác phần. Xa lìa các kiến chấp gọi là chánh kiến, là các giác quán gọi là chánh tư duy, biết rõ các tánh âm thanh gọi là chánh ngữ, thân khẩu và ý chẳng tham trước gọi là chánh nghiệp, là tâm tột độ gọi là chánh mạng, chẳng tăng chẳng giảm gọi là chánh tinh tiến, nơi thiện nơi bất thiện chẳng nhớ nghĩ gọi là chánh niệm, quán các tâm giới gọi là chánh định. Tánh thiệt tướng ấy tánh nó tịch tĩnh. Về nghĩa rốt ráo ấy gọi là vô thường, là khổ, là vô ngã, là giả danh,

là thanh tịnh, là đại tịnh. Hay điều tâm thì gọi là bố thí, thân tâm mát mẻ thì gọi là trì giới, các pháp vô thường thì gọi là nhẫn nhục, siêng tu trí ấy thì gọi là tinh tiến, nội ngoại thanh tịnh thì gọi là chánh định, vì quán chơn thiết nên gọi là trí huệ. Biết tất cả chúng sanh tâm tánh vốn thanh tịnh đây gọi là từ, quán tất cả pháp bình đẳng như hư không đây gọi là bi, dứt tất cả hỉ đây gọi là hỉ tâm, xa lìa tất cả hành đây gọi là xả tâm. Tất cả các pháp thuở quá khứ nhiều thứ, thuở vị lai thanh tịnh, thuở hiện tại không có ngã.

Nầy thiện nam tử ! Nếu có thể quán sát biết rõ được các pháp như vậy đây gọi là xỏ Bồ đề tâm bửu. Bồ Tát quán sát các pháp như vậy rồi thứ đệ được như thiết pháp tự tại đà la ni.

Nầy thiện nam tử ! Như mặt nhưet nguyệt chẳng có tâm nghĩ qua lại chiếu soi, do nơi thế lực phước đức của các chúng sanh mà nó tự qua lại phá các tối tăm.

Cũng vậy, đại Bồ Tát nếu có thể quán sát biết rõ các pháp như vậy thì chẳng có suy nghĩ rằng tôi sẽ làm lợi ích vô lượng chúng sanh mà làm cho chúng sanh được lợi ích lớn.

Nầy thiện nam tử ! Nếu đại Bồ Tát có thể quán sát được như vậy thì gọi là Thiên Ba la mật và Bát Nhã Ba la mật. Tại sao, vì nhập định mới có thể quán sát được như vậy mà tâm tán loạn thì chẳng thể được. Định ấy là Thiên Ba la mật và quán ấy là Bát Nhã Ba la mật. Như vậy mới có thể quán sát chơn thiệt thấy rõ ràng tất cả pháp tướng. Thế nào gọi là thấy rõ tất cả pháp tướng ?

Tất cả pháp tướng ấy gọi là tướng không có tướng. Nói không có tướng ấy là vô tác, chính vô tác này gọi là tướng. Nếu có thể dứt hẳn vô tướng như vậy thì gọi là tướng không có tướng.

Lại vô tướng ấy gọi là tướng vô sanh, tướng không có tướng ấy gọi là tướng vô diệt. Vô sanh vô diệt gọi là tướng không có tướng không có tướng. Nếu thấy vô sanh, vô diệt, vô trụ, vô nhứt, vô nhị, vô sanh, vô tranh, vô hữu bất động bất chuyển, biết rõ pháp tánh, đây gọi là chơn tánh là pháp tánh là thiệt tánh.

Nầy thiện nam tử ! Nếu đại Bồ Tát chơn thiệt biết các pháp như vậy thì gọi là trụ chẳng phải trụ”.

Lúc đức Thế Tôn nói pháp ấy có mười hai na do tha chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, một vạn sáu ngàn vị Thiên Tử được vô sanh nhẫn. Muốn tuyên lại nghĩa ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng :

**Hay phá tất cả các pháp tướng
Thanh tịnh tâm Vô thượng Bồ đề
Nếu người quán sát được như vậy
Thì được chẳng chấp tất cả pháp
Thấy rõ các pháp giới thậm thâm
Cũng chẳng kinh sợ nơi Niết bàn
Do vì chẳng sợ nơi nhơn duyên
Thì hay tăng trưởng các Phật pháp
Tin rõ nơi nhơn và quả báo
Mười hai nhơn duyên cũng tin rõ
Xa lìa nhị biên kiến đoạn thường
Tùy ý vì người nói chánh pháp
Nơi thường vô thường tâm chẳng trước
Lại hay diễn nói nơi trung đạo
Biết tất cả pháp là tánh không
Không có chúng sanh không thọ mạng
Tất cả các pháp không vô tướng
Lại cũng không có thứ đệ sanh**

Tánh nó bốn lai thường tịch tĩnh
Không có năng tác như hư không
Chẳng thấy tất cả các pháp tướng
Biết hiểu rõ ràng không có tánh
Xem sắc và thọ như bọt bóng
Tướng và hành như diệm chuỗi cây
Tâm như ảo huyền tứ đại không
Lục nhập thấy như kẻ mù điếc
Còn xem tâm ý không nội ngoại
Tâm không trụ xứ giới không hai
Chẳng trước các pháp sắc sắc tướng
Dầu biết thấy rõ không kiêu mạn
Xem tất cả pháp đều bình đẳng
Một vị một thừa một đạo nguồn
Hay biết chơn thiệt nghĩa như vậy
Rành rõ hay quán các pháp giới
Không có âm thanh hay quán thanh
Không có tâm ý hay quán tâm
Không văn tự hay quán văn tự
Đây là chơn thiệt biết pháp giới
Tất cả pháp nghĩa chẳng nói được
Âm thanh văn tự chẳng nói được
Chơn thiệt biết khổ tập diệt đạo

**Đầy đủ nhiếp tâm tứ niệm xứ
Nơi các pháp giới không phân biệt
Tâm ấy hay được đại tự tại
Xa lìa tất cả các phiền não
Tu tứ chánh cần chuyên tinh tiến
Vì được vô lượng đại tự tại
Tâm siêng tu tập tứ như ý
Nơi tất cả pháp chẳng tham trước
Vì pháp như vậy tu tín căn
Thường thích an trụ đại tịch tĩnh
Vì vậy tu tập tinh tiến căn
Tâm không niệm lự biết chơn thiệt
Vì vậy tu tập chánh niệm căn
Hay điều phục được các tâm tướng
Vì vậy tu tập chánh định căn
Vì hay quán sát các pháp giới
Vì vậy tu tập trí huệ căn
Vì muốn biết rõ các pháp giới
Vì vậy tu tập thất giác phần
Chẳng quán các pháp số một hai
Vì vậy tu tập bát chánh đạo
Hay đem của cải thí tùy ý
Cũng hay tùy ý thọ trì giới**

**Còn hay thanh tịnh nội và ngoại
Đây thì gọi là đại thần thông
Tất cả các pháp bốn tánh tịnh
Vì vậy tu tập đại từ bi
Dứt tất cả hỉ các phiền não
Vì vậy tu tập tâm hoan hỷ
Tất cả các pháp bốn tánh tịnh
Khứ lai hiện tại cũng thanh tịnh
Nếu quán các pháp không sanh diệt
Đây là trí huệ chơn thiết biết.**

**Này Hải Huệ ! Bồ Tát được tịnh đại tịnh
ấy rồi, thì tâm ấy chơn thiết không có khi dối,
với các chúng sanh bình đẳng không có hai
được chơn thiết trí cứu cánh đại trí tịnh ẩn
tam muội an trụ trong tịnh ẩn tam muội căn
bốn.**

Sao gọi là tam muội căn bốn ?

**Vì tất cả chúng sanh mà tu đại từ bi, đều
được cúng dường mà tâm không có cao, đều
bị giận hờn hủy nhục mà tâm không có hạ.
Vì tâm không có cao hạ thì hay sanh được bất
kiêu pháp tánh và bất kiêu danh tự cũng chẳng
sanh tương tự ngã mạn, thân khẩu ý ba nghiệp**

đều tùy trí huệ sanh, do đây mà tất cả sự việc được làm đều tùy trí huệ hành.

Thế nào là Bồ Tát thân nghiệp tùy trí mà được ? Thân hình Bồ Tát thù thắng vi diệu, chúng sanh thấy được thì liền điều phục, bốn oai nghi đi đứng ngồi nằm cũng hay điều phục chúng sanh, rời lìa những lầm lỗi những cong vạy những cặn bã nơi thân, thân ấy thanh tịnh tướng hảo trang nghiêm đầy đủ các căn không có thiếu sót, chẳng cậy thân ấy mà sanh kiêu mạn, thấy người thân kém thua thì tâm cũng chẳng khinh, đối với thân của mình tâm không tham trước, quán sát thân pháp giới cùng nghiệp dụng của thân. Biết rõ thân này rồi niệm tướng pháp thân mà chẳng cầu thực thân, dùng định lực làm món ăn mà vì điều phục chúng sanh nên thị hiện nhận lấy sự cúng thí, thường tu Thánh hạnh ủng hộ chánh pháp, tất cả sở hành đều rời lìa tham dục sân khuể ngu si. Đại Bồ Tát đầy đủ thân nghiệp tùy trí như vậy thì được đại thần thông lực và vô sở úy lực. Do nơi lực ấy mà hiện thân mình khắp các Phật độ, như thân được hiện ở thế giới này, ở các thế giới mười phương cũng hiện thân như vậy, phóng đại quang minh chiếu suốt khắp mười phương thế giới, ánh

sáng ấy dịu mát chúng sanh nào được gặp thì lìa rời các phiền não, đã rời lìa phiền não rồi thì nội tâm khoan khoái an vui. Đây gọi là Bồ Tát thân nghiệp tùy trí.

Thế nào là Bồ Tát khẩu nghiệp tùy trí ?

Đó là xa lìa sáu mươi bốn thứ khẩu nghiệp ác, những là lời thô, lời trược, lời phi thời, lời vọng, lời lậu, lời cao, lời đại, lời khinh, lời phá, lời bất liễu, lời tán, lời cúi, lời ngửa, lời lằm, lời ác, lời sợ, lời xin, lời tranh, lời nịnh, lời phỉnh, lời nảo, lời khiếp, lời tà, lời tội, lời câm, lời xoi, lời đốt, lời địa ngục, lời hu, lời mạn, lời khi, lời ghét, lời kể tội lỗi, lời có lỗi, lời biệt ly, lời thêm ác, lời đâm chọc, lời vô nghĩa, lời không giữ gìn, lời mừng, lời cuồng, lời sát, lời hại, lời trối, lời nhốt, lời buộc, lời đánh, lời ca, lời phi pháp, lời tự khen, lời kể lỗi người, lời hủy báng Tam bảo v.v... Đại Bồ Tát xa lìa những khẩu nghiệp ác như vậy thì lúc có nói là những lời thiệt, lời chơn, lời giải thoát, lời đúng, lời đế lý, lời lợi ích người, lời thuận lòng người thiệt hay chẳng thiệt, lời người ưa nghe, lời đủ tất cả âm thanh, lời đủ tất cả lời, lời làm căn chúng sanh thanh tịnh, lời làm cho chúng sanh lìa phiền não, lời Phật ngữ, lời

cam lộ, lời được nghe khắp mười phương thế giới, lời làm cho chúng sanh lìa hẳn khổ não, lời nói nghĩa thậm thâm, lời điều chúng sanh, lời khiến chẳng tạo ác v.v... Đây gọi là Bồ Tát khẩu nghiệp tùy trí.

Thế nào là Bồ Tát ý nghiệp tùy trí ?

Bồ Tát an trụ trong một tâm mà có thể biết tâm tất cả chúng sanh, thường ở tại thiên định mà hiện các oai nghi, tất cả chúng ma, các hàng Thanh Văn, các bậc Duyên Giác đều chẳng biết được chỗ cảnh giới mà tâm Bồ Tát duyên đến, trọn không hề có tâm niệm tự hại hại người, biết rõ tất cả pháp thông đạt vô ngại, Bồ Tát được tâm như vậy chẳng thọ mà hay thọ cũng chẳng chúng diệt. Đây gọi là Bồ Tát ý nghiệp tùy trí.

Đây gọi là tịnh ấn tam muội căn bản. Căn bản này còn có mười thứ : một là tịnh sơ phát tâm, hai là tịnh Bồ đề đạo, ba là tịnh sáu Ba la mật, bốn là vì tịnh căn huệ mà tu chánh định, năm là tịnh ba mươi hai tướng, sáu là tịnh tám mươi hảo, bảy là tịnh đà la ni, tám là tịnh như pháp an trụ, chín là tịnh không có tội lỗi và mười là tịnh ba mươi bảy pháp trợ đạo.

Nầy Hải Huệ ! Tịnh ấn tam muội có ba mươi pháp : một là nội tịnh, hai là ngoại tịnh, ba là tâm tịnh, bốn là kiêu mạn tịnh, năm là thân tịnh, sáu là nhãn tịnh, bảy là tất cả chúng sanh không có chúng sanh tịnh, tám là tất cả pháp bốn tánh tịnh, chín là tất cả pháp đồng một vị tịnh, mười là không vô tướng vô nguyên tịnh, mười một là giải thoát pháp môn tịnh, mười hai là tất cả pháp nhập pháp giới tịnh, mười ba là tất cả các pháp nhập vào một tánh tịnh, mười bốn là tín tâm không hư hoại tịnh, mười lăm là không có chướng ngại tịnh, mười sáu là tất cả giải thoát tịnh, mười bảy là vô vi tịnh, mười tám là quán mười hai nhơn duyên tịnh, mười chín là thập lục tứ vô sở úy tịnh, hai mươi là vô thắng tịnh, hai mươi một là nhứt thiết pháp trí tịnh, hai mươi hai là quá khứ nghiệp tịnh, hai mươi ba là từ bi tịnh, hai mươi bốn là chẳng rời bỏ chúng sanh tịnh, hai mươi lăm là phá các ma nghiệp tịnh, hai mươi sáu là lìa nội tham tịnh, hai mươi bảy là lìa các tập khí tịnh, hai mươi tám là một niệm biết tất cả pháp tịnh, hai mươi chín là chẳng mất niệm tâm tịnh, ba mươi là đầy đủ trang nghiêm tịnh. Bồ Tát đầy đủ các pháp như vậy thì gọi là tịnh ấn tam muội. Được

tam muội ấy rồi thì được tám pháp bất cộng. Những gì là tám ?

Một là thế giới của Bồ Tát này thì kim cương làm đất, hai là trên mỗi cây trong thế giới ấy đều đầy đủ mọi thứ nhánh lá tốt mọi thứ hoa quả thơm ngon, ba là tất cả chúng sanh trong thế giới ấy chẳng khởi phiền não của các loài địa ngục ngạ quỷ và súc sanh, bốn là tất cả chúng sanh trong thế giới ấy đều thấy Bồ Tát ngồi cội Bồ đề, năm là thấy Bồ Tát rồi thì đều được khoái lạc vi diệu, sáu là kim quang chiếu khắp vô lượng thế giới, bảy là tất cả đại địa chấn động sáu cách mà không có một chúng sanh nào bị nhiễu hại và tám là có trí trong một niệm biết tất cả pháp”.

Muốn tuyên lại nghĩa này đức Thế Tôn nói kệ rằng :

**Nếu biết các pháp như hư không
Tịnh nơi bốn tánh chẳng sanh diệt
Liên hay tịnh được Như Lai ấn
Cũng được trụ ở định căn bốn
Dầu được cúng dường lòng chẳng mừng
Mắng chửi hủy nhục lòng chẳng giận**

Tu tập từ bi tâm bình đẳng
Đây gọi là tịnh ấn tam muội
Xa lìa tất cả các kiêu mạn
Lìa rồi trong lòng chẳng tự cao
Hay trách phiền não các kiết phược
Đây thì gọi là tịnh ấn định
Thân ấy lìa hẳn các kiết phược
Trang nghiêm diệu tướng ba mươi hai
Đầy đủ thanh tịnh cả sáu căn
Cũng lại chẳng sanh lỗi kiêu mạn
Thấy kẻ thân xấu không xinh đẹp
Nghèo cùng hèn hạ lòng chẳng khinh
Vì đạo Bồ đề nói tịnh pháp
Đây thì gọi là tịnh ấn định
Quán sát nơi thân tánh chơn thiệt
Phá lòng tham thân của chúng sanh
Vì vậy mà được thượng pháp thân
Xa lìa tất cả thân tạp thực
Thường tại thiền định pháp hỷ thực
Vì độ chúng sanh thọ đoàn thực
Cam lồ thượng vị tăng pháp mạng
Đây thì gọi là tịnh ấn định
Ưa thích thánh hạnh trì tịnh giới

**Xa lìa tham dục sân khuể si
Bồ Tát trước tự điều thân mình
Rồi sau vì người mà diễn thuyết
Thần thông đi khắp mười phương cõi
Để diễn thuyết pháp dạy chúng sanh
Hiện thân mình đồng sắc thân chúng
Theo ý nguyện họ mà thuyết pháp
Thân phóng vô lượng kim sắc quang
Chiếu khắp mười phương các thế giới
Hay trừ chúng sanh phiền não nóng
Tăng trưởng công đức tâm Bồ đề
Nếu có chúng sanh ba ác đạo
Kim quang làm họ thoát khỏi khổ
Đều được xa lìa báo ác đạo
Thành tựu tín tâm tu thiện nghiệp
Thân nghiệp thanh tịnh được Phật nói
Để cho chúng sanh tịnh Phật thân
Nếu ai hay tu thân nghiệp tịnh
Thì được tịnh thân như tiên Phật
Nếu ai xa lìa nghiệp ác khẩu
Thì được âm thanh tùy trí phát
Lời diễn thuyết pháp người thích nghe
Người nghe đều được sanh mầm lành**

Lìa sáu mươi bốn thứ ác khẩu
Người này nói được pháp cam lộ
Nói được vô vi Đại thừa pháp
Hiếu rành ngôn ngữ các chúng sanh
Xa lìa lời nói tham sân si
Diễn nói nghĩa thậm thâm chơn thiết
Tiếng ấy mười phương đều được nghe
Vì chúng tuyên nói chơn giải thoát
Xa lìa mắng chửi chẳng giận tranh
Nói lời dịu dàng lòng thương mến
Vì chúng nói pháp chẳng nói được
Nói rồi trong lòng chẳng kiêu mạn
Nếu thanh tịnh được khẩu nghiệp ấy
Người này xa lìa các ác khẩu
Khẩu nghiệp thanh tịnh được Phật nói
Để người nghe được lưỡi rộng dài
Nếu ai tu tập ý nghiệp thiện
Người này một niệm biết các tâm
Thường ở thiền định hiện oai nghi
Phá các ma nghiệp lòng chẳng kiêu
Chẳng thọ hay thọ vì chúng sanh
Biết rõ chơn thiết chẳng chúng diệt
Bồ Tát tâm duyên mà chẳng biết

Thanh Văn Duyên Giác cũng chẳng rõ
Chẳng hề sanh lòng hại mình người
Hay quán thâm thâm các pháp giới
Nếu người muốn được tịnh ấn định
Thường phải tu tập đủ mười pháp
Thanh tịnh trang nghiêm Phật quốc độ
Thanh tịnh thiện pháp và lục độ
Đầy đủ công đức và thân tướng
Được vô ngại thuyết đà la ni
Nhu pháp an trụ tịnh thân mình
Niệm tâm chẳng mất tuyên vô ngã
Lìa tất cả chương huệ vô ngại
Tâm ý không lỗi đủ công đức
Tu trợ đạo pháp không phóng dật
Vì các chúng sanh nói Bồ đề
Vô lượng thế giới thân vô ngại
Diễn thuyết chánh pháp dạy chúng
sanh

Đầy đủ tám thứ bất cộng pháp
Được có vô thượng lợi ích lớn
Kim cương làm đất, các loại cây
Chúng thấy Bồ Tát ngôi đạo thọ
Nếu muốn có đủ công đức ấy

**Thường tu tịnh ấn tam muội định
Như Lai do tu tam muội này
Nên được công đức bất tư nghị.**

**Nầy Hải Huệ ! Muốn được tịnh ấn tam
muội, đại Bồ Tát phải tu tập tịnh Bồ đề xa
lìa tất cả tâm cận đục.**

**Nầy thiện nam tử ! Nếu chẳng thấy được
các pháp tánh tịnh thì bị phiền não khát ái
làm ô nhiễm. Tất cả các pháp chẳng thể tu
duy là bất tác bất hành, thanh tịnh tịch tĩnh
không có trần cấu cũng không có tội lỗi, là
rốt ráo thanh tịnh như giải thoát tánh, pháp
giới bất hoại không có phân biệt, thiết tánh
pháp tánh không có sai biệt, tất cả các pháp
không vô tướng vô nguyên, như giải thoát tánh
vô ngại bình đẳng thì tất cả các pháp cũng
như vậy. Nếu có thể chánh quán sát như vậy
thì gọi là vô trước không có nhớ đục.**

**Nầy thiện nam tử ! Nếu có thể vì chúng
sanh mà nói pháp như vậy thì gọi là không
có cận bã.**

**Nếu Bồ Tát tâm không có cận bã nhớ đục
thì được tịnh ấn tam muội”.**

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Tam muội như vậy nghĩa của nó thậm thâm vì là chẳng nói được, vì là chẳng nhìn thấy được chẳng đoán chẳng đếm được, khó hiểu rõ được vì chẳng thể thấy, là đại trí huệ nhiếp tất cả pháp vậy. Tất cả Bồ Tát đều bình đẳng không có như không có cận không có các chướng ngại không có trụ xứ vi diệu khó tỏ chẳng thể ví dụ để nói được. Tánh ấy kiên cố như kim cương bất sanh bất diệt chẳng phá chẳng hoại chẳng trói chẳng buộc, là ánh sáng lớn vì xa lìa tối tăm, chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh vô cấu vì xa lìa tham vậy, không có tranh tụng vì tu tập đại từ vậy, chẳng giác chẳng quán vì xa lìa khứ lai vậy, tất cả bình đẳng vì như hư không vậy.

Bạch đức Thế Tôn ! Quán nhơn duyên gì mà được tịnh ấn tam muội này ?”.

Đức Phật nói : “Nầy thiện nam tử ! Ví như có người muốn đi trên hư không họ tự trang nghiêm lớn rộng.

Cũng vậy, Bồ Tát muốn được tam muội này thì phải trang nghiêm lớn trang nghiêm bình đẳng tất cả các pháp. Tại sao, như pháp thế gian từ hột mà được trái. Nầy thiện nam

tử ! Tất cả pháp hữu vi thì thức là chủng tử. Còn tam muội này không có chủng tử. Tại sao, vì tam muội này chẳng phải nhãn thức biết nhãn đến chẳng phải ý thức biết, chẳng phải tạo tác, chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Xem tất cả pháp khắp tất cả đều bình đẳng không có hai không có sai biệt thì gọi là Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam tử ! Chẳng phải vì tướng khác gọi là sanh tử vì tướng khác gọi là Niết bàn, mà tùy nơi tướng sanh tử tức là tướng Niết bàn, tại sao, vì tất cả các pháp bốn tánh thanh tịnh, tánh bốn tánh ấy gọi là vô tánh, mà vô tánh ấy gọi là vô tướng tánh, nếu là vô tướng tánh tức là vô tác, vô tác như vậy tức là pháp tánh không có văn tự, nếu có văn tự thì gọi là Như, như trước thì giữa và sau cũng vậy đây gọi là tam thế. Mà tam thế ấy thì gọi là trống không, trống không ấy thì là vô tác, vô tác như vậy thì nào có tác giả nên gọi vô tác là trống không. Nếu không có tác không có tác giả thì nên biết là không có pháp. Nếu không có pháp thì không có câu không có nguyện. Nếu không nguyện câu thì không có ba nghiệp thân khẩu ý. Không có ba nghiệp thân khẩu ý thì gọi là vô ngại. Vô ngại ấy gọi

là bất sanh, bất diệt, bất trụ. Chẳng sanh diệt trụ tức là tướng vô vi. Tướng vô vi ấy gọi là vô trụ. Vô trụ ấy có nghĩa là không có tất cả nghiệp sở tác, thức chẳng trụ nơi sắc, chẳng trụ nơi thọ, chẳng trụ nơi tưởng, chẳng trụ nơi hành. Nơi bốn chỗ ấy mà thức chẳng trụ thì gọi là vô trụ. Nếu vô trụ thì chẳng sanh tương tự ngã mạn. Nếu không có tương tự ngã mạn như vậy thì không có tăng trưởng. Nếu không có tăng trưởng thì không có nhon. Nếu không có nhon thì không có giác quán. Nếu không có giác quán thì gọi là tịch mặc.

Nầy thiện nam tử ! Các pháp như vậy nghĩa của nó thậm thâm, nếu có thể tin được thì được giải thoát xa lìa điên đảo phiền não chướng ngại, thì có thể thọ trì tất cả pháp tạng của chu Phật quá khứ vị lai hiện tại, là đại thuyền sư là đạo sư thương chủ là thần chú sư, là đại y sư, có thể thừa sự cúng dường tam thế chu Phật, đây gọi là chon Phật tử, khỏi ma nghiệp phá ma chúng, chẳng lâu sẽ được tịnh ấn tam muội, có thể đại trang nghiêm thuyền buồm bên chắc tế độ chúng sanh nơi biển sanh tử”.

Hải Huệ Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào Bồ Tát có thể phá hoại các ma bạn đảng ?”.

Đức Phật nói : “Này Hải Huệ ! Nếu Bồ Tát có thể chẳng cầu các pháp thì chính lúc ấy có thể phá hoại ma chúng mà chẳng cầu tất cả cảnh giới nhơn duyên.

Này thiện nam tử ! Có bốn thứ ma : một là ám ma, hai là phiền não ma, ba là tử ma và bốn là thiên ma.

Này thiện nam tử ! Nếu có thể quán các pháp như tướng ảo huyền thì người này có thể phá hoại ám ma. Nếu thấy các pháp đều là tướng rỗng không thì người này có thể phá hoại phiền não ma. Nếu thấy các pháp chẳng sanh chẳng diệt thì người này có thể phá hoại tử ma. Nếu trừ kiêu mạn thì phá hoại thiên ma.

Còn nữa, này thiện nam tử ! Nếu biết khổ thì có thể phá ám ma, nếu xa lìa tập nhơn thì phá phiền não ma, nếu chúng diệt thì phá tử ma, nếu tu trợ đạo thì phá thiên ma.

Còn nữa, này thiện nam tử ! Nếu thấy tất cả pháp hữu vi khổ thì phá ám ma, nếu thấy các pháp chơn thiệt vô thường thì phá phiền

não ma, nếu thấy các pháp chơn thiệt vô ngã thì phá tử ma, nếu thấy các pháp tịch tĩnh Niết bàn thì phá thiên ma.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Ở nơi thân mình nếu Bồ Tát có thể không tham ái lúc xả thân bố thí hồi hướng Bồ đề thì có thể phá ám ma, lúc bố thí thân xa lìa lòng xan tham thì phá phiền não ma, nếu thấy tài vật tất cả đều vô thường thì phá tử ma, vì chúng sanh mà tâm từ bi bố thí thì phá thiên ma.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát chẳng vì ngã kiến mà thọ trì tịnh giới thì có thể phá ám ma, nếu chẳng vì có tham mà trì giới thì phá phiền não ma, nếu vì xa lìa tội lỗi sanh tử mà trì giới thì phá tử ma, nếu hay sanh tâm làm cho người phá giới trở lại trì tịnh giới mà trì giới thì có thể phá được thiên ma.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát chẳng thấy ta nhãn ta tu hạnh nhãn nhục thì phá ám ma, chẳng thấy có chúng sanh tu hạnh nhãn nhục thì phá phiền não ma, chẳng thấy sanh tử thì phá tử ma, chẳng thấy Bồ đề thì phá thiên ma.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát siêng tu tinh tiến thân mình tịch tĩnh thì phá ấm ma, siêng tu tinh tiến tâm mình tịch tĩnh thì phá phiền não ma, siêng tu tinh tiến thấy pháp vô sanh thì phá tử ma, siêng tu tinh tiến vì điều chúng tu khiến chuyển sanh tử thì phá thiên ma.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát chẳng vì thân ngũ ấm mà tu thiện định thì phá ấm ma, chẳng tham trước thập bát giới thập nhị xứ mà tu thiện định thì phá phiền não ma, chẳng tham trước lục nhập mà tu thiện định thì phá tử ma, có bao nhiêu thiện căn đều hồi hướng Bồ đề thì phá thiên ma.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát biết ngũ ấm phương tiện thì phá ấm ma, biết thập bát giới phương tiện thì phá phiền não ma, biết lục nhập phương tiện thì phá tử ma, đem tất cả thứ phương tiện ấy hồi hướng Bồ đề thì phá thiên ma.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát quán tất cả pháp tướng rỗng không thì phá ấm ma, quán tất cả pháp không có tướng thì phá phiền não ma, quán tất cả pháp không có nguyên cớ thì phá tử ma, có đủ ba pháp

quán như vậy đều hồi hướng Bồ đề thì phá thiên ma.

Còn nữa, này thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát quán thân thân xứ chẳng giác chẳng trước thì phá ấm ma, quán thọ thọ xứ chẳng giác chẳng trước thì phá phiền não ma, quán tâm tâm xứ chẳng giác chẳng trước thì phá tử ma, quán pháp pháp xứ chẳng giác chẳng trước thì phá thiên ma. Quán tất cả như vậy mà trọn chẳng hề mất tổn tâm Bồ đề thì có thể phá hoại cả bốn thứ ma.

Này thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát trước ngã thì tăng thêm ma sự.

Đại Bồ Tát cũng biết có ngã cũng biết vô ngã, cũng biết có pháp chẳng phải có ngã chẳng phải vô ngã, biết như vậy thì không có một pháp nào tăng giảm.

Vì tất cả chúng sanh bị vô minh che trùm nên Bồ Tát vì họ mà muốn trang nghiêm vô thượng Đại thừa chớ chẳng phải vì mình mà phát trang nghiêm. Phát trang nghiêm rồi tự nghĩ rằng ai trang nghiêm pháp kiên cố chẳng hư hoại, ta nên trang nghiêm. Ta cũng chẳng phải vì phá ngã chúng sanh thọ mạng sĩ phu mà trang nghiêm, chính là vì phá những tà

hoặc ác kiến trước ngã chúng sanh thọ mạng
sĩ phu của các chúng sanh mà ta phát trang
nghiêm.

Chúng sanh điên đảo thấy ngũ ấm này là
thường là lạc là ngã là tịnh, ta nên vì họ mà
giảng nói vô thường khổ vô ngã bất tịnh cho
các chúng sanh được chơn thiết trí.

Nếu chúng sanh có lòng nguyện cầu thì
nên biết người ấy là có trước chấp, nếu không
nguyện cầu thì không trước chấp. Không có
trước chấp thì không có hư dối. Không có hư
dối thì được chơn thiết trí biết nơi quá khứ
vị lai hiện tại chẳng trước quá khứ vị lai hiện
tại. Sao vậy, vì quá khứ đã hết, vị lai chưa
đến, hiện tại chẳng trụ. Nếu ở nơi tam thế
không có niệm tưởng trước chấp là chẳng điên
đảo là Bồ Tát hạnh, biết rõ các hành của tất
cả chúng sanh. Biết rõ hành rồi thì rành rẽ
diễn nói về nghiệp về quả. Cũng biết rõ tham
hành sân hành si hành. Biết có chúng sanh
hành nơi tham dục trang nghiêm nơi sân, hành
nơi sân trang nghiêm nơi tham, hành nơi ngu
si trang nghiêm nơi tham, hành nơi tham dục
trang nghiêm nơi si, hành nơi sân trang nghiêm
nơi si, hành nơi ngu si trang nghiêm nơi sân.

Biết có chúng sanh nơi sắc thì sanh tham, nơi thanh thì sanh sân, có chúng sanh nơi sắc thì sanh sân, nơi thanh thì sanh tham. Hoặc có chúng sanh nơi hương thì sanh tham, nơi vị thì sanh sân ; hoặc nơi vị sanh tham, mà nơi hương thì sanh sân ; có chúng sanh nơi xúc thì sanh tham, nơi pháp sanh sân ; hoặc nơi pháp thì sanh tham, mà nơi xúc thì sanh sân . Còn có những chúng sanh tham dục yếu kém mà sân hận mãnh liệt, hoặc sân hận yếu kém mà tham dục thì mãnh liệt. Có những chúng sanh tham yếu mà si mạnh, hoặc si yếu mà tham mạnh. Có những chúng sanh sân yếu mà si mạnh, hoặc si yếu mà sân thì mạnh.

Còn có chúng sanh vì sắc mà được điều phục chớ chẳng phải vì thanh, hương, vị, xúc và pháp. Có chúng sanh vì thanh mà được điều phục chớ chẳng phải vì sắc, hương, vị, xúc và pháp. Có chúng sanh vì hương mà được điều phục chớ chẳng phải vì sắc, thanh, vị, xúc và pháp. Có chúng sanh vì vị mà được điều phục chớ chẳng phải vì sắc, thanh, hương, xúc và pháp. Có chúng sanh vì xúc mà được điều phục chớ chẳng phải vì sắc, thanh, hương, vị và pháp. Có chúng sanh vì pháp mà được

điều phục chớ chẳng phải vì sắc, thanh, hương, vị và xúc.

Còn có các chúng sanh vì tâm tịch tĩnh mà được điều phục chớ chẳng phải vì thân tịch tĩnh, hoặc vì thân tịch tĩnh mà được điều phục chớ chẳng phải vì tâm tịch tĩnh mà được điều phục.

Còn có những chúng sanh hoặc nhơn nghe nói vô thường mà được điều phục chớ chẳng phải nhơn nghe khổ vô ngã và bất tịnh. Hoặc nhơn nghe khổ mà được điều phục chớ chẳng phải nhơn nghe vô thường vô ngã và bất tịnh. Hoặc nhơn nghe vô ngã mà được điều phục chớ chẳng phải nhơn nghe vô thường khổ và bất tịnh. Hoặc có chúng sanh nhơn nghe bất tịnh mà được điều phục chớ chẳng phải nhơn nghe vô thường khổ và vô ngã mà được điều phục.

Còn có những chúng sanh hoặc do hiện thân thông mà được điều phục chớ chẳng phải do tha tâm trí mà được điều phục. Hoặc do tha tâm trí mà được điều phục chớ chẳng phải do thân thông mà được điều phục.

Nầy thiện nam tử ! Còn có những chúng sanh siêng tu tinh tiến thì chậm được giải thoát

mà ít tu tinh tiến thì mau được giải thoát. Hoặc có chúng sanh siêng tu tinh tiến thì mau được giải thoát mà ít tu tinh tiến thì chậm được giải thoát. Có nhơn giải thoát mà chẳng phải duyên giải thoát. Có duyên giải thoát mà chẳng phải nhơn giải thoát. Có nhơn duyên giải thoát, có chẳng phải nhơn duyên giải thoát.

Có các chúng sanh do quán nội pháp mà được giải thoát chứ chẳng phải do quán ngoại pháp. Có chúng sanh do quán ngoại pháp được giải thoát mà chẳng phải do quán nội pháp. Có chúng sanh do quán nội pháp ngoại pháp mà được giải thoát. Có chúng sanh chẳng quán nội pháp ngoại pháp mà được giải thoát. Có chúng sanh nhơn lạc hạnh được giải thoát mà chẳng phải do khổ hạnh. Có chúng sanh nhơn khổ hạnh được giải thoát mà chẳng phải do lạc hạnh. Có chúng sanh nhơn khổ hạnh và lạc hạnh được giải thoát. Có chúng sanh chẳng nhơn khổ hạnh lạc hạnh được giải thoát. Có chúng sanh do khen thưởng mà được điều phục. Có chúng sanh do trách phạt mà được điều phục. Có chúng sanh do khen và trách mà được điều phục. Có chúng sanh chẳng do khen và trách mà được điều phục. Có chúng

sanh do nghịch thuyết pháp mà được điều phục chẳng phải do thuận thuyết pháp. Có chúng sanh do thuận thuyết pháp mà được điều phục chẳng phải do nghịch thuyết pháp. Có chúng sanh như nghịch thuyết và thuận thuyết hoặc có chẳng do nghịch thuyết và thuận thuyết mà được điều phục. Có chúng sanh do nghe lược thuyết, có chúng sanh do nghe quảng thuyết, có chúng sanh do nghe cả lược thuyết và quảng thuyết, có chúng sanh chẳng do nghe lược thuyết quảng thuyết mà được điều phục. Có chúng sanh do Tứ chơn đế được điều phục. Có chúng sanh do Tứ niệm xứ được điều phục. Có chúng sanh do Tứ chánh cần được điều phục. Có chúng sanh do Tứ như ý túc được điều phục. Có chúng sanh do Ngũ căn được điều phục. Có chúng sanh do Ngũ lực được điều phục. Có chúng sanh do Thất giác chi được điều phục. Có chúng sanh do Bát chánh đạo được điều phục.

Nầy thiện nam tử ! Nghiệp hành của các chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, tâm của chúng sanh cũng chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh điều phục chẳng thể nghĩ bàn, pháp môn được nhập của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới của các chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát được trí bất khả tư nghị như vậy mới biết được sở hành bất khả tư nghị của các chúng sanh.

Nầy thiện nam tử ! Ví như tấm lưới có nhiều gút mắt, có người ở trong ấy dùng sức chú thuật phá lưới thoát ra tùy ý mà đi. Cũng vậy, đại Bồ Tát vào trong chúng sanh dùng sức trí huệ phá lưới phiền não tùy ý tự tại, dầu chưa chúng được Vô thượng Bồ đề mà có thể thông đạt sở hành của các chúng sanh”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát lúc mới phát tâm Vô thượng Bồ đề nghe nói sở hành bất khả tư nghị của các chúng sanh như vậy mà chẳng kinh chẳng sợ, sự nầy thiệt rất khó chẳng thể nghĩ bàn được”.

Đức Phật nói : “Nầy Xá Lợi Phất ! Ý của ông nghĩ thế nào, như sư tử con lúc mới được đẻ ra nghe tiếng rống của sư tử nó có kinh sợ chẳng ?”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Dầu mới sanh nhưng sư tử con không kinh sợ khi nghe tiếng rống của sư tử”.

Đức Phật nói : “Nầy Xá Lợi Phất ! Cũng vậy, đại Bồ Tát lúc mới phát tâm Vô thượng

Bồ đề nghe nói sở hành bất tư nghị của các chúng sanh chẳng kinh chẳng sợ.

Lại này Xá Lợi Phất ! Ý ông nghĩ thế nào, thế lực của mỗi lửa dầu nhỏ mà nó có sợ đông củi khô lớn chẳng ?”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Mỗi lửa nhỏ không sợ đông củi khô lớn”.

Đức Phật nói : “Này Xá Lợi Phất ! Đại Bồ Tát lúc sơ phát Bồ đề tâm vô thường được lửa trí huệ cũng như vậy.

Lại này Xá Lợi Phất ! Nay đức Như Lai lấy việc chẳng phải ví dụ để làm ví dụ.

Ví như có ngọn lửa giao hẹn sau bảy ngày sẽ cùng củi gỗ khô chiến đấu. Bảy giờ bao nhiêu củi gỗ khô cùng họp tụ lại một chỗ cao lớn như tòa núi Tu Di, mà ngọn lửa ấy vẫn không núng sợ tự biết sức mình có thể chống phá nổi chẳng cần phải giúp thêm. Cũng vậy, dầu các phiền não cùng hòa hiệp chung nhau thế lực mãnh liệt, nhưng sức trí huệ của Bồ Tát đều có thể tiêu phục.

Này Xá Lợi Phất ! Đại Bồ Tát có hai thứ sức lực, một là phiền não lực, hai là trí huệ lực.

Bồ Tát nếu không có phiền não lực thì chẳng có thể cùng đồng với hành nghiệp của các chúng sanh, cũng chẳng có thể biết được hành xử của các chúng sanh và cũng sẽ đồng như bụi Thanh Văn và Duyên Giác. Vì vậy nên Bồ Tát dùng phiền não lực đi đến khắp các cõi hóa độ các chúng sanh chẳng hề kinh sợ, đây gọi là Bồ Tát hiện hành phương tiện.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như có số đốm lửa nhiều vô lượng ngàn vạn ức cũng chẳng thể chiếu lán được ánh sáng mặt nhật. Cũng vậy, dầu có vô lượng vô số phiền não cũng chẳng thể ngăn ngại được trí quang của Bồ Tát.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như một hoàn thuốc A Già Đà có khả năng phá được đại độc. Trí huệ của Bồ Tát cũng vậy, chút ít sức trí huệ có khả năng phá vô lượng đại phiền não.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như trận mưa nước một vị, rơi xuống rồi thì tùy theo đất mà có các thứ vị. Một giải thoát trí của đại Bồ Tát cũng vậy, theo căn tánh của các chúng sanh mà nói nhiều pháp sai khác.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như dưới cây Diêm Phù có bùn hoàng kim, trong bùn này có các loại báu quý. Trong vô thượng Bồ đề tâm mới phát

của Bồ Tát cũng vậy, trong tâm ấy có đủ Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như các Tiểu Vương đều thuộc Chuyển Luân Thánh Vương. Cũng vậy, tất cả hàng nhơn thiên đều đến quy thuộc sơ tâm Bồ Tát.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như người phước mỏng ít thì chẳng gặp được thất bửu. Cũng vậy, nếu người chẳng thể ở chỗ vô lượng chu Phật gieo trồng thiện căn thì chẳng thể phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như mầm non mía thì không có các vị thạch mật v.v... Cũng vậy, nếu người không có tâm Vô thượng Bồ đề thì không có các công đức Tam bảo.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như y vương Kỳ Bà thường nói rằng tất cả vật có trong thiên hạ không gì chẳng phải là thuốc. Cũng vậy, Bồ Tát nói tất cả các pháp không gì chẳng phải là Bồ đề.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như A Tu La Vương tận lực cũng không ngăn được vòng đi của mặt nhựt mặt nguyệt. Cũng vậy, tất cả ma chúng dùng hết thế lực chẳng thể trở ngại Bồ Tát siêng tu Bồ đề đạo.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như Sắc giới cung điện chu Thiên an trụ tại hư không. Cũng vậy, Bồ đề được có của Bồ Tát cũng y dựa nơi không mà an trụ.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như hư không có thể dung thọ tất cả vạn vật mà hư không ấy không hề tăng giảm. Vô lượng Phật pháp cũng vậy, dầu có Bồ Tát phát tâm nguyện cầu mà Phật pháp ấy vẫn không tăng giảm.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như có người tha hồ tùy sức mình đi trong hư không mà hư không ấy không hề tăng giảm. Cũng vậy, Bồ Tát dùng hết tín lực đi trong Phật trí mà Phật trí ấy vẫn không tăng giảm.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như thợ lò gốm lúc làm chưa thành món vật thì vật ấy chưa được tên món vật. Cũng vậy lúc chưa phát tâm Vô thượng Bồ đề thì pháp lành của Bồ Tát cũng chưa được tên.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như người đã được thấy Chuyển Luân Thánh Vương thì chẳng cầu thấy các Tiểu Vương. Cũng vậy, Bồ Tát đã phát tâm Vô thượng Bồ đề rồi thì chẳng còn phát tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như các bửu châu chẳng sản xuất ở những nơi khác mà phải sản xuất ở lòng đại hải. Cũng vậy, trong pháp Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng sản xuất được Tam bảo, mà Tam bảo phải được sản xuất trong pháp Bồ Tát.

Nầy Xá Lợi Phất ! Như bực Thái Tử chẳng gọi là vua chẳng phải chẳng gọi là vua. Cũng vậy, đại Bồ Tát chẳng gọi là Phật chẳng phải chẳng gọi là Phật.

Nầy Xá Lợi Phất ! Thất bửu dầu là lượng nhỏ cũng chẳng nên khinh, tại sao, vì lượng bửu dầu nhỏ mà có thể dùng làm việc lớn có nhiều lợi ích. Cũng vậy, dầu Bồ Tát lúc sơ phát tâm cũng chẳng nên khinh.

Nầy Xá Lợi Phất ! Nay Phật vì chu đại Bồ Tát mà nói những ví dụ như vậy. Bồ Tát được nghe những ví dụ ấy thì được an lạc”.

Muốn tuyên lại nghĩa ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng :

**Nếu muốn chúng được vô thượng đạo
Phải nên dứt trừ lòng nghi hối
Người siêng tu lòng tin vô thượng
Thì có thể được đạo Bồ đề**

Nếu người tu tập tịnh ẩn định
Tuyên nói các pháp như cảnh mộng
Trong vô lượng đời tịnh tâm mình
Thì có thể chứng Chánh giác đạo
Đạo Phật được chẳng phải thân nghiệp
Cũng chẳng phải khẩu nghiệp ý nghiệp
Vô vi chơn thiết tánh cũng vậy
Vì thế chẳng thể ví dụ nói
Phật đạo không đối chẳng thấy được
Chẳng phải nhãn thức như hư không
Chẳng phải tất cả các tình căn
Chẳng phải cảnh giới của các căn
Chẳng phải tướng ấm giới lục nhập
Chẳng phải tâm ý thọ tướng thức
Chẳng phải cảnh của tri của trí
Vì thế Phật cảnh chẳng biết được
Chư Phật đại bi khó nghĩ bàn
Vô lượng vô biên không chướng ngại
Không chữ không tiếng chẳng nói được
Vì thế không ai biết Phật giới
Nếu chúng sanh trong vô lượng đời
Gần kề thiện hữu nghe chánh pháp
Nghe rồi liền được đại phước đức

Thường thọ diệu lạc như chư Phật
 Tất cả các ma chẳng hại được
 Các căn điều phục thường an lạc
 Hay dùng phương tiện phá tứ ma
 An trụ như pháp hành Phật đạo
 Nếu tu đạo Bồ đề như vậy
 Thì được Bồ đề vì người nói
 Hay độ chúng sanh biển sanh tử
 Hay phá tất cả đại tà kiến
 Liên được vô thượng các tướng hảo
 Thành tựu Thập lực Tứ vô úy
 Hay biết chúng sanh phiền não hành
 Hay phá tất cả cõi sanh tử
 Nếu có Bồ Tát siêng tinh tiến
 Thì hay phá hoại các phiền não
 Như lửa đốt cháy gỗ củ khô
 Tâm Bồ đề đốt được phiền não.

Lại này Hải Huệ ! Vì được Vô thượng Bồ
 đề mà đại Bồ Tát siêng tu tinh tiến. Có ai
 siêng tu tinh tiến thì nên biết người ấy tức
 là có Bồ đề. Có ai siêng tu tinh tiến thì người
 ấy tức là có Đàn Ba la mật, Thi la Ba la mật,
 Sằn đề Ba la mật, Tỳ lê gia Ba la mật, Thiên

Ba la mật, Bát Nhã Ba la mật, có thể lợi ích mình mà cũng có thể lợi ích người.

Nầy thiện nam tử ! Vô lượng kiếp quá khứ có đức Phật Thế Tôn hiệu Cần Tinh Tiến Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn, quốc độ tên Thiện Kiến, kiếp ấy tên Hoa Tụ. Lúc ấy đại thủy tràn đầy cả thế giới, trong đại thủy sản xuất tám vạn bốn ngàn thượng diệu liên hoa, mỗi hoa sen ngang rộng đủ ngàn do tuần có vô lượng ức ánh sáng màu hoàng kim, mùi thơm vi diệu. Chư Thiên cõi Trời Sắc Cứu Cánh thấy các hoa sen ấy cảm thọ nhiều an lạc đồng nói rằng trong thế gian mà có nhiều hoa sen ấy thì nên biết là có nhiều đức Phật xuất thế. Do có ấy mà kiếp ấy có tên là Hoa Tụ.

Thuở ấy cả thế giới tịch tĩnh không có tiếng động. Vì tịch tĩnh mà chư Bồ Tát ở vô lượng thế giới thường thích quán sát. Do quán sát nên mỗi mỗi Bồ Tát đều được hỷ hành tam muội. Vì có ấy mà thế giới ấy có tên là Thiện Kiến.

Quốc độ Thiện Kiến có nhiều rừng cây thất bửu, nhiều những điện đèn lầu các thất bửu như Đâu Suất Thiên. Chúng sanh cõi ấy ăn uống đầy đủ, phần đông đều có thần thông, tất cả đều hóa sanh, không có thân người nữ cũng không có ba ác đạo, đều tu pháp Đại thừa, không có Nhị thừa. Đức Phật Cần Tinh Tiến có ba vạn sáu ngàn Bồ Tát xuất gia đều được tâm bất thối chuyển Vô thượng Bồ đề, còn có vô lượng nhơn thiên sơ phát tâm Bồ đề kiên cố chẳng thối chuyển. Đức Cần Tinh Tiến Như Lai thường thích tuyên nói hạnh cần tinh tiến. Lúc ấy trong đại chúng có một vị Bồ Tát tên Kiên Cố Trang Nghiêm từ chỗ ngồi đứng dậy đến lễ chum đức Cần Tinh Tiến Như Lai rồi quỳ dài chấp tay bạch rằng :

Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào là Bồ Tát cần hành tinh tiến ?

Đức Cần Tinh Tiến Như Lai nói :

Nầy Kiên Cố Trang Nghiêm ! Cần hành tinh tiến có bốn pháp, đó là phát tâm, tác tâm, quán tâm và như pháp trụ. Bốn pháp như vậy tức là đầy đủ nhơn duyên Phật pháp.

Tại sao vậy ? Nầy thiện nam tử ! Do phát tâm nên sanh thiện pháp. Do tu tác mà thiện

pháp tăng trưởng. Do quán sát mà lợi ích chúng sanh. Do như pháp trụ nên nhập vào tất cả nhơn duyên Phật pháp.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Phát ấy là cầu được nghe chánh pháp. Tác ấy là nghe pháp rồi có thể nói. Quán ấy là giải tư duy nghĩa. Như pháp trụ ấy là như pháp được nói mà an trụ.

Lại phát ấy là điều phục tâm xan tham, tác ấy là có thể bố thí tất cả, quán ấy là vì chúng sanh bố thí hồi hướng Bồ đề, như pháp trụ ấy là chẳng cầu quả báo bố thí. Lại phát ấy là tìm cầu người lãnh thọ, tác ấy là khi thấy người đến cầu xin thì sanh lòng thương xót, quán ấy là quán sát của cải vô thường, như pháp trụ ấy là chẳng cầu quả báo. Lại phát ấy là cầu của cải đúng như pháp, tác ấy là cầu được tịnh mạng, quán ấy là nơi vật chẳng bền mà tu pháp bền vững, như pháp trụ ấy là lúc xả thí tất cả chẳng có lòng kiêu mạn. Lại phát ấy là lìa các ác cấm giới, tác ấy là chí tâm thọ trì các tịnh cấm giới, quán ấy là chí tâm điều phục người phá giới, như pháp trụ ấy là trì tịnh cấm giới chẳng sanh lòng kiêu mạn. Lại phát ấy là tịnh khẩu nghiệp,

tác ấy là tịnh thân nghiệp, quán ấy là tịnh ý nghiệp, như pháp trụ ấy là tu tập thiện pháp. Lại phát ấy là xa lìa tâm sân hận, tác ấy là tu tập nhẫn nhục, quán ấy là thủ hộ mình và người, như pháp trụ ấy là tu nhẫn nhục rồi chẳng sanh lòng kiêu mạn. Lại phát ấy là thích giáo hóa chúng sanh tà kiến, tác ấy là hay phá tâm sân hận của các chúng sanh, quán ấy là chẳng thấy có nội ngoại, như pháp trụ là xa lìa tất cả phiền não kiết sử. Lại phát ấy là xa lìa giải đãi, tác ấy là siêng tu tinh tiến, quán ấy là điều phục tất cả chúng sanh giải đãi, như pháp trụ ấy là khuyên các chúng sanh tu tinh tiến.

Lại phát ấy là thiện từ, tác ấy là việc phải làm đã xong, quán ấy là chẳng cầu các thừa khác, như pháp trụ ấy là chẳng mất tâm vô lượng Bồ đề. Lại phát ấy là trang nghiêm thiện chi, tác ấy là trang nghiêm tam muội, quán ấy là tu tập chẳng sanh tương tợ ngã mạn, như pháp trụ là phá hoại tâm hành ác của các chúng sanh. Lại phát ấy là trang nghiêm niệm tâm, tác ấy là trang nghiêm các cõi, quán ấy là ý chí kiên cố, như pháp trụ là dũng kiện không khiếm sợ. Lại phát ấy có tên như pháp nhơn, tác ấy có tên như phương tiện, quán ấy

có tên môn hộ, như pháp trụ ấy có tên giải thoát. Lại phát ấy là cầu văn tự, tác ấy là thọ trì văn tự, quán ấy là tự bất khả thuyết, như pháp trụ ấy là xa lìa văn tự. Lại phát ấy là lìa ác tri thức, tác ấy là cầu thiện tri thức, quán ấy là ở nơi thiện tri thức chí tâm nghe pháp, như pháp trụ ấy là chẳng hiểu sai nghĩa. Lại phát ấy là thích rời bỏ nhà, tác ấy là xa lìa oán và thân, quán ấy là cầu pháp lành, như pháp trụ là chẳng theo ý người. Lại phát ấy là nói thiếu dục, tác ấy là nói tri túc, quán ấy là dễ nuôi dễ thỏa mãn, như pháp trụ ấy là khéo biết thời nghi.

Lại phát ấy là tu đúng cấm giới, tác ấy là nơi cấm giới chẳng hư, quán ấy là như định học giới, như pháp trụ ấy là như huệ học giới. Lại phát ấy là Đàn na và Thi la Ba la mật, tác ấy là Sằn đề và Tỳ lê gia Ba la mật, quán ấy là Thiên na và Bát Nhã Ba la mật, như pháp trụ ấy là trí và phương tiện Ba la mật. Lại phát ấy là hành bố thí nhiếp thủ, tác ấy là hành nhiếp ái ngữ nhiếp thủ, quán ấy là làm lợi ích cho người nhiếp thủ, như pháp trụ ấy là đồng sự với người nhiếp thủ. Lại phát ấy là đại từ, tác ấy là đại bi, quán ấy là đại hỷ, như pháp trụ ấy là đại xả. Lại phát ấy là

hộ trì chánh pháp, tác ấy là thanh tịnh phước điền, quán ấy là trang nghiêm tướng hảo, như pháp trụ ấy là điều phục chúng sanh. Lại phát ấy là thiết biết ấm ma, tác ấy là lìa phiền não ma, quán ấy là phá tử ma, như pháp trụ ấy là xô dẹp thiên ma. Lại phát ấy là thân niệm xứ, tác ấy là thọ niệm xứ, quán ấy là tâm niệm xứ, như pháp trụ là pháp niệm xứ. Lại phát ấy là rành rẽ biết khô, tác ấy là xa lìa tập nhơn, quán ấy là chúng chơn thiết diệt, như pháp trụ là tu tập trợ đạo. Lại phát ấy là tín căn, tác ấy là tinh tiến căn, quán ấy là niệm căn, như pháp trụ ấy là huệ căn. Lại phát ấy là thất giác phần, tác ấy là bát chánh đạo phần, quán là xa ma tha, như pháp trụ là tỳ bà xá na.

Nầy thiện nam tử ! Như tất cả hạnh lành đều gọi là phát, tu tập pháp lành đều gọi là tác, tất cả tâm thanh tịnh đều gọi là quán, biết tất cả nghiệp thì gọi là như pháp trụ.

Lại nầy Kiên Cố Trang Nghiêm Bồ Tát ! Người siêng tu tinh tiến thì tịch tĩnh tâm mình, nếu tâm tịch tĩnh tức là tinh tiến. Nếu phá tâm tham thân tức là tinh tiến. Nếu biết thân và ý tức là tinh tiến. Nếu đoạn dứt ngã và

ngã sở tức là tinh tiến. Đoạn dứt các hệ phược tức là tinh tiến. Phiền não chướng dứt hết tức là tinh tiến. Nếu có thể xa lìa tất cả chướng ngại tức là tinh tiến. Nếu có thể trừ bỏ mười thứ kiêu mạn tức là tinh tiến. Nếu phá tham sân tức là tinh tiến. Nếu phá vô minh hữu ái tức là tinh tiến. Nếu chẳng phóng dật tu tập thiện pháp tức là tinh tiến. Nếu có thể chơn thiết thấy nội lục nhập ngoại lục nhập tức là tinh tiến. Nếu chơn thiết biết ngũ ấm, thập bát giới, thập nhị nhập tức là tinh tiến. Tâm tịch tĩnh tức là tinh tiến. Phá hoại lòng nghi tức là tinh tiến. Nơi tam thế chẳng phân biệt tức là tinh tiến. Nếu quán pháp giới chẳng động chuyển tức là tinh tiến. Nếu chẳng lậu tức là tinh tiến. Nếu chẳng hại tức là tinh tiến. Nếu chẳng sanh hối tức là tinh tiến. Nếu chẳng cầu tức là tinh tiến. Nếu chẳng diệt tức là tinh tiến. Nếu chẳng tác tức là tinh tiến. Nếu không có tăng giảm tức là tinh tiến.

Không có thượng không có hạ tức là tinh tiến. Chẳng xả chẳng trước tức là tinh tiến. Chẳng phược chẳng giải tức là tinh tiến. Chẳng đến chẳng đi tức là tinh tiến. Bất sanh bất diệt tức là tinh tiến. Chẳng phải phóng dật chẳng phải chẳng phóng dật tức là tinh tiến.

**Không có tác không có tác giả tức là tinh tiến.
Không có tối không có sáng tức là tinh tiến.
Chẳng phải có thấy chẳng phải chẳng thấy
tức là tinh tiến .**

**Đức Thế Tôn bảo Hải Huệ đại Bồ Tát :
“Nầy thiện nam tử ! Lúc đức Cần Tinh Tiến
Nhu Lai nói pháp tinh tiến như vậy có vô lượng
Bồ Tát được Vô sanh pháp nhẫn. Hiện nay
trong pháp hội nầy cũng có năm ngàn Bồ Tát
được Vô sanh pháp nhẫn, bảy ngàn thiên nhơn
phát tâm Vô thượng Bồ đề.**

**Nầy thiện nam tử ! Thuở xa xưa ấy, Kiên
Cố Trang Nghiêm Bồ Tát nghe đức Cần Tinh
Tiến Nhu Lai nói pháp ấy rồi, vì muốn được
vô lượng pháp như vậy nên siêng tu tinh tiến
chúng được hạ nhẫn. Vì cầu pháp mà Bồ Tát
ấy chẳng ngồi chẳng nằm cho đến mạng chung.
Lúc đã bỏ thân liên sanh Trời Phạm Thiên,
trong vô lượng đời cúng dường Phật và nghe
pháp thọ trì. Trong kiếp Hoa Tụ ấy Bồ Tát
Kiên Cố Trang Nghiêm cúng dường cùng khắp
tám vạn bốn ngàn chư Phật Như Lai nghe pháp
thọ trì siêng tu tinh tiến.**

**Nầy Hải Huệ ! Ông có biết thuở kiếp Hoa
Tụ xa xưa, Bồ Tát Kiên Cố Trang Nghiêm ấy**

là người nào chăng ? Chính là thân ta Thích Ca Mâu Ni Phật vậy.

Nầy Hải Huệ ! Từ lâu ta đầy đủ tinh tiến nên siêu việt Di Lặc và chư vị đại Bồ Tát mà thành Chánh Giác trước. Vì vậy mà ta nói rằng ai có tinh tiến thì nên biết người ấy tức là có Bồ đề.

Nầy Hải Huệ ! Ta siêng tu tinh tiến mà còn khó được Vô thượng Bồ đề huống là giải đãi ư ! Nếu có Bồ Tát hay siêng tu tinh tiến thì người ấy có thể tự lợi lợi tha”.

Muốn tuyên lại nghĩa ấy đức Thế tôn nói kệ rằng :

**Ta nhớ quá khứ vô lượng đời
Trong kiếp Hoa Tụ Tinh Tiến Phật
Thế giới Thiện Kiến nước tràn đầy
Sản xuất tám vạn bốn ngàn hoa
Cõi ấy báu đẹp như Đâu Suất
Dư nhiều vật thực không thân nữ
Chúng sanh tất cả đều hóa sanh
Cũng không nhị thừa thuần nhứt thừa
Mười phương thế giới chư Bồ Tát
Thấy cõi Thiện Kiến thọ an lạc**

Ba vạn hai ngàn chúng xuất gia
Vô lượng như thiên phát giác tâm
Tịnh Tiến Phật khen hạnh tịnh tiến
Chỉ vì Kiên Cố Trang Nghiêm nói
Nếu hay phát tâm siêng tu thiện
Nhiếp tâm tư duy như pháp trụ
Cần Tịnh Tiến Phật vì Kiên Cố
Phân biệt nói rộng bốn câu ấy
Phát Bồ đề tâm như pháp hành
Tư duy được nhẫn như pháp trụ
Nếu cầu chánh pháp gọi sơ phát
Như pháp mà nói gọi là tác
Hiểu nghĩa chẳng sai tư duy tốt
Tu tập pháp nhẫn như pháp trụ
Nếu siêng bố thí gọi sơ phát
Cầu người nhận lãnh gọi là tác
Thấy rõ vô thường tư duy tốt
Chẳng thấy hai tướng như pháp trụ
Cầu của đúng pháp gọi sơ phát
Thanh tịnh sanh sống gọi là tác
Phá hoại xan tham tư duy tốt
Chẳng sanh kiêu mạn như pháp trụ
Xa lìa ác giới gọi sơ phát

Trì giới chẳng hư gọi là tác
Điều phục người lỗi tư duy tốt
Tịnh giới không kiêu như pháp trụ
Xa lìa ác khẩu gọi sơ phát
Thân thường tịch tĩnh gọi là tác
Ý nghiệp tịch tĩnh tư duy tốt
Các pháp tịch tĩnh như pháp trụ
Xa lìa hại tâm là sơ phát
Tu tập nhẫn nhục gọi là tác
Gìn giúp mình người tư duy tốt
Nhẫn chẳng kiêu mạn như pháp trụ
Khuyên dạy kẻ sân gọi sơ phát
Xa lìa kẻ ác gọi là tác
Trong ngoài tịch tĩnh tư duy tốt
Tâm không trước ngã như pháp trụ
Xa lìa giải đãi gọi sơ phát
Siêng tu tinh tiến gọi là tác
Biết rõ chơn thiệt tư duy tốt
Tu tập trợ đạo như pháp trụ
Mới cầu pháp lành là sơ phát
Cầu rồi tu tập gọi là tác
Niệm tâm thọ trì tư duy tốt
Chẳng mất thiện pháp như pháp trụ

Cầu nơi thiên chi gọi sơ phát
Tu tập tam muội gọi là tác
Không tương tợ mạn tu duy tốt
Không có lỗi lầm như pháp trụ
Tâm niệm nơi huệ gọi sơ phát
Chúng được pháp môn gọi là tác
Ứng hộ chánh pháp tu duy tốt
Dũng kiện tinh tiến như pháp trụ
Chánh niệm nhơn duyên là sơ phát
Tu thiện phương tiện gọi là tác
Quán xem nội pháp tu duy tốt
Đã được giải thoát như pháp trụ
Mới cầu văn tự gọi sơ phát
Thông đạt hiểu rõ gọi là tác
Biết bất khả thuyết tu duy tốt
Rõ không văn tự như pháp trụ
Xa lìa ác hữu là sơ phát
Gần kề thiện hữu gọi là tác
Nghe pháp hiểu đúng tu duy tốt
Chẳng rời chánh pháp như pháp trụ
Phật pháp xuất gia là sơ phát
Trừ bỏ oan thân gọi là tác
Tu tập pháp lành thiện tu duy

Chẳng theo ý người như pháp trụ
Thiếu dục sơ phát tri túc tác
Thích nơi tịch tĩnh tư duy tốt
Trụ tịch tĩnh rồi giảng vô tranh
Cũng tự tu tập như pháp trụ
Theo giới mà học gọi sơ phát
Chẳng để phạm giới gọi là tác
Trì giới không giới tư duy tốt
Theo trí huệ giới như pháp trụ
Chẳng nói thế sự là sơ phát
Thường thích tịch tĩnh gọi là tác
Để nuôi dưỡng thiện tư duy
Quán sát vô thường như pháp trụ
Thích tu thí giới gọi sơ phát
Nhẫn nhục tinh tiến gọi là tác
Thiền và Bát Nhã tư duy tốt
Trí cùng phương tiện như pháp trụ
Bố thí nhiếp thủ là sơ phát
Ái ngữ nhiếp thủ gọi là tác
Lợi ích cho người tư duy tốt
Đồng sự nhiếp thủ như pháp trụ
Tu từ là phát tu bi tác
Tam thế vô nhị tư duy tốt

Vì các chúng sanh tịnh thân tâm
Tu tập hỉ xả như pháp trụ
Hộ trì chánh pháp là sơ phát
Thanh tịnh phước điền gọi là tác
Trang nghiêm tự thân tư duy tốt
Điều phục chúng sanh như pháp trụ
Phá hoại ám ma là sơ phát
Rời phiền não ma gọi là tác
Phá được tử ma tư duy tốt
Dẹp phục ma địch như pháp trụ
Tu tập thân niệm là sơ phát
Tu tập thọ niệm gọi là tác
Tu tập tâm niệm tư duy tốt
Tu tập pháp niệm như pháp trụ
Rành rẽ biết khổ là sơ phát
Xa lìa nhơn tập gọi là tác
Chúng diệt chơn thiệt tư duy tốt
Tu tập trợ đạo như pháp trụ
Tu tập tín căn là sơ phát
Tu tập các lực gọi là tác
Tu niệm tam muội tư duy tốt
Tu tập trí huệ như pháp trụ
Thân tâm tịch tĩnh là sơ phát

Xa lìa tà kiến gọi là tác
Quán rõ danh sắc tư duy tốt
Tĩnh tiến chẳng hối như pháp trụ
Không ngã ngã sở là sơ phát
Không phược không giải gọi là tác
Không khứ không lai tư duy tốt
Pháp tánh bất động như pháp trụ
Xa lìa kiêu mạn là sơ phát
Trừ bỏ tham sân gọi là tác
Quán mười hai duyên tư duy tốt
Lìa si hữu ái như pháp trụ
Nếu hay xa lìa tất cả tướng
Phá hoại sở hữu các chuống ngại
Đầy đủ thập lực tứ vô úy
Hay nói công đức cần tĩnh tiến
Nhu Lai nói pháp tĩnh tiến này
Mười ngàn chúng sanh ngộ vô sanh
Năm ngàn Bồ Tát được pháp nhẫn
Vô lượng Trời Người phát Bồ đề
Bồ Tát Kiên Cố nay Thích Ca
Tĩnh tiến vượt hơn chư Bồ Tát
Nếu muốn chúng được Vô thượng đạo
Nên tu tĩnh tiến như Phật trước.

Bấy giờ Tu Bi Phạm Thiên hỏi Hải Huệ Bồ Tát rằng : “Bạch Đại Sĩ ! Nói là Phật pháp ấy, thế nào gọi là Phật pháp ?”.

Hải Huệ đại Bồ Tát nói : “Thưa Thiên Tử ! Phật pháp ấy tên là tất cả pháp. Tất cả pháp ấy tên là Phật pháp. Như Phật pháp tánh tức là tất cả pháp tánh. Như tất cả pháp tánh ấy tức là Phật pháp tánh. Tất cả pháp tánh cùng Phật pháp tánh không hai không sai biệt. Tất cả pháp tịch tĩnh Phật pháp cũng tịch tĩnh. Tất cả pháp rỗng không Phật pháp cũng rỗng không.

Thưa Thiên Tử ! Tất cả pháp tức mười hai nhơn duyên, Bồ đề ấy cũng là mười hai nhơn duyên”.

Tu Bi Phạm Thiên nói : “Bạch Đại Sĩ ! Luận về Phật pháp ấy phải chăng là chẳng quá tam giới pháp ư ?”.

Hải Huệ đại Bồ Tát nói : “Thưa Thiên Tử ! Tam giới cùng Phật pháp, tánh không sai biệt. Tam giới tánh bình đẳng, Phật pháp tánh bình đẳng không có hai tướng. Ví như hư không không có tăng giảm, Phật pháp cũng như vậy không có tăng giảm, vì tánh rỗng không nên

không có thượng không có hạ. Nếu ai muốn thấy Phật pháp thì nên quan sát như vậy.

Lại nầy Thiên Tử ! Luận về Phật pháp ấy chẳng phải xú chẳng phải chẳng xú, chẳng phải sanh chẳng phải diệt, chẳng phải xanh chẳng phải vàng đỏ trắng chẳng phải màu tạp màu lưu ly màu hư không giới, lìa màu sắc không có màu sắc, chẳng phải có hình chất vuông tròn dài vắn, không có tướng không có các tướng, không có phục không có giải, không có tướng như vậy gọi là Phật pháp, không có tướng không có cú không có văn tự, là thanh tịnh tịch tĩnh, là nghĩa rỗng không, là nghĩa không có tướng, là nghĩa không có tích tụ, là nghĩa rốt ráo không có xuất sanh, là nghĩa giác tri.

Nghĩa tịch tĩnh ấy là chẳng tuyên nói được, chẳng nhìn được chẳng thấy được. Nghĩa tịch tĩnh ấy là nghĩa không. Nghĩa không ấy là nghĩa không tích tụ. Nghĩa không tích tụ ấy là nghĩa chơn thiệt. Nghĩa chơn thiệt ấy là nghĩa rốt ráo bất xuất. Nghĩa rốt ráo bất xuất ấy là nghĩa bất diệt. Nghĩa bất diệt ấy tức là nghĩa không có xú. Nghĩa không có xú ấy tức là pháp tánh. Pháp tánh ấy tức là Phật pháp.

Đây gọi là hữu học pháp, gọi là A La Hán pháp, gọi là Duyên Giác pháp, gọi là Phật pháp. Phật pháp như vậy cùng các pháp khác cũng không có trụ xứ, bất xuất bất diệt, không có sắc xanh vàng đỏ trắng, không có hình vuông tròn dài vắn, không có tướng mạo, không có sáng không có tối, tất cả các pháp bình đẳng vô sai biệt. Người cầu Phật pháp gọi rằng Phật, Phật pháp và tất cả pháp.

Dại Bồ Tát ngồi đạo tràng dưới cội Bồ đề mới có thể rành rẽ rõ ràng chơn thiết biết thấy. Tại sao, vì Phật chánh pháp không có trụ xứ vậy, tất cả các pháp cũng không có trụ xứ. Phật pháp bất khả đắc tất cả các pháp cũng bất khả đắc. Phật pháp bình đẳng tất cả các pháp cũng bình đẳng. Nếu không có nhơn duyên thì không có chủng tánh. Nếu không có chủng tánh thì không có xuất không có diệt. Nếu không có xuất diệt thì gọi là chơn thiết. Biết chơn thiết ấy tức là thiết tánh. Các pháp quá khứ vị lai hiện tại tức là Phật pháp. Tại sao, vì thông đạt tam thế không có chướng ngại vậy. Không chướng ngại ấy tức là Phật trí. Phật trí ấy tức là mười tám pháp bất cộng. Pháp bất cộng ấy nhiếp tất cả pháp. Vì thế nên tất cả các pháp tức là Phật pháp. Các

pháp cùng Phật pháp không có hai không sai biệt”.

Tu Bi Phạm Thiên nói : “Bạch Đại Sĩ ! Nay Đại Sĩ có rõ ràng thấy Phật pháp chăng ?”.

Hải Huệ đại Bồ Tát nói : “Thưa Thiên Tử ! Phật pháp chẳng phải sắc hình chẳng thể nhìn thấy được, sao Thiên Tử lại nói là rõ ràng thấy Phật pháp ư ! Tất cả các pháp đều chẳng thể thấy được. Luận về rõ ràng ấy tức là Phật pháp, không có hai tướng sai biệt”.

Tu Bi Phạm Thiên nói : “Bạch Đại sĩ ! Sao đức Như Lai có chi nói rằng Phật biết thấy tất cả các pháp ?”.

Hải Huệ Bồ Tát nói : “Thưa Thiên Tử ! Như Lai Phật pháp nếu có định tướng mới có thể nói được rằng rõ ràng biết thấy”.

- Bạch Đại Sĩ ! Phật pháp không có ư ?

- Thưa Thiên Tử ! Pháp nếu là vô định thì chẳng thể nói có chẳng thể nói không. Nếu chẳng thể nói có tướng không có tướng thì làm sao nói được rằng rõ ràng biết thấy.

- Bạch Đại Sĩ ! Tại sao đức Như Lai nói các Phật pháp ?

- Thưa Thiên Tử ! Như nói hư không, mà tánh hư không thiết không có định tướng, Phật pháp cũng vậy.

- Bạch Đại Sĩ ! Phật pháp như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Bồ Tát lúc mới phát tâm Vô thượng Bồ đề nghe pháp như vậy mà chẳng kinh chẳng sợ cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Tánh Chánh giác cũng chẳng thể nghĩ bàn.

- Thưa Thiên Tử ! Người được đức Phật gia hộ mới có thể phát được tâm Vô thượng Bồ đề ấy, vì thế nên nghe pháp như vậy mà chẳng kinh chẳng sợ.

Thưa Thiên Tử ! Nếu người có tham trước thì sanh lòng kinh sợ, người không có tham trước thì không có kinh sợ. Người luyến tiếc thân mạng thì sanh lòng kinh sợ, người không luyến tiếc thân mạng thì không có kinh sợ, người có chướng ngại thì sanh lòng kinh sợ, người không có chướng ngại thì không có kinh sợ. Tham trước ngã và ngã sở thì sanh lòng kinh sợ, người dứt ngã và ngã sở thì không có kinh sợ.

- Bạch Đại Sĩ ! Đại Bồ Tát có sức lực gì mà khi nghe Phật pháp thậm thâm chẳng sanh lòng kinh sợ ?

- Thưa Thiên Tử ! Có tám thứ lực lúc nghe Phật pháp thậm thâm thì chẳng sanh lòng kinh sợ. Đó là trụ lực, thiện hữu lực, đa văn lực, thiện căn lực, thiện tư duy lực, phá kiêu mạn lực, đại từ bi lực và như pháp trụ lực.

Thưa Thiên Tử ! Bồ Tát có đủ tám sức lực như vậy thì khi nghe Phật pháp thậm thâm chẳng sanh lòng kinh sợ .

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn khen Hải Huệ Bồ Tát rằng : “Lành thay lành thay ! Thiện nam tử có thể khéo tuyên nói các lực của Bồ Tát. Đúng như lời ông nói Bồ Tát có đủ các lực như vậy thì nghe Phật pháp thậm thâm không sanh lòng kinh sợ.

Nầy thiện nam tử ! Tất cả ngôn thuyết gọi đó là âm thanh. Tánh Bồ đề chẳng thể nói được cũng chẳng thể thấy được. Chẳng thể nói chẳng thể thấy gọi đó là đệ nhút nghĩa. Đức Như Lai rõ ràng biết thấy chẳng thể tuyên nói được như vậy, vì thương chúng sanh nên tuyên nói cho họ. Bồ đề chẳng phải tâm cũng chẳng phải tâm sở, hướng là âm thanh văn tự.

Nầy thiện nam tử ! Vì thương các chúng sanh nên đức Như Lai giác ngộ pháp thậm

thâm. Giác ngộ pháp thậm thâm rồi không có tri không có giác không có tâm, không có tâm sở, không có thanh, không có tự chẳng thể tuyên nói được. Vì chúng sanh nên đức Như Lai nói có văn tự âm thanh thứ đệ.

Nầy thiện nam tử ! Như hư không chẳng phải là sắc pháp chẳng thể nhìn thấy chẳng phải đối chẳng phải tác. Có người vẽ giỏi vẽ hư không làm hình tượng hoặc là nam, hoặc là nữ, là voi, là ngựa. Người vẽ giỏi như vậy có thể nghĩ bàn được chăng ?”.

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Chẳng thể nghĩ bàn được”.

Đức Phật nói : “Nầy thiện nam tử ! Việc ấy còn có thể tin được. Đức Như Lai Thế Tôn biết rõ chẳng thể tuyên nói được mà có thể diễn nói, sự ấy rất là khó. Dầu là diễn nói pháp chẳng thể tuyên nói được nhưng Như Lai chơn thiết biết tánh chẳng thể nói được.

Nầy thiện nam tử ! Nếu người nghe pháp ấy mà chẳng kinh sợ, nên biết người ấy đã từ lâu ở chỗ vô lượng chư Phật. Như Lai trông các căn lành.

Nầy thiện nam tử ! Kinh điển như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có người hay thọ trì

đọc tụng biên chép giải nói, người nầy có thể thọ trì pháp tạng của tất cả chư Phật, nhiếp thủ tất cả chúng sanh làm cho họ giải thoát.

Nầy thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát thấy rõ tất cả chư Phật trong vô lượng thế giới. Thấy rồi liền mang thất bửu đây cả những thế giới ấy dâng hiến cúng dường tất cả chư Phật Thế Tôn. Người nầy được công đức chùng có nhiều chăng ?”.

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch rằng : “Rất nhiều, bạch đức Thế Tôn ! Công đức như vậy không thể ví dụ nói được”.

Đức Phật nói : “Nầy thiện nam tử ! Chẳng bằng người ủng hộ chánh pháp, vì thương mến chúng sanh mà thọ trì đọc tụng biên chép giải nói kinh điển nầy. Tại sao, vì công đức pháp thí thắng hơn tài thí. Luận về tài thí tức là thế gian thí, pháp thí là xuất thế thí.

Nầy thiện nam tử ! Nếu người hay hộ trì chánh pháp Phật thì được bốn sự nhiếp thủ. Đó là được Phật nhiếp, được chư Thiên nhiếp, được phước nhiếp và được trí nhiếp.

Phật nhiếp chúng sanh còn có bốn sự : một là thường được thân cận chư Phật, hai là chúng ma chẳng được dịp, ba là được vô

tận đà la ni và bốn là được trụ bực bất thối chuyển.

Chư Thiên nhiếp chúng sanh cũng có bốn sự : một là chỗ thuyết pháp được chư Thiên trần thiết thanh tịnh, hai là lúc thuyết pháp mọi người thích nghe, ba là chẳng hề bị các nhơn duyên khác làm tổn hại và bốn là người chẳng tin thì tin.

Phước nhiếp chúng sanh cũng có bốn sự : một là trang nghiêm nơi thân có ba mươi hai tướng và tám mươi tùy hảo, hai là trang nghiêm nơi miệng phạm lời nói ra được người thích nghe, ba là trang nghiêm Phật độ và bốn là trang nghiêm chủng tánh như là Đế Thích, Phạm Thiên, Chuyển Luân Thánh Vương.

Trí nhiếp chúng sanh cũng có bốn sự : một là biết rõ căn của chúng sanh mà tùy ý thuyết pháp, hai là biết bệnh khổ của các chúng sanh theo bệnh mà cho thuốc, ba là được đại thần thông đi khắp các Phật quốc độ và bốn là rành rẽ thông đạt pháp giới.

Nầy thiện nam tử ! Nếu người muốn được những công đức như vậy thì nên siêng tâm hộ trì chánh pháp”.

**Muốn tuyên lại nghĩa ấy đức Thế Tôn nói
tụng rằng :**

**Hay hộ chánh pháp thương chúng sanh
Thọ trì kinh này và diễn thuyết
Phật nói một phần trong ngàn phần
Đường như một giọt trong đại hải
Biết ơn báo ơn niệm Như Lai
Người này đáng tin phó pháp tạng
Cúng dường vô lượng mười phương
Phật**

**Như vậy thì hay hộ Phật pháp
Dầu thí trân bửu vô lượng quốc
Chẳng bằng chí tâm tụng một kệ
Pháp thí tối diệu thắng tài thí
Vì vậy người trí phải hộ pháp
Mười phương chư Phật, Thiên, Long,
Thần**

**Công đức trí huệ được nhiếp thủ
Trang nghiêm tu hành các tướng hảo
Người này đều do hộ chánh pháp
Thường gặp chư Phật thiện tri thức
Thường nghe vô thượng chơn thiết đạo
Mau được vô lượng đà la ni**

Người nầy đều do hộ chánh pháp
 Thân khẩu ý giới được thanh tịnh
 Đủ đại thần thông đi các nước
 Bất thối Bồ đề đủ lục độ
 Người nầy đều do hộ chánh pháp
 Thế giới vi trần nói hết được
 Công đức hộ pháp chẳng lường được
 Muốn được trí chẳng tuyên nói được
 Nên phải bền lòng nói chánh pháp.

Bấy giờ trong đại chúng có một vị Bồ Tát
 tên là Công Đức Bửu Quang từ chỗ ngồi đứng
 dậy đánh lễ đức Phật quỳ dài chấp tay cung
 kính bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đức Như
 Lai ở trong đại kinh điển nầy nói rằng Phật
 pháp chẳng thể tuyên nói được. Nếu chẳng
 nói được thì làm sao có thể hộ trì ?”.

Đức Phật nói : “Lành thay lành thay, nầy
 Công Đức Bửu Quang ! Đúng như vậy đúng
 như vậy, Như Lai chánh pháp thiết chẳng thể
 tuyên nói được. Đức Như Lai giác ngộ biết rõ
 pháp chẳng thể nói được. Chánh pháp như
 vậy dầu chẳng thể tuyên nói mà có tự cú, vì
 có tự cú nên có thể tuyên nói được. Tự cú

như vậy mà thọ trì đọc tụng biên chép giải nói thì gọi là hộ pháp.

Nầy Công Đức Bửu Quang ! Còn có hộ pháp là thấy có người thọ trì đọc tụng biên chép giải nói tự cú như vậy thì cúng dường cung kính thân cận lễ bái tôn trọng tán thán sanh ý tưởng là thầy, rồi ủng hộ cung cấp những y phục, uống ăn, thuốc men, giường ghế, phòng nhà, đèn đuốc. Nghe người ấy nói pháp thì khen rằng thiện tai, thủ hộ nhà phòng của dòng họ người ấy ở, cũng thủ hộ những người hầu cận giúp việc, nghe điều xấu dở thì ẩn che, nghe điều tốt thì tán dương. Nếu có thể ủng hộ người thọ trì chánh pháp như vậy, thì người nầy có thể ủng hộ Phật Pháp Tăng.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Nếu có thể tu không vô tướng vô nguyên, người nầy tức là ủng hộ chánh pháp.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Thấy có kẻ chê báng kinh điển Đại thừa thì chẳng cùng ở với người ấy, cũng chẳng cùng ngôn ngữ đàm luận để điều phục tội của kẻ ấy. Người nầy tức là hộ trì chánh pháp.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Nếu có người hay tu tập bi tâm không có ý tưởng đến lợi

duỡng uống ăn, thương mến chúng sanh vì họ mà tuyên nói chánh pháp, đây gọi là người hộ pháp.

Còn nữa, nầy thiện nam tử ! Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng mà thọ trì đọc tụng biên chép giải nói các kinh điển Đại thừa như vậy, đây gọi là người hộ pháp.

Còn nữa nầy thiện nam tử ! Nếu nghe chánh pháp một chữ một câu mà đi một do tuần nhẫn đến bảy bước trong khoảng thời gian thở ra hít vào, đây gọi là hộ pháp.

Nầy Công Đức Bửu Vương ! Quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp có đức Phật hiệu là Đại Trí Thanh Lục Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn, thế giới tên Tịnh Quang, kiếp tên Cao Hiển. Thế giới Tịnh Quang ấy thuần là thanh lưu ly bửu. Tất cả chúng Bồ Tát đều thành tựu vô lượng thí lực, có đủ thần thông trí huệ vô ngại. Tất cả Bồ Tát đều thọ thân trời đều chí tâm nghe đức Phật Đại Trí Thanh Lục thuyết pháp không có xuất gia cùng tại gia sai biệt. Bấy giờ Thế Tôn ấy vì

có hộ pháp nên ban tuyên chánh pháp cho các đại chúng.

Trong pháp hội có một vị Bồ Tát hiệu là Pháp Huệ bạch đức Phật ấy rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Những gì là pháp mà nói ủng hộ ?”.

Đức Đại Trí Thanh Lục Như Lai nói : “Nầy Pháp Huệ ! Luận về lục nhập nó thích tìm cầu cảnh giới, nếu có thể ngăn chỉ được thì gọi là hộ pháp. Nhãn thức ở nơi sắc gọi là phi pháp, nếu có thể xa lìa sắc thì gọi là hộ pháp. Nhĩ đến ý thức ở nơi pháp cũng như vậy.

Nầy Pháp Huệ ! Nếu thấy nhãn rõ không, thấy rồi chẳng nhìn xem nơi sắc chẳng trụ trước nơi thức đây gọi là pháp, nếu chơn thiết biết rõ pháp như vậy thì gọi là hộ pháp. Nhĩ đến với ý pháp và thức cũng như vậy.

Nầy Pháp Huệ ! Nếu pháp hay sanh trong pháp ấy chẳng cầu chẳng lấy lòng chẳng tham trước, đây gọi là hộ pháp. Nếu có thấy pháp hay sanh tà kiến, ở trong kiến ấy chẳng cầu chẳng lấy lòng chẳng tham trước, đây gọi là hộ pháp. Nếu có vô minh chẳng thể tịnh tâm, ở trong cấu trước ấy chẳng cầu chẳng lấy lòng chẳng tham trước, đây gọi là hộ pháp.

Nầy Pháp Huệ ! Nếu có một pháp sau khi đã cầu lấy rồi mà chẳng thể ban thí cho người thì pháp ấy là phi pháp cũng là phi tỳ ni. Còn có thể ban thí cho người tức là chánh pháp tức là tỳ ni. Nếu có người không cầu không thủ không thí tức là chánh pháp tức là tỳ ni. Luận về có cầu thủ ấy tức là phi đạo, nếu chẳng ban thí ấy tức là phi pháp tức là phi tỳ ni. Nếu có thể ban thí tức là chánh pháp tức là tỳ ni.

Chẳng thủ chẳng cầu chẳng thí tức là bất xuất bất sanh bất diệt, nếu chẳng phải xuất sanh và diệt thì thế nào có thể thí được. Chẳng thể thí được ấy mới gọi là pháp là tỳ ni. Tại sao, vì chưa sanh phiền não làm như duyên chướng ngại, vì vậy mà vô tận, vô tận ấy là vô xuất, vô xuất ấy gọi là pháp gọi là tỳ ni. Nơi pháp như vậy chẳng cầu chẳng thủ thì gọi là hộ pháp.

Lúc đức Phật Đại Trí Thanh Lục vì Pháp Huệ đại Bồ Tát nói pháp ấy có ba vạn hai ngàn Bồ Tát được Vô sanh pháp nhẫn”.

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa của đức Thế Tôn nói thì pháp và phi pháp đây gọi là pháp.

Tại sao, vì nếu phân biệt pháp và phi pháp ấy, người này chẳng gọi là hộ trì chánh pháp. Nếu thấy có pháp tướng thì gọi là phi pháp.

Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có thể liễu đạt thấy tất cả pháp là không có pháp thì gọi là nghĩa đệ nhưt chơn thiệt.

Bạch đức Thế Tôn ! Nếu không có pháp không có phi pháp tức là vô số, nếu vô số ấy tức là thiệt tánh. Thiệt tánh ấy gọi là hư không. Tánh hư không vô biên vô tế, tánh của tất cả các pháp cũng vô biên vô tế. Pháp tánh cùng thiệt tánh không có sai biệt, tại sao, vì là vô biên vô tế vậy. Nếu Bồ Tát biết thấy bình đẳng như vậy tức là thấy chơn thiệt.

Bạch đức Thế Tôn ! Tôi không thấy có một pháp, do vì chẳng thấy có pháp nên chẳng thấy có tăng chẳng thấy có giảm.

Bạch đức Thế Tôn ! Tôi thấy như vậy phải chăng là chẳng phỉ báng lời nói của đức Như Lai là thiệt thấy chăng”.

Đức Phật nói : “Này Hải Huệ ! Thấy như vậy chẳng phỉ báng Như Lai, là chơn thiệt thấy”.

Lúc nói pháp ấy, Hải Huệ đại Bồ Tát và một vạn trời người được Vô sanh pháp nhẫn .

**Đức Phật lại bảo Hải Huệ đại Bồ Tát rằng :
“Này thiện nam tử ! Ông có biết thuở đức Phật
Đại Trí Thanh Lục Như Lai, đại Bồ Tát Pháp
Huệ ấy là ai chăng ? Chính là tiền thân của
ta, Thích Ca Mâu Ni Phật nay vậy. Vì thế nên
nay ta đem chánh pháp được cầu trong vô
lượng đời giao phó cho ông”.**

**Bấy giờ trong chúng có sáu vạn ức chư
Bồ Tát đồng phát thanh bạch đức Phật rằng :
“Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi sẽ cùng ủng
hộ chánh pháp thọ trì và rộng tuyên nói”.**

**Đức Phật bảo chư Bồ Tát : “Chư thiện nam
tử ! Nay các ông như pháp trụ thế nào để hộ
trì chánh pháp ?”.**

**Son Vương Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức
Thế Tôn ! Tiếc thân mạng thì chẳng thể hộ
pháp được. Tôi chẳng tiếc thân mạng như pháp
mà trụ nên tôi có thể hộ trì chánh pháp”.**

**Công Đức Sơn Vương Bồ Tát bạch rằng :
“Bạch đức Thế Tôn ! Người tham lợi thì chẳng
thể hộ pháp. Tôi không tham lợi nên có thể
hộ pháp”.**

**Bửu Tràng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức
Thế Tôn ! Nếu thấy có hai tướng pháp và phi**

pháp thì chẳng thể hộ pháp. Tôi không có hai tướng nên có thể hộ pháp được”.

Phước Đức Tạng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Người có phiền não thì chẳng thể hộ pháp. Tôi có trí lực đã xa lìa phiền não nên có thể hộ pháp được”.

Trì Cự Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Người chẳng phá tối thì chẳng thể hộ pháp. Nay tôi phá tối nên có thể hộ pháp được”.

Điện Quang Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu tùy theo tâm người thì chẳng thể hộ pháp. Tôi tùy theo ý mình nên có thể hộ pháp được”.

Biến Tạng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Người chẳng điều các căn thì chẳng thể hộ pháp... Nay tôi điều phục nên có thể hộ pháp được”.

Tịnh Quang Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu thấy các pháp có các thứ tướng dạng thì chẳng thể hộ pháp. Nay tôi ở nơi các pháp không có các tướng nên có thể hộ pháp được”.

Tăng Hành Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Người tâm loạn động thì chẳng thể

hộ pháp. Tôi tu tam muội nên có thể hộ pháp được”.

Thương Chủ Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Người chẳng biết đạo thì chẳng thể hộ pháp. Nay tôi biết rõ nên có thể hộ pháp được”.

Thiện Niệm Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Người có lòng nghi thì chẳng thể hộ pháp. Tôi đã đoạn nghi nên có thể hộ pháp được”.

Thiện Kiến Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Người chẳng nhu pháp trụ thì chẳng thể hộ pháp. Nay tôi nhu pháp trụ nên có thể hộ pháp được”.

Huệ Quang Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Người ngu si chẳng thể hộ pháp. Nay tôi tu trí nên có thể hộ pháp được”.

Bình Đẳng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Người chấp lấy tướng oán và thân thì chẳng thể hộ pháp. Nay tôi bình đẳng nên có thể hộ pháp được”.

Pháp Hành Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chẳng biết chúng sanh các căn cảnh giới thì chẳng thể hộ pháp. Nay tôi biết rõ đó nên có thể hộ pháp được”.

Thần Thông Vương Bồ Tát bạch rằng :
“Bạch đức Thế Tôn ! Người thấy ngã và ngã
sở thì chẳng thể hộ pháp. Nay tôi chẳng thấy
đó nên có thể hộ pháp được”.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức
Thế Tôn ! Người chẳng biết Phật tánh thì
chẳng thể hộ pháp. Nay tôi biết đó nên có thể
hộ pháp được”.

Di Lặc Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế
Tôn ! Nếu xa Bồ đề thì chẳng thể hộ pháp.
Nay tôi đã gần Bồ đề nên có thể hộ pháp được”.

Công Đức Tự Bồ Tát bạch rằng : “Bạch
đức Thế Tôn ! Nếu không có vô lượng công
đức tự thì chẳng thể hộ pháp. Nay tôi đã có
nên có thể hộ pháp được”.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch rằng : “Bạch
đức Thế Tôn ! Các lời thua bạch ấy đều là lời
lầm cả. Tại sao, vì đức Như Lai Thế Tôn ngồi
dưới cội cây Bồ đề đạo tràng chẳng được một
pháp, sao các Ngài nói rằng tôi sẽ hộ pháp.

Bạch đức Thế Tôn ! Tôi ở nơi các pháp
chẳng thủ chẳng xả. Vì các chúng sanh mà
tôi tu tập bi tâm chẳng hộ chẳng xả”.

Đức Phật khen **Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi**
rằng : “Lành thay, lành thay, nầy Văn Thù Sư

Lợi ! Lúc đức Như Lai ngồi đạo tràng dưới cội Bồ đề thiết không có được. Vì không có được bèn từ trong ấy mà đứng dậy”.

Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đức Như Lai chơn thiết ngồi đạo tràng dưới cội Bồ đề ư ! Cớ sao lại nói từ chỗ ngồi đứng dậy.

Bạch đức Thế Tôn ! Nếu đức Như Lai ngồi dưới cội Bồ đề thì Như Lai có hai tướng, đó là Như Lai và cây Bồ đề. Nhưng đức Như Lai Thế Tôn đã lìa hai tướng”.

Đức Phật nói : “Này Văn Thủ Sư Lợi ! Bồ đề cùng chúng sanh và tất cả pháp, tánh bình đẳng không sai biệt, là một vị một tánh. Như Lai lúc ngồi dưới cây Bồ đề thấy pháp bình đẳng như vậy, vì thế nên gọi là đến được Bồ đề. Phật trọn chẳng thấy rời ngoài Bồ đề có một pháp khác. Phật thấy tất cả các pháp thấy đều bình đẳng. Mà bình đẳng ấy chẳng vào số lượng, vì thế nên bình đẳng gọi là vô ngại. Do nhơn duyên nầy mà Như Lai có tên là Nhứt thiết vô ngại.

Này Văn Thủ Sư Lợi ! Nếu ai có thể thấy Như Lai như vậy thì người ấy tức là được Như

Lai giải thoát. Được giải thoát rồi thì có thể chơn thiệt biết thấy như vậy”.

Lúc nói pháp ấy, chư Bồ Tát quyến thuộc của Hải Huệ đại Bồ Tát vui mừng hớn hở đồng nói rằng : “Chúng tôi hôm nay được lợi ích lớn, hiện tiền thấy đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai và Văn Thù Sư Lợi đại Bồ Tát.

Bạch đức Thế Tôn ! Tùy nơi nào mà có kinh điển này nên biết rằng quốc độ ấy được lợi ích lớn. Nếu có người cúng dường kinh điển này và người thọ trì đọc tụng biên chép rộng giải nói nghĩa kinh cũng được lợi ích lớn”.

Đức Phật bảo chư Bồ Tát rằng : “Nay các ông biết được những lợi ích gì ?”.

Chư Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi sẽ đem nghĩa ấy hỏi nơi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi”.

Chư Bồ Tát hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng : “Bạch Đại Sĩ ! Thế nào gọi là được lợi ích lớn ?”.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói với chư Bồ Tát : “Chư thiện nam tử ! Có mười lợi ích. Đó là Phật xuất thế được thấy, thấy rồi sanh lòng tin, tin rồi nghe thọ chánh pháp, nghe chánh pháp rồi phá hẳn lòng nghi, phá lòng nghi

rồi được thanh tịnh mạng, được tịnh mạng rồi chẳng vì lợi mà thuyết pháp, người nghe pháp rồi phát tâm Bồ đề, đã phát tâm rồi vững chắc chẳng thối chuyển, tâm chẳng thối rồi như pháp mà trụ, như pháp trụ rồi được Vô sanh nhẫn.

Chư thiện nam tử ! Đó gọi là mười lợi ích chẳng thể nghĩ bàn”.

Lúc nói pháp ấy có ba vạn sáu ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Đại Thiên thế giới chấn động sáu cách phát kim sắc quang.

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đại thừa kinh này có thể làm lợi ích nhiều cho vô lượng chúng sanh. Tại sao, vì do nhơn duyên Đại thừa nên tất cả chúng sanh được vui Nhơn Thiên và vui Niết bàn.

Bạch đức Thế Tôn ! Luận về Đại thừa ấy, pháp gì nhiếp thủ, pháp gì lợi ích, pháp gì khó được, pháp gì chướng ngại, do nhơn duyên gì mà gọi là Đại thừa ?”.

Đức Phật nói : “Này Hải Huệ ! Có một pháp nhiếp thủ Đại thừa đó là sơ phát tâm Vô thượng Bồ đề. Đã phát tâm rồi tu bất phóng dật. Còn có một pháp đó là tin rõ nhơn quả. Còn có

một pháp đó là quán mười hai nhơn duyên. Còn có một pháp đó là ở nơi chúng sanh tâm thường bình đẳng thích tu đại từ. Còn có một pháp đó là chẳng thối thất tâm Bồ đề. Còn có một pháp đó là niệm Phật. Còn có một pháp đó là như pháp trụ rồi niệm Chánh pháp. Còn có một pháp đó là dùng tâm bất thối niệm chúng Tăng. Còn có một pháp đó là chẳng mất đạo tâm niệm tịnh cấm giới. Còn có một pháp đó là xa lìa phiền não tâm niệm nơi xả. Còn có một pháp đó là muốn được thân vô lượng tịch tĩnh nên niệm chư Thiên. Còn có một pháp đó là niệm muốn an ổn tất cả chúng sanh. Còn có một pháp đó là siêng tu tinh tiến. Còn có một pháp đó là muốn cho chúng sanh đều được giải thoát được giải thoát rồi thọ hỷ lạc. Còn có một pháp đó là thích cầu chánh pháp. Còn có một pháp đó là xa lìa tâm tham vì chúng mà thuyết pháp. Còn có một pháp đó là nơi người thính pháp sanh lòng mến nhớ. Còn có một pháp đó là với người thuyết pháp thích dâng cúng dường. Còn có một pháp đó là với trong chánh pháp sanh ý tưởng là được thọ. Còn có một pháp đó là với tự thân mình sanh ý tưởng là thầy thuốc. Còn có một pháp đó là chí tâm chuyên niệm hộ

trì chánh pháp. Còn có một pháp đó là nối
thành dòng thánh chẳng để đoạn tuyệt. Còn
có một pháp đó là xa lìa giải đãi. Còn có một
pháp đó là tri túc. Còn có một pháp đó là với
tất cả của cải không có lòng xan tham.

Còn có một pháp đó là tự trì giới rồi có
thể khuyến hóa người phạm giới. Còn có một
pháp đó là tự tu nhẫn nhục rồi có thể khuyến
hóa chúng sanh khiến họ lìa tâm sân. Còn có
một pháp đó là được chút ít lợi ích sanh ý
tưởng ơn lớn. Còn có một pháp đó là được ơn
ít mà có ý tưởng đền đáp lớn. Còn có một
pháp đó là tự trì tịnh giới chẳng khi người
phạm giới. Còn có một pháp đó là phá kiêu
mạn. Còn có một pháp đó là chí tâm tìm cầu
người thính pháp. Còn có một pháp đó là lìa
ác tri thức. Còn có một pháp đó là chí tâm tu
thiện. Còn có một pháp đó là chẳng tùy theo
ý người. Còn có một pháp đó là điều phục các
căn. Còn có một pháp đó là với Pháp sư tưởng
như là đức Như Lai. Còn có một pháp đó là
chẳng tiếc thân mạng hộ trì chánh pháp. Còn
có một pháp đó là vì điều phục chúng sanh
mà thọ khổ chẳng hối hận. Còn có một pháp
đó là Phật còn tại thế hay sau khi diệt độ, sự
cúng dường tháp Phật, tượng Phật v.v... đồng

không sai khác. Còn có một pháp đó là chúng sanh chẳng mời thỉnh mà thích làm thiện hữu. Còn có một pháp đó là với những vật tốt không có lòng tham trước. Còn có một pháp đó là thích niệm xuất gia. Còn có một pháp đó là thích xung tụng việc lành của người. Còn có một pháp đó là thích cầu trang nghiêm pháp Bồ đề. Còn có một pháp đó là với người đồng sư đồng học không có lòng tật đố. Còn có một pháp đó là giáo hóa chúng sanh phát tâm Bồ đề không có lòng thối hối. Còn có một pháp đó là che giấu lỗi người. Còn có một pháp đó là cầu tất cả ngũ ngôn. Còn có một pháp đó là cầu tất cả công hạnh. Còn có một pháp đó là thiết ngữ. Còn có một pháp đó là sau khi phát lời thì cần phải làm trọn việc ấy. Còn có một pháp đó là với các pháp lành lòng không nhàm đủ. Còn có một pháp đó là tùy vật có được đều cùng người đồng hưởng. Còn có một pháp đó là giỏi biết ma giới. Còn có một pháp đó là phá hoại kiêu mạn tu tập biết chơn thiết. Còn có một pháp đó là lòng thích tịch tĩnh. Còn có một pháp đó là lìa ngã ngã sở. Còn có một pháp đó là chẳng tự khen ngợi mình. Còn có một pháp đó là tùy thuận thế gian.

Còn có một pháp đó là tu chánh mạng rồi thích nơi tịch tĩnh. Còn có một pháp đó là trì tịnh giới rồi tu duy thiện pháp. Còn có một pháp đó là tu đa văn rồi chẳng sanh lòng kiêu mạn. Còn có một pháp đó là tu thiện hạnh rồi chẳng trụ ở bậc ấy. Còn có một pháp đó là tu không tam muội quán nơi pháp tánh. Còn có một pháp đó là được cúng dường rồi tâm mình chẳng cao. Còn có một pháp đó là với người ưa nói thế tục thì chẳng cùng họ đồng ở. Còn có một pháp đó là được vật như pháp rồi thì cùng bạn đồng học chung dùng. Còn có một pháp đó là chọn thiết phương tiện. Còn có một pháp đó là biết tất cả rồi chẳng có ý tưởng tham. Còn có một pháp đó là chưa học khi đã học rồi lòng chẳng hối. Còn có một pháp đó là đã học biết rồi chẳng sanh lòng khinh mạn. Còn có một pháp đó là mình bị mắng nhục lòng chẳng giận. Còn có một pháp đó là được cúng dường hay bị mắng nhục trong lòng bình đẳng không hai. Còn có một pháp đó là nghe nói chánh pháp khen rằng lành thay. Còn có một pháp đó là vì muốn có đủ sáu Ba la mật nên thường cầu trang nghiêm. Còn có một pháp đó là tin tâm bất thối. Còn có một pháp đó là vì cầu đạo Bồ đề mà cầu

trang nghiêm. Còn có một pháp đó là được cúng dường rồi thường thanh tịnh tâm mình để cho thí chủ được lợi ích lớn. Còn có một pháp đó là đầy đủ thất thánh tài. Còn có một pháp đó là hay phá sự bận cùng khốn khổ của chúng sanh. Còn có một pháp đó là dùng thiện phương tiện điều phục chúng sanh. Còn có một pháp đó là dùng tứ nhiếp thủ để nhiếp thủ chúng sanh. Còn có một pháp đó là chẳng cùng chúng sanh tranh cãi đũa cọt nhau.

Còn có một pháp đó là lúc nghe pháp chẳng ở nơi Pháp sư tìm cầu chỗ dở. Còn có một pháp đó là chưa được chúng quả Sa Môn lòng chẳng sanh hối. Còn có một pháp đó là thường đi trong thế gian mà chẳng bị tám pháp làm nhiễm ô. Còn có một pháp đó là thường xem xét lỗi mình. Còn có một pháp đó là với người cử tội mình chẳng sanh lòng hờn giận. Còn có một pháp đó là thấy pháp thế gian lòng sanh ý tưởng xả ly. Còn có một pháp đó là với thiện hữu chẳng đối phỉnh. Còn có một pháp đó là trước thanh tịnh tâm mình rồi dạy cho người tịnh. Còn có một pháp đó là chẳng vì lợi dưỡng mà trì tịnh giới. Còn có một pháp đó là vì tăng thêm pháp lành mà tu tập tịch tĩnh. Còn có một pháp đó là vì pháp lành mà

tu tịnh trang nghiêm. Còn có một pháp đó là vì tịnh công đức mà tu tập trang nghiêm. Còn có một pháp đó là vì tịnh trí huệ mà tu tập trang nghiêm. Còn có một pháp đó là tu tập phương tiện vô tướng tam muội. Còn có một pháp đó là như pháp mà nhẫn. Còn có một pháp đó là tu ba môn giải thoát. Còn có một pháp đó là biết thị xứ phi xứ. Còn có một pháp đó là tu xa ma tha vì trang nghiêm tỳ bà xá na. Còn có một pháp đó là biết rõ giải thoát. Còn có một pháp đó là biết tam thế bình đẳng. Còn có một pháp đó là chẳng phân biệt tất cả pháp giới. Còn có một pháp đó là biết rõ tất cả pháp tánh bất sanh bất diệt.

Nầy Hải Huệ ! Đại Bồ Tát quán sát trăm pháp như vậy, đây gọi là nhiếp thủ Đại thừa.

Lại nầy Hải Huệ ! Còn có hai pháp lợi ích Đại thừa, một là thích niệm Phật pháp và hai là xa lìa Thanh Văn. Còn có hai pháp đó là ủng hộ giải thoát và có thể diễn nói pháp Đại thừa. Còn có hai pháp đó là cầu Bồ đề tâm và điều phục chúng sanh. Còn có hai pháp đó là xem tâm Bồ đề như tướng ảo huyền và xem tất cả chúng sanh đều không có ngã. Còn có hai pháp đó là chẳng bỏ tâm Bồ đề và quán

pháp bình đẳng. Còn có hai pháp đó là thanh tịnh thiện căn và vô tác vô tịnh. Còn có hai pháp đó là vì pháp lành mà tu trang nghiêm và đến cứu cánh. Còn có hai pháp đó là tự thân cứu cánh và chúng sanh cứu cánh. Còn có hai pháp đó là nội tịnh và ngoại tịnh. Còn có hai pháp đó là chẳng phạm tội và phạm rồi sanh lòng hối. Còn có hai pháp đó là hay bố thí và chẳng cầu báo đáp. Còn có hai pháp đó là bình đẳng bố thí và hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Còn có hai pháp đó là trì giới và chẳng cầu thiện quả. Còn có hai pháp đó là chẳng tự khen và chẳng chê người. Còn có hai pháp đó là nhẫn nhục và nói lời hòa dịu. Còn có hai pháp đó là nơi tham thì chẳng tham và nơi sân thì chẳng sân.

Còn có hai pháp đó là với pháp lành thì siêng tu tinh tiến và chẳng khinh người giải đãi. Còn có hai pháp đó là thân tịch tĩnh và tâm tịch tĩnh. Còn có hai pháp đó là cầu thiên chi và điều phục tâm. Còn có hai pháp đó là thích ở thiên định và chẳng nhàm Dục giới. Còn có hai pháp đó là cầu pháp và thích pháp. Còn có hai pháp đó là quán pháp và ưa muốn pháp. Còn có hai pháp đó là thích cầu thiện hữu và cung kính cúng dường. Còn có hai pháp

đó là chí tâm nghe pháp và chí tâm thọ pháp. Còn có hai pháp đó là luôn thưa hỏi chánh pháp và như pháp trụ. Còn có hai pháp đó là biết pháp và biết nghĩa. Còn có hai pháp đó là nghe pháp rồi không nhầm và biết pháp rồi không nhầm. Còn có hai pháp đó là thích lành và lìa ác. Còn có hai pháp đó là thích nói chánh pháp và với người thọ pháp sanh lòng thương xót. Còn có hai pháp đó là với pháp không có lòng xan lẫn và lúc nói pháp không có ý tưởng tham. Còn có hai pháp đó là chí tâm nghe pháp và chí tâm thọ pháp. Còn có hai pháp đó là lìa ngũ cái và tu thất giác chi. Còn có hai pháp đó là hỷ và lạc. Còn có hai pháp đó là biết mình và biết giờ. Còn có hai pháp đó là tin quả báo và tu nghiệp lành. Còn có hai pháp đó là chẳng dứt thánh tánh và thiết ngữ. Còn có hai pháp đó là như thuyết mà trụ và chẳng giấu công đức Như Lai. Còn có hai pháp đó là tịnh thân và xa lìa ba căn bất thiện. Còn có hai pháp đó là quán thân như cỏ cây và vì tịnh tâm mà tu tập pháp lành. Còn có hai pháp đó là tịnh khẩu và xa lìa bốn lỗi. Còn có hai pháp đó là quán tất cả pháp đều bất khả thuyết và quán thanh như

vang. Còn có hai pháp đó là tịnh tâm và xa lìa vô minh tật đố tà kiến.

Còn có hai pháp đó là nội tịnh và ngoài không có hành xứ. Còn có hai pháp đó là tu từ và xa lìa ý tưởng oán thân. Còn có hai pháp đó là quán chúng sanh như hư không và tu từ. Còn có hai pháp đó là chẳng bỏ bi tâm và cầu thiện chẳng hối. Còn có hai pháp đó là hay điều kẻ chẳng điều và lúc điều chẳng hối. Còn có hai pháp đó là trì chánh pháp và hộ người trì chánh pháp. Còn có hai pháp đó là thích pháp và hộ pháp. Còn có hai pháp đó là khen ngợi điều lành của người và ưa giấu lỗi người. Còn có hai pháp đó là lìa tham và lìa sân. Còn có hai pháp đó là chẳng bỏ chúng sanh và tu xả. Còn có hai pháp đó là niệm Phật và biết vô niệm xứ. Còn có hai pháp đó là quán thân vô thường và cầu ba mươi hai tướng. Còn có hai pháp đó là niệm pháp và giáo hóa chúng sanh khiến họ trụ trong pháp. Còn có hai pháp đó là quán vô tham xứ và với kẻ tham thì có lòng thương. Còn có hai pháp đó là niệm Bồ Tát Tăng và y chỉ Tăng bất thối chuyển. Còn có hai pháp đó là quán không có Tăng và ủng hộ bốn quả Sa Môn.

Còn có hai pháp đó là niệm giới và biết tâm Bồ đề bất khả thuyết. Còn có hai pháp đó là quán giới vô tác và thủ hộ người phạm giới. Còn có hai pháp đó là niệm thí và thí rồi không hối. Còn có hai pháp đó là xa lìa phiền não và vì lìa phiền não nên diễn thuyết chánh pháp. Còn có hai pháp đó là niệm thiên và thích tịch tĩnh. Còn có hai pháp đó là có đủ niệm tâm và ủng hộ người loạn tâm. Còn có hai pháp đó là công đức trang nghiêm và trí huệ trang nghiêm. Còn có hai pháp đó là quán không có tạo tác và thích tu pháp lành. Còn có hai pháp đó là không có phược và bị phược thì giải thoát. Còn có hai pháp đó là xa lìa tâm đối phỉnh và chí tâm tu tịnh. Còn có hai pháp đó là biết ơn và nhớ ơn. Còn có hai pháp đó là nói tất cả lỗi và xa lìa lỗi. Còn có hai pháp đó là tự tu thánh hạnh và khuyên người tu. Còn có hai pháp đó là nguyện cầu pháp lành và lòng không nhàm đủ. Còn có hai pháp đó là xa lìa ác pháp và thân cận thiện pháp. Còn có hai pháp đó là thỉnh Phật thuyết pháp và chí tâm nghe thọ. Còn có hai pháp đó là biết tất cả pháp bất sanh bất diệt và diễn nói tự cú nghĩa. Còn có hai pháp đó là biết không có chúng sanh và đem căn lành

của mình cùng chúng sanh chung. Còn có hai pháp đó là xa lìa các tướng và thâm cầu ba mươi hai tướng. Còn có hai pháp đó là quán rỗng không và giúp hộ chúng sanh. Còn có hai pháp đó là tu tập vô nguyên và nguyên đến chúng sanh. Còn có hai pháp đó là tu tất cả thiện và nguyên các chúng sanh đồng tu thiện căn. Còn có hai pháp đó là trí huệ vô ngại và thọ thân trong các cõi. Còn có hai pháp đó là bất động và bất hồi.

Còn có hai pháp đó là tầm và quý. Còn có hai pháp đó là thích tịch tĩnh và cầu pháp tịch tĩnh. Còn có hai pháp đó là tu tập vô tránh tam muội và quán không có chúng sanh. Còn có hai pháp đó là thiếu dục và tri túc. Còn có hai pháp đó là che giấu tội người và phát lộ lỗi mình. Còn có hai pháp đó là quán thập nhị nhơn duyên và tin sâu. Còn có hai pháp đó là vô ngã và không có chúng sanh. Còn có hai pháp đó là phòng ngừa phiền não mình và phá phiền não người. Còn có hai pháp đó là quán vô tác vô thọ và thích tu pháp lành. Còn có hai pháp đó là quán lỗi sanh tử và chẳng dứt sanh tử. Còn có hai pháp đó là tự thích sanh tử và giáo hóa các chúng sanh khiến họ thoát khỏi sanh tử. Còn có hai pháp

đó là cầu Ba la mật và cầu chỗ đã không có. Còn có hai pháp đó là cầu biết và dạy người đồng biết như mình. Còn có hai pháp đó là chẳng cầu cúng dường và vì cúng dường mà tạo tác nghiệp làm. Còn có hai pháp đó là với chỗ có ơn thường muốn đền đáp và nơi có ơn và không có ơn bình đẳng báo đáp. Còn có hai pháp đó là tu bất phóng dật và tu vô duyên từ. Còn có hai pháp đó là thích vào xuất gia và xuất gia rồi lòng rất yêu thích. Còn có hai pháp đó là tự nên công đức và với người không có công đức thì sanh lòng thương. Còn có hai pháp đó là tu thân niệm xứ và không có niệm xứ. Còn có hai pháp đó là tu thọ niệm xứ và không có niệm xứ. Còn có hai pháp đó là tu tâm niệm xứ và không có niệm xứ. Còn có hai pháp đó là tu pháp niệm xứ và không có niệm xứ. Còn có hai pháp đó là xa lìa pháp bất thiện và thân cận hay sanh thiện pháp. Còn có hai pháp đó là xa lìa ác pháp đã sanh và hộ trì thiện pháp đã sanh. Còn có hai pháp đó là làm cho thiện pháp chưa sanh được sanh và vì thêm rộng mà ủng hộ thiện pháp ấy. Còn có hai pháp đó là được đại thần thông và giáo hóa chúng sanh. Còn có hai pháp đó

là an trụ pháp giới và thấy khắp chư Phật thế giới.

Còn có hai pháp đó là tín tâm bất động và dạy chúng sanh cũng tin như mình. Còn có hai pháp đó là tịnh tâm và giáo hóa người tán loạn. Còn có hai pháp đó là siêng tinh tiến và giáo hóa người giải đãi. Còn có hai pháp đó là đầy đủ trí huệ vô ngại và giáo hóa vô minh chúng sanh. Còn có hai pháp đó là quán giới và quán duyên. Còn có hai pháp đó là cầu trí trang nghiêm và tâm ấy chẳng hối. Còn có hai pháp đó là quán các phiền não và ra khỏi phiền não rồi biết rõ giải thoát. Còn có hai pháp đó là tất cả pháp giải thoát và phiền não chẳng hiệp tam giới. Còn có hai pháp đó là trang nghiêm Bồ đề và tu học Bồ đề. Còn có hai pháp đó là tận trí và vô sanh trí. Còn có hai pháp đó là quán thánh đạo phương tiện và quán sanh tử phương tiện. Còn có hai pháp đó là cứu cánh đạo và biết thối chuyển đạo.

Còn có hai pháp đó là như pháp trụ và trong các pháp không có kiến chấp. Còn có hai pháp đó là theo duyên mà sanh diệt và theo duyên mà giải thoát. Còn có hai pháp đó

là biết ma nghiệp và biết đã lìa. Còn có hai pháp đó là nơi giận có thể nhẫn và nơi nhẫn thì thương. Còn có hai pháp đó là vì Bồ đề mà tu trang nghiêm và dầu tu trang nghiêm mà tâm không tham trước. Còn có hai pháp đó là chẳng bỏ phiền não và chẳng bỏ tu thiện trang nghiêm. Còn có hai pháp đó là biết thị xú phi xú và đem các thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Còn có hai pháp đó là quán tâm Bồ đề như tướng ảo huyễn và tu hướng đến Vô thượng Bồ đề trang nghiêm. Còn có hai pháp đó là quán các chúng sanh với Bồ đề bình đẳng vô sai biệt và biết các chúng sanh như nơi Bồ đề mà được giải thoát. Còn có hai pháp đó là biết pháp vô sanh và vì sanh pháp lành mà tu trang nghiêm. Còn có hai pháp đó là pháp bất khả thuyết mà có thể tuyên nói và tất cả chúng sanh đều đồng nhứt thừa.

Lại này Hải Huệ ! Còn có ba pháp có thể lợi ích Đại thừa, đó là sơ phát tâm Bồ đề, thân cận thiện hữu lòng chẳng sanh hối và tu tập tâm đại bi chẳng thối chuyển. Còn có ba pháp đó là phá hoại xan lẫn, ban cho tất cả và nhiếp thủ Bồ đề. Còn có ba pháp đó là đầy đủ tịnh giới, điều phục kẻ phá giới và hồi hướng Bồ

đề. Còn có ba pháp đó là tâm không sân hận, điều phục kẻ sân hận và hồi hướng Bồ đề. Còn có ba pháp đó là ở trong sanh tử lòng không thối hối, vui thích vì người mà gây dựng sự nghiệp và hồi hướng Bồ đề. Còn có ba pháp đó là được tam muội định, chẳng sanh kiêu mạn và hồi hướng Bồ đề. Còn có ba pháp đó là cầu đa văn, được đa văn rồi chẳng sanh kiêu mạn và hồi hướng Bồ đề. Còn có ba pháp đó là chúng sanh duyên, pháp tánh duyên và vô duyên. Còn có ba pháp đó là tự bi, bi tha và lìa tự bi tha bi. Còn có ba pháp đó là vì tự lợi mà tu tập trí huệ, dùng trí huệ chuyển giáo hóa chúng sanh và tự lợi lợi tha. Còn có ba pháp đó là biết quá khứ đã hết, biết vị lai vô sanh và biết hiện tại vô trụ. Còn có ba pháp đó là vì người chánh định mà tu tập từ tâm, vì người tà định mà tu tập bi tâm và vì người bất định mà tu tập giải thoát. Còn có ba pháp đó là tịnh thân, tịnh khẩu và tịnh ý. Còn có ba pháp đó là tu bất tịnh quán để phá tham dục, tu từ để phá sân hận và quán mười hai nhơn duyên để phá vô minh. Còn có ba pháp đó là an, lạc và tri túc. Còn có ba pháp đó là nghe pháp rồi hay thọ trì, có thể rộng phân biệt văn tự cú nghĩa và quán sát tội lỗi.

Còn có ba pháp đó là đầy đủ thất thánh tài, có thể đại pháp thí và có thể thí cho chúng sanh. Còn có ba pháp đó là thiết nghĩa, chơn nghĩa và bất cưỡng nghĩa. Còn có ba pháp đó là tự tri, tri tha và tri thời.

Còn có ba pháp đó là ngũ ấm với pháp ấm bình đẳng, các giới cùng pháp giới bình đẳng và các nhập cùng pháp nhập bình đẳng. Còn có ba pháp đó là tu không, vô tướng và vô nguyên. Còn có ba pháp đó là chẳng phỉ báng nhơn quả, phương tiện sanh pháp đều từ nhơn duyên và hòa hiệp nhơn duyên mà được có danh tự. Còn có ba pháp đó là tin Phật bất khả tư nghị, tin Pháp chẳng sanh hủy báng và tin Tăng là phước điền lành tốt. Còn có ba pháp đó là xa lìa tham dục, xa lìa sân hận và xa lìa ngu si. Còn có ba pháp đó là thế tục đế, đệ nhứt nghĩa đế và chẳng trụ trước hai đế. Còn có ba pháp đó là xa lìa phiền não, xa lìa kiêu mạn và ở chỗ phước điền thì lễ lạy cúng dường. Còn có ba pháp đó là chẳng nhiễm Dục giới, chẳng trước Sắc giới và nơi Vô Sắc giới chẳng sanh kiêu mạn. Còn có ba pháp đó là được cúng dường chẳng mừng, bị hủy nhục chẳng giận và lìa tám pháp thế gian. Còn có ba pháp đó là che giấu các căn, hiểu

rõ các căn và tịch tĩnh các căn. Còn có ba pháp đó là hướng đến thiện địa, xa lìa chướng thiện địa và quán công đức thiện địa. Còn có ba pháp đó là chí tâm, tịnh tâm và tịnh trang nghiêm. Còn có ba pháp đó là học luật nghi giới, học tâm giới và học huệ giới. Còn có ba pháp đó là thọ lạc chẳng sanh tham dật, thọ khổ chẳng sanh sân nã và thọ chẳng lạc chẳng khổ tu tập nơi xả. Còn có ba pháp đó là chuyển nhơn vì chẳng tạo tác, chuyển phiền nã vì chẳng thấy tướng dạng và chuyển tam thế vì không nguyện cầu.

Còn có ba pháp đó là nhãn rỗng không, sắc tịch tĩnh và thọ không có chỗ tạo tác. Còn có ba pháp đó là kín giới, hộ định và quán huệ. Còn có ba pháp đó là nhớ giữ niệm pháp, tư duy quán pháp và như pháp trụ. Còn có ba pháp đó là âm thanh làm nhơn duyên cho Thanh Văn giải thoát, mười hai chi làm nhơn duyên cho Duyên Giác giải thoát và lục độ làm nhơn duyên cho Bồ Tát giải thoát. Còn có ba pháp đó là thí, đại thí và cứu cánh thí. Còn có ba pháp đó là hộ pháp, hộ người trì pháp và hộ trì Đại thừa. Còn có ba pháp đó là đi trong sanh tử, xét tội lỗi sanh tử và biết mình đã xa lìa. Còn có ba pháp đó là chí tâm

nghe pháp phá trừ ngũ cái, thường thích tịch tĩnh và như pháp trụ. Còn có ba pháp đó là y nghĩa, y pháp và y trí. Còn có ba pháp đó là cầu đa văn rồi thích nơi tịch tĩnh, thích nơi tịch tĩnh rồi tư duy pháp lành và thiện tư duy rồi biết pháp bình đẳng. Còn có ba pháp đó là thân cận người trí, thưa hỏi bậc đa văn và hộ trì người lành. Còn có ba pháp đó là không lòng tham vì người thuyết pháp, thấy người nghe pháp thì từ tâm nhìn họ và nhút tâm quán nơi Bồ đề. Còn có ba pháp đó là xem các chúng sanh tâm mình bình đẳng, quán tâm bình đẳng và quán Phật bình đẳng. Còn có ba pháp đó là quá khứ bất tận, vị lai bất hiệp và hiện tại bất trụ. Còn có ba pháp đó là quán khổ vô thường, quán pháp vô ngã và quán Niết bàn tịch tĩnh. Còn có ba pháp đó là nghe pháp rồi kiên trì, tam muội kiên trì và trí huệ kiên trì. Còn có ba pháp đó là phạm tội chẳng che giấu, chẳng hối tội trước đã phạm và chí tâm hộ giới. Còn có ba pháp đó là phá tâm nghi, phá tâm hối và phá tâm chướng ngại. Còn có ba pháp đó là muốn điều lành, lìa luận đàm thế sự và thích nơi tịch tĩnh. Còn có ba pháp đó là nhẫn nghĩa thậm thâm, nói nghĩa thậm thâm và hiểu rõ các

nghĩa. Còn có ba pháp đó là đầy đủ thanh nhãn, đủ tư duy nhãn và đủ thuận nhãn. Còn có ba pháp đó là trí huệ phương tiện, đại từ và tinh tiến vững chắc.

Nầy Hải Huệ ! Bồ Tát có đủ những pháp như vậy thì có thể lợi ích Đại thừa.

Lại nầy Hải Huệ ! Có bốn pháp chương ngại Đại thừa.

Những gì là bốn ? Đó là nghe pháp chẳng nên nghe, chẳng muốn nghe thọ Bồ Tát pháp tạng, hành các nghiệp ma và phi báng chánh pháp. Còn có bốn pháp đó là tham dục, sân hận, ngu si và chẳng thích cầu chánh pháp. Còn có bốn pháp đó là ganh ghét người được lợi, nơi của cải có lòng bòn xén, ưa phỉn đối Pháp sư và chẳng thích thân cận thấy thiện tri thức. Còn có bốn pháp, đó là nơi thiện tri thức sanh ý tưởng là ác hữu, nơi ác hữu sanh ý tưởng là thiện tri thức, phi pháp tướng là pháp và pháp thì tướng là phi pháp. Còn có bốn pháp, đó là chẳng ưa thí cho, cho rồi tiếc hối, cho rồi thấy lỗi và chẳng niệm tâm Bồ đề. Còn có bốn pháp, đó là vì tham cầu mà cho, vì sân hận mà cho, vì ngu si mà cho và vì sợ hãi mà cho. Còn có bốn pháp, đó là vì

danh mà cho, vì vốn mà cho, vì bạn mà cho và vì hơn mà cho. Còn có bốn pháp đó là chẳng chí tâm cho, chẳng tự tay cho, chẳng hiện thấy cho và khinh mạn cho. Còn có bốn pháp, đó là cho vật xấu, cho ít vật, chẳng chí tâm cho và khinh mạn cho. Còn có bốn pháp đó là cho vật có độc, cho dao binh khí, bất tịnh thí và thí cho không lợi ích. Còn có bốn pháp đó là thấy người trì giới thì giận ghét, thấy người phạm giới thì mến thương, theo lời của ác hữu và chẳng niệm thí giới. Còn có bốn pháp đó là cầu lợi phi pháp, được của cải đúng pháp chẳng cùng người chung, ngăn dứt sự cúng dường của người và lòng chẳng biết đủ. Còn có bốn pháp đó là vì lợi dưỡng mà nhiếp trì oai nghi, vì lợi dưỡng mà nói nhỏ tiếng, có tâm đua vạy và tà mạng mà sống. Còn có bốn pháp đó là noi người đồng học sanh lòng giận ghét, noi người đồng thừa sanh lòng giận ghét, chẳng biết nghiệp ma và ưa nói lỗi của người. Còn có bốn pháp đó là kiêu mạn chẳng nghe chánh pháp, chẳng cung kính Pháp sư, chẳng lễ lạy cha mẹ Sư trưởng thiện hữu và có ý theo ác nghiệp. Còn có bốn pháp đó là giấu công đức của người, nói rộng lỗi người, thêm lớn kiêu mạn và giận hờn vững chắc. Còn có

bốn pháp đó là giải đãi, chẳng thích nghe lời lành, nói lời chẳng thuận hòa và trụ nơi phi pháp. Còn có bốn pháp đó là chẳng điều, chẳng sạch, chẳng kín và chẳng nhẫn nhịn. Còn có bốn pháp đó là chẳng thích nghe nhận pháp lành vô thượng, thích ở thành thị, phạm cấm giới mà thích thọ cúng dường và chẳng điều phục được sáu căn. Còn có bốn pháp đó là chẳng có thể nhiếp thủ chúng sanh, chẳng có thể điều phục chúng sanh, chẳng thể hộ trì chánh pháp và ưa nói tội lỗi của Pháp sư. Còn có bốn pháp đó là chẳng tu tín tâm, chẳng có thể quán sát tội lỗi sanh tử, chẳng quán sát lỗi ác hữu và chẳng quán sát tội lỗi của tâm nghi ngờ. Còn có bốn pháp đó là chẳng quán nội, chẳng quán ngoại, vô tâm và vô quý. Còn có bốn pháp đó là chẳng biết ơn, chẳng báo ơn, bội ơn và thích tà kiến. Còn có bốn pháp đó là phỉ báng Thánh nhơn, giúp họ thế nhơn, chẳng tin phước điền và chê trách pháp thí cho. Còn có bốn pháp đó là chẳng sạch thân nghiệp, chẳng hộ khẩu nghiệp, chẳng xả ý nghiệp và nhàm chê Đại thừa.

Còn có bốn pháp đó là vì phá hòa hiệp mà lưỡng thiệt, nơi thầy Hòa thượng thốt lời giận cãi, vì phá sự lợi ích mà ý ngữ và phỉnh

nhon thiên mà vọng ngữ. Còn có bốn pháp đó là chẳng hộ giới nhon, loạn thiên định nhon, chẳng tin đời sau và thích ưa thế sự. Còn có bốn pháp đó là thô cộc, kiêu mạn, ưa nói việc đời và thường thích ngủ nghỉ. Còn có bốn pháp đó là giả danh hiệu Bồ Tát để thọ cúng dường, chẳng có thể săn sóc người bệnh khổ, chẳng gieo giống lành và chẳng hướng đến Bồ đề. Còn có bốn pháp đó là tự khinh, khinh pháp, khinh phước và luôn nhớ thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật. Còn có bốn pháp đó là tham thân, tham tâm, tham mạng và tham cấm giới. Còn có bốn pháp đó là tham nhà phòng, tham đàn việt, tham tà kiến và tham phá giới. Còn có bốn pháp đó là làm nhiều, nói nhiều, thọ nhiều và nhìn ngó nhiều. Còn có bốn pháp đó là ngã kiến, tà kiến, đoạn kiến và thường kiến. Còn có bốn pháp đó là chẳng làm, làm rồi chuyển đổi, lòng hối tiếc và chẳng vui. Còn có bốn pháp đó là chẳng hướng đến Bồ đề, chẳng tu thiên định, thối thất trí huệ và chẳng thích phương tiện. Còn có bốn pháp đó là chướng ngại chánh pháp, chướng ngại nghiệp lành, phiền não chướng ngại và ma nghiệp chướng ngại.

Nầy Hải Huệ ! Các pháp như vậy gọi là chương Đại thừa”.

Lúc đức Phật nói pháp ấy rồi, có bốn vạn bốn ngàn Nhơn Thiên phát tâm Vô thượng Bồ đề, hai vạn tám ngàn Bồ Tát được Vô sanh Pháp nhẫn. Cả cõi Đại Thiên chấn động sáu cách. Trên không có vô lượng chư Thiên khác miệng đồng lời xướng rằng : Lành thay, lành thay, ngày nay đức Như Lai Thế Tôn đại từ tử hống, vì thương chúng sanh mà mở cửa Đại thừa. Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có chúng sanh được ít phần trong pháp ấy thì có thể đoạn trừ khổ ba ác đạo, lần lần sẽ được vô lượng pháp báu. Bạch đức Thế Tôn ! Ví như có người ở ngoài thôn ấp thấy khối báu lớn, thấy rồi có lòng thương người nên vào thôn ấp bảo quần chúng rằng : ai muốn hết nghèo thì nên theo tôi. Quần chúng nghe nói có người tin có người không tin. Những người tin cùng đi theo người ấy đến chỗ châu báu tùy ý lượm lấy bèn hết nghèo khổ. Khối châu báu lớn ấy không có ý nghĩ rằng cho người này chẳng cho người kia, phá sự nghèo của người này mà không phải người kia, cho người này lượm cầm đi mà chẳng cho người kia lượm cầm đi. Cũng vậy, đức Như Lai Thế Tôn trong vô lượng

đòi cần cầu vô thượng pháp bửu như vậy. Cầu rồi được thấy, sanh lòng thương rộng lớn dùng phạm âm thanh bảo các chúng sanh rằng : ai muốn phá hoại bản cùng sanh tử thì nên chí tâm lắng nghe. Trong các chúng sanh, người bậc phước chẳng tin thì chẳng có thể phá hoại sanh tử nghèo cùng, những người tin theo thì tùy trí lực tha hồ lấy thừa Thanh Văn hay thừa Duyên Giác hoặc lấy Bồ Tát Đại thừa. Pháp bửu tụ lớn ấy không hề tăng giảm cũng không có phân biệt. Hoặc có người đến bên khối báu pháp lớn ấy mà không có thể lượng lấy một pháp bửu nào, người này ắt mãi ở trong ba ác đạo. Hoặc có người có thể lượng lấy một chữ một kệ nhẫn đến một niệm thọ trì đó, người này ắt phá hoại sanh tử nghèo cùng. Huống là có thể thọ lấy kinh điển Đại thừa này một phẩm hai phẩm và trọn đủ nghe thọ đọc tụng biên chép vì người mà giải nói.

Đức Thế Tôn khen chư Thiên rằng : “Lành thay lành thay, này chư Thiên Tử ! Nếu người thọ trì kinh điển như đây thì có đủ tất cả pháp lành, hay đánh đỏi Như Lai vô thượng Phật trí, đó là khối báu lớn có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh”.

Đức Thế Tôn liền nói tụng rằng :

**Trong các thừa Đại thừa hơn hết
Đường như hư không vô biên tế
Xa lìa tất cả cõi sanh tử
Đến cõi Bồ đề không chướng ngại
Nếu hay thanh tịnh tâm ý mình
Của cải ban cho tất cả hết
Chí tâm thọ trì thanh tịnh giới
Đến cõi Bồ đề không chướng ngại
Nơi các chúng sanh tâm bình đẳng
Thường xét tội lỗi các phiền não
Hay thắng tất cả thừa hạ liệt
Điều phục chúng sanh ở Đại thừa
Nếu người chí tâm thọ đọc tụng
Đầy đủ tịch tĩnh giới nhần nhục
Đầy đủ trí huệ phá chúng ma
Thương mến chúng sanh đến đạo thọ
Trang nghiêm từ bi thừa Tú thiên
Dao bén trí huệ dẹp ma chúng
Dưới đạo thọ quán Mười hai duyên
Đứng dậy thương chúng nói Đại thừa
Mười phương chúng sanh thừa Đại thừa**

Thừa không tăng giảm như hư không
Đại thừa thần lực chẳng nghĩ bàn
Vì vậy Như Lai tu tập đó
An trụ niệm xứ tu chánh cần
Như ý làm chun căn thế lực
Đi đường bát chánh lược báu giác
Vì vậy Như Lai đến đạo thọ
Tâm mình tịch tĩnh là phiền não
Phá trừ si tối được trí quang
Vì vậy Phạm Thiên cùng Đế Thích
Đảnh lễ Như Lai thừa Đại thừa
Đầy đủ lực độ lực thần thông
Ủ thiện phương tiện tu tam muội
Hay phá các ma và tà kiến
Vì vậy Như Lai thừa Đại thừa
Nếu có đầy đủ các thiện căn
Cùng với thành tựu căn bất thiện
Tin đây thì phá được phiền não
Vì vậy Đại thừa khó nghĩ bàn
Bao nhiêu tất cả pháp thế gian
Và cùng vô thượng pháp xuất thế
Hoặc pháp hữu học pháp vô học
Tất cả nhiếp vào trong Đại thừa

Nếu có chúng sanh hành ác nghiệp
Thân cận tà kiến ác tri thức
Vì thương bọn này tu phương tiện
Điều phục họ nên nói Đại thừa
Hạ liệt chẳng thích pháp Đại thừa
Tâm hẹp chẳng phá được nhơn chấp
Thường cầu tự vui bỏ mọi người
Nghe nói Đại thừa họ kinh sợ
Nếu có người trí đủ thế lực
Thương mến chúng sanh làm lợi ích
Nghe nói Đại thừa lòng vui mừng
Phá các khổ não lòng chẳng hối
Nếu muốn biết rõ chúng sanh hành
Tất cả chúng sanh các giới căn
Một niệm Bồ Tát hay thông đạt
Vì vậy Đại thừa khó nghĩ bàn
Được thân tịch tĩnh tướng trang nghiêm
Được khẩu tịch tĩnh người thích nghe
Được tâm tịch tĩnh đủ thần thông
Nhu vậy đều do đến Đại thừa
Nếu có người hay tu Đại thừa
Đây là chẳng dứt dòng Tam bảo
Hay làm lợi ích cho chúng sanh

Phá hoại hẳn cùng các khổ não
Hay đến mười phương các thế giới
Hiện thấy vô lượng Phật Thế Tôn
Nhưng ai xu hướng pháp Đại thừa
Thì được vô lượng vô biên phước
Tất cả thế gian không ai hơn
Người xu hướng Vô thượng Đại thừa
Đầy đủ đại lực phá chúng ma
Vì vậy Đại thừa khó nghĩ bàn
Được sắc được lực đại tự tại
Thân Phạm Thích Chuyển Luân Thánh
Vương

Nếu người thừa pháp Đại thừa này
Người này hưởng thọ vui tam giới
Cho rồi lòng chẳng hề hối tiếc
Của vật quan trọng chẳng tiếc tham
Xả thân cho người tu từ bi
Vì vậy Đại thừa khó nghĩ bàn
Trì giới tinh tiến ưa phạm hạnh
Hay dùng sức thần che nhứt nguyệt
Chẳng tham trước thân quả báo tốt
Tu thừa như vậy điều chúng sanh
Thuyết pháp có người thọ chẳng thọ

Nơi đây chẳng sanh lòng thương giận
Thân tâm siêng tu đại tinh tiến
Để được pháp Đại thừa khó được
Hay được Vô thượng đại Pháp Vương
Cũng được pháp nhẫn khó nhẫn nhục
Trong vô lượng kiếp thọ khổ não
Vì được Đại thừa hơn tất cả
Siêng làm lợi ích nhiều chúng sanh
Thân khẩu ý nghiệp đều nhu thuận
Tu tập từ bi và thần thông
Vì trụ Đại thừa đại lợi ích
Biết rõ pháp giới tánh sanh diệt
Vô ngã vô tranh điều các căn
Nếu an trụ được nơi Đại thừa
Thì hưởng an lạc như Phật trước
Đây đủ niệm tâm và tinh tiến
Tứ như ý túc thần thông lực
Y chỉ chánh pháp và chơn nghĩa
Đều do thích trụ nơi Đại thừa
Đây đủ vô thượng vô sở úy
Hay su tử hống Vô Thượng Tôn
Tướng hảo vi diệu tự trang nghiêm
Đều do thích trụ nơi Đại thừa

Đây đủ ba thứ đại thân thông
 Điều phục giáo hóa các chúng sanh
 Tâm mình tịch tĩnh không kiêu mạn
 Nếu tu Đại thừa đủ nhẫn nhục
 Đây đủ phạm âm thanh vi diệu
 Tất cả chúng sanh rất thích nghe
 Nếu người thích tu tập Đại thừa
 Người này giỏi biết tiếng chúng sanh
 Hạnh nghiệp được làm vì tịnh độ
 Chẳng lâu sẽ được vô biên thân
 Nếu người chí tâm nghe kinh này
 Sẽ hưởng vô biên vô thượng lạc
 Bay đi hư không vô biên tế
 Biết được đại hải bao nhiêu giọt
 Công đức Đại thừa chẳng nói hết
 Vì vậy Đại thừa khó nghĩ bàn.

Lại này Hải Huệ ! Người muốn thọ trì các
 kinh điển như vậy mà muốn tịch tĩnh thâm
 tâm mình thì phải thọ trì môn cú, pháp cú,
 kim cương cú và chí tâm suy xét.

Môn cú là trong tất cả pháp đều làm môn
 hộ, đó là chữ A, là cửa của tất cả pháp, A là
 không có, tất cả các pháp đều không có thường.

Chữ BA cũng là cửa của tất cả pháp, BA là đệ nhứt nghĩa. Chữ NA cũng là cửa của tất cả pháp, NA là các pháp vô ngại. ĐÀ cũng là cửa của tất cả pháp, ĐÀ là tánh hay điều phục tất cả pháp tánh. SA cũng là cửa của tất cả pháp, SA là xa lìa tất cả các pháp. ĐA cũng là cửa của tất cả pháp, ĐA là tất cả pháp như. CA cũng là cửa của tất cả pháp, CA là tất cả các pháp vô tác vô thọ. TA cũng là cửa của tất cả pháp, TA là tất cả các pháp không có phân biệt. GIÀ là cửa của tất cả pháp, GIÀ là Như Lai chánh pháp thậm thâm không có đáy. XÀ là cửa của tất cả pháp, XÀ là xa lìa tướng sanh. ĐÀM là cửa của tất cả pháp, ĐÀM là ở trong pháp giới chẳng sanh Phân biệt. XA là cửa của tất cả pháp, XA là đủ xa ma tha được bát chánh đạo. KHU là cửa của tất cả pháp, KHU là tất cả các pháp dường như hư không. XOA là cửa của tất cả pháp, XOA là tất cả pháp tận. NHUỘC là cửa của tất cả pháp, NHUỘC là các pháp vô ngại. THA là cửa của tất cả pháp, THA là tất cả pháp thị xứ phi xứ. CỔ là cửa của tất cả pháp, CỔ là quán xét ngũ ấm rồi được lợi ích lớn. TRÀ là cửa của tất cả pháp, TRÀ là tất cả các pháp không có cứu cánh. CA là cửa của tất cả pháp, CA là

vì thân tịch tĩnh nên được lợi ích lớn. CHÍ là cửa của tất cả pháp, CHÍ là vì tâm tịch tĩnh nên lìa tất cả ác. ƯU là cửa của tất cả pháp, ƯU là thọ trì ủng hộ tất cả cấm giới thanh tịnh. XÀ là cửa của tất cả pháp, XÀ là thiện tư duy. THẾ là cửa của tất cả pháp, THẾ là trụ tất cả pháp. TU là cửa của tất cả pháp, TU là tất cả các pháp tánh là giải thoát. TÌ là cửa của tất cả pháp, TÌ là tất cả các pháp đều là tì ni, là điều phục thân mình. THỜI là cửa của tất cả pháp, THỜI là tất cả các pháp tánh chẳng nhiễm ô. A là cửa của tất cả pháp, A là tất cả các pháp tánh là quang minh. BÀ là cửa của tất cả pháp, BÀ là tu bát chánh đạo. TA là cửa của tất cả pháp, TA là tất cả các pháp chẳng phải nội chẳng phải ngoại.

Nầy Hải Huệ ! Đây gọi là môn cú hay tịnh niệm tâm. Vì hay tịnh niệm tâm nên biết căn của chúng sanh.

Pháp cú là ấn giải thoát của tất cả các pháp, là ấn vô nhị của tất cả pháp, là ấn không có thường không có đoạn của tất cả pháp, là ấn không tăng giảm của tất cả pháp, là ấn bình đẳng như hư không của tất cả pháp, là ấn ngũ nhãn đạo của tất cả pháp, là ấn như

hu không của tất cả pháp, là ấn không có phân biệt như hu không của tất cả pháp, là ấn nhập pháp giới của tất cả pháp, là ấn nhu của tất cả pháp, là ấn như không có tam thế khứ lai hiện tại của tất cả pháp, là ấn bốn tánh tịnh của tất cả pháp, là ấn rỗng không của tất cả pháp, là ấn vô tướng của tất cả pháp, là ấn vô nguyên của tất cả pháp, là ấn không có xứ không chẳng xứ của tất cả pháp, là ấn khổ của tất cả pháp, là ấn vô ngã của tất cả pháp, là ấn tịch tĩnh của tất cả pháp, là ấn tánh không có lỗi của tất cả pháp, là ấn đệ nhút nghĩa nhiếp thủ của tất cả pháp, là ấn như pháp tánh trụ của tất cả pháp, là ấn cứu cánh giải thoát của tất cả pháp, là ấn không có thời gian của tất cả pháp, là ấn quá tam thế của tất cả pháp, là ấn đồng nhút vị của tất cả pháp, là ấn tánh vô ngại của tất cả pháp, là ấn tánh vô sanh của tất cả pháp, là ấn tánh vô tranh của tất cả pháp, là ấn tánh không có giác quán của tất cả pháp, là ấn chẳng phải sắc chẳng thể thấy được của tất cả pháp, là ấn không có ốc trạch của tất cả pháp, là ấn không có đối trị của tất cả pháp, là ấn không có nghiệp quả của tất cả pháp, là ấn vô tác

vô thọ của tất cả pháp, là ấn vô xuất vô diệt của tất cả pháp.

Nầy Hải Huệ ! Đây gọi là pháp cú. Pháp cú như vậy là Bồ đề của tam thế chư Phật. Pháp ấn cú như vậy nhiếp thủ tám vạn bốn ngàn pháp tụ. Nếu có thể quán pháp tụ như vậy thì có thể được Vô sanh Pháp nhẫn.

Nầy Hải Huệ ! Nếu người chưa trông gốc lành nghe pháp nầy rồi thì được trông gốc lành phá trừ nghiệp ma.

Nầy Hải Huệ ! Nếu quán như vậy thì có thể được vô tận khí đà la ni. Các pháp như vậy đều có thể nhiếp thủ tám vạn bốn ngàn tam muội, tám vạn bốn ngàn hành tánh của chúng sanh. Đây gọi là pháp cú.

Kim cương cú ấy là thân ấy chẳng hư hoại như kim cương, tại sao, vì pháp tánh chẳng hư hoại vậy.

Tánh trí huệ hay phá vô minh, vì vậy nên trí huệ gọi là kim cương cú.

Tội ngũ nghịch hay phá tất cả thiện, vì vậy nên ngũ nghịch gọi là kim cương cú.

Quán bất tịnh hay phá tham dục, vì vậy nên quán bất tịnh gọi là kim cương cú.

Quán từ tâm hay phá sân hận, vì vậy nên quán từ tâm gọi là kim cương cú.

Quán mười hai nhơn duyên hay phá ngu si, vì vậy nên quán duyên gọi là kim cương cú.

Tâm một chúng sanh nhiếp thủ tâm tất cả chúng sanh, vì vậy nên gọi là kim cương cú.

Tâm một chúng sanh cùng tâm tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng, vì vậy nên gọi là kim cương cú.

Một Phật cùng tất cả Phật thấy đều bình đẳng, đây gọi là kim cương cú.

Mỗi mỗi phước điền cùng tất cả phước điền thấy đều vô tận bình đẳng, đây gọi là kim cương cú.

Tất cả các pháp bình đẳng như hư không, đây gọi là kim cương cú.

Tất cả các pháp bình đẳng đồng một vị, đây gọi là kim cương cú.

Tất cả các pháp cùng Phật pháp bình đẳng vô nhị, đây gọi là kim cương cú.

Kim cương tam muội hay phá tất cả ma nghiệp ác nên gọi là kim cương cú.

Diệu âm của đức Như Lai phá các ác thanh, đây gọi là kim cương cú.

Quán vô sanh vô diệt vượt quá sanh lão tử, đây gọi là kim cương cú.

Nầy Hải Huệ ! Các pháp như vậy gọi là kim cương cú, là kiên lao cú, là bất hoại cú, là bất phá cú, là bình đẳng cú, là thiết cú, là vô nhị cú, là bất thối chuyển cú, là đại tịnh tịch tĩnh cú, là vô năng tác quá cú, là bất tăng bất giảm cú, là vô hữu hữu cú, là vô hữu pháp cú, là chơn cú, là hữu cú, là bất báng Phật cú, là y pháp cú, là cộng tăng cú, là như nhĩ cú, là phân biệt tam thế cú, là dũng kiện cú, là phạm cú, là từ cú, là tâm cú, là hư không cú, là Bồ đề cú, là bất đề cú, là pháp tướng cú, là vô tướng cú, là tâm ý thức vô trụ cú, là phá ma cú, là vô thượng cú, là vô thắng cú, là quảng cú, là hành kỷ cảnh cú, là nhập Phật cảnh giới cú, là vô giác quán cú, là pháp giới sở bất phân biệt cú, là vô cú cú.

Nầy Hải Huệ ! Nếu có Bồ Tát hay hiểu những cú nghĩa như vậy, ắt sẽ ngồi pháp tòa kim cương sư tử dưới cội Bồ đề”.

Lúc đức Phật nói pháp ấy, có tám ngàn Bồ Tát được nhập pháp môn đà la ni, cũng

được nhứt thiết chúng sanh bình đẳng tam muội.

Chư Bồ Tát từ mười phương đến đem diệu hương hoa và các thứ kỹ nhạc cúng dường đức Phật nói kệ khen :

**Chúng tôi đánh lễ đấng Vô Thượng
Hay biết âm thanh tất cả chúng
Nói tướng vô tướng thiết nhứt tướng
Mà được tướng tốt ba mươi hai
Nếu có chúng sanh nhứt nhị tâm
Bình đẳng nhiếp các chúng sanh tâm
Nói hạnh không hạnh thiết nhứt hạnh
Vì vậy tôi lễ đấng Vô Thượng
Nư Lai chơn thiết biết hơn quã
Nên vì chúng sanh nói nghiệp báo
Chơn như pháp giới chẳng có không
Vì vậy tôi khen đấng Vô Thượng
Tất cả chúng sanh không giác quán
Tâm ấy bốn tịnh không có tham
Vì theo hơn duyên có tham dục
Vì vậy tôi lạy hơn chơn thiết
Tôi thấy thân Phật các màu sắc
Mà thân Nư Lai thiết không sắc**

Vì thương chúng hiện sắc không sắc
Tôi lay đấng Pháp Vương vô thượng
Tất cả phước điền vào nhứt điền
Mà nhứt điền này không tăng giảm
Bất động pháp giới chẳng chuyển dời
Vì vậy tôi lay đấng Vô Thượng
Quán các chúng sanh tâm như huyễn
Các pháp cùng Bồ đề cũng vậy
Biết tất cả pháp đều bình đẳng
Vì vậy tôi lay đấng Bình Đẳng
Quán các pháp giới đều bình đẳng
Vì vậy các pháp không một hai
Chẳng có chẳng không là giải thoát
Vì vậy tôi lay đấng Vô Kiến
Nhứt nguyệt nói được rơi xuống đất
Gió mạnh nói được dây cột buộc
Tu Di nói được miệng thổi động
Chẳng thể nói được Phật hai lời
Thiệt ngũ chơn ngũ và tịnh ngũ
Thân tâm thanh tịnh như hư không
Chẳng nhiễm thế pháp như hoa sen
Vì vậy tôi lay đấng Vô Thượng
Nếu ai khen ngợi đức như vậy

Thì được các công đức như vậy

Tôi vì các công đức như vậy

Nên lay khối công đức như vậy.

Chư Bồ Tát nói kệ tán thán đức Phật rồi bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Luận về đại bửu ấy đó là Phật vậy. Đức Phật xuất thế là lạc xuất, là tín xuất, là niệm xuất, là trí xuất, là thí xuất, là giới xuất, là nhẫn xuất, là tinh tiến xuất, là thiền định xuất, là huệ xuất, là từ xuất, bi xuất, hỉ xuất, xả xuất, đức Phật xuất thế là trí pháp nghĩa thập nhị nhơn duyên xuất, là niệm xứ xuất, là chánh cần xuất, là như ý túc xuất, là căn xuất, là lực xuất, là giác chi xuất, là chánh đạo phần xuất, là tất cả thiện pháp xuất”.

Bấy giờ trong chúng có một đại Bồ Tát tên là Huệ Tụ bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Sanh lão bệnh tử xuất ra nơi thế gian ấy tức là Phật xuất. Vô minh ái xuất, tham sân si xuất, tất cả lưới nghi phiền não xuất tức là Phật xuất. Tại sao vậy ? Vì nếu tất cả các pháp như vậy chẳng xuất ra nơi thế gian thì đức Phật có duyên cớ gì mà xuất hiện thế gian ư !”.

Đức Phật nói : “Lành thay lành thay ! Này Huệ Tụ ! Đúng như lời ông nói”.

Hải Huệ Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có người chẳng thấy được các pháp như vậy, lúc bấy giờ đức Như Lai là xuất thế hay chẳng xuất thế ?”.

Đức Phật nói : “Này Hải Huệ ! Bồ Tát lúc mới phát Bồ đề tâm thiệt chẳng biết các pháp như vậy, nên Phật vì họ mà tuyên nói để dạy họ.

Này Hải Huệ ! Bồ Tát có bốn hạng :

Một là sơ phát Bồ đề tâm, hai là tu hành đạo Bồ đề, ba là kiên cố bất thối Bồ đề và bốn là một đời sẽ bồ xứ thành Phật.

Bồ Tát sơ phát tâm thấy sắc tướng Phật, thấy rồi mà phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Bồ Tát tu hành thấy Phật có đủ tất cả pháp lành, thấy rồi liền phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Bất thối Bồ Tát thấy thân của đức Như Lai cùng tất cả các pháp thủy đều bình đẳng.

Nhứt sanh bồ xứ Bồ Tát chẳng thấy có Như Lai công đức cũng không thấy có tất cả pháp, tại sao, vì huệ nhãn của bậc Bồ Tát này

tỏ rõ thanh tịnh vậy, vì dứt hai kiến vậy, vì tịnh trí huệ vậy.

Nếu người chẳng thấy tịnh, chẳng thấy bất tịnh, chẳng thấy tịnh bất tịnh, chẳng thấy chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh, người này thì có thể thấy rõ đức Như Lai.

Này Hải Huệ ! Thuở xưa kia ta thấy Phật Nhiên Đăng như vậy, thấy rồi liền được vô sanh pháp nhẫn, cũng có thể rõ ràng biết là được. Không được mà được rồi liền bay lên hư không cao bảy cây đa la. Trụ ở hư không rồi tỏ rõ được biết tất cả pháp giới. Tỏ rõ biết rồi tâm vô sở trụ. Vô sở trụ rồi được tám vạn môn tam muội. Lúc ấy Phật Nhiên Đăng liền thọ ký cho ta rằng này Ma Nạp ! Đòi vị lai ông sẽ được làm Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn. Lúc ấy ta trọn chẳng nghe âm thanh thọ ký, cũng không có ý tưởng Phật và thọ ký. Lúc ấy ta có đủ ba thứ tịnh huệ, đó là chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có Phật và chẳng thấy có thọ ký. Còn có ba thứ tịnh huệ, đó là chẳng thấy ngã, chẳng thấy chúng sanh

và chánh pháp. Còn có ba thứ tịnh huệ, đó là chẳng thấy danh, chẳng thấy sắc và chẳng thấy nhơn. Còn có ba thứ tịnh huệ, đó là thấy tất cả ấm đều vào pháp ấm, tất cả giới đều vào pháp giới, tất cả nhập đều vào pháp nhập. Còn có ba thứ tịnh huệ, đó là pháp quá khứ đã tận, pháp vị lai chẳng sanh, pháp hiện tại chẳng trụ. Còn có ba thứ tịnh huệ, đó là quán thân như thủy nguyệt, quán thanh chẳng nói được, quán tâm chẳng thấy được. Còn có ba thứ tịnh huệ, đó là không vô tướng vô nguyện. Nếu thấy như vậy tức là chơn thiệt thấy thọ ký.

Nầy Hải Huệ ! Nếu Bồ Tát thấy như vậy thì gọi là thiệt thấy”.

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát nếu có đủ các thứ thấy như vậy thì phát những nguyện gì ?”.

Đức Phật nói : “Nầy Hải Huệ ! Người như vậy thì như bốn phát nguyện. Đại Bồ Tát hoặc tâm tại định hoặc tâm chẳng tại định, vì chúng sanh nên như bốn phát nguyện.

Nầy Hải Huệ ! Ví như người có ruộng lúa tốt rộng đủ một khoảnh mặt đất bằng phẳng, lúc muốn tưới nước mở thủy khẩu của ruộng

mặc cho nước chảy vào không còn cần tốn công sức nước tự nhiên lan khắp ruộng.

Cũng vậy, đại Bồ Tát hoặc ở trong định nhiếp tâm tư duy, hoặc chẳng ở định chẳng tư duy, vì chúng sanh nên như bốn phát nguyện những thiện căn được làm thảy đều cho chúng sanh chung. Cùng chung rồi hồi hướng Phật pháp vô thượng. Bồ Tát tâm thanh tịnh, giới nhẫn định và huệ cũng thanh tịnh, quán Phật pháp cùng các chúng sanh bình đẳng không hai. Dầu có nguyện như vậy mà từ đầu trọn không có tâm. Mặc dầu Bồ Tát không có tâm mà đối với các chúng sanh sức thệ nguyện chưa từng chẳng đến họ, những thiện căn được có đều cùng họ chung, cùng chung rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Này Hải Huệ ! Như cây ta la có người chặt gốc đã đứt rồi thì theo chỗ bị chặt đó mà ngã.

Cũng vậy, đại Bồ Tát tu tập tam muội thường hướng đến Bồ đề.

Giả sử có người kêu to rằng cây ta la này chớ ngã từ chỗ bị chặt đứt ! Cây ấy vẫn ngã theo chỗ bị chặt đứt !

Cũng vậy, đại Bồ Tát chỗ tu hành pháp lành muốn chẳng hướng đến Vô thượng Bồ

đề thì không bao giờ có, tại sao, vì pháp tánh như vậy.

Đại Bồ Tát chỗ tu pháp lành chỉ vì chẳng dứt chủng tánh Tam bảo, vì thanh tịnh Phật độ, vì trang nghiêm thân ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, vì trang nghiêm khẩu lúc thuyết pháp chúng sanh thích nghe, vì trang nghiêm tâm xem tất cả chúng sanh bình đẳng không hai, vì được Phật pháp chư Phật tam muội. Dẫu Bồ Tát chẳng tham những pháp như vậy nhưng tự nhiên có thể được những pháp ấy, tại sao, vì sức thệ nguyện vậy.

Nầy Hải Huệ ! Ví như nhà lò gốm, lúc khối bùn còn ở trên vòng khuôn chẳng được có tên món vật. Lúc đã thành món vật rồi thì tùy theo món vật mà có tên.

Cũng vậy, pháp lành của Bồ Tát lúc chưa phát nguyện thì chẳng được tên Ba la mật, vì vậy nên tất cả pháp lành của Bồ Tát cần phải phát nguyện.

Nầy Hải Huệ ! Ví như nhà thợ vàng, lúc vàng chưa thành món vật cũng chẳng được có tên, đến lúc thành món vật rồi được tên anh lạc.

Cũng vậy, pháp lành của Bồ Tát lúc chưa phát nguyện thì chưa được có tên Ba la mật.

Ví như Tỳ Kheo lúc muốn nhập diệt tận định, trước lập thệ rằng, nay tôi nhập định nếu tiếng chuông khánh kêu mới sẽ xuất định. Mà trong định ấy không có tiếng chuông khánh, do vì sức thệ nguyện nên lúc gõ chuông khánh thì Tỳ Kheo ấy liền xuất định.

Cũng vậy, đại Bồ Tát vì thương mến chúng sanh nên phát nguyện rằng : người chưa được độ tôi sẽ độ họ, người chưa giải thoát tôi sẽ giải thoát họ. Lúc tu tập Bồ đề, đại Bồ Tát nhập thâm tam muội, do sức đại bi nên nhớ các chúng sanh mà chẳng chúng Thanh Văn thừa và Bích Chi Phật thừa. Vì vậy mà đại Bồ Tát dầu tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chẳng chúng đạo quả.

Nầy Hải Huệ ! Chỗ sở hành của đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, dầu nhập thâm định mà chẳng chúng quả Sa Môn.

Như có hai người muốn vượt qua chỗ có lửa cháy lớn, một người mặc giáp kim cương thì qua khỏi, một người mang giáp bằng gỗ khô thì bị cháy. Tại sao, vì kim cương là chất

không bén lửa, còn cỏ khô là chất nhạy lửa nên phải cháy.

Cũng vậy, đại Bồ Tát thương mến chúng sanh mà chuyên niệm Bồ đề trang nghiêm vô lượng thậm thâm tam muội, do sức tam muội nên vượt quá chánh vị của Thanh Văn Duyên Giác chẳng lấy quả chúng, từ định dậy rồi được chánh giác đạo Như Lai tam muội.

Người mang cỏ khô dụ hàng Thanh Văn. Người Thanh Văn nhàm lìa sanh tử, đối với chúng sanh không có lòng từ bi, vì vậy mà không vượt quá chánh vị Thanh Văn và Duyên Giác. Tại sao ? Vì người nhị thừa ở trong phước đức sanh ý tưởng tri túc. Người Đại thừa Bồ Tát ở trong phước đức không có lòng nhàm đủ.

Giáp kim cương là dụ cho ba môn giải thoát không, vô tướng và vô nguyện. Ngọn lửa mạnh là dụ cho các hành pháp. Đại Bồ Tát quán tất cả pháp không, vô tướng và vô nguyện mà có thể chẳng chúng các đạo quả Sa Môn”.

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát có đủ những sự như vậy chẳng thể nghĩ bàn, tu các tam muội ấy mà

chẳng thủ chúng, đi trong lửa sanh tử chẳng bị lửa cháy.

Đại Bồ Tát thành tựu phương tiện nhập tất cả định cũng chẳng bị định nó gạt lăm. Vì có phương tiện nên hành các công hạnh mà tâm không nhiễm trước. Dầu vì hạng tà kiến giải nói quả Sa Môn, mà tự mình chẳng chứng Sa Môn đạo quả”.

Đức Phật nói : “Lành thay, lành thay ! Nầy Hải Huệ ! Đúng như lời ông nói !

Nầy Hải Huệ ! Như ba thứ nước nhuộm, đó là la, uất kim và chàm xanh đựng chung trong một chậu nhuộm ba thứ là vải lông, nỉ và y kiêu xa gia. Vải lông bị nước nhuộm thấm thành màu xanh. Nỉ vì giặt sạch nên thành màu vàng. Y kiêu xa gia trước bị tro thấm thì thành màu đỏ. Ba vật như vậy dầu đồng nhuộm trong một chậu mà chịu màu đều riêng khác.

Người tam thừa cũng như vậy. Chậu là dụ cho không, vô tướng và vô nguyện. Ba màu là dụ cho Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Tùy vật chịu màu là dụ ba thứ Bồ đề.

Không, vô tướng và vô nguyện chẳng có ý nghĩ cho quả như vậy, chẳng cho quả như vậy.

Vải lông dụ hàng Thanh Văn. Nỉ dụ hàng Duyên Giác. Y kiểu xa gia dụ hàng Bồ Tát.

Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp như điếc như đui, không có chúng sanh. Lúc thấy như vậy tâm Bồ Tát không có nhiễm trước cũng không có thối hối. Bấy giờ trong tâm Bồ Tát như thiệt biết rõ, ta ở nơi chúng sanh chẳng phải có lợi ích chẳng phải không có lợi ích, cũng vì chúng sanh tu tập đại bi.

Nầy Hải Huệ ! Ví như vi diệu tịnh lưu ly bửu, dầu ở trong bùn suốt cả trăm năm mà tánh chất nó luôn thanh tịnh ra khỏi bùn thì trong sạch như cũ.

Đại Bồ Tát cũng như vậy, biết rõ tâm tánh bốn tánh thanh tịnh bị khách trần phiền não làm chuống ô, mà thiệt ra khách trần phiền não chẳng có thể làm ô nhiễm được tâm tánh thanh tịnh, như bửu châu tại bùn chẳng bị bùn làm ô nhiễm.

Đại Bồ Tát nghĩ rằng nếu tâm tánh ta bị phiền não ô nhiễm thì ta làm sao độ chúng sanh được. Vì vậy mà Bồ Tát thường thích tu tập phước đức trang nghiêm, thích ở tại các cõi cúng dường Tam bửu, thích vì chúng sanh mà làm lụng theo họ sai khiến, nơi chỗ sanh

tham chẳng hề tham, thường hộ trì chánh pháp, thích ban cho bố thí, đầy đủ tịnh giới, trang nghiêm nhần nhục, siêng tu tinh tiến, trang nghiêm thiền chi, tu tập trí huệ, đa văn không nhàm, thanh tịnh phạm hạnh tu đại thần thông, có đủ ba mươi bảy phẩm trợ Bồ đề.

Nầy Hải Huệ ! Đại Bồ Tát tu hành các pháp như vậy chẳng bị phiền não làm nhiễm ô, chẳng dính mắc ba cõi.

Vì đại Bồ Tát hành thiện phương tiện công đức lực, nên mặc dầu đi trong tam giới mà thân tâm không ô nhiễm.

Nầy Hải Huệ ! Ví như trưởng giả chỉ có một con trai lòng rất thương yêu. Dứa con trai ấy chơi giỡn lầm té vào hầm phân. Người mẹ thấy gớm ghét hơi dơ, sau đó người cha thấy quả trách bà mẹ rồi liền vào hầm phân kéo dắt đứa con trai ra rồi đem tắm rửa sạch sẽ. Do vì thương yêu nên người cha ấy quên cả hôi dơ.

Trưởng giả cha mẹ ấy dụ cho Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Hầm phân dụ tam giới. Dứa con trai dụ chúng sanh. Bà mẹ chẳng vót con được là dụ hàng Thanh Văn, Duyên Giác.

Ông cha hay cứu vớt đứa con được là đệ tử Bồ Tát. Lòng thương yêu con là đệ đại bi.

Đại Bồ Tát đủ thiện phương tiện vào tam giới mà chẳng bị tam giới nhiễm ô. Vì vậy mà đạo có hai thứ : một là Thanh Văn thừa, hai là Bồ Tát Đại thừa.

Thanh Văn thừa nhàm tam giới. Bồ Tát thừa chẳng nhàm tam giới.

Đại Bồ Tát tu tập không, vô tướng, vô nguyện, dầu đi trong các cõi mà chẳng bị đọa trong các cõi. Đã chẳng đọa các cõi mà cũng chẳng thủ chúng. Đi trong các cõi gọi là thiện phương tiện, chẳng thủ chúng gọi là trí huệ.

Đại Bồ Tát quán tất cả pháp không có hai tướng. Quán tất cả pháp bình đẳng thì chúng sanh cũng bình đẳng. Bình đẳng như vậy thì Niết bàn cũng bình đẳng, đây gọi là trí huệ. Nếu có thể quán chúng sanh bình đẳng như vậy mà chẳng chúng Niết bàn thì gọi là phương tiện.

Thanh tịnh bố thí gọi là huệ, phát nguyện hồi hướng Bồ đề thì gọi là phương tiện”.

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào bố thí mà gọi là thanh tịnh trí huệ và thanh tịnh phương tiện ?”.

Đức Phật nói : “Nầy Hải Huệ ! Bồ Tát nếu thấy không có ngã chúng sanh thọ mạng sẽ phu thì gọi là huệ. Nếu tu không vô tướng vô nguyện đem các thiện căn nguyện cùng chúng sanh hồi hướng Bồ đề thì gọi là phương tiện.

Còn nữa, nầy Hải Huệ ! Biết các chúng sanh căn hạ trung thượng thì gọi là huệ. Biết rồi tùy ý mà vì họ thuyết pháp thì gọi là phương tiện.

Vì thanh tịnh trí huệ nên dầu đi trong tam giới mà không bị nhiễm trước. Vì thanh tịnh phương tiện nên dầu tu Nhị thừa mà chẳng chúng quả Nhị thừa.

Nầy Hải Huệ ! Nếu Bồ Tát chẳng bị tất cả phiền não nhiễm ô thì gọi là huệ, có thể điều phục chúng sanh khiến họ hồi hướng Vô thượng Bồ đề thì gọi là phương tiện.

Bồ Tát phát nguyện đều làm cho chúng sanh được vô tận của cải vô tận phước đức tăng trưởng thiện căn, tất cả hàng hữu học vô học Thanh Văn, Duyên Giác và tất cả Bồ Tát tùy ý đặc pháp, đây gọi là tịnh phương tiện.

Bồ Tát nếu có thể thọ trì tất cả Phật pháp rộng phân biệt diễn nói, vô cùng tận diễn nói,

vô chuống ngại diễn nói, chẳng luống diễn nói, tùy thích diễn nói, đây gọi là tịnh huệ.

Đại Bồ Tát đời đời sanh chỗ nào trọn chẳng mất tâm Vô thượng Bồ đề, đây gọi là tịnh huệ. Đời đời ở chỗ nào tu tập pháp lành đều nguyện cùng chúng sanh chung, đây gọi là tịnh phương tiện.

Do tịnh huệ biết tâm Bồ đề vô trụ vô căn. Do tịnh phương tiện giáo hóa chúng sanh đến Bồ đề”.

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát có đủ hai thứ tịnh như vậy nên tất cả nghiệp hạnh được làm không gì chẳng phải là Bồ đề.

Tại sao vậy ? Vì trong tất cả pháp đều có ám chuống. Vì phá ám chuống nên tức là Bồ đề. Vì vậy nên Bồ Tát thường chẳng xa lìa Bồ đề vậy.

Bồ Tát nếu nghĩ rằng tôi là Bồ đề, nên biết người này chẳng được Bồ đề. Bồ Tát nếu nghĩ rằng tôi có Bồ đề, người này ở nơi Bồ đề có tịnh có bất tịnh. Nếu có thể quán xét các pháp như vậy thì được Bồ đề, tức là tịnh trí phương tiện vậy”.

Đức Phật nói : “Nầy Hải Huệ ! Quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp có Phật xuất thế hiệu Vô Biên Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn, quốc độ ấy tên Bất Thuần, kiếp ấy tên Quang Vị. Lúc đức Phật Vô Biên Quang mới đến ngôi đạo tràng Bồ đề chưa thành Phật, mười phương thế giới bụi Bồ Tát nhứt sanh bồ xú, bụi Bồ Tát bất thối chuyển đều đồng ngó thấy và đồng đến chỗ ấy đem các thứ hoa cúng dường, hoa ấy ở hư không cao bảy cây đa la.

Lúc thành Phật đạo rồi, Vô Biên Quang Như Lai phóng đại quang minh chiếu khắp mười phương thế giới.

Mười phương chư Thiên phần đông thấy Phật Quang rồi đều nói rằng : Phật Vô Biên Quang chơn thiệt xuất thế. Quốc độ Bất Thuần trang nghiêm lộng lẫy như cung Trời Tha Hóa Tự Tại. Kiếp ấy ban sơ quá mười ngàn năm có Phật xuất thế hiệu Quang Vị, do đây mà kiếp ấy có tên là Quang Vị.

Trong kiếp Quang Vị có mười bốn ức chư Phật Như Lai xuất thế. Quốc độ Bất Thuần

ấy có chín vạn sáu ngàn tiểu quốc, mỗi tiểu quốc ngang rộng tám vạn bốn ngàn do tuần, có tám vạn bốn ngàn thành, thành ấy ngang rộng một do tuần. Mỗi thành dân cư có tám vạn bốn ngàn người. Quốc độ Bất Thuần ấy có đủ các sự như vậy. Cõi nước ấy thuần dùng bốn báu trang sức, đó là vàng, bạc, lưu ly và pha lê, có nhiều món uống ăn không hề thiếu. Nhơn dân cõi ấy không có ngã ngã sở như người Uất Đon Việt ở phương Bắc.

Phật Vô Biên Quang thọ mạng đủ mười trung kiếp. Chúng Thanh Văn có chín vạn sáu ngàn ức. Chúng Bồ Tát có một vạn hai ngàn ức. Trong quốc độ ấy có thành tên Lạc và thành tên Tịnh. Đức Phật Vô Biên Quang xuất thế tại thành Tịnh rồi qua ở tại thành Lạc. Quốc độ ấy có vua tên là Tịnh Thanh đủ bảy báu thống lãnh cả Đại Thiên thế giới. Hậu cung thể nữ có ba vạn sáu ngàn xinh đẹp như Thiên nữ. Có mười vạn Vương Tử hùng mãnh dũng kiện, mỗi Vương Tử đều có sức lực nửa na la diên, thân đủ hai mươi tám tướng tốt, tất cả đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Có tám vạn Vương Nữ đều thanh tịnh xinh đẹp như Thiên nữ, cũng đều phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Trải qua hai đại kiếp, vua Tịnh Thanh cúng dường đức Vô Biên Quang Như Lai và chúng Thanh Văn, chúng Bồ Tát. Nhà vua vì đức Như Lai mà xây dựng bửu phòng rộng lớn năm do tuần, trong bửu phòng có mười vạn bửu lâu để cúng dường chư Tăng. Lúc ấy Thánh Vương cùng các quyến thuộc đều tu phạm hạnh thanh tịnh.

Thuở ấy đức Vô Biên Quang Như Lai giáo hóa vô lượng chúng sanh an trụ pháp Đại thừa, cũng có vô số chúng sanh trụ nơi Thanh Văn thừa.

Thánh Vương Tịnh Thanh sau thời gian cúng dường Phật rồi cùng quyến thuộc đồng đến chỗ đức Phật Vô Biên Quang đầu mặt đánh lễ chun Phật hữu nhiều cung kính quý dãi chấp tay bạch rằng :

Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào là Bồ Tát tu hành Đại thừa chẳng theo lời người ? Thế nào là Bồ Tát sanh được cứu cánh ? Thế nào là Bồ Tát được vô sở trụ ? Thế nào là Bồ Tát được vô động huệ ? Thế nào là Bồ Tát được thanh tịnh huệ ? Thế nào là Bồ Tát thần lực hay thấy xa ? Thế nào là Bồ Tát các căn mãnh lợi ? Thế nào là Bồ Tát đầy đủ Phật độ ? Thế

nào là Bồ Tát hành bất phóng dật ? Thế nào là Bồ Tát nghe pháp thậm thâm lòng chẳng kinh sợ ?

Thế nào là Bồ Tát được tên là Bồ Tát ?

Đức Vô Biên Quang Như Lai nói : “Nầy Đại Vương ! Có bốn pháp tu hành Đại thừa chẳng theo lời người :

Một là có lòng tin Thánh ra khỏi thế giới.

Hai là có trí huệ quán sát pháp tánh.

Ba là có đại thần thông.

Bốn là tu tịnh tinh tiến để giáo hóa các chúng sanh.

Nầy Đại Vương ! Bồ Tát có đủ bốn pháp như vậy tu hành Đại thừa chẳng theo lời người.

Bồ Tát còn có bốn pháp sanh được cứu cánh”

Một là biết rõ thiện pháp để điều phục tâm.

Hai là chẳng tham trước sự vui của mình.

Ba là vì các chúng sanh mà tu tập từ bi.

Bốn là thường ưa thích pháp Đại thừa.

Nầy Đại Vương ! Bồ Tát còn có bốn pháp được vô sở trụ :

Một là tịnh tâm.

Hai là tịnh trang nghiêm.

Ba là lìa hư dối.

Bốn là tu kiên huệ để đủ phước đức.

Nầy Đại Vương ! Bồ Tát còn có bốn pháp được tịnh trí huệ :

Một là tịnh nhãn.

Hai là dùng tứ nhiếp pháp để nhiếp thủ các chúng sanh.

Ba là tịnh thân đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp.

Bốn là tịnh Phật độ quán tịnh pháp giới.

Nầy Đại Vương ! Bồ Tát còn có bốn pháp có thể được thấy xa, các căn mãnh lợi :

Một là niệm dưới cội Bồ đề chẳng bỏ tâm Bồ đề.

Hai là niệm Phật trí huệ, cũng chẳng trụ trước nơi trí.

Ba là niệm pháp thân tu tập không vô tướng vô nguyện.

Bốn là niệm Phật Niết bàn, ở trong sanh tử không có lòng nhàm hối.

Nầy Đại Vương ! Còn có bốn pháp Bồ Tát có đủ Phật độ hành bất phóng dật :

Một là thọ thân Thiên Đế Thích để giáo hóa chư Thiên khiến họ chẳng phóng dật.

Hai là thọ thân Đại Phạm Thiên Vương để giáo hóa hàng Phạm Thiên khiến họ chẳng phóng dật.

Ba là thọ Chuyển Luân Thánh Vương thân để giáo hóa nhơn dân khiến họ chẳng phóng dật.

Bốn là thọ thân Đại thần, Trưởng giả để giáo hóa mọi người khiến họ chẳng phóng dật.

Nầy Đại Vương ! Còn có bốn pháp Bồ Tát nghe pháp thậm thâm không có lòng kinh sợ :

Một là thường thân cận thiện tri thức.

Hai là thiện tri thức thường nói pháp thậm thâm cho.

Ba là khéo tư duy tốt các nghĩa pháp thậm thâm.

Bốn là như chánh pháp mà trụ.

Nầy Đại Vương ! Còn có bốn pháp được danh hiệu Bồ Tát :

Một là thường cầu Ba la mật.

Hai là vì các chúng sanh mà tu tập tâm đại bi.

Ba là luôn ưa thích cầu Phật pháp.

Bốn là lúc giáo hóa chúng sanh không có lòng nhàm hối.

Lúc Thánh Vương Tịnh Thanh nghe đức Vô Biên Quang nói pháp rồi, vua cùng các quyến thuộc đều được Vô sanh Pháp nhẫn, liền xả bỏ quốc độ xuất gia trong Phật pháp siêng tu tập đạo hạnh.

Đức Vô Biên Quang Như Lai nói :

Nầy Đại Vương ! Nay nhà vua xuất gia tức là báo ơn Phật . Nếu ai sanh lòng tin xuất gia như vậy thì gọi là báo ơn Phật rất lớn, là công đức lớn có nhiều lợi ích. Nầy Đại Vương ! Bồ Tát xuất gia có hai mươi bốn sự lợi ích :

Một là bỏ lìa thế sự được đại tự tại.

Hai là bỏ lìa phiền não được giải thoát.

Ba là thân mặc y phục nhuộm màu được đạo không ô nhiễm.

Bốn là có đủ bốn sự được tứ thánh chủng.

Năm là thích hành đầu đà xa lìa tất cả đại dục ái dục.

Sáu là chẳng bỏ giới tự được vui như thiên.

Bảy là chẳng bỏ Bồ đề chúng được Phật pháp.

Tám là thường ưa tịch tĩnh là nói luận thế sự.

Chín là vì chẳng trụ trước nơi pháp nên được đại tịnh tâm.

Mười là có đủ thiên chỉ để được thiên định.

Mười một là ưa cầu đa văn vì được trí huệ vậy

Mười hai là phá hoại kiêu mạn vì được trí huệ vậy.

Mười ba là phá trừ tà kiến vì được chánh kiến vậy.

Mười bốn là chẳng khởi giác quán vì chọn thiết biết các pháp giới vậy.

Mười lăm là bình đẳng xem chúng sanh vì được đại từ vậy.

Mười sáu là giáo hóa các chúng sanh tâm không mỗi một vì được đại bi vậy.

Mười bảy là chẳng tiếc thân mạng vì hộ chánh pháp vậy.

Mười tám là tịch tĩnh tâm mình vì được thần thông vậy.

Mười chín là thường niệm Phật vì thấy Phật vậy.

Hai mươi là tu thiện tư duy vì được mười hai duyên thâm trí huệ vậy.

Hai mươi mốt là được thuận nhẫn.

Hai mươi hai là được vô sanh pháp nhẫn.

Hai mươi ba là tin tất cả công đức.

Hai mươi bốn là được Phật trí huệ.

Thánh Vương Tịnh Thanh nghe thọ pháp ấy rồi chuyển đem dạy lại tất cả nam nữ quyến thuộc thân dân.

Lúc ấy trong quốc độ Bất Thuần có chín vạn chín ngàn ức người đều xuất gia.

Tỳ Kheo Tịnh Thanh đã xuất gia rồi lại bạch Phật Vô Biên Quang rằng :

Bạch đức Thế Tôn ! Nay tôi thế nào được gọi là xuất gia ?

Đức Vô Biên Quang nói :

Nầy Tỳ Kheo ! Ông tên là Tịnh Thanh, phải nên tịnh tự giới, tự giới đã tịnh rồi thì gọi là Tỳ Kheo, gọi là xuất gia.

Nghe Phật dạy rồi, Tỳ Kheo Tịnh Thanh lòng thích tịch tĩnh tư duy như vậy : giới ấy tức là nhĩ, quán nhĩ không tức là tịnh giới, tịnh giới ấy tức là Phật độ. Như nhĩ quán nhĩ tỷ thiết thân cũng vậy. Ý ấy tức là giới, quán ý không tức là tịnh giới, tịnh giới ấy tức là Phật độ, tức là nhứt giới, tức là không giới, tức là chúng sanh giới, tức là vô tướng giới, tức là vô nguyên giới, tức là vô tác giới, tức là vô vi giới.

Tịnh Thanh Tỳ Kheo quán như vậy rồi liền được thân khinh tâm khinh. Thân tâm đã khinh rồi được vô lượng thần thông, được thần thông rồi được lạc thuyết vô ngại đà la ni môn.

Nầy Hải Huệ ! Tỳ Kheo Tịnh Thanh thuở đức Vô Biên Quang Như Lai ấy là ai chăng ? Nay chính là thân ông vậy, còn nam nữ quyến thuộc ấy, nay là đại chúng Bồ Tát được ông dắt đến nghe pháp tại đây vậy”.

Lúc đức Thế Tôn nói pháp ấy, có vạn tám ngàn người phát tâm Vô thượng Bồ đề, tám ngàn chúng sanh được Vô sanh nhẫn.

“Nầy Hải Huệ ! Nếu ai muốn được Vô thượng Bồ đề thì nên đúng như pháp mà nói và đúng như nói mà trụ.

Thế nào gọi là đúng như pháp mà nói và đúng như nói mà trụ ?

Nầy Hải Huệ ! Nếu có người nói tôi sẽ làm Phật, rồi mời các chúng sanh đến hứa cho pháp vị.

Mời hứa rồi, mà người ấy chẳng thể thọ trì đọc tụng phân biệt giải nói kinh điển vi diệu, chẳng thể hộ trì thanh tịnh cấm giới, chẳng siêng tu tinh tiến, chẳng tu tri túc, ở trong thiện pháp được phần ít đã biết đủ. Người như vậy gọi là kẻ khi dối chẳng đúng như pháp nói, chẳng đúng như pháp trụ.

Nầy Hải Huệ ! Nếu có người nói rằng tôi sẽ làm Phật, rồi mời các chúng sanh đến hứa cho pháp vị.

Mời hứa rồi, người ấy hay thọ trì đọc tụng phân biệt giải nói kinh điển vi diệu, hộ trì cấm giới thanh tịnh, siêng tu tinh tiến, thiếu dục tri túc, được nhiều thiện pháp cũng chẳng sanh lòng thỏa đủ. Người nầy gọi là chẳng khi dối đúng như pháp nói đúng như pháp trụ.

Nầy Hải Huệ ! Ví như Quốc Vương có đông tân khách, mời rồi mà chẳng sắm sửa đồ dùng cúng dường, lúc tân khách đã đến nơi nói là

chưa sấm sửa. Tân khách đều nói rằng : đã nhận lời mời của đức vua nên ở nhà chẳng sấm món ăn uống, nay theo lời đức vua mời mà đến lại không có chi ăn dùng, họ đồng quở trách giận hờn sâu não khóc lóc.

Nầy Hải Huệ ! Bồ Tát mời các chúng sanh hứa cho pháp thực rồi chẳng cầu đa văn, chẳng trì giới tinh tiến tu hành ba mươi bảy phẩm pháp trợ đạo. Vì vậy nên chúng thánh quở trách, hàng nhơn thiên than khóc.

Nầy Hải Huệ ! Bồ Tát nếu có thể đúng pháp làm, đúng như chỗ làm mà nói, chẳng nên khi dối tất cả chúng sanh.

Lại nầy Hải Huệ ! Còn có các chúng sanh thỉnh cầu Bồ Tát vì họ thuyết pháp. Bồ Tát hứa khả, sẽ thuyết pháp cho họ. Sau khi hứa Bồ Tát phóng dật. Chúng sanh đã thấy Bồ Tát phóng dật liền khuyên nhắc. Được khuyên nhắc mới thuyết pháp cho họ. Lúc thuyết pháp hoặc có người hỏi nghĩa thậm thâm. Vì phóng dật nên Bồ Tát không đáp được. Vì không đáp được nên lòng hổ thẹn. Vì hộ thân tâm mình nên gạt chúng sanh mà bỏ lìa họ.

Nầy Hải Huệ ! Bồ Tát nếu muốn đúng như pháp được nói mà trụ, không tự tiếc thân tâm để hộ trì chúng sanh.

Nầy Hải Huệ ! Về quá khứ có một sư tử vương ở hang trong núi sâu thường nghĩ rằng : ta là vua của tất cả loài thú, có đủ sức xem coi giữ gìn tất cả thú. Trong núi ấy có hai con khỉ cùng sanh hai khỉ con đến sư tử vương nói rằng : vua hay thủ hộ tất cả các thú, nay chúng tôi đem hai khỉ con này giao phó cho vua, chúng tôi muốn đi xứ khác kiếm ăn. Sư tử vương liền hứa khả. Hai khỉ để hai con lại giao cho sư tử vương rồi bỏ đi.

Bấy giờ trong núi ấy có một kên kên chúa thấy sư tử vương ngủ liền bắt hai khỉ con để ở chỗ hiểm.

Sư tử vương thức dậy biết liền hướng kên kên chúa nói kệ rằng :

**Nay ta thừa cùng chúa kên kên
Cầu mong chí tâm nhận lời tôi
Xin nể mặt tôi thả hai khỉ
Cho tôi khỏi thẹn vì thất tín.**

Kên kên chúa nói kệ đáp sư tử vương rằng :

Ta hay du hành bay hư không
Đã qua chỗ người lòng không sợ
Nếu quyết muốn hộ hai khỉ con
Đổi cho ta người phải xả thân.

Sư tử vương đáp :

Nay ta vì hộ hai khỉ con
Xả thân chẳng tiếc như cỏ khô
Nếu ta hộ thân mà nói dối
Sao được gọi là như thuyết hành.

Nói kệ xong, sư tử vương lên gộp cao muốn
xả thân mình.

Kên kên chúa liền kêu sư tử vương mà
nói kệ rằng :

Nếu vì người khác xả mạng mình
Kẻ ấy liền hưởng vui vô thượng
Nay ta thả hai khỉ con này
Mong sư tử vương đừng tự hại.

Nầy Hải Huệ ! Thuở ấy sư tử vương nay
là thân ta, Phật Thích Ca Mâu Ni, khỉ đực ấy
nay là Đại Ca Diếp, khỉ cái ấy nay là Thiện
Hộ Tỳ Kheo Ni, hai khỉ con ấy nay là A Nan

và La Hầu La, còn kên kên chúa ấy hiện nay là Xá Lợi Phất vậy.

Nầy Hải Huệ ! Bồ Tát vì hộ kẻ y chỉ mình mà chẳng tiếc thân mạng.

Nầy Hải Huệ ! Thế nào gọi là đúng như lời mà trụ ?

Bồ Tát nếu nói ta sẽ bố thí, liền thật hành bố thí rộng lớn. Đây gọi là đúng như lời mà trụ.

Bồ Tát nếu nói ta có thể trì giới, liền giáo hóa tất cả đồng hộ giới như mình. Đây gọi là đúng như lời mà trụ.

Bồ Tát nếu nói ta tu nhẫn nhục, liền giáo hóa chúng sanh đồng tu nhẫn nhục. Đây gọi là Bồ Tát đúng như lời mà trụ.

Bồ Tát nếu nói ta siêng tinh tiến tu hành Phật pháp, liền giáo hóa mọi người đồng siêng tinh tiến tu hành Phật pháp. Đây gọi là Bồ Tát đúng như lời mà trụ.

Bồ Tát nếu nói ta tu thiên định, liền giáo hóa chúng sanh xả trừ loạn tâm tu tập thiên định. Đây gọi là Bồ Tát đúng như lời mà trụ.

Bồ Tát nếu nói ta tu trí huệ, liền phân biệt đúng như pháp. Đây gọi là Bồ Tát đúng như lời nói mà trụ.

Bồ Tát nếu nói ta nên phá hoại tất cả ác pháp, liền tu tập tất cả thiện pháp. Đây gọi là đúng như lời mà trụ.

Nầy Hải Huệ ! Hay trang nghiêm thì gọi là như thuyết, hay cứu cánh thì gọi là như trụ. Hay phát tâm thì gọi là như thuyết, được chứng quả thì gọi là như trụ. Hay tịnh tâm thì gọi là như thuyết, hay chí tâm thì gọi là như trụ. Hay phát tâm thì gọi là như thuyết, tâm bất thối thì gọi là như trụ. Chí tâm nghe pháp thì gọi là như thuyết, nghe rồi như trụ thì gọi là như trụ. Có thể tịnh khẩu thì gọi là như thuyết, hay tịnh thân thì gọi là như trụ. Mới thọ giới thì gọi là như thuyết, chí tâm hộ trì thì gọi là như trụ. Phát Bồ đề tâm gọi là như thuyết, hành Bồ Tát đạo gọi là như trụ. Được trụ nhãn địa thì gọi là như thuyết, trụ bất thối địa thì gọi là như trụ. Được thân một đời thì gọi là như thuyết, được thân hậu biên thì gọi là như trụ. Đến dưới cội Bồ đề thì gọi là như thuyết, được quả Bồ đề thì gọi là như trụ.

Nầy Hải Huệ ! Đây gọi là Bồ Tát đúng như pháp mà thuyết và đúng như thuyết mà trụ”.

Lúc đức Thế Tôn nói pháp này, có năm trăm Bồ Tát được trụ vô sanh nhẫn địa.

Lúc bấy giờ trong pháp hội có một Bồ Tát tên Liên Hoa bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Như đức Phật đã nói về như thuyết mà trụ thiệt chẳng thể nghĩ bàn. Như sở trụ của Phật tức là như thuyết tức là như trụ”.

Đức Phật nói : “Nầy Liên Hoa ! Ở nơi sự ấy ông có biết rõ được chăng ?”.

Liên Hoa Bồ Tát bạch rằng : “Tôi đã rõ, bạch đức Thế Tôn !”.

Đức Phật nói : “Nếu người biết chánh pháp là chơn thiệt thì gọi là như pháp trụ”.

Son Vương Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Vô sở trụ pháp thì gọi là như pháp trụ. Tại sao vậy ? Vì thấy tất cả pháp không có giác, do vì không có giác nên chẳng thấy một pháp gọi đó là giác, nếu không có một pháp thì làm sao có trụ. Nếu thấy như vậy thì gọi là như pháp trụ”.

Phước Đức Vương Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu người tùy theo tâm thì chẳng

phải như pháp trụ. Nếu có Bồ Tát quán ý như huyễn, gọi là vô trụ. Nếu là vô trụ thì gọi là như pháp trụ”.

Nhiên Đăng Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Không có tâm tham thì gọi là như pháp trụ. Thế nào là tham tâm, đó là ở trong các pháp có tổn có ích. Nếu không có tham tâm thì gọi là như pháp trụ”.

Nhật Tử Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát có chỗ trụ trước thì gọi là động. Nếu ở trong các pháp tâm không trụ trước thì gọi là vô động. Nếu là vô động thì gọi là như pháp trụ”.

Dũng Kiện Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Tất cả thế gian đều tùy tâm hành. Nếu biết tâm hành thì gọi là như pháp trụ”.

Lạc Kiến Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói : do vì thọ mà thọ khổ, nếu có thể chẳng thọ thì các thọ dứt diệt, nếu có thể chẳng thủ thì các thủ dứt diệt. Dầu chẳng thọ các thọ mà chẳng bỏ chúng sanh thì gọi là như pháp trụ”.

Hương Tượng Vương Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Tất cả phàm phu chúng sanh đều có gánh nặng đó là ngũ ấm. Nếu người

có thể biết ngũ ấm chơn thiệt, vì phá hoại kiến chấp ngũ ấm mà lìa bỏ gánh nặng, nhưng ở nơi các pháp không có ý tưởng là gánh, đây gọi là như pháp trụ”.

Kiên Ý Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát chẳng sanh nơi sanh chẳng diệt nơi diệt cũng lại chẳng thấy tánh sanh diệt thì gọi là như pháp trụ”.

Trì Thế Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu đi nơi thế gian thì chẳng phải như pháp trụ. Nếu người chánh trang nghiêm thì gọi là như pháp trụ. Người chánh trang nghiêm thấy tất cả các pháp bình đẳng như hư không”.

Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có thể chơn thiệt biết thấy Niết bàn thấy pháp là diệt và không có sanh diệt, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì đến Bồ đề mà tu tập trang nghiêm, đây gọi là như pháp trụ”.

Quang Vô Ngại Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có hành xứ tức là ma nghiệp chẳng phải như pháp trụ. Nếu không có hành xứ thì phá ma nghiệp, nếu phá ma nghiệp thì gọi là như pháp trụ”.

Tịnh Tinh Tiến Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu quan niệm rằng tôi sẽ được tịnh pháp, vì tịnh pháp ấy nên siêng tu tịnh tiến, tịnh tiến như vậy là không tịnh tiến, nếu có thể quan sát các pháp bất định, do bất định ấy mà siêng tu tịnh tiến, đây gọi là như pháp trụ”.

Quá Tam Ác Đạo Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Tất cả các pháp vô tác vô biến vô giác vô quán, vô giác quán ấy gọi là tâm tánh, nếu thấy chúng sanh tâm tánh bốn tịnh thì gọi là như pháp trụ”.

Bất Khả Tư Duy Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Biết các chúng sanh tất cả tâm tánh chẳng sanh tâm tưởng, gọi là chẳng tư duy được mà tư duy vậy. Nếu có thể ở trong chẳng tư duy ấy mà tư duy thì gọi là như pháp trụ”.

Lạc Tịch Tĩnh Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát thanh tịnh các tâm giới thì có thể lìa tất cả hoặc lậu. Nếu có thể xa lìa tất cả lậu thì gọi là chánh hạnh. Nếu chánh hạnh thì gọi là như pháp trụ”.

Thương Chủ Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát nếu thanh tịnh thiện pháp, phước đức trang nghiêm, trí huệ trang nghiêm,... quán

hai thú trang nghiêm bình đẳng vô nhị, dùng phước đức bình đẳng quán trí huệ bình đẳng, dùng trí huệ bình đẳng quán phước đức bình đẳng không có sai biệt thì gọi là như pháp trụ”.

Duy Ma Cật Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Chẳng quan niệm nơi hai thì gọi là như pháp trụ. Nếu ở nơi pháp giới chẳng hoại hư chẳng khác biệt thì gọi là như pháp trụ”.

Y Nghĩa Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát y nơi nghĩa chẳng y nơi chữ. Vì chánh nghĩa nên thọ trì đọc tụng tám vạn bốn ngàn pháp tụ không sai sót không động dờ thì gọi là như pháp trụ”.

Tịnh Ý Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát phát tâm Bồ đề, chí tâm ủng hộ Bồ đề tâm ấy, lúc tu tập Bồ đề biết các pháp tánh. Luận về pháp tánh ấy chẳng phải xú chẳng phải chẳng xú đây gọi là như pháp trụ”.

Tất Cánh Tịnh Ý Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát xa lìa cấu uế như giặt y bỏ dơ bẩn, có thể khiến các phiền não chẳng ô nhiễm tâm mình thì gọi là tất cánh

tịnh. Tâm đã tịnh rồi tùy thật hành Bồ đề đều gọi là như pháp trụ”.

Hải Huệ Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu người thân cận ác tri thức thì chẳng phải như pháp trụ, chẳng tu thánh pháp thì chẳng phải như pháp trụ, nếu gần ác hữu làm nghiệp ma sa vào xứ ma.

Bạch đức Thế Tôn ! Nếu người muốn lìa tất cả ma nghiệp rời hành xứ các ma cùng các ác pháp thì nên gần thiện hữu”.

Đức Phật nói : “Này Hải Huệ ! Nay ông thiết biết ma nghiệp hành chẳng ?”.

Hải Huệ Bồ Tát nói : “Tôi đã biết, bạch đức Thế Tôn !”.

Đức Phật nói : “Này Hải Huệ ! Nay ông nên vì vô lượng Bồ Tát đại chúng mà diễn nói”.

Hải Huệ Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Luận về ma nghiệp ấy tức là nhĩ sắc. Nếu người thấy sắc sanh tâm tham trước đó là ma nghiệp. Như nhĩ sắc, nhĩ thanh tỷ hương thiết vị thân xúc và ý pháp cũng như vậy.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát lúc tu hành Đàn Ba la mật, với vật chẳng thích

đem bố thí, với vật ưa thích thì tiếc lẫn chẳng xả. Với người thương thì cho, với người giận thì chẳng cho. Nếu có phân biệt tài vật và phân biệt kẻ nhận lãnh, đây gọi là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát lúc tu hành Thi la Ba la mật hộ trì cấm giới gần gũi người trì giới khen ngợi thân mình mà chê bai phá giới, đây gọi là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát lúc tu hành Nhẫn Ba la mật, với kẻ có sức mạnh hơn thì hay nhẫn nhịn, với kẻ kém sức thì chẳng nhịn được, thấy kẻ sức mạnh thì nói năng nhỏ nhẹ khiêm hạ thấy kẻ sức yếu thì lời thô khinh miệt, đây gọi là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát lúc tu hành Tinh tiến Ba la mật diễn nói Thanh Văn thừa, nói Duyên Giác thừa, nói Bồ Tát thừa, lúc tu tập Bồ đề thì khinh mạn Thanh Văn, Bích Chi Phật thừa miệng chẳng tuyên nói, thích việc thế sự, chẳng thích cung kính cúng dường Tam bảo những món hoa hương phan lọng kỷ nhạc tôn trọng tán thán, chẳng cầu đa văn, thấy người đa văn chẳng đến thân cận, đây gọi là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát lúc tu tập Thiên Ba la mật được thiên định chẳng điều phục được tất cả chúng sanh lòng hối nhàm, tham trước thiên lạc quả người thuyết pháp, chẳng thích giảng luận tán thán tịch tĩnh, trách chê Dục giới Sắc giới, thích thân Vô Sắc thọ mạng tột dài, chẳng thấy chư Phật, chẳng nghe chánh pháp, xa lìa thiện hữu, chẳng biết phương tiện, thọ xả tu xả, đây gọi là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát lúc tu Bát Nhã Ba la mật biết các nhơn quả chẳng dùng tứ nhiếp để nhiếp thủ chúng sanh mà điều phục họ, chẳng biết chúng sanh căn thượng trung hạ, đây gọi là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát nếu thích rảnh rang tịch tĩnh, thích tịch tĩnh rồi thọ vui tịch tĩnh chẳng thích nghe pháp thuyết pháp hỏi điều nghi, do tịch tĩnh nên phiền não chẳng khởi, do chẳng khởi nên chẳng biết mà tưởng là biết, chẳng lìa mà tưởng là lìa, chẳng chúng mà tưởng là chúng chẳng tu mà tưởng là tu, chẳng được thiệt nghĩa, đây gọi là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát nếu có tu tập đa văn ưa nói thích nói lời vi diệu, lời dịu dàng, lời vui vẻ, nếu vì y phục uống ăn ngọa cụ lợi dưỡng mà thuyết pháp, nếu có người tin hiểu hay chí tâm nghe mà chẳng vì họ nói pháp, nếu có kẻ phóng dật đến cùng dường thì nói pháp cho, người đáng vì nói mà chẳng nói, người chẳng nên vì nói lại nói cho, đây gọi là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát lúc thuyết pháp giấu kín thâm nghĩa, có các hàng nhơn thiên đắc tha tâm trí biết nên không vui mà tự nghĩ rằng ta vì Như Lai chơn chánh pháp mà đến nghe pháp chớ chẳng vì thế gian lời nghĩa thiên cận mà đến, người này muốn phá Như Lai chánh pháp chẳng cho tăng trưởng, nếu là người phá hủy Phật chánh pháp chúng ta chẳng thích thấy nghe lời họ nói, các thiên nhơn ấy liền bỏ đi, đây gọi là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát với ác tri thức tưởng là thiện hữu, ác tri thức ấy chẳng dùng tứ nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sanh, chẳng tu đa văn chẳng dạy chúng sanh, chẳng nói pháp xuất thế mà thích nói

lời thế tục, chẳng biết pháp chẳng biết thời chẳng biết nghĩa, đây gọi là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Người ác tri thức chẳng có thể khai thị phân biệt giải thuyết pháp Thanh Văn, pháp Duyên Giác, pháp Bồ Tát, pháp Phật, chẳng dạy chúng sanh tu từ bi xa lìa tám nạn tu hành bố thí trì giới nhuyến ngũ thân cận bình đẳng, nhẫn nhịn kẻ vô lực, nói rằng Phật đạo rất là khó được trong vô lượng đời cần khổ mới được, đây gọi là ác hữu, là ma nghiệp.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát nếu có lòng kiêu mạn, do kiêu mạn nên chẳng có thể cúng dường Phật, Pháp, Tăng, Sư trưởng, Hòa thượng, cha mẹ, trưởng túc đồng học đồng su, nếu thấy người hơn mình thì chẳng thể gần kề để nghe pháp hỏi nghi, dầu có nghe mà nghe rồi liền quên mất, thấy kẻ thua mình thì thương mến gần gũi, vì vậy nên ác pháp lần lần tăng trưởng, vì ác pháp tăng nên xa lìa thiện pháp. Bạch đức Thế Tôn ! Ví như đại hải vì lần lần sâu nên tất cả sông rạch trăm dòng đồng chảy vào.

Bồ Tát phá hoại lòng kiêu mạn cũng như vậy, lần lần tăng trưởng tất cả thiện pháp.

Nếu chẳng phá hoại kiêu mạn thì gọi là ma nghiệp.

Bạch đức Thế Tôn ! Ví như có người ở nơi cao nguyên lục địa trồng cây chiêm ba, chỗ nước thường chảy lại đắp bờ ngăn, đất trồng cây ấy đã cao khô lại không có nước thấm vào nên cây chiêm ba được trồng ấy lần lần khô vàng chẳng tăng trưởng được.

Cũng vậy, Bồ Tát do kiêu mạn tăng nên chẳng thân thiện hữu chẳng nghe chánh pháp, dầu có nghe lại quên mất.

Còn nữa, bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát sắc thân đoan chánh đầy đủ tự tại có quyền thuộc đông phước đức trang nghiêm, mà chưa được đầy đủ trí huệ trang nghiêm, do có ấy mà sanh lòng kiêu mạn. Do vì kiêu mạn nên thấy người có trí huệ hiểu rành chánh pháp mà thân hình gầy xấu thì khi dễ chẳng chịu cúng dường. Do có ấy mà càng tăng thêm kiêu mạn vô minh phóng dật chẳng điều phục ma nghiệp, Bồ Tát như vậy là do sắc mà sanh kiêu mạn, đây gọi là ma nghiệp”.

Đức Phật nói : “Lành thay, lành thay, Hải Huệ Bồ Tát khéo có thể phân biệt tuyên nói ma nghiệp.

Nầy Hải Huệ ! Ông nên chí tâm lắng nghe, nay Phật sẽ nói đạo phá hoại ma nghiệp.

Nầy Hải Huệ ! Tất cả các pháp tánh nó không tịch. Nếu biết tất cả pháp tánh không tịch rồi cũng biết tất cả chúng sanh đều không. Biết không rồi mà tu từ tâm điều phục tự thân. Đây gọi là Bồ Tát phá hoại ma nghiệp.

Nếu quán các pháp tánh là vô tướng mà vì chúng sanh tu tập từ tâm. Đây gọi là Bồ Tát phá hoại ma nghiệp.

Nếu quán các pháp tánh là vô nguyên, vì các chúng sanh chí tâm cầu vào các cỗi, đã cầu vào các cỗi rồi tùy theo mà điều phục. Đây gọi là Bồ Tát phá hoại ma nghiệp.

Quán tất cả các pháp tánh là vô tham, tánh của chúng sanh cũng là vô tham, vì điều phục tham mà nhiếp thủ chúng sanh. Đây gọi là Bồ Tát hay phá ma nghiệp.

Quán tất cả các pháp tánh là vô sân, tánh của chúng sanh cũng là vô sân, vì điều phục sân mà nhiếp thủ chúng sanh. Đây gọi là Bồ Tát phá hoại ma nghiệp.

Quán tất cả các pháp tánh là vô si, tánh của các chúng sanh cũng là vô si, vì điều phục

si mà nhiếp thủ chúng sanh. Đây gọi là Bồ Tát hay phá hoại ma nghiệp.

Quán tất cả các pháp tánh vô sanh diệt, vì phá sanh diệt nên tuyên nói chánh pháp. Đây gọi là Bồ Tát hay phá ma nghiệp.

Quán tất cả các pháp tánh là bình đẳng, dầu nói ba thừa mà chẳng bỏ Đại thừa. Đây gọi là Bồ Tát hay phá hoại ma nghiệp.

Nếu chẳng tham trước tâm ý thức, cũng hay xa lìa tất cả nhơn duyên, vì các chúng sanh được giải thoát nên tu trị trang nghiêm. Dầu siêu quá các hành mà trọn chẳng bỏ lìa sở hành của Bồ Tát. Đây gọi là Bồ Tát hay phá ma nghiệp”.

Lúc đức Thế Tôn nói pháp ấy, thiên ma Ba Tuần trang nghiêm bốn binh chủng kéo đến đại bửu phương đình như lúc trước chúng kéo đến cây Bồ đề.

Đức Như Lai thấy rồi bảo Hải Huệ Bồ Tát rằng : “Ông nói ma nghiệp, Phật nói phá ma, vì vậy mà ma vương Ba Tuần trang nghiêm bốn binh chủng kéo đến đây, ông thiết kế gì để chống ngăn họ”.

Hải Huệ Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nay tôi muốn mang ma vương Ba Tuần cùng

tất cả quyền thuộc họ để tại nước Trang Nghiêm, thân tôi sẽ ở chỗ ma ở”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Hải Huệ Bồ Tát rằng : “Nước Trang Nghiêm ấy cách đây bao xa, Phật ấy hiệu là gì ?”.

Hải Huệ Bồ Tát nói : “Thưa Ngài Xá Lợi Phất ! Nước Trang Nghiêm cách đây về phương Đông quá mười hai hàng hà sa thế giới, nước ấy có Phật tại thế hiệu là Phá Nghi Tịnh Quang đang vì chư Bồ Tát nói tịnh Bồ Tát hạnh. Đại Thiên thế giới nước Trang Nghiêm ấy có một ức ma vương, mỗi ma vương có mười ngàn ức bốn binh chủng quyền thuộc. Lúc Phật Phá Nghi Tịnh Quang mới đến ngôi Bồ đề thọ, tất cả ma vương ấy đều đồng trang nghiêm bốn binh chủng đến chỗ Bồ Tát ngôi. Bồ Tát trước vì chúng ma giảng tuyên chánh pháp cho họ được trụ bực bất thối chuyển rồi sau mới thành Vô thượng Bồ đề chuyển chánh pháp luân. Các đại đệ tử và các thị giả của đức Phật Phá Nghi Tịnh Quang đều là ma cả, các ma ấy đều hay giáo hóa điều phục chúng sanh. Vì có ấy nên nay tôi muốn đem ma vương Ba Tuần an trí cõi nước Trang Nghiêm để phá sở hành ma

nghiệp của nó, cũng để trang nghiêm vô thượng chánh pháp của Như Lai”.

Thiên ma Ba Tuần nghe lời nói trên đây lòng rất kinh sợ ngó bốn phía muốn tìm chỗ rút lui, mà bốn phương đều chuống ngại đi chẳng được, muốn ẩn thân cũng chẳng được, lại càng sợ hãi mới bạch đức Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Cầu mong đức đại từ cứu hộ cho”.

Đức Phật nói : “Này Ba Tuần ! Với sự việc này ta chẳng tự tại được. Người nên hướng về Hải Huệ Bồ Tát mà cầu xin sám hối”.

Ma vương Ba Tuần liền hướng về Hải Huệ Bồ Tát chấp tay nói rằng : “Bạch Đại Sĩ ! Từ ngày hôm nay tôi chẳng còn dám làm ma nghiệp như vậy nữa. Cầu mong Đại Sĩ cho tôi sám hối”.

Hải Huệ Bồ Tát nói : “Với ông ta trọn không có hờn giận. Pháp của Bồ Tát thường phải nhẫn nhục tất cả chúng sanh.

Này Ba Tuần ! Ông nên qua nước Trang Nghiêm kính lễ đức Pháp Nghi Tịnh Quang Như Lai, ông sẽ được vô lượng lợi ích”.

Hải Huệ Bồ Tát liền lấy tay hữu xoa đánh ma vương mà nói rằng nếu chư Bồ Tát ở trong

các pháp không có xan lẫn thì do thần thông của ta khiến người đến thế giới của đức Phật ấy.

Hải Huệ Bồ Tát nói xong, ma vương Ba Tuần liền đến nước Trang Nghiêm thấy Phật kính lễ rồi đứng ở một phía.

Chư Bồ Tát nước ấy bạch Phật Phá Nghi Tịnh Quang rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Quốc độ nào mà có những người bất tịnh như vậy đến tại đây ?”.

Đức Phật Phá Nghi Tịnh Quang nói : “Các thiện nam tử ! Phương Tây quá mười hai hằng hà sa thế giới, có thế giới tên là Ta Bà, Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Vì vô số vô lượng chư Bồ Tát nói Đại Tập kinh. Nơi ấy có Bồ Tát hiệu là Hải Huệ, lúc Hải Huệ Bồ Tát nói ma nghiệp, ma vương nầy đem bốn binh chủng đến tại đại hội. Hải Huệ Bồ Tát dùng thần thông dời nó đến tại đây”.

Chư Bồ Tát ở nước ấy bảo Ba Tuần rằng : “Nay ông nên phát tâm Vô thượng Bồ đề xa lìa ma nghiệp, chúng ta cùng ông sẽ là bạn đồng học.

Nghe lời khuyên bảo ấy, ma vương Ba Tuần liền phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Chư Bồ Tát ấy liền thỉnh Ba Tuần lên ngôi tòa sư tử rồi hỏi rằng nghe đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì đại chúng nói kinh Đại Tập, vậy có sự gì xin ông nói lại cho.

Thừa sức thần thông của Hải Huệ Bồ Tát, Ba Tuần tuyên nói chỗ được nghe không sót mất một câu một chữ”.

Chư Bồ Tát bạch đức Phật Phá Nghi Tịnh Quang Như Lai rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi nguyện muốn được thấy Phật Thích Ca Mâu Ni cùng đại chúng chư đại Bồ Tát ở Ta Bà thế giới”.

Đức Phá Nghi Tịnh Quang Như Lai nói : “Nên chờ trong chốc lát các ông sẽ được thấy”.

Tại pháp hội trong đại bửu phùng đình, chư Bồ Tát bạch đức Thích Ca Mâu Ni rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi muốn được thấy ma vương Ba Tuần ở thế giới trang nghiêm làm những sự việc gì”.

Đức Thế Tôn quan sát tâm chúng sanh ở thế giới này cùng ở thế giới kia rồi bảo Hải Huệ Bồ Tát rằng : “Này Hải Huệ ! Nay ông nên hiển thị thế giới Ta Bà này cho chư Bồ Tát cõi Trang Nghiêm kia được thấy”.

Từ nơi mười ngón tay mình, Hải Huệ đại Bồ Tát phóng đại quang minh chiếu suốt qua mười hai hàng hà sa Phật thế giới soi sáng khắp cõi Trang Nghiêm. Đại chúng nơi đây đều thấy cõi ấy, thấy Phật Phá Nghi Tịnh Quang, thấy đại chúng chư Bồ Tát, cũng thấy ma vương Ba Tuần ngồi tòa sư tử tuyên nói Đại Tập kinh. Chư Bồ Tát ở đây liền từ chỗ ngồi đứng dậy hướng về cõi Trang Nghiêm đánh lễ đức Phật Phá Nghi Tịnh Quang Như Lai và rải các thứ hoa để cúng dường, những hoa được rải ở cõi Trang Nghiêm kia biến làm hoa đài.

Chư Bồ Tát ở cõi Trang Nghiêm bạch đức Phật Phá Nghi Tịnh Quang rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Hoa đài này từ đâu đến đây ?”.

Đức Phá Nghi Tịnh Quang Như Lai nói : “Này các thiện nam tử ! Đó là hoa được rải cúng dường từ chư Bồ Tát ở cõi Ta Bà vậy”.

Chư Bồ Tát ấy bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Làm sao chúng tôi được thấy cõi Ta Bà ?”.

Đức Phật ấy nói : “Này thiện nam tử ! Nay các ông nên kính lễ quang minh ấy và chí tâm niệm trì thì tự mình sẽ được thấy thế giới Ta Bà của Phật Thích Ca Mâu Ni”.

Chu Bồ Tát ấy tuân lời Phật kính lễ quang minh và chí tâm niệm trì liên được thấy Ta Bà thế giới. Thấy rồi chu Bồ Tát ấy đứng dậy vói lễ Thích Ca Mâu Ni Phật và rải các hương hoa để cúng dường. Lại thấy cõi Ta Bà đầy nước trong đúng như là đại hải. Những hoa được rải ấy đến trong đại bửu phùng đình biến thành bửu cái che trên đỉnh Phật Thích Ca Mâu Ni.

Bấy giờ ma vương Ba Tuần bạch đức Phá Nghi Tịnh Quang Như Lai rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nay tôi muốn trở về Ta Bà thế giới thì phải làm thế nào ?”.

Đức Phá Nghi Tịnh Quang nói : “Nầy thiện nam tử ! Nếu muốn trở về ông phải chí tâm niệm Hải Huệ Bồ Tát”.

Ma vương Ba Tuần nghe lời Phật liền chí tâm niệm Hải Huệ Bồ Tát, niệm rồi liền về đến pháp hội đại bửu phùng đình”.

Tôn giả Xá Lợi Phất thấy ma vương Ba Tuần liền hỏi rằng : “Nầy Ba Tuần ! Ông có thấy Phật thế giới Trang Nghiêm chăng ?”.

Ma vương Ba Tuần nói : “Tôn giả Xá Lợi Phất ! Tôi đã thấy, cũng thấy chỗ ở của các Bồ Tát thanh tịnh nơi cõi ấy”.

Tôn giả Xá Lợi Phất nói : “Ông ở cõi ấy có làm ma nghiệp chăng ?”.

Ma vương Ba Tuần nói : “Thưa đại đức ! Tôi đến cõi ấy chí tâm cầu Vô thượng Bồ đề, có cố gì mà lại làm ma nghiệp. Nếu có người lúc chí tâm cầu Bồ đề mà thấy ma nghiệp, người nầy liền được siêng tu tinh tiến”.

Lúc thấy ma vương Ba Tuần trở về cõi nầy, có sáu vạn chúng sanh và mười ngàn chúng ma đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề đồng thanh nói rằng : “Nguyện cho chúng tôi thọ lấy thân hình đồng như thân hình của Bồ Tát ở cõi nước Trang Nghiêm”.

Hải Huệ Bồ Tát bạch đức Phật rằng : “Vì Vô thượng Bồ đề có nhiều oán địch. Lành thay đức Thế Tôn vì hộ pháp mà kiến lập thần thông. Do sức thần thông mà kinh nầy được còn lâu ở thế gian”.

Đức Phật nói : “Nầy Hải Huệ ! Nay Phật lập thiện nguyện thần thông để trồng các căn lành cho các chúng sanh”.

Đức Thế Tôn bảo bốn vị Thiên Vương : “Các Thiên Vương nên biết nếu hàng đệ tử của Phật, các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, các Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thọ trì đọc tụng thơ tả rộng

nói những kinh điển Đại thừa như vậy. Tú Thiên Vương các ông nên hộ trợ kỹ chớ vì dục lạc mà phóng dật. Nay Phật xuất thí vì phá phóng dật hộ trì chánh pháp mà nói chú rằng :

Tam mễ, tam ma tam mễ, mạt dốn nễ, bà la ba đế, đà nễ, đà na bạt đế, đầu di đà na bạt đế, a bà tán đề, ma ha mễ, tỳ ma xà tỳ la đề, ca la đề, ca la na, a lê, a la bạt đế, a mễ bà tán đề, niết già đản ni, a bạt kỳ, mạt đề, ma hô mạt đề, ma la di đề, tỳ thủ đề, tỳ thủ đề bạt kỳ, ni tát mễ mạt hản nê.

Nầy các thiện nam tử ! Đây gọi là Tú Vương chú. Nếu có Pháp sư nào thọ trì kinh này thì nên tụng chú ấy. Tụng rồi tu từ tâm duyên niệm mười phương, chí tâm nhớ đến Tú Vương. Bấy giờ Tú Vương thường hiện ra trong giấc mộng, hoặc tự qua thủ hộ”.

Tú Thiên Vương bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi, Tú Vương lúc nghe chú này rồi liền cùng quyến thuộc đến chỗ Pháp sư ủng hộ thị vệ. Nếu Pháp sư ấy cần món dùng, chúng tôi phương tiện khiến được món ấy, xa lìa bệnh khổ, thân hưởng an lạc”.

**Đức Thế Tôn bảo Hải Huệ đại Bồ Tát rằng :
“Ông nay chí tâm nghe Thiên Đế Thích chú.**

**Xà gia, xà gia mật đế, a bạt đế, tỳ bạt kỳ,
ma câu mẽ, tư đà bạt kỳ, thân nê, chiêm đế
yết mẽ, đàn đề đàm ma ni, đa ca mẽ, xoa gia
xoa gia mục khu, a bạt đế na, sa kỳ, sa kỳ tán
đề.**

**Đến đây Kiều Thi Ca ! A Tu La bại hoại,
chư Thiên thì thắng lợi. Vì chư Thiên thắng
lợi nên Phật pháp tăng trưởng. Nầy Kiều Thi
Ca ! Nếu muốn hưởng an lạc thì nên hộ trì
chánh pháp.**

**Nầy Hải Huệ ! Đây gọi là Thiên Đế Thích
chú. Nếu có Pháp sư lúc muốn thuyết pháp
nên trước tắm rửa cho thân thể sạch sẽ, cầm
hương hoa tốt hướng về phía Đông kính lễ
chí tâm nhớ tưởng mười phương chư Phật từ
tâm khắp đến tất cả chúng sanh, sau đó mới
lên ngôi pháp tòa sư tử tụng chú này mà nói
rằng : Kiều Thi Ca đến đây, Tứ Thiên Vương
đến đây vì hàng đại chúng mà trừ dẹp chướng
ngại tiêu diệt phiền não. Bấy giờ vì nhớ đến
Pháp sư nên Thiên Đế Thích và Tứ Thiên
Vương đồng đến pháp hội làm cho đại chúng
thích nghe thuyết pháp.**

Nầy Hải Huệ ! Nay ông lại lắng nghe chú của chu Thiên Ma mười phương và quyền thuộc của họ.

Xa mẽ, xa ma bạt kỳ, xa ma mật đề, a phù mẽ, ma la hốt kỳ, mông quật mẽ, bà la đề ca do lê, kỳ kỳ bạt kỳ, a lô ca ni, tỳ xá trà ni, ni mật kỳ, a bạt trì, khu khu mẽ già la tát ni, ưu mục xí, xa mật kỳ, ba la mục xí, bàn đàn na niết già hi, xa ma thí.

Nầy Hải Huệ ! Sức lực của chú nầy có thể buộc trói tất cả ma chúng tất cả luận sư, đây gọi là Phật ấn, tất cả oán địch ma quyền thuộc chẳng thể phá hoại được.

Nếu có Pháp sư thọ trì đọc tụng chú nầy lúc thăng sư tử tòa chuyên niệm chu Phật lòng từ đến tất cả chúng sanh. Tự thân mình thì tướng là y sư, chánh pháp được nói ra tướng là pháp được, người nghe pháp tướng là bình khổ, với Phật Như Lai tướng là thiện hữu, với chánh pháp tướng là thường hằng. Nếu có thể được như vậy thì lúc thuyết pháp, chỗ ấy bốn phía cách một do tuần ma chẳng đến được”.

Ma vương Ba Tuần bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu đệ tử Phật có thể đọc tụng thân chú ấy thân họ thanh tịnh tôi sẽ ủng hộ chẳng

làm ma nghiệp. Tôi do sức thần thông của Hải Huệ Bồ Tát bỏ hết ma nghiệp. Tùy nơi nào hoặc thành ấp tụ lạc có người nói pháp này, tôi sẽ hóa thân đến nghe lãnh thọ”.

Đức Phật nói : “Lành thay lành thay, này Ba Tuần ! Nếu ông có tâm như vậy thời phá hoại ma nghiệp, ông cũng sẽ được các pháp như vậy.

Này Hải Huệ ! Ông lại nên chí tâm nghe Phạm Thiên chú :

Mê đa già mễ, ca lâu na già mễ, vô kinh da già mễ, ưu tỳ xoa già mễ, phật đà già mễ, đàm ma già mễ, tăng già già mễ, tô yết đa tỳ xa gia, ma ha tỳ đàn ni, tỳ thú đề mục xí, ni ba mễ đà gia, ô xà bạt kỳ, ô xà nghiêm di, nại đàn ni, đàm ma ba kỳ tra bạt ni, tát giá kỳ ưu ba bạt kỳ, tỳ thú đề, sa chiết đa ưu ba xá di, ô lô ca gia phạm ma, tỳ lô ca gia phạm ma.

Này Hải Huệ ! Nếu người muốn thọ trì đầy đủ Phạm Thiên chú thì nên tu hành phạm hạnh thanh tịnh trì giới đọc tụng chú này để thỉnh mời Phạm Thiên : Này Phạm Thiên ! Ông đến đây ủng hộ đại chúng này khiến họ chí tâm thích nghe chánh pháp niệm tưởng Tam bảo chuyển chánh pháp luân hộ trì pháp thành.

Nếu có Pháp sư hay điều các căn chí tâm giữ gìn thanh tịnh thân khẩu ý riêng tu giới nhẫn tịnh tiến đa văn phát tâm Bồ đề tu tứ vô lượng mà lên ngôi pháp tòa tụng chú nầy. Khi tụng chú nầy rồi thì Phạm Thiên Vương cùng quyến thuộc chư Phạm Thiên đều đến tập họp tại chỗ giảng pháp”.

Bấy giờ Phạm Thiên Vương bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có Pháp sư đọc tụng chú nầy, tôi ở Trời Sơ Thiên nghe biết sẽ bỏ thiên đình lạc đến chỗ pháp sư thí cho tám pháp : một là thí niệm vì nhớ lấy pháp được nghe vậy, hai là thí huệ vì suy gẫm pháp thậm thâm vậy, ba là thí giải vì phân biệt nghĩa thậm thâm vậy, bốn là thí lạc thuyết vô ngại vì phá tâm nghi vậy, năm là thí từ vô ngại vì hiểu ngữ ngôn tất cả chúng sanh vậy, sáu là thí vô sở úy vì chúng không ai hơn vậy, bảy là thí pháp quang minh vì nói chẳng sai lầm vậy, tám là thí cho thọ ký chẳng lầm vậy.

Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi cũng có thể rộng tuyên nói pháp thậm thâm nầy”..

Đức Phật nói với Hải Huệ đại Bồ Tát : “Sau khi Phật Niết bàn, chư Thiên nầy sẽ hộ trì chánh pháp Như Lai”.

Hải Huệ đại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Sau khi đức Như Lai chánh giác Niết bàn, nếu có người chánh tín thì nên đem pháp này phó chúc cho người ấy khiến pháp Phật còn lâu”.

Đức Thế Tôn phóng ánh sáng lông trắng giữa chạng mày chiếu khắp Đại Thiên thế giới hóa thân Như Lai đầy chật trong ánh sáng ấy đều có đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm đầy đủ, hóa thân Như Lai ấy số nhiều như số những cỏ cây thân lóng nhánh lá cả cõi Đại Thiên. Các Hóa Phật ấy đồng xưng lên rằng : “Muội phương chư Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai đồng nguyện chánh pháp còn lâu thế gian. Tại sao vậy ? Dầu có tất cả ác ma quyến thuộc cũng chẳng có thể phá hoại những pháp Đại thừa thậm thâm như vậy được. Đại địa có thể phá hoại được, đại hải có thể đốt cháy được, núi Tu Di có thể đập nát như vi trần được, tâm của các chúng sanh có thể hiệp thành một được, hư không có thể cùng tận được, tứ đại chủng có thể chuyển đổi được, thế nguyện của chư Phật chẳng thể biến đổi được.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A Nan rằng : “Này A Nan ! Ông nên thọ trì kinh điển này đọc tụng giải nói rộng ra”.

Hải Huệ đại Bồ Tát nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Nay trong pháp hội này có rất đông vô lượng chư đại Bồ Tát, đức Thế Tôn có duyên cớ gì mà chỉ đoái bảo riêng A Nan thọ trì kinh điển này”.

Lúc bấy giờ các đại chúng đều có lòng nghi rằng : “Hải Huệ đại Bồ Tát cùng Tôn giả A Nan ai có niệm tâm nhiều”.

Đức Thế Tôn biết lòng nghi của đại chúng liền hỏi Tôn giả Đại Ca Diếp : “Này Đại Ca Diếp ! Số lượng chúng sanh trong toàn cõi Đại Thiên có nhiều chăng ?”.

Tôn giả Đại Ca Diếp nói : “Rất nhiều, bạch đức Thế Tôn”.

Đức Phật nói : “Này Đại Ca Diếp ! Giả sử tất cả vô lượng chúng sanh ấy đều được thân người thường hỏi Như Lai luôn, Như Lai giải nói không có cùng tận không có chuống ngại.

Này Đại Ca Diếp ! Như trời mưa không bị chuống ngại, tất cả các dòng nước chảy về biển cả, mà đại hải ấy không tăng không giảm.

Khả năng thọ trì mười phương Phật pháp của Hải Huệ đại Bồ Tát cũng như vậy.

Nầy Đại Ca Diếp ! Giả sử tất cả chúng sanh toàn cõi Đại Thiên có đủ sức tổng trì bằng A Nan mà muốn so sánh với chỗ thọ trì của Hải Huệ đại Bồ Tát thì chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, chẳng bằng một phần trăm ngàn vạn”.

Lúc đức Phật nói pháp ấy, có trăm ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề đem diệu hoa hương dâng cúng Hải Huệ đại Bồ Tát.

Liên Hoa Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có người hay tín thuận thọ trì đọc tụng thơ tả giải thuyết nghĩa kinh này và cúng dường cung kính kinh điển này thì được bao nhiêu phước đức ?”.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng :

**Nếu đầy cả Đại Thiên thế giới
Bảy báu cúng dường mười phương Phật
Chẳng bằng tín thuận kinh điển này
Thọ trì đọc tụng phước hơn kia
Bốn pháp làm thành các công đức
Phật nói số vô lượng vô biên**

**Phát tâm Bồ đề thường pháp thí
Nhu pháp trụ tu tập đại bi
Phật nói bốn pháp vô biên lượng
Người trí nghe xong chẳng kinh sợ
Hu không tánh và chúng sanh giới
Phật chánh trí và Bồ đề tâm.**

Lúc đức Phật nói khối pháp bửu như vậy, chư Bồ Tát từ mười phương đến đem diệp hương hoa các thứ kỹ nhạc cúng dường đức Phật, tôn trọng tán thán đồng nói rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có người hay thọ trì đọc tụng thơ tả giải thuyết kinh điển này thì được công đức chẳng cân lường được, mười phương chư Phật nói cũng chẳng hết. Tại sao vậy ? Bạch đức Thế Tôn ! Nếu chúng sanh nghe được kinh này thì không ai chẳng phát tâm Vô thượng Bồ đề, vì vậy mà kinh này gọi là khối đại bửu”.

Đức Phật nói kinh này rồi, tất cả đại chúng Người Trời, tất cả hàng Thanh Văn và Tôn giả A Nan, Thiên Long Bát Bộ và người thế gian đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

**PHÁP HỘI HẢI HUỆ BỒ TÁT - THỨ NĂM MƯƠI BỐN
HẾT**

LV
PHÁP HỘI
HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

THỨ NĂM MUOI LĂM

(*Hán bộ từ quyển 137 đến quyển 141*)

Hán dịch : Tam Tạng Đàm Vô Sấm.

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Như vậy tôi nghe một lúc đức Phật ở trên nhà Diệu Bửu Trang Nghiêm giảng đường chỗ sở hành của Như Lai.

Như Lai oai thần đại công đức trang nghiêm đầy đủ các tướng tốt. Nhon nơi bốn hành Phật địa được báo cung điện Bồ Tát xung tán vô lượng, do thần lực Như Lai kiến lập, nhập vô ngại trí hành xứ sanh hỷ duyệt thù thắng, tư duy quán niệm tinh tiến trí huệ phân biệt xảo thuyết các công đức như vậy đều đầy đủ. Được đời sau khen rằng : Đức Thế Tôn Chánh giác khéo chuyển pháp luân, khéo có thể điều thuận tất cả chúng sanh, ở trong các pháp đều được tự tại, biết các chúng sanh tâm họ hướng đến chỗ nào, khéo có thể rớt ráo phân biệt tất cả các căn, khéo dứt hết những

tập khí không còn dư, Phật sự được làm tự nhiên thành tựu. Cùng chúng đại Tỳ Kheo sáu trăm vạn người câu hội. Chư đại Tỳ Kheo ấy tâm đã điều nhu kiết sử đã dứt, đều là con của Như Lai Pháp Vương hành pháp thậm thâm, khéo có thể biết rõ pháp vô sở hữu, thân các Ngài đoan chánh xinh đẹp đầy đủ oai nghi, đều là đại phước điền an trụ trong giáo pháp của đức Như Lai.

Còn có chư đại Bồ Tát Tăng câu hội. Chư đại Bồ Tát này đã qua khỏi tất cả các hành mà chẳng bỏ sở hành của Bồ Tát, được vô sanh nhẫn mà đối với các chúng sanh chẳng xả đại bi, quá các thế gian mà thuận thế pháp siêng hóa độ chúng sanh, cũng có thể khéo nhập vào chỗ sở hành của Như Lai, mà lại chẳng rời chỗ sở hành của Bồ Tát. Danh hiệu các Ngài là : Nhứt Phổ Minh Bồ Tát, Vô Ngại Nhân Bồ Tát, Nhứt Thiết Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát, Vô Ngại Hành Xứ Bồ Tát, Phân Biệt Biện Giác Bồ Tát, Tịnh Vô Lượng Vô Ngại Minh Đăng Vương Bồ Tát, Bất Nhiễm Hành Xứ Bồ Tát, Hoại Ma Giới Phóng Quang Minh Bồ Tát, có bất khả kể a tăng kỳ bất khả tư bất khả xưng bất khả lượng vô tể hạn bất khả thuyết Bồ Tát Ma ha tát như vậy câu hội.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nói hạnh xuất yếu của chu Bồ Tát gọi là vô ngại pháp môn, trang nghiêm Bồ Tát đạo thành tựu Phật pháp thập lục tứ vô sở úy, được biết các pháp tự tại nhập vào môn ấn đà la ni, nhập vào môn phân biệt biện luận, nhập vào môn đại thần thông, nhập vào môn bất thối chuyển luân chu thừa bình đẳng, nhập vào môn nhứt tướng pháp giới vô phân biệt, nhập vào môn thuyết pháp tùy chúng sanh căn giải liễu sai biệt, nhập vào môn kiên pháp phân biệt phá ma giới thiện thuận tư duy, nhập vào môn vô ngại trí huệ đoạn trừ kiết sử kiến chấp, nhập vào môn vô đẳng nguyện phương tiện trí, nhập vào môn chụ Phật đẳng trí, nhập vào môn chu pháp vô ngại như thiết phân biệt, nhập vào môn vô biến dị bình đẳng pháp, nhập vào môn thậm thâm thập nhị nhân duyên, nhập vào môn công đức trí huệ trang nghiêm Phật thân khẩu ý, nhập vào môn kiên cố tư duy tinh tiến niệm huệ vô tận, nhập vào môn tứ thánh đế vì điều phục hàng Thanh Văn vậy, nhập vào môn viễn ly thân tâm hành vì điều phục hàng Bích Chi Phật vậy, nhập vào môn thọ ký Nhứt thiết trí, vì điều phục hàng Bồ Tát vậy, nhập vào môn chu pháp tự tại vì hiển

Phật công đức vậy, khai thị giải nói hiển thị cho người được điều phục khiến họ được hiểu, dạy họ đọc sắp đặt thứ tự mở bày phân biệt khiến dễ tùy thuận chánh thuyết.

Lúc đức Thế Tôn khéo phân biệt phương tiện nhập vào Phật pháp như vậy, toàn cõi Đại Thiên thế giới này, tất cả sắc màu hình tượng như núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu Di, các hắc sơn, tứ thiên hạ, thành ấp tụ lạc trong Diêm Phù Đề, đại hải giang hà, cỏ cây lùm rừng, cung điện của Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, cung điện của Địa Thần, của Hư Không Thần, cung điện của Trời Tứ Vương Thiên, Đạo Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, cung điện của Phạm Thiên đến Sắc Cứu Cánh Thiên, cùng sắc thân của các chúng sanh thấy đều bị che ẩn mắt không thấy được, dường như là lúc kiếp tận sau khi hỏa tai khởi cả đại địa đều cháy tan mà đại thủy chưa xuất hiện, lúc bây giờ không còn có một màu sắc một hình tượng nào làm đối tượng cho nhãn căn cả. Cõi Đại Thiên thế giới lúc bây giờ cũng giống như vậy không có một chút hình sắc nhiếp về Dục giới và Sắc giới, duy

trừ những sắc tượng được thấy trong nhà Diệu Bửu Trang Nghiêm Đường.

Bấy giờ ở hư không nơi chẳng có y tựa phía trên nhà Diệu Bửu Trang Nghiêm Đường, tự nhiên có vô lượng trăm ngàn na do tha bửu đài trang nghiêm vi diệu được thể gian thích thấy, như thế giới Đại Diệu trang nghiêm quốc độ của đức Phật Nhứt Bửu Trang Nghiêm đài báu của chư Bồ Tát ngồi. Các đài báu này cũng như vậy thấy chư đại chúng ngồi trong bửu đài.

Trong nhà Diệu Bửu Trang Nghiêm Đường tự nhiên hiện ra tòa sư tử bằng chơn kim tịnh diệu cao mười ngàn do tuần, phát ra quang minh tịnh diệu soi khắp cõi Đại Thiên thế giới này, ánh sáng ấy làm luột mất ánh sáng của chư Bồ Tát.

Lúc bấy giờ đại chúng hoan hỷ hơn hờ tâm tình vui đẹp khen chưa từng có, chấp tay hướng Phật bạch rằng : “Đức Như Lai ngày hôm nay quyết định nói đại pháp nên hiện thoại ứng này”.

Tôn giả Xá Lợi Phất thừa oai thần của Phật, từ bửu tòa đứng dậy chỉnh lại y phục trích bày vai hữu gối hữu chấn đất chấp tay

hướng lên Phật mà bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đây là thoại tướng gì có những sự sanh lòng vui đẹp thù thắng phát hiện đại thần biến như vậy. Bạch đức Thế Tôn ! Đại chúng đây đều nghi hoặc, mong đức Như Lai nói nhơn gì duyên gì mà hiện ra sự vị tăng hữu này”.

Đức Phật nói : “Nầy Xá Lợi Phất ! Phương Đông cách đây quá số thế giới như số vi trần của tám Phật thế giới, có quốc độ tên Đại Trang Nghiêm, Phật hiệu Nhứt Bửu Trang Nghiêm Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn nay hiện tại thuyết pháp. Có nhơn duyên gì mà cõi ấy có tên là Đại Trang Nghiêm ? Vì những sự trang nghiêm ở cõi ấy dầu nói rộng ra đến một kiếp cũng chẳng hết, vì lẽ ấy mà có tên là Đại Trang Nghiêm.

Lại có nhơn duyên gì mà đức Phật ở cõi Đại Trang Nghiêm ấy hiệu là Nhứt Bửu Trang Nghiêm ?

Nầy Xá Lợi Phất ! Đức Như Lai ấy nhơn một báu mà thuyết pháp, đó là báu Đại thừa vô thượng vậy, do đây mà hiệu là Nhứt Bửu Trang Nghiêm Như Lai.

Đức Phật Nhứt Bửu Trang Nghiêm ấy cùng chư Bồ Tát đều lên ngôi tòa sư tử vọt ở hư không cao bằng tám mươi ức cây đa la, Phật vì chư Bồ Tát nói pháp môn hư không ấn.

Sao gọi là pháp môn hư không ấn ?

Nhu tất cả pháp lấy hư không làm môn vì không có trụ xứ vậy, môn vô trụ xứ của tất cả pháp vì không có hình tướng vậy, môn vô hình tướng của tất cả pháp vì quá các hành xứ vậy, môn vô hành xứ của tất cả pháp vì trong ngoài thanh tịnh vậy, môn thanh tịnh của tất cả pháp vì tánh nó không ô nhiễm vậy, môn vô nhiễm của tất cả pháp vì tự tánh tịch tĩnh vậy, môn tịch tĩnh của tất cả pháp vì vốn không có tâm ý thức vậy, môn vốn không của tất cả pháp vì rời lìa vật và chẳng phải vật vậy, môn không có vật của tất cả pháp vì không có giáo tướng vậy, môn không có giáo tướng của tất cả pháp vì không có hình đoạn vậy, môn không có hình đoạn của tất cả pháp vì rời lìa như duyên cảnh giới vậy, môn không có như duyên cảnh giới của tất cả pháp vì tướng tịch diệt vậy, môn tịch diệt của tất cả pháp vì rời lìa hai tướng vậy, môn vô nhị của tất cả pháp vì xả biệt dị vậy, môn không có

dị biệt của tất cả pháp vì nhập vào nhứt tướng vậy, môn nhứt tướng của tất cả pháp vì tự tướng thanh tịnh vậy, môn tự tướng thanh tịnh của tất cả pháp vì quá tam thế vậy, môn quá tam thế của tất cả pháp vì chẳng rời bình đẳng vậy, môn chẳng rời bình đẳng của tất cả pháp vì tướng ảo hóa chẳng phải tướng vậy, môn ảo hóa tướng của tất cả pháp vì thể chẳng thiệt vậy, môn không có thể của tất cả pháp vì không có tác tướng vậy, môn vô tác của tất cả pháp vì thân tâm xa lìa vậy, môn viễn ly của tất cả pháp vì lìa tướng lìa vô tướng vậy, môn vô tướng của tất cả pháp vì tướng bất động vậy, môn tướng bất động của tất cả pháp vì không có chỗ y dựa vậy, môn không có y xứ của tất cả pháp vì an trụ vô tế vậy, môn không có tế hạn của tất cả pháp vì không có ổ hang vậy, môn không có ổ hang của tất cả pháp vì không có ngã không có ngã sở vậy, môn không có ngã ngã sở của tất cả pháp vì không có chủ vậy, môn vô chủ của tất cả pháp vì tánh vô ngã vậy, môn vô ngã của tất cả pháp vì nội thanh tịnh vậy.

Nầy Xá Lợi Phất ! Đức Nhứt Bửu Trang Nghiêm Như Lai vì chư Bồ Tát mà nói rộng pháp môn hư không ẩn như vậy. Lúc đức Như

Lai ấy nói pháp có vô lượng a tăng kỳ chu Bồ Tát hiểu biết các pháp tánh cùng hư không bình đẳng, ở trong các pháp được vô sanh nhẫn.

Này Xá Lợi Phất ! Ở quốc độ Đại Trang Nghiêm ấy, chỗ Phật Nhứt Bửu Trang Nghiêm có một đại Bồ Tát tên là Hư Không Tạng dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm, nơi các nguyện bất khả tư nghị là tối thắng hơn cả, được oai đức trong tất cả công đức, được vô ngại tri kiến bất khả tư nghị, dùng Bồ Tát công đức để tự trang nghiêm, dùng các tướng hảo để trang nghiêm thân mình, tùy chúng sanh đáng được độ dùng thiện thuyết pháp trang nghiêm miệng mình, dùng bất thối định trang nghiêm tâm mình, dùng các tổng trì trang nghiêm niệm, nhập vào các pháp vi tế trang nghiêm ý, thuận quán pháp tánh trang nghiêm tinh tiến, dùng kiên cố thế trang nghiêm chí thuận, dùng quyết định xong trang nghiêm việc được làm, từ nhứt địa đến nhứt địa trang nghiêm cứu cánh, xả các sở hữu trang nghiêm bố thí, dùng tâm thanh tịnh lời nói lành trang nghiêm giới, với các chúng sanh tâm không chuống ngại trang nghiêm nhẫn nhục, các sự việc đều trọn đủ trang nghiêm tinh tiến, nhập định du hí thần thông trang

nghiêm thiên, khéo biết phiên não tập khí trang nghiêm Bát Nhã, vì cứu hộ chúng sanh trang nghiêm từ tâm, chẳng bỏ rời các chúng sanh trang nghiêm lòng bi, tâm không do dự trang nghiêm nơi hỷ, rời lìa các ghét thương trang nghiêm nơi xả, du hí các thiền định trang nghiêm thần thông, được tay vô tận bửu trang nghiêm công đức, phân biệt rõ tâm hành các chúng sanh trang nghiêm trí, dạy chúng sanh những pháp lành trang nghiêm nơi giác, được huệ sáng sạch trang nghiêm huệ minh, được đúng nghĩa pháp và từ trang nghiêm biện tài, phá ma và ngoại đạo trang nghiêm những vô úy, được Phật vô lượng công đức để tự trang nghiêm, thường dùng các lỗ lông thuyết pháp để trang nghiêm nơi pháp, thấy pháp minh của chư Phật để trang nghiêm tự mình, hay soi sáng các Phật quốc độ để trang nghiêm quang minh, lời nói không có lỗi lầm để trang nghiêm sở thuyết, thần thông theo chỗ thích nói để trang nghiêm giáo thọ, thần thông đến rớt ráo bốn thân tức để trang nghiêm biến hóa, thần thông nhập vào chỗ bí mật của Phật để trang nghiêm chư Như Lai, thần thông tự giác ngộ chánh trí để trang nghiêm pháp tự tại, như thuyết mà làm không gì có thể phá

hoại được để trang nghiêm tất cả thiện pháp kiên cố.

Nầy Xá Lợi Phất ! Hư không Tạng đại Bồ Tát ấy thành tựu vô lượng công đức như vậy, nay cùng mười hai ức đại Bồ Tát đồng phát ý muốn đến thế giới Ta Bà nầy lễ lạy ta cúng dường cung kính vây quanh, cũng vì kính Đại Phổ Tập nầy mà phân biệt ít phần pháp môn, lại cũng vì chư Bồ Tát từ mười phương đến hội sanh đại pháp minh, lại vì tăng ích khai pháp Đại thừa, lại vì thọ trì Như Lai pháp, lại vì vô lượng chúng sanh phát sanh thiện căn, lại vì dùng thiện pháp điều phục các ma và ngoại đạo, lại vì thị hiện Bồ Tát du hí thần thông, vậy.

Hư Không Tạng Đại Bồ Tát ấy muốn đến đây nên trước có thoại ứng như vậy”.

Lúc đức Thế Tôn nói sự ấy rồi, Hư Không Tạng Bồ Tát cùng mười hai ức đại Bồ Tát cung kính vây quanh đồng đến chỗ đức Như Thích Bửu Trang Nghiêm Như Lai bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi muốn đến Ta Bà thế giới lễ bái cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni”.

Đức Nhứt Bửu Trang Nghiêm Phật nói :
“Các ông muốn qua đó thì tùy ý, nên phải biết
thời”.

Hu Không Tạng đại Bồ Tát cùng chúng
đại Bồ Tát liền đánh lễ chun Phật Nhứt Bửu
Trang Nghiêm, đi nhiều bên hữu bảy vòng,
thừa Phật du hí vô tác thần thông bỗng nhiên
chẳng hiện, trong thời gian khoảng một niệm,
đến nhà Bửu Trang Nghiêm Đường trên đài
Diệu Bửu.

Hu Không Tạng đại Bồ Tát mua diệp hoa
hương cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni,
cũng cúng dường kinh Đại Phổ Tập, đó là
những hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la,
hoa mạn thù sa, hoa ma ha mạn thù sa, hoa
ba lợi chất đa la, hoa ma ha ba lợi chất đa la,
hoa lô giá na, hoa ma ha lô giá na, các loại
hoa trên đất dưới nước lớn bằng bánh xe, hoa
trăm cánh, ngàn cánh, hoa trăm ngàn vạn cánh,
tất cả hoa đều phát ánh sáng, mùi hương vi
diệp, sắc hoa hương hoa làm vui đẹp tâm nhãn
mọi người. Những hoa thơm đẹp tươi sáng như
vậy tuôn xuống đầy trong nhà Diệu Bửu Trang
Nghiêm Đường chất cao một cây đa la. Còn
có các thú thiên nhạc phát ra tiếng vô lượng

pháp môn, những là tiếng nhạc hiệp với Đàn Ba la mật, Thi la Ba la mật, Nhẫn Ba la mật, Tiến Ba la mật, Thiên Ba la mật, Bát Nhã Ba la mật, tiếng nhạc hiệp với Tứ vô lượng tâm, hiệp với Tứ nhiếp pháp, hiệp với Trạo đạo pháp, hiệp với Tam giải thoát môn, hiệp với Tứ thánh đế, hiệp với Thập nhị nhơn duyên.

Cúng dường xong, Hư Không Tạng Bồ Tát đánh lễ chun Phật hữu nhiều bảy vòng rồi đứng qua một phía bạch đức Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đức Nhất Bửu Trang Nghiêm Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác thăm hỏi đức Thế Tôn ít bệnh ít nảo đi ở an ổn vui vẻ. Đức Nhứt Bửu Trang Nghiêm Như Lai lại còn nói có mười hai ức Bồ Tát cùng Hư Không Tạng Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới mong đức Thế Tôn vì họ nói pháp thậm thâm khiến họ được tự nhiên trí, cũng khiến họ thành tựu đại pháp quang minh rồi sẽ trở về quốc độ Đại Trang Nghiêm. Tại vì sao ? Do đức Thế Tôn từ xa xưa đã từng giáo hóa chúng Bồ Tát này phát tâm Vô thượng Bồ đề vậy”.

Bạch lời trên xong, Hư Không Tạng đại Bồ Tát, ngay trên đỉnh đức Thế Tôn, hóa hiện lọng báu lớn rộng mười ngàn do tuần, cán bằng

thanh lưu ly, cọng bằng chơn san hô bửu, lợp bằng lưu ly bửu và vàng diêm phù đàn, rũ thòng những mảnh lưới chuỗi ngọc bằng diệu chơn châu, có những linh những lạc reo tiếng hòa diệu. Lọng ấy phát sáng chiếu suốt mười phương cùng xen với các loại hoa hương đẹp sáng.

Đối với công đức bất tư nghị của đức Thế Tôn, Hu Không Tạng đại Bồ Tát lòng rất kính trọng chấp tay hướng lên Phật nói kệ khen ngợi rằng :

Pháp nghĩa trí huệ đấng Tối Thắng
Bổn tịnh vô cấu vô sở trước
Nhu hu không chẳng nhiễm ô
Tôi lạy dưới chân thánh bất động
Công hạnh không sánh không bờ đáy
Hiện pháp nghiêm thân rất thù thắng
Chơn pháp thân Phật như hu không
Khấp trùm đại bi mà tế độ
Nhơn Thiên Đạo Sư hay thị hiện
Trăm phước trang nghiêm thân Thế Tôn
Dứt các ngôn ngữ không âm vang
Lìa các ngôn thuyết không hí luận

Dầu biết như vậy mà hiện nói
Vô tánh chúng sanh khiến họ vui
Tâm chẳng phải tâm được tâm ấy
Biết được chẳng tâm tánh ảo hóa
Khéo biết chúng sanh tâm hành tánh
Mà hay chẳng trụ tâm bỉ ngã
Vì hiện oai nghi để độ chúng
Thân Thiện Thệ không tác chẳng tác
Phật biết chúng sanh theo chỗ thích
Liên hay thị hiện thân như vậy
Thế Tôn nơi pháp chẳng chấp ngã
Chẳng có nhớ tưởng trụ nơi pháp
Hay biết do pháp nào được độ
Rồi theo đáng nên nói đúng cơ
Đại chúng khát ngưỡng nhìn Thế Tôn
Hy hữu trong đời không gì sánh
Thế Tôn thị hiện mà vô tâm
Nhưng khiến đại chúng đều vui đẹp
Các pháp như vậy theo duyên sanh
Hư vô tịch mịch chẳng chơn thiệt
Thế Tôn khéo biết pháp như vậy
Được đến Niết bàn đạo thanh lương
Bỏ nhị biên chẳng trụ trung đạo

**Biết giả chẳng chon không tự tánh
Các pháp như vậy không tác giả
Khéo nói nghiệp quả chẳng đoạn
thường**

**Chẳng phải chúng sanh thọ mạng nhon
Tịch tĩnh không tên như hư không
Nhu thiết phân biệt không chúng sanh
An trụ đại chúng đến cam lộ
Xưa tu nhiều kiếp bất tư nghị
Cầu sức tinh tiến đại Bồ đề
Diệu hạnh được làm nay đã thành
Nghĩa đến không đến đều tỏ biết
Tất cả các pháp thượng trung hạ
Đều biết bình đẳng thường không khác
Người trí chỗ biết biết không chấp
Vì vậy Thế Tôn định không loạn
Ấm nhập xứ giới như ảo hóa
Tam giới đều như trăng trong nước
Chúng sanh hư ngụy tánh như mộng
Do trí phân biệt nói pháp ấy
Thế nhon giả xưng gọi đặc đạo
Thiết không có tướng đặc không đặc
Nhu đạo không đặc pháp không chuyển**

Như pháp không chuyển không người
độ

Thế nên độ chúng khỏi tử lưu
Tự độ độ tha hết điên đảo
Khéo hay an ủi người khổ não
Mình người diệt khổ đến vô vi
Chúng sanh không sanh không Niết bàn
Chúng sanh bốn tịnh bất khả đắc
Đạo và chúng sanh dường ảo mộng
Tự giác như vậy giác nhiều người
Như trong hư không chẳng thấy sắc
Tất cả chúng sanh sắc cũng vậy
Các pháp là sắc là tướng sắc
Biết được sắc ấy thì được là
Dùng các dụ hay khen ngợi Phật
Chấp kiến khen Phật là báng Phật
Phật đức như không vô sai biệt
Vô hạn vô lượng là khen Phật
Lạy đấng tự tịnh cũng tịnh tha
Vô duyên vô tâm nhập vi tâm
Như Phật công đức Thế Tôn biết
Như Phật công đức nay tôi lạy
Hay biết chúng sanh không có ngã

**Biết các pháp tế là ly dục
Người thấy pháp thân là thấy Phật
Tức là cúng dường mười phương Phật.**

Hu Không Tạng Bồ Tát nói kệ ấy rồi, liền lúc ấy nhà Đại Bửu Trang Nghiêm Đường cùng tất cả các bửu đài trên hu không chấn động sáu cách, tất cả đại chúng tâm thanh tịnh vui vẻ hơn hở khen chưa từng có đồng nói Hu Không Tạng đại Bồ Tát khéo có thể nói diệu kệ ấy, nếu có thiện nam thiện nữ làm được pháp ấy thì cho đến trong mộng chẳng thấy có pháp lần lần sẽ được su tử hống như Hu Không Tạng đại Bồ Tát.

Hu Không Tạng đại Bồ Tát nói những diệu kệ khen Phật rồi bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Có ít điều muốn hỏi mong Thế Tôn cho phép, nếu được Phật cho phép mới dám thưa hỏi, tại sao, vì đức Thế Tôn có vô lượng tri kiến hay biết được chúng sanh các căn có thuần thực có chưa thuần thực, vì đức Thế Tôn sáng suốt trừ bỏ các tối tăm, vì đức Thế Tôn rõ nghĩa khéo nói phân biệt rành các cú nghĩa, vì đức Thế Tôn biết thời giờ chẳng quá hạn, vì đức Thế Tôn chỗ nói chẳng lầm đúng như

lời mà làm chẳng sai, vì đức Thế Tôn biết thời giờ tùy sở hành của chúng sanh mà thuyết pháp, vì đức Thế Tôn khéo du hí thông đạt các thần thông, vì đức Thế Tôn khéo chơn thiết quán tâm hành của chúng sanh, vì đức Thế Tôn rất không ô nhiễm ở trong các pháp được đại tự tại, vì đức Thế Tôn tự tỏ ngộ giác liễu các pháp, vì đức Thế Tôn chế ngự tà kiến chúng sanh dạy cho họ vào chánh kiến, vì đức Thế Tôn là đại y vương có thể làm cho vô thí thế giới chúng sanh dứt hẳn các bệnh não, vì đức Thế Tôn đại lực thành tựu thập lực, vì đức Thế Tôn vô úy thành tựu tứ vô úy, vì đức Thế Tôn tối thắng thành tựu thập bát bất cộng pháp, vì đức Thế Tôn đại từ cứu tế tất cả chúng sanh tâm thường vô ngại, vì đức Thế Tôn đại bi hành tri kiến vô ngã cứu khổ tất cả chúng sanh, vì đức Thế Tôn đại hỷ hành thiền định giải thoát tam muội đến cứu cánh, vì đức Thế Tôn đại xả hành dứt tất cả ghét thương tâm như hư không, vì đức Thế Tôn được bình đẳng giác liễu các Phật pháp vô ngại, vì đức Thế Tôn không có lòng ghét thương cứu cánh thanh tịnh khen chê không lay động được, vì đức Thế Tôn không có hy vọng trí huệ đầy đủ nơi lợi dưỡng kính khen không mong cầu, vì đức

Thế Tôn tất cả tri kiến tất cả Phật hành xứ đều đã cứu cánh. Bạch đức Thế Tôn ! Tôi biết được đức Thế Tôn có vô lượng vô biên công đức thành tựu như vậy, vì thế ở trong các pháp môn tôi có ít điều muốn hỏi”.

Đức Phật nói : “Này Hư Không Tạng ! Phật cho phép ông hỏi, Phật sẽ theo chỗ ông bạch hỏi làm cho ông được vui thỏa”.

Lúc ấy Công Đức Quang Minh Vương đại Bồ Tát hỏi Hư Không Tạng đại Bồ Tát rằng : “Nay Ngài vì ai mà muốn bạch hỏi đức Như Lai ?”.

Hư Không Tạng đại Bồ Tát nói kệ đáp Công Đức Quang Minh Vương đại Bồ Tát rằng :

**Tất cả chúng sanh tâm bình đẳng
 Người bình đẳng hay đến cứu cánh
 Du hí trong đại bi vô cấu
 Tôi vì chúng này hỏi Thế Tôn
 Hay đến Chánh Giác không cấu uế
 Đã không do dự dứt nghi kia
 Tự được tỏ thấu lợi chúng sanh
 Tôi vì chúng ấy hỏi Thế Tôn
 Biết ngã vô ngã không sánh bằng**

Vì chúng phát tâm không chấp chúng
Hay làm chúng sanh thoát ngã kiến
Tôi vì chúng ấy hỏi thế Tôn
Hay hộ oai nghi thuận sở hành
Tâm ấy thanh tịnh như hư không
Kiên cố bất động như Tu Di
Tôi vì chúng ấy hỏi Thế Tôn
Tinh tiến không bờ huệ không sánh
Dũng kiện hay phá oán phiền não
Kiết mình đã dứt dứt kiết người
Tôi vì chúng ấy hỏi Thế Tôn
Thích cho oai nghi điều phục tâm
Thường trụ văn giới nhẫn tiến lực
Thiền định thần thông trí huệ sáng
Tôi vì chúng ấy hỏi Thế Tôn
Thích tu không vô tướng vô nguyên
Mà hiện thọ thân ở sanh tử
Vô sanh vô diệt đạt cam lộ
Tôi vì chúng ấy hỏi Thế Tôn
Tri kiến thậm thâm không ngần mé
Thanh Văn Duyên Giác đều không bằng
Mà biết sở hành các chúng sanh
Tôi vì chúng ấy hỏi Thế Tôn

**Khéo hay tỏ thấu thích chánh hạnh
 Nơi chấp pháp phi pháp đã dứt
 Thường ở chánh định tâm chẳng loạn
 Tôi vì chúng ấy hỏi Thế Tôn
 Các hiền sĩ chẳng dứt giống Phật
 Hay hộ chánh pháp hộ chúng Tăng
 Danh đồn tam thế chư Phật khen
 Tôi vì chúng ấy hỏi Thế Tôn”.**

**Hư Không Tạng đại Bồ Tát nói kệ đáp Công
 Đức Quang Minh Vương đại Bồ Tát rồi bạch
 đức Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào
 là Bồ Tát thật hành Đàn Ba la mật bình đẳng
 với hư không ? Thế nào là Bồ Tát hành Thi
 la Ba la mật, hành Nhẫn Ba la mật, hành Tiến
 Ba la mật, hành Thiền Ba la mật, hành Bát
 Nhã Ba la mật bình đẳng với hư không ? Thế
 nào là Bồ Tát hành công đức, hành trí bình
 đẳng với hư không ? Thế nào là Bồ Tát chẳng
 rời lìa như như mà niệm Phật, niệm Pháp,
 niệm Tăng, niệm thí, niệm giới, niệm thiên,
 như đức Phật đã hứa khả ? Thế nào là Bồ Tát
 tu hành các pháp bình đẳng như Niết bàn ?
 Thế nào là Bồ Tát khéo phân biệt hành tướng ?
 Thế nào là Bồ Tát thọ trì pháp tạng chư Phật,**

tùy theo Như Lai chỗ giác ngộ tánh tướng các pháp như thiết biết tánh tướng các pháp rồi mà chẳng thủ chẳng xả ? Thế nào là Bồ Tát phân biệt các chúng sanh từ vô thủy đến nay thanh tịnh mà giáo hóa các chúng sanh ? Thế nào là Bồ Tát khéo thuận phát hành thành tựu Phật pháp ? Thế nào là Bồ Tát bất thối thân thông nơi các Phật pháp đều được tự tại ? Thế nào là Bồ Tát nhập pháp môn thâm thâm mà hàng Thanh Văn, hàng Bích Chi Phật chẳng nhập được ? Thế nào là Bồ Tát nơi thập nhị nhân duyên được thắng trí phương tiện xa lìa nhị biên kiến chấp ? Thế nào là Bồ Tát được ấn Như Lai ấn cho như như vô phân biệt trí phương tiện ? Thế nào là Bồ Tát nhập môn pháp giới, tánh thấy tất cả pháp tánh bình đẳng ? Thế nào là Bồ Tát thuần chí kiên cố như kim cương, nơi Đại thừa này tâm an trụ bất động ? Thế nào là Bồ Tát tự thanh tịnh giới mình như Phật giới ? Thế nào là Bồ Tát được đà la ni trọn chẳng thất niệm ? Thế nào là Bồ Tát được Như Lai gia trì biện tài vô ngại ? Thế nào là Bồ Tát được tự tại thị hiện thọ sanh tử ? Thế nào là Bồ Tát phá các oán địch lìa bỏ bốn ma ? Thế nào là Bồ Tát lợi ích chúng sanh trang nghiêm công đức ? Thế

nào là Bồ Tát lúc thế gian không có Phật mà hay làm Phật sự ? Thế nào là Bồ Tát được hải ấn tam muội khéo có thể biết được tâm hành của tất cả chúng sanh ? Thế nào là Bồ Tát biết được các trần giới vô ngại ? Thế nào là Bồ Tát oai nghi hạnh thành tựu là các tối tâm được quang minh thù thắng ở trong các pháp được tự nhiên trí mau được thành tựu Nhứt thiết trí hành ?”.

Đức Phật nói : “Lành thay, lành thay, này Hu Không Tạng ! Ông khéo có thể phân biệt hỏi nơi Như Lai những diệu nghĩa như vậy. Như ông đã từng cúng dường quá khứ vô lượng chư Phật trông các căn lành, tâm hành bình đẳng như hư không, lễ kính chư Phật đến chỗ trí huệ sáng tỏ, phát siêng tinh tiến muốn đến diệu pháp tất cả chư Phật, chẳng bỏ rời các chúng sanh đến đại từ bi cứu cánh, đã quá các ma nghiệp chẳng lìa thế pháp, dùng tâm lượng đồng hư không để thành tựu diệu pháp Đại thừa vô thượng này.

Này Hu Không Tạng ! Công đức của ông không có biên tế, khó so sánh được. Ông đã từng ở chỗ hàng hà sa số chư Phật quá khứ hỏi những sự việc ấy, ông cũng có thể tự nói.

Ông nên lắng nghe khéo suy gẫm, Phật sẽ vì ông mà phân biệt giải nói các sự được hỏi về công hạnh của chư Bồ Tát, mà Phật còn giải nói hơn đây có thể được Vô thượng Đại thừa Như Lai tự nhiên trí Như thị thiết chủng trí”.

Hư Không Tạng đại Bồ Tát bạch rằng :

“Kính vâng, bạch đức Thế Tôn ! Tôi nguyện thích được nghe”.

Đức Phật nói : “Nầy Hư Không Tạng ! Thành tựu bốn pháp, Bồ Tát hành Đàn Ba la mật bình đẳng với hư không : Nếu Bồ Tát ở tất cả chỗ không có chướng ngại chẳng phân biệt mà hành Đàn Ba la mật, do ngã tịnh nên bố thí cũng tịnh, do bố thí tịnh nên nguyện cũng tịnh, do nguyện tịnh nên Bồ đề cũng tịnh, do Bồ đề tịnh nên nơi tất cả các pháp cũng tịnh. Đây là Bồ Tát thành tựu bốn pháp thật hành Đàn Ba la mật bình đẳng với hư không.

Nầy Hư Không Tạng ! Nếu Bồ Tát thành tựu tám pháp có thể tịnh Đàn Ba la mật : Là ngã mà bố thí, là vì ngã mà bố thí, là thương yêu mà bố thí, là vô minh kiến mà bố thí, là tướng bỉ ngã mà bố thí, là các suy tướng mà bố thí, là hy vọng báo đáp mà bố thí, là bỏn

xén ganh ghét mà bố thí, tâm bình đẳng như hư không mà bố thí. Đây là tám pháp mà Bồ Tát thành tựu thì có thể tịnh Đàn Ba la mật. Tám pháp ly này gọi là tịnh thí. Như hư không không có chỗ nào là chẳng đến, Bồ Tát từ tâm bố thí cũng như vậy. Như hư không chẳng phải sắc chẳng thấy được, Bồ Tát hành thí chẳng y dựa nơi các sắc cũng như vậy. Như hư không chẳng cảm thọ khổ vui, Bồ Tát hành thí rời lìa các sự khổ vui cũng như vậy. Như hư không không có tướng biết, Bồ Tát hành thí rời lìa các ý tưởng cũng như vậy. Như hư không là tướng vô vi, Bồ Tát hành thí vô vi vô tác cũng như vậy. Như hư không hư giả vô tướng, Bồ Tát hành thí chẳng y dựa thức tướng cũng như vậy. Như hư không tăng ích tất cả chúng sanh, Bồ Tát hành thí lợi ích tất cả chúng sanh cũng như vậy. Như hư không vô biên vô tận, Bồ Tát hành thí ở trong sanh tử không có cùng tận cũng như vậy.

Này Hư Không Tạng ! Như hóa như chớp thí cho hóa như chớp không có phân biệt, không có hí luận, chẳng cầu quả báo, Bồ Tát hành bố thí bỏ lìa hai bên chẳng phân biệt chẳng hí luận chẳng hi vọng quả báo cũng như vậy. Bồ Tát dùng trí huệ trừ bỏ tất cả kiết sử, dùng

trí phương tiện chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Đây là Bồ Tát hành Đàn Ba la mật bình đẳng với hư không vậy.

Trong pháp hội có một Bồ Tát tên là Nhựt Đăng Thủ từ chỗ ngồi dậy trích y vai hữu gối hữu chấm đất chấp tay bạch đức Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Hàng Bồ Tát nào có thể hành Đàn Ba la mật như vậy ?”.

Đức Phật nói : “Này Nhựt Đăng Thủ ! Nếu Bồ Tát quá các thế gian được pháp xuất thế gian, chẳng phải sắc không có thể không hiện hành, tri kiến thanh tịnh, chẳng phải tối chẳng phải sáng, lìa tất cả tướng đến tột vô tướng trí, thành tựu vô tận nhẫn, gần tri kiến của Như Lai, đã nối giới phần quyết định của Bồ Tát, đã được thọ ký, được ấn bất thối chuyển ấn định, đã được quán đánh chánh vị, đã hành thiện hạnh biết hành tướng chúng sanh, đến tất cả chỗ mà không có chỗ đến. Bồ Tát như vậy có thể hành Đàn Ba la mật này”.

Lúc Phật nói pháp ấy, có một vạn tám ngàn Bồ Tát thấy các pháp tánh như hư không được Vô sanh Pháp nhẫn.

Đức Phật nói với Hư Không Tạng đại Bồ Tát : “Này Hư Không Tạng ! Nếu Bồ Tát thành

tự bốn pháp thì hành Thi la Ba la mật bình đẳng với hư không : Bồ Tát biết thân như tượng trong gương, biết thanh như vang, biết tâm như huyễn ảo, biết các pháp tánh như hư không. Đây là Bồ Tát thành tựu bốn pháp hành Thi la Ba la mật bình đẳng với hư không.

Nầy Hư Không Tạng ! Bồ Tát thành tựu tám pháp thì có thể hộ tịnh giới :

Các Bồ Tát chẳng quên tâm Bồ đề thì hay hộ tịnh giới. Các Bồ Tát chẳng cầu bậc Thanh Văn, bậc Bích Chi Phật thì hay hộ tịnh giới. Bồ Tát trì giới chẳng hạn cuộc nơi giới thì hay hộ tịnh giới. Bồ Tát chẳng ý cậy các giới thì hay hộ tịnh giới. Bồ Tát chẳng bỏ bốn nguyện thì hay hộ tịnh giới. Bồ Tát chẳng y dựa tất cả chỗ sanh thì hay hộ tịnh giới. Bồ Tát thành tựu đại nguyện thì hay hộ tịnh giới. Bồ Tát khéo nhiếp các căn để diệt phiền não thì hay hộ tịnh giới. Đây là Bồ Tát thành tựu tám pháp thì hay hộ tịnh giới vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Như hư không rời lìa các hy vọng, Bồ Tát dùng tâm không có mong cầu hay hộ tịnh giới cũng như vậy. Như hư không thanh tịnh, Bồ Tát trì giới thanh tịnh cũng như vậy. Như hư không không có

cấu uế, Bồ Tát trì giới không có cấu uế cũng như vậy. Như hư không không có nhiệt nã, Bồ Tát trì giới không có nhiệt nã cũng như vậy. Như hư không không có cao hạ, Bồ Tát trì giới không cao không hạ cũng như vậy. Như hư không không có ổ hang, Bồ Tát trì giới không có chỗ y dựa cũng như vậy. Như hư không vô sanh vô diệt cứu cánh không biến đổi, Bồ Tát trì giới vô sanh vô diệt cứu cánh không biến đổi cũng như vậy. Như hư không đều có thể dung thọ tất cả chúng sanh, Bồ Tát trì giới khắp có thể vận tải cũng như vậy. Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh mà có thể hộ tịnh giới.

Nầy Hư Không Tạng ! Như trăng trong nước không có trì giới phá giới, Bồ Tát rõ biết tất cả các pháp như thủy nguyệt không có trì giới phá giới cũng như vậy. Đây là Bồ Tát hành Giới Ba la mật bình đẳng với hư không vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Nếu Bồ Tát thành tựu bốn pháp thì hành Nhẫn Ba la mật bình đẳng với hư không :

Nếu Bồ Tát bị người mắng chửi chẳng báo lại vì biết rõ vô ngã, bị người đánh chẳng báo lại vì biết rõ không nhơn, bị người giận

ghét chẳng báo lại vì lìa thấy có, bị người oán thù chẳng báo lại vì bỏ lìa hai kiến chấp. Đây gọi là Bồ Tát thành tựu bốn pháp hành Nhẫn Ba la mật bình đẳng với hư không.

Này Hư Không Tạng ! Nếu Bồ Tát thành tựu tám pháp thì có thể tịnh Nhẫn Ba la mật :

Bồ Tát khéo tịnh nội thuận chí mà tu Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát khéo tịnh ngoại chẳng hy vọng mà tu Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát nơi thượng trung hạ cứu cánh vô ngại tu Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát tùy thuận pháp tánh không bị nhiễm trước mà tu Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát lìa tất cả kiến chấp đồng hư không mà tu Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát dứt tất cả giác quán đồng vô tướng mà tu Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát bỏ tất cả nguyên đồng vô nguyên mà tu Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát trừ tất cả các hành đồng vô hành mà tu Nhẫn Ba la mật. Đây gọi là đại Bồ Tát thành tựu tám pháp có thể tịnh Nhẫn Ba la mật vậy.

Này Hư Không Tạng ! Như hư không không có ghét không có thương, Bồ Tát tu Nhẫn Ba la mật không có ghét thương cũng như vậy. Như hư không không có biến đổi, Bồ Tát tâm cứu cánh không biến đổi tu Nhẫn Ba la mật cũng như vậy. Như hư không không có kém

tổn, Bồ Tát tu Nhẫn Ba la mật tâm cứu cánh không có kém tổn cũng như vậy. Như hư không không có sanh không có khởi, Bồ Tát tu Nhẫn Ba la mật tâm không có sanh khởi cũng như vậy. Như hư không không có hí luận, Bồ Tát tu Nhẫn Ba la mật tâm không có hí luận cũng như vậy. Như hư không không có ân báo, Bồ Tát tu Nhẫn Ba la mật với tất cả chúng sanh chẳng mong quả báo cũng như vậy. Như hư không vô lậu vô hệ phược, Bồ Tát tu Nhẫn Ba la mật lìa tất cả lậu chẳng hệ phược tam giới cũng như vậy.

Này Hư Không Tạng ! Bồ Tát lúc hành Nhẫn Ba la mật chẳng có quan niệm họ đến mắng tôi tôi có thể nhịn chịu, cũng chẳng thấy người mắng kẻ bị mắng và cách mắng, chẳng quan niệm ấy, chẳng hí luận rằng họ rỗng không tôi cũng rỗng không, cũng chẳng suy nghĩ rằng âm thanh như vang do gì mà phát ra, cũng chẳng quan niệm rằng tôi phải còn họ thì quấy, cũng chẳng quan niệm rằng họ vô thường tôi cũng vô thường, cũng chẳng nghĩ rằng họ ngu tôi trí, cũng chẳng tưởng rằng chúng ta nên hành nhẫn nhục.

Nầy Hư Không Tạng ! Như có người vì cầu nhánh cây sa la nên cầm búa bén vào rừng sa la đến một cây sa la lớn chặt lấy một nhánh, các nhánh sa la khác chẳng nghĩ rằng họ chặt nhánh ấy mà chẳng chặt tôi, nhánh bị chặt cũng chẳng nghĩ rằng tôi đã bị chặt các nhánh khác không bị chặt, tất cả nhánh bị chặt cùng chẳng bị chặt đều chẳng có quan niệm ghét thương. Lúc hành Nhẫn Ba la mật, đại Bồ Tát quán biết tất cả pháp tánh như cỏ cây tường vách ngói đá, mà thị thân thể bị chặt chém đứt rời để giáo hóa chúng sanh, không có giận ghét, không có thương yêu, hoàn toàn không có nhớ nghĩ phân biệt. Đây là Bồ Tát hành Nhẫn Ba la mật bình đẳng với hư không.

Nầy Hư Không Tạng ! Nếu Bồ Tát thành tựu bốn pháp thì hành Tinh tiến Ba la mật bình đẳng với hư không :

Bồ Tát siêng cầu tất cả pháp lành mà biết tất cả pháp tự tánh chẳng thành tựu, Bồ Tát đem tất cả món vật cần dùng tối thắng cung cấp cúng dường chư Phật Thế Tôn nhưng chẳng thấy có Như Lai và các món cúng dường, Bồ Tát khéo có thể thọ trì diệu pháp được nói của tất cả chư Phật cũng chẳng thấy có

văn tự để thọ trì, Bồ Tát có thể thành tựu vô lượng chúng sanh thấy chúng sanh tánh tức là Niết bàn rốt ráo không có sanh không có khởi. Đây là bốn pháp Bồ Tát thành tựu hành Tiến Ba la mật bình đẳng với hư không.

Nầy Hư Không Tạng ! Nếu Bồ Tát thành tựu tám pháp thì có thể tịnh Tinh Tiến Ba la mật :

Bồ Tát vì tịnh thân mà phát cần tinh tiến biết thân như bóng trong gương chẳng tham trước nơi thân. Bồ Tát vì tịnh khẩu nên phát cần tinh tiến biết tiếng từ miệng thốt ra như vang chẳng tham trước nơi khẩu. Bồ Tát vì tịnh ý nên phát hành tinh tiến biết ý như ảo huyền không có phân biệt chẳng tham trước nơi ý. Bồ Tát vì đầy đủ các Ba la mật nên phát cần tinh tiến biết các pháp không có tự tánh bị nhiếp thuộc nhân duyên chẳng nên hí luận. Bồ Tát vì được trợ Bồ đề phần pháp nên phát cần tinh tiến để giác liễu tất cả pháp chơn thiệt tánh không bị chướng ngại vướng mắc. Bồ Tát vì tịnh Phật quốc độ nên phát cần tinh tiến để biết tất cả quốc độ như hư không vì vậy mà chẳng y thị chỗ được tịnh. Bồ Tát vì được tất cả đà la ni nên phát cần

tinh tiến biết tất cả pháp không có niệm chẳng phải không có niệm do đây mà không có quan niệm hai tướng. Bồ Tát vì thành tựu tất cả Phật pháp nên phát cần tinh tiến để biết tất cả pháp nhập như tướng bình đẳng nhưng chẳng hoại hư pháp tánh. Đây là tám pháp Bồ Tát thành tựu thì có thể tịnh Tinh tiến Ba la mật.

Nầy Hư Không Tạng ! Như hư không không có mỗi một, Bồ Tát trong vô lượng kiếp phát cần tinh tiến không có mỗi một cũng như vậy. Như hư không đều có thể dung thọ tất cả sắc tượng mà hư không không có che chướng. Bồ Tát vì dung thọ tất cả chúng sanh mà phát cần tinh tiến bình đẳng vô ngại cũng như vậy. Như hư không có thể sanh tất cả cỏ cây lùm rùm mà hư không không có trụ xứ. Bồ Tát vì tăng ích thiện căn tất cả chúng sanh mà phát cần tinh tiến không chỗ dựa dính không có trụ xứ cũng như vậy. Như hư không đến tất cả chỗ mà không có đi đến. Bồ Tát vì đến tất cả chỗ nên phát cần tinh tiến mà không có đến không có không đến cũng như vậy. Như hư không chẳng phải sắc hình mà trong hư không thấy các thứ sắc hình. Bồ Tát vì như thừa nên phát cần tinh tiến mà vì thành

tự thuận chí nên thị hiện các thừa sai biệt cũng như vậy. Như hư không bốn tánh thanh tịnh không bị khách trần làm ô nhiễm. Bồ Tát phát cần tinh tiến bốn tánh thanh tịnh vì chúng sanh mà hiện thọ thân sanh tử nhưng chẳng bị trần lụy làm ô nhiễm cũng như vậy. Như hư không tánh là thường không có vô thường. Bồ Tát cứu cánh vì chẳng dứt mất Tam bảo nên phát cần tinh tiến cũng như vậy. Như hư không vô thi vô chung chẳng thủ chẳng xả. Bồ Tát phát cần tinh tiến vô thi vô chung bất thủ bất xả cũng như vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Tinh tiến có hai thứ đó là ban đầu phát tinh tiến và rốt sau thành tinh tiến. Bồ Tát do ban đầu phát cần tinh tiến tu tập thành tất cả pháp lành, do rốt sau thành tinh tiến phân biệt tất cả pháp chẳng có tự tánh, chỉ có căn lành đã được tu tập thấy là bình đẳng, sở kiến bình đẳng cũng chẳng phải bình đẳng.

Nầy Hư Không Tạng ! Như người thợ điêu khắc tượng người gỗ có đủ thân tướng, sự nghiệp được làm đều có thể hoàn thành, nhưng nơi có làm cùng chẳng có làm đều chẳng có quan niệm sai biệt. Bồ Tát vì thành tựu trang

nghiêm bốn nguyện mà phát cần tinh tiến tu tất cả nghiệp, nơi làm cùng chẳng làm không quan niệm sai biệt, bỏ lìa hai bên cũng như vậy. Đây là Bồ Tát hành Tiến Ba la mật bình đẳng như hư không.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát hành Thiên Ba la mật bình đẳng như hư không ? Bồ Tát nếu thành tựu bốn pháp thì hành Thiên Ba la mật bình đẳng với hư không :

Bồ Tát chuyên nhiếp nội tâm mà chẳng thấy có nội tâm, Bồ Tát ngăn tâm duyên các cảnh giới ngoài mà chẳng thấy có tâm ngoài hành xứ, Bồ Tát do tâm mình bình đẳng nên biết tất cả chúng sanh tâm đều bình đẳng cũng chẳng y dựa hai pháp là tâm và bình đẳng, Bồ Tát tư duy pháp giới định tánh không có nhiếp thâu không có loạn tán biết tất cả pháp tánh không có hí luận. Thành tựu bốn pháp như vậy, Bồ Tát hành Thiên Ba la mật bình đẳng với hư không.

Nầy Hư Không Tạng ! Nếu Bồ Tát thành tựu tám pháp thì có thể tịnh Thiên Ba la mật :

Bồ Tát chẳng y dựa các ấm để tu thiền, chẳng y dựa các giới để tu thiền, chẳng y dựa các nhập để tu thiền, chẳng y dựa tam giới

để tu thiền, chẳng y dựa hiện thể để tu thiền, chẳng y dựa hậu thể để tu thiền, chẳng y dựa đạo để tu thiền, chẳng y dựa quả để tu thiền. Đây là Bồ Tát thành tựu tám pháp hay tịnh Thiền Ba la mật.

Nầy Hư Không Tạng ! Như hư không không có dựa dính. Bồ Tát tu thiền không có y chỉ cũng như vậy. Như Hư Không không có ái luyến. Bồ Tát tu thiền không có nhiễm trước cũng như vậy. Như hư không không có dính mắc các kiến chấp. Bồ Tát tu thiền bỏ lìa các kiến chấp cũng như vậy. Như hư không không có kiêu mạn. Bồ Tát tu thiền bỏ lìa kiêu mạn cũng như vậy. Như hư không cứu cánh vô diệt. Bồ Tát tu thiền khéo nhập vào pháp tánh cứu cánh bất thối cũng như vậy. Như hư không chẳng thể phá hoại. Bồ Tát tu thiền chẳng hoại bốn tế cũng như vậy. Như hư không không có biến đổi. Bồ Tát tu thiền chẳng biến đổi như như cũng như vậy. Như hư không chẳng phải tâm rời lìa tâm. Bồ Tát tu thiền rời lìa tâm ý thức cũng như vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Bồ Tát dùng tâm bình đẳng tu thiền chẳng phải tâm chẳng bình đẳng.

Thế nào là tâm bình đẳng ? Nếu tâm chẳng cao chẳng hạ, không có cầu không chẳng cầu, không có tác không chẳng tác, không có phân biệt không chẳng phân biệt, không có hành không chẳng hành, không có thủ không có xả, không tối không sáng, vô tri vô niệm, không chẳng tri không chẳng niệm, chẳng một chẳng khác, chẳng phải hai chẳng phải chẳng hai, không có động không chẳng động, không có khứ không chẳng khứ, không có tu không chẳng tu, tâm chẳng duyên nơi tất cả cảnh giới, đây gọi là tâm bình đẳng.

Vì Bồ Tát tâm bình đẳng nên chẳng duyên lấy sắc bỏ lìa nhãn và sắc hai pháp mà tu tập thiền. Vì tâm bình đẳng nên chẳng duyên lấy thanh hương vị xúc và pháp bỏ lìa hai pháp ý và pháp mà tu tập thiền.

Nầy Hư Không Tạng ! Như hư không lúc đại hỏa tai khởi lên chẳng đốt cháy được, lúc đại thủy tai khởi lên chẳng đẩy trôi được, Bồ Tát chẳng bị lửa lớn phiền não đốt cháy, chẳng bị các thiền tam muội cuốn trôi đi thọ sanh, tự mình không có định và loạn mà hay khiến chúng sanh loạn tâm được định, sở hành của mình đã thanh tịnh mà chẳng bỏ tinh tiến,

bình đẳng với hư không mà thị hiện sai biệt nhưng chẳng thấy tướng bình đẳng và bất bình đẳng, khéo hay khắp quán trí huệ chọn tánh tâm Bồ Tát chẳng bị ái kiến phiền não che chướng, ở trong các pháp hành, thật hành không bị dính mắc bình đẳng với hư không. Đây là Bồ Tát hành Thiền Ba la mật bình đẳng với hư không vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát hành Bát Nhã Ba la mật bình đẳng với hư không ? Bồ Tát thành tựu bốn pháp thì hành Bát Nhã Ba la mật bình đẳng với hư không.

Do vì ngã tịnh nên Bồ Tát biết chúng sanh cũng tịnh, vì trí tịnh nên biết thức cũng tịnh, vì nghĩa tịnh nên biết văn tự cũng tịnh, vì pháp giới tịnh nên biết tất cả pháp cũng tịnh. Đây là bốn pháp mà Bồ Tát thành tựu thì hành Bát Nhã Ba la mật bình đẳng như hư không.

Nầy Hư Không Tạng ! Nếu Bồ Tát thành tựu tám pháp thì có thể tịnh Bát Nhã Ba la mật :

Bồ Tát tinh cần muốn đoạn dứt tất cả pháp bất thiện mà chẳng dính mắc đoạn kiến, Bồ Tát tinh cần muốn sanh tất cả pháp lành mà chẳng dính mắc thường kiến, Bồ Tát biết tất

cả pháp hữu vi đều từ duyên sanh mà chẳng động nơi vô sanh pháp nhẫn, Bồ Tát phân biệt nói tất cả tự cú mà thường bình đẳng không có ngôn thuyết, Bồ Tát khéo biện tất cả pháp hữu vi vô thường khổ vô ngã mà nơi pháp giới tịch tĩnh chẳng động, hay khéo phân biệt các nghiệp sở tác mà biết tất cả pháp vô nghiệp vô báo, khéo hay phân biệt pháp cấu pháp tịnh mà biết tất cả pháp tánh thường tịnh, khéo hay suy lường tam thế các pháp mà biết các pháp không có quá khứ vị lai hiện tại. Đây là Bồ Tát thành tựu tám pháp hay tịnh Bát Nhã Ba la mật.

Nầy Hu Không Tạng ! Như hu không chẳng phải hành chẳng phải không hành, Bồ Tát hành Bát Nhã Ba la mật là tất cả hành cũng như vậy. Như hu không không gì phá hoại được, Bồ Tát hành Bát Nhã Ba la mật tất cả các ma không phá hoại được cũng như vậy. Như hu không tánh thường tịch tĩnh, Bồ Tát hành Bát Nhã giác kiến đều tịch tĩnh cũng như vậy. Như hu không tánh thường vô ngã, Bồ Tát hành Bát Nhã biết rõ vô ngã cũng như vậy. Như hu không tánh chẳng phải chúng sanh, Bồ Tát hành Bát Nhã rời lìa kiến chấp chúng sanh cũng như vậy. Như hu không tánh

không có thọ mạng, Bồ Tát hành Bát Nhã là thọ mạng kiến cũng như vậy. Như hư không tánh không có nhơn, Bồ Tát hành Bát Nhã là nhơn kiến cũng như vậy. Như hư không chẳng phải vật chẳng phải vật chẳng đặt tên hiệu được, Bồ Tát hành Bát Nhã rời là vật chẳng phải vật cũng như vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Bát Nhã là cú nghĩa tịch tĩnh vì không có tri giác vậy. Bát Nhã là cú nghĩa vô tác vì tự tướng thanh tịnh vậy. Bát Nhã là cú nghĩa vô biến vì không có hành tướng vậy. Bát Nhã là cú nghĩa chơn thiết vì chẳng phát động vậy. Bát Nhã là cú nghĩa chẳng khi dối vì không có sai khác vậy. Bát Nhã là cú nghĩa liễu đạt vì nhập vào nhưt tướng vậy. Bát Nhã là cú nghĩa thông minh vì dứt tập khí vậy. Bát Nhã là cú nghĩa đầy đủ vì không có muốn cầu vậy. Bát Nhã là cú nghĩa thông đạt vì hay chánh kiến vậy. Bát Nhã là cú nghĩa đệ nhưt vì vô sở đắc vậy. Bát Nhã là cú nghĩa bình đẳng vì không có cao không có hạ vậy. Bát Nhã là cú nghĩa lao cố vì không gì phá hoại được vậy. Bát Nhã là cú nghĩa bất động vì không có sở y vậy. Bát Nhã là cú nghĩa kim cương vì không gì xô dẹp được vậy. Bát Nhã là cú nghĩa đã độ vì việc làm

đã xong vậy. Bát Nhã là cú nghĩa chơn tịnh
 vì bốn tánh tịnh vậy. Bát Nhã là cú nghĩa không
 tối vì chẳng cậy sáng vậy. Bát Nhã là cú nghĩa
 vô nhị vì chẳng tích tụ vậy. Bát Nhã là cú
 nghĩa tận vì cứu cánh tận tướng vậy. Bát Nhã
 là cú nghĩa vô tận vì tướng vô vi vậy. Bát Nhã
 là cú nghĩa vô vi vì rời lìa sanh diệt vậy. Bát
 Nhã là cú nghĩa hư không vì không có chuồng
 ngại vậy. Bát Nhã là cú nghĩa vô sở hữu vì
 chơn thiết thanh tịnh vậy. Bát Nhã là cú nghĩa
 vô xứ vì không có hành tích vậy. Bát Nhã là
 cú nghĩa không có ổ hang vì không chỗ dựa
 ý vậy. Bát Nhã là cú nghĩa trí vì không có
 thức phân biệt vậy. Bát Nhã là cú nghĩa không
 hàng phục vì không có bảy bợn vậy. Bát Nhã
 là cú nghĩa vô thể vì không có thọ thân hình
 vậy. Bát Nhã là cú nghĩa tri kiến vì biết khổ
 chẳng sanh vậy. Bát Nhã là cú nghĩa đoạn
 dứt vì biết tập chẳng hòa hiệp vậy. Bát Nhã
 là cú nghĩa diệt vì cứu cánh vô sanh vậy. Bát
 Nhã là cú nghĩa đạo vì không có hai giác quán
 vậy. Bát Nhã là cú nghĩa giác vì giác bình
 đẳng vậy. Bát Nhã là cú nghĩa pháp vì cứu
 cánh bất biến vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Bát Nhã nầy chẳng
 từ người mà được vì là tri kiến tự chúng như

tánh mà hiện hành vậy. Biết văn cú nghĩa như vang, ở nơi ngữ ngôn âm thanh tùy đáng nên mà đáp ứng biện thuyết chẳng dứt nhưng chẳng nắm dính văn tự ngôn thuyết. Đại Bồ Tát có thể ở trong tất cả ngôn thuyết khéo có thể báo đáp, biết các âm thanh ngôn thuyết như vang vì hiểu là bất khả đắc vậy nên chẳng chấp trước cũng chẳng hí luận. Đây là Bồ Tát hành Bát Nhã Ba la mật bình đẳng với hu không”.

Muốn sáng tỏ lại nghĩa này, đức Thế Tôn nói kệ rằng :

Lìa chấp trước mà làm bố thí
Khắp đến vừa theo đánh chúng sanh
Thí xong rồi tâm không chuống ngại
Cũng chẳng có sanh lòng phân biệt
Vì ngã tịnh nên thí thanh tịnh
Vì thí tịnh nên nguyện thanh tịnh
Vì nguyện tịnh nên Bồ đề tịnh
Vì đạo tịnh nên tất cả tịnh
Không ngã tướng không ngã sở tướng
Rời lìa ái lìa các kiến chấp
Bỏ lìa tất cả tướng bỉ ngã
Tâm bố thí dường như hu không

Bỏ lìa tất cả tướng mà thí
Không có tâm mong cầu báo đáp
Bỏ lìa tâm tặc đồ kiết sử
Tâm bố thí như hư không kia
Hư không chẳng phải sắc không dựa
Không thọ không tướng không phân
biệt
Cũng không hành cũng không có thức
Lúc bố thí tâm như hư không
Như hư không lợi ích tất cả
Từ thí đến chung không cùng tận
Hiểu rõ pháp thí vô cùng tận
Lợi ích cho tất cả chúng sanh
Như hóa nhơn thí cho hóa nhơn
Chẳng trông mong sở thí được báo
Người có trí huệ thí cũng vậy
Trọn hẳn chẳng trông mong báo đáp
Dùng huệ dứt trừ các kiết sử
Phương tiện lực chẳng bỏ chúng sanh
Chẳng thấy có kiết sử chúng sanh
Bố thí như vậy đồng hư không
Biết rõ thân như tượng trong gương
Biết thanh âm như vang ứng tiếng

Biết rõ tâm như ảo như hóa
Pháp tánh vô ngại như hư không
Chẳng bỏ vô thượng đại Bồ đề
Chẳng cầu Thanh Văn, Duyên Giác thừa
Thường kính trọng hộ trì tịnh giới
Của tất cả chư Phật quá khứ
Vì chẳng quên bỏ bốn thế nguyện
Nên có thể ở trong các loài
Khéo có thể thành tựu bốn nguyện
Nhiếp ý cần hộ trì tịnh giới
Nhu hư không không có hi vọng
Không nhiệt não không có cao hạ
Không trước như cũng không biến đổi
Người trí trì giới cũng như vậy
Nhu hư không dung thọ tất cả
Nhu trắng trong nước chẳng trì giới
Người hộ trì giới phải như vậy
Tịnh giới như hư không thủy nguyệt
Mắng chửi đánh đập cùng thù giận
Vì sức nhẫn nhục nên chẳng sân
Không thấy có mình không có người
Do bỏ lìa tướng có kia đây
Nội tâm thuần chí thiện thanh tịnh

Cảnh hành ngoài đều cũng thanh tịnh
Do vì thuận chí nên không sân
Tùy thuận pháp như hay nhẫn nhục
Rời lìa các kiến như hư không
Bỏ giác quán cũng lìa niệm tưởng
Không có nguyện không có hi vọng
Bỏ các hành pháp và sở thủ
Không có ái luyến như hư không
Chẳng cột đũa chẳng hoài oán hận
Không có hí luận không cầu báo
Vô lậu nhẫn nhục là như vậy
Không người nhẫn không người mắng
đánh
Tiếng người mắng chửi dường như vang
Là không thiệt cũng là vô thường
Không có những hí luận như vậy
Không nghĩ người ngu ta là trí
Không có sanh mà thị hiện sanh
Cũng vẫn không có phân biệt ấy
Đây là tu thành vô sanh nhẫn
Như nhánh sa la bị người chặt
Nhánh khác chẳng nghĩ không bị chặt
Thân bị chém đứt không phân biệt

**Nhẫn nhục nầy tịnh như hư không
Siêng tu không sở y sở trụ
Cúng dường Phật không quan niệm
Phật**

**Thọ trì chánh pháp chẳng trước văn
Độ chúng sanh không thấy chúng sanh
Thân nghiệp tịnh cũng tịnh pháp thân
Khẩu nghiệp tịnh không có ngôn thuyết
Tâm nghiệp tịnh không có ý hành
Đầy đủ tất cả Ba la mật
Đầy đủ pháp trợ Bồ đề phần
Quốc độ thanh tịnh như hư không
Thành tựu biện tài đà la ni
Cầu được các Phật pháp như vậy
Như hư không chẳng mệt chẳng mỏi
Hay sanh trưởng cỏ cây lùm rừng
Đến khắp mọi nơi không hình sắc
Tinh tiến không mỏi như hư không
Hằng thường thanh tịnh như hư không
Không có thi cũng không có chung
Người tu tinh tiến cũng như vậy
Không có thi không có chung thành
Như người máy do gỗ tạo thành**

Tất cả việc làm không phân biệt
Người tu hành không có hai tướng
Tinh tiến như vậy như hư không
Biết xa ma tha trụ nội tâm
Nhiếp thâu tâm duyên cảnh giới ngoài
Tâm của mình và tâm của người
Đây là y chỉ vô tâm thiền
Các pháp tánh thường không lặng vắng
Dùng vô lậu trí biết rõ được
Chẳng dựa ngũ ấm lục nhập giới
Cũng chẳng y chỉ trong ba cõi
Chẳng y chỉ quá vị hiện tại
Chẳng y chỉ đạo hành quả chứng
N hư không kia thường vô y
Người tu thiền này cũng vô y
Hư không chẳng có ái kiến mạn
Người tu thiền cũng không phiền não
Hư không chẳng thối chẳng hư biến
Người tu thiền cũng giống như vậy
Thường bình đẳng không tịch giải thoát
Người trí thường chẳng quan niệm giới
Không kiết sử cũng không có thiền
Vì vậy mà thiền như hư không

Vì ngã tịnh nên chúng sanh tịnh
Vì trí tịnh nên thức cũng tịnh
Vì nghĩa tịnh nên văn tự tịnh
Vì pháp tịnh nên giới cũng tịnh
Dứt pháp bất thiện và tập khí
Bực Đại Sĩ tích tập thiện căn
Nên biết hữu vi là duyên sanh
Nhưng chẳng trước vô sanh vô diệt
Khéo có thể phân biệt văn tự
Nói các pháp vô thường và khổ
Nhưng vẫn thị hiện thọ nghiệp báo
Nói có pháp cấu và pháp tịnh
Biết rõ pháp tánh cũng thanh tịnh
Mà suy lường quá vị hiện tại
Hư không không hành không chẳng
hành
Huệ không có hành cũng như vậy
N hư không chẳng gì phá được
Không có ngã hơn không thọ mạng
Chẳng phải vật chẳng phải không vật
Bỏ dứt các chấp kiến nhị biên
Biết cú là giả nên chẳng nhiễm
Là bất biến cú chơn thiết cú

Là mãn túc cú thông đạt cú
 Liễu đạt nhứt nghĩa và huệ cú
 Bình đẳng bất động lao cố cú
 Kim cương dĩ độ chơn tịnh cú
 Thông minh cú tận vô tận cú
 Là vô vi cú hư không cú
 Không xứ không ổ không thức biệt
 Không hàng phục vô thể là trí cú
 Không tập không diệt không đạo cú
 Là pháp là giác trí huệ cú
 Như vang kia ứng theo thanh âm
 Bồ Tát vô tận biện cũng vậy
 Thuyết pháp vô y vô sở đắc
 Bát Nhã này tịnh như hư không.

Lại này Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát hành công đức bình đẳng với hư không ?

Bồ Tát vì nghe Phật vô lượng pháp rộng lớn như hư không nên phát tâm Nhứt thiết trí, nghĩ rằng Bồ đề vô lượng, Phật vô lượng, tự tại giác vô lượng, trong vô lượng như vậy sanh ra vô lượng lạc dục tinh tiến bất phóng dật hạnh, vì Phật đạo mà phải hành vô lượng pháp sở hành của Bồ Tát. Tại sao ? Vì như

chu Phật có vô lượng công đức trang nghiêm nơi thân, ta cũng vì trang nghiêm nơi thân mà phải thành tựu vô lượng thiện căn. Như chu Phật có vô lượng công đức trang nghiêm khẩu, trang nghiêm ý, trang nghiêm đạo tràng, trang nghiêm Phật độ, ta cũng vì trang nghiêm khẩu, trang nghiêm ý, trang nghiêm đạo tràng, trang nghiêm quốc độ nên phải thành tựu vô lượng thiện căn. Ta phải giáo hóa vô lượng chúng sanh để thành tựu thiện căn. Vì thành tựu thiện căn nên ta ở trong vô lượng sanh tử chẳng hề mỏi nhàm. Chu Phật Thế Tôn có vô lượng quốc độ vô lượng trí huệ vô lượng thần thông, các chúng sanh ấy có vô lượng hạnh vô lượng tâm vô lượng các căn sai biệt ở trong sanh tử thọ vô lượng khối khổ não phát khởi các phiền não, ta vì nhập vô lượng Phật pháp, vì bỏ sở hành các căn khối sanh tử khổ não của vô lượng chúng sanh nên thành tựu vô lượng thiện căn. Bồ Tát dùng tâm chánh chơn quán sát những công đức được làm tương ưng với các Ba la mật, tương ưng với Tứ nhiếp pháp, tương ưng với Tứ vô lượng tâm, tương ưng với pháp trợ Bồ đề, thành tựu chúng sanh thọ trì chánh pháp cúng dường chu Phật Thế Tôn và tịnh pháp sở hành tương ưng của Bồ

Tát, vô lượng công đức được làm như vậy bình đẳng với hư không, vì chúng sanh tánh vô lượng, vì Phật trí huệ vô lượng, vì pháp giới vô lượng, nên chỗ tu hành cũng vô lượng như hư không. Chúng sanh tánh, Phật trí huệ trong pháp giới không chỗ nào chẳng đến nên tất cả chúng sanh đều được nhờ lợi ích. Cũng vậy, công đức của Bồ Tát làm đến tất cả chỗ lợi ích cho chúng sanh, vì không dựa dính vậy, vì sức nguyện phương tiện vậy. Đây là Bồ Tát hành công đức bình đẳng với hư không như vậy.

Này Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát hành trí bình đẳng với hư không ?

Bồ Tát theo thiện tri thức được nghe chánh pháp rồi, khéo thuận tư duy, các hạnh được làm trọn không phóng dật tu ít cảnh giới tướng rồi thọ vô lượng tướng, thọ vô lượng tướng rồi được trí sáng như vậy, được trí sáng ấy rồi được chu ấm phương tiện trí, được chu giới phương tiện trí, được chu nhập phương tiện trí, được chu đế phương tiện trí, được chu duyên phương tiện trí, biết chúng sanh cấu cũng biết cấu tánh, biết chúng sanh tịnh cũng biết tịnh tánh. Đó là chúng sanh có nhiệm

tâm thì như thiệt biết là có nhiễm tâm, chúng sanh không nhiễm tâm thì như thiệt biết là không có nhiễm tâm. Chúng sanh có sân tâm hay không sân tâm thì như thiệt biết là có sân tâm hay là không sân tâm, chúng sanh có si tâm hay không si tâm thì như thiệt biết là có si tâm hay là không si tâm, chúng sanh có phiền não tâm hay không phiền não tâm thì như thiệt biết là có phiền não tâm hay là không phiền não tâm. Bồ Tát không thấy người có cấu tâm là hèn kém và người không cấu tâm là thắng hơn, tại sao, vì Bồ Tát nhập vào pháp môn trí bất nhị tánh thanh tịnh. Như pháp tánh bất nhị thanh tịnh thì ngã tánh cũng vậy, như ngã tánh thì vô ngã tánh cũng vậy, như vô ngã tánh thì tất cả các pháp cũng vậy, vì tánh thường thanh tịnh vậy. Nếu nhập vào tất cả pháp tánh thanh tịnh thì chẳng thấy các pháp có cấu có tịnh, cũng chẳng thấy các pháp văn tự tướng mạo vì chẳng thọ chẳng trước vậy cũng chẳng thấy các pháp chướng ngại cái triền cùng chẳng chướng ngại cái triền.

Bồ Tát tư duy vô lượng cảnh giới rời là tâm thức hai pháp thì gọi là trí chẳng kêu là thức.

chẳng do sắc thân. Bồ Tát chẳng thấy sắc là Như Lai, chẳng thấy tướng là Như Lai, chẳng thấy chủng tánh là Như Lai, chẳng thấy ấm giới nhập là Như Lai, chẳng thấy oai nghi là Như Lai, chẳng thấy đời quá khứ vị lai hiện tại là Như Lai, chẳng thấy nhơn cũng chẳng thấy duyên là Như Lai, chẳng thấy sở dĩ là Như Lai, chẳng thấy hòa hiệp là Như Lai, chẳng thấy hữu là Như Lai, chẳng thấy vô là Như Lai, chẳng thấy thành tựu là Như Lai, chẳng thấy bại hoại là Như Lai, chẳng thấy kia là có Như Lai, chẳng thấy đây là có Như Lai, chẳng thấy Như Lai ở chỗ nào, chẳng thấy Như Lai chẳng cậy dựa Như Lai, chẳng phân biệt Như Lai, chẳng có được Như Lai.

Nhu hu không không có tên ấm giới nhập nhưng chẳng phải chẳng lợi ích chúng sanh, chư Phật Thế Tôn không có tên ấm giới nhập mà thường lợi ích các chúng sanh. Đây là Bồ Tát chẳng rời lìa như như niệm Phật được Như Lai hứa khả.

Nầy Hu Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát chẳng rời như như niệm Pháp được Như Lai hứa khả ?

chúng sanh, hoặc thấy đức Như Lai nơi một thế giới làm Phật sự, hoặc hai ba bốn đến mười thế giới làm Phật sự, hoặc hai ba bốn đến mười thế giới làm Phật sự hoặc trăm ngàn đến nơi giải hi vọng nên quán tự thấy tùy ý : hoặc thấy mình nghe pháp cúng dường chư Phật Thế Tôn, nơi các oai nghi khác đều tự thấy tùy ý tự tại.

Bồ Tát quán sắc thân Như Lai như vậy rồi ghi nhớ Phật công đức : hoặc quán tịnh giới, quán chánh định, quán chánh huệ, quán chánh giải thoát và giải thoát tri kiến, hoặc quán lục vô sở úy bất cộng pháp, hoặc quán bốn hành của Bồ Tát, hoặc quán thành tựu Phật địa.

Bồ Tát khắp ghi nhớ Như Lai thành tựu công đức rồi ghi nhớ Như Lai nghiệp có tướng mạo gì, tạo nghiệp thế nào, là thân tạo hay khẩu tạo, ý tạo, là oai nghi tạo u, là thấy được hay chẳng thấy được u, là nói được hay chẳng nói được u, tạo tại nước nào, bao nhiêu loại thân hình tạo u. Bồ Tát ghi nhớ Như Lai thành tựu thắng nghiệp chẳng thể nghĩ bàn các thiện căn rồi quán tưởng Như Lai pháp : Chư Phật Thế Tôn do pháp thân nên gọi là Như Lai chớ

Nầy Hu Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát chẳng rời lìa như như niệm Tăng được Như Lai hứa khả ?

Tăng là bốn đôi tám bốn trong Tăng, hoặc là A La Hán hướng A La Hán quả, hoặc là A Na Hàm hướng A Na Hàm quả, hoặc là Tư Đà Hàm hướng Tư Đà Hàm quả, hoặc Tu Đà Hoàn hướng Tu Đà Hoàn quả, đây là Thanh Văn Tăng.

Lại còn có Tăng là Bồ Tát được bất thối chuyển, được quyết định nhứt thượng thánh chánh vị, đã rời lìa các tướng y thị chấp trước và hí luận, kế thứ được Như Lai công đức vô gián. Bồ Tát ấy nghĩ rằng chúng đại Bồ Tát như vậy đáng cúng dường tán thán chấp tay hầu hạ hữu nhiều lễ kính, đây là phước điền lành tốt, là đệ nhứt Tăng nhập vào số Thánh chúng, những sự việc mà Tăng phải làm đều đã hoàn thành xong. Bồ Tát ấy niệm Tăng thường thân cận Bồ Tát Tăng mà chẳng thân cận Thanh Văn Tăng. Bồ Tát ấy dầu niệm Tăng mà chẳng lấy Tăng số, chẳng lấy có số biết Tăng, đây là vô vi niệm, vô hành niệm, vô biến dị niệm, vô sanh niệm, vô diệt niệm. Khởi niệm như vậy chẳng sanh tâm hành cảnh giới. Đây

Các pháp được Bồ Tát niệm là Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác phần, Bát thánh đạo phần, Tam giải thoát môn, Tứ thánh đế thậm thâm, Thập nhị nhơn duyên thậm thâm, lục Ba la mật, pháp tạng mà Bồ Tát phải học, bất thối chuyển luân và tịnh ba cảnh. Đây là pháp mà Bồ Tát phải niệm.

Phải niệm thế nào ?

Bồ Tát niệm xả, niệm muốn rời lìa, niệm diệt mất, niệm không lai không khứ, niệm không ổ hang, niệm không có tự tánh, niệm xuất thế gian, niệm hiểu suốt, niệm tận, niệm vô sanh, niệm vô thủ, niệm vô lậu, niệm vô vi, niệm Niết bàn không có tự tánh.

Bồ Tát nghĩ rằng ở trong các pháp còn có pháp tướng, tại sao, vì có tướng thì có động niệm, vì có động niệm thì còn điên đảo, vì còn điên đảo thì không có niệm pháp. Nếu rời lìa niệm pháp và phi pháp hai tướng ấy thì biết các pháp là vô sanh. Vì đã đoạn dứt pháp tướng nên được vô sanh nhĩn được vô sở đắc, vì là vô sở hữu vậy. Đây là Bồ Tát chẳng rời như như niệm pháp được Như Lai hứa khả.

Nầy Hu Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát chẳng rời là như như niệm giới được Như Lai hứa khả ?

Bồ Tát trì giới đến chỗ giải thoát oai nghi hạnh thành tựu, nhẫn đến giới vi tế sợ như kim cương, thường tu tịnh mạng khéo hộ trì giới. Bồ Tát tự niệm giới nhiếp thân khẩu là vô tác tướng mà cẩn thận phụng hành tu thắng chánh mạng, nơi Nhứt thiết trí tâm trọn chẳng phế bỏ, thuần chí bất động cũng trọn chẳng bỏ đại từ đại bi nhiếp thủ giáo hối chúng sanh phá giới. Thường tự nghĩ thà bỏ thân mạng chớ chẳng cầu các thừa khác. Đây gọi là giới. Bồ Tát thường niệm thắng giới, giới không có vết không có khuyết, giới chẳng hoang uế, giới chẳng mong cầu, giới chẳng ô nhiễm, giới không đục nhơ, giới mà người trí khen trọng, Bồ Tát niệm những giới như vậy, chẳng cậy trì giới, chẳng chê phá giới, chẳng khoe mình tốt, chẳng khi người lỗi, Bồ Tát trọn chẳng xả giới, chẳng y dựa giới cũng chẳng trụ nơi giới. Dầu bỏ tất cả các sự ỷ cậy trụ trước mà thật hành công hạnh lành tốt nơi sắc tướng. Đây là Bồ Tát chẳng rời là như như niệm giới được Như Lai hứa khả.

là Bồ Tát chẳng lìa như như niệm Tăng được Như Lai hứa khả vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát chẳng rời lìa như như niệm xả được Như Lai hứa khả ?

Xả ấy là xả của cải xả thiện pháp, xả thân, xả mạng, xả tất cả tà pháp tà đạo. Còn có xả chẳng lấy tất cả pháp, tại sao ? Vì nếu có thủ thì không có xả. Nếu chẳng thủ lấy thì gọi là cứu cánh xả. Trong cứu cánh xả thì không có cầu, không cầu thì không mong báo đáp. Không mong báo thì gọi là chơn thiệt xả.

Nếu Bồ Tát hành kiên cố xả như vậy, tùy nơi xả mà phát nguyện. Nếu lúc xả và lúc phát nguyện chẳng thấy Bồ đề và Phật pháp mà chuyên niệm xả, nhớ chu Bồ Tát quá khứ lúc hành đạo Bồ Tát hành xả thế nào, nay ta hành xả thế nào, có phải là chẳng bằng mà bị người trí chê chằng. Và Bồ Tát có thể xả tất cả. Xả rồi suy gẫm rằng : Trong sự xả ấy, ai là người xả, xả những vật gì, ai ghi nhớ xả ấy. Suy gẫm như vậy rồi thì đều trọn vô sở đắc, chẳng thấy có người xả, vật xả và kẻ ghi nhớ. Đây là Bồ Tát chẳng lìa như như niệm xả được Phật hứa khả.

ni tất cả biện tài tất cả sự việc Bồ Tát tất cả phương tiện đều đã cứu cánh. Chỉ do ghi nhớ các công đức như vậy nên với cung Trời Đâu Suất lòng Bồ Tát ấy sanh hân ngưỡng, nếu muốn sanh về cõi trời thì nên sanh trong cõi trời Đâu Suất tự nghĩ rằng lúc nào tôi sẽ được thân trời như vậy.

Bồ Tát lại niệm chư thiên cõi Sắc, đây là quả báo của các thiện các vô lượng tâm. Sanh về cõi Sắc rồi thì vượt quá khổ họa dục nhiễm của cõi Dục, nhứt tâm ở trong thiên dùng hỉ làm thực, một bề biết là thọ báo vui đê nhứt. Bồ Tát ấy suy nghĩ rằng chư Thiên cõi Sắc hưởng thọ chút ít thiên vị dùng làm hoan hỉ, vô thường mà quan niệm thường, nơi khổ quan niệm vui, nơi vô ngã quan niệm ngã, nơi không phải Niết bàn mà quan niệm là Niết bàn. Chư Thiên cõi Sắc cũng có vô thường biến đổi, chưa thoát khỏi phần địa ngục ngạ quỷ súc sanh. Suy nghĩ như vậy rồi, Bồ Tát ấy chẳng nguyện sanh về cõi Sắc, duy trừ Tịnh Cư Thiên chính nơi trời ấy nhập Niết Bàn chẳng trở lại sanh trong cõi Dục nữa. Bồ Tát nghĩ rằng đây là chư Thiên thanh tịnh đã thoát khỏi lưu chuyển sanh tử trong năm loài, do đây mà Bồ Tát ấy

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát chẳng rời lìa như như niệm thiên được Như Lai hứa khả ?

Niệm thiên là hoặc niệm Dục giới thiên hoặc niệm Sắc giới thiên, hoặc niệm Vô Sắc giới thiên.

Niệm Dục giới thiên vì là quả báo của trì giới, nơi ấy hưởng thọ sắc, thanh, hương, vị, xúc, thích ý, do thiên ngũ dục mà dạo chơi vui vẻ, thiên y phục, thiên ẩm thực đều tùy ý đầy đủ, một bề hưởng thọ sự vui thương yêu mừng rỡ thỏa ý. Với sự việc trên, Bồ Tát nghĩ rằng tất cả những sự hưng thịnh ấy rồi sẽ đều suy tàn diệt mất, hàng chư Thiên ấy cũng sẽ vô thường biến đổi do vì họ phóng dật nên chẳng tu tạo thiện căn, thiện nghiệp đã có từ trước nay đều lần lần sẽ hết. Dầu hiện nay họ được sanh ở cõi trời nhưng chưa thoát khỏi phần địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Suy nghĩ như vậy rồi, Bồ Tát chẳng hy vọng sanh về các cõi Trời Dục giới, duy trừ cung Trời Đâu Suất. Trong cung Trời Đâu Suất có bậc nhứt sanh bồ xứ Bồ Tát nơi tất cả công hạnh Bồ Tát đã đến cứu cánh, tất cả các địa tất cả thần thông tất cả các định tất cả đà la

Niết bàn, biết người đã nhập Niết bàn không có ấm giới nhập. Bồ Tát như vậy thấy chúng sanh tánh đồng Niết bàn quá các ấm giới nhập, thấy như bóng trong gương, như cảnh trong mộng không có sanh tử mà hiện sanh tử. Phàm phu chúng sanh như nơi kiết sử phiền não gây tạo các nghiệp, tạo phiền não nghiệp rồi thọ vô lượng khổ báo. Bồ Tát do sức Bát Nhã Ba la mật nên khéo quán kiết sử đoạn dứt nó khiến nó chẳng sanh, cũng chẳng còn như vì kiết sử mà tạo nghiệp để thọ khổ báo đến được nơi Niết bàn bình đẳng gọi đó là vô vi siêu quá tất cả toán số trí đạo. Vì chẳng bỏ bốn nguyện nên du hí đại từ, đã đến huệ phương tiện cứu cánh, đã nhập Phật thân thông lực, đã có thể khéo biết phân biệt các tướng, tự mình được độ hóa độ kẻ chưa được độ, tự mình đã giải thoát rồi giải thoát cho người chưa được giải thoát, tự mình đã được an lành an cho người chưa được an, tự mình được Niết bàn làm cho người chưa được Niết bàn khiến họ được Niết bàn. Với Niết bàn và sanh tử không quan niệm có hai, đây là Bồ Tát hành các pháp bình đẳng như Niết bàn vậy.

sanh lòng kính trọng Trời Tịnh Cư nhưng chẳng nguyện cầu sanh về cõi trời ấy.

Bồ Tát lại niệm chu Thiên cõi Vô Sắc thọ quả báo của Vô Sắc định đã quá Dục giới và Sắc giới, Trời Vô Sắc nầy tâm ở nơi tịch định. Bồ Tát ấy nghĩ rằng hàng chư Thiên cõi Vô Sắc nầy dầu thấy Phật nghe Pháp và cúng dường Tăng mà chư Thiên Vô Sắc chẳng biết cầu pháp ra khỏi cõi Vô Sắc, dầu trụ được lâu nhưng khi thời gian mãn rồi cũng vẫn biến đổi hoại diệt chưa thoát khỏi phần địa ngục ngạ quỷ súc sanh, do đây mà Bồ Tát ấy chẳng nguyện sanh về Trời Vô Sắc mà chỉ quan niệm ta sẽ làm bậc trời trong các trời là bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Bồ Tát ấy dầu niệm chu Thiên mà chẳng y dựa các cõi Trời Dục, Sắc, Vô Sắc, đối với chúng sanh trong ba cõi ấy phát khởi tâm đại bi cứu độ họ ra khỏi sanh tử lưu chuyển trong năm loài. Đây là Bồ Tát chẳng rời như như niệm thiên được Như Lai hứa khả vậy.

Lại nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát hành các pháp bình đẳng như Niết bàn ?

Bồ Tát biết nhập các pháp bình đẳng như Niết bàn, thấy tất cả chúng sanh tánh đồng

tướng ngu si, là tướng đẳng phần, là tướng tăng, là tướng giảm, là tướng trụ, là tướng đạt. Đây gọi là biết tướng sai biệt.

Thế nào là biết tướng nên được tu tập ?

Bồ Tát biết các hành các căn các giải ấy là tướng vô thường, là tướng khổ, là tướng vô ngã, là tướng không, là tướng tịch diệt, là tướng ly, là tướng như thiệt, là tướng Niết bàn, là tướng tướng tự không, là tướng tướng tự ly. Nếu có thể biết các hành các căn các giải như vậy. Như đức Như Lai thành tựu chư hành vô chướng ngại trí biết rõ tất cả chúng sanh các hành các căn các giải tướng sai biệt, Bồ Tát cũng kế thừa trí Như Lai biết rõ mà chẳng bỏ nên Bồ Tát sở hành giáo hóa chúng sanh không có mỗi một. Đây gọi là Bồ Tát khéo phân biệt hành tướng vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát thọ trì tạng pháp bửu của chư Phật Như Lai ?

Như Lai pháp bửu tạng là vô tận cũng là vô lượng đến tất cả chỗ làm vui đẹp tất cả chúng sanh.

Như chúng sanh các hành các căn các giải số đến vô lượng a tăng kỳ bất khả tư nghị bất khả xưng bất khả lượng, chư Phật Như Lai

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát khéo phân biệt hành tướng ?

Bồ Tát chuyên cần tinh tiến cầu pháp thắng thiện, nơi pháp môn thâm thâm tâm nhập suy lường thanh tịnh thông thạo rộng lớn huệ sáng được môn đại trí minh. Dùng sức đại trí minh môn ấy biết rõ tâm hành cảnh giới của tất cả chúng sanh, tổng nói mỗi chúng sanh có tám vạn bốn ngàn tâm hành, tất cả đều có thể rõ biết. Đó là tâm hành tham dục có hai vạn một ngàn, tâm hành sân hận có hai vạn một ngàn, tâm hành ngu si có hai vạn một ngàn, tâm hành đẳng phân có hai vạn một ngàn, cộng là tám vạn bốn ngàn tâm hành, mỗi chúng sanh đều có những tâm hành ấy, nếu phân biệt nói rộng thì có đến vô lượng tâm hành. Trong mỗi hành tướng môn ấy biết có tám vạn bốn ngàn căn môn. Trong mỗi căn môn ấy biết có tám vạn bốn ngàn những tri giải sai biệt. Bồ Tát biết hết các hành tướng các căn môn các tri giải tướng sai biệt, biết các tướng nên được tu tập.

Thế nào là biết tướng sai biệt ?

Bồ Tát biết các hành các căn các giải ấy hoặc là tướng tham dục, là tướng sân hận, là

nghĩa rộng vì mọi người mà giải nói. Bồ Tát ấy y nghĩa chẳng y văn, tịnh ý thành tựu pháp được nghe mà diễn nói nhấn đến chẳng sai sót một câu văn nghĩa, có thể tịnh môn biện tài khéo hay thuyết pháp vui đẹp lòng đại chúng, được chư Phật khen ngợi cũng hay hàng phục các ma ngoại đạo và cung kính cúng dường Tam bảo, nhấn đến chẳng thấy có một pháp khác với pháp tánh, chẳng hư hoại bốn tế, chẳng động như như pháp tánh được giác ngộ của Như Lai, vì biết tất cả pháp tánh như là sở giác của Như Lai, nhấn đến chẳng thấy có một pháp nào là chẳng nhập vào Phật pháp. Tại sao, vì Như Lai biết tất cả pháp tánh như ảo huyền vì không có thành tựu vậy, biết tất cả pháp tánh như dã mã vì vô sở thủ vậy, biết tất cả pháp tánh như tượng trong gương vì chẳng đến kia vậy, biết tất cả pháp tánh như mộng vì chẳng chon thiệt vậy, biết tất cả pháp tánh như vang vì theo duyên mà khởi vậy, biết tất cả pháp tánh là rỗng không vì hư giả không thiệt vậy, biết tất cả pháp tánh vô tướng vì vô phân biệt vậy, biết tất cả pháp tánh vô nguyện vì không có phát động vậy.

Đức Như Lai như thiệt biết tất cả pháp tánh là tướng như vậy. Bồ Tát biết tất cả pháp

pháp bửu tạng vô lượng a tăng kỳ bất khả tư nghị bất khả xưng bất khả lượng cũng như vậy.

Văn tụng pháp bửu tạng của Phật, giả sử tất cả chúng sanh đồng như A Nan trong một kiếp đến trăm kiếp cũng chẳng thể thọ trì đọc tụng thông thuộc các nghĩa được. Tại sao, vì Phật pháp bửu tạng chỉ có một nghĩa, đó là nghĩa ly dục, nghĩa tịch diệt, nghĩa Niết bàn.

Nếu Bồ Tát nghe Như Lai pháp bửu tạng rồi tùy khả năng được thọ rồi thọ trì đọc tụng thông thạo, khéo thuận tốt chánh quán rồi như sở thọ mà hành. Bồ Tát nhập vào pháp tạng môn kiên trì suy gẫm chẳng y dựa tất cả tướng hành thì được đà la ni môn tam muội môn. Khi được đà la ni môn tam muội môn rồi thì có thể thọ trì văn tụng và nghĩa pháp bửu tạng của một Như Lai, hoặc của hai Như Lai, hoặc của ba bốn đến mười Như Lai, hoặc của trăm, của ngàn vạn cho đến vô lượng vô biên a tăng kỳ bất khả tư nghị bất khả xưng bất khả lượng chư Như Lai. Nơi pháp bửu tạng của tất cả chư Phật, Bồ Tát ấy tâm chẳng tán loạn thọ trì đọc tụng thông thạo văn tụng và

Tát suy nghĩ rằng : Các chúng sanh ấy tôi phải khiến họ như thiết giác tri các pháp cho họ thoát khỏi vọng tưởng khổ não. Ở trong tất cả chúng sanh cũng chẳng thấy chúng sanh tánh nhưng vẫn chẳng bỏ đại bi thường giáo hóa chúng sanh. Đây là Bồ Tát phân biệt chúng sanh từ trước đến nay thường thanh tịnh mà giáo hóa họ.

Nầy Hu Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát khéo tùy thuận phát khởi công hạnh thành tựu Phật pháp ?

Bồ Tát nghe Phật pháp tối thắng thậm thâm vi diệu ở trong thế gian rồi phát khởi đại nguyện tinh tiến rằng : Tôi phải thành tựu Phật pháp tối thắng thậm thâm vi diệu ở trong thế gian. Khéo tư duy phân biệt như vậy : Là những pháp gì tương ưng với những pháp gì ? Là những pháp gì biết những pháp gì ? Bồ Tát lại suy nghĩ rằng : Không có pháp gì tương ưng với pháp cũng không có pháp gì chẳng tương ưng với pháp, không có pháp biết pháp cũng không có pháp chẳng biết pháp, vì các pháp tánh ấy là độn tánh là vô tánh. Các pháp ấy đều từ nhơn duyên sanh không có định chủ mà có thể tùy ý trang nghiêm có các thứ

tánh không có tánh có thể thọ trì pháp bửu tạng của Phật nhẫn đến tất cả chẳng phải niệm nhớ chẳng phải chẳng niệm nhớ. Đây là Bồ Tát thọ trì chu Phật pháp bửu tạng.

Nầy Hu Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát biết các chúng sanh từ vô thủy đến nay thường thanh tịnh mà giáo hóa chúng sanh ?

Bồ Tát vì giáo hóa tất cả chúng sanh nên lúc tu đại từ đại bi suy nghĩ rằng : những gì là chúng sanh ? Các chúng sanh ấy chỉ là danh tự giả là điên đảo hư giả mà gọi là chúng sanh thôi. Tất cả chúng sanh bốn tế thanh tịnh cứu cánh vô sanh vô khởi, chỉ như hư vọng ngu si mà tạo gây các thứ nghiệp, gây tạo nghiệp rồi thọ vô lượng ưu bi khổ não. Như có người trong giấc mộng cướp trộm tài vật của người bị nhà vua bắt trị phạt khốn khổ. Chiêm bao thấy mình làm kẻ giặc cướp hư vọng nhớ tưởng chịu các khổ não tự nghĩ rằng lúc nào tôi sẽ thoát được khổ não này. Người ấy ở trong giấc mộng thiết ra không có sự việc gì không có hay giác tri. Tất cả phàm phu và tất cả pháp đều cũng như mộng không có giác tri, vì bị điên đảo che chướng mà phải thọ lấy vô lượng vọng tưởng ưu bi khổ não cũng như vậy. Bồ

Bồ Tát tu tinh tiến hồi hướng Nhứt thiết trí thành tựu hạnh Tỳ lê gia Ba la mật. Bồ Tát Tỳ lê gia Ba la mật ấy có thể đầy đủ được Phật pháp.

Bồ Tát nhập thiên định hồi hướng Nhứt thiết trí thành tựu hạnh Thiên Ba la mật. Bồ Tát Thiên Ba la mật ấy có thể đầy đủ được Phật pháp.

Bồ Tát thanh tịnh Bát Nhã hồi hướng Nhứt thiết trí thành tựu hạnh Bát Nhã Ba la mật. Bồ Tát Bát Nhã Ba la mật ấy có thể đầy đủ được Phật pháp.

Lúc Bồ Tát khéo tùy thuận phát khởi công hạnh như vậy chẳng thấy có một pháp nào không có như không có duyên mà sanh, Bồ Tát cũng chẳng trụ trước nơi như duyên, tự khéo tùy thuận nhập vào tất cả pháp tánh.

Như ngã vô sanh vô khởi, tất cả pháp vô sanh vô khởi cũng như vậy.

Như ngã rỗng không, tất cả pháp rỗng không cũng như vậy.

Như ngã ly, tất cả các pháp ly cũng như vậy.

tướng quả báo. Vì các pháp vô tánh nên bố thí là trang nghiêm tướng đại phú. Bố thí được đại phú vì quả chẳng lìa nhơn vậy. Bố thí chẳng biết đại phú và đại phú cũng chẳng biết được bố thí. Trì giới là trang nghiêm tướng sanh Thiên, trì giới được sanh Thiên vì quả chẳng lìa nhơn vậy. Đa văn là trang nghiêm tướng trí huệ, đa văn được trí huệ vì quả chẳng lìa nhơn vậy. Tư duy là trang nghiêm tướng đoạn dứt kiết sử, tư duy thì được đoạn dứt kiết sử vì quả chẳng lìa nhơn vậy. Tư duy chẳng biết được đoạn kiết và đoạn kiết cũng chẳng biết được tư duy.

Bồ Tát nhớ niệm các pháp vô sanh có thể trang nghiêm tướng như vậy nên bố thí rồi hồi hướng Nhứt thiết trí thành tựu hạnh Đàn Ba la mật, Bồ Tát Đàn Ba la mật ấy có thể đầy đủ được Phật pháp.

Bồ Tát trì giới hồi hướng Nhứt thiết trí thành tựu hạnh Thi la Ba la mật. Bồ Tát Thi la Ba la mật ấy có thể đầy đủ được Phật pháp.

Bồ Tát tu nhẫn nhục hồi hướng Nhứt thiết trí thành tựu hạnh Sằn đề Ba la mật. Bồ Tát Sằn đề Ba la mật ấy có thể đầy đủ được Phật pháp.

Nầy Hu Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát nhập pháp môn thậm thâm mà tất cả hàng Thanh Văn và hàng Bích Chi Phật chẳng nhập được ?

Bồ Tát nhập pháp thậm thâm nhơn duyên, biết pháp nghịch và thuận nhơn duyên, khéo biết xuất, biết ly, biết sanh, biết diệt, biết tập, biết tận. Khéo biết chúng sanh do nhơn duyên gì mà thọ cấu, mà ly cấu, mà xả cấu được tịnh, nhĩn đến chẳng thấy có một pháp nào có cấu có tịnh. Biết tất cả pháp tánh tướng thanh tịnh, cũng chẳng được tướng pháp thanh tịnh, vì ngã thậm thâm vậy.

Bồ Tát biết tất cả pháp thậm thâm, vì ngã ly vậy.

Bồ Tát biết tất cả pháp ly vì ngã không có hai vậy.

Bồ Tát biết tất cả pháp không có hai vì nhĩn và sắc cả hai đều ly vậy. Nhĩn đến ý pháp cũng ly thì nhập đệ nhứt nghĩa, dò thế đế nên giả danh là các pháp, cũng chẳng chấp trước chơn đế và thế đế. Đây là Bồ Tát nhập pháp môn thậm thâm mà hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng nhập được.

Bồ Tát biết tất cả các pháp nhập vào bình đẳng như tánh, chẳng phải tạo tác chẳng phải chẳng tạo tác. Đây là Bồ Tát khéo thuận phát hạnh thành tựu Phật pháp vậy.

Nầy Hu Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát bất thối thân thông nơi các Phật pháp đều được tự tại ?

Bồ Tát giới thân chơn tịnh tâm định chẳng động được đại trí quang minh, đã thành tựu tu lương phước đức và trí huệ, đã được cứu cánh các Ba la mật, đã thành tựu tứ nhiếp pháp, đã tu bốn phạm hạnh, đã tu dục tiến niệm định bốn như ý túc. Vì khéo tu tứ thân túc nên được ngũ thân thông. Vì Bồ Tát bốn nghiệp thanh tịnh, vì siêng tinh tiến chẳng bỏ phế, vì thường chẳng tán loạn hành, vì khéo phục các kiết sử, vì lìa tâm niệm Thanh Văn Bích Chi Phật, vì thọ trì phương tiện, vì duyên đến các pháp bậc trên, vì vô ngã vô y hành, do đây mà Bồ Tát chẳng thối thân thông, nên Bồ Tát rất ráo biết các pháp bất thối, biết các pháp cùng pháp tánh bình đẳng không biến đổi sai khác, như hư không không có biến đổi. Đây là Bồ Tát bất thối các thân thông ở nơi các Phật pháp đều được tự tại vậy.

có tự tánh tha tánh thì không có sở sanh không có năng sanh, chưa sanh thì chẳng sanh được, đã sanh cũng chẳng sanh. Nếu chưa sanh chẳng phải chưa sanh chẳng sanh ấy thì cứu cánh không có sở sanh không có năng sanh. Vì thế nên tất cả các pháp đều vô sanh vô khởi, chỉ do văn tự mà có giả gọi là từ nhơn duyên sanh mà thiệt thì vô sanh, cũng không đoạn không thường. Tại sao ? Vì nếu các pháp mà có tánh sanh thì sẽ có diệt thành đoạn kiến, còn nếu không diệt thì thành thường kiến. Vì rời lìa đoạn kiến và thường kiến nên biết tất cả các pháp đều không có sanh. Đây là Bồ Tát ở nơi thập nhị nhơn duyên khéo được thắng trí phương tiện rời lìa kiến chấp nhị biên vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát được ấn Như Lai ấn cho trí phương tiện như như vô phân biệt ?

Nơi pháp thậm thâm, Bồ Tát được năng lực hiện tiền tri kiến rời tất cả dựa dính quá các hí luận được vô chung vô thỉ Vô sanh Pháp nhẫn. Đức Như Lai biết rõ căn Bồ Tát được thành tựu rồi liền lấy ấn Như Lai ấn cho, đó là thọ ký quyết định Chánh Đẳng Giác. Ấn Như Lai ấy không có sai, không có lầm, không

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát nơi thập nhị nhơn duyên khéo được thắng trí phương tiện rời lìa các kiến chấp nhị biên ?

Bồ Tát biết tất cả duyên sanh pháp nhiếp thuộc về cái khác : thuộc nhơn, thuộc duyên, thuộc hòa hiệp và thuộc sở do. Các pháp ấy đều từ cảnh giới duyên sanh đều riêng có sở nhơn đều riêng có sở y, các pháp mỗi mỗi đều tự mình không có tâm không có tướng sai khác.

Như bên ngoài các cỏ cây lùm rừng đều không có các căn không có ghi nhớ không có hay biết, vì y dựa các đại chủng bèn được tăng trưởng, mỗi mỗi đều không có tướng sai khác. Các pháp bên trong cũng như vậy, y dựa gây tạo các nghiệp tăng trưởng tất cả các pháp, không có các tướng ngã nhơn chúng sanh thọ mạng, cũng không có tác giả thọ giả. Các pháp lúc sanh không có gì là năng sanh, lúc diệt không có gì là năng diệt.

Bồ Tát suy nghĩ rằng : các pháp duyên sanh ấy đều riêng không có tự tánh. Vì nó không có tự tánh nên cái khác chẳng sanh nó được, sở nhơn cũng không có tự tánh và sở duyên cũng không có tự tánh. Không có tự tánh thì không có tha tánh. Nếu pháp không

trần cấu vậy, là vô sanh giới vì vô tác vậy, là vô diệt giới vì không diệt tận vậy, là vô lai giới vì chẳng nhập vào căn môn vậy, là vô khứ giới vì không có chỗ đến vậy, là bất khả an giới vì không có hình chất vậy, là không có ổ hang giới vì không có y chỉ vậy, là chơn thiết giới vì ba cảnh phần dứt hết vậy. Trong pháp giới ấy không có nhãn giới, không có sắc giới, không có nhãn thức giới, cho đến không có ý giới, không có pháp giới, không có ý thức giới. Như pháp giới tất cả pháp cũng như vậy. Vì thế nên gọi là tất cả pháp nhập vào pháp giới.

Bồ Tát ấy biết tất cả pháp nhập vào pháp giới, biết địa giới cùng pháp giới không có hai không có khác, biết thủy giới hỏa giới phong giới cùng pháp giới không hai không khác.

Bồ Tát biết dục giới cùng pháp giới bình đẳng không hai không khác, biết sắc giới, vô sắc giới, hữu vi giới, vô vi giới cùng pháp giới bình đẳng không hai không khác. Bồ Tát biết không có tâm cảnh giới và giác như vậy. Đây là Bồ Tát nhập vào môn pháp giới tánh thấy tất cả pháp tánh bình đẳng vậy.

có chướng ngại, không có tranh, không có giành chẳng bị trở ngại, không ai bác được không ai phế được. Bồ Tát được Như Lai ấn rồi thì nguyện hạnh thành tựu được nước trí rưới vào đầu.

Bồ Tát được các ấn như vậy ấn cho : đó là ấn cứu cánh vô sanh vô khởi, ấn không, ấn vô tướng, ấn vô nguyện, ấn ly nhiễm, ấn tịch diệt, ấn Niết bàn. Bồ Tát trí hành được thành tựu chẳng hư hoại tánh như, chẳng biến đổi pháp giới, chẳng lìa bốn tế, ở trong các pháp chẳng thấy thượng trung hạ đen trắng v.v... sai khác. Bồ Tát cũng thấy tất cả chúng sanh được ấn ấy ấn cho, Bồ Tát không có nhớ nghĩ phân biệt chẳng bỏ bốn đại thế nguyện. Đây là Bồ Tát được ấn Như Lai ấn cho được trí phương tiện như như vô phân biệt vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát nhập môn pháp giới tánh thấy tất cả pháp tánh bình đẳng ?

Bồ Tát thấy các pháp giới không chỗ nào chẳng đến không lai không khứ, vô sanh vô diệt, vô tướng vô khởi, vô hí vô hành. Bồ Tát suy nghĩ rằng : các pháp ấy đều đồng pháp giới như pháp giới, là rời lìa dục giới vì là

hiếu rõ phân biệt quán hạnh thân chúng thành tựu Phật pháp chưa được đủ, trọn chẳng có giữa đường, mà chúng nhập thiết tế. Bồ Tát khéo nhập các thiên định giải thoát tam muội, cũng chẳng nhàm lìa dục giới mà thị hiện thọ sanh trong cõi dục. Bồ Tát đã lìa các ấm giới nhập không hình không sắc không hành mà tùy thuận chúng sanh tánh rồi tùy ý thị hiện các loại thân hình để thuyết pháp cho họ, chuyển pháp luân thị hiện đại Niết bàn, cũng chẳng bỏ hạnh Bồ Tát nhập vào pháp môn bất tư nghị như vậy. Bồ Tát biết tất cả pháp không có tánh tướng, chẳng động chẳng hu hoại chẳng tan, ở nơi Đại thừa này chẳng thối chuyển. Như kim cương bửu châu có thể soi xét tất cả châu báu khác, mà tất cả báu khác chẳng thể soi xét châu này được. Cũng vậy, Bồ Tát có thể dùng Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa độ vô lượng vô biên chúng sanh khiến chúng nhập Niết bàn mà tự mình chẳng diệt độ cũng chẳng thối cứu cánh Đại thừa. Đây là Bồ Tát thuần chí kiên cố như kim cương tâm vững trụ chẳng dao động nơi Đại thừa này vậy.

Này Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát tự tịnh giới của mình như chư Phật giới ?

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát thuần chí dụ như kim cương tâm trụ bất động nơi Đại thừa này ?

Bồ Tát dùng trực tâm hành thành tựu tịnh thuần chí, dùng tinh tiến bất thối cứu cánh bất giảm, dùng đại từ vô ngại, dùng đại bi không mồi, dùng phương tiện khắp đến được thành tựu quán huệ chơn thiết vô ngại, các pháp như vậy đều được thành tựu. Bồ Tát thấy tất cả chúng sanh có cấu có trược phạm ngu thô cứng cự nghịch chẳng thuận, do đây mà Bồ Tát giáo hóa tất cả chúng sanh chẳng bỏ rời tinh tiến. Bồ Tát thấy sinh tử có vô lượng vô biên lỗi họa ưu bi khổ não, vì vậy nên Bồ Tát chẳng thối bỏ trang nghiêm vị lai tế. Bồ Tát cũng hiểu vô lượng vô biên a tăng kỳ các Phật pháp. Bồ Tát vì thành tựu các Phật pháp khó tụ tập khó thọ trì khó đầy đủ nên trông các thiện căn để có thể nhập vào vô lượng pháp bửu tạng của Như Lai.

Vì chúng sanh tánh vô lượng, vì pháp tánh vô lượng, vì hư không tánh vô lượng, vì thọ trì pháp bửu tạng của tất cả Như Lai, nên Bồ Tát chẳng bỏ tinh tiến nghe tất cả pháp không vô tướng vô nguyện, vô tác, vô sanh, vô khởi,

ưa thích, tu cầu pháp không nhàm, tu pháp thân cận cúng dường bậc đa văn trí huệ, tu pháp đối với Hòa Thượng A xà lê không lòng kiêu mạn thường tôn trọng cung cấp hầu hạ, tu đúng theo pháp được dạy bảo không hề chống trái, tu đối với người thuyết pháp tưởng như Phật không tìm chỗ dở, tu thọ trì chánh pháp khai thị giải thuyết, tu không hề lẩn tiếm pháp đã được, tu không hy vọng mà làm pháp thí, tu cầu gốc rễ trí huệ, tu khéo thuận tư duy đúng pháp được nghe, tu kiên cố thọ trì pháp được nghe, tu với phạm hạnh không thôi nghỉ, tu thích xa lìa thật hành hạnh a lan nhã, tu tâm thường tịch tĩnh, tu siêng chánh niệm, tu thuận theo lục hòa kính, tu với các bậc tôn trưởng không khinh mạn, tu tâm vô ngại ở trong tất cả chúng sanh, tu pháp duyên sanh được tùy thuận nhận, tu tam giải thoát môn chánh quán lòng không kinh sợ, tu tứ thánh chủng hạnh mà chẳng kinh nghi, tu siêng thọ trì chánh pháp của chư Phật, tu vì chúng sanh mà hành đại từ, tu thọ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng, tu đại trí hạnh chẳng sanh kiêu mạn, tu thường giáo hóa chúng sanh mà không nhàm mỏi. Đây là ba mươi hai pháp tu đà la ni hạnh của Bồ Tát

Bồ Tát biết tất cả pháp không có giới không có tác giới, đến tất cả nơi chỗ không có đến không có chẳng đến. Nếu Bồ Tát thấy pháp phát khởi lục tình đều biết là Phật pháp, cũng chẳng thấy phàm phu pháp và Phật pháp có khác. Bồ Tát nghĩ rằng tất cả pháp này đều là Phật pháp vì Phật pháp đến tất cả chỗ vậy. Tất cả pháp và Phật pháp chỉ có danh tự giả, cũng chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp. Vì vậy nên chúng ta chẳng nên thủ trước. Do vì tự giới tịnh nên biết tất cả Phật giới tịnh, pháp ấy cùng đồng là bình đẳng. Nhân giới là Phật giới cho đến ý giới là Phật giới. Ta chẳng nên phân biệt trong ấy có tôn có ti. Bồ Tát đến Nhứt thiết pháp bình đẳng giới như vậy. Đây là Bồ Tát tự tịnh giới của mình như chư Phật giới.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát được đà la ni trong không thất niệm ?

Bồ Tát đã được thành tựu đà la ni hạnh, thế nào là đà la ni hạnh ? Đà la ni hạnh có ba mươi hai thứ :

Bồ Tát tu nơi pháp đã được, vì đà la ni nên tu pháp nguyện, tu pháp tôn trọng, tu pháp hồi hướng, tu pháp kính ngưỡng, tu pháp

chỗ tán thán pháp có trí dạy người chẳng bằng, nơi nghĩa các kinh được trí vô phân biệt, nơi các văn tự được trí vô tận, nơi tất cả chúng sanh được trí xứng đủ, tùy pháp học hiểu được trí thuyết pháp, nơi tất cả văn tự được trí biện sở nhơn, nơi tất cả cấu tịnh được trí như thiệt thấu biết, nơi tất cả pháp được trí sáng không chướng che. Đây là đà la ni ấy vậy.

Bồ Tát được đà la ni bình đẳng tâm thì bỏ lìa ghét thương, kham nhận pháp vũ, dứt tất cả kiết sử nhiệt não, thuận các pháp trợ đạo, đây là đà la ni ấy vậy.

Bồ Tát do an trụ đà la ni ấy nên thường tu hành không lỗi. Đây là Bồ Tát được đà la ni trong chẳng thất niệm vậy.

Này Hu Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát được biện tài vô ngại Như Lai gia trì ?

Bồ Tát khéo tịnh thuận chí khéo thủ hộ giới tự trừ hết gốc kiêu mạn, lìa quan niệm mình người, chư Phật Thế Tôn biết Bồ Tát như vậy là đại pháp khí nên khiến thọ trì chánh pháp, do nơi Phật thần lực cùng sức tự thiện căn nên được biện tài lanh lẹ, được biện tài mau chóng, được biện tài vô ngại, được biện tài không ngừng trệ, được biện tài khéo

vậy. Bồ Tát tu rồi được môn đà la ni như vậy. Vì được môn đà la ni ấy nên có thể tổng trì pháp được nói của tất cả chư Phật chẳng quên chẳng mất.

Đà la ni ấy là với pháp được nghe chẳng quên chẳng mất, dùng niệm mà nhớ, dùng ý phân biệt, dùng tinh tiến hay giác ngộ, nơi các văn tự được không bờ mé, nơi các ngữ ngôn tùy theo các loài đều khéo hiểu rõ, ngôn từ biện thuyết không có trệ ngại. Với kinh bất liễu nghĩa khéo hay tiến vào, nơi kinh liễu nghĩa tiến vào cứu cánh, nơi thế tục để có trí phân biệt, nơi đệ nhất nghĩa để biết là không có ngôn thuyết, nơi các đế có trí phân biệt, nơi Tứ niệm xứ có trí chẳng quên, nơi Tứ chánh cần có trí vô hoại, nơi Tứ thần túc có trí du hí, nơi các căn môn có trí sai biệt, ở trong các lực được trí vô thắng, nơi Thất giác phần có trí giác tất cả pháp như tánh, nơi Bát thánh đạo có trí không thối mất, ở trong pháp thiện định được tâm thiện trụ, ở trong pháp chánh huệ được trí biến chí, nơi minh giải thoát được trí tùy thuận, ở trong các biện tài được trí thâm nhập, nơi các thần thông được trí sanh khởi, nơi các Ba la mật được trí phân biệt, nơi tứ nhiếp pháp được trí phương tiện, với

trệ. Vì lìa lương thiệt nên được biện tài nói khéo. Vì nhập nhơn duyên pháp vô tế nên được biện tài thâm thâm. Vì làm các việc bố thí nên được biện tài đầy đủ âm thanh. Vì nghiêm sức tháp miếu Như Lai nên được biện tài thiện trang nghiêm. Vì chẳng bỏ tâm Bồ đề nên được biện tài không giảm khuyết. Vì khéo hộ trì giới tụ nên được biện tài vô úy. Vì cúng thí những tràng phan lọng đẹp linh báu nên được biện tài kệ hay tán thán. Vì cung kính cúng dường cấp thị chư tôn trưởng nên được biện tài nói tốt tu đa la. Vì từ xưa vun trồng tu tập vô lượng thiện căn nên được biện tài khéo nói thí dụ bốn duyên. Vì chẳng khinh tiệt chúng sanh ác đạo nên được biện tài không ai hơn không ai phá được. Vì cúng thí vô lượng bửu tạng nên được biện tài phân biệt câu vô tận. Vì nói năng chơn thiệt không thô cộc nên được biện tài tròn đủ. Vì lúc thuyết pháp không tranh cạnh nên được biện tài oai đức không ai trái nghịch. Vì đức thuần tịnh thuận pháp luật hành nên được biện tài thuyết pháp không luống uổng. Vì chẳng lẫn tiếc nơi pháp chẳng cậy ý nơi đức của mình nên được biện tài hay dứt nghi cho đại chúng. Vì lúc cầu pháp chẳng lấy oai bức người thường có lòng cung kính

nói, được biện tài thậm thâm, được biện tài các thanh âm đầy đủ, được biện tài thiện trang nghiêm, được biện tài không giảm khuyết, được biện tài vô úy, được biện tài kệ hay tán thán, được biện tài nói kệ kinh tốt, được biện tài khéo nói thí dụ bốn duyên, được biện tài không ai hơn không ai phá được, được biện tài phân biệt câu vô tận, được biện tài viên mãn đầy đủ, được biện tài oai đức không ai trái nghịch, được biện tài thuyết pháp không luống uổng, được biện tài dứt nghi cho đại chúng, được biện tài đáp lời lẽ, được biện tài phân biệt văn tự không sai lầm, được biện tài vui đẹp đại chúng, được biện tài phương tiện vấn đáp, được biện tài dùng chánh pháp hàng phục tất cả ngoại đạo, Bồ Tát ấy đã thành tựu hai mươi bốn biện tài như vậy.

Bồ Tát tu hành hai mươi bốn nghiệp nhơn thì được thành tựu hai mươi bốn biện tài ấy.

Những gì là hai mươi bốn nhơn ?

Vì chẳng trái nghịch lời dạy của Sư trưởng nên có thể được biện tài lanh lợi. Vì chẳng đua vạy nên có thể được biện tài mau chóng. Vì bỏ lìa phiền não nên được biện tài vô ngại. Vì không chấp ngã nên được biện tài không

thiệt quán biết các pháp vô sanh vô khởi vậy. Vì tịnh giống bốn nguyên vậy. Vì thường chẳng bỏ đại từ đại bi vậy. Vì biết tất cả pháp như huyễn như hóa vậy. Vì biết các pháp như mộng tưởng vậy. Vì được tất cả gia oai thần vậy.

Đây là Bồ Tát thành tựu mười hai pháp không có sanh mà thị hiện thọ sanh, không có khởi mà thị hiện phát khởi, thị hiện tất cả thân sanh tử. Nơi pháp hội của tất cả chư Phật thị hiện thân mình. Ở các Phật quốc độ đều thị hiện thọ sanh mà thường chẳng động nơi chơn pháp thân. Đây là Bồ Tát được tự tại thị hiện thọ sanh tử vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát phá các oán địch trừ lìa bốn ma ?

Bồ Tát chuyên cần tu tập quán năm ấm như ảo huyễn thì được lìa ma ngũ ấm. Vì quán các pháp tánh thanh tịnh nên lìa ma phiền não. Vì quán tất cả pháp theo duyên sanh tánh nó chẳng thành tựu nên lìa ma chết. Vì quán tất cả pháp được duyên tạo thành là tướng vô thường bại hoại nên lìa thiên ma.

Vì Bồ Tát quán các pháp như vậy nên được lìa bốn ma tiến đến Bồ đề trọn chẳng giải đãi.

nên được biện tài ứng đối lạ. Vì thường xét lỗi mình chẳng chê chỗ khuyết kém của người nên được biện tài phân biệt văn tự không sai lầm. Vì bình đẳng nhuần ích cho chúng sanh chẳng mong báo đáp nên được biện tài vui đẹp đại chúng. Vì thọ trì đại thừa chẳng cầu tiểu thừa nên được biện tài phương tiện vấn đáp. Vì chẳng chấp ngã kiến nhập vào tánh bình đẳng nên được biện tài dùng chánh pháp hàng phục tất cả ngoại đạo. Đây là hai mươi bốn như thành tựu các biện tài, khéo có thể tùy theo chỗ đáng được nhận hiểu của các chúng sanh kia mà thuyết pháp không có sai lầm, những pháp được học cũng chẳng thối thất. Đây là Bồ Tát được biện tài vô ngại Như Lai gia trì vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát được tự tại thị hiện thọ thân sanh tử ?

Bồ Tát thành tựu mười hai pháp thì được tự tại thị hiện thọ thân sanh tử.

Vì thân cận bậc chơn thiện tri thức vậy. Vì tiêu trừ ngã kiến vậy. Vì trọn nên giới thân vậy. Vì khéo biết nhập định xuất định vậy. Vì gồm tu trí huệ phương tiện vậy. Vì khéo biết thâm nhập các thần thông du hí vậy. Vì nhu

vọng chánh vị là ma nghiệp. Bỏ lìa đại từ mà quán vô sanh là ma nghiệp. Muốn chúng pháp vô vi là ma nghiệp. Nhàm lìa công đức hữu vi là ma nghiệp. Chẳng thương chúng sanh là ma nghiệp. Chẳng khiêm hạ bực tôn trưởng là ma nghiệp. Tập làm lương thiện là ma nghiệp. Dua nịnh nhiều gian là ma nghiệp. Hiển bày tịnh hạnh của mình là ma nghiệp. Làm ác chẳng thẹn là ma nghiệp. Chẳng lưu bố chánh pháp là ma nghiệp. Lấy ít công đức làm đủ là ma nghiệp. Chẳng ngăn kiết sử là ma nghiệp. Chẳng bỏ tâm cầu là ma nghiệp. Chịu Sa Môn cầu là ma nghiệp. Tóm lại, nếu thân cận làm tất cả pháp bất thiện mà xa lìa tất cả thiện pháp đều là ma nghiệp cả. Đây là ma nghiệp. Người làm các nghiệp ấy thì chương đạo Bồ đề. Chư Bồ Tát ấy đã vượt quá đã bỏ lìa nên có thể chánh thọ hành.

Thế nào là chánh thọ hành ?

Bồ Tát thành tựu bốn pháp thì có thể chánh thọ hành.

Một là nơi các pháp Ba la mật không giải đãi thối thất hành. Hai là chẳng bỏ dục tiến và bất phóng dật. Ba là chánh trụ trong pháp

Bao nhiêu ma nghiệp chúng ngại Bồ đề, Bồ Tát đều xa lìa cả. Sao gọi là ma nghiệp ?

Có tâm niệm hướng đến Nhị thừa là ma nghiệp. Chẳng thủ hộ Bồ đề tâm là ma nghiệp. Với các chúng sanh có quan niệm sai khác là ma nghiệp. Nơi bố thí mong báo là ma nghiệp. Vì thọ sanh mà trì giới là ma nghiệp. Có sắc tướng mà tu hành nhẩn nhục là ma nghiệp. Vì thế sự mà siêng tinh tiến là ma nghiệp. Nơi thiền định có ý tưởng thích ưa là ma nghiệp. Nơi huệ sanh hí luận là ma nghiệp. Nhàm mỗi sanh tử là ma nghiệp. Tu các thiện căn mà chẳng hồi hướng Vô thượng Bồ đề là ma nghiệp. Chán ghét phiền não là ma nghiệp. Phạm tội phú tàng là ma nghiệp. Ganh ghét chư Bồ Tát là ma nghiệp. Phỉ báng chánh pháp là ma nghiệp. Chẳng thọ học chánh pháp là ma nghiệp. Chẳng biết báo ơn là ma nghiệp. Chẳng tiến cầu các Ba la mật là ma nghiệp. Chẳng kính thuận chánh pháp là ma nghiệp. Lấn tiếc nơi pháp là ma nghiệp. Vì lợi dưỡng mà thuyết pháp là ma nghiệp. Chẳng biết phương tiện mà hóa độ chúng sanh là ma nghiệp. Bỏ tứ nhiếp pháp là ma nghiệp. Khinh hủy cấm giới là ma nghiệp. Ganh ghét người trì giới là ma nghiệp. Học hạnh Nhị thừa là ma nghiệp. Hi

lượng cội Phật dùng vô số phương tiện độ nhiều chúng sanh. Do siêng cầu pháp không mỗi một nên được mỗi lỗ lông phát xuất vô lượng pháp môn. Dùng sức phát xuất vô lượng pháp môn, Bồ Tát có thể thường dùng pháp thí lợi ích chúng sanh. Do gồm tu huệ phương tiện Ba la mật nên được trí phân thân. Dùng sức trí phân thân ấy Bồ Tát có thể ở trong các loài nơi nơi hiện thân hóa độ quần sanh. Do thường dùng vô tướng cung kính cấp thị chư Phật nên được kiến văn không nhàm chán. Dùng sức kiến văn không chán ấy, có chúng sanh nào được thấy nghe Bồ Tát ấy, thì các chúng sanh ấy nhẫn đến do nơi Bồ Tát mà làm nhơn đại Niết bàn. Đây là Bồ Tát trang nghiêm công đức tu lương lợi ích chúng sanh.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát ở nơi thời gian không có Phật xuất thế mà có thể làm Phật sự hóa độ chúng sanh ?

Bồ Tát đã thành tựu Bồ Tát thập lực, đã ở trong bốn vô sở úy của Bồ Tát được tự tại, đã ở trong Bồ Tát mười tám pháp bất cộng chẳng từ người khác để thọ, đã tu Như Lai lực vô sở úy pháp bất cộng, đã được du hí thủ lăng nghiêm tam muội, đã ở nơi bốn biện tài

phương tiện đại từ. Bốn là nhập pháp môn thậm thâm không có ái không có ô nhiễm.

Vì Bồ Tát thành tựu bốn pháp chánh thọ hành nên có thể phá các oán địch. Đây là Bồ Tát hay phá oán địch trừ lìa bốn ma vậy.

Này Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát trang nghiêm tư lương công đức lợi ích các chúng sanh ?

Bồ Tát thiện căn hồi hướng hướng đến Vô thượng Bồ đề. Nếu có thiện căn được vun trồng như bố thí ái ngữ lợi hành đồng sự đều đem thí cho tất cả chúng sanh. Do thanh tịnh giới tự nên được sức tự tại. Dùng sức tự tại ấy, Bồ Tát tùy theo chỗ đáng ưa thích của các chúng sanh mà hóa độ họ. Do vun trồng công đức không chán nhàm nên được tay báu vô tận. Dùng báu thủ vô tận ấy, Bồ Tát có thể bố thí chúng sanh vô lượng giàu vui. Do cầu vô biên trí huệ tư lương nên được biện tài đà la ni vô ngại. Dùng vô ngại đà la ni biện tài ấy, Bồ Tát có thể tổng trì chỗ nói của tất cả chư Phật, Bồ Tát có thể nói diệu pháp làm vui đẹp đại chúng. Do vì khéo điều thân tâm nên chẳng thối thân thông. Dùng sức các thần thông bất thối ấy, Bồ Tát có thể qua đến vô

mà Bồ Tát xả thí những món trang sức trên thân và nhà cửa. Vì nghe pháp mà Bồ Tát có thể hạ mình hầu hạ chịu sự sai khiến. Vì nghe pháp mà Bồ Tát bỏ ngôi cao sang cả nước cho đến xả thân mạng mình. Bồ Tát dùng vô số phương tiện siêng cầu pháp môn như vậy mà chẳng cậy sở hành. Vì nghe pháp mà Bồ Tát đi đến một do tuần hoặc trăm do tuần. Vì nghe một bài kệ bốn câu để thọ trì đọc tụng rộng vì người giải nói mà chẳng bỏ tinh tiến ấy.

Bồ Tát này tự thành tựu đa văn, với tất cả chúng sanh phát tâm đại bi tâm không ái nhiễm tâm chẳng mong báo đáp mà vì họ thuyết pháp, nhẫn đến không khinh rẻ một chúng sanh, thuyết pháp một ngày đến bảy ngày không quan niệm ăn uống cho đến mạng chung cũng không bỏ thuyết pháp. Dem thiện căn thuyết pháp hồi hướng hải ấn tam muội. Tùy pháp được nghe thọ trì đọc tụng thông thạo khéo biết nghĩa thú chẳng y dựa văn tự chơn thiết kiên trì trọn đời chẳng bỏ. Bồ Tát phát đại nguyện tinh tấn, dùng sức đại nguyện tinh tiến ấy chẳng bao lâu bèn được hải ấn tam muội. Được tam muội này rồi thì được tự nhiên vô lượng a tăng kỳ trăm ngàn vạn pháp môn, được vô lượng a tăng kỳ trăm ngàn vạn

được trí lực tự tại, đã ở trong Phật pháp được quán đánh chánh vị, ở nơi tất cả Bồ Tát hạnh được thần lực kế thứ Phật.

Nếu Bồ Tát thành tựu các pháp như vậy, chúng sanh nơi các Phật độ nào đáng thấy thân Phật mà được hóa độ, nhưng Phật độ ấy nhằm thời kỳ không có Phật xuất thế, thì Bồ Tát ấy liền ở quốc độ ấy thị hiện thời gian nhập thai, sơ sanh, xuất gia, thị hiện thời gian ngồi đạo tràng chuyển pháp luân, thị hiện xả thọ mạng đến thời gian nhập Niết bàn, cũng có thể thị hiện đại bát Niết bàn, cũng thị hiện pháp trụ thời tiết lâu mau, cũng còn chẳng bỏ Bồ Tát hành pháp, cũng chẳng dùng chỗ được hóa độ lấy đó làm đầy đủ. Đây là Bồ Tát lúc thế gian không có Phật có thể làm Phật sự giáo hóa chúng sanh.

Nầy Hu Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát nhập hải ấn tam muội có thể biết tâm hành của tất cả chúng sanh ?

Bồ Tát đa văn như biển thành tựu huệ tự, thường siêng cầu pháp. Vì nghe pháp mà Bồ Tát có thể xả thí hết trân bửu kho tàng. Vì nghe pháp mà Bồ Tát có thể xả thí hết tôi tớ kẻ sai sử vợ con quyến thuộc. Vì nghe pháp

không có tham trước. Bồ Tát chẳng thấy các pháp có chỗ trước, cách trước và ai trước. Đây là Bồ Tát biết rõ trần giới vô ngại vậy.

Này Hu Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát oai nghi hạnh thành tựu là các tối tâm được ánh sáng thù thắng, ở trong các pháp được tự nhiên trí, mau được thành tựu Nhứt thiết trí hành ?

Bồ Tát phát khởi chỗ làm tu tập chánh hạnh các nghiệp đều được Như Lai hứa khả, người trí khen ngợi, đó là các nghiệp nơi thân, khẩu và ý. Do hành các chánh hạnh nghiệp ấy nên vui đẹp chư Phật và chư Hiền Thánh các bậc thiện tri thức. Những nghiệp hạnh được làm không ai có thể chê trách, là tối thắng vô thượng vô đẳng. Không ai có thể phá tổn nghiệp hạnh của Bồ Tát ấy. Nơi các nghiệp hạnh đã làm Bồ Tát ấy trọn không thối hối. Các nghiệp được làm chẳng xen tạp ngu si, các nghiệp được làm đều có thể xem thấy biết rõ, các nghiệp được làm trọn chẳng động chuyển, các nghiệp được làm đều cứu cánh lành tốt. Bồ Tát ấy biết các nghiệp được làm chẳng phải do kiêu mạn, là trí huệ làm chẳng phải do ngu si.

ức tu đa la chẳng nghe nơi người mà tự nhiên có thể diễn nói. Pháp của tất cả chư Phật nói đều có thể thọ trì, có thể rõ biết tâm hành của tất cả chúng sanh.

Dụ như Diêm Phù Đề tất cả chúng sanh thân và những hình sắc cảnh ngoài đều có ấn tượng trong đại hải, vì vậy mà gọi đại hải là ấn. Cũng vậy, Bồ Tát được hải ấn tam muội rồi có thể phân biệt thấy tâm hành tất cả chúng sanh, nơi tất cả pháp môn đều được huệ sáng tỏ. Đây là Bồ Tát được hải ấn tam muội thấy tâm hành cảnh giới của tất cả chúng sanh vậy.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát biết các trần giới vô ngại ?

Do nhãn không nên Bồ Tát biết sắc cũng không, do sắc ly nên biết nhãn cũng ly, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, và ý không nên Bồ Tát biết thanh, hương, vị, xúc và pháp cũng không, do thanh, hương, vị, xúc và pháp ly nên biết nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý cũng ly.

Bồ Tát như thiệt biết không tánh ly tánh, nơi nội pháp và ngoại pháp không có chuống ngại.

Bồ Tát vì biết các kiết bốn tánh tịnh thì không phát khởi các sử. Nơi tất cả các pháp

Vô chương ngại giải thoát
Đây đủ Nhứt thiết trí
Chẳng sắc chẳng chủng tánh
Niệm Phật chẳng công đức
Thường nhớ tướng pháp thân
Niệm này Phật hứa khả
Ly dục tánh tịch tĩnh
Chẳng tướng chẳng sáng tối
Không tâm không ý hành
Đây gọi là niệm Pháp
Thánh vô vi không ái
Không các phiền não nhiễm
Do giải thoát được tên
Gọi niệm Tăng vô ngại
Đã bỏ tất cả thọ
Không ẩm giới nhập hành
Giải thoát các động niệm
Gọi cứu cánh niệm xả
Chẳng dựa vô lậu giới
Chẳng hành thân khẩu ý
Chẳng sanh quá ba cõi
Gọi niệm vô lậu giới
Nhu trời sạch không nhơ

**Trời Đâu Suất quán đánh
Ghi nhớ nghiệp báo mình
Sẽ làm Trời trong Trời
Trì chánh pháp của Phật
Bỏ lìa các phiền não
Giải thoát pháp phi pháp
Là trì chánh pháp Phật
Nhu Phật đặc đạo tướng
Thọ trì pháp cũng vậy
Khéo tư duy chơn tế
Không pháp nhiếp trì được
Nhu tánh ngã thanh tịnh
Tánh các pháp cũng tịnh
Biết chúng sanh tướng như
Mà giáo hóa chúng sanh
Chẳng thấy chúng sanh tăng
Chẳng thấy chúng sanh giảm
Dạy dứt tướng điên đảo
Giáo hóa vô lượng chúng
Nói các ấm giới nhập
Chẳng khác với Phật giới
Biết như hư không tánh
Thì nhập vào Phật giới**

Ngôn ngữ các văn tự
Đường như vang ứng tiếng
Biết chẳng nội chẳng ngoại
Liên được đà la ni
Thọ trì đọc tụng thạo
Tiến cầu nói các pháp
Không quan niệm ngã pháp
An trụ đà la ni
Trì pháp được Phật nói
Khéo nói vui đại chúng
Chẳng mất các thiền định
Là sức đà la ni
Chẳng trì chẳng tụng văn
Chẳng tích tập các pháp
Thường thuyết pháp vô ngại
Nhu rộng tuôn mưa lớn
Không trụ không chướng ngại
Nói vô lượng kế kinh
Chẳng quan niệm chúng sanh
Người trí được biện tài
Do Phật lực thuyết pháp
Trang nghiêm oai nghi mình
Tùy sở thích đại chúng

**Biện tài nầy Phật hứa
Người biết pháp thiết tánh
Bình đẳng như hư không
Không ngã hơn thọ mạng
Trì Phật pháp như vậy
Chúng sanh đồng Niết bàn
Cứu cánh bất sanh diệt
Được trí bất động nầy
Đây là bất phóng dật
Thấy các ấm như huyễn
Các giới như pháp tánh
Lục nhập duyên sanh rỗng
Được lìa ma ngũ ấm
Kiết sử như mây nổi
Cứu cánh không hòa hiệp
Nơi pháp không vọng tưởng
Lìa được phiền não ma
Biết chúng sanh chẳng sanh
Vô sanh thì vô diệt
Các pháp không khứ lai
Nhu vậy quá tử ma
Người không ái không động
Hành đạo không tướng đạo**

Hành bi không ngã hơn
Thì hàng phục chúng ma
Biết trí thức bình đẳng
Chẳng trụ vi vô vi
Biết chúng sanh tâm như huyễn
Tâm khỏe không phá được
Đây kia không chướng ngại
Thành tựu thắng pháp thuyền
Đưa chúng không tưởng chúng
Gọi là Đại Thuyền Sư
Biết không không có ngã
Sạch sanh tử khát ái
Dù dắt đưa chúng sanh
Gọi là Đại Đạo Sư
Khéo biết tướng tiến thoái
Tùy pháp mà y chỉ
Phương tiện hiện Niết bàn
Phật nói Thiện Đạo Sư
Biết tâm tâm tương tục
Hai tâm chẳng cộng chung
Gọi là biết tâm tánh
Phật khen hay hộ chúng
Biết các pháp tánh tịnh

**Như không trắng trong nước
Người biết lìa phiền não
Gọi là tịnh chúng sanh
Biết một biết tất cả
Biết các pháp như mộng
Hư không chẳng lấy được
Đắc đạo không nhiễm ô”.**

Lúc đức Phật nói môn phân biệt các pháp ấy có bảy mươi hai na do tha chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề, ba vạn hai ngàn Bồ Tát được Vô sanh Pháp nhẫn. Nhà Đại Bửu Trang Nghiêm Đường chấn động sáu cách, ánh sáng lớn chiếu khắp. Chu Thiên ở trên không trời trăm ngàn kỹ nhạc mưa các thứ hoa trời và đồng thanh nói rằng : “Các chúng sanh ấy được ấn Như Lai ấn cho, đã vào trong pháp Như Lai nghe pháp môn ấy được tịnh tín giải thọ trì thông thạo có thể diễn nói cho mọi người và như pháp tu hành”.

Chu Thiên bạch đức Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Tất cả chúng tôi hướng về Phật độ này thâm tâm cúng dường cung kính lễ lạy vì đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri xuất

thế vậy. Chúng tôi nghe nói pháp môn phương tiện ấy và thấy chư Bồ Tát ở quốc độ này”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nghe đức Phật giải nói rồi, tâm tịnh hoan hỷ. Tâm tịnh hoan hỷ rồi đem màn báu vô giá cúng dường đức Phật. Trong màn báu phóng ánh sáng lớn chiếu mười phương chư Phật quốc độ.

Cúng dường rồi Hu Không Tạng đại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thiết là chưa từng có. Như Lai vô ngại trí thậm thâm khó hiểu như vậy. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri như pháp môn được nghe, đức Phật dùng vô ngại trí như thiết giải nói, tất cả đại chúng đều được hoan hỷ”.

Lúc bấy giờ trong đại chúng có một Bồ Tát hiệu là Tốc Biện liền từ tòa ngồi đứng dậy trịch y vai hữu, gối hữu chầm đất cung kính chấp tay bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Hu Không Tạng Bồ Tát này có nhơn duyên gì mà tên là Hu Không Tạng ?”.

Đức Phật nói : “Này Tốc Biện ! Như đại phú trưởng giả có dân chúng đông kho tàng vô lượng của báu đầy dẫy hay làm việc bố thí tâm không lẩn tiếc. Lúc làm việc bố thí nếu người nghèo cùng đến thì tùy ý họ cần dùng,

trưởng giả khai kho báu lớn đều có thể cấp cho cả, các người xin kia đều được vừa ý. Trưởng giả ấy bố thí rồi trong lòng vui mừng không hối tiếc.

Cũng vậy, Hư Không Tạng Bồ Tát vì thường làm công đức thành tựu phương tiện lực hồi hướng, vì giới thân thiện thanh tịnh, vì được thành tựu thân tức lực, vì thuần chí cứu cánh thiện thanh tịnh, vì sở nguyện tăng ích thành tựu, vì biết tất cả pháp như ảo hóa, vì được Như Lai thân tức lực, nên ở trong hư không tùy chúng sanh cần dùng, hoặc pháp hoặc tài đều có thể thí cho, đều làm cho hoan hỷ. Vì Đại Sĩ ấy chúng phương tiện trí như vậy nên gọi tên là Hư Không Tạng.

Còn nữa, nầy Tốc Biện ! Quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, lại quá vô lượng a tăng kỳ kiếp, bất khả tư nghị, bất khả xung bất khả lượng, bất khả toán số kiếp, lúc bấy giờ có Phật xuất thế hiệu là Phổ Quang Minh Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn, thế giới tên Đại Vân Thanh Tịnh, kiếp tên Hư Không Tịnh. Thế giới Đại

Vân Thanh Tịnh ấy thanh vượng đầy đủ an ổn khoái lạc, hàng trời người đông đúc, mặt đất bằng phẳng không có những cát sỏi gai góc, dây báu giăng thành khu thành đường trang nghiêm với nhiều thứ châu báu nhu nhuyến như thiên y, hoa vàng diêm phù đàn trải khắp mặt đất lẫn xen các châu báu. Chúng sanh trong thế giới Đại Vân Thanh Tịnh ấy không có phân biệt thượng trung hạ, trời và người đồng đẳng như Trời Đâu Suất. Trong thế giới ấy không có tụ lạc thôn ấp, tất cả hàng trời người đều ở lầu đài báu đẹp, lầu các của người ở mặt đất, cung điện chu Thiên ở hư không, chỉ có thế này là khác. Đức Phổ Quang Minh Vương Như Lai thọ mười sáu trung kiếp, dùng Bồ Tát làm Tăng có mười sáu na do tha chúng đều được thần thông du hí đều được tự tại nơi Bồ Tát hạnh.

Lúc ấy ở giữa Đại Thiên thế giới Đại Vân Thanh Tịnh ấy có một tứ thiên hạ tên là Nhựt Minh, đức Phật Phổ Quang Minh Vương Như Lai thành Vô thượng Chánh giác tại nơi ấy, rồi làm Phật sự khắp cõi Đại Thiên.

Trong tứ thiên hạ Nhựt Minh có Chuyển Luân Thánh Vương tên Công Đức Trang

Nghiêm trị cả tứ thiên hạ thành tựu đủ bảy báu.

Trong Nhục Minh tứ thiên hạ, Thánh Vương Công Đức Trang Nghiêm xây đài bảy báu, từ Đông sang Tây rộng tám do tuần, từ Nam đến Bắc rộng bốn do tuần, vòng quanh bửu đài có năm trăm khu vườn nhà.

Thánh Vương Công Đức Trang Nghiêm có ba mươi ba vạn sáu ngàn cung như thể nữ xinh đẹp lộng lẫy như ngọc nữ cõi trời, có bốn vạn đồng tử đoan chánh dũng kiện đều riêng có sức khỏe bằng nửa na la diên.

Thánh Vương ấy cùng các đồng tử thể nữ quyến thuộc đồng đến vườn Đại Lạc trang nghiêm dạo chơi trời nhạc ca vũ để tự vui. Trong chúng ấy có hai đại phu như tên là Đức Oai và Đức Quang rời chỗ đến dưới một cội cây ngồi tư duy các hành vô thường. Lúc đương tư duy trên gối mỗi phu như có một con trai hóa sanh. Hai trẻ nhỏ ấy thân hình xinh tốt đoan nghiêm thành tựu sắc thân vi diệu đệ nhất, người thấy không chán, trên thân phóng ánh sáng lớn chiếu khắp khu vườn. Trên không chu Thiên xưng rằng : hai đồng tử này một người tên là Su Tử, một người tên là Su

Tử Tiến. Do đó mà mọi người gọi tên hai đồng tử ấy là Su Tử và Su Tử Tiến.

Hóa sanh chẳng bao lâu, hai đồng tử ấy nói kệ khen Thánh Vương Công Đức Trang Nghiêm rằng :

**Xưa tạo thiện ác chẳng hu mất
Cúng dường chu Phật cũng chẳng mất
Thuần chí chẳng bỏ tâm Bồ đề
Kiên trì chỗ nghe chẳng quên trí
Điều phục tự gìn chẳng mất giới
Nhẫn nhục nhu hòa khéo phòng hộ
Người hay báo ơn tạo nghiệp lành
Hay siêng tinh tiến chẳng mất đạo
Khéo hay chuyên tâm định các căn
Tâm hay phân biệt tư duy huệ
Do trí hay tạo nghiệp chẳng trước
Dùng tịnh pháp ấy chúng Bồ đề
Chẳng bị phiền não làm nhiễm trước
Khéo hay phân biệt các nghĩa thú
Vì vậy bỏ được thân thọ thai
Hóa sanh trong hoa sen thanh tịnh
Chúng tôi từ Phật Thượng Y Vương
Nghe Phật Phổ Quang Minh Vương này**

**Trí huệ vô đẳng chẳng nghĩ bàn
Vì pháp nên đến thế giới đây
Mong cùng Phụ Vương đến chỗ Phật
Lễ bái cúng dường Đại Pháp Vương
Chư Phật Thế Tôn rất khó gặp
Cũng như hoa ưu đàm bát la.**

Thánh Vương Công Đức Trang Nghiêm nghe lời nói của hai đồng tử rất vừa ý, cả đại chúng đồng hoan hỷ cùng vây quanh Thánh Vương số đến trăm ngàn vạn đồng đến chỗ đức Phật Phổ Quang Minh Vương đem các thứ hoa hương vi diệu, các chuỗi ngọc trân châu và các thứ kỹ nhạc cúng dường lễ lạy hữu nhiễu bảy vòng rồi chấp tay cung kính đứng nơi trước.

Lúc ấy Sư Tử và Sư Tử Tiến đánh lễ chơn Phật dùng miệng úp lên chun Phật mà nói lời khen ngợi khéo thuận pháp nghĩa :

**Phật là nhà là chỗ dựa nương
Khai sáng lớn cho đời tối tăm
Biết rõ tâm hành của chúng sanh
Tùy chúng tin ưa làm vui đẹp
Nay đại vương này cậy ngôi vua**

Tham sắc thanh hương vị xúc pháp
 Vì vậy chẳng chịu đến chỗ Phật
 Mất sự cúng dường chẳng nghe pháp
 Lành thay Thế Tôn phát đại bi
 Xin nói pháp Bồ đề Vô thượng
 Khiến đại vương này phát đạo tâm
 Kiên cố bất thoái nơi Phật trí.

Nghe lời thỉnh cầu của hai đồng tử, đức
 Phổ Quang Minh Như Lai dựng thân lên hư
 không cao tám mươi cây đa la.

Đức Phật ở hư không nói kệ bảo Thánh
 Vương Công Đức Trang Nghiêm rằng :

Nay nhơn vương nên chí tâm nghe
 Nghe rồi y pháp mà phụng hành
 Ngũ dục vô thường dụ như mộng.
 Mạng người như lửa cỏ sương mai
 Vua và nước thành như ảo hóa
 Vì vậy người trí chẳng nên tham
 Quen ham dục lạc không nhàm đủ
 Quen dục càng thêm lòng khát ái
 Tham dục chưa đủ mà mạng chung
 Chỉ người được thánh trí mới đủ

Vua nên khéo thuận quán thân mình
Ngũ ấm như huyễn chẳng kiên cố
Tứ đại kia như bốn rắn độc
Sáu căn không thiết như khối rỗng
Vợ con trần bửu và ngôi vua
Lúc vua lâm chung không ai theo
Chỉ có giới thí bất phóng dật
Đời nay đời sau làm bạn lữ
Xem Phật thân thông lục vô úy
Dùng các tướng hảo trang nghiêm thân
Thuyết pháp dạy chúng hàng đệ tử
Vì vậy vua nên phát đạo tâm.

Nghe đức Phật nói xong, Thánh Vương cùng vợ con quyến thuộc bảy mươi sáu ngàn ức người đều rất vui mừng đồng pháp tâm Vô thượng Bồ đề rằng :

Nay chúng tôi phát đạo tâm thệ cứu độ tất cả chúng sanh, vì chúng sanh chúng tôi tu diệu hạnh lúc thành Phật rồi sẽ độ thoát họ.

Thánh Vương Công Đức Trang Nghiêm nghe đức Phật Phổ Quang Minh Vương nói pháp và thấy thân biến rồi càng thêm kiên

cố tâm Bồ đề, vua đánh lễ chun Phật bạch rằng :

Ngưỡng mong đức Thế Tôn và Bồ Tát đệ tử thọ tôi thỉnh cúng dường suốt tám vạn bốn ngàn năm những y phục, món uống ăn, giường nệm, thuốc men và tất cả vật cần dùng.

Đức Phật cùng đại chúng vì thương mến vua nên thọ thỉnh.

Thánh Vương Công Đức Trang Nghiêm biết Phật đã thọ thỉnh vui mừng hơn hở đánh lễ hữu nhiều rồi lui về.

Hai Vương tử Su Tử và Su Tử Tiến cùng hai vạn Vương tử bỏ giàu sang thế tục đồng ở trong Phật pháp xuất gia tu hành chuyên cần tinh tiến thích cầu pháp lành. Xuất gia chẳng lâu, Su Tử và Su Tử Tiến được ngũ thần thông kiên cố bất thối. Biết hai người này đã được ngũ thần thông, đức Phật gia hộ oai thần cho hai người này thường vì chúng sanh mà nói diệu pháp. Hai Tỳ Kheo ấy ở trong cõi Đại Thiên Đại Vân Trang Nghiêm từ quốc độ này đến quốc độ kia, từ tứ thiên hạ này đến tứ thiên hạ kia thuyết pháp hóa độ vô lượng a tăng kỳ chúng sanh khiến họ kiên cố bất thối Vô thượng Đại thừa.

Trong tám vạn bốn ngàn năm, Thánh Vương Công Đức Trang Nghiêm cúng dường đầy đủ cho đức Phật và đại chúng xong, vì nghe pháp nên nhà vua cùng quần thần quyến thuộc qua đến chỗ đức Phật. Nhà vua tự nghĩ rằng, các vương tử con trai của ta cạo bỏ râu tóc xuất gia tu hành thường thọ cúng dường mà tự mình chẳng làm việc bố thí cũng chưa thấy được pháp hơn người, có lẽ chúng nó nên về nhà xả của cải bố thí tu tạo các công đức như ta đã làm để vun trồng căn lành chăng ?

Biết tâm niệm của Thánh Vương, đức Phổ Quang Minh Vương Như Lai bảo Sư Tử Tiến Bồ Tát rằng :

Này Sư Tử Tiến ! Ông hiện sức tự tại thân thông Bồ Tát biến hiện để khắp đại chúng được thấy nghe trừ bỏ tà tâm được chánh tri kiến cũng để hàng phục các ma ngoại đạo.

Vâng lời đức Phật, Sư Tử Tiến Bồ Tát liền nhập định hiện ra các cảnh tượng như vậy :

Cả Đại Thiên thế giới Đại Vân Trang Nghiêm chấn động sáu cách, trên không mưa xuống các thứ vật vi diệu, những là các thứ hoa hương, hương bột, hương xoa, lọng lụa, tràng phan, trổ các thứ kỹ nhạc. Những món

ăn uống ngon lành, những y phục đẹp quý, những chuỗi ngọc, những trân bửu đều từ trên không mưa xuống. Mưa châu báu như vậy đầy cả cõi Đại Thiên. Tất cả chúng sanh được sự chưa từng có đều rất vui mừng. Địa thần chu Thiên đến Trời Sắc Cứu Cánh hơn hở mừng vui đồng thanh xưng rằng :

Đại Bồ Tát này nên gọi tên là Hư Không Tạng. Tại sao, vì từ trên không có thể mưa xuống vô lượng trân bửu sung túc khắp tất cả.

Đức Phổ Quang Minh Vương Như Lai liên ấn khả lời xưng của chu Thiên gọi Su Tử Tiến là Hư Không Tạng.

Thánh Vương Công Đức Trang Nghiêm thấy Su Tử Tiến hiện vô lượng thần biến như vậy trong lòng kính tin thanh tịnh vui mừng hơn hở chưa từng có bỏ tâm kiêu mạn chấp tay hướng lên đức Phật bạch rằng :

Bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát công đức trí huệ bèn có thể như vậy, tự nhiên mà mưa vô lượng trân bửu sung túc khắp tất cả trọn không cùng tận.

Bạch đức Thế tôn ! Người tại gia bố thí lợi ích không bao nhiêu, còn người xuất gia

dùng sức thần thông bố thí không bờ mé. Người tại gia bố thí chẳng xứng ý người, dầu bố thí mà còn lẩn tiếc khổ não, còn người xuất gia bố thí có thể xứng ý người, lợi không có lẩn tiếc chẳng sanh khổ não.

Lúc ấy Thánh Vương Công Đức Trang Nghiêm trao ngôi vua cho Vương Tử Cát Ý, rồi do tín tâm chơn thiết cạo bỏ râu tóc ở trong Phật pháp xuất gia tu hành, vì tăng trưởng pháp lành nên vua chuyên cần tinh tiến, chẳng bao lâu vua tu được tứ thiên tứ vô lượng tâm và được ngũ thần thông. Còn Cát Ý Vương dùng chánh pháp trị nước toàn thể nhơn dân đều mến đức, vua cũng tinh tiến chẳng bỏ việc cúng dường đức Phật Phổ Quang Minh Vương và đại chúng.

Nầy Túc Biện ! Thuở xa xưa ấy, Thánh Vương Công Đức Trang Nghiêm là Câu Lưu Tôn Như Lai đức Thế Tôn thứ nhất trong Hiền kiếp này, còn Sư Tử Bồ Tát chính là thân ta Phật Thích Ca Mâu Ni, Sư Tử Tiến Bồ Tát là Hư Không Tạng Bồ Tát, vì nhơn duyên hiện thần lực từ trên không mưa xuống các loại trân báu sung túc khắp nơi nên từ thuở ấy luôn được tên là Hư Không Tạng. Còn Cát Ý

Vương thì nay là Di Lạc Bồ Tát. Hai vạn Vương Tử theo Phật xuất gia thuở ấy nay là chúng Bồ Tát cùng chung với Hư Không Tạng hiện đang nghe pháp đây vậy. Còn vô lượng chúng sanh được Thánh Vương cùng các Vương Tử và quyến thuộc sau khi xuất gia giáo hóa, thì hiện nay là chư Bồ Tát hành Bồ Tát đạo tại mười phương thế giới vậy.

Nầy Tốc Biện ! Chư Bồ Tát phải thường thanh tịnh giới tụ tăng trưởng bốn nguyện, do đây mà tùy muốn làm việc gì đều có thể hoàn thành cả”.

Lúc bấy giờ đại hội Bồ Tát chúng khát ngưỡng muốn được thấy thân lực của Hư Không Tạng Bồ Tát và tướng mạo của Bồ Tát Hư Không Tạng thế nào.

Đức Phật biết tâm niệm của đại chúng liền bảo Hư Không Tạng Bồ Tát rằng : “Nầy Hư Không Tạng ! Ông nên hiện tướng thân biến hư không tạng ! ”.

Hư Không Tạng Bồ Tát liền nhập xúy nhưt thiết chúng sanh ý tam muội.

Do sức tam muội ấy, khắp hư không trên Diệu Bửu Trang Nghiêm Đường mưa xuống các thứ vật vi diệu, tùy chỗ chúng sanh muốn

đều cung cấp đủ cả. Đó là cần hoa thì mua hoa, cần tràng hoa thì mua tràng hoa, cần hương bột hương xoa thì mua hương bột hương xoa, cần lọng lụ, cần tràng phan, cần các thứ âm nhạc, cần món trang sức, cần những chuỗi ngọc y phục, cần món uống ăn ngon, cần xe cộ kẻ tùy tùng, cần vàng bạc bảo báu v.v... tất cả đều tùy ý muốn cần dùng của mọi người mà mua xuống thứ ấy.

Có những người cần pháp muốn pháp thích pháp, tùy theo chỗ muốn nghe, trên không phát ra các pháp âm vi diệu làm vui đẹp nhĩ căn : những là diệu âm tu đa la, kỳ dạ, thọ ký, già đà, ưu đà na, ni đà na, a ba đà na, y đế mục đa già, xà đà già, tỳ phật lược, a phù đà, đạt ma, ưu ba đề xá. Người cần nghe những kinh ấy thì hư không đều phát âm ứng đó. Người cần na la đảnh biến âm, người cần xảo ngôn ngữ âm, người cần các thứ tạp âm, người cần thậm thâm âm, người cần phương tiện thiện âm, trên không đều phát âm ứng đó.

Người cần Thanh Văn thừa được độ thì phát tiếng pháp Tứ đế ứng đó, người cần Duyên Giác thừa được độ thì phát tiếng pháp thậm thâm Thập nhị nhơn duyên ứng đó. Người cần

Đại thừa được độ thì hu không phát ra tiếng pháp Lục Ba la mật tiếng pháp bất thối chuyển ứng đó.

Trong hu không còn phát ra tiếng diệu kệ rằng :

**Các pháp tánh với hu không đồng
Nay nói môn ấy đại chúng nghe
Nhu hu không không cao không hạ
Không cao hạ nên không thể tánh
Nhu hu không vô sanh vô diệt
Không sanh diệt nên tánh chẳng hu
Nhu hu không không tăng không giảm
Không tăng giảm nên đồng pháp tướng
Nhu hu không không sáng không tối
Không sáng tối tâm tánh cũng vậy
Nhu mặt nhật chiếu sáng hu không
Hu không cũng không có vui mừng
Chẳng chiếu sáng hu không chẳng buồn
Người trí học đạo cũng như vậy
Nhu mâu, tên đâm bắn hu không
Không làm thương tổn hu không được
Người hành đạo tu tập quán không
Cũng không gì làm tổn thương được**

Như hư không được nước nhuần thấm
Hư không không hề có vui mừng
Người trí được khen được lợi lộc
Vẫn không mừng vui cũng như vậy
Như hư không bị chê được khen
Hư không không hề có phân biệt
Người trí bị chê hoặc được khen
Không có phân biệt cũng như vậy
Như cả đại địa đều rung động
Hư không không hề có động lay
Người trí vô y vô sở đắc
Chẳng động pháp tánh cũng như vậy
Như hư không lửa chẳng cháy được
Phiền não chẳng cháy được người trí
Như hư không thường trụ chẳng hoại
Pháp giới thường trụ cũng như vậy
Như hư không thọ tất cả sắc
Pháp giới cũng thọ tất cả pháp
Như hư không không có sắc thấy
Tâm tánh vô tướng đồng hư không
Hư không giả danh không hình mạo
Tâm ý thức cũng là giả danh
Hư không vô biên chẳng lấy được

Thánh trí vô biên đồng hu không
Nhu chim bay không chẳng dấu vết
Hành Bồ đề chẳng thấy được hành
Thân mất quá khứ đồng hu không
Hiện tại ngũ ấm đồng hu không
Tứ đại cũng vậy đồng hu không
Nhu sau tam tai không tướng khác
Tất cả chúng sanh không biết đủ
Phàm phu ngũ dục không hề đầy
Người có thánh trí biết các pháp
Biết đủ chẳng cầu lìa tham trước
Hu không rộng lớn không bờ mé
Phật pháp rộng lớn cũng như vậy
Người biết pháp tánh là Phật pháp
Chẳng dựa lấy vật chẳng bỏ vật
Biết vật chẳng vật trụ thiết tế
Nơi vật chẳng vật không hai tướng
Tiếng rõ không không chẳng phải tiếng
Không âm thanh gọi là hu không
Phật dấu nói không trọn không nói
Tánh chẳng nói được gọi là không
Huyễn hóa mộng dã mã bóng vang
Chư Phật thuyết pháp cũng như vậy

Vì dặt chúng sanh nói những dụ
Nghĩa chơn tịnh không ví dụ được
Pháp không tướng dùng tướng để nói
Tướng không tướng pháp tánh đều
không
Tướng không rỗng không không có
tướng
Biết được tướng này là Bồ Tát
Không trệ ngại không hí không động
Không thỉ không chung là Bồ Tát
Chẳng rời chúng sanh chẳng chúng
sanh
Nhu chúng sanh tánh là Bồ Tát
Nhu ảo sư giết các người ảo
Không ai chết được độ cũng vậy
Ảo chúng sanh Niết bàn Phật pháp
Biết đồng một tánh không tánh tướng
Đại Sĩ được tạng không vô tận
Ban đủ tất cả không cùng tận
Xưa trông công đức được tạng này
Chẳng tham chứa mới được như vậy
Biết được các pháp nhơn duyên sanh
Tạng ấy vô tận chẳng nghĩ bàn

**Đấng cứu đời nói bốn vô tận
Không, đạo tâm, chúng sanh, Phật pháp
Nếu các của cải là có thiệt
Thì mới có thể chứa nhóm được
Chẳng phải thiệt có nên vô cùng
Vì chẳng phải thiệt nên vô tận
Pháp không cứu cánh tận vô tận
Vô tận chẳng tận là vô tận
Biết pháp môn này gần Bồ đề
Trụ môn này mau thành Bồ đề.**

Do thần lực của Hu Không Tạng Bồ Tát nên từ hu không vang ra những pháp âm vi diệu như vậy và tất cả của cải vật báu làm sung túc tất cả chúng sanh. Làm cho tất cả chúng sanh khắp cõi Đại Thiên được vô lượng bất tư nghị khoái lạc thỏa mãn sở nguyện. Chúng sanh bệnh khổ được thuốc chữa lành. Chúng sanh nghèo cùng được vô lượng trân bửu. Chúng sanh bị trói nhốt được cởi mở giải thoát. Chúng sanh chẳng đủ các căn thì được đủ các căn. Chúng sanh đáng bị tử hình thì trên không rơi hóa nhơn thay thế họ. Người thân yêu ly biệt từ lâu nay được đoàn tụ. Chúng sanh lo rầu nay đều hết lo. Chúng sanh

đọa tam đồ được ánh sáng ấy chạm thân trừ tất cả khổ não thân tâm an lạc.

Lúc bấy giờ trong Đại Thiên thế giới, chúng sanh ăn uống no đủ vui vẻ dạo chơi đầy đủ ngũ dục. Hoặc có kẻ làm bố thí tạo các công đức. Chúng sanh có đủ trọn vẹn những sự an lạc như vậy, họ đều nói rằng : mới được bậc Đại Sĩ này có thể ban vui cho đời, do Bồ Tát Hư Không Tạng xuất thế nên thế gian được ban bố cam lộ. Đại Sĩ này mới có thể thường siêng tinh tiến, vì ban vui cho tất cả chúng sanh không hề mệt mỏi.

Hư Không Tạng Bồ Tát hiện những thần biến như vậy làm vui đẹp tất cả chúng sanh tánh, thị hiện Bồ Tát thần lực dùng tài thí và pháp thí để nhiếp thủ chúng sanh, khiến vô lượng a tăng kỳ chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề, làm cho Vô lượng Bồ Tát được Vô sanh Pháp nhẫn. Còn làm cho vô lượng a tăng kỳ bất khả thuyết bất khả thuyết Bồ Tát phát căn tinh tiến được thành tựu các môn tam muội, các môn đà la ni, các môn thần thông du hí.

Trong pháp hội có một Bồ Tát tên là Sanh Nghi tự nghĩ rằng : Việc này thiệt là bất tu

ngộ vị tăng hữu. Bồ Tát Hư Không Tạng chỉ hiển hiện thân thông lục ở Ta Bà thế giới này, hay là cũng hiển hiện thân thông nơi thế giới phương khác.

Biết tâm niệm của Sanh Nghi Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát từ nơi thân phóng ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương chư Phật thế giới.

Sanh Nghi Bồ Tát cùng chư Bồ Tát đều thấy thân lục của Hư Không Tạng Bồ Tát ở nơi mười phương vô lượng vô biên bất khả tư nghị chư Phật thế giới ứng hóa chúng sanh cũng đồng như tại thế giới Ta Bà này.

Thấy thân biến như vậy rồi, Sanh Nghi Bồ Tát cung kính lễ Hư Không Tạng Bồ Tát rồi chấp tay bạch rằng : “Hi hữu thay Đại Sĩ có thể đặt tạng báu vô tận ở hư không mua đầy đủ khắp vô lượng thế giới mà vẫn không hết. Đại Sĩ đặt tạng ấy ở trong hư không đã được bao lâu rồi ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Từ lúc tôi phát tâm Vô thượng Bồ đề thì tạng báu ấy thường ở trong hư không”.

Sanh Nghi Bồ Tát lại hỏi : “Đại Sĩ phát tâm Vô thượng Bồ đề từ lúc nào ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Đức Thế Tôn biết rõ, Đại Sĩ nên bạch hỏi”.

Sanh Nghi Bồ Tát bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Hư Không Tạng Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề từ lúc nào, mong được Thế Tôn nói cho chúng tôi hết nghi”.

Đức Phật nói : “Nầy Sanh Nghi ! Sự ấy lâu xa thậm thâm khó biết. Nếu nói đó thì sẽ làm cho hàng thiên nhơn đều sanh nghi hoặc chẳng tin lời Phật. Vì chẳng tin họ mắc vô lượng tội”.

Sanh Nghi Bồ Tát lại bạch rằng : “Ngưỡng mong đức Thế Tôn nói đó. Nếu có người từ lâu đã trông căn lành quyết sẽ tin thọ”.

Đức Phật nói : “Nầy Sanh Nghi ! Ông đã ân cần cầu thỉnh, đâu được chẳng nói. Lắng nghe lắng nghe khéo suy nghĩ Phật sẽ vì ông mà phân biệt giải nói, để người có căn lành kiên cố đã lâu trông cội công đức sanh lòng vui mừng.

Nầy Sanh Nghi ! Như những hằng hà bằng số cát một hằng hà, số cát trong tất cả những hằng hà ấy, cứ một hạt cát là một Phật thế giới, nghiền nhỏ tất cả hằng hà sa số thế giới ấy thành vi trần rồi tụ lại một chỗ. Có một

người trường thọ cứ một kiếp mới lượm lấy một vi trần trong đồng vi trần ấy mãi đến lúc lấy hết số vi trần. Thời gian Hu Không Tạng Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề đến nay số kiếp còn quá hơn số kiếp vi trần kia chẳng phải toán số biết được.

Này Sanh Nghi ! Nên đem đây để so sánh biết thời gian phát tâm Vô thượng Bồ đề của Hu Không Tạng đến nay bao lâu vậy.

Lại này Sanh Nghi ! Về quá khứ, quá số cát những sông Hằng bằng số cát sông Hằng, lấy số cát này một hột cát là một Phật độ, nghiền tất cả quốc độ này thành vi trần, một vi trần là một kiếp, lại quá số này trăm ngàn muôn kiếp, lúc bấy giờ có Phật hiệu là Tịnh Nhứt Thiết Nguyên Oai Đức Thắng Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn, thế giới ấy tên là Hiện Vô Lượng Chư Phật Sát Độ, kiếp ấy tên là Chúng Bửu Trang Nghiêm.

Tại sao thế giới ấy có tên là Hiện Vô Lượng Chư Phật Sát Độ ?

Nầy Sanh Nghi ! Vì cõi nước ấy chơn tịnh có thể hiện mười phương chư Phật sát độ, như mặt trăng tròn sáng không bị che chướng hiện bóng trong nước trong. Vì vậy nên mười phương vô lượng a tăng kỳ chư Phật quốc độ và chư Phật ấy cùng tòa sư tử cả việc làm của chúng sanh đều hiện rõ trong thế giới Hiện Vô Lượng Chư Phật Sát Độ ấy. Thế giới ấy bằng một trăm ức Đại Thiên thế giới. Thế giới ấy rộng rãi trang nghiêm thanh tịnh giàu dư an ổn, trời người đông đúc, mặt đất bằng phẳng không có gò nông cao lồi dơ dáy hôi thúi. Có nhiều loại trân bửu xen tạp làm thành xinh đẹp đáng thích, khắp nơi treo những lụa màu tràng phan lọng tốt trang nghiêm, đốt các thứ hương tốt như chiên đàn trầm thủy, phía trên thì giăng màn kiếp ba nhiều màu, dưới thì trải đầy những hoa tươi đẹp. Khắp mọi nơi mọc những cây hoa báu, cây quả trái, cây y phục, cây chuỗi ngọc, cây kỹ nhạc, cây bửu khí, cây hương, cây đèn đuốc, cây thuốc men, khắp nơi trang nghiêm làm ranh tám hướng đường xá bằng thẳng phân minh. Những chuỗi ngọc chơn châu, lưới báu trang nghiêm làm người xem không nhàm chán. Trong thế giới ấy chẳng nhờ ánh sáng mặt nhựt mặt

nguyệt, dùng những cây đèn đuốc và cây báu ma ni phát ánh sáng mát lành chiếu khắp mọi nơi và luôn sáng không có ngày đêm, chỉ lấy bữa hoa lúc nở lúc búp để biết thời tiết. Chúng sanh trong cõi ấy không có tàn tật, đui mù, câm điếc, què thọt, lùn xấu, không có thân thể chẳng toàn vẹn dung mạo xấu ác. Tất cả mọi chúng sanh đều thành tựu ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm thân thể. Trong thế giới ấy hẳn đến không có tên ác xấu tam đồ bát nạn, cũng chẳng nghe tiếng tám ngoại đạo các dị học, tất cả chúng sanh đều quyết định Vô thượng Bồ đề, cũng không có tên hiệu Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đức Phật Tịnh Như Lai thuần nói pháp Đại thừa Bồ Tát. Trong cõi ấy không có nữ nhơn và thai sanh, tất cả chúng sanh đều tự nhiên hóa sanh, lúc hóa sanh đều ngồi kiết già đoan nghiêm, không có già cùng bệnh tật trọn cả thọ mạng. Lúc sau khi mạng chung đều sanh về Tịnh độ phương khác hoặc sanh trở lại bốn quốc. Thế giới Hiện Vô Lượng Chu Phật Sát Độ ấy thành tựu vô lượng vô biên bất khả tư nghị công đức như vậy, nếu ta ở trong thời gian một kiếp hoặc dưới một kiếp nói cũng chẳng hết được.

Nầy Sanh Nghi ! Lúc ấy trong quốc độ Hiện Vô Lượng Chu Phật Sát Độ có một Chuyển Luân Thánh Vương tên là Chúng Thiên Quán Đảnh thống lãnh cả cõi Đại Thiên. Thánh Vương ấy ở chỗ chu Phật đã từ lâu vun trồng cội công đức, thành tựu lợi căn trí huệ oai đức, có ba vạn sáu ngàn Vương Tử tất cả đều hóa sanh ngồi kiết già trong hoa sen, cũng từ lâu trồng căn lành ở chỗ chu Phật quá khứ.

Bấy giờ đức Phật Tịnh Nhút Thiết Nguyên Oai Đức Thắng Vương Như Lai cùng hàng trời người đại chúng vì nhiều đi đến chỗ ở của Thánh Vương.

Có chúng Bồ Tát vô lượng vô số chẳng phải các toán sư và đệ tử của toán sư mà có thể tính biết.

Đức Phật ấy thọ một trăm ngàn kiếp, mỗi kiếp thời gian dài ngắn như kiếp Hiền ở đây. Chúng sanh cõi ấy trải qua ngàn ấy kiếp số mà gọi là một kiếp.

Thánh Vương Chúng Thiên Quán Đảnh thỉnh đức Phật Tịnh Nhút Thiết Nguyên Oai Đức Thắng Vương Như Lai và chư Bồ Tát Tăng trong bốn mươi trung kiếp, mỗi trung kiếp ấy thời gian dài ngắn như một trung kiếp tại đây,

thọ sự cúng dường thích ý những là món ăn uống ngon lành, những y phục, ngọa cụ, phòng nhà, đèn đài, vườn tược, rừng cây, ao tắm v.v... tất cả món cần dùng.

Để cúng dường đức Phật, Thánh Vương Chúng Thiên Quán Đảnh trang nghiêm một Tiểu Thiên thế giới làm ngôi nhà đẹp, đất toàn bằng lưu ly bửu, tường thành bao quanh bằng các thứ báu hiệp thành. Cột nhà ấy bằng gỗ xích chiên đàn và gỗ ưu đà la sa la chiên đàn xen chạm lẫn với báu xa cừ. Ngôi nhà báu đẹp trang nghiêm dường ấy rất đáng ưa thích.

Đức Phật Tịnh Nhứt Thiết Nguyên Oai Đức Thắng Vương Như Lai sau giờ ăn giữa ngày, từ tam muội dậy, ở trong ngôi nhà ấy vì đại chúng thuyết pháp.

Thánh Vương ấy còn trang nghiêm một ngôi nhà lớn rộng bằng một tứ thiên hạ, muốn đức Thế Tôn và chư Bồ Tát Tăng thọ thực trong đó, mỗi ngày cần dùng vật thực giá trị bằng khối trân bửu như tòa núi lớn.

Trong thời gian bốn mươi trung kiếp cúng dường Phật và Bồ Tát Tăng, Thánh Vương Chúng Thiên Quán Đảnh thường chuyên nhứt niệm chưa từng phóng dật chẳng làm việc gì

khác, thường dùng tất cả món thích dùng để cúng dường Phật và Tăng. Làm công đức trong thời gian ấy, Thánh Vương cũng chẳng phát nguyện chẳng cầu mong sự gì cả. Mãn bốn mươi trung kiếp ở ngày sau rốt, Thánh Vương đem ba y vô giá cúng dường Phật và Bồ Tát Tăng. Ngày ấy sau giờ ăn giữa ngày, đức Thế Tôn ấy vì đại chúng nói rộng diệu pháp. Lúc ấy vì nghe pháp, Thánh Vương và hàng thị tùng cùng đến chỗ đức Phật.

Đức Phật Tịnh Nhứt Thiết Nguyện Oai Đức Thắng Vương Như Lai biết Thánh Vương công đức thuần thực kham nhiệm hữu dụng, đức Phật ngồi yên bất động trên tòa sư tử suốt bảy ngày bảy đêm không có ý tưởng ăn uống nói kinh Đại thừa tên là Nhiếp Bồ Tát Tịnh Hạnh Bất Thối Chuyển Luân Phương Tiện Thánh Vương Chúng Thiên Quán Đảnh và hàng đại chúng trong bảy ngày bảy đêm nghe pháp cũng không có ý tưởng ăn uống.

Đức Thế Tôn ấy nói pháp như vậy muốn cho đại chúng nghe thọ trì hết chẳng quên mất.

Trong bảy ngày đêm Thánh Vương Chúng Thiên Quán Đảnh tâm chẳng phân tán theo

**Phật nghe pháp vui mừng hớn hở thân tâm
vui thích, đứng dậy lễ chun Phật hữu nhiều
bảy vòng rồi gối hữu chấm đất chấp tay hướng
lên Phật thâm tâm thuần chí phát tâm Vô
thượng Bồ đề nói kệ rằng :**

**Tôi phát tâm Vô thượng
Thỉnh triệu các quần sanh
Người không cứu tôi cứu
Đời tối tôi khai sáng
Chẳng vì một pháp hành
Chẳng vì cúng một Phật
Chẳng vì một chúng sanh
Tôi nguyện độ không thừa
Khổ sanh già bệnh chết
Kẻ bị khổ bức não
Tất cả chớ sầu lo
Tôi thể sẽ độ họ
Tham sân si mạn trù
Thất đạo tạo nghiệp ác
Chánh pháp trừ tà nghiệp
Dẫn đến thành vô úy
Chúng sanh đọa tam đồ
Chỗ nạn chịu các khổ**

Bền chí chớ lo sợ
Tôi đến ban vô úy
Bị vô minh si che
Chẳng biết môn giải thoát
Vì họ tôi đốt đuốc
Được sáng đến Niết bàn
Bị bốn dòng cuốn trôi
Chìm đắm chẳng được bờ
Tôi tạo thuyền thắng pháp
Cho họ khỏi các dòng
Ở sanh tử đói khát
Ăn hết phước lành trước
Vì họ làm Đạo Sư
Sẽ khiến đến an vui.

Thánh Vương Chúng Thiên Quán Đảnh nói
kệ xong, thế giới Hiện Vô Lượng Chu Phật
Sát Độ liên chấn động sáu cách, có ánh sáng
chiếu khắp nơi. Thánh Vương phát đạo tâm
rồi được Bồ Tát tam muội tên là bất thối Bồ
đề tâm, do sức tam muội ấy nên thường được
thấy chư Phật vô ngại, cho đến trong chiêm
bao các phiến não cũng chẳng hiện hành, từ
đó về sau, tâm Thánh Vương chẳng cùng chung
với tất đồ, chẳng cùng chung với pháp giới,

chẳng cùng chung với sân hận, chẳng cùng chung với giải đãi, chẳng cùng chung với tán loạn, chẳng cùng chung với ngu si. Vì nghe pháp nên trọn đời Thánh Vương thường hầu hạ hai bên đức Thế Tôn, cũng thường giáo hóa ba vạn sáu ngàn Vương Tử khiến phát tâm Vô thượng Bồ đề, cũng giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh khác khiến họ phát Bồ đề tâm.

Nầy Sanh Nghi ! Thánh Vương Chúng Thiên Quán Đảnh thuở xa xưa ấy nay chính là Bồ Tát Hư Không Tạng vậy. Còn chư Vương Tử và đại chúng được Thánh Vương giáo hóa khiến phát Bồ đề tâm ấy thì nay là chư đại Bồ Tát đại lực tinh tiến đại trí huệ đang nghe pháp đây vậy.

Nầy Sanh Nghi ! Hư Không Tạng từ lúc phát tâm đến nay trải qua vô lượng a tăng kỳ kiếp hành Bồ Tát đạo. Hư Không Tạng Bồ Tát từ lúc phát tâm về sau chưa từng mất tâm Bồ đề, chưa từng thai sanh, thường gặp chư Phật nghe pháp và cúng dường chúng Tăng, ở chỗ chư Phật thọ trì chánh pháp nhiếp thủ kiên trì chưa từng thất niệm, hay khéo phân biệt thật hành đầy đủ. Lúc sơ phát tâm rồi được

bực thậm thâm nan giải Bồ Tát sơ địa, hay làm các sự bố thí thành tựu đại bi, được không hí luận phát siêng tinh tiến không hề nhàm mỏi, học tất cả các sách luận, biết tất cả thế pháp, thành tựu đức tâm quý, được niệm lực kiên cố. Bồ Tát ấy trụ bậc Sơ địa trong vô lượng a tăng kỳ bất khả xung, bất khả lượng, bất khả tư nghị, bất khả thuyết bất khả thuyết a tăng kỳ kiếp hay thanh tịnh thuần chí đầy đủ hành Đàn Ba la mật, với các chúng sanh thường hành đại bi, siêng tu pháp tứ nhiếp tất cả Ba la mật và các pháp trợ đạo, thành tựu đức tinh tiến bất phóng dật đều tùy thuận Đàn Ba la mật. Bồ Tát ấy trụ bậc Sơ địa thường siêng hầu hạ cúng dường chư Phật siêng cầu phương tiện giáo hóa chúng sanh tịnh Phật quốc độ. Bồ Tát ấy trụ bậc Sơ địa được nhập tất cả các bậc địa trí huệ quang minh mà chẳng quá Sơ địa, sau đó mới thành tựu vô lượng công đức trí huệ tu lương, được Như Lai lực trì bất thối thân thông đã lìa các chuống ngại của chư địa. Rồi từ bậc Sơ địa nhập Bồ Tát đệ Nhị địa, trụ vô lượng a tăng kỳ kiếp thanh tịnh bậc Nhị địa tu Thi la Ba la mật. Nhẫn đến Bồ Tát đệ Thập địa vì tất cả chúng sanh, mỗi địa trải qua kiếp số cũng như vậy. Trong

mỗi mỗi địa quá vô lượng a tăng kỳ kiếp thành tựu Bồ Tát hạnh, vì các chúng sanh hiện làm Phật sự mà chẳng bỏ Bồ Tát sở hành.

Nầy Sanh Nghi ! Ít có Bồ Tát nào có thể thật hành thậm thâm bất tư nghị thù thắng bất tán loạn thuần chí siêng tu tinh tiến như Hu Không Tạng Bồ Tát đã thật hành thành tựu như vậy”.

Sanh Nghi Bồ Tát nói với Hu Không Tạng Bồ Tát : “Hi hữu Đại sĩ bèn có thể phát hoằng thệ nguyện như vậy ở trong Đại thừa, trụ lâu nơi sanh tử không có mỗi một”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói với Sanh Nghi Bồ Tát : “Thưa Đại Sĩ ! Như đại địa nầy chuyên chở núi sông đá vách cây cối lùm rừng tất cả thảo mộc trăm thứ lúa đậu và các loại chúng sanh, nó có mỗi một chẳng ?”.

Sanh Nghi Bồ Tát đáp rằng : “Không hề có mỗi một, thưa Đại Sĩ”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói : “Tâm của chư Bồ Tát như đại địa, vì thuần chí thành tựu nên thật hành Bồ Tát hạnh không hề có mỗi một. Như đại địa, đại thủy, đại phong thường làm tất cả phận sự vẫn không hề mỗi một, như hu không chứa trì tất cả đại địa, đại thủy,

**đại phong, hư không không có y chỉ không có
chuống ngại cũng không có mỗi một. Tâm của
chư Bồ Tát như hư không, do sức Bát Nhã Ba
la mật tập hợp tất cả Phật pháp không hề có
lười bỏ mỗi một cũng như vậy. Tại sao ? Vì
Bồ Tát biết tất cả các pháp tướng mà được
thành tựu không có ai sanh ai làm ai thọ. Do
nhơn duyên hiệp lại mà có làm ra. Các pháp
được làm ra cũng không có thiệt, vì bốn tế
rỗng không, vì bốn tế rời lìa vậy nên thiệt
không có thành tựu, vì tự tánh rỗng không
nên không có sanh không có diệt. Vì biết tất
cả pháp tánh tướng như vậy nên không thấy
có pháp gì là có thể sanh ra sự mỗi một và
cũng không có ai là người mỗi một. Tại sao ?
Vì Bồ Tát biết tất cả các pháp không có hai,
biết tánh sanh tử bình đẳng với tánh Niết bàn,
biết tánh Niết bàn bình đẳng với tánh tất cả
các pháp, biết tánh tất cả các pháp bình đẳng
với vô tánh, cũng chẳng dựa cậy chẳng trụ
trước. Biết tất cả pháp quá khứ và vị lai đều
không có tự tánh, Bồ Tát do định lực và nguyện
lực nên chẳng khởi định mà có thể hiện tất
cả việc làm”.**

**Sanh Nghi Bồ Tát nói với Hư Không Tạng
Bồ Tát : “Ngưỡng mong Đại Sĩ nói rõ tam muội**

hành nghiệp của chư Bồ Tát. Sao gọi là tam muội ? Sao gọi là hành tam muội nghiệp ?”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói : “Có tám vạn bốn ngàn môn tam muội. Các môn tam muội này có thể tổng nhiếp tất cả môn tam muội khác. Những gì là tám vạn bốn ngàn môn tam muội ?

Bồ Tát có tam muội tên là bất vong Bồ đề tâm, hay thành tựu hạnh chẳng tán loạn.

Có tam muội tên hàng phục, hay thanh tịnh thuần chí.

Có tam muội tên bất hiển hành, hay cứu cánh thành tựu bất thối việc được làm.

Có tam muội tên vô y, hay tăng tiến thành tựu cứu cánh.

Có tam muội tên vô cấu, hay thành tựu tự tâm.

Có tam muội tên chiếu diệu, hay khai thị thiện pháp.

Có tam muội tên chơn tịnh, hay quá tất cả ma nghiệp.

Có tam muội tên dũng xuất, trọn chẳng bị các luận thuyết ngoại đạo chế phục.

Có tam muội tên xả ly, hay điều phục tất cả phiền não kiết sử.

Có tam muội tên hồi phục, hay khiến tất cả nhập vào đạo chơn thiết.

Có tam muội tên chuyển tiến, hay là Thanh Văn địa và Bích Chi Phật Địa.

Có tam muội tên là lạc du, hay chẳng nhàm sanh tử.

Có tam muội tên xu hướng, hay từ một địa đến một địa.

Có tam muội tên di dịch, hay thành tựu vui đẹp đại chúng.

Có tam muội tên vô ngại quang, hay khiến tất cả chúng sanh thành tựu tâm bình đẳng.

Có tam muội tên tri sở tác, hay thuận tất cả sở tác không trái nghịch.

Có tam muội tên sư tử tướng, hay thành tựu đại chúng vô sở úy.

Có tam muội tên tâm dũng, hay hàng phục tứ ma.

Có tam muội tên liên hoa trang nghiêm, hay thành tựu chẳng nhiễm thế pháp.

Có tam muội tên quang trang nghiêm, hay chiếu khắp chu Phật thế giới.

Có tam muội tên thanh lương, hay dứt lìa tăng ái.

Có tam muội tên tràng tướng, hay thành tựu tất cả Phật pháp quang minh.

Có tam muội tên cự vương, hay thành tựu đại trí huệ quang minh.

Có tam muội tên nhựt quang, hay thành tựu đoạn trừ vô minh tối tăm.

Có tam muội tên tập đức, hay thành tựu biện từ vô tận.

Có tam muội tên na la diên, hay thành tựu thân kim cương.

Có tam muội tên kiên cố, hay thành tựu tâm chẳng điều động.

Có tam muội tên di lâu tràng, hay thành tựu vô kiến đánh tướng.

Có tam muội tên kiên tự tại, hay thành tựu cứu cánh bốn nguyện.

Có tam muội tên kim cương thổ, hay thành tựu bất thối thân thông.

Có tam muội tên kim cương tràng, hay thành tựu thắng lên đạo tràng.

Có tam muội tên dụ như kim cương, khéo hay soi suốt tất cả các pháp.

Có tam muội tên hành vương, hay thấy biết tâm hành tất cả chúng sanh.

Có tam muội tên huệ vương, hay thành tựu thắng trí biết các căn đầy đủ hoặc chưa đầy đủ. Có tam muội tên tùy loại, hay thành tựu tùy chúng sanh tánh mà vì họ thuyết pháp.

Có tam muội tên tu nhứt thiết thân, hay thành tựu pháp thân.

Có tam muội tên bất thuấn, hay thành tựu vô ngại thấy chư Như Lai.

Có tam muội tên vô tranh, hay được phân biệt tất cả nhơn duyên.

Có tam muội tên vô cấu luân, hay thành tựu chuyển diệu pháp luân.

Có tam muội tên điện quang, hay biết được nhơn duyên các pháp.

Có tam muội tên thiện phân biệt, hay biết các giới đều đồng một giới.

Có tam muội tên trang nghiêm vương, hay thành tựu các tướng hảo.

Có tam muội tên tùy giải vương, hay dùng một âm thanh đáp tất cả.

Có tam muội tên bất phân biệt pháp giới, hay biết tất cả tam muội đồng một tam muội.

Có tam muội tên kiên cố, hay được bất thối nơi các pháp tánh.

Có tam muội tên bất khả hoại, hay biết các pháp đồng với pháp tánh.

Có tam muội tên vô chung, hay biết bốn tế chẳng phải tế.

Có tam muội tên vô tác, hay thành tựu như như không có biến đổi.

Có tam muội tên vô động, hay biết các pháp bình đẳng như hư không.

Có tam muội tên tịnh trụ, hay thành tựu các Ba la mật.

Có tam muội tên thiện nhiếp, hay thành tựu tứ nhiếp pháp.

Có tam muội tên đẳng hạnh, hay thành tựu bốn phạm hạnh.

Có tam muội tên vô ngại quán, hay thành tựu các pháp trợ đạo.

Có tam muội tên hải ấn, hay tổng trì tất cả pháp được chu Phật nói.

Có tam muội tên là không, hay dứt trừ tất cả kiến chấp.

Có tam muội tên vô tướng, hay dứt trừ tất cả giác quán.

Có tam muội tên vô nguyện, hay thành tựu tất cả tịnh nguyện.

Có tam muội tên quyết liễu, hay được thành tựu vô sanh pháp nhẫn.

Có tam muội tên bất thoát, hay được thành tựu chẳng mất pháp đã được nghe.

Có tam muội tên vô ế, hay dùng thiện thuyết làm vui đẹp chúng sanh.

Có tam muội tên đặc phong, hay được thành tựu bửu thủ.

Có tam muội tên pháp vân, hay mưa tất cả các pháp môn.

Có tam muội tên bửu trang nghiêm, hay được thành tựu chẳng dứt Tam bửu thắng chủng.

Có tam muội tên vô tỉ, hay thành tựu các sự nghiệp do trí làm ra.

Có tam muội tên hư không môn, hay được rời lìa tất cả chướng ngại.

Có tam muội tên trí ẩn, hay được biết khắp tất cả các pháp.

Có tam muội tên hiện kiến chư Phật, hay được thành tựu Như Lai công đức.

Có tam muội tên tuyển trạch tịch tĩnh như ý, hay được thành tựu rời lìa nơi bốn tế.

Có tam muội tên phân biệt nhứt tướng pháp môn, hay được thành tựu đời vị lai nói pháp môn nhứt tướng.

Có tam muội tên liễu tri nhứt thiết pháp bình đẳng tánh, hay được thành tựu hiểu rõ tất cả kinh sách.

Có tam muội tên tập chư công đức, hay được nhuận ích tất cả chúng sanh.

Có tam muội tên du hí thần thông, hay được thành tựu bất tư nghị giải thoát.

Có tam muội tên tự giác, hay nhập vào tạng bí mật của Như lai.

Có tam muội tên thủ lăng nghiêm, có thể ở trong Bồ Tát địa cho đến thị hiện đại Niết bàn.

Có tam muội tên biến chí, hay được thành tựu thị hiện thọ sanh các nơi các xứ.

Có tam muội tên quán đánh vương, hay được thành tựu Bồ Tát sở hành không còn dư.

Có tam muội tên vô thắng, hay được thành tựu Như Lai thập lực.

Có tam muội tên vô tận, hay được thành tựu tứ vô sở úy.

Có tam muội tên vô đẳng đẳng, hay được thành tựu Phật bất cộng pháp.

Có tam muội tên nguyên vương, hay được thành tựu pháp Thanh Văn tự lợi lợi tha công chẳng lường uống.

Có tam muội tên vô cấu ấn, hay được hiện tiền giác liễu chư Phật pháp.

Có tam muội tên thiện tri giác, hay thành tựu Nhứt thiết trí không có sót dư.

Có tam muội tên tận vô biên, hay thành tựu tất cả Phật sự thọ hành không dư thừa.

Các tam muội được nói ở trên làm đầu cho tám vạn bốn ngàn môn tam muội. Mỗi mỗi tam muội dùng vô lượng a tăng kỳ trăm ngàn vạn ức tam muội là quyển thuộc.

Thưa Sanh Nghi Đại Sĩ, các tam muội ấy hay biết rõ các pháp sở hành của tám vạn bốn ngàn loại chúng sanh, cũng hay hiển hiện tám vạn bốn ngàn pháp tụ. Đây là lược nói Bồ Tát hạnh và phần ít pháp tạng của chu Phật. Nhưng Bồ Tát hạnh có vô lượng vô biên và pháp tạng của chu Phật thì bất khả tư nghị vậy”.

Lúc Hư Không Tạng Bồ Tát nói pháp ấy, có một vạn sáu ngàn Bồ Tát được nhu thuận nhẫn và vô lượng tam muội hiện ra. Còn có tám vạn bốn ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Đức Thế Tôn khen rằng : “Lành thay, lành thay ! Hư Không Tạng khéo nói pháp môn tam muội ấy, khéo nói thắng trí Như Lai. Như chính thân ông được chứng được hiện hành, pháp ấy chẳng từ người mà được”.

Sanh Nghi Bồ Tát chấp tay hướng về Hư Không Tạng Bồ Tát mà bạch rằng : “Hi hữu Đại Sĩ có thể thành tựu công đức bất khả tư nghị như vậy, chẳng từ người khác mà được nhập vào cảnh giới thắng trí Như Lai. Tôi cũng nguyện thích muốn làm cho tất cả chúng sanh được pháp giới Như Lai bất khả tư nghị ấy”.

Lúc bấy giờ Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Sanh Nghi Bồ Tát : “Thưa Đại Sĩ ! Ai vì Ngài mà đặt cho tên Sanh Nghi ấy ?”.

Sanh Nghi Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức Xá Lợi Phất ! Chính Bồ đề tâm đặt tên Sanh Nghi cho tôi. Tại sao như vậy ? Vì người chẳng phát Bồ đề tâm thì ở trong Phật pháp trọn chẳng sanh nghi. Người mà phát tâm Vô thượng Bồ đề thì đối với tất cả Phật pháp sanh nghi hoặc, tại sao, vì người ấy muốn được biết rõ hiện tiền tất cả Phật pháp.

Ví như Thái Tử của vua Quán Đảnh Sát Đế Lợi thành tựu tướng vua đáng nên làm quốc vương, kế sau vua cha phải nối ngôi vua, vì vậy mà Thái tử ấy luôn luôn thường hỏi pháp trị nước, như là tôi sẽ làm thế nào giám lãnh quốc sự. Cũng vậy, đại Bồ Tát cứu cánh tâm Vô thượng Bồ đề, kế sau đức Như Lai cũng phải nối ngôi tôn quý Vô Thượng Pháp Vương, cũng luôn luôn thường suy nghĩ hỏi han những pháp tương ưng Nhứt thiết trí, như là tôi sẽ phải thế nào thọ trì pháp Phật vô thượng, vì vậy mà ở nơi Phật pháp thường sanh nghi. Vì nhơn duyên ấy nên do nơi Bồ đề tâm mà lập nên tên Sanh Nghi này vậy.

Thưa Đại Đức Xá Lợi Phất ! Tôi từ xưa đến nay chẳng nhớ có lúc nào gặp chư Phật, chư Bồ Tát, chư thiện tri thức mà chẳng thưa hỏi Phật pháp vi diệu, thế nên tôi chon thiết tên là Sanh Nghi vậy”.

Lúc bấy giờ Hu Không Tạng đại Bồ Tát bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Cảnh giới chư Phật bất khả tư nghị, những pháp nên làm của chư Bồ Tát cũng vô lượng. Vì vậy nên pháp hành ấy chẳng thể dùng ít thệ trang nghiêm được, chẳng thể dùng ít ngôn thuyết để nói được, chẳng thể dùng Tiểu thừa đạo mà thành tựu được.

Lành thay đức Thế Tôn ! Ngưỡng mong Như Lai nói Bồ Tát đại thệ trang nghiêm và đạo trang nghiêm. Bồ Tát do đại thệ trang nghiêm và đạo trang nghiêm mà có thể thừa đại thừa hành chon thiết tối thượng xuất thế đạo. Vì sẽ được xuất thế Đại thừa vô thượng thành tựu như thiết tự nhiên đại trí, dầu chưa thành Như thiết trí mà có thể làm Phật sự lợi ích chúng sanh”.

Đức Phật nói : “Lành thay, lành thay ! Này Hu Không Tạng ! Lắng nghe lắng nghe khéo suy nghĩ đó, Phật sẽ vì ông mà phân biệt giải

nói chu Bồ Tát đại thế trang nghiêm thừa trang nghiêm và đạo trang nghiêm.

Nầy Hu Không Tạng ! Bồ Tát có hai mươi pháp trang nghiêm để tự trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm rồi có thể thừa Đại thừa.

Những gì là hai mươi pháp ?

Nếu có Bồ Tát cứu cánh phát tâm Vô thượng Bồ đề với tất cả chúng sanh phát tối thắng đại bi, sanh lòng lợi ích chúng sanh. Sanh lòng lợi ích chúng sanh rồi thì có thể trang nghiêm vô thượng đại thế.

Sao gọi là đại thế trang nghiêm ?

Vì độ người chưa được độ mà đại thế trang nghiêm ngồi ghe thuyền lớn vậy.

Vì giải rõ cho người chưa được rõ mà đại thế trang nghiêm thoát hư vọng điên đảo vậy.

Vì an ổn người chưa an mà đại thế trang nghiêm an ở vô úy đạo vậy.

Vì người chưa được Niết bàn khiến họ được Niết bàn mà đại thế trang nghiêm xả bỏ ngũ ấm gánh nặng vậy.

Vì siêng thường cung cấp đủ cho chúng sanh mà đại thế trang nghiêm tinh tiến chẳng giải đãi vậy.

Vì chẳng bỏ vô lượng sanh tử mà đại thế trang nghiêm chẳng mỗi nhàm vậy.

Vì vui đẹp tất cả chư Phật mà đại thế trang nghiêm hiện tiền cúng dường cung kính vậy.

Vì thọ trì tất cả Phật pháp mà đại thế trang nghiêm chẳng dứt giống Tam bảo vậy.

Vì thọ trì chẳng quên pháp được nghe mà đại thế trang nghiêm được đà la ni tổng trì vậy.

Vì khéo thuyết pháp vui đẹp tất cả chúng sanh mà đại thế trang nghiêm được biện tài vô ngại vậy.

Vì tập hợp vô lượng công đức tu lương mà đại thế trang nghiêm thành tựu tướng hảo vậy.

Vì vui đẹp tất cả thiện tri thức mà đại thế trang nghiêm kiên cố sở hành vậy.

Vì ngăn tâm tán động mà đại thế trang nghiêm sanh các thiền giải thoát tam muội vậy.

Vì ở chỗ a lan nhã xả ly thân mạng mà đại thế trang nghiêm được lục thần thông vậy.

Vì muốn đại sư tử hống không có kinh sợ mà đại thế trang nghiêm hiện tiền được vô ngã pháp vậy.

Vì muốn đến tất cả thế giới mà đại thế trang nghiêm muốn biết tất cả pháp như ảo huyễn như chiêm bao như bóng tượng vậy.

Vì chiếu khắp nghiêm sức tất cả thế giới mà đại thế trang nghiêm thanh tịnh cấm giới thọ trì thành tựu lực dụng vậy.

Vì thành tựu Như Lai thập lực mà đại thế trang nghiêm đầy đủ các Ba la mật vậy.

Vì thành tựu tứ vô sở úy mà đại thế trang nghiêm như sở thuyết hành vậy.

Vì được trọn đủ mười tám pháp bất cộng mà đại thế trang nghiêm như pháp Bồ Tát địa được nghe chẳng hí luận vậy.

Đây là hai mươi pháp Bồ Tát đại thế trang nghiêm. Do sức trang nghiêm ấy nên có thể thừa Đại thừa. Bồ Tát dùng sức tự trang nghiêm ấy dứt nhon duyên ác đạo, đây gọi là trang nghiêm. Đầy đủ thiện pháp được chu Phật hộ trì, đây gọi là trang nghiêm. Tùy chỗ nào muốn đến liền được vãng sanh, đây gọi là trang nghiêm. Xả bỏ tất cả bào thai hay hóa sanh trước chu Phật, đây gọi là trang nghiêm. Hay được thân khẩu ý ba nghiệp vô tranh, đây gọi là trang nghiêm. Trụ hạnh bất phóng dật được chu Thiên và thế nhon cung

kính, đây gọi là trang nghiêm. Khéo thông đạt ba môn giải thoát mà chẳng chứng thiết tế, đây gọi là trang nghiêm. Tất cả vô ngã pháp đều được hiện tiền mà vẫn chẳng bỏ đại thể trang nghiêm, đây gọi là trang nghiêm. Đây là Bồ Tát đầy đủ đại thể trang nghiêm.

Thế nào gọi là trang nghiêm Bồ Tát thừa ?

Này Hư Không Tạng ! Thừa là nói vô lượng vậy, là vô biên vậy, là khắp cùng tất cả như hư không rộng lớn dung thọ tất cả chúng sanh vậy. Chẳng cùng chung với Thanh Văn, Bích Chi Phật nên gọi là Đại thừa.

Còn nữa, thừa ấy dùng chánh an trụ tứ nhiếp pháp làm vành, dùng chơn tịnh thập thiện nghiệp làm cãm, dùng tịnh công đức tu lương làm cốt, dùng kiên cố thuần chí cứu cánh làm chốt ốc, dùng thiện thành tựu các thiện giải thoát tam muội làm trục cànèg thùng xe, dùng tứ vô lượng tâm làm khéo đẩy xe, dùng thiện tri thức làm người ngự xe, dùng biết thời biết phi thời làm phát động, dùng tiếng vô thường khổ không vô ngã là sách tiến, dùng dây báu thất giác làm cương, dùng tịnh ngũ căn làm dây chằng cột, dùng đại bi ngay thẳng làm tràng, dùng Tứ chánh cần làm trục,

dùng Tứ niệm xứ làm an lành, dùng Tứ thần túc làm tiến mau, dùng thắng Ngũ lực làm giám trận, dùng Bát chánh đạo làm tiến thẳng, với tất cả chúng sanh vô ngại huệ minh làm hiên mui, dùng vô trụ lực Ba la mật hồi hướng Nhứt thiết trí, dùng vô ngại tứ đế vượt đến bờ kia, đây là Đại thừa vậy. Thừa này là sở thọ của chư Phật, là sở quán của Thanh Văn và Bích Chi Phật, là sở thừa của tất cả Bồ Tát, là chỗ đáng được kính lễ của Thiên Đế Thích, Phạm Thiên và Hộ Thế Tứ Thiên Vương, là chỗ đáng cúng dường của tất cả chúng sanh, là chỗ đáng ngợi khen của tất cả người trí, là chỗ đáng hướng về của tất cả thế gian, tất cả kẻ oán ghét chẳng thể khinh chê được, tất cả các ma chẳng thể phá hoại được, tất cả ngoại đạo chẳng thể trắc lượng được, tất cả thế trí chẳng thể tranh được, thừa này thù thắng không có gì hơn được, được các hiền thánh thủ hộ, thừa này tùy nguyện có thể đến tất cả Phật giới, vì vậy mà thừa này chiếu sáng khắp nơi vì có thể phóng màn lưới quang minh, thừa này có tiếng tăm lớn vì hay xuất sanh các pháp môn, thừa này chí ý mạnh cứng vì chẳng thối huòn, thừa này bền vững vì chẳng biếng trễ, thừa này đứng thẳng vì chẳng

khuyन्ह động, thừa nầy các sự việc đều đủ vì hay thỏa mãn tất cả nguyện lành, đây gọi là Đại thừa các đại thế trang nghiêm vậy.

Bồ Tát thừa Đại thừa nầy rồi thì có thể từ một bậc địa đến một bậc địa, đây là sự trang nghiêm của thừa nầy. Có thể xả bỏ lỗi hoạn của các địa, đây là sự trang nghiêm của thừa nầy. Có thể xả bỏ các ma nghiệp, đây là sự trang nghiêm của thừa nầy. Có thể hóa độ các chúng sanh, đây là sự trang nghiêm của thừa nầy. Có thể tịnh Phật thế giới, đây là sự trang nghiêm của thừa nầy. Có thể hiện Bồ Tát thần biến, đây là sự trang nghiêm của thừa nầy. Có thể độ sanh tử đối khát lớn, đây là sự trang nghiêm của thừa nầy. Có thể nhập vào cảnh giới Như Lai, đây là sự trang nghiêm của thừa nầy.

Nầy Hư Không Tạng ! Thế nào là Bồ Tát trang nghiêm đạo ?

Bồ Tát đại thế trang nghiêm và thừa Đại thừa rồi xả bỏ tất cả tà đạo. Xả bỏ tà đạo rồi hướng đến chánh đạo chơn thiết đến Nhứt thiết trí.

Sao gọi là chánh đạo ? Đó là chẳng bỏ thiện pháp vậy, là hành đại nguyện chẳng thối

**chuyển Bồ đề đạo vậy, là siêng tu tinh tiến
cần lành chẳng mất vậy, là hành bất phóng
dật bất động thuần chí, chẳng chìm nơi sở tác
quyết có thể cứu cánh ngưỡng nắm lấy pháp
trên, cầu công đức tu lương chẳng hề cho là
đầy đủ, cầu trí huệ tu lương trọn chẳng phé
bỏ, đây là Bồ Tát chánh đạo vậy.**

**Còn nữa, này Hư Không Tạng ! Bồ Tát đạo
ấy là Tứ thiên, Tứ vô lượng tâm, Tứ không
định, Ngũ thần thông, Tam phước nghiệp, Tam
học, Lục ung kính, Lục niệm, Tứ nhiếp pháp,
Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ thần túc, Ngũ
căn, Ngũ lực, Thất giác phần, Bát thánh đạo
phần, Tam giải thoát môn, biết Ấm phương
tiện, biết Giới phương tiện, biết Nhập phương
tiện, biết Tứ đế phương tiện, biết Nhơn duyên
phương tiện, đây gọi là đạo.**

**Bồ Tát thành tựu đạo phương tiện này đều
có thể tùy thuận nhập vào Lục Ba la mật đạo.
Tại sao, vì Bồ Tát Lục Ba la mật đạo chẳng
cùng chung với Thanh Văn, Bích Chi Phật.
Đạo này là chỗ được khen ngợi của tất cả chư
Phật, từ miệng Như Lai phát ra thành tựu
phương tiện.**

Bồ Tát biết được thiết tánh tất cả pháp thì có thể trụ xuất thế gian Lục Ba la mật thánh đạo.

Thế nào là trụ ?

Nếu có Bồ Tát thành tựu tự nhiên huệ phương tiện mà cầu Bồ đề, ở trong thân ngũ thọ ấm này vì như thiết giác tri mà cầu Bồ đề, Bồ Tát này biết sắc vô thường mà hành bố thí, biết sắc khổ, biết sắc vô ngã, biết độn, biết sắc vô trí, biết sắc như huyễn ảo, biết sắc như thủy nguyệt, biết sắc như mộng, biết sắc như bóng, biết sắc như vang, biết sắc như vòng lửa quay, biết sắc không có tướng ngã, tướng nhon, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng, biết sắc không có chủ không có dưỡng dục, biết sắc là rỗng không, là vô tướng, là vô nguyên, biết sắc là vô tác, là vô sanh, là vô khởi, là vô xuất, biết sắc là vô hình, là tịch tĩnh, là ly, là vô chung, là không có thành tựu đồng với hư không, biết sắc như tánh Niết bàn, Bồ Tát biết sắc uẩn như vậy mà hành bố thí.

Lúc hành bố thí như vậy, vì thí ly nên Bồ Tát biết sắc cũng ly, vì sắc ly nên biết bố thí cũng ly. Vì sắc và thí đều ly nên biết nguyên cũng ly, vì nguyên ly nên biết sắc và thí cũng

ly. Vì sắc thí và nguyện ly nên biết Bồ đề cũng ly, vì Bồ đề ly nên biết sắc thí và nguyện cũng ly, do đó mà biết tất cả pháp đồng tánh Bồ đề. Đây là Bồ Tát xuất thế gian Đàn Ba la mật vậy.

Như với sắc uẩn, với thọ, tướng và hành uẩn cũng vậy.

Bồ Tát biết thức vô thường nên hành bố thí, biết thức khổ, vô ngã, là độn, là vô trí, như huyễn ảo, như dã mã, như thủy nguyệt, như mộng, như bóng, như vang, như vòng lửa quay, không có tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, không có chủ, không có dưỡng dục, biết thức rỗng không, không có tướng, không có nguyện, là vô tác, vô sanh, vô khởi, vô xuất, biết thức không có hình, là tịch tĩnh, là ly, biết thức không có chung, không có thành tựu cùng hư không bình đẳng, biết thức đồng tánh Niết bàn, Bồ Tát biết thức uẩn như vậy mà hành bố thí.

Bồ Tát lúc hành bố thí như vậy, vì thí ly nên biết thức cũng ly, vì thức ly nên biết thí cũng ly, vì thức và thí ly nên biết nguyện cũng ly, vì nguyện ly nên biết thức và thí cũng ly, vì thức thí nguyện ly nên biết Bồ đề cũng ly,

vì Bồ đề ly nên biết thức thí và nguyên cũng ly, mà biết tất cả pháp đồng tánh Bồ đề. Đây là Bồ Tát xuất thế gian Đàn Ba la mật vậy.

Còn nữa, này Hư Không Tạng ! Bồ Tát biết sắc vô thường mà hộ nơi cấm giới, nhẫn đến biết sắc như tánh Niết bàn mà hộ nơi cấm giới.

Như với sắc uẩn, với thọ, tưởng và hành uẩn cũng vậy.

Bồ Tát biết thức vô thường mà hộ cấm giới, nhẫn đến biết thức uẩn như Niết bàn tánh mà hộ nơi cấm giới.

Vì giới ly nên Bồ Tát biết thức cũng ly, vì thức ly nên biết giới cũng ly, nhẫn đến biết tất cả pháp đồng Bồ đề tánh. Đây là Bồ Tát xuất thế gian Thi la Ba la mật vậy.

Như Đàn và Thi la Ba la mật, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiên Ba la mật cũng vậy.

Bồ Tát biết sắc vô thường mà hành Bát nhã, nhẫn đến biết sắc uẩn như Niết bàn tánh mà hành Bát Nhã.

Như với sắc uẩn, với thọ, tưởng và hành uẩn cũng vậy.

Bồ Tát biết thức vô thường mà hành Bát Nhã, nhấn đến biết thức uẩn như Niết bàn tánh mà hành Bát Nhã.

Vì Bát Nhã bình đẳng nên Bồ Tát biết thức bình đẳng, vì thức bình đẳng nên biết Bát Nhã bình đẳng, vì Bát Nhã và thức bình đẳng nên biết nguyên bình đẳng, vì nguyên bình đẳng nên biết Bát Nhã và thức bình đẳng, vì biết Bát Nhã thức và nguyên bình đẳng nên biết Bồ đề bình đẳng. Vì biết Bồ đề bình đẳng nên biết Bát Nhã thức và nguyên cũng bình đẳng. Do đây mà biết tất cả pháp đồng tánh Bồ đề. Đây là Bồ Tát xuất thế gian Bát Nhã Ba la mật vậy.

Bồ Tát xuất thế gian Ba la mật đạo này đều có thể nhiếp thủ tất cả các đạo, nên phải biết rằng tất cả các đạo đều nhiếp vào trong ấy cả.

Tại sao gọi đó là xuất thế gian ư ?

Này Hư Không Tạng ! Ngũ thọ ấm gọi là thế gian. Bồ Tát khéo phân biệt ngũ ấm, quán nó vô thường nhấn đến như tánh Niết bàn rồi, biết trong đạo ấy không có thế gian và pháp thế gian, biết đạo ấy là vô lậu là xuất

thế gian không có buộc dính, đây gọi là xuất thế gian. Đây gọi là Bồ Tát đạo vậy.

Còn nữa, này Hu Không Tạng ! Đạo ấy, đó là như thiết cầu tất cả các pháp phân biệt lựa chọn chẳng thấy tất cả các pháp nối nhau chứa nhóm, không có hai không có khác, nên gọi là đạo. Mà đạo ấy thì không có ghét thương, vì không có ghét thương nên gọi là bình đẳng, vì tư duy quan sát các thừa khác nên gọi là rộng lớn, vì bỏ lìa siểm khúc nên gọi là ngay thẳng, vì bỏ lìa tâm vạy vò nên gọi là không có gian, vì dứt trừ các cái chướng nên gọi là không có buộc trói trệ ngại, vì bỏ lìa quan niệm dục tham sân hại nên gọi là không có bụi dơ, vì chẳng thọ nhận sắc, thanh, hương, vị, xúc nên gọi là an vui, vì bỏ lìa các ma sự nên gọi là thanh lương, vì bỏ lìa phiền não chúng giặc nên gọi là vô úy, vì có thể đến Niết bàn nên gọi là xuất yếu, vì thành tựu định tịch tĩnh nên gọi là thanh tịnh thủy huệ, vì khéo hiểu biết nên gọi là thường sáng, vì khéo tu tâm từ nên gọi là vui mát, vì chẳng bỏ đại bi nên gọi là tiến không nhàm, vì thường hành hỉ nên gọi là vui vẻ, vì thành tựu tâm xả nên gọi là không có lầm lỗi, vì thuận pháp tứ nhiếp nên gọi là giàu lớn, vì thành tựu sức

thí món ăn Ba la mật nên được Nhứt thiết trí biện tài, vì được chư Phật khéo hộ trì nên gọi là qua khỏi pháp hành tứ ma, vì chẳng bỏ bốn nguyện nên gọi là tiến không trệ ngại, vì vượt qua dòng các phiền não nên gọi là vô thượng, vì tất cả thế gian không gì có khả năng hàng phục được nên gọi là không có đáp đối.

Đạo ấy thành tựu các công đức như vậy và vô lượng công đức khác. Tất cả Bồ Tát Đại Sĩ do thừa đạo ấy nên có thể qua lại giáo hóa vô lượng chúng sanh, đây là trang nghiêm. Không có phiền não mà hiện vào phiền não, đây là trang nghiêm. Quán vô sanh mà chẳng chứng thiết tế, đến môn không vô tướng vô tác mà hay giáo hóa những chúng sanh hành các kiến, các tướng, các nguyện, đây là trang nghiêm. Hiện nhập Thanh Văn, Duyên Giác Niết bàn mà chẳng bỏ sanh tử, đây là trang nghiêm. Hiện thọ sanh các loài mà chẳng động pháp tánh, hiện nói tất cả ngôn giáo mà chẳng động vô ngôn, đây là trang nghiêm. Hay hiện tất cả Phật sự mà chẳng bỏ Bồ Tát hạnh, đây là trang nghiêm.

Đây là Bồ Tát đại thế trang nghiêm, Đại thừa trang nghiêm và đạo trang nghiêm vậy.

Bồ Tát dùng đại thế trang nghiêm để tự trang nghiêm nên có thể thừa Đại thừa thuận xuất thế gian thánh đạo, dầu chưa được Nhứt thiết trí mà vì chúng sanh có thể hiện làm Phật sự”.

Lúc ấy trong đại chúng có một Bồ Tát tên là Bửu Đức hỏi Hu Không Tạng Bồ Tát : “Bạch Đại Sĩ ! Ngài đã tu xuất thế gian thành đạo nầy rồi chăng ?”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói : “Đã tu, thừa Đại Sĩ”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Ngài tu thế nào ?”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói : “Nhu được thanh tịnh đạo, tôi tu như vậy”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Thế nào là thanh tịnh đạo ?”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói : “Thừa Đại Sĩ ! Vì ngã tịnh nên đạo tịnh”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Thế nào là ngã tịnh ?”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói : “Nhu tam thế tịnh”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Thế nào là tam thế tịnh ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Sắc thuở quá khứ tịnh vì sắc bản tế không có đến vậy. Sắc thuở vị lai cũng tịnh vì sắc vị lai không có đi vậy. Sắc thuở hiện tại cũng tịnh vì sắc hiện tại không trụ vậy. Đây là tam thế tịnh.

Thọ tướng hành nhẫn đến thức cũng như vậy.

Này Đại Sĩ ! Vì thế trong tam thế tịnh nên ngã tịnh. Vì ngã tịnh nên gọi là đạo tịnh”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Đạo tịnh như vậy hay làm được gì ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Hay làm đại trí huệ quang minh. Do sức trí huệ minh ấy nên có thể biết tất cả pháp quá khứ và vị lai tế”.

Bửu Đức Bồ Tát lại hỏi : “Sao gọi là pháp quá khứ vị lai tế ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Tất cả pháp quá khứ tế vô sanh, nơi vị lai tế vô diệt, đây gọi là biết pháp quá khứ vị lai tế”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Nếu thấy pháp quá khứ vị lai tế là thấy những gì ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Thấy hai đều ly”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Sao gọi là hai đều ly ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Là ly đoạn và ly thường. Nầy Đại Sĩ ! Nếu có thấy pháp sanh và trụ trước nơi pháp thì là đoạn kiến và thường kiến. Vì có sanh thì có diệt. Có sanh có diệt thì là kiến chấp đoạn thường.

Nếu chẳng thấy có pháp từ tự tánh tha tánh sanh thì thấy nhơn duyên. Nếu thấy nhơn duyên thì thấy pháp. Nếu thấy pháp thì thấy Như Lai. Nếu thấy Như Lai thì thấy Như. Nếu thấy như thì chẳng trệ nơi đoạn cũng chẳng chấp thường. Nếu chẳng thường chẳng đoạn thì không có sanh không có diệt”.

Bửu Đức Bồ Tát lại hỏi : “Bạch Đại Sĩ ! Nếu vô sanh vô diệt thì sao lại có danh số ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Vì giả ngôn thuyết mà gọi đó là pháp vậy. Như do có không rỗng nên có tên sắc sai biệt, đó là những màu sắc xanh vàng đỏ trắng, màu tím, màu pha lê, màu lưu ly, màu thô, màu tế và những hình sắc dài vắn vuông tròn. Hư không chẳng bị những sắc hình ấy làm nhiễm, mà tất cả sắc hình ấy tự tánh cũng rỗng không. Tất cả các pháp cũng như vậy đồng tánh hư không, chỉ

giả ngôn thuyết mà có danh số thôi. Những là thiện pháp, bất thiện pháp, thế gian pháp, xuất thế pháp, pháp nên làm, pháp chẳng nên làm, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi. Nhưng Bồ Tát chẳng làm những việc phi phước. Việc phước được làm đều là hư dối chẳng phải chơn thiết chẳng phải kiên cố.

Bồ Tát ấy biết tất cả hạnh và phi hạnh bình đẳng, bỏ lìa tất cả tướng. Vì thành tựu sức Bát Nhã Ba la mật nên hồi hướng Bồ đề, mà cũng chẳng thấy Bồ đề có tăng có giảm. Bồ Tát ấy chẳng ở trong sắc cầu Bồ đề, cũng chẳng ở trong thọ, tưởng, hành, thức cầu Bồ đề. Bồ Tát vì không cầu nên trụ trong khối thanh tịnh giới, tu vô nguyện giải thoát môn đầy đủ tất cả nguyện, biết tánh sanh tử đồng tánh Niết bàn. Bồ Tát ấy dầu nhập cứu cánh Niết bàn mà vì đoạn trừ chúng sanh hư vọng điên đảo nên hành Bồ Tát hạnh nhưng cũng không có hành pháp được hành. Bồ Tát như vậy nhập vào nơi Niết bàn hạnh Bồ Tát hạnh.

Nầy Đại Sĩ ! Phàm có sở tác đều là sanh tử, không có sở tác đây gọi là Niết bàn. Bồ

Tát sở hành là không có sở tác. Vì vậy mà Bồ Tát gọi là nhập vào Niết bàn hạnh Bồ Tát hạnh.

Nầy Đại Sĩ ! Phàm có nhiệm trước y dựa vọng tưởng hí luận lấy tướng đây gọi là sanh tử. Không có nhiệm trước không y dựa không vọng tưởng không hí luận không lấy tướng, đây gọi là Niết bàn. Bồ Tát do tu không nhiệm trước y dựa vọng tưởng hí luận thủ tướng hành Bồ Tát hạnh đây gọi là Bồ Tát nhập Niết bàn hạnh Bồ Tát hạnh”.

Lúc Hư Không Tạng Bồ Tát nói pháp ấy, có năm trăm Bồ Tát được Vô sanh Pháp nhẫn.

Đức Phật khen rằng : “Lành thay lành thay Hư Không Tạng Bồ Tát khéo nói pháp tánh xứng với Bồ Tát hạnh chơn thiết không có khác”.

Hư Không Tạng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đây là sự khéo lành của đức Thế Tôn, tại sao, vì do Phật huệ chiếu sáng nên chúng tôi được có phần luận biện này.

Dụ như ánh sáng mặt nhật chiếu Diêm Phù Đề, do sức sáng mặt nhật mà người có mắt được thấy các sắc tượng làm những sự nghiệp.

Do sức đại trí của Phật chiếu tất cả chúng sanh và các thế giới khác cũng như vậy. Chư pháp thiết tánh chẳng thể ngôn thuyết, các ngôn thuyết tánh đồng với hư không. Vì vậy nên các pháp chẳng thể được danh số. Phàm pháp có danh số thì có hạn lượng. Phàm có hạn lượng thì là hữu vi. Phàm là hữu vi thì biết được dứt được tu được. Phàm là biết được dứt được tu được thì có đắc có chứng. Nếu ở nơi pháp có danh số mà tư duy tính lường phân biệt chẳng thấy có pháp được biết, được dứt, được tu, được đắc, được chứng thì không có đắc, tại sao, vì tất cả pháp không có sanh vậy. Có thể chơn chánh thấy các pháp như vậy thì ở trong các pháp chẳng sanh ái nhiễm. Vì không có ái nhiễm thì không có trụ trước. Vì không trụ trước thì không kê cận. Vì không kê cận thì không thọ nhận không nắm lấy. Sao gọi là không thọ không lấy ? Đó là sắc hoặc thường hoặc vô thường đều không thọ không lấy. Thọ tướng hành và thức hoặc thường hoặc vô thường đều không thọ không lấy.

Sắc hoặc khổ hoặc lạc, hoặc có ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh đều không thọ không lấy. Thọ tướng hành và thức hoặc

khổ lạc, hoặc ngã vô ngã, hoặc tịnh bất tịnh đều không thọ không lấy.

Sắc hoặc không phi không đều không thọ không lấy. Thọ tướng hành và thức hoặc không phi không đều không thọ, không lấy.

Sắc hoặc ly phi ly đều không thọ không lấy. Thọ tướng hành thức hoặc ly phi ly đều không thọ không lấy.

Bồ Tát do không thọ không lấy nên được vô thọ tam muội. Bồ Tát trụ trong tam muội vô thọ này rồi, chư Phật Thế Tôn dùng tâm thông vô thượng thọ ký cho Bồ Tát ấy. Bồ Tát ấy dần nhập Niết bàn thấy tất cả chúng sanh cứu cánh đồng tánh Niết bàn, vì giáo hóa chúng sanh nên chẳng bỏ đại thế trang nghiêm và Bồ Tát đại bi. Bồ Tát dùng chánh trí huệ thấy tất cả các hành ly tướng. Vì Bồ Tát dùng pháp nhãn thấy rõ ràng ly tướng nên có thể nói Như Lai trí minh”.

Bấy giờ Bửu Đức Bồ Tát hỏi Hu Không Tạng Bồ Tát : “Bạch Đại Sĩ ! Sao Ngài có gì tự ẩn trí của mình mà nói là do trí lực của Như Lai ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Nầy Đại Sĩ ! Đức Như Lai đâu chẳng dạy rằng nên ăn lành tốt mà hiền bày dở xấu ư !

Nầy Đại Sĩ ! Tôi lại hỏi Ngài tùy ý Ngài đáp.

Nầy Đại Sĩ ! Nếu lúc không có Long Vương A Na Bà Đạt Đa thì ao A Nậu Đạt có thể chảy ra thành bốn con sông để chúng sanh thọ dụng chăng ?”.

Bửu Đức Bồ Tát nói : “Không có, thua Đại Sĩ”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Nầy Đại Sĩ ! Nếu không có đức Như Lai thì không có pháp luật, Bồ Tát không do đâu để thành biện đại trí, cũng chẳng thể lợi ích tất cả chúng sanh. Do đức Như Lai xuất thế mới có pháp luật mà chư Bồ Tát được thành biện đại trí, cũng có thể hóa độ tất cả chúng sanh. Vì thế nên biết rằng tất cả Bồ Tát được biện thuyết có thể dùng đó để lợi ích chúng sanh đều là thần lực của Như Lai”.

Bửu Đức Bồ Tát lại hỏi : “Bạch Đại Sĩ ! Như Lai biện có thể chuyển đến tâm Bồ Tát chăng ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát đáp : “Không có”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Nhu vậy thì thế nào vì do thần lực Như Lai mà Bồ Tát được biện thuyết ư ?”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói : “Nầy Đại Sĩ ! Ví dụ như khéo trồng cây ăn trái, nhơn duyên hòa hiệp bèn có trái có hột, nhưng cây chẳng phải là trái, mà trái thì chẳng rời cây.

Đức Như Lai thuyết pháp, Bồ Tát ở trong pháp ấy vì khéo thuận hành bèn sanh đại trí minh biện. Nhơn nơi đức Phật thuyết pháp mà được, cũng không có chuyển”.

Bửu Đức Bồ Tát nói : “Thật là hi hữu, thua Đại Sĩ ! Nhơn duyên sanh pháp thậm thâm khó suy lường như vậy”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói : “Nầy Đại Sĩ ! Tất cả các pháp cứu cánh vô sanh”.

Bửu Đức Bồ Tát nói : “Nhưng các pháp nói là từ nhơn duyên sanh”.

Hu Không Tạng Bồ Tát hỏi : “Nầy Đại Sĩ ! Các pháp sanh rồi là sanh hay chưa sanh là sanh ?”.

Bửu Đức Bồ Tát nói : “Sanh rồi thì chẳng sanh, chưa sanh cũng chẳng sanh”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Vì vậy nên là vô sanh”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Trong duyên có nhơn chẳng ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Không có”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Trong nhơn có duyên chẳng ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Không có”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Ý Đại Sĩ thế nào, hoặc nhơn hoặc duyên tự nó thiệt có tánh chẳng ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Không có”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Ý Đại Sĩ thế nào, các pháp không có nhơn duyên sanh ư ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Chẳng phải vậy. Nầy Đại Sĩ ! Vì thế nên tất cả pháp không có tự tánh không sanh không khởi không xuất. Do vì duyên chẳng sanh nhơn, nhơn chẳng sanh duyên, tự tánh chẳng sanh tự tánh, tha tánh cũng chẳng sanh tha tánh, tự tánh chẳng sanh tha tánh, tha tánh chẳng sanh tự tánh. Vì vậy nên nói tất cả pháp tự tánh vô sanh. Vì như vô sanh vô diệt nên pháp tánh thiệt tế cũng vô sanh vô diệt. Như như pháp tánh

thiệt tế là sở giác của Như Lai. Tất cả các pháp cũng như vậy, vô sanh vô diệt”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Như Lai cũng chẳng xuất thế ư ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Việc ấy không nên nói. Tại sao, vì đức Như Lai nơi tất cả pháp đều chẳng thể nói được, chẳng nói xuất cũng chẳng được nói chẳng xuất.

Nếu có ai hỏi rằng đức Như Lai xuất thế ư hay chẳng xuất thế ư ? Người trí vì chẳng hủy báng Như Lai nên thôi chẳng trả lời”.

Bửu Đức Bồ Tát lại hỏi : “Nên thôi như thế nào ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Như pháp tánh trụ, nên thôi như vậy”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Thế nào là pháp tánh trụ ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Như hư không tánh trụ, trụ không có sở trụ, pháp tánh cũng trụ như vậy. Như pháp tánh chúng sanh tánh cũng vậy. Như chúng sanh tánh tất cả các pháp cũng vậy. Như tất cả pháp, Như Lai cũng trụ như vậy, trụ không có sở trụ. Vì không có trụ xứ nên không có trụ không có chẳng trụ. Vì

vậy nên chẳng được nói là sanh chẳng được nói là diệt”.

Bửu Đức Bồ Tát nói : “Thưa Đại Sĩ ! Sự xuất thế của Như Lai thiết là thậm thâm thậm thâm vậy”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Nầy Đại Sĩ ! Nếu có thể như thiết biết rõ duyên sanh pháp thì gọi là Phật xuất thế”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Ai sẽ hiểu thuyết này ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Nầy Đại Sĩ ! Nếu là người ở trong tất cả các pháp không được có tăng giảm”.

Bửu Đức Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Sao gọi là tăng ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Nầy Đại Sĩ ! Tăng ấy đó là tăng thượng cú, nghĩa là ở trong không có mà vọng sanh tăng thượng vậy.

Vô tăng thượng cú là bình đẳng cú, là vô đẳng cú, là vô văn tự cú, là vô cú, là vô giáo cú.

Trong vô giáo ấy không có cú không có tăng thượng cũng không có tâm ý thức, vì vậy nên là chẳng phải cú.

Dụ như dấu chim bay trong hư không, cứu cánh đã không có, sẽ không có, mà nói là dấu chim bay. Cũng vậy, ở trong tất cả các pháp không có tự cú. Không có cú mà giả gọi là cú, như không có dấu chim mà giả gọi là dấu chim.

Cũng vậy, Như Lai xuất thế cũng không có xuất mà giả gọi là xuất. Vì vậy mà người trí chẳng nên thủ trước. Vì không thủ trước nên giả gọi là xuất mà thường y chỉ nơi vô xuất. Tại sao, vì vô sanh là thiệt tánh của tất cả pháp vậy. Vô sanh thì vô sở hữu, vì vậy mà gọi tất cả các pháp vô sở hữu là tánh. Vô sở hữu tánh không có trụ xứ. Vì vô trụ xứ nên là vô trụ tế. Tất cả các pháp vô trụ tế tức là thiệt tế. Thiệt tế tức là nhứt thiết pháp tế. Vì vậy nên nói tất cả các pháp với thiệt tế bình đẳng.

Nói thiệt tế ấy là ba trường phân đoạn tế, là bất khả hoại tế, là bất đoạn bất thường tế, là như thiệt tế, là tam thế đẳng tế vậy.

Dùng những tế như vậy đều đồng nhứt thiết pháp tế. Tại sao, vì thiệt tế với ngã tế không hai không khác. Vì thiệt tế với nhơn tế, chúng sanh tế, thọ mạng tế, dưỡng dục tế không hai không khác. Thiệt tế với ngã kiến

tế không hai không khác. Ở trong ngã kiến không có thiết tế. Nếu có thể thiết biết như vậy thì không có hai mươi thứ ngã kiến. Tại sao, vì trong thiết tế không có một, không có nhiều vậy.

Thiết tế đồng với bình đẳng, không lai không khứ, không tận không diệt, vì thiết tế cứu cánh rỗng không vậy. Vì vậy mà nói tất cả các pháp là vô tận môn, là vô tận tế.

Niết bàn ấy vô tận, nghĩa là rỗng không vậy, là vô tánh vậy. Như Niết bàn vô tận vô bất tận, tất cả các pháp cũng như vậy. Vì vậy nên nói tất cả pháp đồng với Niết bàn.

Các pháp vô đẳng vô bất đẳng vì không không có sánh đôi vậy. Dụ như hư không không có sánh đôi, các pháp cũng như vậy.

Nếu người thấy có sánh đôi nói có Niết bàn, đã nói có Niết bàn bèn câu Niết bàn thì trái nghịch với bực Hiền Thánh.

Vì đã nói có Niết bàn bèn nói : nầy nên biết, nầy nên dứt, nầy nên chứng, nầy nên tu, nầy nên sanh, nầy nên diệt. Người hành chẳng tròn đủ như vậy thì chẳng thể như thiết biết, chẳng thể như thiết thấy, thì chẳng biết chẳng hiểu chẳng thấy. Vì chẳng biết chẳng hiểu tất

cả các pháp nên thủ trước nơi văn tự, ở trong các pháp vọng sanh tranh cạnh. Người sanh sự tranh cạnh thì ở trong Phật pháp là kẻ đáng thương vậy. Tại sao, vì như đức Thế Tôn dạy rằng : pháp Sa Môn chẳng nên tranh cạnh”.

Bấy giờ Tôn giả A Nan bạch đức Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn thật là hi hữu. Đại sĩ này biện tài có thể rất sâu rành rẽ khó hiểu khó lường như vậy. Nơi tất cả pháp chẳng trừ người thọ, như thân tự chúng có thể nói như vậy”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói với Tôn giả A Nan : “Thưa Đại Đức ! Tôi đã tự thân chúng biết, vì vậy nên như chỗ được chúng biết có thể nói như vậy. Tại sao, vì thân tôi tức là hư không. Do hư không mà chúng biết tất cả các pháp được ẩn hư không ẩn.

Thưa Đại Đức A Nan ! Phạm chủ Bồ Tát tu thân khéo hiểu được thân thì có thể dùng thân ấy làm các Phật sự hiện các loại hình tượng mà cũng chẳng thối nơi chơn pháp thân, lại cũng chẳng rời thân do kiết sử nghiệp nhơn sanh, và lại chẳng quá nơi bình đẳng pháp tánh biến hiện hóa thân đều được tự tại, ở tất cả Phật quốc độ khắp có thể thị hiện, trọn

rồi chẳng ẩn thân ứng hóa. Tất cả việc làm ấy đều có thể gọi đó là thân chúng hành”.

Tôn giả A Nan hỏi : “Bạch Đại Sĩ ! Ở nơi pháp phải chẳng Ngài có chúng ư ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức A Nan ! Tôi chẳng thấy pháp rời nơi thân, thân rời nơi pháp”.

Tôn giả A Nan hỏi : “Nếu Đại Sĩ thân chúng, Đại Sĩ được quả A La Hán ư ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Không có được chẳng được, vì vô sở đắc vậy. Nơi tất cả các pháp không có phiền não hành vì ly tham dục sân hận ngu si vậy. Đây gọi là A La Hán”.

Tôn giả A Nan hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Lúc nào Đại Sĩ sẽ bát Niết bàn ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Bực A La Hán không có bát Niết bàn, vì biết tất cả các pháp cứu cánh là Niết bàn, cũng không có quan niệm Niết bàn.

Hàng phàm ngu có phân biệt hí luận nói rằng đây là sanh tử đây là Niết bàn. Bực A La Hán không có hí luận như vậy”.

Tôn giả A Nan nói : “Thưa Đại Sĩ ! Như tôi hiểu nghĩa Đại Sĩ nói thì luận về Bồ Tát chẳng nên nói là phàm phu, cũng chẳng nên nói là hữu học, chẳng nên nói là vô học. Tại sao, vì bỏ lìa hai tướng vậy”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói : “Lành thay lành thay, thưa Đại Đức A Nan ! Do vì chẳng phải phàm phu, chẳng phải hữu học, chẳng phải vô học, nên các nơi các chỗ đều có thể thị hiện, nơi tất cả chỗ ấy cũng chẳng thủ trước”.

Lúc ấy có năm trăm vị đại Thanh Văn đồng đem y Uất đa la tăng của mình mặc dâng lên Hu Không Tạng Bồ Tát. Dâng y rồi đồng thanh nói rằng : “Có chúng sanh nào thâm tâm phát Vô thượng Bồ đề mau được lợi lành chẳng rơi ra ngoài pháp tạng đại trí như vậy”.

Những y Uất đa la tăng được dâng cúng ấy liền chẳng còn hiện. Chư đại Thanh Văn hỏi Hu Không Tạng Bồ Tát : “Bạch Đại Sĩ ! Những y ấy đến ở đâu vậy ?”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói : “ Vào trong tạng của tôi. Đức Như Lai biết đó sao các Ngài chẳng hỏi”.

Chư đại Thanh Văn bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Những y ấy đến ở chỗ nào vậy ?”.

Đức Phật nói : “Nầy chư Tỳ Kheo ! Phương Đông quá vô lượng a tăng kỳ chư Phật quốc độ có thế giới tên là Ca Sa Tràng, Phật hiệu Sơn Vương Như Lai. Hư Không Tạng Bồ Tát đã khiến những y ấy đến thế giới đó”.

Chư đại Thanh Văn lại nói : “Bạch đức Thế Tôn ! Do nhơn duyên gì mà Hư Không Tạng Bồ Tát khiến y đến thế giới đó ?”.

Đức Phật nói : “Muốn dùng những y ấy ở thế giới kia làm Phật sự. Ở nơi đây Hư Không Tạng Bồ Tát nói pháp môn như hư không chẳng tam muội. Tam muội nầy ở trong những y ấy sẽ diễn pháp âm đó : trong thế giới Ca Sa Tràng có vô lượng a tăng kỳ chúng Bồ Tát do nghe pháp âm đó nên được vô sanh pháp nhẫn”.

Chư Tỳ Kheo nên biết Bồ Tát làm các thứ phương tiện như vậy lợi ích chúng sanh”.

Lúc nói pháp nầy ở trên hư không mưa vô lượng hoa màu hoàng kim, trùm khắp nhà Diệu Bửu Trang Nghiêm Đường. Trong các kim sắc hoa ấy phát xuất pháp âm như vậy :

Có chúng sanh nào tin pháp được Hư Không Tạng Bồ Tát nói, khéo thuận tư duy

phân biệt nghĩa ý thì sẽ được ấn bất thối chuyển ấn, quyết định được đến đạo tràng Bồ đề Vô thượng”.

Tôn giả A Nan bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Đây là thoại ứng gì, mua kim sắc hoa ấy phát ra diệu âm như vậy vui đẹp chúng sanh ?”.

Đức Phật nói : “Này A Nan ! Có Phạm Thiên tên Quang Minh Trang Nghiêm từ cung Trời Phạm Thiên cùng với sáu mươi tám trăm ngàn Phạm chúng đều muốn đến nơi này”.

Đức Phật nói xong, chúng Phạm Thiên bỗng đến tại Diệu Bửu Trang Nghiêm Đường đánh lễ chân Phật hữu nhiễu bảy vòng rồi đứng một phía chấp tay hướng lên đức Phật bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thật là hi hữu, Hu Không Tạng Bồ Tát bất khả tư nghị thanh tịnh giới tự tịnh tu các thiện định, thiện phân biệt đại trí huệ hay du hí các đại thần thông, khéo hay đầy đủ đại hoàng thệ nguyện, khéo hay thành tựu đại quyền phương tiện, khéo hay trang nghiêm thân khẩu ý, khéo ở trong các pháp thành tựu sức đại tự tại. Thân khẩu và ý của Hu Không Tạng Bồ Tát đây đều không có làm không có phân biệt ức tướng

mà hay hiện thân biến trang nghiêm bất khả tư nghị, lại hay hiển hiện vô lượng trăm ngàn pháp môn, cũng hay xuất nhập trăm ngàn các môn tam muội, từ xưa đến nay thường thích tu tập thành tựu các thiện pháp.

Bạch đức Thế Tôn ! Chu Bồ Tát chẳng nên ở nơi quá khứ xưa tu thiện căn mà chẳng biết nhơn của nó, tập hợp các thiện căn cũng nên không nhầm. Tại sao, vì do thuở trước vun trồng thiện căn quả báo nên hay hiện thân biến bất khả tư nghị như vậy”.

Đức Phật nói với Phạm Thiên : “Đúng vậy đúng vậy, như lời Phạm Thiên nói. Chu Bồ Tát đã thành tựu thiện căn tu lương và xuất yếu trí phương tiện nên có thể hiện những sự công đức trang nghiêm bất khả tư nghị như vậy, không có ức tướng phân biệt cũng không chẳng phân biệt”.

Phạm Thiên bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào là Bồ Tát tập hợp thiện căn tu lương và xuất yếu trí phương tiện ?”.

Đức Phật bảo Quang Minh Trang Nghiêm Phạm Thiên : “Này Phạm Thiên ! Thiện căn có ba thứ : đó là vô tham thiện căn, vô sân

thiện căn và vô si thiện căn. Đây gọi là thiện căn.

Tu lương là bỏ tất cả sở hữu tu tâm từ quán các pháp. Đây gọi là tu lương.

Phương tiện là bỏ lìa phàm phu địa, chẳng mong muốn Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa mà tiến vào chư Bồ Tát địa. Đây gọi là phương tiện.

Trí là trí biết bỏ pháp bất thiện, trí biết tập hợp thiện pháp, trí biết hồi hướng Bồ đề. Đây gọi là trí.

Bồ Tát hay an trụ những chánh hạnh như vậy, đây gọi là xuất yếu.

Còn nữa, thiện căn là hay phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tu lương là cầu tất cả thiện pháp. Phương tiện là thiện căn đã làm hay chưa làm trọn chẳng bỏ quên. Trí là biết tâm như ảo huyễn biến hóa. Hiện tiền biết rõ các pháp như vậy, đây gọi là xuất yếu.

Còn nữa, thiện căn là thuận chí. Tu lương là phát động. Phương tiện là thâm tâm. Trí là không trì, không động, không năng. Thực hành các pháp như vậy gọi là xuất yếu.

Còn nữa, thiện căn là dục thiện pháp. Tu lương là thắng tiến. Phương tiện là an trụ bất phóng dật, trí là xả bỏ tất cả sở y. Nếu hay hành các hạnh như vậy thì gọi là xuất yếu.

Còn nữa, thiện căn là chánh tín. Tu lương là chẳng bỏ bốn nguyện. Phương tiện là chẳng bỏ niệm và định. Trí là huệ. Hay chánh trụ các hạnh như vậy thì gọi là thành tựu thiện căn tu lương trí phương tiện xuất yếu.

Còn nữa, thiện căn là làm vui đẹp tất cả thiện tri thức. Tu lương là cung cấp vật cần dùng cung kính cúng dường tôn trọng lợi ích. Phương tiện là nơi các thiện tri thức tương như Phật. Trí là biết thời và phi thời mà hồi pháp. Hay chánh trụ các hạnh như vậy thì gọi là xuất yếu.

Còn nữa, thiện căn là thiện thuận nghe pháp. Tu lương là thọ trì chẳng bỏ quên. Phương tiện là theo pháp được nghe có thể khéo quán. Trí là theo pháp được nghe mà làm. Hay chánh trụ các hạnh như vậy thì gọi là xuất yếu.

Còn nữa, thiện căn là gặp Phật vui mừng. Tu lương là hộ trì tất cả Ba la mật các nhiếp pháp và các pháp trợ đạo. Phương tiện là hay

từ một địa đến một địa. Trí là được vô sanh pháp nhẫn. Bồ Tát hay chánh trụ các hạnh như vậy thì gọi là xuất yếu”.

Quang Minh Trang Nghiêm Phạm Thiên bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đức Như Lai có thể dùng nghĩa bốn câu mà tổng nói tất cả Bồ Tát hạnh. Bạch đức Thế Tôn ! Tất cả Phật pháp phải nên ở trong đó mà cầu”.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói với Phạm Thiên : “Này Phạm Thiên ! Một câu cũng có thể nhiếp hết tất cả Phật pháp, đó là câu ly dục, tại sao, vì tất cả Phật pháp đồng với ly dục. Như Phật pháp tất cả pháp cũng vậy.

Còn nữa, một câu rỗng không tổng nhiếp tất cả Phật pháp. Tại sao, vì tất cả Phật pháp đồng với rỗng không vậy. Như Phật pháp, tất cả pháp cũng vậy.

Còn có các một câu tổng nhiếp tất cả Phật pháp, đó là câu vô tướng, là câu vô nguyện, là câu vô tác, là câu vô sanh, là câu vô khởi, là câu như, là câu pháp tánh, là câu chơn tế, là câu ly, là câu diệt, là câu tận, là câu Niết bàn tổng nhiếp tất cả Phật pháp, tại sao, vì tất cả Phật pháp đồng với Niết bàn vậy. Như Phật pháp tất cả các pháp cũng vậy.

Nầy Phạm Thiên ! Đó là một câu tổng nhiếp tất cả Phật pháp, tại sao, vì những câu như vậy đều chẳng phải câu, tất cả Phật pháp chẳng phải câu mà giả danh là câu.

Còn nữa, nầy Phạm Thiên ! Dục là ly dục cú, tại sao, vì tánh ly dục là dục vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Sân là ly sân cú, tại sao, vì tánh ly sân là sân vậy. Si là ly si cú, tại sao, vì tánh ly si là si vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Thân kiến là thiết tế cú. Tại sao, vì tánh thiết tế tức là thân kiến. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Vô minh là minh cú, tại sao, vì tánh minh là vô minh vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Nhẫn đến khổ não là ly khổ não cú, tại sao, vì tánh ly khổ não là khổ não vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Sắc uẩn là hư không cú, tại sao, vì tánh hư không tức là sắc vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn là hư không cú, tại sao, vì tánh hư không tức

là thọ, tướng, hành, thức vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Sắc đến thức là vô tác cú, tại sao, vì tánh vô tác tức là sắc, thọ, tướng, hành, thức vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Địa đại là hư không cú, tại sao, vì tánh hư không tức là địa đại vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Thủy đại, hỏa đại, phong đại là pháp giới cú, tại sao, vì tánh pháp giới tức là địa, thủy, hỏa, phong đại vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Nhãn là Niết bàn cú, tại sao, vì tánh Niết bàn tức là nhãn vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là Niết bàn cú, tại sao, vì tánh Niết bàn tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý vậy. Tất cả Phật pháp cũng đồng tánh ấy.

Nầy Phạm Thiên ! Đó là một câu tổng nhiếp tất cả Phật pháp. Bồ Tát nhập vào những môn nhứt nhứt trí như vậy đều thấy tất cả Phật pháp nhập vào một câu.

Nầy Phạm Thiên ! Ví dụ như đại hải có thể nuốt hết tất cả các dòng nước. Trong mỗi

mỗi câu tổng nhiếp tất cả Phật pháp cũng như vậy...

Ví như hư không đều có thể bao dung tất cả sắc tướng. Trong mỗi mỗi câu tổng nhiếp tất cả Phật pháp cũng như vậy.

Tất cả Phật pháp như vậy hoặc nhiếp hoặc chẳng nhiếp, hoặc nói hoặc chẳng nói đều bất tăng bất giảm, vì cứu cánh ly tướng vậy.

Nầy Phạm Thiên ! Ví dụ như toán sư luôn luôn lấy thẻ toán bày bố trên bàn toán, nhưng trong bàn không có thẻ, trong thẻ không có bàn, tại sao, vì cứu cánh chẳng tương ưng vậy, vì cứu cánh ly vậy.

Ở trong mỗi mỗi câu trên như vậy, vì giả danh số mà nói tất cả Phật pháp đều nhiếp vào một câu, mà các Phật pháp chẳng thể danh số toán đếm được, tại sao, vì cứu cánh chẳng tương ưng vậy, vì cứu cánh ly vậy.

Nầy Phạm Thiên ! Như Phật pháp danh số tức là tất cả pháp danh số, tại sao, vì tất cả các pháp tức là Phật pháp, tại sao, vì những pháp phi pháp và phi phi pháp ấy tự tánh rỗng không vậy, tự tánh ly vậy, tự tánh cứu cánh vô tánh vậy. Vô tánh tức là hư không, tánh hư không đồng tánh tất cả pháp. Pháp

tánh ấy chẳng phải tướng sanh, chẳng phải tướng diệt, chẳng phải tướng hữu xứ, chẳng phải tướng vô xứ. Vì vậy nên tất cả pháp gọi là không có tướng không chẳng tướng”.

Lúc Hư Không Tạng đại Bồ Tát nói pháp ấy, trong hàng Phạm chúng có một vạn hai ngàn Phạm Thiên đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Còn có năm trăm Phạm Thiên từ xưa đã trồng gốc lành, được Vô sanh Pháp nhẫn.

Lúc bấy giờ trong đại chúng có một Bồ Tát tên là Bửu Thủ hỏi Hư Không Tạng Bồ Tát rằng : “Bạch Đại Sĩ ! Thật là hi hữu, tất cả các pháp và Phật pháp thậm thâm khó lường chẳng thể nghĩ bàn.

Thưa Đại Sĩ ! Sao gọi là đặt căn bốn tất cả Phật pháp ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Này Bửu Thủ ! Bồ đề tâm là đặt căn bốn tất cả Phật pháp. Tất cả pháp do an trụ tâm Bồ đề thì được tăng trưởng”.

Bửu Thủ Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Tâm Bồ đề ấy được pháp nào nhiếp chẳng quên mất có thể mau đến bậc bất thối chuyển ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Này Bửu Thủ ! Tâm Bồ đề ấy được hai pháp nhiếp thủ được

chẳng quên mất mau đến bực bất thối chuyển. Đó là thuận chí và cứu cánh vậy”.

Bửu Thủ Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Hai pháp ấy được bao nhiêu pháp nhiếp ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Hai pháp ấy được bốn pháp nhiếp lấy. Đó là thuận chí thì được chẳng hu trá và chẳng siểm khúc nhiếp. Cứu cánh thì được vô ngã và thượng tiến nhiếp. Đây gọi là hai pháp được nhiếp bởi bốn pháp vậy”.

Bửu Thủ Bồ Tát lại hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Bốn pháp ấy được mấy pháp nhiếp ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Bốn pháp ấy được tám pháp nhiếp lấy ! Đó là chẳng hu trá thì được chẳng do dự và thể chơn tịnh nhiếp. Chẳng siểm khúc thì được chánh trực và chánh trụ nhiếp. Vô ngã thì được chẳng lui mất và tinh tiến nhiếp. Thượng tiến thì được công đức tư lương và trí tư lương nhiếp. Đây là bốn pháp được nhiếp bởi tám pháp vậy”.

Bửu Thủ Bồ Tát lại hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Tám pháp ấy được nhiếp bởi mấy pháp ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Tám pháp ấy được mười sáu pháp nhiếp lấy. Đó là chẳng do dự thì được đại từ và đại bi nhiếp. Thể

chơn tịnh thì được thân điều và tâm điều nhiếp. Chánh trực thì được nhẫn nhục và nhu hòa nhiếp. Chánh trụ thì được chẳng kiêu mạn và không trệ ngại nhiếp. Chẳng lui mất thì được kiên cố và sức lực nhiếp. Thuợng tiến thì được như sở tác và chánh hạnh nhiếp. Công đức tư lương thì được thí phát và cứu cánh chẳng bỏ nhiếp. Trí tư lương thì được cầu đa văn và tư duy pháp được nghe nhiếp. Đây là tám pháp được mười sáu pháp nhiếp”.

Bửu Thủ Bồ Tát lại hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Mười sáu pháp ấy lại được mấy pháp nhiếp ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Mười sáu pháp ấy được nhiếp bởi ba mươi hai pháp. Đó là đại từ thì được vô ngại tâm và tâm bình đẳng nơi tất cả chúng sanh nhiếp. Đại bi thì được không nhàm mỏi và siêng cung cấp đầy đủ tất cả chúng sanh nhiếp. Thân điều thì được không xúc nhiễu và không gia hại nhiếp. Tâm điều thì được chánh định và tịch tĩnh nhiếp. Nhẫn nhục thì được chánh thọ giáo và thuận hành nhiếp. Nhu hòa thì được từ và quý nhiếp. Không kiêu mạn thì được khiêm ti và kính lễ nhiếp. Không trệ ngại thì được không nhơ uế và chẳng hung dữ nhiếp. Kiên cố thì

được chẳng sai phạm sở hành và thành tựu bốn nguyện nhiếp. Lục thì được trụ chánh ý và chẳng điều động nhiếp. Như sở tác thì được như thuyết và năng hành nhiếp. Chánh hạnh thì được chánh pháp và chánh tiến nhiếp. Thi pháp thì được tất thắng và bất thối nhiếp. Bất xả bỏ thì được thích hơn và thượng cầu nhiếp. Cầu đa văn thì được thân cận thiện tri thức và vui đẹp thiện tri thức nhiếp. Tu duy pháp được nghe thì được trí huệ và khéo quán nhiếp. Đây là mười sáu pháp được nhiếp bởi ba mươi hai pháp”.

Bửu Thủ Bồ Tát lại hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Ba mươi hai pháp ấy lại được bao nhiêu pháp nhiếp ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Ba mươi hai pháp ấy được nhiếp bởi sáu mươi bốn pháp. Đó là vô ngại tâm thì được hộ ngã và hộ bỉ nhiếp. Tâm bình đẳng nơi tất cả chúng sanh thì được vô biệt dị và nhứt vị nhiếp. Không mỗi một thì được quán như mộng và biết sanh tử như ảo huyền nhiếp. Siêng cung cấp đầy đủ tất cả chúng sanh thì được thân thông và phương tiện nhiếp. Chẳng xúc nhiều thì được hổ thẹn và tin có nghiệp báo nhiếp. Chẳng

gia hại thì được thiếu dục và tri túc nhiếp. Chánh định thì được không phát não nhiệt và không tán thất nhiếp. Tịch tĩnh thì được xả bỏ ngô ngã và lìa ngã sở nhiếp. Thọ chánh giáo thì được cầu pháp và thích muốn pháp nhiếp. Thuận hành thì được kính trọng và bình đẳng không mỗi một nhiếp. Tâm thì được nội tâm dứt trừ và ngoài chẳng hành nhiếp. Quý thì được tin ưa Phật trí và ở chỗ khuất chẳng làm ác nhiếp. Khiêm ti thì được chẳng ngạo mạn và biết tự hạ mình nhiếp. Lễ kính thì được thân đoan và tâm trực nhiếp. Không nhơ uế thì được đủ có định tĩnh và tu tập huệ nhiếp. Chẳng hung dữ thì được chẳng thô bạo và chẳng lưỡng thiệt nhiếp. Chẳng sai phạm sở hành thì được chẳng xả bỏ Bồ đề tâm và niệm đạo tràng nhiếp. Thành tựu bốn nguyện thì được xả bỏ ma nghiệp và Phật lực hộ trì nhiếp. Chánh trụ ý thì được chẳng khinh tháo và chẳng điệu loạn nhiếp. Chẳng điệu động thì được như thạch sơn và chẳng di chuyển được nhiếp. Như thuyết thì được sở tác thiện nghiệp và không nhiệt não nhiếp. Năng hành thì được không hư dối và chẳng bỏ chỗ hướng về nhiếp. Chánh phát thì được lìa biên kiến và thuận quán thậm thâm nhưn duyên nhiếp.

Chánh tiến thì được thiện xảo và phương tiện nhiếp. Tất thắng thì được chẳng giải đãi và dũng mãnh nhiếp. Bất thối thì được đại dục và tăng tiến nhiếp. Thích hơn thì được thấy Phật và nghe pháp nhiếp. Thượng cầu thì được bỏ lỗi hoạn của các bậc địa và được công đức của các địa nhiếp. Thân cận thiện tri thức thì được không ghét ganh và tin ưa nhiếp. Vui đẹp thiện tri thức thì được kính thuận và chẳng trái nghịch lời dạy bảo nhiếp. Trí huệ thì được vô thường quán và vô ngã quán nhiếp. Thiện quán thì được tu vô tướng và chẳng dựa Niết bàn nhiếp. Đây là ba mươi hai pháp được nhiếp bởi sáu mươi bốn pháp”.

Bửu Thủ Bồ Tát lại hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Sáu mươi bốn pháp ấy còn được mấy pháp nhiếp ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Sáu mươi bốn pháp ấy được một trăm hai mươi tám pháp nhiếp.

Hộ ngã thì được dứt tất cả ác và thành tựu tất cả thiện căn nhiếp. Hộ bỉ thì được nhẫn nhục và nhu hòa nhiếp. Vô biệt dị thì được tâm như nước và tâm như gió nhiếp. Nhút vị thì được pháp giới quán và như như quán

nhiep. Như mộng quán thì được vô di chuyển quán và vô chon thiết quán nhiep. Như ảo huyễn thì được vừa theo tánh và vô tự tánh quán nhiep. Các thần thông thì được liễu nghĩa và liễu trí nhiep. Phương tiện thì được đại bi và Bát Nhã Ba la mật nhiep. Hổ thẹn thì được chẳng che giấu lỗi phạm và hối quá nhiep. Tin có nghiệp báo thì được bất phóng dật và sợ ác đạo nhiep. Thiếu dục thì được ở trong sách có chừng hạn và lìa ô uế trước nhiep. Tri túc thì được dễ vừa và dễ nuôi nhiep. Không phát não thì được cứu cánh và cứu cánh biên tế nhiep. Không tán thất thì được đặc nhẫn và bất thối chuyển địa nhiep. Xả ngô ngã thì được chẳng chấp ngã thân và chẳng chấp thọ mạng nhiep. Lìa ngã sở thì được vô tham và vô si nhiep. Cầu pháp thì được trí và đoạn nhiep. Thích muốn pháp thì được chẳng ham ngũ dục và lìa phiền não nhiep. Kính trọng thì được sanh ý tưởng là Phật và tưởng cứu lành nhiep. Không mỗi một thì được thân nhẹ và siêng năng ít ngủ nhiep. Nội tâm đoạn trừ thì được thân niệm xứ và thọ niệm xứ nhiep. Ngoài chẳng hành thì được tâm niệm xứ và pháp niệm xứ nhiep. Tin ưa Phật trí thì được thâm kính trọng và tịnh tín nhiep. Ở chỗ khuất

chẳng làm ác thì được tự chúng biết và chu Thiên thần chúng biết nhiếp. Chẳng ngạo mạn thì được chẳng tự khen và chẳng chê người nhiếp. Biết tự hạ mình thì được chẳng hu xung và chẳng hiển bày đức tốt của mình nhiếp. Thân đoan thì được chẳng hành ba nghiệp bất thiện và chẳng phạm cấm giới nhiếp. Tâm trực thì được thường xét lỗi mình và chẳng nói chỗ dở của người nhiếp. Dủ có định tĩnh thì được tâm tịch tĩnh và dứt phiền não nhiếp. Tu trí huệ thì được tuyển chọn các pháp và biết vô ngã nhiếp. Chẳng thô bạo thì được thường làm việc lợi ích và thuận nhẫn nhiếp. Chẳng lưỡng thiệt thì được tự đủ quyền thuộc và hòa hiệp biệt ly nhiếp. Chẳng bỏ tâm Bồ đề thì được chúng sanh và Phật trí nhiếp. Niệm đạo tràng thì được muốn phá ma chúng và thành chánh giác nhiếp. Bỏ ma sự thì được chánh giác và chẳng bỏ chí Bồ đề nhiếp. Phật thân lục gia trì thì được kiên cố hành và thiện thuận chí nhiếp. Chẳng khinh tháo thì được giữ vững các căn và chẳng bỏ cảnh giới nhiếp. Chẳng điều loạn thì được quán khổ và quán không nhiếp. Như thạch sơn thì được chẳng cao và chẳng hạ nhiếp. Chẳng di chuyển được thì được dứt ái và trừ sân nhiếp. Sở tác thiện

**ngiệp thì được trí sở tác nghiệp và bỏ ma sự
nhiếp. Không nhiệt nảo thì được tịnh giới và
tịnh định nhiếp. Không hư cưỡng thì được
thành thiết ngữ và chẳng mong quả báo nhiếp.
Chẳng bỏ chỗ hướng về thì được thành tựu
ngiệp bậc hiền và chẳng hành khiếp nhược
nhiếp. Là biên kiến thì được quán vô sanh
và quán chẳng bại hoại nhiếp. Thuận quán
thậm thâm nhơn duyên thì được quán nhơn
và quán duyên nhiếp. Thiện xảo thì được đệ
nhứt không tranh cạnh và chẳng ngạo mạn
nhiếp. Phương tiện thì được ly phương tiện
và vô sanh phương tiện nhiếp. Chẳng giải đãi
thì được thân lực và tâm lực nhiếp. Dũng mãnh
thì được tâm thắng tiến và hại oán địch nhiếp.
Đại dục thì được chẳng cầu lợi dưỡng và chẳng
tiếc thân mạng nhiếp. Tăng tiến thì được không
ngu tối và chẳng thối hườn nhiếp. Thấy Phật
thì được tu niệm Phật và tịnh tín nhiếp. Nghe
pháp thì được thích đến chỗ giảng dạy và thích
thưa hỏi nhiếp. Bỏ lỗi hoạn các địa thì được
chẳng tán loạn hành và bỏ lìa ác tri thức nhiếp.
Được công đức của các địa thì được phương
tiện hồi hướng và chẳng bỏ bốn hành nhiếp.
Không ghét ganh thì được có thể thí cho tất
cả và vật vừa ý mà xả bỏ nhiếp. Tin ưa thì**

được vô cấu hành và tâm chẳng trước nhiếp. Kính thuận thì được biết thời biết chỗ hạp nên của thế gian và tùy thuận hành nhiếp. Chẳng trái nghịch lời dạy bảo thì được bỏ trừ bất tịnh và tịnh chánh hạnh nhiếp. Vô thường quán thì được quán động chuyển và quán bại hoại nhiếp. Vô ngã quán thì được chẳng có tác giả và chẳng có thọ giả nhiếp. Tu vô tướng thì được chẳng duyên cảnh giới và trừ giác quán nhiếp. Chẳng dựa Niết bàn thì được trừ bỏ vô minh và dứt ái trước nhiếp. Đây là sáu mươi bốn pháp được một trăm hai mươi tám pháp nhiếp”.

Bửu Thủ Bồ Tát nghe Hư Không Tạng Bồ Tát phân biệt những pháp môn như vậy rồi, vui mừng hơn hở được chưa từng có, liền bạch Hư Không Tạng Bồ Tát : “Bạch Đại Sĩ ! Thật là hi hữu, Đại Sĩ có thể thành tựu biện tài nhanh lẹ như vậy và phân biệt biện thuyết rất giỏi. Các sự được hỏi đều hay giải bày được hết.

Như nay tôi hiểu ý nghĩa và văn tự của Đại Sĩ nói, dùng phương tiện như vậy hoặc một kiếp hoặc giảm một kiếp nói chẳng hết được và biện luận cũng chẳng dứt”.

Đức Phật bảo Bửu Thủ Bồ Tát : “Đúng vậy đúng vậy, nầy Bửu Thủ ! Đúng như lời ông nói. Bồ Tát Hư Không Tạng ấy nếu diễn nói nghĩa một câu, hoặc một kiếp hay giảm một kiếp nói chẳng hết được, biện cũng chẳng dứt. Hư Không Tạng Bồ Tát có vô lượng vô biên bất khả tư nghị biện tài như vậy”.

Bấy giờ Bửu Thủ Bồ Tát dùng bàn tay che trùm khắp nhà Diệu Bửu Trang Nghiêm Đường, trong bàn tay ấy xuất hiện vô lượng hoa hương anh lạc y phục những món trang sức và những tràng phan lọng đẹp, tuôn ra những món cúng dường thượng diệu như vậy để cúng dường đức Như Lai và Hư Không Tạng Bồ Tát, trên không có trăm ngàn âm nhạc chẳng trỗi mà tự kêu.

Trong tiếng âm nhạc ấy phát ra những bài kệ vi diệu ca ngợi đức Như Lai :

**Gìn đức dạy đức đủ trăm phước
Tâm ý điều phục niệm chẳng động
Sa Môn Đại Sĩ xuống Trời Người
Mười phương Bồ Tát đều hiện đến
Danh xưng oai đức đáng tụng tại
Điều phục chúng sanh trừ si tối**

Hay độ trời người đang nổi trôi
Đóng cửa ác đạo khiến thanh tịnh
Đại Thánh khéo nói âm vi diệu
Không sai không lầm âm thanh tịnh
Ba cõi không sánh không ba độc
Thế Tôn nói pháp cho chúng vui
Ý niệm kiên cố ưa tịch tĩnh
Tối thắng thập lực ai cũng phục
Đã bỏ siểm khúc được cam lộ
Không có trần lụy chúng quy ngưỡng
Thế Tôn ở chúng chẳng động chuyển
Mà độ vô lượng chúng mười phương
Tùy chúng sanh hành hay tùy thuận
Phật tử cũng thích tu hạnh ấy
Mặt nhụt không che hay chiếu khắp
Hay khiến các hoa được đua nở
Phật trí huệ quang soi tối tăm
Phật tử được tỏ cũng như vậy
Nhu gió vô ngại núi chẳng động
Sạch như hư không sáng như nhụt
Phật tử phóng quang mưa cam lộ
Vì vậy tôi lay Phật Bồ tát.
Đại Thiên nước biển còn lường được

**Mười phương hư không còn bước được
Tâm các chúng sanh còn đồng được
Công đức của Phật chẳng cùng tận.**

Trên không âm nhạc vang ra những bài kệ vi diệu ấy rồi, ma vương Ba Tuần nghiêm bị bốn binh chủng đến chỗ đức Phật, hóa thân trưởng giả lễ chun đức Phật đứng ở một phía mà bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thật là hi hữu, các bậc Đại Sĩ ấy có thể thành tựu các thứ thần biến bất khả tư nghị còn có thể thị hiện những sự trang nghiêm bất khả tư nghị như vậy.

Bạch đức Thế Tôn ! Đời vị lai có bao nhiêu chúng sanh nghe thần biến bất khả tư nghị này mà được khai ngộ quyết định chẳng nghi ?

Đức Phật nói : “Này Ba Tuần ! Trong đời vị lai ít có chúng sanh hoặc một người hoặc hai người nghe kinh điển thần biến bất tu nghị này mà được tin hiểu thì ít có lắm.

Này Ba Tuần ! Như một sợi lông chia làm trăm phần, lấy một phần lông chấm lấy một giọt nước biển trong đại hải. Ý của ông nghĩ thế nào, giọt nước được chấm lấy ấy so với nước cả đại hải ít nhiều thế nào ?

**Ba Tuần bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn !
Được lấy rất ít, số còn lại rất nhiều”.**

**Đức Phật nói : “Nầy Ba Tuần ! Như nước
được lấy rất ít, chúng sanh nghe kinh điển
thần biến bất tư nghị nầy mà có thể tin hiểu
được thì rất ít cũng như vậy. Như trong đại
hải nước còn lại rất nhiều, chúng sanh chẳng
tin hiểu được kinh điển thần biến bất tư nghị
nầy rất đông nhiều cũng như vậy.**

**Nầy Ba Tuần ! Nếu có một người trong
thời gian số kiếp bằng số cát sông Hằng, mỗi
ngày đem trân bửu đầy cả Đại Thiên thế giới
dùng để bố thí, người nầy được phước chẳng
bằng thiện nam tử thiện nữ nọ nghe kinh
điển thần biến bất tư nghị nầy mà có thể tin
hiểu được phước nầy rất là nhiều. Tại sao,
nếu là người tin hiểu kinh điển nầy, thì biết
người ấy thân từ Thích Ca Mâu Ni Phật nghe
kinh điển nầy tin hiểu không nghi. Tại sao,
vì nếu là chúng sanh chưa vun trồng thiện
căn nghe kinh điển khó được thế gian tin nầy
mà có thể tin được thì không có lẽ ấy.**

**Nầy Ba Tuần sau khi Phật bát Niết bàn
lúc pháp sắp diệt có đông chúng sanh kiêu
mạn. Những chúng sanh ấy chấp văn tự của**

Phật nói, vì chẳng biết phương tiện nên họ riêng sanh tranh cạnh, bỏ pháp tư duy, bỏ chánh hạnh của mình, vì lợi dưỡng danh dự phục uống ăn mà tự ràng buộc, thích luận bàn các sự việc thế tục và sách luận văn từ thế tục mà chẳng luận bàn đệ nhứt nghĩa đế, chẳng thích suy gẫm Phật vô thượng đạo, họ lại còn hướng đến người khác mà luận chê kinh điển chon thiết thâm diệu này, đây là phỉ báng chu Phật. Họ chứa hợp khối vô lượng khổ não lớn. Các hạng ma thần ma thiên tá trợ người ấy, vì lợi dưỡng cung kính và danh dự nên họ lại thêm phóng dật ngạo mạn. Do ngạo mạn mà các người ấy thấy có ai trì giới hiền thiện thọ trì đọc tụng kinh điển này, họ bèn khi dễ ghét ganh hủy báng. Các người ngu si này hiện đời phá phạm cấm giới. Trong bọn ấy hoặc vì sợ khó sanh sống, hoặc vì hổ thẹn nơi người nên có kẻ giả mặc ca sa, hoặc xả giới huòn tục. Những kẻ này thân hư mạng chết đọa địa ngục A Tỳ thọ khổ báo.

Nầy Ba Tuần ! Trong đời vị lai có chúng sanh cầu Bồ Tát thừa mới phát đạo tâm căn lành cạn ít nắm lấy nhơn duyên chỉ chấp văn tự chẳng rõ được nghĩa, thọ trì đọc tụng kinh điển thậm thâm như vậy và lúc vì người diễn

nói, thì bị người khác khinh khi chê trách. Vì bị người khinh chê nên bèn bỏ các kinh điển thậm thâm như vậy mà đọc tụng các kinh tương ưng với Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa. Vì bị ràng buộc bởi lợi dưỡng danh dự các vật cần dùng nên họ trở lại hủy báng các kinh điển thậm thâm chon thiệt như vậy. Họ cũng khinh miệt người thọ trì đọc tụng các kinh điển ấy, cho đến chẳng muốn đưa mắt nhìn ngó. Họ thường thích hạnh thấp kém mà thối thất pháp Đại thừa Bồ Tát. Đó là thối thất tâm thuần chí và thâm tâm. Ma thần ma thiên được những người này bèn cố gắng làm nhiều cách hoại loạn tâm họ cho đến khiến chẳng nghe các kinh ấy, dầu cho có nghe thì khiến sanh lòng hủy báng không tin. Các người này cũng còn chứa hạp vô lượng tội thành tựu nghiệp phá pháp, là hẳn Tam bảo chẳng được thấy Phật nghe Pháp cúng dường Tăng. Tại sao, vì ở trong pháp luật được Phật nói mà sanh nghi do dự vậy”.

Bấy giờ ma vương Ba Tuần tự thấy mình có lỗi nên lo rầu sợ sệt đến lạy chun Phật rồi đứng qua một phía.

Hư Không Tạng Bồ Tát hỏi : “Nầy Ba Tuần ! Có chi mà ngươi lo rầu tiêu tụy run sợ như người thất chí mà đứng qua một phía vậy ?”.

Ma vương Ba Tuần nói : “Thưa Đại Sĩ ! Tôi từ nơi Phật nghe nói những sự đáng sợ như vậy nên tôi lo rầu sợ sẽ bị đọa ác đạo, ai sẽ cứu tôi. Ở trong pháp luật của Phật dạy tôi luôn luôn làm vô lượng sự trở ngại. Vì vậy mà tôi lo sợ lắm”.

Hư Không Tạng Bồ Tát nói : “Nầy Ba Tuần ! Trong Phật pháp có pháp xuất tội. Ông nên đến chỗ Thế Tôn thành tâm sám hối các tội ác đã làm chớ có làm lại nữa. Nếu ông có thể như vậy thì sẽ được lợi ích tốt chẳng lường uổng”.

Nghe lời khuyên ấy, Thiên ma Ba Tuần liền đến chỗ đức Phật nắm vóc gieo xuống lạy chun đức Phật ngược nhìn Phật rơi nước mắt mà bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nay tôi thành tâm sám hối từ xưa đến nay ở trong pháp luật của đức Phật dạy thường làm vô lượng sự trở ngại. Ngưỡng mong đức Như Lai vì lòng từ bi thương xót thọ tôi sám hối”.

Đức Phật nói : “Lành thay, lành thay, nầy Ba Tuần ! Ông có thể tự thấy các việc ác đã

làm, là thượng thiện thay người có thể ăn năn tội lỗi như vậy ở trong Phật pháp thì làm rộng lớn pháp tạng Như Lai. Chư Phật cũng thọ người ấy sám hối. Vì vậy nên từ nay ông chớ phạm nữa”.

Đức Thế Tôn bảo chư Bồ Tát : “Các Đại Sĩ ! Nay các người đều riêng nói pháp quá ma giới hành để tỏ lòng thương Thiên ma Ba Tuần vậy”.

Trong đại chúng có Bồ Tát tên Kim Sơn Vương bạch đức Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có người phòng hộ nội giới thì chưa quá ma giới. Nếu thấy tất cả các giới đồng Phật giới, biết Phật giới ấy tức là phi giới, Bồ Tát này có thể quá ma giới”.

Bửu Đức Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Còn có chỗ dựa cậy nương nhờ là chưa khỏi ma giới. Nếu chẳng dựa cậy nương nhờ biết tất cả pháp vô sở đắc có thể vì chúng sanh nói pháp không sở y, Bồ Tát này có thể quá ma giới”.

Bửu Thủ Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có thủ lấy ngã và ngã sở đây là ma giới. Nếu không có thủ ngã và ngã sở thì không có tranh cạnh. Vì không có tranh

cạnh thì không có tâm hành. Tâm hành còn không có hướng là có ma giới ư ! Đây là Bồ Tát có thể quá các ma giới vậy.

Vô Tranh Dũng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có xúc có ly thì có tranh tụng, có tranh tụng thì ma được tiện lợi. Nếu không xúc không ly thì tự mình không có tranh tụng, cũng chẳng làm cho người tranh tụng, vì được vô ngã vậy. Người không não hành có thể quá ma giới”.

Bửu Tu Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có vọng tưởng phân biệt thì là phiền não và có phiền não xú thì là ma giới. Nếu có Bồ Tát biết tất cả pháp không có tướng mạo, nơi các phiền não thì không vọng tưởng. Hoặc nội hoặc ngoại cũng chẳng biết khác. Vì bỏ lìa tất cả vọng tưởng phân biệt đây là Bồ Tát có thể quá ma giới”.

Lạc Hành Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có chỗ thích chỗ chẳng thích thì có yêu có ghét. Nếu có yêu có ghét thì có ma giới. Nếu có Bồ Tát bỏ lìa yêu ghét bình đẳng hành ở trong các pháp không có hai tướng, được nhập bất khả tư nghị giới”. Đây là Bồ Tát có thể quá ma giới.

Ly Tranh Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Ma giới do ngã mà phát khởi. Nếu Bồ Tát có thể biết được ngã được vô ngã hẳn thì biết ngã tịnh, vì biết ngã tịnh nên biết tất cả pháp tịnh, vì biết tất cả pháp tịnh nên biết tất cả pháp tánh tịnh như hư không. Đây là Bồ Tát có thể quá ma giới”.

Pháp Tự Tại Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu thuận phiền não pháp thì bị ái sai sử mà ma được tiện lợi. Nếu có Bồ Tát ở trong các pháp rất được tự tại tự nhiên khai ngộ, vì được chư Phật thọ ký, nơi Bồ Tát pháp trọn chẳng thối chuyển. Đây là Bồ Tát có thể quá ma giới”.

Son Tướng Kịch Vương Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu tâm có khuyết lậu thì là ma giới. Nếu Bồ Tát giới không khuyết lậu tâm không khuyết lậu thành tựu tất cả pháp không hành, đây là Bồ Tát có thể quá ma giới”.

Hỉ Kiến Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu người chẳng thấy Phật chẳng nghe pháp thì ma được tiện lợi. Nếu Bồ Tát thường thấy chư Phật mà chẳng thủ trước sắc tượng, thường nghe pháp mà chẳng trụ trước văn tự do vì thấy pháp thì là thấy Phật. Vì không

ngôn thuyết nên có thể nghe pháp. Đây là Bồ Tát có thể quá ma giới”.

Đế Võng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có cây có động thì là ma giới. Nếu Bồ Tát khéo thuận tinh tiến biết tất cả pháp cứu cánh không có tướng thành tựu mà không cây không động. Đây là Bồ Tát có thể quá ma giới”.

Đức Minh Vương Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu hành hai pháp thì ma được tiện lợi. Nếu Bồ Tát biết tất cả các pháp đồng với pháp tánh thì chẳng thấy ma giới cùng pháp tánh có khác, biết pháp giới cùng ma giới bình đẳng vì chẳng hai tướng vậy. Đây là Bồ Tát có thể quá ma giới”.

Hương Tượng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu Bồ Tát khiếp nhược sợ pháp thậm thâm thì ma được tiện lợi. Nếu dũng kiện Bồ Tát khéo có thể không đạt ba môn giải thoát, ở trong các pháp thậm thâm chẳng kinh chẳng sợ, vì có thể hiện tiền chứng biết các pháp thiệt tánh. Đây là Bồ Tát có thể quá ma giới”.

Di Lạc Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Như nước trong biển đồng một vị mặn.

Trong biển Phật pháp cũng đồng một pháp vị, đó là giải thoát vị, ly dục vị. Nếu Bồ Tát khéo hiểu pháp một vị, đây là Bồ Tát có thể quá ma nghiệp”.

Hư Không Tạng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Như hư không cứu cánh vô cấu, cứu cánh sáng sạch, cứu cánh chẳng bị tất cả khói bụi mây mù làm rối nhiễu. Cũng vậy tâm Bồ Tát như hư không, biết rõ tất cả các pháp tánh thường thanh tịnh, cũng chẳng bị tất cả khách trần phiền não làm rối nhiễu được đến bỉ ngạn Bát Nhã Ba la mật là các tối tăm, nơi các pháp được huệ quang minh. Đây là Bồ Tát có thể quá ma giới”.

Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nếu có ngôn ngữ thì có trệ ngại, nếu có trệ ngại thì có ma giới. Nếu pháp chẳng bị tất cả ngôn thuyết biểu thị bèn không trệ ngại. Sao gọi là pháp chẳng ngôn thuyết được ? Đó là đệ nhất nghĩa. Trong đệ nhất nghĩa cũng không có văn tự và nghĩa. Nếu Bồ Tát có thể hành đệ nhất nghĩa đế, nơi tất cả pháp đều không có sở hành. Đây là Bồ Tát có thể quá ma giới, vì không có sở quá vậy”.

Đức Phật nói với Ma Vương rằng : “Nầy Ba Tuần ! Ông có nghe nói pháp quá ma giới chẳng ?”.

Ma vương bạch rằng : “Bạch Đức Thế Tôn ! Tôi đã có nghe”.

Đức Phật nói : “Nầy Ba Tuần ! Nếu có người hành những pháp ấy thì tất cả các ma không làm gì được. Nếu có ma muốn ở nơi hành như ấy mà phát khởi các ma sự thì trọn chẳng thể làm được mà còn gây nên vô lượng tội lỗi. Vì vậy nên, Ba Tuần nầy, ông phải phát tâm Vô thượng Bồ đề, ở nơi pháp quá ma giới ấy phải kiên trì phụng hành. Nếu ông có thể hành như vậy thì có thể quá tất cả quốc giới ma.

Nầy Ba Tuần ! Dụ như bọn dơ đóng tù cả trăm năm, có thể trong một ngày giặt rửa sạch sẽ. Cũng vậy, trong trăm ngàn kiếp chứa hợp các nghiệp bất thiện, vì Phật pháp mà khéo thuận tu duy trong một ngày một giờ đều có thể tiêu diệt.

Nầy Ba Tuần ! Như cỏ khô chứa hợp đồng lớn như núi Tu Di, lấy chút lửa ném vào thì mau cháy hết. Cũng vậy dùng ít sức huệ có thể trừ diệt vô lượng khối tối tăm. Tại sao?

Vì sáng trí huệ dũng mãnh mà vô minh thì kém yếu vậy”.

Lúc ấy ma vương Ba Tuần nghĩ rằng :

Đức Thế Tôn đại từ vì thương xót tôi mà nói cho tôi về pháp Bồ đề tâm. Nay tôi nên ở chỗ đức Như Lai vun trồng chút ít căn lành.

Nghĩ xong, ma vương Ba Tuần hóa ra tám vạn bốn ngàn lọng báu rất đẹp lạ với vô lượng hoa hương anh lạc hương bột hương xoa, rồi bảo quyến thuộc mình rằng : “Chu Phật Thế Tôn xuất thế rất khó, các người nên đồng đến chỗ đức Thế Tôn để cúng dường”. Trong Thiên ma quyến thuộc có tám vạn bốn ngàn chúng cùng ma vương Ba Tuần đem đồ cúng như lọng báu hoa hương dâng lên đức Phật và đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Ngoài ra còn có các Thiên ma quyến thuộc chẳng có tín tâm chẳng phát tâm Bồ đề, họ hiện hình tướng cười chê luận bàn về ma vương Ba Tuần rằng : “Thật là hi hữu cho Ba Tuần có thể ở trước Sa Môn Cù Đàm trá hiện tướng đốc tín như vậy, coi Cù Đàm như người chí thân. Hoặc là Ba Tuần muốn ở nơi Sa Môn Cù Đàm học chú thuật nên nay ở trước mặt Cù Đàm ca ngợi chẳng ?”.

Trong chúng ấy có ma tử Xử Diện và các ma tử đều không có tín tâm đều nói rằng : “Giả sử Sa Môn Cù Đàm dùng các phương thuật hồi chuyển ma vương, chúng ta sẽ lập các phương tiện làm cho kinh điển như vậy chẳng lưu bố được, dầu có lưu bố cũng làm cho ít người hộ trợ, cũng làm cho ít người tín thọ phụng hành bị nhiều người khinh tiện, thường lạc ở địa phương biên địa chẳng cho tuyên truyền tại trung tâm các nước, chúng ta sẽ khiến các chúng sanh bản cùng không oai đức được nghe và thường bị người có oai đức hào phú chẳng tin chê trách”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Hu Không Tạng Bồ Tát : “Nầy Đại Sĩ ! Ông có nghe các ma tử nói lời ác ấy chăng ?”.

Hu Không Tạng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Tôi có nghe”.

Đức Phật nói : “Nầy Hu Không Tạng ! Vì vậy mà ông nên hộ trợ an ủi kinh điển thậm thâm vi diệu như vậy vì để hàng phục các ma thần”.

Hu Không Tạng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Mười phương chư Phật đều đã

hộ trì kinh điển như vậy. Chúng tôi cũng nên an ủi thọ trì”.

**Hư Không Tạng Bồ Tát liền nói chú rằng :
“A bạt đề, bạt đề, tỳ bạt đề, bà hê đa nâu tán
đề, đầu lâu đa la ni, niết già đa niết già đa
ni, xa mế bát già đa ni, mê la dục đề, già lâu
na niết nự đề, tát giá bạt đề, phù đa lạc sai,
đạt ma niết chiết đề, đạt ma lạc sai, úc cuu
ly, thi cuu ly, hựu lâu hựu lâu hựu lâu đức
ca ly, đa bà bà đế đề, thi la nâu bà đế đề, a
xoa dạ niết thế trì, chỉ xa bà ca lợi thí, phát
đà yết đề mị đề, đạt ma huất kỳ la nê, tăng
già nâu kim mế, a nâu đầu lệ.**

**Chẳng thể tế độ được
Quyến thuộc ma hư hoại
Nếu ai phạm kinh này
Không có các đao trượng
Thuận chỗ lành mình làm
Là chỗ làm chư Thánh
Những câu lành và tốt
Thuận với dòng giải thoát
Phá các luận ngoại đạo
Hàng phục các chúng ma
Tứ Thiên Vương thường hộ**

Và cùng Thiên Đế Thích
Phạm Thiên Vương thế chủ
Hàng chư Thiên phụng Phật
Người hộ trì Bồ đề
Chư Thiên Thần như vậy
Thường phải nên ủng hộ
Hàng phục các chúng ma
Vì lợi ích chúng sanh
Mà thọ trì chánh pháp
Hộ trì thuyết pháp sư
Đều phải nên ủng hộ.

Hu Không Tạng Bồ Tát nói chú ấy rồi, tức thì nhà Diệu Bửu Trang Nghiêm Đường và cả Đại Thiên thế giới chấn động sáu cách.

Lúc các ma tử thấy trên không có năm trăm Mật Tích Lục Sĩ cầm chày kim cương chói sáng như lửa rất đáng sợ.

Chư Mật Tích xưng lên rằng : “Nếu có ma tử và ma thần nào nghe chú ấy mà không phát tâm Vô thượng Bồ đề, chúng ta sẽ đập bể đầu họ thành bảy phần.

Chư ma tử và các quyến thuộc kinh sợ run rẩy lông trên thân đều dựng đứng, liền

chấp tay lễ đức Phật mà bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi nay phát tâm Vô thượng Bồ đề. Lành thay Thế Tôn mong cứu chúng tôi khỏi sự kinh hoàng này để được an vui vô úy”.

Đức Phật bảo Tôn giả A Nan rằng : “Trước đây các ma tử này có nói rằng : Chúng ta ở đời sau nơi kinh điển này sẽ làm trở ngại. Ất sẽ xúng với bốn thế ấy mà làm trở ngại. Kinh điển như đây chỉ sẽ do Phật thần lực và chư Bồ Tát thọ trì mà sẽ được lưu bố trong đời, nhưng không có được nhiều người thọ trì phân biệt giải thuyết.

Nầy A Nan ! Ông có thấy các ma tử vì muốn thoát khỏi sự kinh sợ mà phát tâm Vô thượng Bồ đề chăng ?”.

Tôn giả A Nan bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Tôi đã thấy”.

Đức Phật nói : “Nầy A Nan ! Lời nói phát tâm ấy sẽ làm nhơn rời lìa ma sự cho các ma tử, vì họ chẳng thâm tâm phát tâm Vô thượng Bồ đề vậy.

Nầy A Nan ! Đời vị lai sẽ có Phật xuất thế hiệu là Vô Cấu Tướng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, ma vương Ba Tuần này ở chỗ

đức Phật ấy sẽ bất thối chuyển phát tâm Vô thượng Bồ đề. Đức Phật Vô Cấu Tướng biết Ba Tuần thâm tâm thành tựu nên sẽ thọ ký Vô thượng Bồ đề cho. Lúc vị lai ấy, vẫn làm ma vương thâm tâm kính tin nơi chánh pháp Như Lai.

Như lúc Phật Di Lặc xuất thế, có ma vương tên là Đạo Sư thâm tâm kính tin Phật, Pháp và Thánh chúng. Năm trăm ma tử này cũng sẽ ở lúc đó sanh trong hàng ma, họ sẽ ở chỗ Phật Di Lặc, vì Bồ đề mà vun trồng các căn lành, cho đến lúc Ba Tuần thành Phật sẽ thọ ký Vô thượng Bồ đề cho họ.

Này A Nan ! Ma vương Ba Tuần nay dầu phát tâm Vô thượng Bồ đề mà vẫn do dự bất định chút ít. Dầu vậy ông ấy sẽ lần lần thành tựu vô lượng công đức làm bậc Thế Tôn như Phật hiện nay”.

Lúc bấy giờ trong đại chúng có vô lượng vô biên chư Thiên, thế nhưn Đế Thích, Phạm Thiên, Hộ Thế Thiên Vương nghe đức Phật thọ ký cho ma vương Ba Tuần sẽ được thành Vô thượng Bồ đề, tất cả đều vui mừng hơn hớn than chưa từng có đồng chấp tay hướng lên Phật bạch rằng : “Thật là hi hữu, ai được thấy

Phật ắt được thành tựu vô lượng khối pháp bửu công đức. Tại sao, hoặc có chúng sanh chẳng tin muốn làm nhiều loạn Như Lai mà được thấy Phật, hoặc có chúng sanh gặp gỡ thấy Phật, thì làm nhơn lành cho kẻ ấy nhấn đến làm nhơn khiến họ được Niết bàn.

Bạch đức Thế Tôn ! Trừ ngoài đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, còn có ai có thể phân biệt biết rõ căn chúng sanh như vậy ?”.

Đức Phật bảo hàng chư Thiên và thế nhơn rằng : “Nhu lời các người đã nói, có ai được thấy Phật thì đều nhờ lợi ích cả. Các người nên biết rằng hoặc có chúng sanh thiện căn đều hết, trong vô lượng vô số na do tha kiếp không có phần được thân người, các chúng sanh này thấy Phật bèn làm nhơn lành nhấn đến khiến họ được Niết bàn.

Đức Như Lai có thể làm phước điền vô thượng vô lượng bất tư nghì như vậy.

Nầy chư Thiên nhơn ! Tâm tánh thường thanh tịnh mà phạm phu chúng sanh chẳng thể như thiệt thấy. Vì chẳng thể như thiệt thấy biết được nên nói là cấu. Còn người có thể chơn chánh thấy biết thì nói là tịnh. Nhưng

trong đệ nhút thiết nghĩa không có một pháp nào là khả tịnh khả ố cả. Các người nên biết các phiền não không có phương không có xứ chẳng nội chẳng ngoại, do vì chẳng thiện thuận tư duy nên sanh phiền não, còn thiện thuận tư duy thì không có phiền não. Người tăng giảm chẳng bình đẳng thì sanh phiền não, còn không tăng giảm thì không phiền não. Hư vọng tưởng thì sanh phiền não, không vọng tưởng thì không phiền não. Vì vậy mà Phật nói như thiết biết tà kiến thì là chánh kiến, mà tà kiến cũng chẳng tức là chánh kiến. Người có thể như thiết biết thì không hư vọng tăng giảm thủ trước, vì vậy nên gọi là chánh kiến.

Nầy chư Thiên nphon ! Như đại địa thủy giới phong giới y nơi hư không mà trụ. Hư không không có chỗ y trụ, như vậy thì đại địa cũng không chỗ y trụ mà giả có tên là y trụ. Các người nên biết như vậy. Khổ y nơi nghiệp nghiệp y nơi kiết sử, mà khổ nghiệp kiết sử đều không có sở y, vì tâm tánh thường thanh tịnh vậy. Do đó mà biết rằng tất cả các pháp không có căn bản đều không có chỗ trụ, do giả ngôn thuyết mà nói là có, thiết thì không có vậy. Do có nầy nên nói tất cả pháp bốn tánh thường tịnh cứu cánh vô sanh vô khởi.

Nầy chư Thiên nhơn ! Pháp môn ấy gọi là tánh thường tịnh pháp môn. Bồ Tát thông đạt pháp môn nầy thì không bị các phiền não làm nhiễm ô, cũng chẳng cậy dựa pháp môn thanh tịnh ấy, vì đã xả bỏ tất cả các cậy dựa động lay vậy. Do đây mà được đạo bình đẳng quá ma giới nhập vào Phật giới, cũng có thể nhập vào được chúng sanh giới mà chẳng động pháp giới. Biết tất cả pháp không có giới không có phi giới, có thể mau đến Nhứt thiết trí giới”.

Lúc đức Phật nói pháp ấy, có năm trăm Bồ Tát được Vô sanh Pháp nhẫn.

Bấy giờ Trưởng giả Thân Việt ở trong chúng rời chỗ ngồi đứng dậy đến lễ chun Phật mà bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đức Phật vì chúng tôi mà nói kinh điển thậm thâm nầy.

Trước kia tôi vì xúc não Phật nên làm hầm lửa lớn và dâng cơm có độc. Nhưng đại thánh Như Lai là đấng chẳng thể làm hại được, do đó nên tôi đối với Phật sanh lòng kính trọng. Từ ngày ấy đến nay, lòng nghi hối của tôi còn chưa có thể trừ dứt. Hôm nay từ nơi đức Phật được nghe kinh điển thậm thâm vi diệu nầy lòng nghi hối liền trừ tâm không chướng ngại được hạnh an lạc. Vì vậy mà nay tâm kính tin

của tôi càng thêm tăng trưởng. Nay trong nhà tôi có nhiều của cải châu báu sẽ mang cúng dường Phật Pháp và Tăng cùng các Sa Môn, Bà La Môn kẻ nghèo cùng hạ tiện xin ăn.

Bạch đức Thế Tôn ! Có ai được nghe kinh điển dứt tất cả kiết phược thậm thâm này mà còn tham lấy các thứ của cải vật chất !”.

Hu Không Tạng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thật là hi hữu, chu Phật Như Lai Vô thượng Bồ đề rất là thậm thâm khó lường biết được. Nếu có Bồ Tát ở đời vị lai xả thân mạng mình và lợi dưỡng danh dự mà có thể thọ trì Phật Bồ đề rất là khó có”.

Trong đại chúng có sáu mươi tám ức Bồ Tát đứng dậy chấp tay hướng lên Phật đồng nói kệ rằng :

Thế Tôn diệt độ rồi
Chúng tôi có thể nhẫn
Xả thân thọ mạng mình
Để hộ trì chánh pháp
Xả lợi dưỡng danh dự
Rời lìa các tham trước
Nguyện hộ trì chánh pháp
Vì được Phật trí vậy

Bị mắng chửi quở trách
Và lời khinh chê chọc
Vì có hộ chánh pháp
Sẽ nhẫn nhịn nhận đó
Bị khi dễ phá cợt
Xương nói kêu ác danh
Sẽ dùng lòng từ nhẫn
Để hộ trì kinh này
Tỳ Kheo đời vị lai
Chấp trước ham các cõi
Cùng ma làm bè đảng
Phỉ báng Phật chánh pháp
Phá cấm giới làm ác
Chuyên nghiệp thế tục lụy
Bị danh lợi che trùm
Nên chẳng thích chánh pháp
Cậy biết các tục điển
Kiêu mạn và phóng dật
Cao khoe mình hay giỏi
Khinh miệt người chánh hạnh
Thường bỏ chỗ nhàn tĩnh
Thích ở chốn ồn náo
Học văn từ thế tục

Chấp chặt lấy ngũ ngã
Chẳng biết giáo hóa người
Chẳng trau dồi trí huệ
Bỏ tọa thiền niệm Phật
Chẳng gần kẻ Tam bảo
Người không có trí huệ
Kết bè đảng cầu lợi
Siêng cùng chung kiết sử
Thích thọ người dâng cúng
Thấy người từ tâm thí
Tham tiếc như của mình
Thường qua đến chỗ người
Luận nói những thế sự
Ruộng nhà và nghề nghiệp
Cùng những sự bán buôn
Siêng ham cầu lợi tức
Còn tự xưng Sa Môn
Ngạo mạn chấp lấy có
Dựa cậy nơi tà kiến
Nghe nói pháp tánh không
Sẽ kinh hoàng sợ hãi
Họ lánh xa chánh pháp
Chỉ biết cầu hiện báo

Họ sẽ hư vọng nói
Phi pháp nói là pháp
Tai hoạn lớn như vậy
Các Tỳ Kheo tệ ác
Ma cùng với ma tử
Lại sẽ tá trợ nhau
Kinh văn thì là một
Nói nghĩa đều riêng khác
Đều luận theo ý mình
Kẻ ngu sẽ như vậy
Các kinh điển thâm diệu
Hay làm cho giải thoát
Họ sẽ ngăn trở đó
Trái lại nói sự cạn
Ta thắng còn người liệt
Do thắng nên đắc quả
Ở trong các Phật pháp
Sẽ tranh cạnh như vậy
Lúc cạnh tranh như vậy
Chúng sanh bị phá hoại
Bị phi pháp tri thức
Làm cho phải náo bức
Vị lai mạt thế ấy

Lòng rất đáng lo sợ
Chúng tôi trì chánh pháp
Đáng cứu thế chỗ nói
Chúng tôi thường từ tâm
Chẳng rời bỏ pháp luật
Sanh khởi chánh đại bi
Để thủ hộ cho đời
Phá giới thích làm ác
Chẳng an trụ chánh pháp
Sa đọa nơi đạo nào
Chúng tôi thường lo thương
Thấy cố ý làm ác
Hủy báng nơi chánh pháp
Chúng tôi trọn chẳng cùng
Chung làm thân bạn đảng
Thường dùng sức chúng tôi
Khéo thủ hộ lỗi miệng
Thấy những người vô dụng
Chẳng nói lỗi của họ
Chúng tôi trụ đồng thánh
Đầu đà hộ tịnh giới
Ở chánh định tu huệ
Thường siêng năng tu hành

Lìa ồn náo thế gian
Thích ở chỗ nhàn tĩnh
Không tham trước như nai
Khéo điều phục tri túc
Nếu lúc đến tự lạc
Nhiếp các căn ít nói
Thấy người diễn thuyết pháp
Cùng nhau luận chánh pháp
Ái ngữ làm lợi ích
Để giáo hóa chúng sanh
Lại thuyết pháp cho họ
Khiến họ dứt ác hạnh
Chúng tôi vì chánh pháp
Kẻ ở xa tôi đến
Vì họ mà thuyết pháp
Để lợi ích cho họ
Nếu thấy hàng phàm ngu
Có người kém mất ấy
Tôi chỉ nên tự hộ
Trụ chánh pháp hành nhẫn
Hủy nhục hay cung kính
Tôi sẽ vững như núi
Chẳng nhiễm pháp thế gian

Làm Đạo Sư cho đời
 Các Tỳ Kheo phạm giới
 Nếu đến quở trách họ
 Bảo tự xét lỗi mình
 Hiện làm cách cùng kinh
 Người ấy liên quan niệm
 Ta cũng là Sa Môn
 Thành tựu đức hạnh ấy
 Không bị tiếng xấu chẳng
 Các người phạm cấm giới
 Như là người thất chí
 Nghe kinh nầy lo sợ
 Như sút mũi soi gương
 Những phương tiện phải làm
 Họ chẳng muốn nghe theo
 Lại còn bảo người khác
 Rằng chẳng phải chánh pháp
 Họ còn bảo quốc vương
 Phá lòng tin thần dân

**Phỉ báng pháp chơn chánh
Rằng chẳng phải Phật nói
Chúng tôi ở lúc này
Do thần lực của Phật
Vì hộ trì chánh pháp
Nên chẳng tiếc thân mạng
Thế Tôn biết chúng tôi
Lời nói không hề sai
Sẽ kiên trì thủ hộ
An trụ chánh pháp ấy
An trụ lời thành thiết
Đúng như lời mà làm
Vui đẹp chư Như Lai
Mới thành tựu Bồ đề.**

**Hư Không Tạng Bồ Tát khen chư Bồ Tát
rằng : “Lành thay lành thay, nầy chư Đại Sĩ !
Các Ngài có thể phát nguyện thành thiết thọ
trì đại pháp vô thượng thậm thâm vi diệu của
Như Lai, thật là rất tốt vậy”.**

**Hư Không Tạng Bồ Tát bạch đức Phật :
“Bạch đức Thế Tôn ! Có thiện nam tử thiện
nữ nọn thọ trì đọc tụng kinh điển nầy thì
được bao nhiêu phước ?”.**

Đức Phật nói : “Nầy Hư Không Tạng ! Ví như cả mười phương mỗi phương đều có mười Đại Thiên thế giới, đem nghiền nhỏ tất cả Đại Thiên thế giới ấy thành vi trần hợp chung thành một đồng. Giả sử có người thành tựu thần túc vô lượng oai đức thọ mạng lâu dài, người nầy mang đồng vi trần ấy đi phương Đông quá số thế giới bằng số đồng vi trần ấy mới bỏ rơi xuống một vi trần. Cứ như vậy đi qua phương Đông mãi đến bỏ rơi hết số vi trần ấy, nhưng các thế giới vẫn chẳng hết. Như đi qua phương Đông bỏ rơi vi trần, đi qua chín phương kia bỏ rơi hết số vi trần cũng như vậy, nhưng các thế giới cũng chẳng hết.

Nầy Hư Không Tạng ! Các thế giới như vậy chừng có nhiều chăng ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Số thế giới ấy rất nhiều rất nhiều vô lượng vô biên chẳng thể đếm biết được”.

Đức Phật nói : “Nầy Đại Sĩ ! Các thế giới ấy hoặc có dính vi trần hay không dính vi trần đều đem hợp cả lại làm một thành cao rộng bằng nhau, trong thành chứa đầy hột

đình lịch. Số hột đình lịch này có thể đếm biết được chăng ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát bạch rằng : “ Bạch đức Thế Tôn ! Giả sử dùng thí dụ còn chẳng rõ được huống là có thể đếm biết, chỉ trừ đức Như Lai, không ai có thể đếm biết được”.

Đức Phật nói : “Nầy Đại Sĩ ! Đúng như vậy, đúng như vậy, như lời ông nói, chỉ có Như Lai biết được số hột đình lịch ấy. Nầy Đại Sĩ ! Nếu như có người thành tựu thần túc vô lượng oai đức có thể dùng miệng thổi những hột đình lịch ấy rải tan mười phương, một hột đình lịch rơi xuống một thế giới, trong chẳng quá một hột. Nầy Đại Sĩ ! Theo ý ông nghĩ thế nào ? Những thế giới được hột đình lịch rơi xuống ấy chừng có nhiều không ?”.

Hư Không Tạng Bồ Tát bạch rằng : “ Bạch đức Thế Tôn ! Những thế giới ấy chẳng phải tâm lực có thể phân biệt được. Giả sử có phân biệt khiến tâm người phải mê loạn”.

Đức Phật nói : “Nầy Đại Sĩ ! Nay Phật bảo với ông, nếu có thiện nam tử thiện nữ như hành Bồ Tát đạo, ngày ngày đem vô lượng trân bửu đầy cả những thế giới ấy để bố thí không hề thôi nghỉ cũng chẳng làm việc khác.

sau khi nghe rồi khuyên ở nơi Vô thượng Bồ đề nhẫn đến phát một niệm lành, vì muốn khiến chánh pháp được còn lâu ở thế gian vậy. Công đức của người này hơn người bố thí kia cả trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn lần, nhẫn đến chẳng phải toán số thí dụ biết được. Huống là có thể khiến người nghe pháp này an trụ nơi Vô thượng Bồ đề. Tại sao, vì có thể diễn nói vô lượng thiện căn thành tựu chư Bồ Tát như vậy để hộ trì chánh pháp.

Này Đại Sĩ ! Phật chẳng thấy Bồ Tát còn có pháp nào khác có thể hơn chánh hạnh kiên cố nhiếp các thiện pháp giáo hóa chúng sanh này”.

Hư Không Tạng Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thật là hi hữu, Như Lai bất khả tư nghị, đại pháp của Như Lai cũng bất khả tư nghị. Như đại pháp của Như Lai bất khả tư nghị, người thọ trì kinh điển này được công đức cũng bất khả tư nghị.

Ngưỡng mong đức Như Lai hộ trì kinh này vì đời đương lai khiến các thiện nam tử thiện nữ npon thọ trì chánh pháp tay được kinh này ôm ở trong lòng chẳng rời lìa. Nếu là người đáng lìa khỏi sanh tử thì chẳng từ người khác nghe pháp mà tự nhiên được khai ngộ Bồ đề. Ngộ Bồ đề rồi lại rộng vì người mà diễn nói”.

Đức Phật nói : “Nầy Đại Sĩ ! Lắng nghe lắng nghe, khéo suy nghĩ đó, Phật sẽ vì hộ kinh điển này mà nói chương cú triệu thỉnh Hộ Thế Tú Thiên Vương, Thiên Đế Thích, Phạm Thiên Vương các vị Thần Thiên. Do vì được chương cú này triệu thỉnh nên chư Thiên chư Thần ấy sẽ ủng hộ các thuyết Pháp sư thọ trì kinh này lúc diễn nói kinh điển thậm thâm khó được đời tin ấy, làm cho không ai làm trở ngại được. Đó là hoặc bị quốc vương đại thần đuổi ra khỏi nước, hoặc bị bệnh nặng, hoặc lúc đấu tranh nổi lên, hoặc quốc độ có tật dịch. Lúc các sự tai nạn ấy phát khởi do sức thần chú làm cho liên tiêu diệt chẳng trở ngại được. Những gì là thần chú chương cú ? Liên nói chú rằng :

Đầu đầu lệ, đề đề lệ, đà dạ ki đế, đà dạ la già la, ni đế đề, tỳ bà tri, xa mế, xa di đa

tỳ, mục xí, chiêm đế đề, ni kỳ noa nễ, a nâu đà lệ, minh da la ni, bà ki tư, bát tha thâu đà ni, bát đà nâu chỉ, bát đà tán đề, bát nhã mâu lệ, a bà cứu lệ, phù đà lạc sai, luật na tát chi, đa bà tát chi, đa bà bát đề.

Tùy Phật ý, thuận Pháp tánh, cung kính Tăng, thế chủ tín hộ thế Tứ Vương vì các Phật tử thọ trì chú này hộ trì người thuyết pháp”.

Lúc ấy Tứ Thiên Vương liền đứng dậy chấp tay hướng lên Phật mà bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi sẽ hộ trì các Phật tử thọ trì kinh này. Liên nói chú rằng : Thủ tì, thủ bà bát đề, thủ đề đế, mục đa ủng, đà lê ủng, đà la ni, phả đam mế, a kỳ ủng khiếp tì, a mục xí, đà la ni đà ủng, tẩu thủ sái hê na, tì đề tì đà lại tán đề, tam mế, bà dạ mế, ma lại di, ba phiến đa đề, huu huu, hê hê, khuru lâu khuru lâu lệ”.

Lúc Tứ Đại Thiên Vương nói chú bất khả phạm ấy rồi, Thiên Đế Thích liền đứng dậy tâm tịnh vui vẻ chấp tay hướng lên Phật mà nói kệ rằng :

Lúc đời mạt đời kém
Các Đại Sĩ lớn rộng

Thọ trì nói kinh này

Tôi sẽ hầu hạ họ.

Nói kệ xong, Thiên Đế Thích liền nói chú rằng :

**Di ê, thủ tì, ma ha di ê, đạt ma di ê,
thiên đa già lệ, ma di ê, tát giá di ê, na đề
mế, a nâu đa lệ, a nâu đầu ủng, a nâu lạc sai,
tát bà tát đỏa a nâu già hê, a na nâu đa tì, tu
ký ê, a tỳ lô ê, a tỳ già hê, phù đề bồ xá
mế, nhị ly, yết tha ni ê, nê đề la ni, a na tha
bà sai đế, mế ê, mế ê xà gia tư, tu sa la.**

Các Ngài khởi thiên lạc

Đến hộ người trì pháp

Các thế giới Thế Tôn

Thảy đều đồng thọ trì.

**Phạm Tụ Tại Thiên Vương đứng dậy khen
Thích Phạm Hộ Thế chú Thiên rằng : “Lành
thay, lành thay ! Các Ngài bèn có thể vì hộ
chánh pháp, vì trì pháp, vì người thuyết pháp
mà phát đại trang nghiêm. Các Ngài đúng là
phải nên như vậy rất được tiện nghi tùy theo
pháp luật của Như Lai trụ thế lâu hay mau,
trong thời gian ấy sẽ có người hiểu biết chánh
hành pháp hành. Trong bao nhiêu thời gian**

ấy hàng chư Thiên và thế nhơn sẽ rất hưng thịnh cung điện nhà cửa đầy đầy. Sau khi chánh pháp nầy diệt, hàng chư Thiên và thế nhơn trở lại giảm ít, cung điện nhà cửa trống hoang”.

Đức Phật nói với Di Lặc Bồ Tát rằng : “Nầy Di Lặc ! Ông thọ trì kinh điển thậm thâm nầy đọc tụng biên chép rộng vì người mà diễn nói.

Nầy Di Lặc ! Nay Phật đem kinh điển thậm thâm như đây phó thác ông để đại pháp nầy còn lâu ở thế gian, để hàng phục các chúng ma, để lợi ích tất cả chúng sanh, để tất cả ngoại đạo chẳng được tiện lợi, để dạy bảo chư Bồ Tát gần kề kinh nầy chẳng xa rời, vì muốn khiến Phật pháp đại minh còn lâu ở thế gian mà chẳng suy diệt vậy, vì khiến giống Phật Pháp Tăng chẳng đoạn tuyệt vậy”.

Di Lặc Bồ Tát liền bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Lúc đức Như Lai còn tại thế và sau khi diệt độ, tôi sẽ thường thọ trì kinh điển thậm thâm nầy rộng tuyên lưu bố. Tại sao, vì người thọ trì pháp nầy thì là thọ trì chánh pháp của tất cả chư Phật quá khứ vị lai hiện tại, chớ chẳng phải chỉ thọ trì chánh pháp của một đức Phật.

Bạch đức Thế Tôn ! Tôi cũng vì tự hộ pháp của mình vậy.

Bạch đức Thế Tôn ! Tôi thường cùng đại chúng chư Thiên câu hội ở Đâu Suất Thiên cung thường vì họ mà rộng diễn nói kinh điển thậm thâm nầy. Tôi còn sẽ làm cho người thọ trì đọc tụng kinh nầy tay họ được kinh nầy ôm giữ trong lòng chẳng rời quyển kinh.

Bạch đức Thế Tôn ! Đời mạt thế sau, nếu lúc pháp muốn diệt, có ai thọ trì kinh nầy rồi vì người mà diễn nói, nên biết đó là do oai thần của Di Lặc kiến lập vậy.

Bạch đức Thế Tôn ! Trong lúc ấy dầu có nhiều ma sự nhiễu loạn hành nhơn, các người thuyết pháp vì dựa nơi phiền não ma nên bị ma nhiếp trì mà chẳng thích kinh nầy chẳng siêng tu tập tranh cạnh thị phi lẫn nhau, chúng tôi sẽ đồng siêng làm phương tiện khiến người thuyết pháp ưa thích kinh nầy thường siêng tu tập đọc tụng thông thuộc rộng vì người mà diễn nói”.

Đức Phật nói : “Lành thay, lành thay, nầy Di Lặc ! Ông có thể vì hộ trì chánh pháp mà làm sư tử hống. Chẳng phải chỉ hôm nay ông ở trước ta làm sư tử hống, mà ông cũng ở trước

vô lượng a tăng kỳ chu Phật quá khứ làm sư tử hống hộ trì chánh pháp”.

Đức Phật bảo Tôn giả A Nan : “Này A Nan ! Ông có thọ trì kinh này chăng ?”.

Tôn giả A Nan bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Do thần lực của Phật nên tôi đã thọ trì”.

Đức Phật nói : “Này A Nan ! Ông thường nên vì hàng tứ chúng mà rộng phân biệt giải nói kinh này. Nếu có người trước đã vun trồng thiện căn thích pháp thù thắng, những người như vậy được nghe kinh này rồi có thể tin hiểu thọ trì đọc tụng rộng diễn nói cho mọi người. Người ấy sẽ được vô lượng vô biên bất khả tư nghị khối đại công đức”.

Tôn giả A Nan bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Sẽ gọi tên kinh này là gì và phải phụng trì thế nào ?”.

Đức Phật nói : “Này A Nan ! Kinh này tên là Khuyến Phát Chu Bồ Tát Trang Nghiêm Bồ Đề. Phải phụng trì như vậy”.

Lúc ấy Công Đức Trang Nghiêm Bồ Tát ở trong đại chúng đứng dậy gối hũu chắp đất chắp tay hướng lên Phật bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thật là hi hữu, đức Như Lai vì ủng

hộ chánh pháp và người thuyết pháp nên khéo có thể tán thán kinh này như vậy.

Bạch đức Thế Tôn ! Hàng tân học Bồ Tát vì Bồ đề nên vun trồng thiện căn, đem các thứ hoa hương, anh lạc, hương bột, hương xoa siêng cúng dường Phật mà chẳng thọ trì kinh này, người ấy có thành tựu đệ nhút cúng dường mà cúng dường Như Lai chăng ?”.

Đức Phật nói : “Này thiện nam tử ! Chẳng thành đệ nhút cúng dường Như Lai, cũng chẳng thể dùng nhon duyên ấy để được vô lượng công đức. Chẳng bằng thiện nam tử thiện nữ nhon thọ trì kinh này công đức rất nhiều”.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng :

**Như Lai dùng Phật nhân
Những Phật độ được thấy
Cùng khắp cả mười phương
Đều rộng lớn vô biên
Bao nhiêu thế giới ấy
Đựng đầy những trân bửu
Bồ Tát đem báu này
Thường dùng để bố thí
Nếu có người ở nơi**

Kinh vi diệu thậm thâm
Chánh pháp vô sở đắc
Được chư Như Lai nói
Mà có thể thọ trì
Vì người rộng diễn thuyết
Công đức của người này
Còn nhiều hơn người kia
Hoa hương và anh lạc
Hương xoa và hương bột
Lọng báu với tràng phan
Những y phục thượng diệu
Mang những món cúng này
Đầy khắp các thế giới
Cúng dường chư Như Lai
Hồi hướng về Phật đạo
Nếu đời mạt thế sau
Lúc chánh pháp sắp diệt
Nơi chánh pháp cứu thế
Siêng tu tập hộ trợ
Thọ trì nơi chánh pháp
Thường hành bất phóng dật
Khối công đức người này
Còn nhiều hơn người kia

Mười phương các thế giới
Tất cả những đại hải
Hương du tối thượng diệu
Đựng đầy tất cả biển
Làm tim đèn rất lớn
Dường như núi Tu Di
Thắp sáng để cúng dường
Tất cả chư Như Lai
Đời mạt thế sau này
Lúc chánh pháp sắp diệt
Biết chúng sanh thế gian
Bị vô minh che trùm
Nếu người có thể thắp
Cây đuốc chánh pháp lớn
Người này được công đức
Còn hơn người trước kia
Chỗ được thấy của Phật
Vô lượng chư Như Lai
Dầu trong ức ngàn kiếp
Mang các thứ cúng dường
Các y phục cõi trời
Món vừa ý cúng dường
Mà chẳng hay thọ trì

**Kinh điển thâm diệu này
Nếu người ở chu Phật
Biết là có ơn nặng
Nên ủng hộ Tam bảo
Để báo đáp ơn Phật
Vì muốn lợi chúng sanh
Nên thọ trì đọc tụng
Rộng nói kinh điển này
Phước nhiều hơn người kia
Ta dùng sức Phật nhãn
Những chúng sanh được thấy
Nếu có thể dạy bảo
Đều thành trời Thích Phạm
Người này được công đức
Chẳng bằng người biên chép
Thọ trì kinh điển này
Được công đức rất nhiều
Toàn Đại Thiên thế giới
Có bao nhiêu chúng sanh
Nếu người hay giáo hóa
Đều thành thánh nhĩ thừa
Nếu có người hay phát
Tâm Bồ đề vô thượng**

Hộ trì kinh điển này
Công đức lại hơn kia
Công đức thọ trì kinh
Nếu là có hình sắc
Sẽ đầy khắp tất cả
Mười phương các thế giới
Chỉ trừ trí vô thượng
Của chư Phật Như Lai
Không còn ai biết được
Công đức người thọ trì
Nhu trí của Như Lai
Rộng khắp vô biên tế
Hư không và pháp giới
Cũng rộng vô biên tế
Có thể thọ trì được
Kinh pháp này của Phật
Được công đức vô biên
Cũng như hư không kia.

Nghe Phật nói kệ ấy xong, Công Đức Trang
Nghiêm Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn !
Nay tôi tin hiểu nghĩa thú được Như Lai nói,
năm trăm năm sau lúc pháp sắp diệt, các chúng
sinh phát tâm Đại thừa mà có người chẳng

thọ trì kinh pháp này, nên biết là bị ma nhiếp sa ra ngoài Phật pháp.

Bạch đức Thế Tôn ! Nay tôi có khả năng sau khi đức Như Lai diệt độ thọ trì kinh này để Phật pháp còn lâu ở thế gian”.

Lúc bấy giờ vì phó chúc kinh điển thậm thâm này nên đức Thế Tôn phóng ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương vô lượng a tăng kỳ chư Phật thế giới. Chư Như Lai ở các thế giới ấy cũng vì phó chúc kinh pháp này nên đồng phóng ánh sáng nơi lông trắng giữa chân mày chiếu khắp cả mười phương thế giới không đâu là chẳng chiếu khắp.

Lúc nói kinh này rồi, đức Như Lai dùng thần lực phóng ánh sáng lớn ấy, vô lượng a tăng kỳ chư Phật thế giới chấn động sáu cách. Có vô lượng a tăng kỳ chúng sanh phát tâm vô thượng đạo. Có vô lượng a tăng kỳ Bồ Tát được Vô sanh Pháp nhẫn. Còn có vô lượng a tăng kỳ Bồ Tát được thiện căn Nhứt sanh Bồ xứ. Lại còn có quá vô lượng a tăng kỳ chúng sanh được Thanh Văn thừa trụ bậc học vô học.

Đức Phật nói kinh này rồi, Hư Không Tạng Bồ Tát, Tôn giả A Nan, đại chúng chư Bồ Tát,

**chu Thanh Văn, chu Thiên thể nhơn nghe lời
Phật nói đều rất vui mừng.**

PHÁP HỘI HƯ KHÔNG TẠNG BỔ TÁT

THỨ NĂM MƯƠI LĂM

HẾT



LVI
PHÁP HỘI
VÔ NGÔN BỒ TÁT

THỨ NĂM MƯƠI SÁU

(Hán bộ từ quyển 142 đến quyển 143)

Hán dịch : Tam Tạng Đàm Vô Sám.

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Như vậy tôi nghe đức Thế Tôn lúc ấy vẫn ở trong Đại Bửu Phòng Đình giữa hai cõi Dục giới và Sắc giới, cùng hàng đại chúng vây quanh thuyết pháp.

Bấy giờ trong thành Vương Xá nhà của Sư Tử Tướng Quân sanh một con trai. Lúc trai ấy vừa sanh ra, trên hư không có đông chu Thiên nói rằng : “Nầy đồng tử ! Phải nên niệm pháp, tư duy nơi pháp. Lúc phát ngôn chớ nói thế sự. Thường nên tuyên nói pháp xuất thế. Thường phải giữ miệng, cẩn thận lời nói, nói ít. Chớ sanh giác quán nơi thế sự. Phải y nơi nghĩa, chớ y văn tự”.

Lúc đồng tử nghe lời chư Thiên nói liền chẳng còn kêu khóc không có tướng trẻ nít,

cho đến bảy ngày sắc mao vui vẻ thấy người mừng rỡ mắt chưa từng nháy.

Có người bảo cha mẹ đồng tử rằng trẻ này bất tường chẳng nên nuôi dưỡng, tại sao, vì nó câm không hề lên tiếng vậy.

Cha mẹ đồng tử nói : “Con trai chúng tôi dầu câm chẳng phát ra tiếng, nhưng thân nó có đủ các tướng, hình thể không thiếu chỗ nào. Do đây nên biết trẻ này ắt có phúc đức chẳng phải là người bất tường bạc phúc”.

Nhơn vì trẻ ấy không phát ra tiếng nên đặt tên cho nó là Vô Ngôn.

Đồng tử Vô Ngôn lần lần trưởng đại như trẻ lên tám, đi đến đâu đều được mọi người thích nhìn. Hễ chỗ nào có thuyết pháp chuyển pháp luân thì đồng tử Vô Ngôn đều thích đến nghe, mà miệng không hề nói.

Do thần lực của Phật, Vô Ngôn đồng tử cùng cha mẹ và quyến thuộc tôn thân đến Đại Bửu Phường Đình. Đến nơi rồi thấy Phật, đồng tử lòng rất vui mừng lễ kính cúng dường hữu nhiều ba vòng chấp tay đứng yên. Đồng tử gồm thấy chư Bồ Tát từ mười phương đến lòng thêm mừng rỡ.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Đồng tử con trai của nhà Su Tử Tướng Quân thân căn đầy đủ mà chẳng nói được. Là do ác nghiệp nhơn duyên gì mà gây nên như vậy ?”.

Đức Phật nói : “Này Xá Lợi Phất ! Nay ông chớ nên nói như vậy, chớ nên khinh đồng tử này. Tại sao, vì đồng tử này là một vị đại Bồ Tát đã ở chỗ vô lượng vô biên chu Phật vun trồng thiện căn bất thối chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ đề. Lúc đồng tử này sanh ra, có nhiều chu Thiên đến bảo rằng : Lành thay đồng tử ! Nên niệm chánh pháp nên tư duy chánh pháp, chớ có tuyên nói sự việc thế gian, nên thường tuyên nghĩa xuất thế, thường phải giữ miệng, cẩn thận lời nói, ít nói, chớ có giác quán nơi thế sự. Nên y nơi nghĩa chớ y văn tự.

Này Xá Lợi Phất ! Đồng tử này tuân lời chư Thiên nên không nói mà yên lặng tư duy được Tứ thiền.

Này Xá Lợi Phất ! Vô Ngôn Bồ Tát thị hiện thân như vậy thì có thể điều phục vô lượng chúng sanh nên yên lặng không nói.

Nầy Xá Lợi Phất ! Nay Phật nói kinh Đại Tập thậm thâm này, Vô Ngôn Bồ Tát có thể ở trong kinh điển này lợi ích lớn cho vô lượng chúng sanh”.

Lúc ấy Vô Ngôn Bồ Tát dùng sức nguyện của mình thần thông đạo lực của mình làm cho hàng Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đều riêng thấy trong bàn tay hữu của mình có hoa sen lớn như vòng xe đầy đủ sắc hương tươi đẹp đệ nhứt được người thích thấy, trên mỗi hoa đài đều có một Bồ Tát ngồi kiết già đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân hình.

Hiện đại thần thông như vậy rồi, Vô Ngôn Bồ Tát chấp tay cúi đầu xướng rằng : Nam mô Phật Đà, nam mô Phật Đà. Các Bồ Tát ngồi trên đài hoa sen cũng đồng xướng nam mô Phật Đà, nam mô Phật đà.

Tiếng xướng ấy vừa dứt thì cả đại địa trong mười hằng hà sa thế giới chấn động sáu cách. Chư Thiên trong hư không dùng các thứ hoa hương kỹ nhạc cúng dường đức Phật.

Vô Ngôn Bồ Tát do Phật thân lục và nguyên lục của mình cùng chư Bồ Tát đồng vọt lên hư không cao bằng bảy cây đa la hướng ngay về phía đức Phật mà nói kệ rằng :

**Như Lai không sắc thị hiện sắc
Cũng lại nơi sắc không nhiễm trước
Nếu có chúng sanh nhập Phật pháp
Thế nào sẽ biết sắc chơn thiệt
Trong khối phi sắc có Như Lai
Cũng chẳng rời sắc có Như Lai
Như Lai đã rời các sắc tướng
Vì thương chúng sanh mà hiện sắc
Như Lai vì thương các chúng sanh
Dùng các tướng hảo trang nghiêm sắc
Thiệt không sắc tướng vì chúng nói
Vì vậy Như Lai khó nghĩ bàn
Chánh pháp Như Lai không văn tự
Rời văn tự rồi không có tiếng
Không có văn tự không nói được
Thậm thâm tịch tĩnh không giác quán
Như Phật ngày trước ở đạo thọ
Giác ngộ các pháp cũng như vậy**

Pháp ấy không chữ không âm thanh
Cũng không tạo tác không nói được
Các pháp như vậy không tướng mạo
Cũng vì xa lìa tất cả tướng
Tất cả các pháp nếu vô tướng
Nhu Lai thế nào mà diễn nói
Nhu Lai đầy đủ đại từ bi
Thế nên thương xót làm lợi ích
Pháp chẳng nói được mà diễn nói
Cũng biết chơn thiệt chẳng nói được
Nhu Lai biết rõ chẳng nói được
Cũng biết âm thanh tánh không tịch
Chơn thiệt biết rõ tất cả nghĩa
Vì vậy gọi Phật đấng Chánh Giác
Những pháp được nói gọi thế đế
Nhu Lai chơn thiệt biết rõ đó
Thế đế chẳng ngoài tánh có không
Chẳng tạo tác được không thời kỳ
Chơn thiệt không có sắc tướng mạo
Vì chúng nên hiện các thứ sắc
Biết pháp không pháp đấng Vô thượng
Vì chúng sanh nên diễn nói pháp
Lúc tôi sơ sanh được trời bảo

Vì vậy nín lặng không nói năng
Chỉ tâm niệm pháp tư duy pháp
Vì vậy chẳng thấy sắc và tiếng
Nếu được nhập vào thâm pháp giới
Bấy giờ không có các sắc thanh
Nếu xa lìa được các tâm nghiệp
Thì được xa lìa các khẩu nghiệp
Không có ngôn thuyết tức là lời
Dẫu có ngôn thuyết cũng không lời
Lời chẳng phải làm chẳng phải nói
Vì bốn tánh ngôn ngữ tịch tĩnh
Nay tôi chí tâm niệm Bồ đề
Cũng lại chí tâm tu Bồ đề
Nay tôi nói lời vô thượng này
Quyết định sẽ được chon thiết đạo
Tâm tôi chẳng được đạo Bồ đề
Khẩu và khẩu hành cũng chẳng được
Vô thượng Bồ đề tức rỗng không
Tánh ấy bốn lai thường tịch tĩnh
Nhu tánh Bồ đề thanh cũng vậy
Chẳng thấy chẳng lấy pháp tánh vậy
Nhu vậy thanh âm chẳng thấy được
Bồ đề được cầu cũng như vậy

Vì Bồ đề nên có tu hành
Hành ấy cũng không có chỗ đến
Nhu vậy hành ấy không chỗ đến
Nên chỗ Bồ đề chẳng phải chỗ
Sáu Ba la mật như Bồ đề
Tất cả thiện pháp cũng như vậy
Tất cả ngũ ngôn không ngũ ngôn
Trong không ngũ ngôn hay thuyết ngữ
Nếu có bố thí diệu âm thanh
Chủ bố thí ấy và tài vật
Bình đẳng bố thí tức Bồ đề
Tất cả thấy đều bất khả thuyết
Nếu bố thí ấy miệng nói được
Thể Bồ đề lẽ ra nói được
Tánh thể Bồ đề như hư không
Tất cả âm thanh cũng như vậy
Nếu nơi tâm hay chơn thiệt biết
Biết rồi hay tuyên thuyết âm thanh
Tùy biết thanh ấy diệt chỗ nào
Tức là Bồ đề chơn thiệt tướng
Nếu hay xa nghiệp thân khẩu ý
Tất cả phiền não cũng lìa xa
Tức là tất cả Ba la mật

Là thiết pháp tánh được Phật nói
Bố thí chẳng ở trong Bồ đề
Bồ đề chẳng ở trong bố thí
Hai pháp như vậy tức âm thanh
Cũng không chỗ trụ không chỗ đến
Nếu hay biết được như vậy thấy
Tức là chơn thiết đại Bồ đề
Nếu lúc bố thí chẳng kiêu mạn
Tức là thí chủ đại vô thượng
Hộ trì cấm giới tức là thanh
Không có hình sắc không chỗ đến
Các pháp chẳng sanh cũng chẳng diệt
Tức là tướng trì giới vô thượng
Cấm giới như vậy không năng tác
Cũng lại không nghiệp thân khẩu ý
Chẳng sanh chẳng diệt chẳng tạo tác
Thế nào gọi được là cấm giới
Vì lưu bố phát ra âm thanh
Chúng sanh đặt tên gọi cấm giới
Biết các cấm giới thanh cũng vậy
Hai pháp như vậy đều vô lậu
Vì được miệng nói là cấm giới
Nên nói các loại thú trang nghiêm

Âm thanh cũng không các trang nghiêm
Chơn thiệt biết là vô sở hữu
Thân nghiệp khẩu nghiệp và tâm
nghiệp

Hay hồi giới nầy hướng Bồ đề
Cấm giới âm thanh và Bồ đề
Hai pháp như vậy như hư không
Nếu hay chơn thiệt biết như vậy
Người nầy thì hành chỗ giới hành
Thì hay đến được giới bỉ ngạn
Chỗ ấy thậm thâm khó thấy được
Nói nhãn âm thanh tức là không
Tánh không không xứ không tạo tác
Nhãn nhục với không là hai pháp
Không có sai biệt như hư không
Tiếng nhãn nhục chẳng phải sắc tướng
Chẳng nhìn thấy được không xứ sở
Nếu hay tu tập tâm bình đẳng
Tức là tướng nhãn chơn thiệt vậy
Nhãn nhục dầu là niệm niệm diệt
Mà cùng sắc thân thường đi chung
Tất cả văn tự đều vô lậu
Chúng sanh đặt tên gọi nhãn nhục

Nếu hay điều phục thân khẩu ý
Đây là nhẫn nhục tối vô thượng
Nếu hay nhẫn người nhẫn nhục
Đây cũng là nhẫn nhục vô thượng
Nếu có chúng sanh nghiền thân mình
Lóng đốt nát nhỏ như hột mè
Xem thân dường như gỗ cỏ khô
Đây thì gọi là thân nhẫn nhục
Lúc nghe ác khẩu tiếng máng chửi
Tâm niệm chẳng động trụ đúng pháp
Quán sát âm thanh như hư không
Đây là vô thượng khẩu nhẫn nhục
Nếu hay thông đạt hơn phiền não
Xa lìa tất cả các phiền não
Đây thì gọi là tâm nhẫn nhục
Chẳng bị phiền não làm nhiễm ô
Như nhẫn nhục là tánh Bồ đề
Thân khẩu ý nghiệp cũng như vậy
Nếu hay hồi nhẫn hướng Bồ đề
Đây thì gọi là được Bồ đề
Nếu có chúng sanh siêng tinh tiến
Hoặc thượng trung hạ hoặc thô tế
Trong vô lượng kiếp tu tập đó

Vô sở đắc cũng vô cứu cánh
Nếu người tinh tiến vô sở đắc
Nên gọi Bồ đề vô sở đắc
Nếu hay chẳng được tất cả pháp
Tức là vô thượng cần tinh tiến
Nếu hay tinh tiến được như vậy
Chẳng tăng chẳng giảm như hư không
Như vậy tức là đại Bồ Tát
Siêng hành tinh tiến vô sở úy
Tất cả các thiên không có hợp
Không có tạo tác không chỗ đến
Nếu hay tư duy tất cả pháp
Tức là chơn thiên Ba la mật
Xa lìa tất cả các ác sắc
Ác thân ác khẩu cũng xa lìa
Hay tiêu tất cả các phiền não
Tức là chơn thiên Ba la mật
Nếu hay quán tâm chơn thiệt tánh
Trong tất cả pháp cũng chẳng thấy
Nếu hay vô tâm xa rời tâm
Tức là chơn thiên Ba la mật
Nếu hay quán tâm và Bồ đề
Tức là vô thượng chơn thiệt thấy

Nếu hay như vậy chơn thiệt thấy
Chúng được Bồ đề chẳng khó khăn
Nếu hay thấy biết không văn tự
Tất cả các pháp không sanh diệt
Nếu người xem thấy được như vậy
Đây thì gọi là đại trí huệ
Dầu là miệng nói đại trí huệ
Trí huệ cũng chẳng ở miệng tiếng
Nếu biết miệng tiếng thiệt không tiếng
Tức là chơn tánh của trí huệ
Nếu pháp không trụ đây trụ kia
Trung gian cũng lại không chỗ trụ
Tất cả pháp tánh không chỗ trụ
Đây là vô thượng đại trí huệ
Không có văn tự không có hành
Không có tướng mạo không có tánh
Không có hai tướng thủ xả thấy
Đây gọi vô thượng đại trí huệ
Nếu quán tất cả Ba la mật
Tánh nó bình đẳng như hư không
Đây thì gọi là không bình đẳng
Hay quán tất cả pháp bình đẳng
Nếu hay bình đẳng tất cả pháp

**Cũng hay quán chúng sanh bình đẳng
Đều hay bình đẳng quán chư Phật
Trí huệ được đó không bình đẳng
Nếu chư Bồ Tát người có trí
Hay quán pháp vô đẳng như vậy
Thì được Vô thượng Bồ đề quả
Cũng như Tiên Phật đã chứng được.**

Lúc Vô Ngôn Bồ Tát nói kệ ấy, có một vạn hai ngàn na do tha chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề, sáu vạn Bồ Tát được Vô sanh nhẫn.

Chư Bồ Tát trong hoa đài đều đứng dậy đầu mặt lễ Phật, rồi dùng diệu liên hoa cung kính cúng dường lên Vô Ngôn Bồ Tát miệng tuyên lời rằng : “Tôi là người biết ơn, nay đây tôi báo ơn”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Có nhơn duyên gì mà Bồ Tát nầy nói : Tôi là người biết ơn nay tôi báo ơn ?”.

Đức Phật nói : “Nầy Xá Lợi Phất ! Chư Bồ Tát nầy đều nhơn nơi Vô Ngôn Bồ Tát mà phát Bồ đề tâm, vì vậy nên đồng lên tiếng nói : Tôi là người biết ơn, nay tôi báo ơn.

Nay chư Bồ Tát ấy lại nhơn nơi Vô Ngôn Bồ Tát mà được nghe thọ kinh điển Đại Tập thậm thâm nầy gồm đến đây thân cận nhìn thấy cúng dường nơi ta”.

Vô Ngôn Bồ Tát bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Tôi có chỗ nghi nay muốn thưa hỏi. Ngưỡng mong đức Như Lai thương xót hứa cho”.

Đức Phật nói : “Nầy Vô Ngôn ! Tùy ý ông hỏi, Phật sẽ vì ông mà nói”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Vô Ngôn Bồ Tát : “Thưa Đại Sĩ ! Nếu không có ngôn ngữ sao lại hỏi được ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Tất cả các pháp thủy đều vô ngôn vô tự vô thuyết, tại sao, vì tất cả chúng sanh tánh vô ngôn vậy. Do nơi giác quán mà có âm thanh phát ra, nếu không có giác quán thì làm sao có âm thanh làm sao nói được làm sao có văn tự.

Thưa Đại Đức ! Luận về trong giác quán không văn tự không ngôn thuyết, lìa rời giác quán cũng không có âm thanh văn tự, thể của giác quán tức chẳng phải giác quán. Tôi làm văn tự cũng chẳng giác quán. Tôi nhơn nơi giác quán mà có công đức lớn. Nếu hay quán thâm

pháp như vậy thì gọi là thập nhị nhơn duyên. Nếu pháp từ duyên sanh tức là rỗng không tịch tĩnh thì không có tướng nhứt định. Nếu có chơn thiết biết như vậy tức là chơn thiết biết rõ pháp tánh.

Thưa Đại Đức ! Các pháp đều từ nhơn duyên hòa hiệp. Mà trong hòa hiệp thiết không có tác giả không có sanh không có xuất. Vì vậy mà các pháp không có chủ không có âm không có thanh không có tâm không có giác quán chẳng phải không giác quán. Tại sao, vì điên đảo nhơn duyên mà có sanh có diệt. Vì vậy nên nếu có hỏi có nghe có giải nói đều chẳng hiệp chẳng tan là nhứt tướng là vô tướng.

Thưa Đại Đức ! Luận về vấn nạn gạn hỏi đó tức là đại bi. Tôi có đại bi nên tôi hỏi Phật. Hỏi như vậy tức là bi vấn chẳng phải là khẩu vấn. Luận về khẩu vấn là Thanh Văn vấn. Thanh Văn thủ trước nơi thanh nên gọi là Thanh Văn. Bồ Tát thì bi rộng khắp nên không có khẩu vấn”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Nếu tất cả pháp tánh vô định thì tất cả chúng sanh tánh vô định, nếu là vô định thì Bồ Tát vì ai mà tu tâm bi ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Nếu các chúng sanh có tánh nhút nhát thì tất cả Bồ Tát trọn chẳng tu tâm bi. Tất cả chúng sanh thiệt chẳng phải chúng sanh, vì điên đảo mà quan niệm chúng sanh, vì vậy mà Bồ Tát tu tập tâm bi, vì phá hoại điên đảo nên tuyên nói không có ngã.

Thưa Đại Đức ! Chư đại Bồ Tát chẳng vì phá hoại các cõi mà nói chánh pháp, chẳng vì phá hoại ngã thọ mạng sĩ phu mà tu từ bi tuyên nói chánh pháp, vì biết chon thiệt thâm pháp giới mà tuyên nói chánh pháp. Chon pháp giới đó là không tam muội vô tướng vô nguyện.

Tôn giả Xá Lợi Phất nói : “Lành thay, lành thay, thưa Đại Sĩ ! Tôi cũng chon thiệt biết rõ như vậy, sở dĩ tôi hỏi là muốn thử trí của Đại Sĩ. Vì muốn Phật pháp tăng trưởng nên hỏi, vì muốn lợi ích chúng sanh nên hỏi”.

Vô Ngôn Bồ Tát bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Như trong kệ kinh nói có hai nhơn duyên có thể sanh chánh kiến, đó là nghe tiếng và khéo tư duy. Ngưỡng mong thương xót vì chư Bồ Tát mà diễn nói đó. Thế nào là nghe tiếng và khéo suy nghĩ có thể sanh chánh kiến ?

Đức Phật nói : “Nầy Vô Ngôn ! Chí tâm lắng nghe Phật sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Nầy Vô Ngôn ! Vì tâm Bồ đề mà nghe pháp tức là nghe tiếng, chí tâm nghĩ nhớ tâm Bồ đề đó là khéo tư duy, quán tâm Bồ đề đó là chánh kiến.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Vì Bồ đề đạo mà nghe pháp đó là nghe tiếng, chẳng xa lìa đạo là khéo tư duy, như pháp mà trụ là chánh kiến. Vì điều phục tâm mà nghe pháp là nghe tiếng, xa lìa ác tâm là khéo tư duy, được thiện tâm là chánh kiến. Vì trang nghiêm thiện pháp mà nghe pháp đó là nghe tiếng, tu tập trang nghiêm là khéo tư duy, nguyện đến Bồ đề đó là chánh kiến. Vì nghe pháp bố thí đó là nghe tiếng, có thể xả bỏ tất cả là khéo tư duy, chẳng cầu quả báo thì gọi là chánh kiến. Vì nghe các cấm giới đó là nghe tiếng, chí tâm hộ giới đó là khéo tư duy, nguyện đến Bồ đề gọi là chánh kiến. Vì nghe pháp nhẫn gọi là nghe tiếng, bị đánh mắng chẳng báo trả gọi là khéo tư duy, nguyện đến Bồ đề gọi là chánh kiến. Vì nghe tinh tiến gọi là nghe tiếng, phá hoại giải đãi gọi là khéo tư duy, nguyện hướng Bồ

đề gọi là chánh kiến. Vì nghe tam muội gọi là nghe tiếng, hay tịnh thân tâm là khéo tư duy, nguyện đến Bồ đề là chánh kiến. Vì nghe các trí huệ là nghe tiếng, nghe rồi chánh quán gọi là khéo tư duy, nguyện đến Bồ đề gọi là chánh kiến. Vì nghe Tứ nhiếp pháp gọi là nghe tiếng, nhiếp thủ chúng sanh gọi là khéo tư duy, biết rõ pháp nhiếp thủ ấy không có thủ không có tác rỗng không không sở hữu đây gọi là chánh kiến. Vì nghe pháp Ngũ thông gọi là nghe tiếng, được thân tâm nhẹ gọi là khéo tư duy, nguyện đến Bồ đề gọi là chánh kiến. Nghe Tứ vô ngại gọi là nghe tiếng, tu tập Tứ vô ngại là khéo tư duy, nguyện đến Bồ đề gọi là chánh kiến. Vì nghe pháp Tứ y gọi là nghe tiếng, siêng tu Tứ y gọi là khéo tư duy, nguyện đến Bồ đề gọi là chánh kiến. Nghe Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gọi là nghe tiếng, diễn nói bốn niệm là Tứ niệm xứ, nói về bỏ lìa là Tứ chánh cần, nói về các môn định là Tứ như ý túc, nói vô sở úy là Ngũ căn, nói không hư hoại được là Ngũ lực, nói lìa phiền não là Thất giác phần, nói chơn thiệt biết pháp là Bát chánh đạo, đây gọi là khéo tư duy, chẳng thủ trước đoạn thường đem đạo như vậy nguyện đến Bồ đề đây gọi là chánh kiến.

Nghe pháp Tứ đế gọi là nghe tiếng, biết Khổ là Tập chúng Diệt tu Đạo gọi là khéo tư duy, thấy những pháp như vậy bất sanh bất diệt gọi là chánh kiến. Vì nghe Ba môn giải thoát gọi là nghe tiếng, tin không tam muội chẳng sợ vô tướng chẳng nghi vô nguyên là khéo tư duy, đem pháp như vậy nguyện đến Bồ đề gọi là chánh kiến.

Tu Không tam muội điều tâm thấy rõ, tu tập vô tướng để trừ giác quán, tu tập Vô nguyên vì cầu các cõi đây gọi là chánh kiến.

Nghe pháp phát tâm gọi là nghe tiếng, tu tập đạo Bồ đề là khéo tư duy, tâm Bồ đề bất thối là chánh kiến.

Được thiện tri thức gọi là nghe tiếng, cúng dường thân cận gọi là khéo tư duy, thọ lãnh lời dạy bảo gọi là chánh kiến.

Nghe pháp giới gọi là nghe tiếng, quán pháp giới là khéo tư duy, như pháp mà trụ là chánh kiến.

Thấy Phật Thế Tôn gọi là nghe tiếng, nhớ chư Bồ Tát là khéo tư duy, được đạo cứu cánh gọi là chánh kiến.

Mới đầu nghe tám vạn bốn ngàn pháp môn gọi là nghe tiếng, quán các chúng sanh hành

xú như vậy gọi là khéo tư duy, điều phục tám vạn bốn ngàn các căn gọi là chánh kiến.

Nầy Vô Ngôn ! Tùy theo nhơn duyên gì mà có thể sanh được thiện pháp thì gọi là nghe tiếng. Nghe rồi chẳng rời các thiện nhơn duyên gọi là khéo tư duy. Dem pháp như vậy nguyện đến Bồ đề thì gọi là chánh kiến.

Nầy Vô Ngôn ! Hai pháp như vậy không có sai biệt, đó là khéo tư duy và chánh kiến. Tại sao, vì tất cả pháp bình đẳng vô nhị là khéo tư duy, hay quán bình đẳng là chánh kiến vậy. Không tăng giảm tức là chánh kiến. Không thủ xả tức là chánh kiến. Không có tác và tác giả tức là chánh kiến. Không có giác quán tức là chánh kiến. Không có niệm và niệm xú tức là chánh kiến, không có tạo tác không có tư duy tức là chánh kiến. Không có nhứt không có nhị tức là chánh kiến. Một môn một vị một thừa một hạnh, tánh ấy là một không có các phiền não kiêu mạn v.v..., các kiết sử, không nghe không nói, không cấu không tịnh, tánh pháp giới chẳng phân biệt được, như như bất động, tam thế bình đẳng, không có ngã ngã sở, không có nhơn thọ mạng chúng sanh, không có văn tự không có âm

thanh, không thể tuyên nói, chẳng biết chẳng thấy, trong tất cả pháp được tâm tri túc, xa lìa các tướng dạng, dứt tất cả hỉ lạc giác quán y chỉ, nhẫn đến tán thán Phật mà chẳng có quan niệm là Phật, lúc nhập định quán pháp giới thậm thâm như vậy thì gọi là khéo tư duy. Từ định dậy vì các chúng sanh mà diễn nói pháp giới thậm thâm như vậy thì gọi là chánh kiến”.

Lúc đức Phật nói pháp ấy, có mười ngàn Bồ Tát được chánh kiến như vậy.

Tôn giả Xá Lợi Phất nói với Vô Ngôn Bồ Tát rằng : “Thưa Đại Sĩ ! Theo ai nghe pháp mà được chánh kiến ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Nếu có người chẳng được tâm Bồ đề quá khứ vị lai hiện tại, tôi từ nơi người ấy nghe pháp mà được chánh kiến.

Người quán tam thế bình đẳng, tất cả pháp bình đẳng, nơi tất cả pháp chẳng sanh giác quán, tâm chẳng trụ hữu vi vô vi, xa lìa tất cả tướng chúng sanh mà vì chúng sanh tu tất cả khổ hạnh, cũng xa lìa hai thứ tướng, một là tướng chúng sanh và hai là tâm tướng. Xa lìa hai tiết biết thiết pháp tánh, thiết pháp

tánh là không có không chẳng có, thông đạt tất cả thâm pháp của chu Phật mà chẳng sanh lòng kiêu mạn tự nói là ta biết. Thưa Đại Đức ! Tôi từ người ấy nghe thọ chánh pháp. Người ấy cũng chẳng tuyên nói một chữ mà làm cho tất cả đều thích nghe. Biết pháp chơn thiệt chẳng thể tuyên nói được mà vì chúng sanh tuyên nói đó, ra khỏi thế gian chẳng bị thế gian nhiễm ô, cứu cánh tu tập không có ai biết được là tu cùng chẳng tu. Tôi từ nơi người ấy nghe thọ chánh pháp trụ nơi pháp tánh, nơi chúng sanh tánh chẳng sanh phân biệt. Quán chúng sanh tánh pháp tánh không tánh thấy đều bình đẳng. Tôi ở bên người ấy nghe pháp. Người ấy chẳng ngồi dưới cây Bồ đề, chẳng dậy, chẳng đi, chẳng nghỉ, chẳng nằm, chẳng ngủ, chẳng thức mà được Bồ đề, được Bồ đề rồi trọn chẳng hiện tướng nói là được Bồ đề, tất cả chúng sanh cũng chẳng biết người ấy đã được Bồ đề, không được mà được nên không có tướng được.

Thưa Đại Đức ! Luận về chánh pháp không có quang minh, không có quang minh tức là không có xứ sở, không có xứ sở tức là không có thân, không có thân tức là vô sở úy, vô úy tức là bất xuất, bất xuất tức là bất sanh, bất

sanh tức là bất diệt, bất diệt tức là bất trước, bất trước tức là bất động, bất động tức là bất biến, bất biến tức là không phóng chạy không tối tăm, không phóng không tối tức là không giác quán, không giác quán tức là không thời gian, không thời gian tức là không có các món vật, không vật thì không có tham, không tham tức là tánh thanh tịnh, tánh tịnh ấy chẳng hiệp với phiền não, chẳng hiệp với phiền não thì không điên đảo, chẳng điên đảo thì là bình đẳng, bình đẳng tức là chơn thiệt, chơn thiệt là bất sanh bất diệt, bất sanh bất diệt ấy gọi là từ nhơn duyên, từ nhơn duyên ấy tức là chẳng khứ chẳng lai, chẳng khứ lai tức là không có cảnh giới, không cảnh giới tức là vô cú, vô cú tức là chẳng cuồng, chẳng cuồng ấy tức là không có nghe, không có nghe ấy tức là không có tạo tác, không có tác ấy tức là không có trụ, không trụ ấy tức là không có chữ, không có chữ tức là không có tướng, không có tướng tức là quá tâm ý thức, quá tâm ý thức tức là tịch tĩnh, tịch tĩnh ấy tức là không nhiệt não, không nhiệt tức là không có sân, không sân ấy tức là cứu cánh, cứu cánh tức là không có, không có tức là Niết bàn đây gọi là pháp.

Thưa Đại Đức ! Túc là chánh pháp túc là thuyết pháp túc là nghe pháp túc là chánh kiến.

Thưa Đại Đức ! Luận về người chánh kiến chẳng thấy có thân, hễ thân hành thì bịnh hành, chẳng thấy nơi thấy chẳng sanh tham trước chẳng giác chẳng quán, đây gọi là Phật pháp thánh kiến chánh kiến.

Còn nữa, thưa Đại Đức ! Quán vô minh và ái bình đẳng với giải thoát không có sai biệt, đây gọi là chánh kiến. Chánh kiến như vậy chẳng trước chẳng thủ, đây gọi là thánh kiến.

Còn nữa, thưa Đại Đức ! Quán tham sân và si với không vô tướng và vô nguyện bình đẳng không có hai chẳng thấy nơi tướng thấy tướng không có tướng, đây gọi là thánh kiến. Chẳng thấy một hai bình đẳng tất cả pháp, gọi là thánh chánh kiến.

Còn nữa, thưa Đại Đức ! Nếu có thể quán ngã và chúng sanh bình đẳng, vì chúng sanh bình đẳng nên Như Lai bình đẳng, vì Như Lai bình đẳng nên Phật pháp bình đẳng, vì Phật pháp bình đẳng nên thánh và chúng sanh bình đẳng, vì thánh và chúng sanh bình đẳng nên đại từ bình đẳng, vì đại từ bình đẳng nên hu

không bình đẳng, dùng bất trụ mà trụ bình đẳng như vậy gọi là thánh chánh kiến.

Thưa Đại Đức ! Như tất cả pháp âm thanh cũng như vậy. Như âm thanh tức là thánh kiến tức là chánh kiến.

Thưa Đại Đức ! Thánh chánh kiến cũng không có sanh không có xuất. Nếu không có sanh xuất thì theo ai để nghe pháp !

Tôn giả Xá Lợi Phất nói : “Như tôi hiểu nghĩa của Đại Sĩ nói thì tất cả các pháp không có ngữ ngôn”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Đúng như vậy đúng như vậy, thưa Đại Đức ! Tất cả các pháp thiệt không có ngôn ngữ”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Nếu nói Như Lai thành tựu công đức. Trong lời nói ấy mắc những tội gì ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Nếu có nói như vậy thì phải biết người nói ấy có tội lỗi lớn. Tại sao, vì Như Lai công đức chẳng quyết định vậy, tại sao, vì không phước không tội gọi là Như Lai. Nếu thấy Như Lai có công đức đây gọi là dục, luận về người có dục tức là đại dục. Có dục và đại dục tức là lỗi lầm vậy”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Thế nào được gọi là không tội lỗi ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Như đệ ngũ đại, như đệ thất căn, như đệ thập cửu giới vô xuất vô nhập vô sanh vô diệt, không có tạo tác, không có tâm ý thức mới gọi là không lỗi. Nếu có tri kiến xa lìa chúng tu đây gọi là tội lỗi. Nếu có các giới đây gọi là tội lỗi, nếu không có các giới đây gọi là không lỗi”.

Đức Phật nói : “Lành thay, lành thay, nầy Vô Ngôn ! Đúng như lời ông nói. Lời ông nói đó tức là thiện thuyết”.

Lúc nói pháp nầy, có một vạn hai ngàn Bồ Tát được Vô sanh Pháp nhẫn.

Vô Ngôn Bồ Tát lại bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Như Phật đã nói đại Bồ Tát có bốn thứ lực. Đó là tín lực, tiến lực, niệm lực và huệ lực. Ngưỡng mong đức Như Lai rộng phân biệt nói thế nào gọi là bốn lực của Bồ Tát ?”.

Đức Phật nói : “Nầy Vô Ngôn ! Chí tâm lắng nghe nầy Phật sẽ nói.

Nếu có Bồ Tát ở nơi chánh pháp của Phật thâm tín thuận hiểu chẳng sanh lòng nghi,

đây gọi là tín lực. Nếu siêng năng tinh tiến cầu Phật pháp chẳng nghĩ chẳng thôi chẳng sanh lòng nghi hối, đây gọi là tiến lực. Nếu có Bồ Tát cầu thiện pháp được rồi chẳng mất niệm Bồ đề tâm, thiện căn được làm nguyên đến Bồ đề, đây gọi là niệm lực. Nếu có Bồ Tát nội tâm tư duy chẳng theo lời người rõ biết pháp tánh, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Nếu có tín tâm thân cận thánh nhơn, đây gọi là tín lực. Nếu hay cúng dường thánh nhơn như vậy, đây gọi là tiến lực. Chí tâm nghe thọ lời dạy của thánh nhơn, đây gọi là niệm lực. Nghe thánh pháp rồi như pháp mà trụ, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Tin nghiệp quả đây gọi là tín lực. Đã có lòng tin rồi chẳng làm các việc ác, đây gọi là tiến lực. Thiện nghiệp quá khứ hiện nay vẫn tăng trưởng, đây gọi là niệm lực. Nếu biết các pháp có nhơn có quả, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Nếu tin tâm pháp chẳng thể nói được, đây gọi là tín lực. Nếu nhơn lòng tin nầy mà điều phục tâm, đây gọi là tiến lực. Nếu hay chí tâm, đây gọi là niệm lực. Quán pháp như huyễn, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Nếu thấy pháp không, đây gọi là tín lực. Nếu đoạn dứt tà kiến, đây gọi là tiến lực. Nếu thấy nội ngoại thấy đều không tịch chẳng sanh bổ úy, đây gọi là niệm lực. Nếu hay quán thấy đệ nhút nghĩa không, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Nếu hay quán thấy vô tướng vô nguyên, đây gọi là tín lực. Vì người mà diễn nói vô tướng vô nguyên, đây gọi là tiến lực. Chí tâm quán sát vô tướng vô nguyên, đây gọi là niệm lực. Biết rõ pháp ấy chẳng tuyên nói được, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Hay bố thí tất cả chẳng cầu quả báo, đây gọi là tín lực. Bố thí rồi chẳng hối tiếc cũng chẳng thôi nghĩ thường làm chẳng tuyệt, đây gọi là tiến lực. Lúc thí chí tâm niệm Bồ đề phát nguyện hồi hướng Bồ đề, đây gọi là niệm lực. Chẳng quán tài vật người thí người thọ và quả báo, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Nếu có thọ trì thanh tịnh cấm giới chẳng cầu quả báo, đây gọi là tín lực, chẳng sanh phiền não hủy hoại cấm giới, đây gọi là tiến lực. Tịnh giới như vậy chí tâm hộ trì nguyện hồi hướng Bồ đề,

đây gọi là niệm lực. Quán thân khẩu ý như thủy nguyệt như hương như ảo như diệm v.v..., đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Nếu có tu hành pháp nhẫn nhục chẳng cầu quả báo, đây gọi là tín lực. Nếu có bị đánh mắng hay nhin lạng yên, đây gọi là tiến lực. Vì nhẫn nhục mà tu tâm từ bi bất phóng dật nguyện hướng Bồ đề, đây gọi là niệm lực. Quán thân khẩu ý đều không có gì để nhẫn, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Nếu có rõ biết do siêng năng tinh tiến được Vô thượng Bồ đề chẳng phải do giải đãi, đây gọi là tín lực. Nếu hay điều phục tất cả chúng sanh, hộ trì người nghe thọ, cúng dường chánh pháp, hay vì chúng sanh mà cung cấp phục dịch, hay tịnh Phật độ, đây gọi là tiến lực. Hay làm cho chúng sanh xa lìa giải đãi siêng tu tinh tiến nguyện hướng Bồ đề, đây gọi là niệm lực. Nếu tu tinh tiến chẳng tăng chẳng giảm, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Nếu thích tịch tĩnh lìa nói việc đời, đây gọi là tín lực. Nếu trụ không tịch được tứ thiên và bát giải thoát, đây gọi là tiến lực. Nếu ở nơi các thiên giải

thoát không có thối thất, đây gọi là niệm lực. Nếu quán các thiên vô thường khổ vô ngã, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Nếu nghe các Ba la mật các phẩm trợ đạo tin mà không nghi, đây gọi là tín lực. Nghe rồi vì chúng sanh mà diễn nói, đây gọi là tiến lực. Tâm khéo tư duy, đây gọi là niệm lực. Như pháp mà trụ, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Vì các chúng sanh mà tu tập tâm từ, đây gọi là tín lực. Thương mến chúng sanh làm cho họ lìa khổ, đây gọi là tiến lực. Quan sát pháp rồi lòng được đại hỷ, đây gọi là niệm lực. Với oán thân tâm luôn bình đẳng tu tập đại xả, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, nầy Vô Ngôn ! Quán sát thân nầy do vô lượng thứ ác xấu làm thành gạc găm kẻ phàm phu đường như hình tướng ảo huyền, đây gọi là tín lực. Lúc thọ tử khổ chuyên tâm hệ niệm Phật Pháp Tăng Tam bảo chẳng tiếc thân mạng, đây gọi là tiến lực. Cũng chẳng sanh các tâm ác, tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật, tâm tham, tâm sân, tâm si, tâm tật đố, tâm xan lãn, tâm hủy giới, đây gọi là niệm lực. Nếu quán pháp giới, quán vô ngại trí, cũng

biết quá khứ vị lai hiện tại, đây gọi là huệ lực.

Còn nữa, này Vô Ngôn ! Hỉ gọi là tín, bất thối chuyển gọi là tinh tiến, chẳng cuồng loạn gọi là niệm lực, biết rõ ràng gọi là huệ lực.

Còn nữa, này Vô Ngôn ! Do tín lực mà có được làm, do tiến lực mà việc được cứu cánh, do niệm lực mà không sót mất, do huệ mà có thể nói đúng chánh pháp.

Còn nữa, này Vô Ngôn ! Vì quán lưới nghi nên gọi là tín lực, xa lìa nghi gọi là tiến lực, không còn sanh nghi nữa gọi là niệm lực, nói pháp có thể phá nghi gọi là huệ lực.

Còn nữa, này Vô Ngôn ! Tín Phật pháp đây gọi là tín lực. Vì Bồ đề mà tu hành đây gọi là tiến lực. Được nhu thuận nhẫn đây gọi là niệm lực. Được Vô sanh nhẫn đây gọi là huệ lực.

Này Vô Ngôn ! Tín căn tín lực không có sai biệt, tiến căn tiến lực, niệm căn niệm lực, huệ căn huệ lực cũng như vậy không có sai biệt”.

Đức Phật nói pháp này, có trăm ngàn Bồ Tát được bực Vô sanh nhẫn. Bốn vạn hai ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Lúc ấy trong đại hội có một Bồ Tát tên là Liên Hoa nói với Vô Ngôn Bồ Tát rằng : “Thưa Đại Sĩ ! Vừa rồi Đại Sĩ hỏi Phật. Đức Thế Tôn đã phân biệt giải nói. Đại Sĩ có mừng chăng ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thưa Đại Sĩ ! Tôi cũng chẳng hỏi chẳng nghe một pháp thì thế nào có lòng mừng”.

Liên Hoa Bồ Tát nói : “Thưa Đại Sĩ ! Ngài ở chỗ đức Phật chẳng có nghe pháp sao ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Chư Phật Như Lai đều không có nói, làm sao tôi có nghe. Tại sao, vì tôi chẳng phải là pháp khí vậy”.

Liên Hoa Bồ Tát nói : “Thưa Đại Sĩ ! Nay Ngài chẳng phải là pháp khí, vậy là khí gì ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thưa Đại Sĩ ! Thân tôi nay còn chẳng phải là pháp khí huống là khí khác”.

Liên Hoa Bồ Tát nói : “Nay Đại Sĩ chẳng phải là chơn pháp khí thì làm sao được Vô thượng Bồ đề ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Vô thượng Bồ đề cũng chẳng phải là khí. Này Đại Sĩ ! Nếu rời Phật pháp mà có Bồ đề nên biết là có khí. Tất cả Phật pháp tức là Bồ đề, Bồ đề tức là

Phật pháp. Nầy Đại Sĩ ! Vì thế nếu tôi xa lìa phiền não chẳng thấy Phật pháp chẳng thấy Bồ đề. Phiền não Phật pháp và Bồ đề không có sai biệt. Nếu trong phiền não mà thấy Bồ đề tức là như như kiến. Nếu rời phiền não thấy Bồ đề là điên đảo kiến”.

Liên Hoa Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Thế nào là đảo kiến ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thấy ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, rời ngoài các thứ ấy riêng có tham dục, sân hận, ngu si đây gọi là đảo kiến. Tất cả pháp tánh và Bồ đề tánh không có sai biệt, vô tác vô thọ. Ngã tánh, nhơn tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh tức là tham dục, sân hận, ngu si. Các pháp như vậy tức là Bồ đề đây gọi là như như kiến.

Chính ở trong tứ đại và trong tứ đại sở tạo mà cầu Bồ đề chẳng ở chỗ khác cầu.

Thế nào gọi là cầu ? Lúc cầu chẳng thấy tất cả các vật. Chẳng thấy ấy tức là vô xứ. Vô xứ ấy tức là vô trụ. Vô trụ ấy tức là tánh của tất cả pháp. Tất cả các pháp nếu là vô tánh tức là thiệt tướng. Thiệt tướng ấy chẳng phải thường chẳng phải đoạn gọi là cứu cánh tiết. Nếu có thể thấy được các tiết như vậy, nên

biết người ấy chẳng lưu chẳng tán. Chẳng lưu chẳng tán tức là không sanh diệt, tức là Niết bàn, tức là Chơn như. Tất cả các pháp nếu là như vậy, người được Niết bàn tức là Thánh, nhập vào Niết bàn. Vì vậy nên trong kệ kinh đức Như Lai nói : tự chẳng điều phục có thể điều phục người, tự chẳng giải thoát có thể giải thoát người, tự chẳng tịch tĩnh có thể tịch tĩnh người, tự chẳng Niết bàn làm cho người được Niết bàn thì không bao giờ có lẽ ấy. Nếu tự điều phục rồi khiến người điều phục, tự đã giải thoát khiến người giải thoát, tự đã tịch tĩnh khiến người tịch tĩnh, tự đã Niết bàn khiến người Niết bàn đây thì có lẽ vậy.

Thưa Đại Sĩ ! Đại Bồ Tát tu Bồ đề hạnh hiểu rõ sở hành của tất cả chúng sanh, nơi các pháp tướng và pháp giới chẳng sanh phân biệt. Lúc tu hành tất cả thiện pháp cũng chẳng thấy có các đồ chúng ma. Dầu cầu Phật pháp mà chẳng thấy người cầu. Dầu điều phục chúng sanh mà không thấy ngã và nhơn. Dầu hành các pháp mà phiền não chẳng nhiễm ô. Dầu thuận thế pháp mà chẳng nhiễm thế gian. Dầu mang gánh ngũ ấm cũng không có sở trụ. Dầu lìa các giới mà chẳng động pháp giới. Dầu tu các môn giải thoát mà chẳng thối thất thiện

pháp. Dầu thấy rõ tam giới mà chẳng rời phiền não. Dầu hành Đàn Ba la mật mà chẳng sanh kiêu mạn nhĩ đến hành Bát Nhã Ba la mật cũng như vậy. Dầu tùy theo tất cả hành mà thiết thì chẳng hành nơi tất cả hành. Nếu có thể tu hành các hạnh như vậy thì nên biết là hành Bồ đề đạo. Nơi Bồ đề đạo và Bồ đề hạnh chẳng sanh phân biệt. Nếu tu hành Bồ đề đạo hạnh như vậy thì ở trong các pháp chẳng thấy có ngã không, tham không, sân không, oán không thân không có chướng ngại. Nếu không có chướng ngại thì tức là hạnh vô vi. Nếu hạnh vô vi tức là chọn thiết Bồ Tát vậy”.

Liên Hoa Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Nhơn duyên gì mà gọi là Bồ Tát ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Hay làm cho chúng sanh giác ngộ chỗ chẳng giác ngộ thì gọi là Bồ Tát. Vì hay giác ngộ vô minh thù miên chúng sanh nên gọi là Bồ Tát. Vì diễn thuyết tùy thuận pháp Bồ đề nên gọi là Bồ Tát. Hay làm cho chúng sanh rất thích tịch tĩnh đây gọi là Bồ Tát. Tăng trưởng lời Phật dạy, dụng tràng chánh pháp, hộ niệm Thánh chúng, nơi Bồ đề tâm không có động chuyển, chẳng trụ tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, trọn chẳng bỏ

lìa tâm chí thành phát nguyện cứu cánh, hay độ người chưa độ, hay hiểu người chưa hiểu, vì người không có chỗ nương về hay làm chỗ nương về, hay diệt chỗ chưa diệt, hay điều phiền não mà chẳng lìa phiền não, quán lỗi sanh tử cũng cầu các cõi, tu không tam muội mà chẳng bỏ chúng sanh, tu tập vô tướng mà chẳng bỏ tướng Bồ đề, tu tập vô nguyện mà rất thích các cõi, dầu thích Phật pháp mà ở nơi tham chẳng tham, biết các hữu vi có nhiều tội lỗi mà nơi nội tâm chẳng bỏ hữu vi, dầu lìa các mê tối mà chẳng được đại minh, được đại trí huệ dùng làm giáp mặt và binh khí, rất ưa bố thí phát đại trang nghiêm tịnh Phật thế giới, đầy đủ tịnh giới đầy đủ thế nguyện, đầy đủ nhẫn nhục hay điều phục tất cả chúng sanh chẳng nhẫn nhục, siêng tu tinh tiến cầu bất hoại thân, hay phá hoại Dục giới thích thọ thân cõi Sắc, dầu thọ các cõi mà tâm chẳng hối, khéo biết phương tiện thường tự điều phục cầu Bồ đề, vì các chúng sanh mà tu tập tâm từ, vì trừ khổ cho chúng sanh mà tu tập tâm bi, vì điều người chẳng điều mà tu tập tâm hỉ, chẳng phải cứu cánh xả mà tu tập tâm xả, thông đạt rõ ràng hiểu nghĩa thậm thâm chẳng phải cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác, y nơi

nghĩa nơi pháp nơi kinh liễu nghĩa và trí mà
 pháp vô ngại như gió mạnh, nơi pháp bình
 đẳng như hư không, được đà la ni trì tất cả
 pháp được nghe, lạc thuyết vô ngại khiến người
 thích nghe, chí tâm niệm Phật để tịnh tâm
 niệm, hay đại pháp thí vì đoạn thực thí, chánh
 mạng tự sống oai nghi thanh tịnh, tu vô tránh
 tam muội rất thích tịch tĩnh, ưa điều phục
 chúng sanh là nói lời thế tục, thấy người thích
 thế tục thì quả trách dạy bảo, đủ bảy thánh
 tài tâm ấy nhu nhuyễn, hành bố thí kiên cố
 chẳng thối bỏ, quyến thuộc chẳng hư thân cận
 thiện hữu biết ơn báo ơn, quán nghiệp quá
 khứ tùy theo ý chúng sanh hay phá lòng nghi,
 quán sát sanh tử nhiều tội lỗi, chỗ làm thì
 chí tâm, hiểu tất cả ngũ ngôn, tu tập Đại thừa,
 chẳng nghi Tam thừa, được chúng sanh thích
 thấy theo lời hỏi mà giải thích được vô ngại
 trí, được chư Phật hộ niệm nói đúng thời tiết

chẳng nói nhiều, sáng rõ mát mẻ như thu nguyệt, đầy đủ thiện pháp như trăng tròn, chúng sanh thích thấy như trăng sáng, tăng trưởng thiện pháp như trăng đầu tháng, nhút vị ngọt ngon như trăng nhút vị, quán tất cả pháp như trăng hiện trong nước, thanh tịnh vô cấu như trăng không mờ, dễ cùng nói năng các căn đầy đủ, nơi tất cả pháp như cây cầu hay độ chúng sanh qua bốn dòng nước chảy, vì các chúng sanh mà làm Phật sự, tâm vẫn chẳng động cảnh giới Bồ Tát, do các nghĩa như vậy nên gọi là Bồ Tát”.

Liên Hoa Bồ Tát bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Vô Ngôn Bồ Tát nói thâm pháp như vậy nên biết chẳng lâu sẽ được Vô thượng Bồ đề chuyển pháp luân diệu bửu vô thượng. Nếu có ai hay tin thọ trì pháp của Vô Ngôn Bồ Tát nói thì cũng sẽ được công đức như vậy”.

Đức Phật nói : “Lành thay, lành thay, nầy Liên Hoa ! Như lời ông nói, Vô Ngôn Bồ Tát được huệ đẳng tam muội, vì vậy nếu muốn trong vô lượng kiếp nói nghĩa một câu chẳng thể cùng tận”.

Liên Hoa Bồ Tát bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Ngưỡng mong đức Như Lai rủ lòng thương vì tăng trưởng các thiện pháp chúng sanh, vì trang nghiêm kinh Đại Tập vô thượng mà vì đại chúng khai thị phần ít huệ đẳng tam muội. Nếu Bồ Tát có trí huệ được nghe cũng sẽ được tam muội ấy, được rồi cũng sẽ mau được Vô thượng Bồ đề”.

Đức Phật nói : “Này Liên Hoa ! Chí tâm lắng nghe, Phật sẽ vì ông mà phân biệt nói ít phần.

Huệ đẳng tức là trí đẳng. Trí đẳng tức là phá tối. Không có tối tức là phá nghi, phá nghi tức là huệ đẳng. Huệ đẳng ấy tức là các pháp không có hai tướng vậy.

Này Liên Hoa ! Trí tỏ rõ, trí chẳng nghi, trí chẳng mất, trí chẳng kéo níu, trí chẳng tùy, trí không tối, trí thánh, trí mạnh mẽ lạnh lẽ, trí mau chóng, trí rành rẽ, trí rộng lớn, trí thuần nhứt, trí biết tất cả, trí biết quá khứ, trí biết vị lai, trí biết hiện tại, trí tam thế bình đẳng, trí tam giới, trí ba môn giải thoát, trí tam huệ, trí tam bửu, trí tam thừa, trí tam nhân, trí ba nhơ, trí ba cận, trí ba tụ, trí tâm ý thức, trí ấm nhập giới, trí nhơn duyên hòa

hiệp, trí thấy cứu cánh, trí nhu pháp giới, trí tự tướng, trí đệ nhút nghĩa, trí phương tiện, trí nhút thiết thanh ngữ, trí nhút thiết tự, trí vô ngại, trí ngũ bất hoại, trí hay thuyết pháp, trí thượng trung hạ căn, trí vô tác vô thọ, trí nhút thiết chú, trí nhút thiết y, trí tất cả thế sự, trí trang nghiêm đà la ni, trí nhứt nguyệt tam muội, trí nhập tam muội, trí thánh, trí thánh tam muội, trí kim cương tam muội, trí vô tránh tam muội, trí tâm đẳng tam muội, trí hoại ma tam muội, trí nhứt quang tam muội, trí vô tướng tam muội, trí bửu tràng tam muội, trí nhút thiết pháp môn tam muội, trí nhút thiết pháp khí tam muội, trí vô biên quang tam muội, trí phước đức tam muội, trí vô trụ tam muội, trí lạc kiến tam muội, trí thiện kiến tam muội, trí vô tận khí tam muội, trí cứu cánh tận, nhút thiết trí, vô động trí, trí na la diên tam muội, trí tất cả đều thấy, sáu vạn môn tam muội trí như vậy, lúc xưa ta thấy Phật Nhiên Đăng liền được các môn tam muội như vậy. Các tam muội môn như vậy đều được nhiếp trì tất cả nơi huệ đẳng tam muội.

Nầy Liên Hoa ! Như mặt nhứt mọc lên hay làm bốn việc : một là phóng ánh sáng lớn, hai là trừ diệt tối tăm, ba là hiển bày các sắc tượng,

bốn là hay khiến chúng sanh làm các công việc.

Đại Bồ Tát trụ trong tam muội này cũng hay làm bốn việc : một là xuất đại huệ quang, hai là phá tất cả phiền não tối tăm, ba là chỉ bày các công hạnh cho tất cả chúng sanh, bốn là khai thị cho chúng sanh đạo và phi đạo.

Nầy Liên Hoa ! Ví như bửu châu để trên tràng cao ánh sáng của nó chiếu khắp bốn do tuần, ban cho chúng sanh các thứ vật cần dùng, mà thể tướng của bửu châu vẫn không tăng giảm.

Huệ đẳng tam muội cũng như vậy. Đại Bồ Tát trụ tam muội này dứt hẳn tất cả phiền não tập khí, tịnh giới, tịnh định, tịnh huệ, tịnh thân tâm, tịnh các phương tiện, tịnh đà la ni, tu tập đại bi, phóng đại quang minh chiếu khắp vô lượng chư Phật thế giới, tùy theo ý chúng sanh mà làm các Phật sự. Bồ Tát đều làm các sự việc như vậy mà tướng tánh Bồ Tát vẫn không tăng giảm.

Nầy Liên Hoa ! Ví như hư không dung thọ Phật độ không có chướng ngại. Cũng chẳng chướng ngại tất cả giọt mưa, hỏa tai, thủy tai, phong tai, vô lượng vô biên tất cả chúng sanh.

Huệ đăng tam muội cũng như vậy. Đại Bồ Tát trụ tam muội này vì các chúng sanh nói tất cả pháp không có chướng ngại. Phương tiện giáo hóa tất cả chúng sanh. Vì người có sức thiện hơn mà diễn nói phương tiện khiến họ giải thoát điều phục thành thực. Vì kẻ tà định mà phương tiện diễn nói khiến phá tà định. Vì người không có hơn lành phương tiện diễn nói khiến gieo hơn lành. Người không pháp khí khiến làm pháp khí. Vì người pháp khí phân biệt tuyên nói Vô thượng Bồ đề. Với người cầu Thanh Văn thì phương tiện thuyết pháp cho họ được bốn quả Sa Môn. Với người cầu Duyên Giác thì phương tiện dạy bảo cho họ được Bích Chi Phật đạo. Lại vì các người cầu Nhị thừa ấy phương tiện thuyết pháp tiệm tiến khiến họ đều phát tâm Vô thượng Bồ đề trụ bậc bất thối. Thông đạt tám vạn bốn ngàn pháp môn, vì phá tâm nghi của các chúng sanh mà khai thị phân biệt giải thuyết chánh pháp. Giải thuyết một sự trong vô lượng kiếp chẳng thể cùng tận. Dầu làm vô lượng sự như vậy mà tam muội ấy cũng không có tăng giảm.

Nầy Liên Hoa ! Ví như sức một ngọn đèn lớn hay hiển thị các sắc tượng.

Huệ đẳng tam muội cũng như vậy, Bồ Tát trụ tam muội này, trong một tâm có thể nơi vô lượng thế giới chu Phật thị hiện các loại sắc tượng mà tam muội này không có khuynh động.

Vì vậy, nên trong Tứ niệm xứ, pháp niệm xứ làm đầu, trong Tứ chánh cần chưa sanh thiện pháp hay sanh thiện pháp làm đầu, trong Tứ như ý túc thân tâm tịch tĩnh gọi là đứng đầu, trong Ngũ căn, Ngũ lực thì huệ căn và huệ lực làm đầu, trong Thất giác phần thì trạch pháp làm đầu, trong Bát chánh đạo thì chánh kiến làm đầu. Tất cả hàng ngoại đạo chỗ có những xa ma tha thì tỳ bà xá na làm đầu. Trong Tứ chơn đế thì diệt đế làm đầu. Trong Tứ y thì y nghĩa làm đầu. Trong Tứ vô ngại trí thì nghĩa vô ngại trí làm đầu. Trong Lục thần thông thì lậu tận thông làm đầu. Trong Tứ vô lượng tâm thì bi tâm đứng đầu. Trong tu Phạm hạnh thì trí huệ đứng đầu. Trong các Ba la mật thì Bát Nhã đứng đầu. Trong tất cả Phương tiện thì biết tâm chúng sanh đứng đầu. Trong tất cả các Lực thì xú phi xú lực đứng đầu. Trong Tứ vô sở úy thì thuyết nhứt thiết trí vô úy đứng đầu. Trong Bát cộng pháp thì vô ngại đứng đầu. Trong ba mươi

hai tướng thì vô kiến đánh tướng đúng đầu. Trong tám mươi tùy hảo thì thuyết pháp chẳng luống uổng đúng đầu. Trong trang nghiêm khẩu thì hiểu tất cả ngữ ngôn đúng đầu. Trong trang nghiêm tâm thì phá kiêu mạn đúng đầu. Trong tất cả pháp thì trí huệ đúng đầu. Đây gọi là huệ đẳng tam muội vậy”.

Lúc đức Phật nói pháp ấy, Liên Hoa Bồ Tát và một vạn Bồ Tát được huệ đẳng tam muội. Đại địa khắp Đại Thiên thế giới chấn động sáu cách. Tất cả đại chúng đem hoa hương các thứ kỹ nhạc cúng dường đức Phật Thế Tôn và kính trọng tán thán.

Chư Bồ Tát trong đại hội đều nói rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Từ trước đến nay chúng tôi chưa từng được nghe tên hiệu của tam muội này, huống là được nghe phân biệt rộng nói huệ đẳng tam muội. Nay chúng tôi đều được tam muội ấy nên vì báo ơn mà làm sự cúng dường này. Nếu có người được nghe danh hiệu huệ đẳng tam muội thì có thể được lợi ích lớn chẳng mất tâm Vô thượng Bồ đề”.

Đức Phật nói : “Lành thay, lành thay, đúng như lời các ông nói. Này chư thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh đã ở chỗ vô lượng vô biên

chư Phật vun trồng thiện căn thân cận thiện tri thức rồi sau mới được nghe diễn nói tam muội huệ đẳng này”.

Lúc nói lời trên, trong rún của Phật xuất hiện một Bồ Tát thân màu chơn kim đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi tùy hảo phóng đại quang minh, trừ Phật quang minh không có quang minh nào bằng. Bồ Tát ấy kính lễ chun Phật hữu nhiều bảy vòng quỳ dài chấp tay bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Đức Huệ Kiều Như Lai chuyên ý vô lượng thăm hỏi Thế Tôn đi đứng nhẹ nhàng thân không có bệnh hoạn, đại chúng có an ổn chăng?.

Nay cõi này của tôi có sáu vạn ức chư Bồ Tát đến nghe thọ kinh điển Đại Tập thâm diệu và cũng muốn thấy Vô Ngôn Bồ Tát cùng chư Bồ Tát từ mười phương đến, đồng thời được nghe huệ đẳng tam muội.

Lành thay, lành thay, đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn mong được khai thị khiến các người đến đều được huệ đẳng tam muội trở lại cõi này”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch đức Phật : “Bạch đức Thế Tôn ! Huệ Kiều Như Lai ở phương nào cách đây bao xa, thế giới ấy tên gì, Bồ

Tát này tên là gì, sáu vạn ức chu Bồ Tát ở tại đâu ?”.

Đức Phật nói : “Nầy Xá Lợi Phất ! Thế giới Phật ấy ở phương Đông cách đây số thế giới bằng số cát sông Hằng trong những sông Hằng bằng số cát một sông Hằng. Thế giới tên là Kim Cương Kiên Cẩn, Phật hiệu Huệ Kiều Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nầy Xá Lợi Phất ! Có nhơn duyên gì mà thế giới ấy tên là Kim Cương Kiên Cẩn ?

Nầy Xá Lợi Phất ! Thế giới ấy đất bằng kim cương, do nguyện lực của Huệ Kiều Như Lai làm thành. Thân thể của Phật ấy và thân của Bồ Tát của chúng sanh đều là kim cương nên thế giới ấy có tên như vậy.

Bồ Tát nầy hiệu là Kim Cương Tê. Bồ Tát nầy có thể trong một niệm phá hoại tất cả núi kim cương, thẳng đến vô lượng thế giới chu Phật thị hiện trong rún của chu Phật mà đi ra. Do thần lực của Phật và tự nguyện lực nên hiệu là Kim Cương Tê vậy.

Nầy Xá Lợi Phất ! Vừa rồi ông có hỏi chu Bồ Tát như vậy nay ở tại chỗ nào. Ông nên hỏi Bồ Tát Kim Cương Tê sẽ được giải đáp cho ông”.

Tôn giả Xá Lợi Phất liền hỏi Kim Cương Tê Bồ Tát : “Thưa Đại Sĩ ! Ngài nói sáu vạn ức Bồ Tát ấy, nay ở tại đâu ?”.

Kim Cương Tê Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức ! Như Lai nói Đại Đức là bậc trí huệ đệ nhất, Đại Đức nên dùng thánh trí xem coi chư Bồ Tát ấy ở tại đâu ?”.

Tôn giả Xá Lợi Phất liền dùng thánh trí để xem mà chẳng thấy, liền nói với Kim Cương Tê Bồ Tát rằng : “Thưa Đại Sĩ ! Tôi đã dùng tận thánh trí mà chẳng thấy”.

Kim Cương Tê Bồ Tát nói : “Đồng học của Đại Đức là Tôn giả A Nâu Lô Đà có thiên nhãn đệ nhất nên bảo xem coi ở tại chỗ nào ?”.

Lúc ấy Tôn giả A Nâu Lô Đà dùng thiên nhãn xem khắp Đại Thiên thế giới rồi nói với Tôn giả Xá Lợi Phất : “Tôi dùng thiên nhãn xem mà chẳng thấy được”.

Kim Cương Tê Bồ Tát nói với Tôn giả Xá Lợi Phất : “Bạn đồng học của Đại Đức nếu chẳng thấy được thì chẳng nên gọi là thiên nhãn mà nên gọi là nhục nhãn”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Thiên nhãn của Đại Sĩ có nghĩa là gì ?”.

**Kim Cương Tê Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức !
Thiên nhãn của tôi, những sắc mà hàng Thanh
Văn các ông chẳng thấy được, tôi đều có thể
thấy”.**

**Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi : “Thưa Đại Sĩ !
những sắc gì tôi chẳng thấy được mà Đại Sĩ
thì thấy”.**

**Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Đức !
Nay đại đức có thấy thế giới Kim Cương Kiên
Căn, Phật Huệ Kiều và chúng Bồ Tát ở thế
giới ấy chăng ?”.**

**Tôn giả Xá Lợi Phất nói : “Tôi không thấy,
thưa Đại Sĩ. Tôi chỉ nghe danh mà chẳng được
thấy”.**

**Kim Cương Tê Bồ Tát nói : “Thưa Đại Đức !
Phật độ ấy cùng Phật và chư Bồ Tát cùng các
chúng sanh ở cõi ấy, thiên nhãn của tôi đều
thấy rõ cả. Đây gọi là Bồ Tát thanh tịnh thiên
nhãn.**

**Thiên nhãn như vậy, hàng Thanh Văn và
Duyên Giác không có được”.**

**Lúc nói pháp ấy, có sáu vạn chúng sanh
câu Thanh Văn liền bỏ chí cũ mà phát tâm
Vô thượng Bồ đề, đều nói rằng : nguyện tôi**

được vô ngại Phật nhãn mà chẳng cần chướng ngại nhãn của Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Kim Cương Tê Bồ Tát liền nhập tam muội, do thần thông lực của Phật và tự nguyện lực làm cho đại chúng tất cả đều thấy sáu vạn ức chư Bồ Tát ở tại trong thân Phật ngồi đài liên hoa chí tâm chuyên niệm nghe lời nói của Phật, mà chẳng bức chạm thân Phật, thân của Phật cũng không tăng không giảm không có chướng ngại. Đại chúng thấy rồi, cúng dường cung kính hoan hỉ tán thán sự việc của Như Lai bất khả tư nghị. Đại chúng còn đồng nói rằng : “Thân Như Lai, trí huệ tam muội Như Lai tất cả thấy đều bất khả tư nghị. Tại sao, vì sáu vạn ức chư Bồ Tát đều ở tại trong thân Phật mà không chướng ngại”.

Quan sát đại chúng, Kim Cương Tê Bồ Tát nói : “Thưa đại chúng ! Các Ngài chẳng biết thân Như Lai như hư không chẳng ? Thân Như Lai là thân vô biên, là thân không chướng ngại, là thân rộng, là thân pháp, là thân không có tướng mạo, là thân vô lượng.

Thưa đại chúng ! Đức Như Lai nếu muốn nập tất cả vật như là quốc độ, thành ấp, thôn xóm, tụ lạc, núi sông, cây cỏ, để trong thân

cũng không có chuống ngại, vì vậy nên Như Lai bất khả tư nghị.

Thưa đại chúng ! Mười phương thế giới vô lượng tịnh độ vô lượng Bồ Tát đến chỗ Như Lai nghe kinh Đại Tập thành tựu diệu sắc đủ hai mươi tám tướng đại nhơn, đức Như Lai cũng nạp để trong thân của mình. Tại sao, vì nếu để chúng sanh cỡi Ta Bà này cả đến hàng Đế Thích, Phạm Thiên, các Thiên Vương mà thấy thì họ sẽ hổ thẹn, vì vậy mà chẳng cho thấy một người”.

Lúc ấy do công đức lực của Phật và oai thần lực của Kim Cương Tê Bồ Tát đều làm cho đại chúng thấy sáu vạn ức chư Bồ Tát ấy từ một lỗ lông của Phật đi ra. Ra rồi lễ Phật hữu nhiễu bảy vòng rồi ngồi một phía.

Kim Cương Tê Bồ Tát bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Nhơn duyên gì mà Vô Ngôn Bồ Tát có tên là Vô Ngôn ?”.

Đức Phật nói : “Nầy Kim Cương Tê ! Ông tự nên hỏi Vô Ngôn Bồ Tát, ông ấy sẽ giải đáp cho ông”.

Kim Cương Tê Bồ Tát liền hỏi Vô Ngôn Bồ Tát : “Thưa Đại Sĩ ! Nhơn duyên gì mà Ngài tên là Vô Ngôn ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nín lặng. Hỏi lần thứ hai lần thứ ba, Vô Ngôn Bồ Tát vẫn nín lặng như vậy.

Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Sao Ngài không đáp ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Tôi tìm ngôn từ trọn không thể được, vì vậy nên tôi nín lặng không có tuyên nói”.

Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Nếu tìm ngôn từ không thể được sao lại có lời nói là không thể được ấy ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thưa Đại Sĩ ! Tôi đáp tất cả Phật ngữ, tất cả thế ngữ.

Thế nào gọi là đáp Phật ngữ ?

Tôi dùng niệm lực thọ trì chỗ nói của tất cả chư Phật chẳng quên chẳng mất mà trọn chẳng thấy âm thanh tự cú, vì lưu bố mà tuyên nói đó, cũng vì chúng sanh phá hoại âm thanh tự cú ấy mà diễn thuyết pháp.

Thế nào gọi là đáp thế ngữ ?

Hiểu các loại ngôn ngữ âm thanh của tất cả chúng sanh, tùy theo ngữ ngôn của họ mà diễn thuyết pháp”.

Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Ngài có thể tùy thuận thuyết pháp như vậy từ bao lâu rồi ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Tôi từ lúc trừ diệt giác quán thì có thể tùy thuận thuyết pháp như vậy”.

Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Do nhơn duyên gì mà thuyết pháp như vậy ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Nếu không có giác quán thì âm thanh làm sao phát xuất. Vì nhơn duyên ấy mà thuyết pháp như vậy”.

Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Luận về âm thanh phát xuất ấy, là từ thân phát xuất hay từ nơi tâm phát xuất ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Luận về âm thanh thì nó chẳng ở thân và tâm. Tại sao, vì thân như cỏ cây còn tâm thì như ảo hóa, do các nhơn duyên có âm thanh phát xuất. Nếu từ nhơn duyên mà phát xuất tức là vô thường. Nếu là vô thường tức là vô định. Vô thường vô định tức là rỗng không không có. Luận về âm thanh ấy dường như hư không chẳng thể nhìn thấy được chẳng thể tuyên nói được, như hư không tất cả các pháp cũng như vậy. Nếu âm thanh không có thì pháp do âm thanh biểu

thị cũng không có. Vì âm thanh rỗng không nên tất cả pháp rỗng không. Vì âm thanh tịch tĩnh nên tất cả pháp tịch tĩnh. Vì âm thanh chẳng thấy được nên tất cả pháp cũng chẳng thể thấy. Vì âm thanh chẳng xuất sanh nên tất cả pháp cũng chẳng xuất sanh. Nếu chẳng xuất sanh thì không khứ lai. Nếu không khứ lai thì là thậm thâm mười hai nhơn duyên. Thậm thâm mười hai nhơn duyên không tạo tác không hệ thuộc. Nếu không có tác thuộc thì không có sanh xuất. Không sanh không xuất tức là câu không có. Nếu là câu không có tức là chẳng sanh nhãn sắc và thức, chẳng sanh nhĩ thanh và thức, chẳng sanh tỷ hương và thức, chẳng sanh thiệt vị và thức, chẳng sanh thân xúc và thức, chẳng sanh ý, pháp và ý thức. Không có các khổ sanh lão bệnh tử. Không có quan niệm nhứt nguyệt quang minh oán thân, dứt tất cả hành, khó nhìn thấy được, chẳng gần chẳng xa”.

Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Thưa Đại Sĩ ! Các lời nói như vậy là nói những gì ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Như vậy tức là cứu cánh chẳng xuất”.

Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Những gì gọi là cứu cánh chẳng xuất ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Chẳng gần chẳng xa là cứu cánh chẳng xuất”.

Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Những gì gọi là chẳng gần chẳng xa ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Tức là hư không vậy. Nếu thấy các pháp như hư không thì gọi là bình đẳng”.

Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Do nghĩa gì mà gọi tất cả pháp như hư không ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Pháp quá khứ không có chung cánh, pháp vị lai và pháp hiện tại cũng không có chung cánh. Tam thế vô chung tức là thiết tướng tức là không có hai. Luận về hai ấy tức là nhãn sắc, nhĩ thanh, tỷ hương, thiết vị, thân xúc, ý pháp. Nếu có hai tức là nói được. Nếu không hai tức là chẳng nói được. Chẳng nói được tức là không có thức không có tâm không có ý. Vì nghĩa ấy nên chẳng tuyên nói được.

Luận về có nói được tức là hai pháp, còn chẳng nói được tức là không hai”.

Kim Cương Tê Bồ Tát hỏi : “Ai làm hai ấy ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Luận về không hai thì chẳng có thể làm hai, mà hai cũng chẳng có thể làm không hai. Như vững chắc chẳng thể làm mỏng manh, mà mỏng manh cũng chẳng thể làm vững chắc. Pháp sanh tử chẳng thể làm không hai, pháp Niết bàn chẳng thể làm hai. Tánh chánh kiến chẳng làm tà kiến, tánh tà kiến chẳng làm chánh kiến”.

Kim Cương Tê Bồ Tát bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Vô Ngôn Bồ Tát phạm có giải thuyết tợ như đã được huệ đẳng tam muội như vậy”.

Đức Phật nói : “Lành thay, lành thay, nầy Kim Cương Tê ! Ông cho rằng Vô Ngôn Bồ Tát chẳng được huệ đẳng tam muội chẳng ?”.

Lúc đó chư Bồ Tát chúng của Huệ Kiêu Như Lai ở Kim Cương Kiên Căn thế giới hỏi Vô Ngôn Bồ Tát : “Thưa Đại Sĩ ! Ngài trụ địa nào có thể đáp như vậy ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Nhu lời Phật có nói Bồ Tát trụ giới địa thì có thể đáp như vậy”. Chư Bồ Tát nói : “Lành thay, lành thay, thưa Đại Sĩ ! Mong được giải nói giới địa như vậy”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Nếu không có thân trụ tâm trụ ý trụ nội trụ ngoại trụ và nội ngoại trụ tức là trụ nơi giới vậy.

Nếu vô tướng vô mạng vô tác vô hành tức là trụ nơi giới vậy.

Nếu Bồ Tát trụ giới như vậy tức là vô trụ. Nếu là vô trụ thì hẳn chẳng quan niệm rằng tôi hay phát ra tiếng có chỗ diễn thuyết.

Thưa chủ Đại Sĩ ! Như các Ngài có hỏi trụ tại địa nào có thể đáp như vậy ? Tôi trụ pháp tánh thiết tướng pháp giới nên có thể đáp như vậy. Nếu biết pháp chơn thiết như vậy thì không giác quán, nếu không giác quán thì làm sao có nói”.

Chu Bồ Tát hỏi : “Lúc nói như vậy là nói những gì ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Lúc nói như vậy là nói hai pháp. Đó là diệt tận và bất xuất, là quá khứ và vị lai, vì hiện tại chẳng trụ nên chẳng nói được.

Pháp quá khứ chẳng thể duyên lấy, pháp vị lai và pháp hiện tại cũng như vậy. Giả như có người ở nơi pháp tam thế mà duyên lấy có tướng tức là điên đảo. Vì vậy nên nghĩa của tất cả pháp chẳng thể tuyên nói được. Nghĩa

của tất cả pháp thân khẩu ý v.v... chỗ chẳng nói được. Tại sao, vì không nghiệp không tác không có sắc mao không có khẩu nghiệp không có giác quán, vì như vang như hóa.

Chu Phật và Bồ Tát phàm có ngôn thuyết đều trái nghịch thế ngữ, vì vậy nên chu Phật chu Bồ Tát bất khả tư nghị. Chu Phật chu Bồ Tát chỗ có trí huệ bất khả tư nghị bất khả cùng tận, chẳng động pháp giới”.

Chu Bồ Tát đồng lên tiếng tán thán Vô Ngôn Bồ Tát : “Lành thay lành thay, Vô Ngôn Bồ Tát khéo có thể phân biệt pháp môn như vậy làm cho chúng tôi được lợi ích lớn và được thấy vô lượng đại Bồ Tát như vậy”.

Kim Cương Tê Bồ Tát nói với Vô Ngôn Bồ Tát rằng : “Thưa Đại Sĩ ! Tôi muốn cùng Ngài trở về Kim Cương Kiên Cản thế giới để lễ kính cúng dường Huệ Kiều Như Lai”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Kim Cương Kiên Cản thế giới tức là nơi đây Ta Bà thế giới, Huệ Kiều Như Lai tức là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, tôi cần gì qua thế giới kia”.

Kim Cương Tê Bồ Tát nói : “Phật thế giới này đất chẳng phải kim cương, sao lại nói tức là thế giới kia”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thần thông của Ngài có thể phá hoại vô lượng núi kim cương đi thẳng qua vô ngại. Nay Ngài thử phá hoại vi trần cõi này. Như vi trần này bị phá hoại vậy sau mới biết tên hiệu Ngài là Kim Cương”.

Nói xong, Vô Ngôn Bồ Tát liền nhập kim cương tam muội biến hết cõi này tất cả núi rừng cỏ cây vi trần đều là kim cương.

Kim Cương Tê Bồ Tát tận thần lực mình nhả đến chẳng phá hoại được một vi trần.

Kim Cương Tê Bồ Tát bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Thần lực của tôi có thể phá hoại tất cả thế giới kim cương và các núi vách. Do có gì nay ở cõi này nhả đến chẳng hoại được một vi trần, là do thần lực của Như Lai hay là do đạo lực của Vô Ngôn Bồ Tát ?”.

Đức Phật nói : “Này Kim Cương Tê ! Đây là do Vô Ngôn Bồ Tát nhập kim cương tam muội, vì sức tam muội ấy làm cho Đại Thiên thế giới này tất cả sở hữu đều là kim cương, nếu muốn lại làm cho vô lượng thế giới làm kim cương sức tam muội ấy cũng có khả năng”.

Kim Cương Tê Bồ Tát bạch rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Bồ Tát có đủ mấy pháp thì có thể được tam muội ấy ?”.

Đức Phật nói : “Đại Bồ Tát có bốn pháp thì có thể được kim cương tam muội như vậy : một là chí tâm niệm Bồ đề, hai là thiện pháp được làm thì cứu cánh, ba là chí tâm trang nghiêm thiện pháp nguyện hướng Bồ đề, bốn là có thể quán mười hai nhơn duyên.

Còn có bốn pháp : một là thành tựu thần thông, hai là tu ba môn giải thoát, ba là trì giới tinh tiến thường quán pháp giới, biết tất cả pháp không có căn bản, không có giác quán chẳng tuyên nói được, bốn là biết nghĩa biết thời biết thiết biết tất cả pháp thấy đều bình đẳng.

Còn có bốn pháp : theo tâm đại bi cầu đại trí huệ, hai là theo thiện phương tiện cầu ba mươi bảy pháp trợ Bồ đề, ba là theo tâm đại từ quán tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng, bốn là từ tâm xả quán tứ chơn đế.

Còn có bốn pháp đó là thân nghiệp khẩu nghiệp ý nghiệp và Bồ đề tâm chẳng bị trở ngại hư hoại đều như kim cương.

Này Kim Cương Tê ! Đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ những pháp như vậy thì có thể được kim cương tam muội”.

Lúc đức Phật nói pháp ấy, sáu vạn ức Bồ Tát đều được kim cương tam muội.

Bấy giờ Vô Ngôn Bồ Tát thưa cha mình là Su Tử Tướng Quân rằng : “Thưa Tôn Trưởng ! Phật xuất-thế tức là đầy đủ vô lượng công đức, khối đại công đức tức là Như Lai.

Lúc Phật xuất thế vô lượng chúng sanh được đại lợi ích, đại lợi ích ấy tức là Niết bàn. Luận về Niết bàn ấy thường chẳng biến đổi. Có sao Tôn Trưởng chẳng phát tâm Vô thượng Bồ đề ?”.

Người cha đáp rằng : “Lúc ta sơ sanh đã phát tâm vô thượng Bồ đề rồi.

Lúc ấy cũng có vô lượng chư Thiên đến bảo rằng :

Như Ngài vậy không có khác. Sự việc như vậy chỉ có Phật chúng biết.

Quyển thuộc theo Su Tử Tướng Quân số đủ năm trăm người đều phát tâm Vô thượng Bồ đề”.

Vô Ngôn Bồ Tát khen quyển thuộc mình : “Lành thay, lành thay, khéo có thể trang nghiêm tâm Bồ đề”.

Các quyển thuộc hỏi : “Thế nào gọi là trang nghiêm tâm Bồ đề ?”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Có bốn mươi sự trang nghiêm tâm Bồ đề.

Những gì là bốn mươi ? Đó là :

Tin Phật chẳng nghi. Chẳng động pháp giới. Cúng dường Thánh chúng. Thân cận thiện hữu. Noi chư Bồ Tát quan niệm là y vương. Noi các chúng sanh tâm mình bình đẳng. Cúng dường cung kính các Sư trưởng, Hòa thượng, cha mẹ có đức. Thuận thọ lời dạy bảo của các bậc ấy. Hộ pháp, cầu pháp, chí tâm nghe pháp. Đã thọ trì rồi vì người diễn nói rộng. Cúng dường cung kính người hộ pháp. Vì người thuyết pháp chẳng có ý tham. Phá hoại kiêu mạn. Biết ơn báo ơn. Thường khéo tư duy. Như pháp mà trụ. Hay xả thí vật khó xả thí. Chí tâm hộ giới. Tinh tiến siêng tu tất cả pháp lành. Đầy đủ thành tựu công đức trang nghiêm. Tâm không tật đố. Hộ trì chúng sanh. Phòng ngừa chế ngự phiền não. Điều phục tâm mình và tâm người. Điều phục chúng sanh. Hay dứt phiền não. Tri túc tịch tĩnh. Tu tịnh phạm hạnh. Chẳng dứt giống Thánh. Thế pháp chẳng ô nhiễm. Cúng dường cung kính người thuyết

pháp. Tùy thuận thế gian. Xa lìa giải đãi. Không có phóng dật. Chẳng cầu tâm Bồ đề hạ thừa. Tâm Vô thượng Bồ đề trọn chẳng động chuyển. Ở tại sanh tử lòng chẳng nhàm hối. Xa lìa tất cả pháp bất thiện. Đầy đủ tất cả diệu pháp thuần thiện. Trang nghiêm phạm hạnh. Đây gọi là bốn mươi sự trang nghiêm tâm Vô thượng Bồ đề vậy”.

Sư Tử Tướng Quân nói với Vô Ngôn Bồ Tát : “Đại Sĩ nên luôn luôn thường thị hiện thân mình để cho chúng ta chẳng thối tâm Vô thượng Bồ đề”.

Vô Ngôn Bồ Tát nói : “Thưa Tôn Trưởng ! Nếu có đủ mười pháp thì thường được thân cận Phật và Bồ Tát. Những gì là mười ? Đó là :

Tự xả bỏ vật vui thích của mình để ban cho chúng sanh. Tu tập nhẫn nhục hộ trợ kẻ vô lực. Thường khuyên chúng sanh tu tập thiện pháp. Hóa đạo tất cả xu hướng Bồ đề. Nguyên cho chúng sanh trước được Vô thượng Bồ đề, tôi sẽ cúng dường nghe họ thuyết pháp thọ trì ủng hộ rồi sau tôi sẽ thành đạo vô thượng. Biết thiện pháp tánh. Vì hộ pháp mà chẳng tiếc thân mạng. Nghe thâm pháp giới chẳng sanh kinh sợ. Quán không có Bồ đề không có

người được. Quán mình bình đẳng tất cả chúng sanh cũng bình đẳng. Do chúng sanh bình đẳng quán pháp giới cũng bình đẳng. Do pháp bình đẳng quán hư không bình đẳng. Quán sanh tử khổ cũng chẳng bỏ lìa. Thấy lỗi sanh tử lòng không thối hối. Đầy đủ các thiện pháp như vậy thì thường thấy chư Phật chư Bồ Tát và thường thân cận”.

Lúc nói pháp ấy, tướng quân và quyến thuộc được nhu thuận hẳn.

Đức Phật bảo Tôn giả A Nan : “Này A Nan ! Ông nên thọ trì đọc tụng thơ tả kinh điển như vậy. Tại sao, trong kinh điển này phân biệt điển nói tất cả pháp tướng, cũng làm cho vô lượng vô biên chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Này A Nan ! Nếu có người ở chỗ vô lượng chư Phật trồng các thiện căn, người ấy mới có thể ở nơi kinh này thọ trì đọc tụng biên chép rộng phân biệt nói nghĩa ấy. Người thọ trì kinh này có ba sự : quyết định phát tâm Vô thượng Bồ đề, hai là tâm bất thối, ba là hay hộ trì chánh pháp”.

Đại chúng nghe lời này, có bảy na do tha Bồ Tát đứng dậy bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi có thể sau khi Như Lai diệt độ thọ trì đọc tụng thơ tả kinh này”.

Vô Ngôn Bồ Tát bạch Phật rằng : “Bạch đức Thế Tôn ! Như Lai Thế Tôn được những pháp gì mà khiến chư Bồ Tát này thọ trì đọc tụng thủ hộ ?”.

Đức Phật nói : “Này Vô Ngôn ! Nếu có thể hộ người trì pháp ấy tức là hộ pháp. Đó là người biên chép người đọc tụng người giải nói văn tự. Văn tự nói được còn pháp thì chẳng nói được.

Này Vô Ngôn ! Có hai hạng người có khả năng hộ pháp, đó là người như pháp mà trụ và người tụng văn tự này. Nếu không có văn tự pháp chẳng thể nói được”.

Nghe Phật nói xong, tất cả đại chúng và Su Tử Tướng Quân các quyến thuộc chư Thiên thế nhơn đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

PHÁP HỘI VÔ NGÔN BỒ TÁT

THỨ NĂM MƯƠI SÁU

HẾT TẬP VIII



MỤC LỤC

LII. PHÁP HỘI BỬU NỮ - THỨ NĂM MƯƠI HAI	1
<i>(Hán bộ từ quyển 130 đến quyển 131)</i>	
LIII. PHÁP HỘI BẤT THUẦN BỐ TÁT	
- THỨ NĂM MƯƠI BA.....	89
<i>(Hán bộ quyển 132)</i>	
LIV. PHÁP HỘI HẢI HUỆ BỐ TÁT	
- THỨ NĂM MƯƠI BỐN.....	131
<i>(Hán bộ từ quyển 133 đến quyển 136)</i>	
LV. PHÁP HỘI HƯ KHÔNG TẠNG BỐ TÁT	
- THỨ NĂM MƯƠI LĂM	331
<i>(Hán bộ từ quyển 137 đến quyển 141)</i>	
LVI. PHÁP HỘI VÔ NGÔN BỐ TÁT	
- THỨ NĂM MƯƠI SÁU	575
<i>(Hán bộ từ quyển 142 đến quyển 143)</i>	



KINH ĐẠI BẢO TÍCH

TẬP VIII



Việt dịch: **Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH**

Chịu trách nhiệm xuất bản: **NGUYỄN THANH XUÂN**
Biên tập : **NGUYỄN TƯỜNG LONG**
Trình bày : **CHÚC THANH - CHÚC TỊNH**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

17 Lý Nam Đế - Hà Nội

ĐT: 04.7472831 - Fax: (04).7472830

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm. Tại **Công Ty Cổ Phần IN KHÁNH HỘI** (27 Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM). Giấy phép xuất bản số: 52-466/XB-QLXB cấp ngày 16.4.2004. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2004.



NAM MÔ HỘ PHÁP VI ĐÀ TÔN THIÊN BỒ TÁT

